



GS. HOÀNG CHUONG (Chủ biên)
NGUYỄN CỐ

bài chòi và dân ca

LIÊN KHU 5



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

GS. HOÀNG CHƯƠNG (*Chủ biên*)
NGUYỄN CÓ

BÀI CHƠI VÀ DÂN CA

LIÊN KHU 5

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ - THÔNG TIN

Lời đầu sách

Nam Trung Bộ - mà trong kháng chiến chống Pháp còn được gọi là Liên khu 5 - miền đất nghèo về kinh tế nhưng lại giàu về văn hóa, nhất là văn hóa dân gian, trong đó có ca dao dân ca và nghệ thuật Bài Chòi - một hình thức nghệ thuật biểu diễn độc đáo được nhân dân trong miền vô cùng yêu thích.

Từ năm 1963, nhóm nghiên cứu chúng tôi gồm: Hoàng Chương, Trương Đình Quang, Trần Việt Ngữ đã sưu tầm và giới thiệu tập **"Dân ca miền Nam Trung Bộ"** (NXB Văn hóa ấn hành). Do hoàn cảnh đất nước chia cắt lúc bấy giờ nên việc sưu tầm tư liệu còn khó khăn, do đó tập sách này mới là bước đầu giới thiệu một phần nhỏ của nền dân ca vô cùng phong phú ở miền đất Liên khu 5.

Sau ngày đất nước thống nhất (tháng 4 năm 1975) các cơ quan văn hóa địa phương đã lần lượt cho ra đời những tập: **"Dân ca Nghệ An"**, **"Dân ca đất Quảng"**, **"Dân ca Phú Khánh"** và nhiều tập dân ca khác giới thiệu âm nhạc dân gian và dân ca Bài Chòi của các tác giả: Hoàng Lê, Trần Hồng, Trương Đình Quang, Nguyễn Kiểm, Phan Ngạn...

Năm 1998, chúng tôi có xuất bản cuốn **"Bài Chòi và Dân ca Bình Định"**. Tuy vậy, những tập sách này vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu tìm hiểu dân ca địa phương của hàng triệu người ở miền Nam Trung Bộ. Để góp phần phục vụ nhu cầu của người đọc, trong đó có học sinh, sinh viên, chúng tôi tiếp tục sưu tầm và giới thiệu tập **"Bài Chòi và Dân ca Liên khu 5"** trên cơ sở tư liệu đã sưu tầm và có tham khảo thêm các công trình và tư liệu của các tác giả ở các tỉnh Nam Trung Bộ, cùng với sự hỗ trợ tích cực của nhà giáo Nguyễn Có và Nghệ sĩ Ưu tú Đỗ Ngọc Liên.

Tuy đã cố gắng, nhưng chắc chắn cuốn **"Bài Chòi và Dân ca Liên khu 5"** chưa thể đáp ứng đủ mong đợi của những người quan tâm tới loại hình văn học và nghệ thuật dân gian đặc sắc này ở Nam Trung Bộ.

Chúng tôi chân thành cảm ơn nhà báo Võ Thành Tân - Tổng Giám đốc Doanh nghiệp sách Thành Nghĩa đã hỗ trợ cho tập sách này ra đời, cảm ơn những người đã cung cấp cho chúng tôi tư liệu để làm sách. Chúng tôi cũng rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của bạn đọc để bổ khuyết cho lần tái bản tới của tập **"Bài Chòi và Dân ca Liên khu 5"**.

G.S. HOÀNG CHƯƠNG

Lời cảm tạ

Tập sách này được ra mắt bạn đọc là nhờ sự giúp đỡ hết lòng của bạn bè xa gần, của nhà tài trợ, phát hành, của các cơ quan in ấn - xuất bản.

Nhóm sưu tầm, biên soạn chúng tôi chân thành cảm tạ:

- Quý bạn đã động viên, khích lệ, góp tài liệu tham khảo:
- + Cố Bố Xuân Đồng (Bắc Bình, Bình Thuận)
- + Đặng Phú Sĩ - Huỳnh Tấn Phú (Qui Nhơn - Bình Định)
- + Trần Đình Thân (Phan Rang, Ninh Thuận)
- + Nhiều đồng chí khác...
- Nhà tài trợ đầy nhiệt tình: Võ Thành Tân
- Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin
- Công ty cổ phần in Bến Tre.

Một lần nữa xin đa tạ!

NHÓM SƯU TẦM, BIÊN SOẠN

PHẦN I

**BÀI CHÒI - MỘT NGHỆ THUẬT
DÂN GIAN ĐẶC SẮC**

Cũng như các loại hình dân ca kịch khác: Ca Huế, Ví Dặm Nghệ Tĩnh, Dù Kê - Ru Băm ở Tây Nam Bộ, Bài Chòi cũng ra đời từ các trò diễn xướng dân gian ở Nam Trung Bộ, mà các nhà nghiên cứu cho rằng cái nôi của nó là Bình Định, từ Bình Định lan toả khắp mọi nơi và trở thành món ăn tinh thần quen thuộc đối với nhân dân lao động ở khúc ruột miền Trung này. Cho đến nay, Bài Chòi đã trở thành một loại hình nghệ thuật được nhân dân cả nước yêu thích bởi chất nhạc và lời ca của nó tươi khoẻ, trong sáng và đậm nét trữ tình.

Tiền thân của sân khấu ca kịch Bài Chòi là trò chơi đánh Bài Chòi:

*Rủ nhau đi đánh Bài Chòi
Để con nó khóc, mà lời rộn ra.*

Đánh Bài Chòi là hình thức lời cuốn nhất đối với nhân dân lao động trong những ngày lễ, tết. Hình thức đánh Bài Chòi khá đơn giản, được kết cấu bằng chín cái chòi và một "trung tâm" (có thể tạm gọi trung tâm này là "sân khấu đất"). Những người mua "thẻ" chơi bài được ngồi trong các chòi để lắng nghe câu hát của anh Hiệu (người làm trò) trên cơ sở tên của những con bài. Xin nói rõ thêm, bộ bài

gồm 30 cặp được vẽ những hình tượng mang tính tượng hình và có ghi những cái tên rất ước lệ như: Nhứt nọc, Nhì nghèo, Tam quăng, Tứ móc, Nhất trò, Chín cu, Ngũ trọt, Bạch huê, Cửu điều, Bảy thưa, Ngũ rốn...

Cách sắp xếp con bài thành một hệ thống gồm 30 cặp (gọi là quân), chia làm ba pho:

- Pho *Vạn* gồm 9 cặp: Nhất trò, Nhì bí, Tam quăng, Tứ ghế, Ngũ trọt, Lục trạng, Thất vung, Bát bông, Cửu chùa.

- Pho *Văn* gồm 9 cặp: Nhất gối, Nhì bánh, Ba bụng, Tứ tượng, Ngũ rốn, Sáu xướng, Bảy liễu, Tám miếu, Chín cu.

- Pho *Sách* gồm 9 cặp: Nhất nọc, Nhì nghèo, Ba gà, Tứ xách (hay bốn hột), Ngũ dục, Sáu hường, Bảy thưa, Tám dây, Cửu điều.

Ngoài 3 pho (27 cặp nói trên) còn có 3 cặp:

Lão, Thang, Chi

Lão có Ông âm

Thang có Thí tử

Chi có Bạch huê.

Đặc biệt, trong con bài không có một chữ nào cả mà toàn là hình vẽ như kiểu tượng trưng và siêu thực - Trong bộ bài có con "nhứt nọc" biểu hiện Linghe và "Bạch huê" biểu hiện Yoni, thật lạ. Qua hình thức và nội dung những con bài, ta có thể đoán trò chơi Bài Chòi ra đời từ thuở xa xưa có tới hàng trăm năm trước, đã tồn tại trong dân gian rất lâu đời. Người quân trò, hoặc cũng có thể tạm gọi là "đạo diễn" cuộc chơi Bài Chòi được mang tên là anh "Hiệu".

Điều đáng lưu ý là anh Hiệu có vai trò làm cho cuộc vui thêm vui, thêm hào hứng, cuốn hút người chơi. Một anh Hiệu có tài thường thuộc lòng cả hàng trăm câu thơ,

bài hát dân ca, hò vè, lại còn có biệt tài ứng khẩu linh hoạt, diễn xuất có duyên, đôi khi còn vận dụng cả nội dung và làn điệu của hát tuồng vào diễn. Đánh bài là một trò vui xuân mang tính tập thể và đậm chất dân gian. Tuy, trong cuộc chơi có tổ chức ăn tiền, nhưng cái cốt lõi là để mua vui¹. Ở đây không có chuyện sát phạt nhau như các kiểu chơi bài bạc. Cho nên chưa có ai khuynh gia bại sản vì Bài Chòi và cũng chẳng có ai giàu lên nhờ chơi Bài Chòi. Kẻ thắng người thua đều vui vì đã được tham dự một sinh hoạt văn hoá mang tính cộng đồng. Vì thế không ai xếp cuộc chơi Bài Chòi trong phạm trù bài bạc. Người tham gia "đánh Bài Chòi" là tham gia sinh hoạt văn hoá, tham gia trò diễn xướng dân gian mang tính sân khấu rõ rệt. Yếu tố sân khấu trong "đánh Bài Chòi" ngày càng rõ nét khi các nghệ nhân không ngừng sáng tạo trong diễn xuất từ những câu ngắn đến dài, từ một người diễn (anh Hiệu) đến nhiều người tham gia, từ chỉ có hô xướng đến bài bản và động tác phức tạp. Trong nghệ thuật cải lương người ta gọi là "Ca ra bộ". Bài Chòi cũng giống như vậy.

Những năm gần đây ở Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ngãi đã phục hồi lại trò chơi "đánh Bài Chòi" trong những ngày Tết, những ngày lễ hội được đông đảo mọi người tham gia.

¹ Thực ra chỉ là như mua vé cuộc chơi, có khi trúng thưởng, có khi không và vẫn thu hút đông đảo người tham gia. Đặc biệt ở Hội An gần đây liên tục diễn ra các cuộc chơi "đánh Bài Chòi" không có chòi nhưng vẫn rất hấp dẫn bởi người diễn (anh Hiệu) hát rất hay, làm động tác sống động, có duyên. Hiện nay chỉ còn một anh Hiệu cao niên còn sống đó là NSƯT Đỗ Ngọc Liên, 86 tuổi. Ông từ một anh Hiệu chơi Bài Chòi trở thành ông bầu gánh Bài Chòi ở Bình Định rồi lại trở thành diễn viên tuồng xuất sắc của Đoàn tuồng Liên khu 5. Qua NSƯT Tư Liên (Đỗ Ngọc Liên) chúng tôi tìm hiểu được nhiều về lịch sử và nghệ thuật của bộ môn ca kịch Bài Chòi từ trò chơi "đánh Bài Chòi" đến "Bài Chòi chiếu" (sân khấu chiếu) rồi đi tới sân khấu gỗ tức là Bài Chòi chuyên nghiệp - "sân khấu hộp".

Dưới đây là tiến trình phát triển của bộ môn ca kịch Bài Chòi:

I - ĐÁNH BÀI CHÒI (HOẶC CHƠI BÀI CHÒI)

MÔ HÌNH SÂN KHẤU ĐÁNH BÀI CHÒI

Chòi con:	1	2	3	4
Chòi cái	Nhà trệt nơi chỉ đạo cuộc chơi	Khoảng trống (sân khấu đất 4 mặt của anh Hiệu)	5	
Chòi con	9	8	7	6

Trong "chòi cái" (nghĩa là nơi "cầm cái" cuộc chơi) gồm vài vị chức việc làng và mấy anh Hiệu (tức là người quản trò) thay phiên nhau. Bộ Bài trùg gồm 2 bộ dán trên thẻ tre: một bộ bài cho người chơi cuộc, mỗi người 3 con; một bộ cầm trong ống gọi là "Bài trùg". Sau hồi trống châu mở đầu, anh Hiệu cầm bài đi phát cho các chủ chòi. Phát bài xong, anh Hiệu bước vào trước, "Người chức việc" cầm cái, thưa theo giọng hô:

Hiệu phát bài đã đủ

Cho Hiệu thủ bài tỳ

Người chức việc đánh một tiếng trống châu báo hiệu: "đồng ý". Anh Hiệu cầm ống bài tỳ lắc một lúc rồi rút ra một con. Cầm con bài dán trên thẻ tre, anh Hiệu chưa

công bố tên con bài ngay, mà hô một câu thai (câu đố) ám chỉ con bài. Người chơi cuộc rành, nghe lời hô đoán được tên con bài. Nếu đúng là con bài mình đang có thì, chòi ấy gõ 3 tiếng mõ tre báo hiệu mình "ăn". Anh Hiệu công bố luôn tên con bài và cầm đến giao cho chòi "ăn". Chòi nào "ăn" đủ 3 con trước thì chòi ấy đánh một hồi mõ tre (riêng chòi Trung ương được cấp trống cán), báo hiệu "tới" (thắng cuộc). Anh Hiệu đến nhận bài kiểm tra xong, hô lớn:

"Chòi... ăn một con... một con... tới con... rõ ràng!"

Chòi Trung ương đánh một hồi trống cán. Tất cả các chòi đánh mõ. Chờ khi anh Hiệu "trình làng" Bài Chòi tới xong, thì "chòi cái" đánh một hồi trống châu, công nhận chòi ấy... được cuộc. Làng lấy tiền thưởng đặt lên khay kèm theo một lá cờ chéo con màu đỏ. Anh Hiệu hát:

*Hiệu hoang mang lãnh lấy khay tiền
Lên tráng mã điện cờ đệ nhất*

Và làm bộ lên ngựa (mô phỏng theo động tác tuồng) bụng khay tiền để cho chòi "tới". Thông thường thì chòi tới thưởng lại cho anh Hiệu một ít, và anh Hiệu hô một bài dài chúc mừng.

Dưới đây là một số câu Bài Chòi cổ từ ngắn đến dài:

*Chồng nằm chính giữa
Hai vợ hai bên
Lấy chiếu đắp lên
Hô là ba bụng.*

(Ba bụng)

*Còn duyên làm cách, làm kiều
Hết duyên bí thôi, bầu thiu ai thêm.*

(Nhì bí)

*Con gái đời nay hút thuốc ăn trầu
Ngồi lê dუმ miệng tìm câu nói hành*

(Ngũ dუმ)

*Rủ nhau đi đánh Bài Chòi
Để con nó khóc mà lời rún ra.*

(Ngũ rún)

*Ngồi buồn nghĩ chuyện đời nay
Trai tài, gái sắc sao tàn ngày xưa
Đời nay ăn sớm, ngủ trưa
Ngồi lê mách lẻo bỏ thừa việc nhà.*

(Bảy thừa)

*Một hai bậu nói rằng không
Dấu chân ai đứng bờ sông hai người.*

(Tứ cẳng)

*Đi đâu mang sách đi hoài
Cử nhân không thấy, tú tài cũng không.*

(Nhứt trò)

*Tới đây già gạo ăn chè
Ai mà không già ngồi hè trật ăn.*

(Ngũ trật)

*Một chàng hai thiệp khó phân
Anh về lượng lại để cầm cân cho bằng.*

(Ba bụng)

*Đêm nằm gối ấm không êm
Gối lụa không mềm bằng gối tay em.*

(Chín gối)

Em thương anh, cha mẹ cũng phải theo
Chiếc ghe buồm đang chạy, quăng neo cũng
phải ngừng
(Tam quăng)

Biết rằng ai có mong ai
Sao trời lại nở rē hai thế này
Có sao hôm mà lại chẳng có sao mai
Hai đàng hai đũa tình phai hoa tàn.
(Bánh hai)

Đôi ta như đũa trong so
Không chọn mà gắp, không đo mà đều
Đôi ta đã quyết thì liều
Tỉ như con trẻ thả diều đứt dây.
(Tám dây)

Đụng anh chồng nghiền như ông tiên nho nhỏ
Đến cỡ nghiền đèn đỏ hơn sao
Tay cầm gương bạc như Triệu Tử hươu đao
Miệng ngậm ống như Trương Phi ngậm tẩu¹
Mắt liếc đèn như Lưu Bị nhìn sao
Cẳng tréo hoe như Khổng Minh ngồi xem sách
Lâm cuộc nghiền hữu mạch tắc thông vô mạch
Tắc chỉ, tôi nằm tôi nghĩ, sự bất đắc dĩ
Ruộng trâu bán hết còn gì móc tiêm².
(Tứ móc)

Bậu khoe giỏi, sao chẳng đi thi
Cứ ăn xó bếp, ngủ thì chuồng trâu

¹ Ngậm tẩu: ngậm rượu.

² Bài này tả cảnh người nghiện thuốc phiện đang nằm hút thuốc phiện.

Bầu ơi, tôi chẳng ưng đâu,
Trạng gì như thế, có hầu cũng uống công.
(Lục trạng)

Bước vô nhà xin cất tiếng hỏi thăm
Cớ sao giọt lụy ướt đầm gối loan.
(Chín gối)

Tay em đã trắng, lại tròn
Không cho anh gối sao mòn một bên.
(Chín gối)

Trời mưa lộp bộp sân đình
Anh đi cho khéo trượt uỳnh xuống đây.
(Ngũ trượt)

Thạch Sanh có Phật chứng minh
Cứu con vua Thuỷ một mình dưới hang.
(Thái tử)

Thuyền ai thấp thoáng bên bờ
Hay thuyền ông Lữ đợi chờ con vua.
(Thái tử)

Đang ngồi bực lở thả câu
Chẳng may rớt xuống vực sâu cái ầm.
(Ông ầm)

Em nghe anh tỏ lời này
Em đòi để bỏ chuyện rày sao nên
Tào khang nghĩa ở cho bền
Liều mai hoà hợp, đôi bên thuận hoà.
(Bảy liều)

*Chầu rày đã có trăng non¹
Để tôi lên xuống có con em bồng.*

(Bát bồng)

*Đầu rồng, đuôi phượng, cánh tiên
Ngày năm bảy vợ, tôi ngủ riêng một mình.*

(Ba gà)

*Ngó lên hòn núi chớp vung
Thấy bảy cô gái cùng chung một nhà.*

(Thất vung)

*Tiệc công bỏ mần nuôi cu
Cu ăn, cu lớn, cu gù, cu bay
Cu say mủ cả, áo dài
Cu chê nhà khó, phụ hoài duyên anh.*

(Chín cu)

*Ai đi ngoài ngõ ào ào
Hay là ông tượng đập rào ông vô.*

(Tứ tượng)

*Chiều chiều vác cuốc đào lươn
Bùn trơn, lươn trượt, người thương đau rồi.*

(Ngũ trượt)

*Còn duyên mua thị bán hồng
Hết duyên buôn mứt cho chồng gặm xơ
Gặm xơ rồi lại gặm cùi
Còn ba bảy hột để lùi cho em.*

(Bảy hột)

¹ Chầu rày: lúc này, dạo này.

Còn đâu nay thiếp mai chàng
Ghe lui khỏi bến, dần dần nằm đây.
(Sáu ghe)

Tui làm ăn cũng dụng đồng tiền
Bà con có thưởng, thưởng riêng ít đồng
Bà con có của tôi lại có công
Nếu mà trượt lớt, đừng có hòng ở yên.
(Ngũ trượt)

Sông bao nhiêu nước, bấy nhiêu tình
Lụy rơi hột hột như bình chích nghiêng.
(Sáu hột)

Anh ngồi bên vực anh câu
Sẩy chân rớt xuống vực sâu cái ầm.
(Ông ầm)

Sớm mai xách nón lên gò
Hai mặt chụm lại, bốn giò tréo ngoe.
(Tứ cẳng)

Đời nay lắm kẻ nói khoe
Một chuyến xe lửa bao nhiêu ghe cũng không bì.
(Sáu ghe - Sáu miếng)

Xưa kia ai biết ai đâu
Bồi chung miếng thuốc, miếng trầu nên thương
Vì tình cho dạ vấn vương
Bốn phương, tám hướng, nàng nương miếu nào?
(Tám miếng)

Ngày rày đã có trăng non
Để anh lên xuống có con em bông

*Trồng thùng khéo vô nên bông
Cho duyên gặp gỡ, bỏ công anh tìm.*

(Bát bổng)

*Có thương, có nhớ không em
Sao em chẳng lại, để anh mong đêm nhớ ngày.*

(Nhất gôi)

*Có chồng chi nữa bù tua
Vai mang chuỗi hạt lên chùa đi tu
Chùa làng không có Phật tu
Mà anh xách gói đi tu chùa người.*

(Cửu chùa)

*Nghèo mà làm bạn với giàu
Ngồi xuống, đừng dậy nó đau cái "đi".*

(Bạch huê)

*Tay bưng đĩa muối mắm lăm
Vừa đi vừa húp, té ầm xuống mương.*

(Ông âm)

*Người ngay trời phật chứng minh
Cứu được con vua Thuỷ (Tê) hiển vinh đời đời.*

(Thái tử)

*Một chàng hai thiếp khó phân
Anh về lượm lại để cầm cân cho bằng.*

(Ba bụng)

*Còn đâu nay thiếp mai chàng
Ghe anh lui khỏi bến, bậu lặn loan biết đâu?*

(Sáu ghe)

*Hai tay bụm đất đắp mồ
Tay bồng con dại, nước mắt hồ tuôn rơi.*

(Bát bồng)

*Dẫu mà hai ngã phân ly
Mình ơi hãy nhớ mình khi còn nghèo.*

(Nhì nghèo)

*Tay anh cầm ngòi bút ngọc
Đầu anh đội lá đơn vàng
Ba năm anh hỏi chẳng được nàng
Rồi đây anh kiện với Ngọc Hoàng cho coi.*

(Thái tử)

*Vợ đôi chồng một ra gì
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên.*

(Ba bụng)

*Ngày thường thiếu áo thiếu cơm
Đêm nằm không chiếu, lấy rơm làm giường
Dù dơi, dế bướm chập đường
Màn loan, gối phượng, ai thương kẻ nghèo?*

(Nhì nghèo)

*Thấy nàng anh cũng muốn thương
Sợ e "nhất mã lưỡng cương" khó cầm.¹*

(Bánh ba)

Anh Hiệu hô từ những câu ngắn, dần dần tiến lên những câu dài hơn, dĩ nhiên làn điệu cũng gia tăng và động tác cũng phong phú hơn để tạo nên tính hấp dẫn người xem:

¹ Một ngựa mà hai dây cương.

Cảm thương thái tử con trời
Ra đi săn bắn ở nơi rừng già
Thấy nàng Dương Ngọc¹ mê sa
Cầm duyên trời định đôi ta trên rừng
Gái mười tám nước đem dâng
Tấm lòng Thái tử không ưng nơi nào
Một mình đến thẳng núi cao
Cùng nàng Dương Ngọc ra vào trồng lang
Lầu xanh gác tía chẳng màng
Mẹ cha chẳng tưởng, đến vàng chẳng mơ
Cảm thương Thái tử ấu thơ
Non xanh ngàn dặm bơ vơ một mình.

(Thái tử)

Tay cầm sào chống lái
Mắt liếc bãi lều tranh
Ở đây đưa rước bộ hanh
Thuyền nan một chiếc tử sanh trọn bề
Trải qua bãi bạc gành nghề
Bốn mùa chèo chống đôi bề sóng xao
Thú vui ngang dọc một sào
Ngồi trong tịnh viện kẻ gào người kêu
Tiếng ai vắng vắng kêu ta
Mau mau nhổ nọc chèo qua rước người.

(Nhút nọc)

Đàn ông ta có cái nôm
Đàn bà sinh nhụy, lại thêm mẽ đên

¹ Tên cô gái trong truyện cổ về một giống khoai lang rất quý gọi là khoai lang Dương Ngọc, trước giải phóng có rất nhiều ở vùng Buôn Ma Thuột, Bình Thuận, nay đã tuyệt chủng do năng suất thấp.

*Đàn bà sáng rực ao sen
Đàn ông giữ cửa, nọc chèn hai bên.*

(Nhứt nọc)

*Đụng anh chồng say như trong chay ngoài bội
Ngó trong nhà như hội Tần vương
Bữa ăn kính lão đắc trường
Tửu nhập ngôn xuất khá thường ít ai
Say chi say huỷ say hoài
Đã say quá chén còn nài uống thêm
Say chi đôi mắt lim dim
Đường đi trơn trượt không tìm thấy ai.*

(Ngũ trượt)

*Hoa phi đào, phi cúc
Sắc phu lục, phi hồng
Trơ như đá, vũng như đồng
Ai xô không ngã, ngọn gió lông không xao
Mía mai cụm liễu cửa đào
Ong qua muốn đậu, bướm vào muốn bu
Bốn mùa xuân, hạ, đông, thu
Khi búp, khi nở, khi xù, khi tươi
Quá xuân ngó thấy mỉm cười
Sắc hay vương vấn mấy người tài danh
Có bông, có cuống, không cành
Ở trong có bẹ bốn vành có tua
Nhà dân cho chí nhà vua
Ai ai có của cũng mua để dành
Tử tôn do thử nhi sang¹
Bạch huê mĩ hiệu xin phành ra coi.*

(Bạch huê)

¹ Câu chữ Hán có nghĩa là con cháu đều từ đó sinh ra.

Những bài hát từ ca dao hoặc ứng tác chưa đủ nên phải dựa vào những tích tuồng cổ. Đây là một bước phát triển mới của Bài Chòi, tức là hát những đoạn ngắn nhưng có chuyện, có nhân vật, có động tác và thêm làn điệu, nhưng vẫn một người đóng (diễn) nhiều vai. Ví dụ câu hát:

Phàn Lê Huê - Tiết Đinh San

*Thương thay cho gái Lê Hoa (Lê Huê)
Giận mình nên mới xuất gia tu hành
Nàng mang câu sát phụ, tru huynh¹
Tiết Đinh San rày đã bạc tình lắm thay
Không qua duyên số trời rày
Xui Tiết Nhơn Quý lắm tay Dương Phàm²
Hoá ra Bạch Hổ rừng lam
Đinh San thấy vậy bắn lăm một khi³
Triều đình buộc tội tức thì
Sát phụ đại tội, chém thì không tha.
Giảo Kim quỳ giữa trào ca⁴
Muôn tâu thánh thượng thứ tha mạng chàng
Bảo chàng về ải Hàn Giang
Nhứt bộ nhứt báai cầu Phàn Lê Hoa*

¹ Sát phụ, tru huynh: giết cha và anh. Phàn Lê Huê vì yêu Tiết Đinh San nên muồn cha và anh mình theo nhà Đường, cha và anh không chịu nên mới xảy ra bi kịch trên.

² Tiết Nhơn Quý: cha của Tiết Đinh San, danh tướng nhà Đường. Dương Phàm: một danh tướng Phiên quốc.

³ Tiết Nhơn Quý bị Dương Phàm vây bèn hoá tướng tinh là con hổ. Đinh San gặp không biết bèn bắn chết.

⁴ Giảo Kim: Trình Giảo Kim, một vị quan triều Đường.

Đàng trường cách trở dặm xa
 Mỗi bước mỗi lạy xót xa trong lòng
 Bảy ngày đến ải vừa xong
 Lê Hoa giả chết nằm trong quan tài
 Đinh San ử dạ ai hoài
 Về trào phục chỉ còn nài tội thêm
 May nhờ thiên tuế Giáo Kim
 Dạy chàng đến chốn linh sàn cầu xin
 Lê Hoa sống dậy ngời nhìn
 Truyền quân ra đánh trả thù bấy khi
 Đánh rồi lập tức đuổi đi
 Đinh San chi tiết ai bi khản câu
 Cũng vì tình trước nghĩa sau
 Ra tay cứu chúa giúp tôi phen này
 Cha tôi lâm giữa trùng vây
 Vì người bạch hổ lâm tay Dương Phàm
 Cũng vì thù trước còn oan
 Cho nên cha (tôi) mới bị Dương Phàm một khi
 Lê Hoa nghe nói ai bi
 Phụng chỉ đề kì đến Bạch Hổ Quan
 Cùng nhau hiệp lực Đinh San
 Thi tài hoá phép chém ngang Dương Phàm
 Đầu rơi xuống ngựa rõ ràng
 Máu văng vào bụng chúa chàng Tiết Cương¹

¹ Tiết Cương: một tướng tài ở Trung Quốc, thời nhà Đường. Tiết Cương vì lòng hào hiệp đã cứu Tiết Nghĩa - người lữ tù tử hình khỏi chết. Tiết Nghĩa xin kết nghĩa anh em cùng Tiết Cương, lấy họ của Tiết Cương làm họ của mình và tự gọi là Tiết Nghĩa. Về sau, vì tiền tài, danh lợi cám dỗ, Tiết Nghĩa đã lập mưu bắt Tiết Cương đem nộp cho kẻ thù. Vở tuồng "Tiết Cương phản Đường" do Đào Tấn viết đã được nhân dân Bình Định nhiệt liệt hoan nghênh. Bài hát này lên án hành động phản bội của Tiết Nghĩa.

*...Tiết Cương xưa bậc can trường
Lâm cơn hoạn nạn lâm vòng gian nan
Bởi vì Tiết Nghĩa tham tàn
Uống đôi chén rượu, cổ mang gông xiềng...*

TRAI CÀY HỎI VỢ

Anh trai cày:

*Đi đâu đi đó một mình
Đừng đây anh hỏi nữ trình thế nào?
Thương ta thì mời bước vào
Phượng loan kết cánh hoà giao ân tình*

Cô gái:

*Đây em có xấu cũng con dòng lương gia
Thà vô duyên ở vậy đến già
Tội chi lấy chú thiên hạ mà cười chê
Vụng về dốt nát trăm bề
Một năm đến tôi cứ gửi nghề ở trai.*

Anh trai cày:

*Đó đừng khoe sắc khoe tài
Tốt xinh mấy mẽ chê ai trai cày
Sử kinh ta nắm trong tay
Như ông Nghêu Thuấn còn cày lạch sang
Phan y nghi dân tài năng
Mấy người thuở trước tầm đàng công danh
Trần Bình cùng với Mãi Thần
Trọng im Hàng Tín ra thân khổ hèn
Ngày sau còn đặt tiếng khen
Ông Văn Vương đi cưới người hèn cho con*

Phạm Công dắt mẹ lên non
Cúc Hoa xem thấy lòng còn thương thay
Đó là có kẻ ăn mày
Ta đâu có xấu trai cày cũng no.

Cô gái:

Anh đừng nhất tính cân đo
Mấy người thuở trước ai so cho bì
(Còn anh) giỏi sao anh chẳng đi thi
Cứ ăn dưới bếp nằm thì chuồng trâu
Thôi thôi tôi chẳng ưng đâu
Chạng không xứng chạng đừng hầu (công)
uống công
(Lục chạng)

Anh trai cày:

Hữu tâm vô tướng tướng tự tâm sinh
Hữu tướng vô tâm tướng từ tâm diệt
Rõ là nàng chưa biết
Anh nói thiệt nàng nghe.

Hồ Bài Chòi:

Nàng đừng giọng ông giọng e
Phải sao chịu vậy đừng chê đừng lừa
Không nghe cổ tích ngày xưa
Cổ nhân hình thức đức thừa, tài cao
Nàng chê anh không đúng anh hào
Lưng khòm chân ché bực nào xấu xa
Răng hô miệng nhọt đen da
Đầu quăng môi trớt xấu đà vô song
Tuy anh xấu tướng mặc lòng
Lời tục họ nói nôi đồng dĩ hơn

Mai sau anh gầy đặng giang sơn
Tay mang đôi xuyên, cổ đeo kiềng vàng
Ra đi thiên hạ đồn vang
Trai cày có của vợ sang (u đầu)
Tiếng đồn khắp hết đầu đầu
Tuy anh xấu tướng đi đến đâu (đều) khen đều¹.
(Cửu điều)

TRAI CÀY VÀ THIẾU NỮ

Nam:

Phú dữ quý thị hơn chi sở dục
Bần dữ tiện thị hơn chi sở ố
Ai thấy giàu không muốn
Ai thấy khó lại màng?
Như ta đây, thấy giàu rồi lại muốn sang
Thấy cô em banh bảnh, ta cũng muốn tình tang
tang tình.
Đi đâu đi đó một mình
Lại đây ta hỏi chữ trình thế nào?
Ứng ta, ta sẽ bước vào
Phụng loan kết nghĩa hòa giao ân tình.

Nữ:

Thấy lời chú nói thất kinh
Bông sen tàn ai cấm độc bình bát xưa
Cóc mà mang guốc ai ưa

¹ Tiếng Bình Định ở miền quê nói trại "đều" thành "điều".

Đũa đeo chân hạc sao cho vừa mà mong
Thôi thôi đừng tưởng đừng hòng
Ta có hư thì cũng thể con dòng lương gia
Thà vô duyên ta ở vậy đến già
Chớ tội chi lấy chú thiên hạ mà cười chê
Thiệt thà dốt nát trăm bề
Quanh năm suốt tháng giữ cái nghề ở trai.

Nam:

Thôi thôi đó đừng khoe sắc khoe tài
Tốt xinh chi đó dám chê trai cày
Trai cày như ai chớ trai cày như ta
Sử kinh ta nắm trong tay
Ví như vua Thuấn còn đi cày Lịch san
Ngu Công, Y Doãn tài loan
Những còn phải học Tần đoàn canh vân
Trần Bình cùng với Mãi Thân
Tướng xưa như Hàn Tín cũng ra thân khổ rên
Đời sau còn có tiếng khen
Thuấn, Nghiêu tuyển chọn người hiền cho con
Phạm Công dắt mẹ đầu non
Cúc Hoa xem thấy lòng còn thương thay
Thật người thất thế (giống như) ăn mày
Huống chi ta ở trai cày cũng no.

Nữ:

Đó đừng nhắc tích căn đo
Mấy người thuở trước ai so cho là
Kẻ vương người tướng cao tay
Song toàn văn võ đời nay khó bì

*Giỏi như chú sao chẳng đi thi
Chỉ thấy ăn trong bếp nằm thì chuồng trâu
Thôi thôi ta chẳng ứng đầu
Trạng không xứng trạng đừng hầu uổng công.
(Lục trạng)*

ANH CÂU CÁ, CHỊ BÁN CỦI

Anh câu:

*Chị thường ở chốn sơn dầu
Nay sao lại đi đâu xuống nước?*

Cô bán củi:

*Lâu nay ở miền sơn cước
Thường xông lớt gánh gồng
Nay gặp bữa ở không
(Gánh củi) xuống chợ phiên tôi bán
Tôi với anh có quen lớn gì anh hỏi tôi?*

Anh câu:

Bán củi trụi lông, có phải không chị?

Cô bán củi:

*Anh ơi, anh chớ chê cười
Có núi có củi, con người có lông
Lúc hồi còn nhỏ thì không
Giờ sao cung kính cũng đồng tu my
Việc này anh hỏi làm chi
Người ở dưới thấp hỏi gì trên cao
Tôi đây là bực phú hào*

Anh là những kẻ lao đao bần hàn.

Anh câu:

*(Tôi hỏi cô hũ) Cô ở trên núi cô hào phú
Mà tôi ở dưới này tôi lại bần hàn?*

Cô bán củi hô:

*Chữ rằng phú tại lâm sang
Phú cư lưu hạ thường giông đâu là.*

Anh câu hô:

*Anh Câu nghe ả nói ra
Đó là phận gái đàn bà biết đâu
Ta tay phá tụi giúp (nhà) Chu Công Thành
Lấy lòng phú quý công danh
Còn người bán củi cũng anh khắc khù
Có gì cũng lão tiều phu
Làm sao cơ nghiệp ngàn thu lưu truyền.*

Cô bán củi hô:

*Cô gái giận mới nói liền
Ông tiều xưa cứu Vân Tiên trong rừng
Ấy là giúp kẻ gian truân
Một nắm cơm hẩm trong rừng cứu nhân
Chữ cũng không mấy thuở đem mối nhử ai.*

Anh câu hô:

*Anh Câu nghe nói cười dài
Khen nàng ngó bộ sơ sài mà thông
Tôi nguyện kết nghĩa vợ chồng
Duyên hoà ngư thủy mặn nồng tương giao.*

Cô bán củi hô:

Bán củi trù nghi mưu cao

(Thôi được rồi, anh treo giỏ cá trên đầu củi rồi
Hai đứa mình lại bờ sông nói chuyện)
Bán củi trù nghĩ mưu cao
Xô anh câu cá rớt nhào xuống sông
Chị ta gánh củi thẳng xông
Anh Câu mất cá thành ông té ầm.

(Ông ầm)

CHÔNG NGHIỆN

Đụng anh chông nghiền như ông tiên nhô nhô
Đến cỡ nghiền đèn như sao...
Tay cầm gương bạc, như Triệu Tử hươu đao
Miệng ngậm ống, như Trương Phi ẩm tửu
Mắt liếc đèn, như Lưu Bị nhìn sao
Cảng treo hoe, như Khổng Minh nằm xem sách
Lâm cuộc nghiền ư mách tắt thông
Vô mạch tắt chỉ tôi nằm tôi nghĩ
Sự bất đắc dĩ, trâu mộng bán hết
Còn gì móc tìm.

(Tứ móc)

VỢ CHÔNG TRANH LUẬN

Chị nậy để chữa hoài hoài
Sanh con gái, con trai không có
Anh chông cứ mặt nhăn mày nhí
Mẹ mầy sao không có con trai?
Để chi cứ gái để hoài?

Vợ hô:

(Chị ta nghe hỏi mới gài một khi)
Anh là bốn phận tu my

Cớ sao không hiểu thứ gì trọi trơn
Hãy là có phước thì hơn
Xem tuồng "Tam nữ" biết ơn nước nhà¹
Xuân Hương, lại với Bích Hà
Phương Cơ, cứu chúa giúp cha ai tày
Xem như mấy câu đời nay
Cứ làm vô ích không hay việc gì
Rượu chè nghiện ngập li bì
Sanh tâm cờ bạc rồi thì gái trai
Làm cho tốn của hao tài
Anh sao cứ ước con trai chi mà.

Chồng hô:

(Anh chồng tức giận nổi la)
Cô đừng lý sự đàn bà là hơn
Để tôi nhắc tích cổ nhân
Trai như Ngũ hổ biết ơn nước nhà
Địch Thanh, Lưu Khánh tài ba
Lý Nghĩa, Thạch Ngọc cùng là Trương Trung
Đình Quý địch quốc anh hùng
Hỏi ai đã giám sát cùng đâu chưa?
Làm sao bì đặng trai xưa
Gái nay lắm kẻ khó ưa quá hề
Vá may bán trái vung về
Có tài lên trộm ngôi lê ăn hàng
Ngủ trưa lại với đứng đàn...
Thấy trai bốn cột cửa hoang, chê chồng
Làm sao bì đặng đàn ông
Mụ đừng có nói bất thông họ cười

¹ Tuồng "Tam nữ đồ vương".

*Gái đời nay tài giỏi ít người
Rõ ràng tôi thấy nét hư đủ đành.*

Vợ hô:

*(Chị vợ mới bảo này anh)
Không có con gái ai sanh ra mình?*

Chồng hô:

*(Anh chồng nghe nói nổi kinh)
Mình gì con gái biết sanh ra mày
Con trai đừng ấy trong này
Con gái biết cóc gì sanh na mà
(Chị vợ khi ấy cãi già)
Cũng cho con gái đàn bà là hơn
(Anh chồng mới nói bông lơn)
Chẳng lẽ "cái ấy" mà hơn "cái này".*

(Bạch huê)

Giai đoạn này đưa làn điệu hát tuồng vào, có nói, có hát khách, hát nam, có tổ chức đánh trống châu.

TUỒNG CỔ THÀNH

Hô:

*Mời xem trong thứ cổ thành Tam Quốc
Quan Công hầu thật rất tài năng
Quá quan trăm tướng ai bằng
Thân phò nhị tẩu gặp thẳng Hầu Đôn
Hầu Đôn lộng ngữ cao ngôn
Hỏi rằng quân đảng vật bên lộ trình
Khả tua hạ mã nạp mình
Ngày nay ông lại đem binh đón đường.*

Quan Công:

*Cảm Tào Công hậu ý vị thường (nên ta ẩn nhẫn)
Kháng như bối dung tài (e) nan địch.*

Hầu Đôn:

Nang địch đánh với Đôn nào

Quan Công:

*Một người cũng sẵn sàng đòi đánh hai người
Cũng sẵn sàng đòi đánh à)
Đó đã quyết đề qua phẫn kích
Đây cũng nguyên sánh mã giao phong.*

Hát Khách:

*Thủ bả thanh long sát hổ tướng huỳnh vân
Sâu vô
Thân thừa xích thố, nhập xà đồ khởi phụng đằng giao.*

Đôn hô:

*Quan công thật rất tài cao
Đánh dư trăm trận tướng Tào ghê răng.*

Trương Liêu:

*Trương Liêu bước tới nói rằng
Hỏi người nào dám cản ngăn quan hầu.
(Hầu Đôn nghe đây)*

Khách:

*Tướng phủ bang truyền khuyên Nguyên nhưng
Đừng nên can cự.*

Đôn:

Vậy ngài đến đây có văn bằng chi không?

Quan Hầu:

Đây này xem đi!

Khách:

Minh Văn xem lại ngô quan hầu chớ khá giao chinh.

Đôn:

Hận nang bình hận nang bình

(Đôn giám hỏi thừa tướng sao mà)

Tâm bất lượng, tâm bất lượng (như quan hầu là).

Khách:

*Tơ thử hung tàn, đằng đằng sát liễu bá quan chi
danh tướng.*

Liêu khách:

Quan hầu quá quan trăm tướng chẳng qua là

*Chí duyên căn cứ (là thế bất đắc dĩ đó thôi), nay
thừa tướng người tận Xá tiền phi quản thi ân lộ ý
mần răng nhà người.*

Hà bất kham tướng quốc chi thâm ân.

Đôn:

Vâng lệnh thì Đôn vâng lệnh, nhưng giận giận quá

Khách:

Sát nẽ cừu nhờn, báo hậu hàm cừu ngô...

Khử dã (Đôn xin về đây)

Hầu Đôn truyền lệnh thu quân.

Liêu:

Trương Liêu từ dã rồi đi qua bên Tào.

Quan Công H:

Còn ông thủ ẻm thanh đao

Thâu phò nhị tẩu lạc vào Nghêu sơn.

Lâu La H:

Lâu La khi ấy đón đằng

*Hỏi người nào dám đi ngang chốn này
Khá bèn xích thố giao đây
Nhược bằng cãi lệnh bỏ thây lộ bàng.*

Tôn Càn H:

*Bên kia có giả Tôn Càn
Hỏi người nào dám đón dàng Châu Thương?
Ta đây là chính Châu Thương
Hình dung diện mạo xem tướng nghi ông
Mày tầm mắt phụng râu rồng
Người cao mặt đỏ hỏi ông tên gì?*

Câu:

Người đã biết mà còn hỏi à.

C.Thương H:

*Tôn Càn mới nói lời ni
Châu Thương nghe rõ liền quỳ thờ than
Ngu phu cam thất lễ thất lễ
Miễn hà hải thứ dung thứ dung.*

Khách:

*Mạo phạm tên nhan thị hữu nhân vô
Châu chi tiểu bối (trăm lạy ngài)
Khất tòng đại đức huỷ lương cầm trạch mộc.chỉ sợ tâm.*

H:

*Lâu nay ở chốn sơn lâm
Mưa bay gió thổi thật là gian truân
Gặp ngài Châu rất vui mừng
Tớ xin theo giúp đỡ tay chân cho thấy.*

Quan Công:

*Quân Công mới nói lối này
Thôi người ở lại núi này bình an*

*Chờ cho tâm định thức hoàng
Ta đưa tin đến rồi chàng sẽ đi
Nói rồi lên ngựa tức thì.*

C.Thương H:

*Châu Thương quỳ xuống xin đi liền liền
Ông bèn hạ mã xuống yên
Bắt cùng nhị tẩu cấn nguyên chị tường
Rồi cho nhà gã lên đường
Thì ông mới dạy Châu Thương an bài.*

Nói:

*Tiền đồ chuẩn bị, hậu kỳ bài khai
Biệt nữ nam vạn hỷ nhi lai
Quản xa trượng đồng đang trực dăng.*

Nam:

*Xa trượng đồng đang trực dăng
Gan anh hùng bao quản gian nan
Bất bình gươm lửa giữa đang
Vị vương gánh nghĩa vai mang chiểu sầu
Quan thành đoái đã hầu lâu
Mau mau đến đó ngộ hầu sự do.*

Quân Báo:

*Hữu xa mã đáo thành
Xưng Quan Hầu nhập yết*

Trương Phi:

*Tâm như hoả liệt hoả liệt
Nhĩ tựa lôi hoang lôi hoang
Án đình hầu giám lãnh Tào công
Ngựa xích thố trì xu ngộ cảnh.*

H:

*Trương Phi vừa hét vừa la
Quan Công nay đã đi qua đầu Tào
Nó đang xích thố cầm bào
Lẽ gì ở bến cố sao trở về (về chi... về chi).*

Quan Công H:

*Anh đây không phụ lời thề
Đào viên thuở trước trọn bề tử sanh
Kẻ nam người bắc sao đành
Vì thương tam đệ trí thành về đây
Thanh long anh sẽ ra tay
Lấy đầu quân giặc tại đây (cho) em tường.*

Trương Phi:

*Nhược nhiên nhược nhiên
Phi tin phi tin, thương cao lầy chấp lệnh
Thỉnh nhị tẩu nhập thành
Quả tru chi Tào Tặc trận tiền
Phân giải Trương Phi tâm hạ.*

Tướng Tào:

*Ngã Thái dương lai ngã lai ngã
Như phản bối mạc đào mạc đào.*

Quan Công H:

*Quan Công chém quách tướng Tào
Thủ yểm nguyệt tại long đao tay cầm.*

Trương Phi H:

*Trương Phi nổi trống rầm rầm
Ở trên thành nhảy xuống cho Phi dung dung.*

(Thất dung)

Câu dưới đây là thời kỳ cải lương - Bài Chòi có đưa vào làn điệu cung ai oán.

*Chị tiết trinh chê cười cô làm đi
Cô chính là con quỷ báo đời.*

H:

*Cô hay chuốt mỏ nhiều lời
Đụng ai cũng thỉnh cũng mời tình chung
Cô mong lấy của anh hùng
Sao cô không biết thẹn thùng hổ người
Biết cô lấy một trăm người
Xét ra thì cũng chẳng dư dả gì
Của Tàu cũng đổ âm ty
Mấy đời làm đi lấy chi cho giàu
Cứ ham kiếm của cho mau
Người ta xài xạc ngày sau bùng vàng.*

Hô:

*Cô ta nghe nói mới than
Chẳng qua số mệnh hồng nhan đoạn trường
Cho nên bướm chán ong chường
Hoa tàn em chịu chị thương đừng cười
Em không muốn lấy trăm người
Biết mùi đời mặn - lạt biết chín mười sự khôn
Chị trinh ở chốn viên môn
Ai mà có của để dần đem cho
Như em thông thả sướng no.
Chẳng lo con khóc chẳng lo gì chồng
Vạy là thích chí hay không
Dấy vàng lãnh được má hồng cũng vinh
Oán: Chị tiết trinh ái mà tới nghinh
Em đây một mình trăm tình chung chạ*

Chẳng lựa gì kẻ quen người lạ
Ai thích vào trong lò tạo hoá
Ai muốn vào trong lò tạo hoá
Nhúm nhen, lửa đục, đúc rèn tình chung
Phong lưu vô cùng.

H:

Mắc gì đâu có then thùng
Không giàu mà cũng sướng sung đủ đời
Miễn cho còn lúc xuân thời
Vương tôn quý khách đến chơi đủ xài
Miễn sao chị giữ trinh hoài
Làm không ra của ngày mai (nghèo, cũng nghèo)
Tuông Hộ sanh đàn
Mới xem trong thứ Hộ sanh (đàn)
Cảm thương Trần Thị Lan Anh tài tình
Khi chồng tổ tể song linh
Tam Tư khi ấy đem binh đón dàng
Lâu la về báo rõ ràng
Lan Anh nghe báo cứu tràng xót xa
Mới đem một lũ lâu la
Với cùng cô mọi tên tên là Hồ nô
Phục binh đón tại giữa lộ đồ
Cứu chồng một trận gái mô dám bì
Rồi xây lại hỏi trong khi lộ đồ
Hà xứ nhân lai cứu ngộ?
(Dạ dạ) Sơn trại lâu la bộ hạ.

Tiết Cương:

Hà do nẽ đẳng tri tùng.

Lan Anh:

Trương Phùng thả hỷ thả bị
Hạ mà khuynh thân yết kiến.

Tiết Cương:

*Không thông tải sậu tải trĩ hệ thông thông tải sậu
tải trĩ.*

Lan Anh khách:

*Tử tế lâm nguy (em ngỡ rằng phu quân đã chết rồi,
ai ngờ).*

Sanh tử biên nghi hồn mộng hý

Khách:

Kinh thu tích biệt (á thương hại)

Tao phùng du tại loạn hy trung

Tầu:

Diêu văn bối hội quân thịnh chấn (đi bỏ lâu la đi)

Lịch tận sơn khê bất kể trùng

Cương H:

Tiết Cương thoát khỏi gian nguy

Về long sơn trại mừng thì xiết chi

Tam Tư xuất chúng lai tri

Phân binh lưỡng lộ hiểm nguy nan hàng

Tiết Cương mới bảo Lan Anh

Khanh tu diễn tuy đào sanh ẩn mình

Một anh chống chọi muôn binh

Phần em mang mền chở kinh mà lằm

Nói rồi xách búa tay cầm

Lan Anh lúc ấy khóc dầm như mưa

Hồ nơ bỗng Tiết Giao đưa

Lan Anh mới bế chân vừa bước ra

Bèn quay xây lại bảo lâu la

Kíp đưa kiếm mã cho bà mau mau.

Một đảng tổ trước thầy sau

Giải kha trận mạc lạc nhau trong rừng

*Lan Anh từ lạc phu quân
Bụng kêu rày đã gần chừng khai hoa
Một thầy một tớ xót xa
Bảo hồ nô đỡ cho bà ráng theo.*

Nam:

*Non người nước khách cheo leo
Mình rung khắp khởi lụy trào chứa chan.*

Lý:

*Hai vai đỡ lấy đỡ lấy bà lưng ừ ừ bà lưng bà,
Biết gừng đâu kiêu cho bà ừ ừ cho bà cho bà tôi xơi.*

Lan Anh:

*Con ơi, bà đã sinh được cháu trai rồi đây
Con mà vắng cha biết chi mà đặt tên.
Nay mà sinh dưới gốc quỳ ba đây.
Thôi thì mượn tên cây đặt chữ Tiết Quý.
Ven góc núi làm bình Vô hậu.
Cúi đầu làm lễ, nhờ đức tái sanh
(Thôi con đưa bà bông lấy hai em, rồi dắt ngựa
mang lấy cung kiếm hũ).*

Phu quân ơi:

*Vì vườn mang gánh nghĩa gánh tình (nên chi)
Phải liệu điệu tay bông tay ẵm.*

Nam:

*Lịu điệu tay bông tay ẵm
Giỏi trông người biển thăm non cao.*

Lý:

*Ngo ngó lên miếu thánh miếu thánh tề tướng tề ừ ừ.
Tề tướng tề nhận nhận đen rục rở, thương hại
Thương xót ừ ừ thể ai thể ai thể việc chi.*

Lan Anh nam:

*Sợ sâu ai khéo vẩn vương
Thương thay ngọn cỏ hơi sương lạnh lùng.*

Lý:

*Chem chém tre giường như xang gỗ, gỗ gỗ gỗ
Nay hữu thân mai hữu khổ không biết than
Nghèo ừ ừ nghèo than nghèo than nghèo cùng ai
Cây trúc cây mai các cây trên rừng rừng rừng
rừng ời.*

Lan Anh nam:

*Ngại ngừng một bước một xa
Sơn khô lướt dặm cang qua thoát vòng.*

CÓ ANH LÁI GHE VỚI SẾP PHƠ

Lái ghe H:

*Tôi đây cứ giữ một đời đi ghe
Nói ra té sự nói khoe
Đi ghe chắc sướng hơn đi xe lăm mà
Đi xe nhứt cán người ta
Nhì đâm xuống hố ba mà ăn banh
Đi ghe nó sướng đủ dành
Nhiều khi biển lặng trời thanh lo gì
Cứ ôm bánh lái nó đi
Ngồi trên mặt nước ngâm thi Thuý Kiều
Gió đông phương phát hui hui
Chôi ôi tình biết bao nhiêu là tình
Cá giao cá nục cá kình
Đua bơi giỡn cột với mình là vui*

Lặng im không muỗi không ruồi
Cũng không thấy kiến cắn thui chi mà
Tôi đây suy nghĩ gần xa
Đi ghe chắc sướng hơn là đi xe.

Sếp phơ H:

Lái xe khi ấy ngồi nghe
Chăm lâu cải lại lại ghe làm vậy
Anh nghe tôi nói lời này
Đi ghe chắc lẹ bỏ thây giữa giờ
Lênh đênh mặt biển chân trời
Nhìn xem tứ phía chơi vơi không nhà
Gặp cơn bão táp phong ba
Ngư ông không cứu biết mà trốn đâu
Gặp cơn sóng lượn nước sâu
Không nghe trong sách có câu lưu truyền
Nói rằng kỳ mã hành thuyền
Là thêm phần mạng không yên ổn gì
Lái xe sướng chẳng ai bì
Tay cầm bánh lái thua chi ông hoàng
Tới nơi phường phố thị thành
Vào trong tiệm rượu lầu xanh, nhà hàng
Chơi bồi ăn uống bĩ bàng
Đi ghe cách một lá nạng chắc gì.

Lái ghe H:

Lái ghe nghe nói bỏ đi
Nói ba chiếc xe điện không bì một chiếc ghe.

Lái xe H:

Sếp phơ chống nạnh tréo loe
Một chiếc xe điện sáu chiếc ghe bì cũng khó bì.
(Sáu ghe)

CON HU

Có con phải mang tiếng nghiệt
Không con thì sợ tiết hậu lai
Có con khổ đã trần ai
Mười ngày chín tháng mang thai nặng nề
Chân đi bết bước mỗi mê
Tay nâng đỡ dạ mệt mề thở ra
Tổn hao khí sắc xót xa
Thèm ăn thèm ngủ thật là khó khăn
Khoai mì thèm nhìn cắn răng
Cà dưa chuối chất không dám ăn món nào
Nhìn thèm nhìn đói khát khao
Đặt con vào dạ xanh xao da vàng
Kiến nằm sao kiến leo thang
Bông tai đem cất kiềng vàng đẹp đi
Đến chùng hoa đã tới kỳ
Mười trắng sanh đẻ vậy thì hết hơi
Tứ chi mỗi mệt rã rời
Quần không dám mặc nằm phơi thân hình
Đến chùng sanh đẻ thất kinh
Máu ra lai lảng dầm mình tanh hôi
Thân mẹ khổ đã vô hồi
Lửa than hực hờ nằm ngổi sấm da
Bên ướt mẹ chịu xót xa
Còn như bết ráo lốt mà cho con
Thân mẹ khổ đã gầy mòn
Ráng nuôi con lớn vuông tròn mới ưng
Trông con ăn bú có chùng
Ngày chơi tối ngủ xin đừng có la
Đến chùng đây tháng lần ra

Chân đi từng bước vậy mà ngã xiêu
Thân mẹ khổ biết bao nhiêu
Ráng hơi ráng sức đi liều cho quen
Vịn giường vịn vách đi men
Vì con, mẹ chịu nhiều phen nhọc nhằn
Sửa sang lễ vật sắm sanh
Đền ơn bà mẹ mới đành lòng tôi
Sanh con biến chứng không xuôi
Chạy thầy chạy thuốc mới nuôi được mây
Chạy lo tiền bạc sạch tay
Không nghĩ công cha mẹ ơn dày nghĩa sâu
Đồ con sớm đánh tôi đầu
Bất hiếu bất để nghĩ lâu giận hoài
Sanh ra bốn phận con trai
Mắng cha chửi mẹ kẻ ai ra gì
Ở nhà nó bỏ nó đi
Sanh lung nghiện ngập còn gì là ngoan
Bỏ đi biệt xóm biệt làng
Công ơn cha mẹ vô phận già
Nó về tôi chẳng có tha
Trình làng bắt tội nọc ra (đòn) trị đòn.
(Nhứt nọc)

ÔNG XÃ ĐẾN NHÀ BÀ ĐỘI

Giáp này!
Giáp ơi sửa sang khăn áo ra đi
Tới nhà Bà Đội một khi để "bé đào"
Cặp dù trong nách bước vào
Bớ ai mở cửa, có tao đi tuần!

Bởi lệnh trên trác sức phải trá hình
Dị diện tới tuần bắt chơi
Đoạn này Bà Đội đến rồi,
Bước lên chào hỏi (để) bỏ trâu (cho) khách ăn.
Mai (nữa), mai tôi mới hỏi rằng
Nam, nữ thọ thọ bất thân tương lễ...
Ông xã ơi!
Khuya rồi, ông hãy trở về
Kẻo không thiên hạ kẻ chê, (lắm) người cười
Bởi nhứt thân ông đáng bực nên người
Không tiện đột nhập hà từ giai nhân
Thiếu Đội ơi! Bởi tôi đây cũng muốn phân trần
Tôi đây cũng muốn (thân) cận thân với nàng.
Nàng ơi! Chồng của nàng đi chốn xa đàng,
Nhứt sinh vạn tử sao nàng không lo
Hơi sức đâu mà cứ giữ bo bo
Không kiếm nơi nương tựa để (mà) lo mẹ già
Nàng ưng, tôi đây sẵn cửa, sẵn nhà
Làm một ngày bà xã, ai (mà) cũng kiêng
Hãy ăn chung cho đến làm riêng
Ngũ hương, hào cự ai cũng kiêng cũng dè
Thầy ơi! Thoạt tôi nghe lời nói của thầy
Ứng thời dặng đó (em) sợ rầy ghen tuông
Dẫu mà thấy có lòng thương
Về bên bỏ thiếu Xã, qua em thương thiết tình
Bởi một lạch nước chảy hai dòng kênh
Một chồng hai vợ lẽ tình, lẽ hương
Ông Xã nghe nói liền ừ
Thiếu nói cho chắc, đừng chôi từ không nên
Tôi muốn cho thuận cảnh hai bên
Để mai về cứ biểu, cứ lên (nào) cái lẽ nào.

LƯU KIM ĐÍNH - CAO QUÂN BẢO

Lưu Kim Đính:

*Thầy ta thánh mẫu Lê Sơn
Nay ghò đồ đệ nguồn cơn thăm nhà
Mấy lời sư trưởng dặn ta
Sông Tả sang tới đó tạc ra "Chiêu phu bài"¹
Trước thời gặp lại trúc mai
Sau thời giải giá cứu ngài Triệu Vương²
Chiêu phu tạc để một trường
Giã đồ kén khách qua đường mới xong
Phải duyên ta bắt làm chồng
Vái cùng nguyệt lão tơ hồng xe dây.*

Cao Quân Bảo:

*Tống trào Cao Quân Bảo tài danh
Nghe cha bị khốn Châu Thành trốn đi
Thị Châu giải giá một khi
Trước thì cứu chúa sau thì cứu cha
Trực nhìn thấy dạng xa xa
Bài phu ai tạc kia mà để đây
Xem qua xét lại bản này
Thử coi sức gái tài hay bực nào
Tả giang hiệp với hữu đao
Tạc ra hai chữ nhập vào (một) chữ liêu
Con gái nhà ai văn vật trí mưu
Thiên kim vạn lượng (chữ) kim liêu tên nàng
Kén chồng tại nơi tả sang
Khác nào hơn gã hai hàng lưu huy*

¹ Bảng kén chồng.

² Triệu Vương tức là Triệu Khuôn Dã, vua Thái Tổ nhà Tống.

Đây mà tài sắc kém chi
Để coi chúng nó làm gì đặng ai
Xăn tay phá bẻ chiêu phu bài
Thấy trời phí tương chông gai quá chừng
Ta đây nỗ lực thần thông
Phá tan bản nó kén chông coi chơi
Thọ Châu mặt mỗ đồ chơi
Cửu cha phò chúa kéo thời bị dây (vây).
(Tám dây)

Kim Đinh:

Hạ tướng phá giới bài phu
Cấp binh lai vấn tội
Người đi đâu mà vội
Đừng lại đây cho thiệp hỏi han?
Hô: Cả tiếng kêu bỏ gã qua đường
Tài tình chi đó dám phá tan bằng này
Đi đâu mà lạc đến đây
Mẹ cha khá tỏ tên họ rầy phân qua.

Quân Bảo:

Cô tiện tỳ kia, cô hỏi ta à? (cha ta là)
Tống trào Cao Hoài Đức phụ thân
Cao Quân Bảo nãi danh
Nóng lòng cha bị bắt Châu Thành
Thương nỗi chúa bị vây nơi Đường quốc
Mấy lời tỏ thật
Nàng hãy xê ra.

Hô: Xê ra cho ngựa ta đi

Nhứt bằng cản trở hồn qui cửu tuyền
Thấy nàng tạc bằng kén duyên
Tai dở hay không biết lộng quyền khó xung

Kim Đính (Hô):

*Thuyền duyên thừa với anh hùng
Mẹ cha đã định chữ tam tòng đâu chưa?
Thấy chàng lòng thiếp cũng ưa
Cái duyên trời định thiếp xin đưa cho rồi.*

Quân Bảo (Hô):

*Cô kia đừng nói lời thôi
Tài ba chi đó dám sánh đôi cùng mình
Phụ thân còn bị Châu Thành
Vui chi mà lại thoả tình nguyệt hoa
Lẽ ra nàng chỉ nể cho ta
Ra tay cứu chúa cùng cha phen này
Ngày sau về đó sẽ hay
Bây giờ đừng có ước mơ làm gì
Trai như ta trung hiếu ai bì
Con nhà hiếu thảo lấy chữ nghi làm đầu.*

Kim Đính (Hô):

*Chàng nói chàng giải giá thọ châu
Cha chàng Cao Hoài Đức hiền hầu phải không?
Thuận cùng em kết nghĩa vợ chồng
Duyên hoà ngư thủy mặn nồng tương giao.*

Quân Bảo (Hô):

*(Quân Bảo không biết liệu cách nào
Buột lòng dối trá hứa sau trở về)
Nàng không tin tôi nguyện xin thề
Vái cùng tứ hướng bốn bề chứng minh
Thôi nàng ở lại cho ta lên đường.*

Kim Đính:

*Mình quân lương tế tao phùng dị
Tài tử giai nhân tế ngộ nan*

Hô: Ai xui thiếp mới gặp chàng
Vì duyên tiền định mà mang chữ tình
Khiến nên gặp gỡ thành linh
Cái duyên nguyên gởi cái tình nguyên trao
Trách người bạc bẽo làm sao
Để thiếp cam chịu ốm đau mình vàng
Hoạ phù thế nữ liên sang
Bèn lập cái quán bắt chàng cao lang.

Quân Bảo (Hô):

Quân Bảo chỉ dăm băng ngàn
Thương cha nhớ chúa đôi hàng lụy sa
Đoạn đường nguy hiểm đã qua
Người ngựa đói lã thật là khổ tâm
Không nhà không cửa cũng không quán lều
Vùng ô bóng chuyển gần chiều
Giục ngựa đánh liều tìm chỗ nghỉ chân
Quân Bảo xuống ngựa lại gần
Bảo dọn mỹ vị canh tân ta dùng
Quán này không có đàn ông
Ăn liền một bữa ta giông lên đàng.

Nữ quán (Hô):

Cúi chào công tử Cao quan
Quán em đồ mắc tiền chàng có không?
Quán này không có đàn ông
Tiền trao cháo múc khỏi mất lòng thì thôi.

Quân Bảo (Hô):

Các cô đừng nói lời thôi
Dọn đồ mỹ vị ăn rồi trả cho
Quân Bảo ngồi lại ăn no
Lời này nói thiệt các cô đừng tưởng

*Tôi đây con Đồng Bình Vương
Cháu Tống Thái Tổ Nam đường bị vây
Sa cơ lưu lạc chốn này
Ăn chịu một bữa sau này sẽ đưa.*

Nữ quán (Hô):

*Nghe lời đó nói giận chưa
Ăn quán không trả đồ thừa con quan
Xăng tay nắm núu lưng chàng
Mồm kêu bỏ mẹ có bợm hàng đến đây.*

Quân Bảo (Hô):

*Quân Bảo hồn lạc phách bay
Hình dung tướng tá tợ hình chần tinh
Răng nhô vú nứt đầy mình
Mặt to, miệng rộng như hình thiên lôi.*

Chần (Hô):

*Mẹ con ngồi nói một hồi
Rồi kéo Quân Bảo vậy thôi vào nhà
Đem lòng ghẹo nguyệt giỡn hoa
Ong qua bướm lại bà ta phải lòng
Chồng mụ sớm cách cội tùng
Nhìn thấy công tử thì lòng mến thương
Ứng thuận thời sấm sủa trăm đường
Nhứt bằng không chịu nhai xương thịt chàng.*

Quân Bảo (Hô):

*Quân Bảo nghe nói sững sàng
Thà cam một thác phượng loan làm gì
Hồi mai thì có tỳ nhi
Bây giờ cô ấy lại đi phương nào?*

Kim Đính (Hô):

*Kim Đính len lỏi bước vào
Nhìn thấy công tử miệng chào lương nơn
Chàng chê em phận bạc duyên đơn
Giờ chàng ở lại thiếp dãi chân trở về.*

Quân Bảo (Hô):

*Anh đây nữ phụ lời thề
Em ơi chầm chậm anh thề làm tin
Ngày mai vàng đá còn nhìn
Rơi xuống giếng lạng cũng in lời thề.*

Kim Đính (Hô):

*Thề những lời long trọng
Em há nữ quên tình
Khẩu mật niệm chân linh
Xuất thần lai trợ ngã.*

(Hô thâu)

Quân Bảo (Nói):

*Ơn ấy sánh tày Bắc Hải
Nghĩa nầy ví tạc Nam San
Phiền tiểu thơ ở lại tả sang
Cho tiểu tướng trông chừng Đường quốc.*

Kim Đính (Hô):

*Nghĩ Lưu Kim Đính mà thương
Ba duyên tiền định vấn vương với chàng
Hoạ phù thế nữ liên sang
Bền đào giếng lạng, bắt chàng cao loan.*

Quân Bảo (Hô):

*Quân Bảo chỉ dăm băng ngàn
Thương cha nhớ chúa đôi hàng luy sa
Trời hôm vừa nép bóng ngà*

Cả người cả ngựa bèn sa xuống hào
Tôi tam không biết đường nào
Một là giếng lạng hai là hào sâu
Nghĩ mình nửa thăm nửa sầu
Thà cam một thác giếng sâu đây là
Hết mong phò chúa cứu cha
Lênh đênkh khó kiếm đường ra nẻo về
Trực nhìn thấy ngọn đèn lê
Nửa mờ nửa tỏ gần kề một bên
Lần lần gặng gượng bước lên
Nhìn thấy Thánh mẫu ngồi trên sen toà.

Thánh Mẫu (Hô):

Thánh Mẫu vừa mới nói ra
Đáng khen Quân Bảo thật là hiếu trung
Ngày mai rạng mặt anh hùng
Cao - Lưu kết nghĩa thủy chung vẹn toàn
Hai con sửa soạn lên đường
Cứu cha phò chúa mới an (nhà) nước nhà.

LƯU KIM ĐÍNH — CAO QUÂN BẢO⁽¹⁾

Cao Quân Bảo:

Tổng trào Hoàng điệt
Cao Quân Bảo nãi danh
Đã lạc vào trong chốn rừng xanh
Vĩ chẳng khác như cờ kia mất nước
Dò lần chân bước, giục giã bốn ba

⁽¹⁾ Câu Bài Chòi Lưu Kim Định — Cao Quân Bảo này có khác câu trên vì nghệ sĩ ở mỗi nơi dẫn khác nhau.

Trực nhìn thấy dạng xa xa
Bài phu ai tạc khéo mà để đây
Xem qua xét lại bản này
Để coi con gái tài hay bậc nào
Tả giang hiệp với hữu đao
Nhập vô hai chữ thành vào chữ Lưu
Con nhà ai vắn vật trí mưu
Thiên kim vạn lượng chữ Kim Lưu tên nàng
Kén chồng lại chốn Tả giang
Khác nào hơn gã hai hàng lưu ly
Đây ta tài chẳng kém chi
Để coi chúng nó làm gì được ai
Xăn tay phá bả "chiêu phu bài"
Thấy lời phí tượng chông gai quá chừng
Xăn tay nỗ lực thân thông
Phá tan tám bả kén chồng coi chơi
Thọ Châu mặc mỗ đổi đời
Cứu cha phò chúa kéo thời bị vây.

Lưu Kim Đính:

Tướng hạ phá bài phu
Cấp binh lai vãn tội
Người đi đàng chờ vợi
Đứng lại đây cho thiệp hỏi han
Cả kêu bố gã đi đàng
Tài tình chi đó dám phá tan bả này
Người đi đâu lưu lạc đến đây
Mẹ cha khó tỏ, tên họ rày phân qua?

Cao Quân Bảo:

Tống trào Cao Hoài Đức phụ thân

Ta danh tánh đãi Cao Quân Bảo
Khen cho những phường nói lão
Ai cho gã làm thầy
Tránh ra cho ngựa ta đi
Nhược bằng cản trở, hồn quy cửa tuyền
Thấy nàng tạc bằng kén duyên
Tài hay chưa biết lộng quyền thêm xuân (xung).

Lưu Kim Đính:

Thuyền duyên thừa với anh hùng
Mẹ cha đã định chữ tam tòng đầu chưa
Thấy chàng lòng thiếp đã ưa
Cái duyên ngư thủy thiếp xin đưa cho chàng.

Cao Quân Bảo:

Bây giờ đừng có đặt bày điều chi
Nàng đừng có nói lời thôi
Tài ba chi đó dám sánh đôi cùng mình
Phụ thân còn bị Châu Thành
Vui chi mà lại thoả tình nguyệt hoa
Thương thời chỉ nẻo cho ta
Cùng ta đến đó cứu cha phen này
Ngày mai về lại sẽ hay
Trai như ta trung hiếu ai bì
Con nhà tể tướng lấy lễ nghi làm đầu.

Lưu Kim Đính:

Chàng nói chàng đi cứu giá Thọ Châu
Cha chàng chính thị Cao huyện Hầu phải không?
Nếu thuận cùng ta kết nghĩa vợ chồng
Duyên hòa như thủy mặn nồng tương giao
Thưa cùng công tử họ Cao

*Lương duyên tiền định, số nam tào đã phân
Sức thuyền quyền đây em trừ đảng Dư Hồng
Dù chàng đánh nó cũng không được gì
Người sao không biết nghĩ suy
Để ai năn nỉ làm chi cho nhiều lời.*

Cao Quân Bảo:

*Trách sao con gái vô nghi
Trai không tìm vợ, gái lại đi tìm chồng
Đàn bà sao lại gheo đàn ông
Ta không tưởng đó đó đừng mong tưởng gì
Muốn cho có đó cùng đây
Kết tình phu phụ, giải vây Triệu hoàng.*

Lưu Kim Đính:

*Người sao ngang đà quá ngang
Chiêu phu đã phá lại còn toan mắng càn
Nhược bằng chẳng chịu phượng loan
Ta đây hóa phép dây oan trời liền.*

Cao Quân Bảo:

*Xin tiểu thư nghĩ lại mà thương
Phần thời ch, chúa nam đường bị vây
Bảo tôi đành ở lại đây
Kết nghĩa sum vầy đôi lứa phụng loan
Biết ai giải giá thánh hoàng
Cứu cha phò chúa liệu toan nước nhà
Tiểu thư mở trời tôi ra
Kẻo mà thương chúa nhớ cha quá chừng
Ứng sao cho đáng mà ứng
Nghĩa tình trung hiếu băng khuâng lòng vàng
Tiểu thư mở sợi dây oan
Tôi xin ghi tạc đá vàng không phai.*

Lưu Kim Đính:

*Người tài lời khéo nói hoài
Nếu thả, công tử chạy thời không xong.*

Cao Quân Bảo:

*Nàng thả tôi, tôi sẽ thuận lòng
Xin nguyên đó vợ đây chồng chẳng ngoa.*

Lưu Kim Đính:

*Mấy đời công tử thiết tha
án thần lai bát sự tôi mở ra cho chàng.*

Cao Quân Bảo:

*Ơn ấy sánh bằng Bắc hải
Nghĩa này vì tợ Nam san
Xin tiểu thư ở lại Tả giang
Cho tiểu tướng trông chừng Đường quốc
Đường quốc một mình tới đó
Đã thoát vây lưới họa dây oan.*

(Tám dây)

CHỊ TƯ GỖ

*Bài chòi tiểu thuyết đặt ra
Có một chị gỗ thân là bằng cây
Có ba ông thợ với một ông thầy
Sinh chuyện chày rày cũng bởi đùa chơi
Ban đầu anh thợ mộc đến chơi
Thấy khúc gỗ tốt mới chạm thời hình nhơn
Đầu đen mặt trắng da trơn
Một người con gái hình nhơn rõ ràng
Tiếp đến anh thợ bạc đi ngang*

Khen ai khéo tạc như nàng thiên nga
Tay chân yếu điệu nét na
Anh mới làm kiềng, làm xuyên đeo mà vô cho
Đeo xong anh đứng giữa gò
Anh bèn gánh bể gánh lò ra đi
Vừa đâu lại gặp anh thợ may
Khen ai khéo chạm để đứng ngay giữa đàng
Kiềng bông đã đeo đủ châu thân
Nhưng áo quần không có truồng trần khó coi
Anh thợ may ngắm nghía sẵn soi
May quần may áo mặc coi cho vừa
May rồi anh (đứng) ngắm say sưa
Bỗng đâu thầy phù thủy vừa ứa qua đàng
Thăm khen diện mạo dung nhan
Nhưng lại gần mới biết thật nàng bằng cây
Không biết ai đã tạc để đây
Một con người nhan sắc, nghĩ chuyện này cũng ngang
Thầy bằng điểm nhãn khai quang
Lễ đèn vừa dứt thì nàng nói ra
Bây giờ các anh thợ lại muốn nguyệt hoa
Giành người con gái mới cài la vang đồng
Anh nào cũng muốn làm chồng
Anh thợ mộc thì cũng kể cái công tôi tạc hình
Công anh thợ may thì may áo may quần
Còn công anh thợ bạc thì sắm xuyên kiềng vàng
Công thầy phù thủy thì điểm nhãn khai quang
Chị gố đứng đó không biết toan lẽ nào
Nhờ làng ăn học tài cao
Chuyện này nên xử lẽ nào cho thông?

Ba anh thợ tuy cũng có công
 Nhưng ông thầy phù thủy mới là công nặng nề
 Biết đâu mà xử cho ra bề
 Bốn ông thầy thợ biết ngả về cho ai
 Thưa làng hãy nghe thử có lọt tai
 Theo tôi nghĩ xử không sai đâu mà
 Anh thợ mộc không được nghĩ nguyệt hoa
 Vì tạo hình cốt tạo như ông cha đã đành
 Anh thợ may khi để cũng như anh
 May quần may áo như tạo thành thịt da
 Bì kia là mẹ, cốt nọ là cha
 Còn anh thợ bạc sắm kiềng hoa mới là chồng
 Ông thầy thì phải trả công
 Vì sư như phụ ba ông đành rồi
 Đến đây cũng xử vậy thôi
 Các ông có ước lên trời mà thưa.

*
 * *

Bài Chòi trong thời kỳ này được mang âm hưởng cải lương. Có cả "Cung oán" trong giai điệu cải lương.

Chiêu Quân Cống (Hô):

Chiêu quân có lòng trinh tiết
 Thấy cảnh tình nghi thiết thảm thương
 Cống phiên mười tám trăm trường
 Ngày nào cũng nhớ Hán Vương thảm phiên
 Sợ e Phiên Chúa giao duyên
 Thì phải thất tiết chính chuyên với chồng
 Còn như chẳng chịu tình thông
 Phiên Vương tức giận ở không đặng nào

*Nghĩ ra mưu kế rất cao
Tâu Phiến Vương cho rõ người lo việc này.*

Nói:

*Kể từ khi thiếp cống sang đây
Lòng cũng muốn duyên vầy hoàn hảo
Nguồn tình nọ người mong muốn tháo
Vì thiếp đây có áo kim châm
Nên người ước thâm thâm
Tay cầm trướng bị đâm đổ máu
Nay thần thiếp mới xin trần cáo
Lập trường kiêu tại chốn bạch viên
Để thiếp ra vãi cúi tiểu nương
Giải áo nọ chung giường mới được.*

Vua (Nói):

*Vậy sao không nói trước
Để làm chi trẫm ước ao hoài
Nay nàng đã nói lọt vào tai
Trẫm nghe đặng mới là nở mặt
Trẫm giao cho bộ Đốc công.*

H:

*Đốc công chuyên giữ lo âu
Mười lăm năm chẳng xây cầu mới xong
Phiến Vương khi ấy mừng lòng
Chiêu Quân nghĩ thảm nhỏ ròng lựu sa
Đến chừng gần tới Bạch dương hà
Phiến Vương cùng với quan gia tạm đình
Chiêu Quân ra đứng một mình
Nghĩ đến thân phận chạnh tình khóc than.*

(Oán):

Phen này liều kíp hồng nhan

Sống cùng Phiên Chúa không toàn tiết trinh
(Xin) cúi xin Thuỷ phủ long đình
Con quyết liễu mình trở lại Hồn Vương
Trọn nghĩa thuỷ chung mười tám năm trường
Không thay hình đổi dạ
Sống cuộc đời sao mà xa lạ
Ai bước vào thông qua tạo hoá
Quyết định rồi mới thấy yên lòng.

(Hô):

Biệt ly gì lữ gian thần
Giữ lòng chung thuỷ tấm thân phải liễu
Mưa mai rồi lại nắng chiều
Thôi đành nhắm mắt nhảy liễu (sông) xuống sông.

QUAN CÔNG PHỤC HUÊ DUNG

Vạn cổ trung can quyền nhật nguyệt
Thiên thu nghĩa khí quán kiên khôn
Quan Công Hầu tiết kiết, nhứt môn
Lập đoạn văn, bắt Tào tặc (chẳng) tha hồn Tào mang
Giữa chiến trường đoạn thệ rõ ràng
Qua Huê Dung bắt Tào tặc mổ lấy gan anh hùng
Đem quân xin ngài không thuận tùng
E quan hầu dị lộ dạy cùng Tào gia
Quan Công Hầu bám với ca ca
Cho em xuất trận trả nợ ba cho Tào
Dầu cho Tào Tháo mưu cao
Em nguyện ra sức anh hào nợ trai
Em phân làm hai đạo binh oai
Tử Long, Dực Đức đón hai nẻo đàng

*Côi Huê Dung bình mã em sang
Phen này Tào tặc hết đảng đào sanh
Thiên tán ngã hùng anh, địa mai ngô hào kiệt.*
Tào Tháo:

*Trăm lạy Quan Công Hầu
Ngàn lạy Quan Công Hầu
Xin quan hầu suy đi nghĩ lại
Lúc ở Tào về ngại cố tri
Từ ngày Quan Vũ ra đi
Tào không có một tiếng chi mách lòng
Dâng cảm bào, xích thố cho ông
Có sao không nghĩ, đem lòng thứ tha
Dầu mà tha đừng Tào gia
Ơn ông ông sánh tợ hải hà cao thâm
Quan Công Hầu khi ấy hồi tâm
Điện tiền (ông) chẳng sánh cầm Tào Nhon
Ơn ông ví tợ Nam Sơn
Nghĩa sánh tày Bắc Hải, tôi cúi đầu vụng bái
Chỉ bắt nguy lui về, xin Quan Hầu thứ ra đi
Tào tôi lạy tạ hồi qui (Tào) lai Tào.*

VÂN TIÊN - NGUYỆT NGÀ

*Nguyệt Nga là gái trung trinh
Vì cha nên phải đặng trình ra đi
Ai ngờ gặp lúc hiểm nguy
Phong Lai nó bắt đem đi lện rừng
Tổ thầy than khóc từng bừng
Trời ơi, nó hại nửa chừng hồng nhan
Vân Tiên vừa lúc đi ngang*

Chàng bèn ra sức phá tan hung đồ
Xong rồi chàng mới bước vô
Hỏi rằng thực nữ ở mô đi vậy?
Nguyệt Nga tuần tự tỏ bày
Tây Xuyên quê ở, thiếp tên rày Nguyệt Nga
Qua Hà Khê đặng thiếp thăm cha
Ai nhờ bị Đãng lâu la bắt rày
May mà chàng cứu thiếp đây
Lấy chi đáp nghĩa chàng rày (xin) trao trâm
Vân Tiên quay mặt không cầm
Nguyệt Nga trong dạ hổ thâm lắm thay
Trâm này thiếp đáp ơn dày
Chàng mà không tưởng, thiếp tặng rày bài thơ
Vân Tiên quay mặt cầm tờ
Khá khen thực nữ tặng thơ thay vàng
Nguyệt Nga thôi mới hỏi chàng
Ở đâu nghĩa sĩ băng ngàn tới đây?
Vân Tiên thông thả giải bày
Xong xuôi chàng mới định bài bước đi
Nguyệt Nga trong dạ sầu bi
Đêm ngày tơ tưởng nhớ thì Vân Tiên
Đặt bàn hương án cầu nguyên
Họa ra bức tượng Vân Tiên để thờ.

Như chúng ta thấy, nội dung những câu hô chủ yếu phản ánh những cảnh huống tai gai mắt, dả kích vào đạo đức lễ giáo của chế độ phong kiến đương thời, mặt khác nó cũng đề cao đạo đức, nhân văn và con người lao động, ca ngợi lòng chung thủy, tình phụ tử, tình bạn, tình người...

Có thể nói, do chất thơ của lời hô, do kịch tính kêu gọi sự chờ đón của người nghe, do giai điệu trong sáng nhẹ

nhóm dễ hát, dễ thuộc, nên Bài Chòi đã giữ vai trò quan trọng trong sinh hoạt văn nghệ vui tươi, lành mạnh của nhân dân miền Nam Trung Bộ từ trước đến nay.

Thời kỳ đầu, Anh Hiệu vừa hát, vừa làm động tác để tạo thêm tính hấp dẫn. Câu hát ngày càng dài ra và động tác cũng theo thời gian mà phong phú hơn nhiều, dĩ nhiên là cách điệu ở mức thấp. Người chơi bài và người xem hỗn hợp, nghe từng câu và chờ đợi tới chỗ ứng với tên các bài. Khi có tiếng mõ vang lên ở một chòi nào đó, anh Hiệu niêm nở mang khay tiền tới thưởng. Anh vừa thưởng vừa hát:

*Vàng lệnh làng lĩnh lấy khay tiền
Hiệu khẩn cấp dâng cờ đệ nhất.*

Miệng hát, tay cầm lá cờ ở cửa chòi vừa trúng và hát câu chúc mừng:

*Xin chúc gia quyến năm mới an khang
Xin chúc gánh hàng mỗi ngày một nặng
Chúc cô kết đặng một anh học trò.*

(Học trò)

Đánh Bài Chòi là trò diễn xướng dân gian khá độc đáo ở miền Trung cũng như các hình thức nghệ thuật sân khấu dân tộc khác như Chèo, Tuồng, Cải lương, Ca Huế, Ví dặm đều bắt nguồn từ các trò diễn xướng dân gian rồi phát triển lên dần để trở thành một loại hình sân khấu hoàn chỉnh. Quá trình phát triển của mỗi loại hình có khác nhau, phụ thuộc vào môi trường sản sinh ra nó. Riêng Bài Chòi ra đời trên cái nôi Hát bội (tuồng) nên chịu ảnh hưởng khá sâu sắc nghệ thuật tuồng, từ nội dung đến hình thức biểu diễn và âm nhạc. Theo các nghệ nhân Bài Chòi cho biết thì hầu hết anh Hiệu của Bài Chòi đều là

những nghệ nhân tòng chuyển sang, hoặc ít ra cũng học được một ít vốn từ sân khấu tòng. Chúng ta có thể làm quen những "anh Hiệu" như: Sáu Cốc, anh Miệt, anh Sinh, anh Bùng, Hoài Ân, Nguyễn Đốc, Tuấn Phong, Đinh Thị Hải, Đinh Thái Sơn, Kim Kích, chị Nhảy, chị Đạm, chị Hương, chị Liễu, Ngô Quang Thắng, Tư Liên và lớp kế cận như Nguyễn Kiềm, Phan Ngạn. Nhạc công Bài Chòi cũng là nhạc công tòng như: Văn Bá Anh, Xuân Hoà, Mang Tuấn, Dương Long Căn, Hai Nhì, Nguyễn Cung Nghinh... Đa số nghệ nhân và nhạc công này đều có mặt trong Đoàn văn công Liên khu 5 sau này.

Qua giới thiệu khái quát trên ta thấy quá trình phát triển Bài Chòi đã trải qua nhiều giai đoạn: Từ độc tấu đến song tấu, từ bài ca lẻ đến câu chuyện ngắn, từ truyện ngắn đến truyện dài, từ đơn giản đến phức tạp, từ ca ra bộ đến lên sân khấu. Đây là một quá trình phấn đấu sáng tạo không ngừng của nhiều thế hệ nghệ nhân để Bài Chòi phát triển đồng bộ từ kịch bản đến âm nhạc, từ động tác biểu diễn đến mỹ thuật sân khấu và trang phục hoá trang.

1 - Bài Chòi chiếu

Hình thức "đánh Bài Chòi" tồn tại khá dài trong nhiều thập kỷ. Đến những năm đầu của thế kỷ XX, mới tách khỏi cái chòi với hình thức biểu diễn hết sức đơn giản nhưng cũng hết sức linh hoạt và thông minh của những anh Hiệu. Từ những hình thức "Bài Chòi Chiếu" ra đời tương ứng với chèo Chiếu, chèo Sân đình ở miền Bắc và cải lương "ca ra bộ" ở miền Nam. Phương thức biểu diễn của các loại hình nghệ thuật dân gian này cũng gần giống nhau, đặc biệt Bài Chòi và cải lương đều dựa vào hát bội từ tòng tích đến động tác.

Diễn nhiên, ở giai đoạn này, các anh Hiệu không còn độc diễn nữa và cũng không ứng tác những câu ngắn nữa mà chuyển sang diễn những câu chuyện dài có từ 2, 3 nhân vật trở lên. Trong đó cũng có bi, có hài, có hùng như truyện "Ông xã bà Đội", "Lâm Sanh - Xuân Nương", "Thoại Khanh - Châu Tuấn". "Quan Công phục Huê Dung", "Tam Hạ Nam Đường", "Lý Ân - Lang Châu", "Phạm Công - Cúc Hoa"... Tuy những câu chuyện dân gian trên đã rất quen thuộc trong nhân dân, nhưng chúng trở nên hấp dẫn kỳ lạ khi thông qua nghệ thuật biểu diễn sáng tạo của các nghệ sĩ Bài Chòi dân gian.

Những nghệ sĩ dân gian biểu diễn "Bài Chòi Chiếu" không còn phụ thuộc vào thời vụ và "sân khấu" (Chòi) như xưa nữa, mà họ hình thành từng tốp 3 người (hai diễn viên, một nhạc công), hoặc nhiều hơn tùy thuộc theo vở ngắn, dài và nhiều hay ít nhân vật. Cũng có diễn viên một lúc đóng hai vai. Ví dụ: vừa đóng vai ông Xã, vừa đóng vai mẹ Đội, hoặc vừa đóng vai Lâm Sanh, vừa đóng vai Xuân Nương. Ở lối diễn này không có hoá trang, phục trang, nhưng bằng nghệ thuật hát thật mùi, kết hợp động tác thật sinh động, nên nó vẫn hấp dẫn được người xem. Tuy vậy, nghệ thuật nào cũng không dậm chân tại chỗ vì yêu cầu thưởng thức của công chúng ngày nhiều nên các nghệ sĩ Bài Chòi dân gian lại phải nâng cao và cải tiến bằng cách sáng tác thành những kịch bản hoàn chỉnh dựa theo những truyện dân gian phổ biến như: "Ông Xã - bà Đội", "Lâm Sanh - Xuân Nương", "Thoại Khanh - Châu Tuấn"... Dù là sân khấu Chiếu nhưng có khi diễn trọn vở kéo dài cả đêm.

Song song với sự phát triển nội dung, thì ca hát và âm

nhạc cũng phải đáp ứng đồng bộ, ngoài các điệu cơ bản như Xuân nữ, Xàng xê, Hồ Quảng, các nghệ nhân cũng gia tăng một số làn điệu của tuồng như Hát nam, Tấu mã; đồng thời biến tấu một số làn điệu dân ca địa phương theo hơi hướng Bài Chòi. Bài Chòi thực sự trở thành món ăn tinh thần của đồng bào Nam - Trung Bộ. Trong kháng chiến chống Pháp, nghệ thuật Bài Chòi đã trở thành động lực tinh thần của quân và dân Liên khu 5. Ở đâu cũng có tiếng hát Bài Chòi khi là bài lẻ, lúc là vở diễn ngắn gọn được sáng tác kịp thời nhưng sao mà gợi cảm và cuốn hút lạ thường.

2 - Từ chiếu lên sân và từ Nam ra Bắc

Bài Chòi từ chiếu lên sân từ những năm 20 (thế kỷ XX), với các vở "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*", "*Lâm Sanh - Xuân Nương*", "*Phạm Công - Cúc Hoa*" hoặc dựa theo các truyện thơ mà chuyển thành kịch hát Bài Chòi. Trong kháng chiến chín năm (1945-1954) Bài Chòi tập trung vào đề tài hiện đại, diễn những bài lẻ và những hoạt cảnh phục vụ kịp thời từ trong thôn xã đến các mặt trận. Có thể nói ở đâu cũng có hô (hát) Bài Chòi, diễn Bài Chòi. Tiếng hát làm át tiếng bom, tạo được không khí phấn khởi trong đời sống của nhân dân và bộ đội.

Cuối năm 1954 mới tập kết ra Bắc, các nghệ nhân Bài Chòi Liên khu 5 đã xây dựng vở "*Trước tạm biệt*" (sáng tác của Ngô Quang Thắng); vở diễn này đánh dấu sự phát triển của Bài Chòi, từ đất lên giàn, tức là từ sân khấu chiếu lên sân khấu hộp, có phong màn, có ánh sáng dù còn rất đơn sơ. Nhưng vở diễn đã gây xúc động hàng vạn người xem, nhất là đồng bào Bình Định, nơi Đoàn Văn công Liên

khu 5 (gồm Tuồng và Bài Chòi) từ miền Bắc quay về miền Nam phục vụ cho quân dân ta trong thời gian 100 ngày chuyển quân ra Bắc (1954 - 1955). Từ thử nghiệm này, những nghệ sĩ Bài Chòi, trong đó có các anh Hiệu của sân khấu đất, sân khấu chiếu năm xưa như Tư Liên, Đinh Thái Sơn, Nguyễn Kiểm... mạnh dạn thử nghiệm một vở lớn là "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*", do Nguyễn Tường Nhân sáng tác từ truyện dân gian. Ê kíp làm vở này, là một tập thể nghệ sĩ có tài như: Nguyễn Văn Khánh (đạo diễn), Nguyễn Cung Nghinh - Võ Bài, Hoàng Lê (sáng tác nhạc nền và bài mới), họa sĩ Văn Na làm trang trí phục trang. Những nghệ sĩ có tên tuổi như Lê Thi, Đinh Thái Sơn từ tuồng chuyển sang. Nguyễn Kiểm, Bích Liên, Thanh Cảnh, Hữu Ích, Trần Chúc, Huỳnh Thủ, Vũ Đăng Khai, Liên Nguyễn, Hải Liên, Ngọc Anh... cũng tham gia biểu diễn. Đây là vở Bài Chòi đầu tiên được dựng diễn theo tiêu chuẩn của sân khấu hiện đại. Có thể nói, tập thể nghệ sĩ tham gia dựng vở đã huy động tất cả những vốn nghề Bài Chòi sẵn có và học tập vận dụng thêm một số yếu tố từ nghệ thuật tuồng như làn điệu và động tác cũng như múa cung đình... do các nghệ sĩ tuồng Sáu Lai, Đội Tảo, Ngô Thị Liễu, Nguyễn Phô, Nguyễn Vĩnh Huế truyền dạy.

Sau ba tháng luyện tập hết mình, vở diễn "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" đã thành công và gây được tiếng vang lớn trên miền Bắc. Vở Bài Chòi "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" đã trở thành một sự kiện học thuật trong đời sống sân khấu ở miền Bắc. Vở diễn thu hút hàng triệu người xem, bất kỳ đối tượng nào. Nghệ sĩ Lê Thi - người đóng vai chính đã được bộ đội và nhân dân thân mật gọi bằng tên của nhân vật là "Chị Thoại Khanh". Trong lịch sử sân

khẩu Việt Nam chưa có một vở diễn nào lại "sống" liên tục 20 năm trên sân khấu và sau đó đã được nhân lên ở các đoàn Bài Chòi ở các tỉnh Nam Trung Bộ. Có một điều đáng chú ý là một số đoàn ca kịch khác như chèo, cải lương, ca Huế và cải lương Nam Bộ đã dựng lại vở "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" nhưng vẫn không có sức hấp dẫn mạnh mẽ như Bài Chòi.

Vở Bài Chòi "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" từ lúc mới ra đời đã được Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà thơ Tố Hữu xem và đánh giá rất cao và vở này còn được vinh dự đưa vào Phủ Chủ tịch biểu diễn phục vụ Bác Hồ và khách quốc tế. Tôi may mắn được lãnh đạo Đoàn giao nhiệm vụ ngồi gần Bác Hồ để trả lời khi Bác hỏi về Bài Chòi¹. Qua đó, chúng ta thấy rõ được cái đặc sắc và tính ưu thế của kịch hát Bài Chòi trong việc thể hiện đề tài dân gian, mặc dù làn điệu của nó còn nghèo hơn chèo, cải lương và ca Huế, nhưng sức gợi cảm của điệu Xuân nữ - điệu hát chủ đạo của Bài Chòi không kém gì điệu Vọng cổ - điệu hát chủ đạo của cải lương.

Sự phát triển vượt thời gian của bộ môn ca kịch Bài Chòi trong những năm ở miền Bắc là kết quả của một tập thể nghệ sĩ có tài năng, có tâm huyết với Bài Chòi. Ngoài những cán bộ nghệ thuật thường trực trong Đoàn Bài Chòi Liên khu 5 như Nguyễn Tường Nhân, Nguyễn Văn Khánh, Võ Bài, Ngô Quang Thắng, Liên Nguyễn, Lê Chúc... còn có sự hợp tác của đông đảo văn nghệ sĩ ở Hà Nội gắn bó với đoàn như Thanh Nha, Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Huỳnh Chinh, Trúc Đường, Kính Dân, Nguyễn Văn Niêm...

¹ Xem sách "*Bác Hồ với sân khấu*" do Viện Sân khấu xuất bản năm 1990.

Như phần trên chúng tôi đã trình bày khái quát về quá trình phát triển của nghệ thuật Bài Chòi cổ. Bài Chòi cổ chỉ có mấy làn điệu cơ bản là: Xuân nữ, Xàng xê, Cổ bản, Hồ Quảng. Tuy vậy nó vẫn diễn tả được nhiều nội dung phong phú từ những truyện dân gian, trong quá trình phát triển của Bài Chòi, cả về nội dung và hình thức, trong đó có làn điệu và bài bản âm nhạc. Điều đó được bắt đầu từ vở "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" và tiếp theo là vở "*Tiếng sấm Tây Nguyên*" và hàng loạt vở khác nữa về đề tài lịch sử, dân gian và hiện đại.

Các nhạc sĩ: Hoàng Lê, Nguyễn Cung Nghinh, Võ Bài, Văn Cận, Trần Hồng, Trương Đình Quang, Hà Sâm, Hoàn Loan... đã dựa theo các làn điệu dân ca Nam Trung bộ như lý, hò, ru... mà phát triển thành những bài hát mới, phục vụ cho những vở Bài Chòi mới. Những bài hát mới nói chung đã diễn tả được nhiều tâm trạng, nhiều tính cách nhân vật và không bật ra khỏi hệ thống âm điệu Bài Chòi.

Dưới đây là những bài hát mới sáng tác được sử dụng rất nhiều trong các vở ca kịch Bài Chòi gần bốn thập kỷ qua.

LÝ THƯỢNG¹

(Lời cổ)

Bạc nữ

Nhịp nhanh vừa (tươi sáng, rộn ràng)



Ngó lên hòn núi hòn
Muốn đi cầu ván cầu
Chuột ché lúa lép lúa

núi ta lý nọ thiên thai thấy thấy
ván ta lý nọ đóng đinh cầu cầu
lép ta lý nọ không ăn chuột chuột

đôi á đôi con chiến chiến chiến thấy thấy
tre á tre tình mà lắt léo cầu cầu
ché á ché tình mà bỏ rách chuột chuột

đôi á đôi con chiến chiến chiến ta lý nọ ăn
tre á tre tình mà lắt léo ta lý nọ gặp
ché á ché tình mà bỏ rách ta lý nọ ra

xoài á ỳ a ăn xoài chín cây (Muốn)
ghếnh á ỳ a gặp ghếnh khó đi (Chuột)
nằm á ỳ a ra nằm bụi tre.

¹ Khúc hát của người Kinh diễn tả tác phong tình cảm, đồng bào miền núi (người Thượng) chứ không phải là một điệu lý (dân ca) của người Thượng. Điệu lý Thượng này đã dùng trong một số vở ca kịch Bài Chòi khá thành công.

TÍNH CHẤT: Vui tươi, duyên dáng, dí dỏm. Dùng cho đơn ca, tốp ca nữ, hợp ca nam nữ trong ca kịch (cũng có thể dùng làm hát nền) hoặc cho các tiết mục lẻ trong chương trình ca múa nhạc. Ví dụ như nguyên ba lời cổ trên đây cũng có thể dùng cho tiết mục đơn ca hay tốp ca nữ.

LÝ ĐỒNG NAI

(Lời cổ)

Bậc nam

Nhịp tự do (chậm biến, hải hước)



Gao đồng ngoài một tiền bảy chén, chứ còn gao



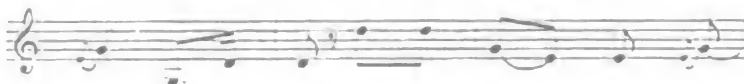
đồng trong một chén bảy tiền. Anh không tin thì anh



về Đồng Nai mà anh ngủ... ngủ coi



Thấy quân a quân thôi đi ma tập



trận nưm bu ru! Cò cái chòi a chòi



có cái chòi bần bĩa. Con ngựa hồng



mao mao tiền mau hầu hí hí hí cái quần vô



thần đấu đôi mào đai súng vác vai dùng tà rạch



rạch tay cầm giáo cầm cờ cầm đao phay cầm móc



lỡ cầm trành rửa cầm rửa búp của bầy đập hết cầm

TÍNH CHẤT: Hóm hình, hài hước. Dùng thích hợp cho các nhân vật hề trong ca kịch. Cũng có thể viết lời mới với nội dung giáo dục, đả kích những thói hư tật xấu của xã hội, dùng trong các tiết mục ca nhạc.

LỜI MỚI: Trong vở "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" của Nguyễn Tường Nhân, hai vai lính của Tương Tử nói xấu tính tình của quan huyện Tương Tử:

Lính A: Học hành gì mà khi có tiền mới đỗ... đỗ chót. Ấy vậy mà về nhà cứ tán dóc luôn... luôn mồm. Cứ huênh hoang khoe đức rộng tài cao, thế có chán... chán không?

Đức cao á cao thôi mà xịt bộp có cái nghề... à
nghề có cái nghề xấu xa. Thấy gái tơ đêm ngày
sục sạo.

Bé hé!... Bé hé!...

Lính B: (bất chước) Bé hé!...

Lính A: Con dê râu xồm nhiều hại lương dân. Thấy
miếng ăn...

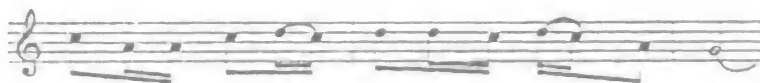
Lính B: (giả vờ dọa) Ừ được, được. Anh nói xấu quan
minh này đừng than, này đừng trách, tôi đi
mách với quan trên, cho chừa thói nói hành.

LÝ CON NGỰA¹

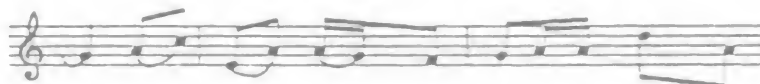
Nhịp vừa phải (khoẻ, trong sáng)



Con ngựa ngựa ô. Con ngựa ngựa



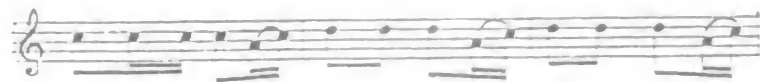
ô mà là ô có chường nó có chường lằng lằng



Ơ bạn chung tình ơ nó có chường lằng



lằng. ma la yền yền² lên ma la yền yền



lên yền ta lên một cái nó đa một cái té xuống một

¹ Còn gọi là *Lý ngựa ô*, khác với *Lý ngựa ô Huế* và *Lý ngựa ô Nam Bộ*. Đây là một loại dân ca trong sắc bùa.

² Yền yền: từ chữ yền (tức anh) hát lẩy theo nhạc.



cái nỏ mí đau cha chái yên ta lên cái



nữa yên quất một roi yên gò cương lai tình tang non



tang lính ha lính lính tang non tang tình ở



bạn ở bạn chung tình ai hay đã thân



hay í í í í í.

TÍNH CHẤT: Khẩn trương, sôi động, vui tươi. Đây là một làn điệu dân ca có tính kịch cao. Phần lớn các tiết mục thời sự hiện đại đều sử dụng làn điệu này qua các hình thức đơn ca (báo tin, kể chuyện), đối ca (trong trường hợp có đấu tranh, yêu sách một việc gì), đồng ca đóng màn (như kết thúc vở "*Đội kịch chim chèo bẻo*") v.v...

Lâu nay có một vài nơi tưởng lầm đây là một giai điệu tự do, muốn hát thế nào cũng được, muốn kéo dài thêm mấy nhịp cũng được (nhất là từ nhịp 13 đến nhịp 20) làm mất hiệu quả độc đáo của giai điệu. Sự thật, việc nhân nhượng của nhạc đối với lời trong dân ca chủ yếu là sự thay đổi cao độ ở các nốt thứ yếu, ví dụ lời mới của bài Lý Đồng Nai ở trên:

"Con ngựa hồng mao" so với "thấy gái tơ"

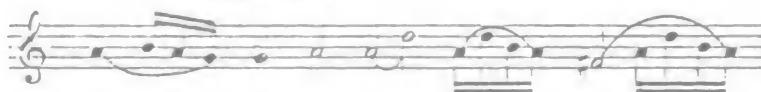
"Cái quân vô thần đầu đội mào đai" so với "con dê râu xồm nhiều hại lương dân".

LÝ TANG TÍT

(Lời mới trong vở tuồng chèo Ngộ của Nguyễn Lai)

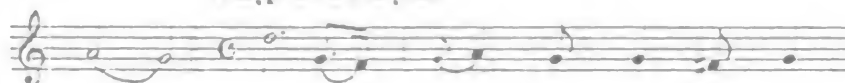
Bậc nữ

Nhịp tự do



Ru hơi ru hơi hơi là đ....

Nhịp hơi chậm



ru Nín mà nghe qua mà qua



hát dạo quanh vòng dạo quanh vòng



ból gác mà xem chơi tàng tít



tang non nang tít tàng tàng tàng tít



tang non nang tít tàng tang tít ba lý tít



Hết

tang non nang tít tàng tàng Kìa kìa



hỡi đàn chim mà thành thót đưa nhau



cùng đưa nhau cùng bay tột từng mây tàng tít

(Lời cổ)

Bạc nam

Nhịp vừa phải (khoẻ, chắc, trong sáng)



Bớ hử bớ hui này! (Xô Bớ hui!) Xích



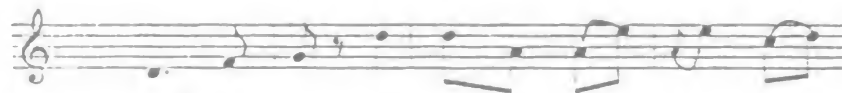
hụi hò khoan (Xô hụi là khoan) Lửa cháy núi



Tan (Xô hội là khoan) Ngó lên



(Xô huy là khoan) lửa cháy núi lan



(Xô hui là khoán) Dời ta mà thúng thính (Xô la



hố ô... khoan) lửa tàn (Xô hội là



khoan) Lửa tàn sẽ vô hội là



khoan hội là khoan xích hội hò khoan

TÍNH CHẤT: Chắc khoẻ, nhịp nhàng. Một làn điệu dân ca hay nhưng có ít tính sân khấu, nên thường chỉ thích hợp với các trường hợp mở màn, làm nền trong màn cho ca kịch và hoạt cảnh. Tuy nhiên khi trình bày một cảnh lao động ngoài sân khấu thì áp dụng rất tốt. Ngoài ra, có thể dùng cho các tiết mục lễ bằng hình thức tốp ca nam hoặc hợp ca.

HỒ KHOAN

(Lời cổ)

Bậc nữ

Nhịp tự do (phóng khoáng)



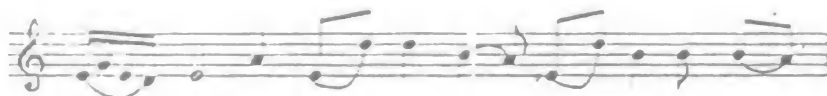
A ô... ớ khoan hơ hò hơ là



hò khoan À ơ, đất Quảng Nam chưa mưa đã



thâm rượu hồng đào chưa nhắm đã say chữ



bạn về nằm ngủ gát tay thử ai mê ơn



trượng à ơ à ớ thử ai mê ơn trượng nghĩa



dạy cho bằng ta ơ hò hơ là hò khoan.

LỜI CA: Thường từ hai, ba có khi đến bốn câu lục bát hoặc song thất (một câu lục bát tức một câu sáu chữ và một câu tám chữ, câu song thất tức là hai câu bảy chữ), và hầu như bao giờ vào đầu cũng bằng thơ song thất. (vào đầu bằng lục bát vẫn hát được nhưng giai điệu nghe gò bó, nghèo hơn). Lời ca ghi trên có hai câu: một câu song thất và một câu lục bát.

Bất kỳ lời ca có mấy câu thơ cũng chỉ có một lần mở đầu: "À ơi... ở khoan hơ hố hời là Hò khoan" và một lần chuẩn bị kết ở giữa câu hát cuối cùng: À là (năm nốt cuối ở dòng thứ năm).

Cũng giống như Bài Chòi, trong làn điệu dân ca này âm nhạc phụ thuộc vào lời ca. Có bao nhiêu lời ca khác nhau thì có bấy nhiêu bản nhạc Hò khoan khác nhau, chỉ có nét giai điệu (cốt lõi của điệu thức) là không thay đổi.

Đây là một làn điệu tuy có ít tính sân khấu nhưng rất trữ tình, thường được dùng làm nền cho những trường hợp: câu hò từ đâu vắng lại, hoặc ca ngợi sông núi, anh hùng, nhân nhủ, gửi gắm tâm sự v.v... Trong độc tấu Bài Chòi trên hình thức tiết mục lẻ, Hò khoan cũng thường được dùng để mở đầu hoặc để chuyển nội dung ở giữa đoạn.

TÍNH CHẤT: Trong sáng, phóng khoáng.

VỀ QUẢNG



(Nhạc dạo đầu)



.....) Mấy lời mẹ dặn mà con



Thơ chữ tình chữ ngãi con í lo cho



Tròn mẹ già cầu chúc mà cho con khoa



Trường dắc cử thành í công con về (Nhạc đệm



.....) Con đi cách trở mà son



Khé ở . . . Con đi cách trở mà sơn



khé áo nâu con giữ tình . í quê cho mặn



nóng có điều chi con gửi tin hồng kéo mẹ



già tựa cửa đợi . í Trông vô vàng (Nhạc



.....) Gạo đây mang lấy mà ăn tiền



đây mang lấy ít quan con tiêu đường con



đường bận bịu mà vẫn vương bước đi còn



lắm dặm là trường dặm trường còn xa.

TÍNH CHẤT: Làn điệu thích hợp với các nhân vật già. Lời bài hát thường là những câu lục bát không hạn định. Trong ca kịch thì ngắn nhất cũng phải được 4 câu (4 câu 6 và 4 câu 8) và dài nhất cũng từ 8 đến 10 câu). Ở trường hợp độc tấu, tùy nội dung và kỹ thuật biểu diễn, mỗi bài có thể đến hai ba mươi câu lục bát mà vẫn không bị nhàm tẻ như bài "*Em Đàng anh dũng*" của Liên Nguyễn.

CHÚ Ý: Về Quảng có một nét hát dựng nghe rất lý thú, như bài hát trên đây từ nhịp 21 đến 25 (trên lời ca: con đi cách trở sơn khê). Cho nên dùng Về Quảng mà không cho một chỗ nào hát dựng thì thật là phí. Nếu có trường hợp như thế là do người hát không biết hát dựng, hoặc do người viết lời không có chỗ để hát dựng. Lời có thể hát dựng được thuộc về câu lục ở khoảng giữa bài, và từ cuối của câu lục (tức từ thứ sáu) phải là thanh không dấu.

Dù là đoạn ngắn hay dài, âm kết cuối cùng của điệu về Quảng phải nằm trên thanh không dấu, như bài trên đây đã kết thúc: "... dặm trường còn xa".

Về Quảng cũng là loại âm nhạc phụ thuộc vào lời ca, không có giai điệu và khúc thức cố định, mỗi lời ca khác nhau lại có khúc thức khác nhau.

LÝ NĂM CANH

(Lời cổ)

Bạc nam

Nhịp vừa **phải** (trữ tình pha chút hóm hỉnh)



Canh một thơ thần ý ra vào ra chờ



trăng ôi tình mà trăng xế a ý a chờ hoa hoa bông hoa



tàn tà là trống canh hai thấp ngọn ý loan đèn loan chờ



người ôi tình quân tử tôi a ý a thở than than đôi ba



lời tà là trống canh ba đang nói cười đang cười còn



hai ôi tình mà canh nửa a ý a mỗi



người người rằng mỗi phương tà là trông canh



tư thấp búa nguyên thiên nguyên khứ



lai ôi tình mà mình bạch a ý a cho



tuyền tuyền rằng thủy trung chung tà là trông canh



năm ngọn cờ phất ý rung trông rung tang cắc cà rập



thùng qua gá tiếng cùng em bậu chớ có nghe



ai qua gá tiếng cùng em bậu chớ có nghe ai.

(Lời cô)

Nhip vừa (nhớ thương, oán trách)



91



đau ở anh chàng mà là chàng mình

đi chi mà tẻ tẻ lắm chàng chi mà

bạc bạc lắm chàng (thà) chứ nín nín đi

con con đi con hỡi là hỡi con... ..

1.
hỡi hà xin thiệp gửi một

lời nhân nghĩa bạn mà là quên đường

quên ở anh... ..hỡi.

TÍNH CHẤT: Đa diết, ai oán. Một làn điệu dân ca trữ tình. Dùng cho đơn ca trong ca kịch và có thể viết lời mới cho các tiết mục lẻ.

LÍA PHÔN

Bạc nam

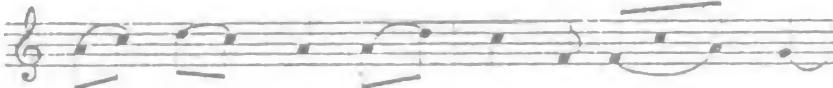
Nhạc : CUNG NGHINH

Lời : LIÊN NGUYỄN

Nhịp vừa phải



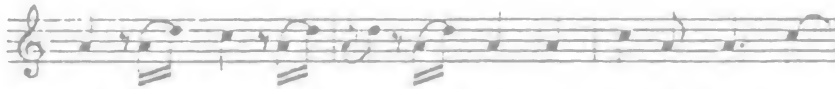
Nếu mây không chịu cản ngăncha mây từ



bỏ cái thằng Tổng Lang mà rù rê



già trẻ quanh làng Rù rê già trẻ quanh



làng bỏ nường bỏ rầy bỏ làng mà đi thi từ nay



mây đừng có tới nơi này thằng En nhất



định không cùng mây sống chung mà cháu của tao



không có thể hại lòng.

TÍNH CHẤT: Sôi động dứt khoát. Thích hợp với các nhân vật nam đơn ca hoặc đôi ca trong ca kịch và các tiết mục lễ.

Làn điệu lấy từ chất liệu dân ca "Lúa" (về nói lúa ở Bình Định cũ), lần đầu tiên dùng cho nhân vật Già Phôn trong vở "*Tiếng sấm Tây Nguyên*" nên quen gọi là "*Lúa Phôn*".

Khi viết lời mới để sử dụng nhớ chú ý tứ đầu của nhịp 14 tức từ "định" phải là thanh dấu nặng, và giọng ép hơn là thanh huyền, ngoài ra, nếu dùng các thanh khác thì không hát được (nếu hát được thì đã biến thành giai điệu khác rồi, dĩ nhiên là không nên làm thế).

LÚA PHẬU

Nhạc và lời: HOÀNG LÊ

Bạc nam

Nhịp vừa phải



Cố ai xưa bày bày đã lừa tao nói rõ việc



này tao mới tha cho tội chết Kịch tao



tại sao dám đem sửa hết ban mưu



này là ai xưa hơn mấy nếu không



khai... (cụ già) thôi lão khuyên có chuyện



ta tại ban sau (nhạc đệm)



(chị trưởng) Cái ông già nào không nên dấy vào



đây! (cụ già) nói chuyện với lữ



này sao đưa súng ông ơi (C.trg) Một vở tuồng



kiệt tác của tôi nhưng vì sao nó lại



diễn sai đuôi sửa đầu? (cụ già) Thì cất súng đi



ta nói chuyện với nhau nào.

TÍNH CHẤT: Cũng gần giống như Lúa Phôn. Nhưng ở Lúa Phôn có cái gì nóng nảy, giận dữ, thì ở Lúa Phấu có vẻ lý lẽ, sâu sắc hơn.

Thích hợp với các nhân vật nam đơn ca hoặc đối ca trong ca kịch và các tiết mục lẻ, nhất là các vai nam phản diện.

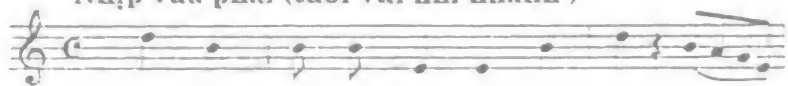
Tên Lúa Phấu cũng như trường hợp Lúa Phôn. Lần đầu tiên làn điệu này đã dùng cho nhân vật Quỳ Phấu (người dân tộc Mường) trong vở "*Trên núi Phìn Hồ*" và cũng sáng tác từ chất liệu dân ca lía. Lời trên là của nhân vật chỉ trưởng cảnh sát và cụ già trong vở ca kịch Bài Chòi "*Đội kịch chim chèo béo*".

CHÈO BÈO

Bác nữ

Nhạc và lời HOÀNG LÊ

Nhịp vừa phải (tươi vui nhí nhảnh)



Nhớ như mì sao ngôi li ra đó (Nhạc.... ..)



...) chứ tao thôi kèn tao có meo hay (Nhạc)



... ..) chúng ta là chum cheo heo (Nhạc...) chèo



neo thì đánh quạ đen sức ta tuy



bé chú ta không hèn kết đoàn chiến



đầu thì quạ đen quạ đen phải chuẩn.

TÍNH CHẤT: Hồn nhiên, nhí nhảnh, vui nghịch (giàu chất thiếu nhi). Dùng cho các nhân vật thiếu nhi trong ca kịch hoặc các bài hát thiếu nhi ở các tiết mục lễ. Lần đầu tiên bài hát được dùng trong vở "*Đội kịch chim chèo bèo*" (Lời của các em thiếu niên trong đội kịch tranh luận với nhau).

TÌNH DUYÊN CUNG OÁN

Nhạc và lời : VĂN CẬN

Bạc nữ

Nhịp hơi chậm (đau thương, oán trách)



Là tang tít tang là tang tít tang là tang tít

Là tang tít tang là tang tít tang là tang tít



tàng là tàng tang tít tang đàn kêu nổi

tàng là tàng tang tít tang Đàn kêu mắt



me trông con đàn kêu nổi

bị yêu tình cuồng si chiếm



ợ cô đơn như chồng đàn kê phân bạc má

đoạt thân thêm khôn cùng Đàn kê phụ bạc chẳng



hồng mấy năm chẳng thấy mặt chồng ở

chàng nữ ham cây quế phụ nhàn thiên



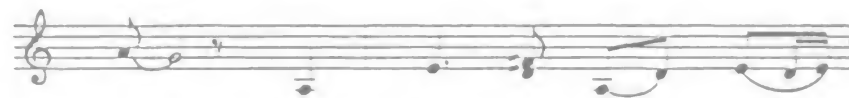
đầu là tang tử tàng Dân
huàng là tang tử tàng Dân



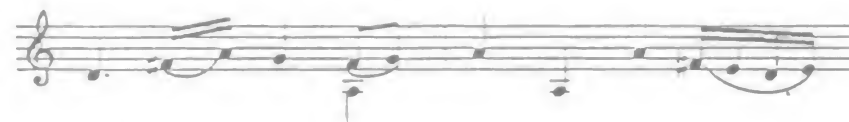
kêu em chịu dài dẫu bao năm lao
kêu em chịu đoạn trường anh đi ham



khổ chàng nào có hay (Nhạc . . .)
phú phụ bản có hay (Nhạc . . .)



.) Dân kêu lúc thối cảnh
.) Dân kêu con tạo lá



tay dường nuôi từ mẫu chàng hay chăng
lay hồi anh Châu Tuấn giờ hay chăng



chẳng chàng có hay chăng chàng
chẳng chàng có hay chăng chàng.

Đây là một bài đàn của Thoại Khanh đàn (vừa đàn vừa hát) cho Châu Tuấn và công chúa Tề nghe ở màn 5 trong vở "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" của Nguyễn Tường Nhẫn. Một bài đàn độc đáo thâm thúy và trữ tình, một bài đàn có tính giáo dục tình chung thuỷ rất cao.

TÍNH CHẤT: Đau thương, ai oán. Chỉ nên dùng cho đơn ca nữ.

VỌNG KIM LANG¹

Nhạc : HOÀNG LÊ

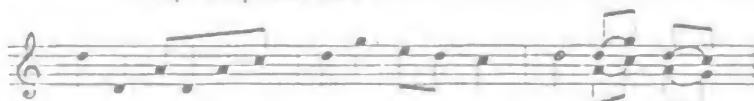
Lời : Phỏng theo thơ IƯU TRỌNG LƯ

Bạc nữ

Nhịp vừa phải (tâm sự nhớ mong)



(Dạo nhạc mở đầu)



..... Chón Liêu



Đường cách trở muôn trùng trông theo



chàng từ bóng ngựa khuất quan san thiếp trông theo



chàng từ bóng ngựa khuất san quan (Nhạc chậm.....)



.....) Mộng vàng đêm trường ai về thấp

¹ Nhớ Kim Trọng: đề bài này cũng như một số đề bài khác, tên dùng đã quen trong âm nhạc dân ca kịch, không thể tự ý đổi khác được.



thoáng tỉnh ra lại lại tuổi suốt canh



chạy thấy ai trong mộng mà như buổi chia



tay đang ai lên đường kia vô ngựa bước đầu



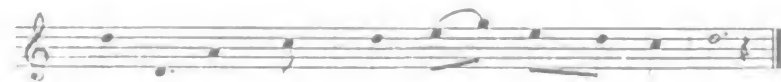
đây(Nhạc

Người đi ta đếm xuân

dậm.....)



sang xuân sang rồi lại sang xuân Mà



sao nhìn về biên cương bóng chim vẫn mờ tăm.

TÍNH CHẤT: Đa diết, ước mơ.

Nửa nhịp 6, nhịp 7 và phách đầu nhịp 8: không phải hai bè mà là viết ra để người hát tùy cỡ giọng mà hát một trong hai giai điệu đó. Bài hát lần đầu tiên được dùng cho nhân vật Thuý Kiều với tâm trạng nhớ mong Kim Trọng trong vở "Nghìn thu vọng mãi" của Lưu Trọng Lư.

II - NỘI DUNG BÀI CHÒI

Theo các nghệ sĩ Bài Chòi lão thành: Nguyễn Kiềm, Phan Ngạn thì nội dung những câu hô Bài Chòi thời kỳ đầu đều nhằm phản ánh xã hội đương thời trên các mặt đả kích vào đạo đức phong kiến (*Ông Xã - bà Đồi*); ca ngợi tình yêu chung thủy, lòng hiếu thảo của người nghèo (*Lục Vân Tiên, Lâm Sanh - Xuân Nương, Thoại Khanh - Châu Tuấn...*), đề cao người lao động với những đức tính mà bọn phong kiến không thể có (*Trai cày, Gái xưa và nay, Chồng ghiền, Người gổ...*) và ca ngợi những nghề nghiệp trong nhân dân lao động (*Bá nghệ. ...*) v.v...

Có điều là những câu hô thời kỳ đầu không thấy đả động gì đến giai cấp tư sản thành thị. Điều ấy cũng chứng tỏ Bài Chòi nói chung là hình thức văn nghệ của nhân dân lao động ở nông thôn, thời kỳ đầu chưa xuất hiện ở thành thị. Cho nên xét về mặt nội dung cũng như nghệ thuật (cả sân khấu, diễn xuất, ngôn ngữ và âm nhạc) dựa vào những ý kiến của nhiều nghệ nhân lâu năm về Bài Chòi và những tài liệu còn giữ được đến nay, chúng ta có thể khẳng định được nguồn gốc của Bài Chòi đã phát triển từ ca hát dân gian có từ lâu đời của vùng đất cũ của dân tộc Chiêm Thành là Bình Định rồi lan toả khắp dải đất miền Trung và phát triển tới hôm nay.

Như trên đã trình bày, ngay từ khi còn là con bài hô trong cuộc chơi, mỗi câu hát đã mang một khía cạnh tâm tư nào đó, và thực sự đã có sức khêu gợi sự hồi hộp cho người chơi. Một câu hô của thời kỳ này thường là một câu sáu tám (câu *Ông ầm, Tử móc...*), có khi 2 hay 3 câu *sáu tám* (câu *Tám miếng, Chín cu...*), hoặc 4, 5 câu thơ 4 chữ (Nhì nghèo...), giai đoạn này được các nghệ nhân gọi là giai

đoạn "Bài Chòi rời". Những câu hô rời, một mặt vẫn mang những đặc trưng chung của dân ca (ngôn ngữ hành động, nhiều hình tượng, sinh ví von, thể thơ dân tộc, giai điệu thanh thoát, đồng thời còn mang tính chất giễu cợt, châm biếm với tính kịch ở mức độ khá cao, kêu gọi, kích thích sự mong ngóng hồi hộp của người chơi.

Tuy nhiên, do trình độ nghệ thuật của nhân dân ngày càng nâng cao, đòi hỏi hình thức văn nghệ quần chúng - Bài Chòi - phải cao hơn nữa, vì thế những câu hô Bài Chòi rời cũng được sáng tạo vừa phức tạp, vừa dài hơi hơn. Nội dung từng câu hô (đã thành từng bài hô) không chỉ còn là những mảnh tâm tư, những khía cạnh sinh hoạt xã hội nữa, mà được phản ánh trung thực cả một hoạt cảnh, một câu chuyện với hát, ba, có khi bốn nhân vật. Bài hô "Anh trai cày" là một hoạt cảnh đối thoại giữa nhân vật cô gái nhà giàu và anh thanh niên lao động, kết quả lý luận sắc bén và sự việc cụ thể đã đem phần thắng hoàn toàn về phía chàng trai. Bài hô "*Ông Xã - bà Đồi*" (hai nhân vật), "*Vợ lớn, vợ bé*" (ba nhân vật)... đều ra đời khoảng thời gian này. Tức giai đoạn "Bài Chòi sắp".

Do nội dung và nghệ thuật của hình thức đánh Bài Chòi không còn phù hợp với nhu cầu thẩm mỹ của người thưởng thức, đồng thời việc lợi dụng hình thức đánh Bài Chòi để sát phạt nhau của những kẻ có máu mặt ở địa phương cũng làm cản trở quần chúng thưởng thức nghệ thuật, cho nên những câu (bài) hô đã dần tách ra khỏi cuộc chơi. Người ta đã thấy dưới gốc đa đầu làng, trước cửa đình chùa hay trên mô đất cao giữa chợ, những nghệ nhân Bài Chòi đã biểu diễn trên mảnh chiếu, trực tiếp trước mặt người xem. Tùy theo trình độ và điều kiện của nghệ nhân mà có khi một người đóng cả hai, ba vai trong câu hô, hoặc

mỗi người mỗi vai như một màn kịch nhỏ có âm nhạc phụ hoạ. Cũng do đó, trang phục từ chỗ chỉ cần thay đổi khăn xếp đội đầu, bằng cách trùm thêm ra ngoài chiếc khăn đen khi chuyển từ vai ông Xã sang bà Đội, trong khi áo quần vẫn y nguyên, đến chỗ người nào đóng vai ấy, quần áo ăn mặc như nhân vật mình diễn. Chúng tôi nghĩ rằng nghệ thuật điều luyện với những nguyên tắc sân khấu chặt chẽ của tuồng (hát bội) ở vùng này từ thế kỷ XVI với Đào Duy Từ, tất nhiên đã ảnh hưởng tới những đội hát rong của môn Bài Chòi sau này.

Nhưng rồi những bài hô tương đối dài hơi cũng không còn làm thoả mãn người nghe. Kịch tính của từng bài hô dù đã nâng lên mức khá cao (*Ông Xã - bà Đội...*) cũng chưa thể phản ánh đủ được tình hình phức tạp rối ren của xã hội và từng con người bấy giờ, đồng thời bên cạnh cả một phong trào văn hoá rầm rộ (sự ra đời hàng loạt truyện nôm có giá trị, không huyện nào, xã nào, không có tổ chức những gánh tuồng, (bội); Bài Chòi cũng nhờ tác động của hát bội (Tuồng) mà phát triển lên một bước cao hơn.

Nhiều truyện cổ tích, truyện dân gian, truyện nôm... được đưa vào nội dung Bài Chòi. Những tích "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*", "*Lâm Sanh - Xuân Nương*", "*Phạm Công - Cúc Hoa*"... ra đời khoảng thời gian này. Sân khấu (tạm gọi) tuy vẫn là chiếc chiếu trải giữa sân, hay ngã ba đường, nhưng đã thành nhóm, đám ba người có phân vai và cách điệu hoá động tác trên mức độ nhất định, với diễn xuất rất linh hoạt: ví dụ ăn mặc như nhau nhưng bịt khăn xéo lên đầu, dáng điệu xông xáo, hách dịch là đóng vai Hương Kiềm, Lý trưởng; nhưng vò khăn trong tay, dáng điệu khúm núm, quần ống thấp, ống cao thì là đóng vai Cù già; nhưng nếu trở đầu gậy cầm ngang, lại là thể hiện

dáng dấp mẹ đi ăn xin. Nội dung dựa vào truyện cổ, truyện nôm nên tình tiết đã lắt léo hơn, mâu thuẫn cũng được phát triển có trình tự từ thấp đến cao hơn, nội tâm nhân vật cũng được chú ý khai thác hơn. Do đó càng được nhân dân thích thú, tán thưởng và mạnh dạn góp ý, bồi bổ thêm cho Bài Chòi. Giai đoạn này gọi là "Bài Chòi pho". Danh từ này do một số nghệ nhân Bài Chòi lâu năm - đều là nghệ nhân tuồng lão luyện gọi ra.

Nói chung, căn cứ vào nội dung của nghệ thuật Bài Chòi và dựa vào quá trình phát triển của nghệ thuật sân khấu dân tộc, chúng tôi nghĩ rằng Bài Chòi được bắt nguồn từ những làn điệu dân ca, từ hình thức quân bài Chiêm Thành lâu đời. Dần dần do yêu cầu thưởng thức của nhân dân, nó được phát triển thành những câu hô dài hơn, mang nội dung phức tạp với nghệ thuật tinh vi hơn. Trên bước đường phát triển, nó tiếp thu học tập thêm những điểm hay, thích hợp từ các bộ môn sân khấu cổ truyền, dựa vào những truyện được nhân dân truyền tụng, trở thành những "Bài Chòi sắp", "Bài Chòi pho" vào khoảng thế kỷ XIX, lúc mà phong trào truyện nôm lên tới đỉnh cao trong lịch sử văn học nước ta, và nhà Nguyễn khởi lên cả một thời kỳ diễn tuồng (bội) rầm rộ.

Tới những năm đầu thế kỷ XX, trong khi bọn vua quan nhà Nguyễn đã đầu hàng giặc Pháp, lại lần nữa giai cấp phong kiến khơi dậy phong trào tuồng nhằm tuyên truyền cho chế độ mình. Cũng giai đoạn này, phong trào Cải lương lan tràn như nước vỡ bờ khắp ba miền đất nước, Bài Chòi cũng chập chững từ nông thôn bước ra sân khấu thành thị. Những tích cũ được chỉnh lý, sửa chữa nâng cao thêm cho phù hợp với thời đại, đồng thời trang phục, phong cảnh, âm nhạc và nhạc cụ cũng được chú ý đến mức

độ cần thiết. Những vở "*Ngón tay nghĩa hiệp*", "*Tam Hạ Nam Đường*"... liên tiếp ra đời, đôi vở cũng có xưng tên, giao đầu, có xen vào hát tấu, hát khách... và âm nhạc lại thêm vào nhị, hồ, trống, phách. Về trang phục nhiều vai ăn mặc cũng có áo, mào, xiêm giáp gần như tuồng (bội).

Thời kỳ này Bài Chòi tương đối thịnh hành trên sân khấu miền Nam Trung bộ. Một số gánh hát Bài Chòi được thành lập, có tới 4,5 chục người, đủ khả năng biểu diễn nhiều đêm liên tiếp, như gánh Anh Miệt, gánh Ông Sáu Cốc... biểu diễn khắp nơi trong vùng Nam Trung Bộ và rất được quần chúng ưa thích.

Có thể tóm tắt tiến trình phát triển của Bài Chòi từ những năm 30 đến 40 thế kỷ XX như sau:

Hình thức "Đánh Bài Chòi" phổ biến khắp nơi ở Bình Định cho đến khoảng năm 1935 - 1938 thì được chuyển sang "sân khấu dân gian". Quá trình này được chia ra nhiều giai đoạn:

(1) - *Bài Chòi Rời* - một câu có hai, ba nhân vật như câu: Trai cày, mẹ chồng, nàng dâu...

(2) - *Bài Chòi Sắp* - câu bài có tình tiết phức tạp hơn như câu chuyện "*Ông Xã - bà Đội*", "*Vợ lớn, vợ bé*" v.v... Nội dung phần lớn phản ánh các mặt của xã hội trong phạm vi ở nông thôn.

(3) - *Bài Chòi Pho* - dựa trên những truyện dân gian như: "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*", "*Lâm Sanh - Xuân Nương*", "*Tống Trân - Cúc Hoa*"... có phân vai, có cách diễn thể hiện tình cảm của các nhân vật. Hát theo lối kể chuyện.

(4) - *Bài Chòi Cổ* - kịch bản tương đối hoàn chỉnh có màn lớp, phần nhiều diễn những vở dựa theo tuồng hát bộ, có hoá trang và có phong màn. Âm nhạc cũng phát triển từ

nhịp một sang nhịp ba, nhạc cụ thêm một số nhị, hô, trống, phách... thành một dàn nhạc rõ nét.

Từ đây ca kịch Bài Chòi lan khắp các tỉnh miền Nam Trung Bộ (Từ Nam - Ngãi đến Phan Thiết). Những *kép tuồng* như Sáu Cóc, Nam Oanh v.v... đi hát và truyền nghề khắp nơi. Số đông người cũng thoát ly sản xuất đi làm nghề hát dạo ở nông thôn. Xóm nào cũng có những bạn hát Bài Chòi, có khi là một nam, một nữ. Sân khấu của họ lúc đầu là một chiếc chiếu trải giữa sân rộng, hoặc ở ngã ba đường nơi thu hút đám đông khán giả. Người biểu diễn rất linh hoạt, họ cách điệu hoá những động tác thông thường theo hình thức "Hoạt báo kịch".

Trên cơ sở ấy, Bài Chòi đủ sức tiếp thu mọi nhân tố ca nhạc và vũ đạo dân gian để bổ sung cho cơ thể còn non yếu của mình. Nên không bao lâu gánh ca kịch Bài Chòi của Sáu Cóc... đã đứng vững. Đặc biệt gánh anh Miệt phát triển đông dần 40 - 50 người. Họ vào tận Sài Gòn, Đà Lạt biểu diễn. Các nghệ sĩ Xã Sáu, Nam Oanh đã phóng tác, cải biên những vở tuồng dựa theo truyện lịch sử, thần thoại ở miền Nam như: "*Quang Công phục Huê Dung*", "*Phạm Công - Cúc Hoa*", "*Lâm Sanh - Xuân Nương*", "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" v.v...

Trong quá trình biểu diễn, nghệ thuật Bài Chòi cố gắng thích nghi với cuộc sống, đáp ứng thị hiếu của người xem nên đã phát triển thêm một số làn điệu mới: Xuân nữ, Xàng xê, Cổ bản, Hồ Quảng... v.v

Để giải quyết cái đơn điệu của thể lục bát dài dòng, Bài Chòi đã mượn ở cái đuôi điệu hát nam của tuồng, hoặc hơi nói lời của cải lương để câu hát ngọt và hấp dẫn hơn.

Cũng do yêu cầu phát triển không ngừng của quần

chúng đòi hỏi nghệ thuật phải có sự cải tiến và phối hợp các mặt ca, múa, phục trang, và thiết kế mỹ thuật nên ca kịch Bài Chòi lúc này đã sang thời kỳ cách tân (1940 - 1941) thời kỳ giai cấp tư sản phát triển mạnh ở thành thị. Cải lương thịnh hành ở Nam Bộ tràn ra miền cực Nam Trung Bộ. Một bên bọn phong kiến lợi dụng nghệ thuật tuồng để củng cố chế độ thối nát của chúng. Mặt khác, trong xã hội lúc bấy giờ "đề" ra tình trạng đua chen nghệ thuật, tranh chấp chiếm lĩnh thị trường sân khấu, nhưng Bài Chòi vẫn đứng vững là nhờ sự ủng hộ của nhân dân; nó lại nghiêng về hoạt động ở nông thôn và miền biển dựa vào nhân dân lao động mà tồn tại và phát triển. Lúc này có một số nghệ nhân ở các gánh tuồng như: Bà Hượt, Mười Trầm, Mười Nhị, Anh Tuấn... chạy sang hát Bài Chòi, ngược lại cũng có một số ở Bài Chòi chạy sang cải lương, hoặc từ cải lương chạy sang Bài Chòi. Tình trạng biến cố và giao phá ấy càng gây ảnh hưởng nghệ thuật lẫn nhau. Nhất là Bài Chòi tuy mới sinh, nhưng đã sớm trưởng thành trên sân khấu, do nó đã tiếp xúc và học tập được nhiều những kinh nghiệm nghệ thuật tiên tiến như diễn xuất và mỹ thuật của tuồng và cải lương. Nhất là nghệ thuật tuồng đã ra đời rất lâu, có đủ sức hỗ trợ cho những bộ môn còn mới mẻ như Bài Chòi có điều kiện phát triển.

Cũng cần thấy thêm rằng, nghệ thuật nào sinh ra và lớn lên đều chịu ảnh hưởng qua lại với các loại hình khác, nếu bị đơn độc sẽ nghèo nàn và trên thực tế cũng không có bộ môn nghệ thuật nào tránh khỏi sự chi phối và ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ.

(5) - Về Vũ Đạo - lúc mới hình thành, Bài Chòi chưa có vũ đạo, diễn viên còn dựa vào năng khiếu tự nhiên mà biểu hiện, chủ yếu là hô. Trong quá trình thực tế trên sân

khẩu động tác tự nhiên được nâng lên thành vũ đạo, tức là các nghệ sĩ tự sáng tạo thêm những động tác múa cho thích hợp với nhân vật và phong cách Bài Chòi, không còn lối diễn tay múa, tay vuốt tóc, và chân xàng qua, xàng lại như cũ. Ngoài ra, Bài Chòi còn mượn một số động tác của tuồng như: vuốt râu, cưỡi ngựa, đánh giặc, bơi thuyền v.v... bằng đạo cụ tượng trưng.

Tuy nhiên, sự vay mượn động tác của tuồng và nói lối cải lương cũng chỉ để giải quyết tạm thời trong lúc Bài Chòi còn chưa định hình. Vì thực tế những làn điệu và động tác chính của tuồng và cải lương không thể nào đưa hết vào Bài Chòi được. Mà Bài Chòi vẫn giữ được phong cách độc đáo ở tính chất dân gian, ở tiết điệu và lời thơ lục bát của nó. Ngay cả nội dung bài vở của Bài Chòi cũng đặc biệt ca ngợi cuộc sống lao động của người nghèo khổ, ca ngợi tình yêu chung thủy và lòng nhân đạo của con người; ngoài ra, nó còn kích liệt vào tập đoàn phong kiến từ "*Ông Xà - bà Đội*" đến "*Tru Vương - Đất Kỳ*"..., không từ một người nào. Đặc biệt âm điệu và làn điệu của Bài Chòi mang một hình thức, một phong cách rất riêng. Trên cơ sở đó, nên khán giả dễ phân biệt được sự khác nhau căn bản giữa tuồng và cải lương với Bài Chòi.

1. Tính chất và nội dung

Kịch dân ca Bài Chòi là một nghệ thuật tổng hợp, nó tập trung và sử dụng tất cả các vốn văn học nghệ thuật dân gian ở Nam Trung Bộ: ca, vũ, âm nhạc và mỹ thuật; nó mang tính chất nhân dân và tính dân tộc độc đáo trong cả nội dung lẫn hình thức. Người diễn viên và người sáng tác đồng thời cũng là người nông dân, người nho sĩ nghèo, nó phá được cái thế giới cách biệt giữa người lao động nghệ

thuật và lao động chân tay, giữa nghệ sĩ và nhân dân. Tiếng nói của sân khấu là tiếng nói của nhân dân, nội dung câu chuyện trên sân khấu cũng là câu chuyện quen thuộc của nhân dân.

Ta thấy những nhân vật sân khấu là những nàng Thoại Khanh, chàng Châu Tuấn, những Phạm Công, Cúc Hoa, Lâm Sanh, Xuân Nương v.v... Những con người nghèo khổ lương thiện ấy luôn luôn bị tai hoạ của xã hội bất công, của đồng tiền ác nghiệt gây ra cố buộc chặt cuộc đời họ lại, nhưng họ không khuất phục đầu hàng. Và cuối cùng họ vẫn thắng, vẫn được sống hạnh phúc đoàn viên. Ngược lại nó cũng phơi bày bộ mặt của những ông Xã, bà Đồi tham ô, dâm dục, những thằng như Lý Thông... bọn mặt người dạ thú ấy cuối cùng đều kết thúc cuộc đời một cách thảm hại. Quần chúng đi xem kịch Bài Chòi không những để thưởng thức nghệ thuật mà còn để gỡ rối gỡ mối lòng mình, xem lại cuộc đời mình, số phận mình diễn ra trên sân khấu. Cũng qua sân khấu Bài Chòi, ta thấy nhân dân lúc nào cũng đả kích kịch liệt vào chế độ lỗi thời mục nát, ngược lại, bọn phong kiến thì cố sức duy trì chế độ lỗi thời và xấu xa của chúng dù trái với lý tưởng và nguyện vọng của nhân dân.

2. Làn điệu Bài Chòi và cách dùng

Làn điệu Bài Chòi xây dựng trên cơ sở ca nhạc dân gian, nó tiếp thu và sáng tác trong mọi hình thức ca hát ở nông thôn miền Nam Trung Bộ như: ru con, nói thơ, hát kết, đọc kinh, kể cả dân ca của các dân tộc thiểu số nữa. Nhờ tính chất độc đáo, Bài Chòi có thể hát bất cứ bài thơ nào theo thể lục bát, song thất lục bát và lục bát biến thể. Trên cơ sở đấy người sáng tác và diễn viên có thể áp dụng

được mọi trường hợp của từng tính chất nhân vật phức tạp, từng tình cảm buồn, giận, thương, ghét khác nhau thành mọi quy luật sáng tạo và phát triển không ngừng dựa trên những lần điệu chính sau đây:

Điệu Xuân Nữ: là điệu chính của Bài Chòi, nó có thể hát theo nhiều lối: xóc, dung, bì. Mọi lối hát đều được biến hoá sinh động về đường nét, về giai điệu cũng như về tiết tấu. Tính chất của mọi lối hát như sau:

Hát Xóc: có tính chất khoan thai đưa giọng đều đặn, tách bạch, thích hợp trong những đoạn đả kích, châm biếm như câu:

*Này mẹ mày ơi! Vợ chồng người ta sao lại
phước nhà vui vẻ.
Vợ chồng họ thì hoà thuận sinh đẻ nhiều con
Đứa nào cũng má phấn môi son
Mười phân đẹp đẽ vuông tròn sỗ sơ
Còn vợ chồng mình thì trùi trụi trơ trơ
Có chồng, có vợ đến giờ (vẫn) quạnh hiu
Không con, khuya sớm buồn thiu
Lấy ai nương dựa mai chiều cho nhau
Mẹ mày ơi, toan liệu làm sao
Kiếm chút vợ lẽ ra vào hôm mai
Trước thời có đứa mà sai
Sau thời kiếm chút con trai nối đời.
(Vợ lớn, vợ bé - Bài Chòi cổ)*

Hát Dung: mang tính chất căm giận, phẫn uất, ví dụ: như anh Xích Phạm hát tiễn anh Châu Tuấn đi đây:

*Triều đình sao lắm chuyện dọc ngang
Nghĩ bao nhiêu lại căm hờn bấy nhiêu
Đưa anh muôn dặm xa vời
Nói làm sao hết những lời ruột gan*

*Ta đây anh hùng đức vững tâm can
Thủ chung giữ vẹn giàu sang sá gì...*

Hát Bi: đau khổ, buồn phiền, trách móc, như câu của Thoại Khanh dặt mẹ đi xin:

*Mẹ già thân gái lênh đênh
Xin ăn từng bữa ngày đêm lần dò
Bước đường lắm nỗi gay go
Mẹ con tìm đến bạn xưa cậy nhờ
Gặp tên Tướng Tử còn đồ
Luân thường đảo lộn dở trò bất nhân...*

Theo ba lối hát trên, tùy tình cảm của mỗi nhân vật, mỗi sự việc, diễn viên có thể linh hoạt, chuyển đổi một cách dễ dàng. Cho nên trong một hoạt cảnh, hay một câu độc tấu cũng có thể sử dụng một điệu xuân nữ từ đầu đến cuối mà không thấy nhàm tai là nhờ biết cách chuyển điệu và luyến láy hợp lý.

Điệu Xàng Xê: có ba loại xàng xê: thường, dựng và bi.

Xàng xê dựng: phải hát lên một bậc đàn và có tính chất vui, khỏe, hơi kể chuyện, thường dùng trong những vai chính diện có tình cảm trong sáng, cao thượng và nó cũng hát sau câu nói lối, hoặc tiếp theo điệu Xuân nữ. Ví dụ như: Châu Tuấn máng tên Tướng Tử:

*... Biết thế kia thiên hạ chẳng ai can
Làm điều rẽ yến phụ oanh
Còn chi đạo lý nhân tính nữa đâu
Thân tằm mà lại phụ dâu
Trạng Nguyên phò mã ai cầu làm chi*

Xàng Xê thường: cũng cùng một bậc như điệu xàng xê luy nhưng nó hát ngắn hơi lại theo tính chất vui tươi sáng sủa.

Điệu Xàng Xê luy: thì thường kéo dài, có tính chất than thân trách phận luy khổ đau thích hợp với những nhân vật, những tình cảm buồn, như câu:

*"Nửa đêm giờ tý canh ba
Hôn khôn Xuân Thị về nhà khóc than
Cha ơi! Con đã thác oan
Mẹ chồng đánh giết chốn dương gian bỏ mình!"*

(Đoạn Xuân Nường hiện hồn
trong vở "Lâm Sanh - Xuân Nường")

Hay thường hát láy đi láy lại, gây cảm giác buồn thương cho khán giả, như câu:

*Tóc dài em rũ đắp ngang
Hai tay ôm mẹ cho an giấc nồng
Mấy năm chẳng thấy mặt chồng
Em đi hành khất thấu không dòng hồi chàng.*

(Đoạn Thoại Khanh dắt mẹ đi xin -
trong "Bài Chòi Cổ")

Điệu Hồ Quảng: cũng thường được chuyển tiếp sau các điệu Xuân nữ. Xàng xê để nó diễn tả tình cảm vui tươi, mừng rỡ như câu của Xích Phạm báo tin cho Châu Tuấn:

*Số là vừa rồi có lệnh vua ban
Khoa trường mở hội chọn trang anh tài
Kiếm cung đèn sách miệt mài
Long Vân gặp hội thoả ngày ước mong
Mây râu mang nợ tang bồng
May khoa trường đắc cử non sông (ta) đèn bồi...*

Điệu Cổ Bản: cũng phát triển trên điệu hát Nam Xuân của Tuồng mang tính chất thúc giục mạnh mẽ, nóng nảy. Điệu này thường dùng để đả kích, hoặc khoe khoang,

nó thích hợp cho những nhân vật phản phái, đều giả như đoạn tên Tương Tử ve cô Thoại Khanh:

*... Thời ở đây cũng sung sướng một đời
Dứt đi lại nổi cũng là người đẹp duyên
Tôi đây, chức không cao nhưng vẫn có quyền
Chúng dân trong quận ai cũng kiên, cũng nhường
Thôi đôi ta hãy gắn chặt tình thương
Nợ duyên thêm đậm, lửa hương thêm nồng.*

Trong ca kịch Bài Chòi còn kết hợp được tất cả những điệu lý và hò ở miền Nam Trung Bộ như *Lý con sáo, Lý thương nhau, Lý năm canh, Lý vọng phu* v.v... và hò có *Hò giã gạo, Hò khoan, Hò chèo thuyền, Hò ba lý* v.v...

Những điệu hò và lý trên đây rất phong phú về tiết điệu, chất nhạc luôn luôn biểu hiện cái vui tươi, lành mạnh.

Nói chung, Bài Chòi là một loại ca kịch dân gian, nó ra đời và phát triển trong lòng nhân dân lao động. Nó được nuôi dưỡng trong hơi thở của nhân dân, trong không khí sinh hoạt sôi nổi của quần chúng, nên khi đã phát triển nó có thể chứa được tất cả nội dung cũ và mới trong cuộc sống.

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển và giao, thoa không tránh khỏi sự ảnh hưởng những mặt tốt, xấu của các loại hình sân khấu khác mà có thể gọi là "lai căng", "bi lụy". Cho nên trong quá trình nghiên cứu thể nghiệm, những cán bộ nghệ thuật và diễn viên đã mạnh dạn tiếp thu những yếu tố phù hợp với Bài Chòi, đồng thời loại bỏ những cái pha tạp để cho bộ môn dân ca kịch Bài Chòi được thuần chất, giữ đúng phong cách và bản sắc độc đáo của nó trên sân khấu.

III. BÀI CHÒI TỪ SAU CÁCH MẠNG THÁNG TÁM ĐẾN HÒA BÌNH

Cách mạng tháng Tám thành công, nghệ thuật Bài Chòi như viên ngoại được phủi lớp bụi thời gian. Nó dần dần được đứng vững trên sân khấu và được nhân dân thừa nhận như một loại hình nghệ thuật dân tộc hấp dẫn, dễ thương. Bài Chòi cũng bám theo phương châm của Đảng là khoa học, dân tộc và đại chúng mà phát triển. Những nghệ nhân: Huỳnh Văn Cát, Nguyễn Đốc, Anh Miệt... hăng hái đi theo cách mạng và được các nhà lãnh đạo ở địa phương như Bùi San, Ngô Đức Đệ ủng hộ, giúp đỡ. Những đội Bài Chòi được thành lập ở liên khu, ở tỉnh. Một số vở mới đã ra đời kịp thời phục vụ nhân dân như "*Tái sinh kỳ ngộ*" (nội dung chống đi bộ đội, vợ đi cứu thương tình cờ gặp nhau ở mặt trận), "*Vì đâu mà khổ*" (phục vụ giảm tô và cải cách ruộng đất), "*Bế Văn Đàn*", "*Bùi Thị Cúc*". "*Tình dân công*"... Hàng loạt bài và vở ngắn được sáng tác kịp thời ở hậu phương và ngoài mặt trận, phục vụ bộ đội và nhân dân, tuyên truyền phổ biến đường lối chính sách của Đảng rất kịp thời. Đặc biệt những câu Bài Chòi lẽ, lời văn hay (theo thể lục bát và song thất lục bát), nội dung phản ánh đúng tâm trạng, tâm lý và con người phù hợp với cuộc sống thì quân và dân vô cùng yêu thích.

Xin giới thiệu Bài Chòi "*Tâm tình người vợ*" rất phổ biến lúc bấy giờ:

Nói lối:

*"Từ ngày anh nhập vào Vệ quốc
Thằng con anh nó tập bước quanh nhà
Độ này cây khế trở hoa*

Mỗi lần lúa chín mẹ già lại trông
Trông anh về ăn bữa cơm lúa mới
Trái bí đao em để dành đợi chờ anh.

Bài Chòi:

Mỗi lần xắt bí nấu canh
Là em lại nhớ đến anh (nơi) chiến trường...
Ước gì đường sá thông thương
Gửi anh trái bí miếng đường quê hương
Bao thư anh đã gửi về
Em còn cất kỹ không hề bỏ rơi
Trong thư anh có dặn mấy lời
Anh lo chiến đấu em thời tăng gia
Để ngày về gặp lại đôi ta
Khi toàn dân hát khúc ca khai hoàn.

Lối:

Anh ơi!
Sáng hôm nay tin loa vang đình chiến
Ôi! Lòng em vui sướng quá chừng
(Em nghĩ) chiến tranh tàn khốc đã dừng
Nên đang tát nước bỗng dừng nghỉ tay.

Bài Chòi:

Từ đây công cấy công cày
Làm ăn yên ổn khác ngày năm xưa
Em mừng như nắng gặp mưa
Như thuyền giữa biển canh trưa gặp nồm
Cúi nhìn cây lúa đồng đồng
Nghĩ (đến) ngày gặp mặt chạnh lòng phút giây
Anh về mẹ sẽ vui thay
Thằng cu chắc nó không nhận ngay anh được nào!
Độ này nó lớn làm sao

*Nó nghịch hoang đủ đồng bào (họ) rầy la
Họ bảo thằng này tính khí (nó) giống cha
Thằng bố nó lúc nhỏ cũng nghịch ra thế này.*

Lỗi:

*Anh ơi! Qua bao nhiêu ngày thảo luận
Lời cụ Hồ giáo huấn thiết tha.*

Bài Chòi:

*Lòng em được cởi mở ra
Em ghi từng chữ của Cha vào lòng
Đinh chiến (là) thắng lợi vô song
Nói lên sức mạnh toàn dân (ta) quật cường
Nhân dân ba nước Đông Dương
Cùng nhân dân thế giới trên đường
Chặn tay bọn hiếu chiến hôi tanh.*

Xàng xê:

*Anh ơi! dù đôi ta hai nơi xa cách
Nhưng đã có sông Cửa Tùng chấp mạch yêu thương
Dù cho sông núi có cản đường
Quyết không ngăn nổi tình thương (của) vợ chồng
Vì dân anh quyết ra công
Quê nhà em vẫn đợi trông (về) anh trở về.*

Hòa bình lập lại (1954), những vở Bài Chòi ngắn: "Trước giờ tạm biệt", "Tháng mười năm hai" của Ngô Quang Thắng được biểu diễn nhiều nơi, thu được nhiều kết quả. Nhất là những năm Đoàn Ca kịch Bài Chòi Liên khu 5 được thành lập trên miền Bắc, được sự quan tâm của Đảng, được trực tiếp chỉ đạo của Bộ Văn hóa nên càng khuyến khích anh chị em cán bộ và diễn viên đi sâu vào khai thác nâng cao nghệ thuật Bài Chòi từ dân ca lên sân khấu chuyên nghiệp và phát triển một cách rực rỡ. Vở

"*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" được Nguyễn Tường Nhân viết lại đã được giải Nhất trong Hội diễn mùa xuân 1958. Và liên tiếp mấy năm sau, Đoàn Dân ca Liên khu 5 diễn những vở: "*Lòng son sắt*" của Trần Nguyên "*Tiếng sấm Tây Nguyên*" của Thanh Nha – Thế Lữ, "*Kiều Từ Hải*" (của Nguyễn Tường Nhân), "*Tôi van ông*" (của Lương Tử) "*Bà đò đóc áo đỏ*", "*Quang Trung*" của Trúc Đường"... phục vụ đắc lực cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và ca ngợi tinh thần đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam. Tiếp theo là những vở: "*Kiều - Kim Trọng*" (của Lưu Trọng Lư), "*Cô gái Thu Bồn*" (của Nguyễn Tường Nhân), "*Đoàn tụ*" (của Kính Dân) v.v... cũng được biểu diễn, góp phần xứng đáng trong vườn hoa nghệ thuật nước nhà.

Tuy nhiên tới những năm 60 của thế kỷ XX, dân ca kịch Bài Chòi vẫn còn bị coi là "môn nghệ thuật mới" không có nguồn gốc xuất xứ? Một số nơi, một số người chưa biết, hoặc chưa có sự cảm thông, nên chưa hết lòng ủng hộ, nếu không nói là phê phán, bài hát nó. Cho nên Bài Chòi lại phải tiếp tục trải qua một quá trình lao động nghệ thuật lâu dài, phải mạnh dạn nghiên cứu, cải biên để nó thật sự trở thành môn nghệ thuật chuyên nghiệp hơn, hoàn mỹ hơn và được toàn ngành sân khấu công nhận là một loại hình nghệ thuật kịch hát dân tộc đã định hình. Vì thế mà chúng tôi tổ chức nghiên cứu Bài Chòi đầu tiên lúc bấy giờ (1957-1960) ở Đoàn Ca kịch Liên khu 5 đã phải bỏ công sức tâm nghiên cứu nguồn gốc Bài Chòi để có cơ sở minh chứng cho sự ra đời và phát triển của bộ môn ca kịch dân tộc đặc sắc này¹. Những diễn viên chính của Đoàn Bài

¹ Xem "*Dân ca miền Nam Trung Bộ*". NXB Văn học, 1963.

Chòi Liên khu 5 như Lê Thị, Đinh Thái Sơn, Nguyễn Kiểm, Hoàng Thư, Thanh Cảnh, Hữu Ích, Bích Liên... đã trở thành những tên tuổi quen thuộc của người hâm mộ Bài Chòi lúc bấy giờ.

Dưới ánh sáng đường lối sáng suốt của Đảng từ Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ ba đến Nghị quyết Trung ương V (khoá VIII) và những chỉ thị nghị quyết tiếp theo về văn hoá văn nghệ đã giúp cho toàn ngành Sân khấu Dân tộc, trong đó có Ca kịch Bài Chòi phát triển một cách mạnh mẽ. Cũng có thể nói 20 năm trên miền Bắc, ca kịch Bài Chòi đã phát triển nhảy vọt. Đoàn Bài Chòi Liên khu 5 thuộc Bộ Văn hoá đã biểu diễn hàng chục vở, phục vụ cho hàng chục triệu người, đặc biệt là đã được vào Phủ Chủ tịch diễn vở "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*" phục vụ cho Bác Hồ và Thủ tướng Phạm Văn Đồng (1961). Đoàn Bài Chòi Liên khu 5 còn mở lớp đào tạo diễn viên trẻ, trong số đó có những người sau này trở thành NSND như Thu Hiền. Bài Chòi Liên khu 5 không chỉ biểu diễn phục vụ nhân dân trên miền Bắc mà còn chi viện cho miền Nam. Những nghệ sĩ Bài Chòi từ miền Bắc về đã làm hạt nhân cho những đoàn Bài Chòi ở các mặt trận Quảng - Đà, Quảng Ngãi, Bình Định. Thậm chí Bài Chòi còn có mặt ở các nhà giam Mỹ - Ngụy khi các nghệ sĩ Hải Liên, Hữu Ích, Cung Nghinh... bị địch bắt bỏ tù suốt 7 năm trời.

IV. BÀI CHÒI HÔM NAY

Trong mấy chục năm trưởng thành, Bài Chòi đã trải qua không biết bao thăng trầm, thử thách, nhất là từ những năm 80 (thế kỷ XX) đến nay, khi mà sân khấu dân

tộc nói chung bị tác động mạnh của cơ chế thị trường và bị các luồng văn hoá, văn nghệ thương mại, phản động từ nội địa đến ngoại nhập đã và đang tấn công dồn dập. Tuy vậy, Bài Chòi vẫn sống, bởi vì nó đã được nhân dân yêu mến và dưỡng nuôi từ thuở manh nha.

Trước hết, phải công nhận rằng, đất nước thống nhất là một cơ hội tốt cho ca kịch Bài Chòi phát triển trên miếng đất mà nó sinh ra. Nói đúng hơn là Bài Chòi đã được trở về cái nôi của nó - miền Nam Trung Bộ - khác gì "cá gặp nước", nên nó đã phát triển khá nhanh. Từ một Đoàn Bài Chòi Liên khu 5 trên miền Bắc, sau năm 1975 đã hình thành bốn đoàn khá hùng hậu từ Quảng Nam - Đà Nẵng đến Nghĩa Bình, Phú Khánh và Thuận Hải. Trong các liên hoan, hội diễn sân khấu đều xuất hiện những vở ca kịch Bài Chòi hay, cuốn hút người xem không kém gì các loại hình sân khấu khác. Tưởng cứ cái đà ấy, Bài Chòi tiến xa hơn nữa, ngờ đâu, chỉ sau mấy năm đã chững lại, thậm chí đây đó có nguy cơ tan rã, vì không doanh thu được, đời sống diễn viên ngày càng khó khăn... Trước tình hình đó, có đoàn mất dần các ngôi sao, có đoàn thay đổi liên tục cán bộ lãnh đạo, có đoàn hầu như ngừng hoạt động (dựng vở và biểu diễn). Tiếng kêu cứu của Bài Chòi ngày càng nhiều trên các mặt báo, trên các diễn đàn hội thảo. Nhưng chẳng thấy động tĩnh gì ở các cơ quan hữu trách. Biết bao nhiêu cuộc tọa đàm, hội thảo do Viện Sân khấu phối hợp với các địa phương có Bài Chòi tổ chức, biết bao tiếng nói từ đáy lòng, có cả nước mắt của những người yêu nghề, sống chết với nghề như Lê Thị, Nguyễn Tường Nhân, Phan Ngạn, Nguyễn Kiểm, Huỳnh Thủ, Hải Liên, Hữu Ích, Thanh Cảnh, Bích Liên... Nhưng "Gió cứ thổi, người cứ đi", người ta cứ đi theo con đường lợi nhuận

trước mắt, cái gì có tiền, có lời lãi thì họ quan tâm, đầu tư tới nơi, tới chốn, cái gì không lợi thì "quên đi", hoặc gạt bỏ để cho nhẹ gánh quản lý. Theo họ, văn hoá nghệ thuật và Bài Chòi đâu có "no bụng", mà cái dạ dày là "mục tiêu hàng đầu", kinh tế là trọng tâm, là yếu tố quyết định sự tồn hưng của địa phương, nên họ cần gì tới văn hoá nghệ thuật, cần gì tới Hát bội, Bài Chòi

Tình trạng phân tán, manh mún và mất mát ngày càng nhiều, cụ thể là các nghệ sĩ tài năng, kể cả sáng tác, biểu diễn, giảng dạy bộ môn Bài Chòi ngày càng mỏng dần. Một số ít còn lại thì "lực bất tòng tâm", điển hình là NSND Lệ Thi và nhà viết Bài Chòi Nguyễn Tường Nhẫn phải đành bỏ cuộc và rời khỏi quê hương Bài Chòi vào sống ở Thành phố Hồ Chí Minh - mảnh đất cải lương - nên không phát huy được vốn nghề quý hiếm của mình.

Các con của ông bà, vốn là những diễn viên Bài Chòi xuất sắc cũng rời bỏ sân khấu Bài Chòi, để làm những nghề khác mặc dù họ vẫn rất yêu cái nghề gan ruột của mình. Với tư duy cũ kỹ, với suy nghĩ nông cạn và thực dụng của một số cán bộ lãnh đạo địa phương, với tầm nhìn hạn hẹp của một số nhà quản lý ngành sân khấu mới có chuyện đơn vị vừa lập chiến công, vừa được công chúng và giới báo chí ngợi khen thì bị giải thể. Đó là Đoàn Ca kịch Bài Chòi Thuận Hải, tiền thân là Đoàn Bài Chòi Liên khu 5. Nhiều nơi diễn viên có tài năng phải bỏ đoàn, bỏ nghề, đi buôn, kiếm sống bằng những công việc không ăn nhập gì với cái nghề quý hiếm của họ là nghệ thuật biểu diễn Bài Chòi.

Bài Chòi kêu cứu đã nhiều năm, nhưng ai cứu và cứu như thế nào để cho nó sống thì chưa có một tấm gương

nào, mô hình nào đáng đưa ra cho toàn ngành tham khảo học tập. Từ liên hoan, hội thảo Bài Chòi năm 1988 tại Đà Nẵng, đến Hội thảo khoa học Bài Chòi tổ chức ở Thành phố Nha Trang (1/1/1991) cả giới Bài Chòi đã kiến nghị với Bộ Văn hoá cho thành lập "Trung tâm Nghiên cứu và Liên lạc Ca kịch Bài Chòi miền Trung". Bộ Văn hoá đã đồng ý, nhưng rồi vẫn đánh trống bỏ dùi, mọi lời "tuyên bố", mọi kết luận đều bay theo khói thuốc lá ở các cuộc họp, các diễn đàn. Những người làm Bài Chòi lại trở về nằm im dưới những cái "đáy giếng" ở các địa phương xa xôi và rất ít thông tin. Họ phải "tự cứu mình" bằng cách tự làm, tự quản, tự sống. Dĩ nhiên, sống như thế nào là tùy thuộc vào lãnh đạo và nhân dân ở địa phương đó quan tâm, ủng hộ ít hay nhiều. Đoàn Ca kịch Bài Chòi Thuận Hải, từ ngày Bộ Văn hoá đặt trên đất Phan Thiết (đất không có Bài Chòi) cho đến năm 1991 chưa một lần thấy lãnh đạo Bộ Văn hoá và Cục Biểu diễn đặt chân tới Đoàn, trừ Viện Sân khấu vì trách nhiệm của mình, đã nhiều lần đến khảo sát, nghiên cứu, mở hội thảo và viết về đoàn, ít nhiều cũng động viên, hâm nóng nhiệt tình sáng tạo của một đơn vị nghệ thuật đang "cắm" trên mảnh đất cực Nam - "Cực Nam tức là cực khổ nhất" (ý kiến của cố Thủ tướng Phạm Hùng nói về đoàn Ca kịch Thuận Hải tại Hội trường Ba Đình, sau khi xem vở "*Bác Ái*" của đoàn vào cuối năm 1985). Buồn thay! Cuối cùng thì Đoàn Ca kịch Thuận Hải - tiền thân của Đoàn Bài Chòi Liên khu 5 cũ - đã bị giải thể. Con chim đầu đàn đã bị rã cánh, rồi chết luôn, làm cho bao nhiêu người lo lắng cho số phận của mình từ cuộc sống đến nghề nghiệp. Đây là một cú sốc lớn đối với ngành ca kịch Bài Chòi sau hơn nửa thế kỷ phấn đấu và trưởng thành. Bài Chòi bị khủng hoảng liên miên, bởi nghệ thuật này bị thả nổi. Các Đoàn Ca kịch

Bài Chòi Khánh Hòa Bình Định Quảng Nam cố gắn giữ phiên hiệu của mình bằng việc cho ra đời những vở mới không mấy tiếng vang. Việc định kỳ 5 năm một lần hội diễn cũng chỉ như là sự đánh thức một con người đang ngủ say để sau đó họ lại tiếp tục ngủ, ngoài ra không giải quyết được những vấn đề cơ bản. Chính vì vậy, mà Bài Chòi không phát triển được, hoặc phát triển theo một hướng khác, mà có người gọi là "Kịch hát dân ca". Nếu Bài Chòi đi theo hướng "Dân ca kịch" thì không phải là Bài Chòi nữa. Tức là dân ca hoá Bài Chòi - Bài Chòi từ chủ thể trở thành khách thể? Nhiều nơi không hô Bài Chòi mà hát Bài Chòi gần như hát dân ca. Đặc trưng Bài Chòi bị biến dạng ngày càng rõ. Để góp phần khắc phục xu hướng dân ca hóa Bài Chòi, ở Bình Định đã thành lập câu lạc bộ Bài Chòi do NSƯT Phan Ngạn làm chủ nhiệm những tác động của Câu lạc bộ này chưa mạnh, hướng của Bài Chòi chưa rõ ràng!

Vậy hướng phát triển của các đoàn Bài Chòi hiện nay như thế nào?

Tôi không nhắc lại những lời khấn cầu của những người tâm huyết với Bài Chòi. Tôi cũng không thể dẫn chứng hết những ý kiến của giới lý luận phê bình nhất là những người yêu Bài Chòi, hiểu Bài Chòi trên các mặt báo về thực trạng của ca kịch Bài Chòi trong mấy thập kỷ qua:

Nhìn chung, nghệ thuật Bài Chòi ở các tỉnh miền Nam Trung Bộ đang phát triển theo 3 hướng:

- Dân ca hoá Bài Chòi - đổi tên "cúng cơm" - "Bài Chòi" thành những tên khác "Dân ca kịch"...
- Cải tiến hơi quá đà có xu hướng "Gieo vừng ra ngô", kịch hoá và cải lương hoá Bài Chòi.
- Bảo tồn vốn cổ nhưng có xu hướng "Dẫm chân tại chỗ".

Theo chúng tôi, xu hướng thứ nhất là không ổn định, vì nếu cứ tiếp tục dân ca hoá sân khấu Bài Chòi thì không còn là Bài Chòi nữa vì những làn điệu cơ bản của Bài Chòi như Xuân nữ, Xàng xê, Cổ bản, Hồ Quảng... vẫn là những âm hưởng chủ đạo và quán xuyến trong mỗi vở diễn Bài Chòi, làm cho người nghe cảm nhận được giá trị thẩm mỹ riêng và càng nghe càng thấy yêu thích nó. Điều đó giải thích vì sao Bài Chòi trong những năm ở miền Bắc lại được đông đảo người hâm mộ bất kỳ lứa tuổi nào, thành phần nào cũng yêu thích. Những vở như "*Thoại Khanh - Châu Tuấn*", "*Tiếng sấm Tây Nguyên*", "*Kiều - Từ Hải*", "*Ngàn thu vọng mãi*"... diễn hàng trăm buổi mà vẫn đông khách, khi nó "nằm" bên cạnh những đoàn tuồng, đoàn chèo và đoàn cải lương Nam Bộ là các đoàn nghệ thuật dân tộc rất mạnh ở Hà Nội lúc bấy giờ.

Việc kế thừa và phát triển nghệ thuật sân khấu dân tộc nói chung và Bài Chòi nói riêng là quy luật, là nhu cầu cần thiết, nếu cứ giữ lấy cái cổ, cứ dẫm chân tại chỗ thì bản thân nghệ thuật đó sẽ bị nghèo nàn, già cỗi và không đáp ứng được nhu cầu thưởng thức đa sắc đa dạng của người xem. Bác Hồ đã dạy "phải cải tiến, đừng dẫm chân tại chỗ, nhưng cũng đừng có gieo vừng ra ngô". Nhìn vào sân khấu cải lương ta thấy, cải lương tuy như một người giàu có nhưng không ngừng bổ sung cho "hầu bao" của mình đầy hơn. Đó là việc nó không ngừng cách tân, cải tiến, học tập, tiếp thu từ khắp mọi nguồn, từ tuồng, chèo, thơ, ca nhạc mới, thậm chí cả nước ngoài nữa. Dĩ nhiên nếu cứ chạy theo thị hiếu tầm thường mà cách, tân cải tiến quá đà, sai nguyên tắc thì không được, sẽ mất bản sắc của nó. Cái tên "tân cổ giao duyên" xuất hiện từ cải lương. Điều đó vừa làm cho nghệ thuật cải lương thiếu tính định hình, mặc dù nó luôn luôn đổi mới, luôn luôn thích ứng

theo thị hiếu của công chúng, nhằm thoả mãn thị hiếu của lớp khán giả trẻ.

Bài Chòi nếu cứ dẫm chân tại chỗ thì không thể phát triển cao, nhưng nếu đổi mới theo xu hướng "toàn cầu" giống cải lương thời "mở cửa" hoặc kịch nói hoá thì khán giả am hiểu bộ môn này sẽ từ chối đến rạp. Vì vậy, cải tiến, cách tân phải dựa vào cái gốc của Bài Chòi. Tôi có thể nêu ra đây vài ví dụ của việc cải tiến Bài Chòi khá thành công. Đó là vở *"Bên dòng sông Thu"* (Đề tài hiện đại của Đoàn Bài Chòi Quảng Nam - Đà Nẵng) vở *"Mối tình qua Tết Li Boong"* (Đề tài hiện đại của Đoàn Bài Chòi Phú Khánh) đã được thưởng huy chương vàng tại Hội diễn chuyên nghiệp năm 1985, hoặc vở *"Vua hoá hổ"* (Đề tài dân gian) của Đoàn Ca kịch Bài Chòi Thuận Hải, vở *"Đồng tiền vạn lịch"* (Đề tài dân gian) của Đoàn Bài Chòi Bình Định, đã được giới sân khấu và đông đảo người xem công nhận là vở hay, trong đó có nhiều điệu hát dân ca Liên khu 5 được "giao duyên" với Bài Chòi khá nhuần nhuyễn và ngọt ngào. Riêng Đoàn Bài Chòi Bình Định ở các cuộc hội diễn, liên hoan trước đây, có lẽ chưa thành công lắm, theo tôi, vì kịch bản chưa hay và ca hát chưa được cải tiến, mãi đến giữa năm 1995 mới giành được thắng lợi với vở *"Huyền Trân công chúa"*. Tôi nghĩ rằng, đây là bài học cho đoàn trong việc kế thừa và phát triển Bài Chòi.

Vậy yếu tố quyết định thành công của vở diễn này là gì, và cái gì được, cái gì chưa được? Theo tôi, kịch bản *"Huyền Trân công chúa"* đã thành công hai mặt - đề tài và văn học, tức là câu chuyện hay, lại được cấu trúc đúng chất Bài Chòi, nhất là việc sắp xếp bài bản. Về nghệ thuật biểu diễn vở *"Huyền Trân công chúa"* cũng đạt tới tính hấp dẫn cao do các diễn viên có nghề, hô, hát đúng theo Bài

Chòi cổ có phát triển. Tỷ lệ Bài Chòi trong vở này chiếm hơn 80% nên làm cho người sành nghe Bài Chòi công nhận là có cải tiến nhưng không đứt mạch truyền thống. Vậy có nên lấy vở "*Huyền Trân công chúa*" làm mô hình không? Vì sao cũng đoàn nghệ thuật này, cũng diễn viên này mà thực hiện không thành công lắm trong vở "*Biển và tôi*" cũng như những vở của Quảng Nam và Khánh Hòa đã tham gia Hội diễn tuồng và kịch dân ca năm 2005?

Điều rất dễ nhận thấy là trên Sân Khấu Bài Chòi hiện đại có một số làn điệu có phần khô cứng, lại được thể hiện bằng những giọng ca không ngọt ngào lắm, nên khó lọt vào tai người quen nghe Bài Chòi. Nói chung người xem ca kịch dân tộc rất thích nghe hát hay, thích mùi mẫn, thích sự chuẩn mực trong nghệ thuật ca hát. Một giọng ca hay, ngọt ngào và điêu luyện có thể làm cho điệu hát chưa thật hay cũng trở nên hấp dẫn. Điểm này, chúng ta có thể thấy được qua những giọng ca của các nghệ sĩ Bài Chòi nổi tiếng trước đây như Lê Thị, Bích Liên, Đinh Thái Sơn, Nguyễn Kiêm, Huỳnh Thủ, hoặc gần đây có Hoài Huệ, Đỗ Linh... Qua hai kỳ Hội diễn Tuồng và Dân ca kịch năm 1999 và 2005, ở nhiều đoàn ca kịch Bài Chòi xuất hiện một số giọng ca hay nhưng rất tiếc là họ "không có đất dụng võ". Vở cấu trúc theo kịch nói thì làm sao ca được?

Nhiều diễn viên Bài Chòi còn bị một số hạn chế khác nữa là tiếng nói sân khấu (đài từ). Nói chung, tiếng miền Trung có phần khô cứng, trại, bẹ hơi khó nghe, ở phía Nam Trung Bộ giọng có mềm hơn nhưng vẫn có một số âm chưa chuẩn, còn lẫn âm Bắc, âm Nam, tạo ra cảm giác khó nghe cho người xem.

Lượng biến thành chất - chất khô cứng - trong sân khấu Bài Chòi ngày càng nhiều, đó là vật cản, đôi với công

chúng đến với sân khấu Bài Chòi chuyên nghiệp. Trong khi có nhiều diễn viên nghiệp dư lại được công chúng thích, vì hát Bài Chòi khá hay như cô thợ may ở Hội An hiện nay.

Dĩ nhiên, muốn tạo nên tính hấp dẫn cho người xem phải có nhiều yếu tố tổng hợp như tích truyện lôi cuốn, kịch bản cấu trúc hay, đạo diễn giỏi, giọng ca ngọt, diễn xuất tài, trang trí, phục trang, ánh sáng đẹp... Và phải thể hiện rõ bản sắc của loại hình nghệ thuật Bài Chòi, nếu giống kịch hoặc cải lương thì coi như nó không thể tồn tại trên sân khấu nữa.

Cuối cùng, tôi muốn nhắc lại sự thành công của vở *"Thoại Khanh - Châu Tuấn"* của Đoàn Ca kịch Liên khu 5 (cũ), nó đã trở thành một vở ca kịch truyền thống, thành mô hình sáng tác và biểu diễn của thể loại ca kịch Bài Chòi. Nhà thơ Thế Lữ viết: *"Thoại Khanh - Châu Tuấn"* là bức tranh thủy mặc ưa nhìn, trong đó Lệ Thi là bức tranh thắm sắc, toả hương. Hoàng Châu Ký viết: *"Thoại Khanh - Châu Tuấn"* đã khẳng định Bài Chòi là bộ môn ca kịch dân tộc. Sinh thời, Bác Hồ, Thủ tướng Phạm Văn Đồng, nhà thơ Tố Hữu... đã xem vở Bài Chòi *"Thoại Khanh - Châu Tuấn"* và đều khen hay. Dĩ nhiên là nó không chỉ hay ở câu chuyện dân gian phổ biến mà còn bao nhiêu yếu tố nghệ thuật khác nữa. Thiết tưởng những người làm nghệ thuật Bài Chòi hôm nay cũng nên nghiên cứu sâu về vở Bài Chòi *"Thoại Khanh - Châu Tuấn"* để rút ra những kinh nghiệm cho việc sáng tác và biểu diễn của mình. Vì thế mà chúng tôi muốn chọn giới thiệu vở này từ bộ đĩa hát 7/8 mới sưu tầm được để người đọc tìm hiểu thêm về Bài Chòi.

Xin lưu ý, từ vở diễn thu vào đĩa hát 7/8, người thực hiện phải rút gọn nhiều đoạn để đảm bảo thời lượng của đĩa hát trong những năm 60 thế kỷ XX.

XÍCH - PHẠM BẢO TIN VUA MỞ KHOA THI

- Tuấn mẫu: Này Châu Tuấn con!
Con thức cả đêm, bảy giờ đi nghỉ một chút cho khoẻ. Cứ cặm cụi mãi, rủi ro đau yếu thì khổ cho vợ con và thêm phiền lòng mẹ nữa con ạ.
- Châu Tuấn: Dạ thưa mẹ, con thấy vợ con lo cho việc gia đình nhiều quá nên con cố sức học để đền đáp lại công lao của nàng mẹ ạ.
- Xích Phạm: Chẳng hay có Châu huynh ở nhà không?
- Châu Tuấn: Ai vậy kia? Ủa! Mà Xích huynh! Trời ơi lâu quá mới gặp anh. Có việc gì coi hồi hả vậy anh?
- Tuấn mẫu: Mụ chào anh Xích Phạm, chẳng hay anh sang chơi hay có việc gì vậy anh?
- Xích Phạm: Dạ thưa bác, số là:
Một dịp thấy sĩ phu đều nô nức
Nên cháu vội vàng đem tin tức cho Châu huynh
- (Hô Bài Chòi Hồ Quảng):*
Vừa rồi có lệnh vua ban
Khoa trường mở hội chọn trang anh tài
Kiếm cung đèn sách miệt mài
Long vân gặp hội thoả ngày ước mong
(May mà) khoa trường đắc cử non sông
đền bồi
- Tuấn mẫu: Nghe tin lòng mẹ mừng vui
Trồng cây nay đã đến hồi nở hoa

May cho phước mẹ lộc bà
Khoa trường con đắc cử mẹ già cũng rạng
danh

Châu Tuấn:

Quý thay lòng tốt bạn lành
Quý tình bạn khó, quý tình đồng môn
(Như mẹ tôi thì đã thoả lòng rồi)
Vì tận tình nghĩa mẹ thương con
(Nhưng còn vợ tôi nữa, đợi nàng về để tỏ cho
nàng hay, như vậy mới trọn nghĩa trọn tình)
Bể đông tát cạn vợ chồng chung tay

Tuấn mẫu: Kìa kìa con, Thoại Khanh nó đã về kìa kìa

Thoại Khanh: Ủa mà anh Xích Phạm. Anh đến hồi nào
vậy anh, lâu quá mới thấy anh sang nhà
em chơi.

Xích Phạm: Dạ thưa chị, em mới vừa đến để báo cho
nhà một cái tin mừng đó chị ạ.

Thoại Khanh: Tin gì vậy anh?

Xích Phạm: Dạ thưa chị,
Vừa rồi có lệnh vua ban xuống
Cho mở hội khoa trường
(Cho nên em đến đây)
Cùng hiền huynh sửa soạn lên đường
Công đèn sách may ra mà gặp hội

Thoại Khanh: Thật vậy sao anh! Trời ơi may quá mẹ ạ

Châu Tuấn: Thưa Xích huynh, chừng nào chúng ta lên
đường vậy anh?

Xích Phạm: Thưa Châu huynh, hạ tuần tháng hai này

chúng ta có mặt tại kinh kỳ, Châu huynh lo sắp xếp hành trang lên đường kéo muộ̣n.

Tuấn mậ̃u: Đĩ ngay bây giờ hã anh?

Xích Phạm: Dạ, đi ngay bây giờ mới kịp bác ạ.

Thưa bác, hôm nay cháu không tiện ở chơi lâu, xin phép bác, cháu về để thu xếp lên đường kéo muộ̣n. Cháu xin chào bác, chào chị, chào Châu huynh.

THOẠI KHANH TIỀN CHÂU TUẤN ĐI THI

Thoại Khanh: Đây là tiền bán củi lâu nay em dành dụm
Để cho chàng lộ phí xuống Trường An
Chàng ra đi rong ruổi bước dặm đàng
Em ở lại vượt ngàn cơn gian khổ

Châu Tuấn:

Ơn ấy nghìn năm ghi nhớ
Nghĩa này muôn thuở nào quên
Chốn lều tranh còn chút mẹ hiền
Cơn ảm lạnh cậ̣y nhờ ơn dẫu thảo.

Thoại Khanh: Nơi trường ốc may ra chàng chiếm bảng
Thì cũng đừng quên người tri kỷ chốn lều tranh.
Chàng đừng vì mùi chung đỉnh bỏ lợi danh
Mà phũ phàng cảnh hàn vi nơi thôn dã
Em sẽ giữ trọn mối tình vàng đá
Cho đến ngày anh quay gót trở về.
(*Bài Chòi Xuân nữ*):

Gió trăng lưng túi đề huề
Đưa chàng đôi bước lòng se bên lòng
Xa chàng em chỉ cầu mong
Chàng đi đến chốn thành công khi về
Chàng đi hãy giữ lấy tình quê
Vinh hoa phú quý chớ hề say sưa
Lều tranh chung sống từ xưa
Mẹ già tựa cửa sớm trưa đợi chờ.

Tuấn mẫu: (Về *Quảng*):

Mấy lời mẹ nhắn con thơ
Chữ tình, chữ nghĩa con lo cho tròn.
Mẹ già cầu chúc cho con
Khoa trường đắc cử thành công con về
Con đi cách trở sơn khê
Áo nâu con giữ, tình quê mặn nồng
Có điều chi con gửi tin hồng
Kẻo mẹ già tựa cửa ngồi trông vô vàng.

Thoại Khanh: (*Lý thương nhau*):

Đưa anh ngàn dặm dặm ngàn (2 lần)
Đưa anh trọn vẹn đá vàng trăm năm (2 lần)

Châu Tuấn: Dạ thưa mẹ, con đi.

CHÂU TUẤN THI ĐỖ TRẠNG NGUYÊN CÔNG CHÚA ĐẾN CẦU HÔN

Châu Tuấn: Ta nhớ lại ở triều đình,
Bệ hạ có phán rằng:

Vì thương khanh, trăm vui lòng trao công chúa
Chớ từ nan mà lỗi đạo quân thần
Bây giờ ta biết xử sao đây...
Nếu nghịch lý thì vua tôi không trợn đạo
Còn thuận tình thì phu phụ lỗi niềm
Khó xử thay, quên Thoại Khanh chẳng?
Hay là... không thuận tình?

Quân hầu: Dạ, kính thưa quốc trạng,
Có công chúa vừa sang
Còn đứng trước dinh lang
Bẩm thượng quan nghinh tiếp.

Châu Tuấn: Dạ, xin chào công nương.

Công chúa: Thưa quốc trạng, thiếp đây
Bước thơ thần lần theo dặm liễu
(Để xem phong cảnh mùa xuân, nhưng
không ngờ)
Duyên đây đưa nhẹ lướt hài hoa
(Đến đây rồi) nhà trạng nguyên đâu dám
bỏ qua
Cảnh vô ý bất kỳ nhi ngộ (mới lạ cho chứ!)

Châu Tuấn: Thưa công nương,
Thân vàng ngọc xiết bao lòng hạ cố
Phận cỏ sen mừng được hưởng vinh quang

Công chúa: Phụ vương thiếp cũng mến tài quan tân
trạng lắm, nên chi:
Thiếp không nở để hoa hờn, trắng tủi
khách văn chương,
Thiếp cũng muốn...

Lửa bén hương nồng lời thề ước (nếu được như vậy)

Vây đôi bóng uyên ương chung bến nước
Hoà nhịp vui cầm sắt kết tơ tình.

(Bài Chòi Xàng xê):

Ngân hà một dải xanh xanh

Nữ ngán Ngưu nữ đôi ghềnh xa xôi

Trai tài gái sắc sánh đôi

Ba sinh duyên nợ đền bồi cho xong

Xe sẵn một mối chỉ hồng

Nước non ghi chữ tương phùng từ đây.

Thưa quốc trạng, chẳng hay quốc trạng
nghĩ sao?

Châu Tuấn: Tôi đây, thân hèn mọn được gọi nhuần ơn
mưa móc

Duyên nợ xui, may dựa chốn rèm hoa

(Còn gì hơn nữa. rồi đây)

Bốn bề rộng tận hưởng cảnh vịnh hoa

Gần người ngọc nắm đủ mùi chung đỉnh.

Công chúa: Phải rồi, chàng này là trạng nguyên, mai sẽ
là phò mã, muốn gì mà chẳng có. Rồi đây phụ
vương thiếp có mệnh hệ nào thì ngôi cứu
trùng là chàng nối nghiệp chứ còn ai vô nữa?

CHÂU TUẤN TỬ CHỐI, CÔNG CHÚA TỨC GIẬN BỎ VỀ

Quân hầu: Dạ, có phong thư đề tên Xích Phạm hoa

tiên xin trình để thượng quan.

Châu Tuấn: Dạ xin phép công nương.

Công chúa: Thưa quốc trạng, chẳng hay thư của ai vậy quốc trạng?

Châu Tuấn: Thưa công nương, thư này là thư nhắn tin về cho mẹ già của tôi.

Công chúa: Thưa quốc trạng, thế thì hãy sai sứ về rước mẹ già lên, như vậy mới rạng rỡ danh thơm quốc trạng chứ.

Châu Tuấn: Sai sứ về rước mẹ già... còn...

Công chúa: Chẳng hay còn là còn ai vậy quốc trạng?

Châu Tuấn: Thưa công nương, nói là nói vậy đó thôi còn tôi đây:

Quê nhà luống nguồn cơn thêm chạnh.

Thưa thật cùng công nương, tôi còn mẹ già cùng vợ yếu đang đợi trông tôi từng tháng, từng ngày.

Túp lều tranh mỗi mắt ngóng tin hồng

(*Bài Chòi Xàng xê*): Đói thương ơn ấy khôn cùng

Đây lời châu ngọc khiến lòng ngổn ngang

Nặng vì chút nghĩa tao khang

Một lời ước hẹn đá vàng thủy chung.

Song the chích ảnh phòng không

Chân trời, mặt bể đợi trông tháng ngày.

Cầu Lam đã lỡ kiếp này

Cầm loan khó nối kết dây chung tình.

Công chúa: (*Ca tiếp*):

Chàng ơi, ngơ dạ sao đành
Biết bao mộng đẹp duyên lành ngày mai
Vinh hoa phú quý lâu dài
Khối tình khuyên chớ để ai nặng lòng.
Nỗi niềm đòi đoạn ước mong
Trăng chiều, gió sớm người trong cảnh này.

Châu Tuấn: Thưa công nương, tôi và hiền thê của tôi đã
thề cùng nhau:

(Ca tiếp)

Đói nghèo chung cảnh đắng cay
Giàu sang ai nỡ đắm say đời.
Dù cho góc bể chân trời
Tao khang còn nhớ mãi người năm xưa
Lêu tranh nhớ buổi tiền đưa
Nhớ lời căn dặn lòng chưa phai mờ.

Công chúa: *(Nói):*

Lời mến yêu chàng đã quyết gác qua
Điều suy nghĩ thiếp thêm lo nông nổi
Không duyên phận gấm ra buồn quá rủi
(Nhưng mà) cậy tài hoa chớ vội tưởng là may,
Bây giờ đây ông chỉ biết vui nhà vương, của
tướng hội rồng mây, *(thì tôi e rồi đây)*
Khó tránh khỏi bể ái sông tình cơn sóng gió
đấy ông ạ!

**TƯƠNG TỬ ĐẾN KHUYÊN, BỊ CHÂU TUẤN MẮNG. KHÂM SAI
MANG CHIẾU VUA ĐẾN BẮT CHÂU TUẤN ĐÃY SANG NƯỚC TỀ**

Tương Tử: Thưa Châu huynh, theo ý của em thì:
phàm là người tôi trung phải hết dạ tận
trung ư thánh thượng

Chớ đem lòng nghịch lý cửu trùng

(Bài Chòi Cổ bản):

Chắc Châu huynh cũng biết rằng

Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung

Làm tôi nghịch chúa vô cùng là sai

Thật là gái sắc trai tài

Vinh hoa phú quý ai tây Châu huynh

(Còn chị Thoại Khanh đó mà, ôi... thôi đi anh).

Sá gì cái túp lều tranh

Đèo bòng cho lắm thêm mình xấu lây.

Phước nhà lộc nước là đây

Khuyên đừng cao thượng sẩy tay khó lòng

(Nói) :

Thưa Châu huynh, biết như vậy mới gọi là
biết, biết để làm, làm việc gì cho vinh hoa
phú quý, làm việc gì cho kẻ vị người kiềng.
Nay huynh là trạng nguyên chứ mai sẽ là
phò mã. Đó, biết vậy mới là biết, vậy đó
huynh ạ.

Châu Tuấn: Thưa Tương huynh, đó là những điều hiểu
biết của Tương huynh, chứ biết của tôi là:

Biết là biết sống cuộc đời cho có nghĩa

Biết là biết công kẻ khó, biết ý người khôn
Chứ biết không có nghĩa là biết cúi biết luồn
Biết không có lẽ là biết danh biết lợi
Biết không phải để chờ cơ hội
Để làm điều bạc nghĩa phi ân
Biết thế kia thiên hạ chẳng ai cần...

(*Bài Chòi xàng xê*):

Làm người phải biết nghĩa biết nhân
Biết chi ham phú phụ bản sao đang?
Làm người đứng giữa thế gian
Đừng mê chung đỉnh, chớ màng lợi danh
Làm điều rẽ yến phụ oanh
Rồi ra đạo lý nhân tình còn chi?
Thưa Tương huynh, muốn giữ tròn là bạn
tương tri
Xin người hãy chớ bàn chi thêm phiên

Tương Tử:

Khuyên anh đã hết lời khuyên

Hô Cổ bản:

Chữ danh, chữ lợi, chữ quyền, chữ nhân,
Người ta sống ở dương trần
Điều hơn lẽ thiệt phải cân cho tường
Dịp may anh lại xem thường
Anh hùng khí khái cũng không ích gì...

Khâm sai (*Vào*): Có vương lệnh!

Vâng lệnh trên chúa thượng
Cứ luật nước nghiêm hành
Tân trạng nguyên nghịch mạng triều đình
Phải chịu tội đầy sang Tể quốc!

Châu Tuấn:

Khoan! Để ta hỏi cho rõ ràng sau trước
Tội lỗi chi ta chẳng rõ đuôi đầu
(Ta đây)
Dù giết, tha cũng đến tận sân châu.
Đừng trối buộc xô người trong lưới hoạn

Khâm sai: Khoan!

XÍCH PHẠM TIỀN CHÂU TUẤN ĐI ĐÀY

Quân hầu: Dạ, ở cổng ngoài có gã thư sinh
Vừa mới báo xưng danh Xích Phạm
Xin được vào tiền đưa chân bạn
Còn đợi chờ lệnh của thượng quan
Khâm sai: Ta trở về yết kiến thánh hoàng
Quân bay ở lại nghiêm minh canh gác
Cho gã kia vào tâm tình trong chốc lát
Đợi ta sang rồi sẽ dẫn đi.

Xích Phạm (Vào): Châu hiền huynh!
Mừng chưa hết khi nghe anh đặc cử
Đau lòng thay khi tin bạn chẳng lành
Hiền huynh ơi!
Thất ruột tằm thương bạn bước điều linh
Tội nghiệp cho chị nắng mưa cơn khổ não
Nuôi chồng, chị đã nhường cơm nhịn áo
Giúp mẹ lo đắp lạnh quạt nồng
Ôi thôi rồi, kể từ đây túp lều tranh chị mới

mắt trông chồng (còn mẹ anh)
Nơi cánh cửa tựa đầu sương đợi trẻ
Ngao ngán mấy chuyện đời, ôi quá tệ!
Em đến đây tiễn đưa anh mà tình bạn nói
khôn cùng

(Bài Chòi Xuân nữ):

Nhìn nhau lòng luống đau lòng
Người nơi cố quận kẻ vùng Tề bang
Triều đình lắm chuyện dọc ngang
Nói bao nhiêu lại căm hờn bấy nhiêu
Thương anh gặp lúc hiểm nghèo
Gia đình anh, em liệu sớm chiều tới lui
Chia tay đi ở ngậm ngùi
Khuyên nhau giữ trọn những lời sắt son
Anh đi dù cách núi sông
Quê nhà (em) vẫn nhớ, vẫn trông theo người
Đưa anh muôn dặm xa vời
Kể làm sao hết những lời ruột gan.

Châu Tuấn: Thôi Xích huynh ạ!

(Ca tiếp): Anh hùng đức vững tâm can
Thủy chung giữ vững, giàu sang sá nào
Đôi bên tình hiếu dạt dào
Thân này sống thác gian lao xem thường
Thương cho người tần tảo cố hương
Đau lòng cho mẹ tóc sương vô vàng
Tin này nhờ bạn đưa sang.

Khâm sai: Này ông Châu Tuấn!

Đã đến giờ thượng lộ,
Ông khá mau đẹp bỏ chuyện tâm tình.
Tam quân! Truyền tu chỉnh đao binh
Nhằm Tề bang thẳng tiến! Truyền dẫn đi.

Châu Tuấn: Thôi Xích huynh ở lại!

Xích Phạm: Châu hiền huynh đi!

HAI TÊN QUÂN HẦU NÓI VỀ TƯƠNG TỬ

Quân A: (Ngâm thơ):

Nghèo đến như tôi mới thấy nghèo
Nghèo không hạt lúa để mà gieo
Nghèo chưa từng thấy hai đồng kềm
Ăn cháo quanh năm, nợ vẫn kèo.

Quân B: À! Cậu ơi! Cậu ở với quan mình đã lâu, vậy thì cậu có biết tính quan nhà mình ăn ở ra sao không?

Quân A: Không giấu gì cậu, quan của mình đây là: vô tài mà bất đức.

Ăn của con dân khổ cực người ta kêu la
Nhiều vụ sát nhân mà tiền đem đến cũng được tha

Chứ còn người nghèo khổ như mình, như cậu là phải chịu tù chịu tội đó nghe chưa?

À! Mà cậu đã biết chuyện thi cử của quan mình chưa?

Quân B: Sao cậu?

Quân A: Ai đời ông ta đi thi trượt lên trượt xuống

chín mười lần (*Nhưng mà*) đời có tiền thì
trăm việc cũng đều xong.

Nhờ đứt lốt nên cuối cùng quan mình cũng
đầu...

Quân B: Đậu thế nào cậu? Đậu chắc cũng khá phải
không?

Quân A: Đậu khá... đậu chót! Cho nên người ta có
nói rằng:

(*Lý Đồng Nai*):

Học hành gì mà thi có tiền mới đỗ chót

(*Ấy thế mà*) về nhà thì tán róc luôn mồm

Cứ huênh hoang khoe đức rộng, tài cao, có
chán không?

Chức cao (*a*) cao thời mà xịt bọp (*Ta là*)

Có cái nghề (*a*) là nghề, có cái nghề xấu xa.

Thấy gái tơ đêm ngày sục sạo... be he, be he...

Con dê râu xồm nhiều hại lương dân.

Thấy miếng ăn...

Quân B: À được, được, anh nói xấu quan mình, này
dừng than, này đừng trách, tôi đi mách với
quan trên, để chừa thói nói hành' (*Tôi đi
báo quan cho cậu xem*).

Quân A: Cậu đi thật à?

Quân B: Chút vậy mới biết cậu miệng hùm mà gan
sứa

Quân A: À cậu ơi, nhưng mà mấy hôm nay sao mình
thấy lòng mình nó ái ngại quá.

Quân B: Sao mà ái ngại hử cậu?

- Quân A: Thương hại cho mẹ con chị ấy không khéo mà sa vào hang cộp cũng nên.
Theo ý mình là mình định vào nói cho hai mẹ con này biết cái tính của quan mình.
(Có tiếng đống hăng của Tương Tử)
Kìa, quan về kìa!
- Tương Tử: Quan bảo đây, mấy hôm nay, bọn bay canh gác chắc cũng mệt.
Bữa nay quan tha hầu cho, nghe!... À, à bay vào mời chị Thoại Khanh ra đây cho quan hỏi chuyện. Gọi riêng một mình chị Thoại Khanh nghe chưa?

TƯƠNG TỬ NÓI XẤU CHÂU TUẤN ĐỂ LỪA GẠT THOẠI KHANH

- Tương Tử: Đây chị Thoại Khanh này!
- Thoại Khanh: Dạ!
- Tương Tử: Thôi hôm nay thì tôi nói thật cho chị biết, Nhưng mà đừng để cho bác hay, không nên. Chữ anh Châu Tuấn đó mà, bị đầy sang Tế quốc bởi vì:
Đắm say bởi hương trời sắc nước
Dậy sóng tình quên cả đạo quân thần.
(Thấy Công chúa rồi thì)
(Hô Cố bản):
Lân la trò chuyện cầu thân
Trêu hoa, ghẹo nguyệt tán gẫu, bàn xa

Giở trò ong bướm lại qua
Công nương tức giận (*rồi*) vua cha (*lại*) bắt
bình.
Triều trung nổi trận lôi đình
Bá quan văn võ (*cử*) luật hình xử phân
Khép vào cái tội khi quân
Trạng nguyên tước chức (*rồi*) đẩy sang
nước Tề

Thoại Khanh: Trời ơi!

Tương Tử: Đó, tôi đã nói nhiều lắm rồi
nhưng mà

(*Ca tiếp*):

Nhỏ to đâu đã có nghe

(*Đẻ*) bây giờ nhục nhã ê chề biết thân

(*Nói*): Đó, câu chuyện là nó như vậy

Mà thôi bây giờ chị vào trong đi nghỉ.

Thoại Khanh: (*Nói lới*):

Châu Tuấn anh ơi!

Châu Tuấn anh ơi!

Em những tưởng ngày tiễn biệt để đón
ngày hội ngộ

Cảnh chia lìa đợi lúc đoàn viên

(Em có ngờ đâu)

Anh đã vì vinh hoa mà vùi dập thề nguyên

Còn ham phú quý mà đổi thay lòng dạ

Ôi! Để tủi phận canh khuya rỉ rả

(*Ca Cung oán ngâm khúc*)

Cước lê đôi, tiếng gọi nào nùng

Thân lạnh lòng, chích bóng lẻ loi
Non nước non xa vời, cánh nhận về đâu
Đêm sâu lòng ta ngao ngán
Ngán bấy cho đời xui nhận lạc mây trôi.
Tâm sự này biết nhấn nhủ ai
Non nước non xa vời (y) vời vọi trông
Đêm trường lòng ta ngao ngán
Ngán bấy cho người xui bèo dạt mây trôi.

**TƯƠNG TỬ GIỜ TRÒ DÂM Ô, THOẠI KHANH
CỤ TUYỆT MẮNG TƯƠNG TỬ VÀ DẮT MẸ RA ĐI**

Tương Tử: Sao đêm đã khuya mà chị chưa đi nghỉ?
(Nói lối): Chị này! Tôi đây
Thấy tình cảnh nữ ngơ làm sao được
Thấy hoa rồi ai đành dạ bỏ qua
Nhưng thôi, tưởng chi người bạc nghĩa
chốn trời xa
Vui duyên bạn cũng đủ điều ân ái
(chứ phải không chị)

Thoại Khanh:
Tương huynh ơi! Tương huynh nên
(Nói lối): Xét giùm cảnh rơi kim rụng vải
Hãy thương cho duyên nợ dở dang
Rối ren này xin anh rủ chút tình thương
Đặng nơi cố quận mẹ con em được toàn vẹn.

Tương Tử: Không không. Toàn vẹn là như vậy mới
toàn vẹn

(*Nói lời*): Chứ cố quận mà làm gì, rồi phải chịu
Cảnh chích bóng phòng không.
Cho nên có biết đâu là tại duyên hay tại số
(chứ)

(*Hô Cổ bản*):

Tiết trinh chi để chịu lạnh lùng
Chồng mất đi thì lại tìm chồng
Thương người bội nghĩa cũng không ích gì
Trạng nguyên, phò mã mà chi?
Ái ân đâu nữa (*mà*) phòng khuê (*chị*) đợi người
(*Tôi đây thì*) chức không cao nhưng vẫn có quyền
Chúng dân trong quận nó đều kiêng đều
nhường
Thôi đôi ta hãy gắn chặt tình thương
Nợ duyên thêm đơm, lửa hương thêm nồng.

Thoại Khanh: (*Nói lời*)

Tương huynh ơi! Tương huynh nên nghĩ kỹ
lại đi
Nếu chẳng được nhờ ơn trong hoạn nạn
Thì cũng cho thân thiếp được vẹn toàn

Tương Tử: (*Nói hường*)

Ờ thì tôi cũng muốn cho nó vẹn toàn chớ sao!

Thoại Khanh: (*Mà thôi anh đi*):

(*Hô Cổ bản*):

Bảo đừng chuốc giọng ái ân
Hòng toan giả nghĩa, giả nhân chi lắm lời.
Làm người cho xứng con người

Thay lòng đôi dạ miệng đời rẻ khinh
Sao không biết nhục, biết vinh
Quên tình bằng hữu ô danh, ô danh muôn đời

Tương Tử (*cười*): He... hé...!

Thoại Khanh: Mẹ ơi! Mẹ!

Tuấn mẫu: Chữ cái gì vậy? Thoại Khanh đâu con?

Tương Tử: Ở ở bác đã dậy. Không có việc gì hết.
Chớ mà đêm đã khuya lắm thấy chưa đi
nghỉ. Tôi ra nói vậy chớ có việc gì hết trời.

Thoại Khanh: Mẹ ơi! Mẹ con ta lắm rồi

(*Nói lối*):

Quan quyền chi mà làm điều tệ hại
Ai đi dâm ô thường giở thói điều ngoa.

(*Này Tương Tử*) dầu dối nghèo, cũng giữ
lấy lòng ta.

Đừng có ý quyền thế mà làm ra điều ngang
trái.

Dầu sống thác ngãi kia ta trọn ngãi
Chớ có đổi đời mà giả nghĩa giả nhân.
Thôi đi mẹ à, mẹ con ta hãy cất bước dò lần
Đi đi cho khỏi chốn bùn nhơ vũng nhớp.

Tương Tử: Chà chà! Đồ dân đen dám buông lời láo xược
Quân bay!

(*Dạ*)

Tống cổ ngay ra khỏi nha quan
Nửa đêm dám lén vào buồng tao ăn trộm của
Nay truyền quân bay rao khắp xóm làng
Cấm dân chúng không được giúp tiền, giúp gạo.
Tống cổ đi!

THOẠI KHANH DẪN MẸ SANG NƯỚC TÊ
TÌM CHÂU TUẤN, GIỮA ĐƯỜNG GẶP XÍCH PHẠM,
THOẠI KHANH KỂ LẠI NỖI KHỔ CỦA HAI MẸ CON

Thoại Khanh: Trách ai xui cách trở duyên chàng
(*Ca Chiêu quân*):

Trách ai xui cách trở duyên chàng
Khiến nên chịu cảnh ly loạn.
Cớ sao chàng bị đi đây Tê bang
Hỡi Châu lang! Hỡi chàng! Châu lang ơi!
Dứt mối tơ ruột tằm trông đợi
Nơi chân trời, nơi vạn lý trùng dương

Xích Phạm: Ai lại nằm giữa chốn rừng sâu núi thẳm
vậy kia.

Người ta bị tai nạn ghì chằng?
Ừ mà bác! Chị Thoại Khanh ơi!
Chị hãy tỉnh dậy đi chị.

Thoại Khanh: Trời ơi! Anh Xích Phạm!
Làm sao anh đến đây được.
Cứu giùm mẹ con em với.

Tuấn mẫu: Trời ơi anh Xích Phạm!

Xích Phạm: Em có đến nhà thăm bác và chị, nhưng khi
đến nơi thì nhà cửa vắng tanh lạnh ngắt.
Hỏi ra thì mới biết:

Chị đã dắt bác tìm anh cho trọn nghĩa
Nên em cũng nguyện theo bạn cho vẹn tình.
(*Hô Xuân nữ*):

Lần mò nẻo tắt đường quanh

Tuyết sương nào ngại thác ghềnh quần bao
Mịt mù núi hiểm rừng sâu
Bước đi mỗi bước lòng đau đón lòng.

Thoại Khanh: Anh ơi! Từ lúc em nghe chồng em mang hoạ
Mẹ già thân gái lênh đênh
Xin ăn từng bữa ngày đêm lần dò
Bị tên Tương Tử côn đồ
Luân thường đảo lộn giở trò bất nhân
Một lòng, em quyết khăng khăng
Ra đi dắt mẹ xin ăn tháng ngày
Giữa đường mẹ em đói ngất ngây
Em đành lóc thịt cánh tay nuôi mẹ già.

Tuấn mẫu: Trời ơi! Con ơi, mẹ đã ăn thịt con!

Xích Phạm: Bác đã kiệt sức rồi, còn chị thì em thấy
cũng yếu lắm không thể đi được đâu, hay
là... Thôi được, còn một ít gạo, chị cầm
dùng tạm bữa nay, em xin xuống chân núi
đổi hành lý lấy thêm ít gạo lên đây, em sẽ
dắt bác và chị vượt qua khỏi đám rừng này.

THOẠI KHANH BỊ THÂN MIẾU MỐC MẮT, SAU ĐƯỢC TIÊN XUỐNG CỨU VÀ CHO ĐÀN THẦN

Ác quỷ: Nay Thoại Khanh!

Thoại Khanh: Mẹ ơi, hình như có ai kêu vậy mẹ ạ.

Ác quỷ: Nay Thoại Khanh!

Thoại Khanh: Trời ơi, mẹ ơi!

Ác quỷ: Đẹp thật, đẹp thật!

Quả như người tiên nữ
Lần thu ba xinh đẹp khác thường.
Này nàng kia!
Ta thấy nàng, cũng xúc động lòng thương
Muốn gá nghĩa can thường với đó
Nàng nghĩ sao?

Thoại Khanh: Trời ơi, trăm lạy ngài
Ngửa bái thần linh chiếu giám
Xét soi cứu thiếp một phen
Mẹ con tôi thân phận yếu hèn
Nhờ thần có linh thiêng phù hộ
(Cho mẹ con tôi nhờ kéo tội lằm ngài ơi)

Ác quỷ: Nếu nàng nghịch ý, ta sẽ móc cặp mắt của
nàng cho mà xem.

Thoại Khanh: Trời ơi, mẹ ơi! Dạ trăm lạy ngài, ngàn lạy
ngài, nếu mà ngài không thương thì ngài
giết cả mẹ lẫn con, chứ ngài móc mắt thì
làm sao tôi thấy đường dắt mẹ tôi đi tìm
chồng.

Ác quỷ: Nếu vậy thì chết là tại nàng
Đã thương thời mới nói
Nói mãi chẳng thêm nghe
Nàng đã giữ chặt một bề
Ta quyết móc ngay cặp mắt
*(Ác quỷ móc mắt Thoại Khanh, nàng đau
đớn ngất đi. Tiên ông xuất hiện).*

Tiên ông: Ta tiên ông vâng lệnh
Đức Thượng đế giáng trần

Thầy thấy con còn lắm nỗi gian truân
Nên thầy xuống cứu con qua khỏi nạn
Thoại Khanh lại tỉnh đi con

(Ngâm):

Cam lồ cứu giải kẻ trung trinh
Cấp cấp lai hồi hồi Thoại Khanh
Nghiệp chướng từ đây đã tẩy sạch
Vây vui chồng vợ đượm hương tình
Lai tỉnh đi con!

Thoại Khanh: Mẹ ơi, con đã chết rồi mà ai cứu con?

Tiên ông: Ta là tiên ông xuống cứu người đây.
Thầy thấy con còn nhiều nghiệp chướng
Nên chỉ thầy xuống thế cứu nguy
Thầy ban cho con một chiếc đàn tỳ
Để giúp trẻ vẹn tròn đôi bạn

Thoại Khanh: Nam-mô A-di-đà Phật!

Tiên ông: Con ra đi bước đường tìm bạn
Lúc gặp nhau thì mắt nọ hết mù loà
Đây sang Tề đường sá còn xa
Để ta cho thần hổ đưa con qua Tề quốc
Này thần hổ! Hãy nghe lời ta dặn,
Đưa mẹ con người này qua chốn Tề bang.
Con ở lại trần gian, thầy lui về tiên cảnh.

Thoại Khanh: Nam-mô A-di-đà Phật!

**SAU KHI SANG TỀ, NHỜ CÓ CÔNG DỆP GIẤC, CHÂU TUẤN LẠI
ĐƯỢC PHONG TRẠNG NGUYÊN. NHÂN DỊP SINH NHẬT CỦA
CHÂU TUẤN, CÔNG CHÚA NƯỚC TỀ MỞ TIỆC ĂN MỪNG**

Công chúa: (*Hát trách*):

Hoa hỡi hoa, nào hoa có rõ
Thấy hoa cười thêm hổ cùng hoa
Đêm nay nguyệt quện tình hoa
Mà ta, tình lại hoá ra vô tình
Phòng thu những một mình thơ thẩn
Tháng năm chầy (2 lần) lạnh lẽo phòng không.
Trách ai phụ khách má hồng
Lửa hương đành để lạnh lòng (lạnh lòng)
sao đang.

Thê nữ: Dạ thưa công nương, quốc trạng người đã sang

Công chúa: Xin kính chào quốc trạng.

Châu Tuấn: Dạ, xin chào công nương.

Công chúa: Thưa quốc trạng. Hôm nay sinh nhật của quốc trạng, là nghĩa bạn văn chương, nên thiếp mạn phép mở tiệc để mừng người trong lúc một mình xa cố quốc. Chẳng hay quốc trạng có vui lòng chăng?

Châu Tuấn: Dạ, xin đa tạ công nương đã có lòng hạ cố, thật là muôn vàn quý báu.

Công chúa: Thưa quốc trạng. Thiếp vừa mới thảo ra một điệu múa, để gọi vũ nữ nó ra đây.
Vũ nghệ thường đem lại cảnh vui tươi

Rượu giao hoan chung chén đầy vơi
Để khuây khoả nỗi buồn xa cố quốc.
Vũ nữ!

(Dạ)

(Vũ nữ hát múa quỳnh tương)

Rượu ngọc, rượu ngọc thơm nức mùi tiên
Chén quỳnh nâng chúc, sánh non nam
Non nam, non nam, nước mưa dầm một
tiệc vui
Tiệc vui, tiệc vui, phúc sáng tươi
Lê táo tổ lòng kính mến
Chén rượu dâng lên, mừng chén rượu dâng lên

CÔNG CHÚA TẾ TỔ Ý CẦU THÂN CÙNG CHÂU TUẤN

Công chúa: *(Nói):*

Thưa quốc trạng, vũ khúc chẳng vừa lòng
Quân tử thì...

Văn chương xin túc cảnh để thơ vạy.

Công chúa: Thưa công nương, nguồn thi thơ đã cạn tự
bao giờ.

Công chúa: Cạn thì có rượu cúc, ý thêm nhiều ý.

Châu Tuấn: Vạy thì công nương chấp bút trước
Rồi tôi xin họa hầu sau.

Công chúa: Dạ, thiếp xin lĩnh ý để vừa lòng quân tử...
Thiếp đã thảo xong, xin mời quốc trạng hãy
xem đi.

Châu Tuấn: Thật chữ của công nương như rồng bay, như phượng múa...
(*Ngâm thơ*): Non nước ra màu cảnh đẹp duyên
Lăn tăn hồ bạc gọi triền miên
Vô tình mai nở khoe hương thắm
Hữu ý trăng ngà rọi chén tiên
Lấp lánh hạt sương treo ngọn cỏ
Chập chờn làn gió gợn ngoài hiên
Ai người tri kỉ say phong cảnh
Bút ngọc xin đề họa nhất thiên.

THOẠI KHANH GẶP CHÂU TUẤN

Công chúa: Thế nữ! (*Dạ*) em ra đưa hai mẹ con người đàn vào đây, và bảo họ đàn cho thật hay để quốc trạng nghe rồi ta thưởng tiền cho (*dạ*).

Thế nữ: Này, hai người hãy đàn cho hay rồi công chúa ta thưởng tiền cho, nghe chưa!

Thoại Khanh: *Dạ (Hát Tình duyên cung oán)*
Đàn kêu nỗi mẹ trông con
Đàn kêu nỗi vợ cô đơn nhớ chồng
Đàn kêu phận bạc má hồng
Mấy năm chẳng thấy mặt chồng ở đâu
Đàn kêu em chịu dãi dầu
Bao năm lao khổ chàng nào có hay
Đàn kêu lóc thịt cánh tay
Dưỡng nuôi từ mẫu chàng hay chăng chàng?
(Chàng có hay chăng chàng)

Đàn kêu mắt bị yêu tình
Cuồng si chiếm đoạt thân thêm khốn cùng
Đàn kêu phụ bạc chẳng chàng?
Nữ ham cây quế phụ nhàn thiên hương
Đàn kêu em chịu đoạn trường
Anh đi ham phú, phụ bản, có hay
Đàn kêu con tạo lá lay
Hỡi anh Châu Tuấn giờ hay chẳng chàng?
(Giờ có hay chẳng chàng?)
(*Tiếng sấm rền*)

Mẹ ơi!

Tuấn mẫu: Gì đó con?

Thoại Khanh: Mắt con đã sáng rồi mẹ ạ!

Tuấn mẫu: Trời ơi! Mắt con đã sáng rồi đó Thoại Khanh?

Thoại Khanh: Con đã sáng mắt rồi.

Châu Tuấn: Ừ mà... Thoại Khanh em... mẹ nữa này!

Thoại Khanh: Trời ơi! Anh! Châu Tuấn này mẹ ơi!

Châu Tuấn: Mẹ ơi! Mẹ ơi!

Trời ơi!

(*Nói lời*):

Hoa mắt tưởng còn trong giấc mộng
Tận nhìn nhau quả thật là người xưa
Nhìn mẫu thân lụy đổ dương mưa
Cùng trông hiền phụ lòng đau như dao cắt.
Xa nghìn dặm mẹ còn cách mặt
Trải bao thu chồng vợ đôi đường
Trời ơi! Mẹ sao mù loà cảnh quá thảm thương
Còn em sao vàng vô thân hình ra nông nổi...

THOẠI KHANH NGHI OAN CHÂU TUẤN

Thoại Khanh: *(Nói lối):*

Thôi đi!

Tình nghĩa chi chàng mà han với hỏi,

Ái ân đâu mà khóc mà than

Bây giờ chàng đã vui biết bao là nhà ngọc
ngựa vàng

Có còn kể chi nữa mẹ già, vợ yếu.

Châu Tuấn: Không đâu em ạ.

Thoại Khanh: Chàng đã đành đoạn quên tình quên hiếu
Nhưng em lại trọn niềm vẹn thủy vẹn chung
Thôi, hôm nay đã gặp rồi, chàng nên phụng
dưỡng lấy mẹ

Kéo từ xưa nay mẹ đã khổ nhiều lắm rồi

Thôi mẹ của chàng em xin giao lại cho chàng

Mẹ ơi! Trăm lạy mẹ cho con lui về quê cũ.

Châu Tuấn: Trời ơi!

Tuấn mẫu: *(Nói lối):*

Con ơi! Khoan đã con.

Lâm cảnh ấy ai không tủi phận.

Nhưng để hả lòng, mẹ cặn tỏ ngọn ngành.

Này Châu Tuấn! Con có biết đâu:

Mẹ đây mắt kéo mây vì quá đổi khóc con

Còn Thoại Khanh, tay nó róc thịt bởi tận
tình nuôi mẹ.

Trải bao nỗi gian truân nào có kể

Bị yêu tình móc mắt phải mù lò

Nhờ tiên ông cho chiếc tỳ bà
(Người có dặn rằng)
Khi mất sáng thì vợ chồng đoàn tụ
Nông nổi ấy con đâu có rõ thấu
Thú giàu sang mảy vui với vợ đẹp con khôn
Thôi thôi, tôi đâu có dám gần nơi gác tía
lầu son
Nghĩa dâu thảo mẹ quyết theo dâu của mẹ.
Đi cho rồi, con!

Châu Tuấn: *(Nói lối)*

Mẹ ơi! Mẹ chậm chậm cho con đôi lời cặn kẽ
Còn em khoan khoan cho anh tỏ hết ngọn
ngành

(Hô Bài Chòi Xuân nữ):

Mẹ ơi! Chớ vội dứt tình
Hải hà mở lượng cao mình soi lòng
Nước non trái mấy thu đông
Con dăm dẫu bất hiếu phụ công sinh thành.
Giận thay vì chúa bất minh
Chia duyên chồng vợ, dứt tình mẹ con
Ra đi con quyết giữ lòng son
Bấm tay tính đốt hàng mong ngày về

Tuấn mẫu: *(Nói)*

Mày nói vậy mà sao bây giờ mày lại là ông
trạng nguyên, quan phò mã kia mà!

Châu Tuấn: *(Hô tiếp Bài Chòi Xuân nữ)*

Dạ thưa mẹ,

Vì con đây đẹp giặc có công
Trạng nguyên Tề quốc vua phong chức quyền
Mẹ con cách biệt hai miền
Vui chi bề hoạn, khơi thuyền lợi danh
(Còn con và Công chúa đây chỉ là)
Thanh cao đôi bạn mây xanh
Văn chương xướng hoạ, kết tình tri giao
Con có dám đâu quên chữ cù lao
Dám đâu ham phú mang câu phụ bản.
Cúi đầu chịu tội với mẫu thân
Mẹ ơi! Mở rộng lòng nhân (cho) con nhờ.

GIA ĐÌNH ĐOÀN TỤ

Công chúa: *(Nói lối)*

Thân nhi nữ đáng khen thay tiết hạnh
Cảnh ngặt nghèo cam bầy phận hồng nhan
Chị ơi! Hãy bình tâm mà xét lại rõ ràng
(Chị giận là phải, nhưng mà tôi cũng khuyên)
Chớ vội đem dạ nghi oan người bội nghĩa
(Như quốc trạng đây)
Tuy được sống cảnh lâu son gác tía
Nhưng mà mãi ôm sầu vùi vùi ngóng
phương trời.

(Hô Bài Chòi Xuân nữ):

Mấy năm non nước xa xôi
Mấy năm tưởng nhớ đến người cố hương

Mối tình lòng những tơ vương
Quê xưa cảnh cũ những mong ngày về
(*Hô Bài Chòi Hồ Quảng*):
Bây giờ sum họp phu thê
Ấy là sau trước lời thề vãn nguyên
Mừng cho đẹp dạ phỉ nguyên
Chữ tình càng đượm, chữ duyên càng nồng
Tìm chồng nay đã gặp chồng
Mối tình thêm chặt, tơ hồng thêm sẵn.

Thoại Khanh: (*Nói*)

Nếu mà quả thật như vậy thì...
Té ra tôi đã nghĩ lầm rồi
Dạ, thưa công nương,
Thế ra anh Châu Tuấn của tôi là
(*Hô Bài Chòi Hồ Quảng*):
Oan khiên nặng kiếp tù nhân
Nhờ công nương độ lượng nên ái ân trọn niềm
Dạ, ơn kia tạc dạ lời nguyên
Đá mòn, sông cạn dám quên nặng tình.

Tuấn mẫu: (*Nói*)

Thoại Khanh, Châu Tuấn đâu con

Châu Tuấn: Dạ, con đây mẹ à

Tuấn mẫu: (*Hô Bài Chòi Hồ Quảng*)

Như vậy thì bây giờ mặt mới rõ đầu đuôi
Công nương người ấy ở đời hiếm thay
Tình kia bể chứa khôn đầy
Nghĩa kia nghĩ cũng khó ai sánh bằng

Giờ đây già đã thoả lòng
Nghĩa tình đã đẹp, thuỷ chung vẹn toàn
Châu Tuấn: *(Hô Bài Chòi Hồ Quảng)*
Ơn công nường quý giá ngàn vàng
Nhờ người nay được tao khang tao phùng
Dạ, cúi xin cảm tạ ơn lòng
Nghĩa kia ghi tạc nghìn năm chẳng rời
Dạ thưa mẹ, Thoại Khanh em
Dinh trung trở lại cùng vui
Mừng ngày sum họp trọn lời ước xưa.
Dạ, xin chào công nường!

PHẦN II

DÂN CA

A. LÝ LUẬN

CÁC LOẠI HÌNH VÀ NHẬN XÉT GIÁ TRỊ

CÁC LOẠI HÌNH DÂN CA

Liên khu 5 gồm các tỉnh đồng bằng miền ven biển (Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận) và các tỉnh thuộc Tây Nguyên (Gia Lai, Kon Tum, Lâm Đồng, Đắk Lắk, Đắk Nông...).

Dân ca Liên khu 5 rất phong phú, đa dạng, có dân ca đồng bào người Kinh, có dân ca đồng bào dân tộc thiểu số.

Ở đây chúng tôi chỉ dám đề cập đến các loại hình dân ca của đồng bào người Kinh, còn dân ca của hơn 30 đồng bào dân tộc thiểu số, chúng tôi chưa dám nói đến vì nó cũng rất phong phú, đồ sộ, đa dạng, phải có những công trình nghiên cứu, sưu tập đầy đủ, nghiêm túc. Trong tập sách này, chúng tôi chỉ có đôi lời giới thiệu và một số ít bài sưu tập được của đồng bào Chăm, Gia Rai, Ba Na. Chúng tôi đưa vào phần Phụ lục để cho tập sách này thêm màu sắc và đồ phiên diện.

I. VÀI NÉT VỀ CÁC LOẠI HÌNH DÂN CA MIỀN XUÔI, ĐỒNG BÀO KINH

Dân ca của đồng bào Kinh rất phong phú về nội dung, đa dạng về thể loại.

Xin được giới thiệu sơ bộ một vài làn điệu, có thể nói là phổ biến.

1. *Hò*

Hò là một loại hát quen thuộc được mọi người yêu chuộng. Có thể chia Hò thành hai bộ phận: hò khi lao động, sản xuất trên sông nước và hò khi lao động, sản xuất trên cạn.

Hò trên sông nước gồm nhiều điệu mang tên khác nhau. Các giọng *Hò khoan*, còn gọi *Hò chèo thuyền* trên sông Thu Bồn không phải cùng xây dựng trên một giai điệu hay một tiết tấu, mà do hoàn cảnh địa lý từng khúc sông khác nhau, giọng hò ở mỗi nơi có những nét riêng đáng lưu ý:

Điệu hò vùng thượng lưu và trung lưu sông với lời ca tuy bay bướm dong đưa, nhưng từng chữ gọn và chắc, lồng vào giai điệu có tiết tấu gián cách, đọc nghe tưởng như rời rạc đứt quãng, mà nếu đơn thuần hò lên, không chuẩn bị, sẽ khó gây được sự thông cảm sâu sắc đối với người nghe. Trong khung cảnh dòng sông chảy giữa đôi bờ dựng đứng, với tiếng vang vọng qua lại đập vào vách núi chyun đi xa mãi, khi cất lên tiếng hò này người nghe mới cảm nhận hết sự phối hợp chặt chẽ, sinh động, liên tiếp và hài hòa giữa điệu hò với thiên nhiên.

Trái lại, về đến hạ lưu, khi mà dòng sông chảy giữa đôi bờ bát ngát nương dâu của đồng bằng Quảng Nam rộng lớn, thì tiếng hò lại luyến láy bổng trầm, gây nên cảm giác

thanh thoát mệnh mông, nghe phảng phất như điệu hò quyến rũ của sông Hương, núi Ngự.

Cùng là *Hò khoan*, lúc bình thường hát nhịp nhàng thoải mái, nhưng khi đua thuyền thì tiếng hò trở nên nhanh nhẹn, chắc khoẻ, nhất là lúc sắp tới đích, câu kể, lời xô thật dồn dập khẩn trương.

Một số giai điệu *Hò khoan* có thể tách riêng thành những ca khúc hoàn chỉnh mang trình độ nghệ thuật khá điêu luyện.

Các giọng hò *đò* trên sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) và sông Đà Rằng (Phước Yên), *Hò chèo đò*, *Hò chèo thuyền* trên dòng Lại Giang (Bình Định) tuy tên gọi na ná như nhau, nhưng giai điệu và tiết tấu khác nhau, do thực tế địa lý từng con sông chi phối. *Hò đò* trên sông Trà và *Hò chèo thuyền* trên Lại Giang có những sắc thái, tốc độ tương đồng với *Hò khoan* dưới hạ lưu sông Thu Bồn; *Hò đò* trên sông Đà Rằng lại chắc khoẻ, ngắn gọn.

Đặc biệt, *Hò giứt chì*¹ của dân chài vùng biển Quảng Ngãi và mấy huyện ở Quảng Nam, Bình Định có nhịp điệu mạnh mẽ với tốc độ dồn dập rất phù hợp, ăn khớp với động tác kéo lưới của họ.

Bên cạnh những giọng trên, ta còn thấy *Hò ba lý*, *Hò mái nhì*, *Hò mái ba*, *Hò mái nhì*... (Nam - Ngãi, Bình Định) có giai điệu phảng phất như một số điệu hò Huế, hò Trị Thiên. Có lẽ mấy giọng này du nhập từ mấy tỉnh đó vào và đã được địa phương hóa đi chăng?

Về thủ tục, khác với những điệu hò trên sông Mã (Thanh Hoá) phải hát theo từng chặng (khi lên thác, lúc

¹ Có bạn gọi *Hố giứt chì*. Chúng tôi chưa phân biệt được hò, hố khác nhau như thế nào. Có lẽ do thanh điệu của ngữ ngôn địa phương mà nhân dân đọc chữ hò nghe thoảng như hố chăng?

xuống ghềnh, khi ngược nước, lúc đổ xuôi) với giai điệu, tiết tấu và lời ca khác nhau; hoặc những điệu Hò chèo thuyền của Nam Bộ có *rao hò, vào hò, kết hò* hân hoan; *hò trên sông nước* ở đây không bị ràng buộc bởi những lễ thói cố định. Đó là do điều kiện cụ thể về địa lý, những con sông ở đây thường ngắn, thuyền bè đi lại không đông...

Gặp nhau trên sông, được khách đồ nài mời là họ rao liền. Lời rao có khi là một câu hò:

*Gặp nhau một chút nên duyên
Xin mời bên đó cất lên tiếng hò.*

Khi hò, họ cũng chú trọng đến đối ý (trong 2 câu một, thặng hoặc tới 4 câu) nhưng thường là tự do. Hình như họ chỉ cốt sao giới thiệu được với nhau giọng hát, lời ca cho quen quăng đường dài. Đến chỗ rẽ hay cập bến, họ chào nhau và mong hẹn gặp lại lần sau bằng những câu nói thông thường.

Các loại *hò khi lao động sản xuất trên cạn* như *hò giã gạo, hò đi cấy, hò tát nước, hò xay lúa, hò đập xe nước...* của Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Bình Thuận; *Hò giã vôi, Hò hụi* (còn gọi là hò nện)... của Nam Ngãi; *Hò mái dứa, Hò đẩy che mía, Hò khiêng xe nước, Hò nghề hươ...* của Bình Định, thì giai điệu và tiết tấu đều phụ thuộc vào tốc độ và tính chất từng công việc, cụ thể: tiết tấu *Hò giã gạo* rất khớp với nhịp chày giã, tiết tấu *Hò xay lúa* đi sát với vòng cối quay, tiết tấu *Hò leo dốc* theo chân đi nhịp một, một nhọc nhưng vui khoẻ...

Về nội dung, những điệu hò này chỉ còn một số ít giữ được lời gốc:

*Khiêng xe cho nước lên đồng
Bà con đủ ấm, thần Nông vui mừng.*

(Hò khiêng xe nước)

*Mài dũa đập cám cho nhanh,
Ép dầu mà chải tóc anh tóc nàng...*

(Hò mái dũa)

còn đa số đã tách khỏi lời gốc rất xa:

*Em là con gái Thanh Lương,
Thấy anh gánh lúa vừa thương vừa mừng...*

(Hò già gạo)

*Ngó lên lửa cháy núi lan,
Bạn ơi! Khoan đã, lửa tàn hãy hay.*

(Hò già vôi)

Nói chung, những điệu *Hò trên cạn* không bị ràng buộc theo một lề thói nào. Nam nữ hát hò vui đùa khi lao động với nhau, không có hát mời trước, hát hẹn sau như hò Nam Bộ hay hát Xoan, hát Dậm, hát Quan họ... ngoài Bắc. Chỉ một vài vùng ở Quảng Nam, Bình Định và miền Nam Bình Thuận là có thủ tục (nhưng thực hiện cũng rất linh động) khi *Hò già gạo*, *Hò xay lúa*, *Hò đi cấy*.

Người hát có khi chỉ là một anh xay lúa ở chái bên nhà này hò với chị xay lúa ở xối nhà bên kia, nhưng bên cạnh mỗi người còn một số anh chị em cô bác đang sàng gạo, đập sàng hay bện thừng, đan lưới hùn vào cùng tán thưởng.

Hò già gạo thì mỗi bên hai hoặc ba người. Họ đối cho nhau: nam cùng già một cồi, nữ cùng già một cồi. Tất nhiên, còn phải kể đến một số anh chị em ở ngoài bàn góp vào làm cho buổi hò thêm sôi nổi, thú vị.

Hò đi cấy thì đông hơn, tới bảy, tám người mỗi bên. Họ lấy ca hát làm vui cho quên mệt nhọc khi lao động hơn là để giải trí, chơi bời.

Câu rao hò thường là:

*Hò chơi bên gái bên trai
Xin cùng cô bác đừng ai nghỉ ngơi.*

Hoặc

*Hai bên đôi khẩu ca hòa,
Hò chơi chồng vợ, tối về nhà đương.*

Sau đó vào hò ngay. Có điều cần lưu ý là giai điệu của loại hò này chỉ là một nét nhạc tương đối cố định. Khi hò không lấy đối ý làm căn bản lại chú trọng đến sự liên vắn của người đáp tiếp: câu sau phải hợp vận với câu trước, không tiếp đúng vận là thua; không được hát lại câu đã hò. Do đó, giá trị nội dung và nghệ thuật các câu cũng không liên tục. Lấy một đoạn hò đó làm ví dụ:

... *Tay bưng quả nếp vô phòng,
Đèn hương đôi ngọn, chữ bá lòng cầu hôn
- Chữ rằng họa phúc vô môn
Sang giàu dễ kiếm, người khôn khó tìm
- Tàu ra khơi đựng đá tàu chìm
Đôi đứa ta sợ nổi không trợn niêm phu thê
- Hiu hiu gió thổi bờ đê
Cửa nhà em bỏ phé, em mắng mê lời mình.
- Đón ngang đường tắt, hỏi gắt chung tình,
Liều xa mai tại nhận, tôi xa mình tại ai?
- Cây oằn vì bởi trái sai
Xa em vì bởi ông mai ít lời
- Phải chi lên được trên trời,
Để xem căn số đổi đời về đâu?*

Câu kết hò cũng đơn giản, có khi là lời rào trước đón sau:

*Xin rằng cô bác đừng ngờ,
Dăm câu hát góp, cùng hò làm vui.*

Có khi là lời từ già chân thật:

*Công việc thu xếp đã xong,
Nhấn người bên ấy, hẹn lòng lần sau.*

2. Lý

Lý cũng là một loại hát được nhiều người yêu thích¹. Giai điệu của lý rất phong phú, trau chuốt, được đưa vào dùng nhiều trong tuồng cổ và các tổ chức dân ca chúc tụng như Sắc – bùa. Các điệu lý: *Lý thương nhau*, *Lý năm canh*, *Lý quân canh*, *Lý mù hẹ*, *Lý thiên thai*... đưa vào tuồng, thường dùng để biểu hiện tư tưởng chống đối hoặc thái độ oán trách của các nhân vật thuộc tầng lớp dưới (nông dân, người hâu, lính trơn...) đối với bọn thống trị. Nhiều điệu lý được nhân dân các địa phương sử dụng như những ca khúc độc lập: vợ chồng anh học trò nghèo *Lý thương nhau* lúc chia tay, người lính thú nghĩ đến quê hương xa vời *Lý năm canh* tưởng nhớ tới người thương... nhiều giai điệu lý có những nét nhạc khá độc đáo, không thể lẫn với các loại dân ca khác.

Có thể nói mỗi điệu lý là một ca khúc hoàn chỉnh ở mức độ khác nhau (cả về cấu tạo giai điệu lẫn nội dung

¹ Về nguồn gốc của Lý, lão nghệ nhân Nguyễn Nho Túy cho rằng: "Lý không có thủ (câu mở đầu) và thường hát bắt ngay vào nhịp như *Lý thương nhau*, *Lý vãi chài*...". Cụ Phạm Phú Tiết nói ngày xưa cụ "thường nghe nói Lý là từ điệu *Hạ lý ba nhân* (tức những lời hát thông thường) và *Dường xuân bạch tuyết* (tức những bài hát hay như khí xuân, tuyết trắng) mà ra; hơn nữa trong tuồng, Lý chỉ do những nhân vật thuộc tầng lớp dưới hát".

Để có thêm tài liệu, chúng tôi trích sau đây một đoạn chú thích của Lỗ Tấn trong *Chuyên cũ viết lại* – trang 189 – Nhà xuất bản Văn hóa, để các bạn tham khảo:

"*Hạ lý ba nhân* là tên một khúc hát nước Sở. Trong *Văn tuyển*, chương *Tống Ngọc trả lời Sở vương* có chép: khách hát ở đất Sính, bài thứ nhất là bài *Hạ lý ba nhân*. Trong nước hàng nghìn người thuộc và hát theo".

nghệ thuật). Ba điệu *Lý thương nhau* đã ghi được là ba giai điệu khác nhau, nhưng cùng chung một chủ đề. Bài *Lý thương nhau* quen thuộc hơn cả với nhân dân miền Bắc hiện nay là bài có lời ca:

*Thương nhau trường đoạn, đoạn trường,
Lụy lưu, lưu lụy dạ đường kim châm*

Nói lên nỗi ngóng trông day dứt không thể nào nguôi chứa chất trong lòng kẻ đang yêu, bằng một nghệ thuật khá điêu luyện. Sang bài có lời ca:

*Thương em thương đã quá chừng
Trèo đèo quên mệt, ngậm gừng quên cay*

Thì giai điệu lại luyện láy với tốc độ nhanh hơn và đường nét cũng mộc mạc hơn. Đến bài có lời hát:

*Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ
Nhớ ai, ai nhớ, bây giờ nhớ ai?
Nhớ ai lòng những bồi hồi,
Như đứng trong lửa, như ngồi trong than*

Giai điệu lại chú trọng bám sát lời thơ. Có lẽ vì nhân dân cho rằng những điệp ngữ *nhớ ai, ai nhớ* xuất hiện trùng điệp đã đủ thể hiện tư tưởng chủ đề rồi chẳng?

Nhiều điệu lý được tổng hoá cho hợp với sân khấu, có một trình độ sử dụng âm thanh khá cao, nói đến những khía cạnh tâm tư một cách tha thiết chí tình, và cũng rất kín đáo tế nhị (*Lý thương nhau, Lý năm canh, Lý thiên thai...*) được nhân dân hoan nghênh. Nhưng cũng có một số điệu Lý sau khi tổng hóa không thấy trở về trong nhân dân, tuy nhân dân vẫn tỏ đồng tình khi xem diễn tích (*Thuyền bé nước vơi, Thân tôi mồ quả, Nhân gian nhất đái, Vui nên phải hát...*). Có thể do những bài này đã bị

sân khấu làm cho mất cốt cách âm hưởng của ca hát dân gian đi chăng? Chúng tôi nghĩ rằng phải tìm cho ra bản gốc của chúng mới giải quyết vấn đề này được thỏa đáng.

3. Hát

Hát cũng là loại dân ca phổ biến hầu khắp các tỉnh. Hát có nhiều hình thức: từ Phú Yên trở ra, gọi chung là *Hát đôi, Hát đối đáp, Hát nhân ngãi...* Khánh Hòa trở vào gọi là *Hát kết, Hát kết ngãi...* nhiều vùng gọi rõ ra từng chạng như *Hát nhẩn, Hát chờ, Hát than, Hát trách...* Bình Định, Phú Yên còn hình thức *Hát ống*. Mỗi loại đều có giai điệu riêng.

Tuy những hình thức này mang tên khác nhau, nhưng tựu trung đều là hát đối đáp huê tình của trai gái, tổ chức vào những đêm trăng sao, khi rỗi rãi, hội hè... Nơi hát thường đặt cạnh nương dâu, bãi mía hay vườn cau, đôi quế. Thanh niên nam nữ chia thành hai nhóm ngồi cách nhau chừng vài chục thước, như gốc cây nọ với gốc cây kia, đầu vườn cau bên này với cuối vườn cau bên nọ, trong nhà với ngoài sân... Riêng hát ống, tiếng ca phải qua một cái ống tre hay ống sắt mỏng có buộc chỉ, giăng từ vườn nọ qua vườn kia; người tham gia chỉ nghe thấy tiếng bạn hát vọng qua ống mà không trông thấy mặt.

Nói chung, các loại hát đều lấy việc đối ý làm chính. Người đáp phải cố gắng trả lời khớp ý với câu của đối phương đưa ra, hợp với sự phát triển của quá trình trai gái yêu nhau. Đáp lại mà lạc ý sẽ bị anh chị em bàn tán cười chê. Suốt buổi hát thường chỉ sử dụng một giai điệu, nét nhạc thỉnh thoảng có thay đổi chút ít cho phù hợp với thanh điệu lời ca và tình cảm câu hát, giống như thi hát *Sa mạc*, thi hát *Trống quân* ngoài Bắc.

Một đôi nơi như Quảng Nam, Bình Định đã chú ý sử dụng nhiều giai điệu tùy theo từng chặng (*Hát nhẩn, Hát trách, Hát chờ, Hát than, Hát kết...*) làm cho không khí đêm hát thêm sôi nổi hào hứng, nhưng vẫn lấy đối ý làm chủ yếu, chưa phải như hát Quan họ Bắc Ninh nhằm vào đối giọng là chính.

Đối ý, nhưng không phải suốt buổi hát lời ca phải đối nhau chan chất liên tiếp, mà chỉ có nghĩa kẻ hỏi người đáp, kẻ thắc mắc người trần tình, trong từng 2 hay 4 câu một, đôi khi tới 6, 8 câu. Đêm hát cũng không nhất thiết phải có mào đầu, có nhớ mong, có từ giã mà nhiều khi suốt buổi chỉ nói đến thương nhớ, trách than.

Một vài huyện của Nam – Ngãi còn thấy *Hát đố*. Đa số câu thuộc loại này đều là đố chữ, đố vật, nặng về thử thách sự nhanh trí, hoặc trình độ Nho học của nhau; cũng có một số câu gắn với hát huê tình. Giai điệu *Hát đố* không có gì đặc sắc, chỉ dựa vào thanh điệu ngôn ngữ mà ngâm ngợi, ít giá trị về cả nội dung lẫn nghệ thuật.

4. Vè

Vè là một loại dân ca khá phổ biến ở Nam Trung Bộ, trong đó *Vè Quảng* là nổi tiếng nhất.

Nội dung của vè đề cập tới hầu khắp mọi vấn đề, có khi là cả một truyện dài hàng nghìn câu thơ sáu tám, với đầu cuối phân minh (*Vè Trương Quý Ngọc, Vè Chàng Lía...*) có khi là lời khuyên bảo, nhắc nhở đôi ba người nào đó ăn ở, xử sự cho phải đạo (*Vè chàng Nhác, Vè khuyên học trò, Vè khuyên con gái...*) hay kể lể, trình bày, giới thiệu một đặc điểm gì của địa phương (*Vè con cá, Vè đi chợ...*) một vấn đề thời sự nóng hổi cần châm biếm, chỉ trích (*Vè chữa hoang, Vè hút thuốc phiện, Vè lý trưởng đi quơ gái bị bắt...*)

Những bài về dài được kể lại theo trình tự thời gian diễn biến của câu chuyện hoặc sự việc, bằng những thể thơ dân tộc (sáu tám, bảy bảy sáu tám, năm tiếng, bốn tiếng) lồng vào những nét nhạc khá biến hóa (chưa thành giai điệu hoàn chỉnh). Về *Quảng* rất được nhân dân ưa thích.

Từ Phú Yên trở ra còn những đoàn hát *Sắc bùa* đi biểu diễn quanh năm ở khắp nơi. Nội dung *Sắc bùa* nặng về ca ngợi thần thánh; một số bài chúc tụng nhân dân và các nghề làm ăn phấn chấn. Trong kháng chiến, nhiều đội hát *Sắc bùa* đã lồng vào hình thức cũ những nội dung mới, nhằm động viên nhân dân hăng hái sản xuất, dũng cảm đánh giặc.

Vùng này còn những đoàn hát *Bả trạo*¹ nặng tính chất tôn giáo, mê tín. Khi hát, mọi người đều cầm chèo, đứng thành hai hàng, giả như đang chèo thuyền, dưới sự điều khiển của *tổng lái*, *tổng mũi* và *tổng khoan*. Hát *Bả trạo* còn gọi là *Hò đưa linh*, dùng để tế người chết. Động tác chèo thuyền có lẽ tượng trưng cho việc đưa hồn kẻ chết qua "Bến mê" về "Nước nhợc" chăng? Nhiều nơi chuyên hát *Bả trạo* để tế cá voi bị chết dạt xác vào bờ; người nào trông thấy xác cá trước nhất phải làm trưởng nam, đứng lên lo việc cúng tế. Thời kháng chiến, chúng ta cũng sử dụng nhiều đội *Bả trạo* vào việc động viên nhân dân sản xuất, đánh giặc. Nội dung các bài hát *Bả trạo* cổ thường lạc hậu.

Quảng Ngãi còn có hát *Lục cúng* do thầy cúng ê a trong những dịp tế hồn người chết, giống hát *Chạy đàn* ngoài Bắc, giá trị văn học loại này không có gì nên chúng tôi không ghi lại.

¹ *Bá* là cầm, *trạo* là chèo, nhiều người gọi nhầm là *Bá trạo*

Ngoài ra, một số tỉnh còn loại *Nói thơ* khá phổ biến. Loại này giống như ngâm thơ ngoài Bắc nhưng không tính vì điều luyện bằng *Ngâm Kiều* trong *Hát ả đào* và chưa tạo được giai điệu cố định tương đối. Nét nhạc của *Nói thơ* còn phụ thuộc nhiều vào thanh điệu lời thơ, nên ít giá trị âm nhạc. Tất cả các bài thơ làm theo đủ mọi thể (bốn, năm, bảy tiếng, sáu – tám, bảy – bảy - sáu – tám) đều vận được vào *Nói thơ*. Những bài đã đem *Nói thơ* đều mang tên tác giả (như nói thơ Lục Vân Tiên), ít thấy *Nói thơ* sử dụng ca dao. Chúng tôi không sưu tập loại này.

Miền xuôi Nam Trung Bộ có nhiều hình thức dân ca đặc sắc. Do điều kiện kinh tế, xã hội cụ thể từng địa phương, do nhu cầu của đời sống tinh thần và thực tế đấu tranh sản xuất, đấu tranh xã hội, mỗi vùng đã tự tạo nên nhiều loại dân ca phong phú, có nội dung súc tích mang sắc thái riêng biệt, từ những giọng *Hò khoan* trữ tình bay bướm đến những giọng *Hò hái dâu* duyên dáng, *Hò già vôi* khoẻ mạnh, *Hò đập xe nước* êm ru, *Hò đập đất* chắc nịch, *Hò gánh phân* đông đưa... từ những giọng hát thấm thiết mặn nồng (*đôi, kết, nhân ngãi...*), những giọng lý da diết yêu thương (*Lý thương nhau, Lý lạch, Lý vọng phu...*) đến những câu vè mạch lạc, rõ ràng, những câu hò Bài Chòi trong sáng kêu gọi. Tất cả đều nói lên đời sống nội tâm phong phú và tính sáng tạo tuyệt vời của nhân dân vùng đất này.

II. MẤY NHẬN XÉT VỀ GIÁ TRỊ DÂN CA LIÊN KHU 5

Do điều kiện kinh tế, chính trị – xã hội có những điểm căn bản giống nhau, nội dung dân ca Liên khu 5 đã mang tất cả đặc điểm của dân ca Việt Nam, như tính nhân đạo,

tính hiện thực, tính chiến đấu...

Trước hết, cũng như các loại dân ca khác, dân ca Liên khu 5 là bản trường ca trữ tình vừa thẩm thiết tế nhị, vừa giản dị mộc mạc. Tính chất trữ tình đó chủ yếu được biểu hiện trong quá trình trai gái yêu nhau, từ những câu tỏ tình thận trọng dò hỏi:

*Anh tới đây thấy đất nước lạ lùng
Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kiêng.*

Hay ướm thử xa xôi:

*Bướm đeo dưới dạ cây bần
Muốn vào kết ngãi cang thường với ai?*

đến những câu hứa hẹn chân thành:

*Nhấn ai đâu lạ sau quen,
Bóng trắng là nghia, ngọn đèn là duyên.*

Từ những câu nói về nỗi ngóng trông day dứt:

*Đêm nằm lưng chẳng tới giường
Mong cho đến sáng ra đường gặp em.*

hay thương yêu tha thiết:

*Ăn cơm ba chén lưng lưng
Uống nước cầm chừng, để dạ thương em.*

đến những câu trách móc thăm dò:

*Gặp anh đây sao em chẳng hỏi chẳng chào,
Hay em đã có chốn sang giàu hơn anh?*

Hoặc thể nguyện đính ước:

*Lên non thiệp cũng lên theo,
Xuống thuyền thiệp cũng ngồi leo mạn thuyền.*

Có khi đó là lời tiếc nuối oán hận của người con gái:

*Sao lúc xuân xanh em chẳng được gặp chàng,
Để bây giờ năm bảy con cái, ra đường mới gặp anh.*

hay nỗi lo sợ ngại ngẩn của chàng trai:

*Thương em thấm thiết vô cùng,
Biết cha với mẹ có bằng lòng không?*

Tuy lo sợ không biết cha mẹ có bằng lòng không, nhưng khi đã yêu nhau, họ quyết "chín tháng cũng đợi, mười năm cũng chờ", và đầu cho:

*Cha với mẹ có đánh chín chục một trăm
Đánh rồi em lại dậy, em vẫn quyết chí lắm*

đợi chàng.

Cũng như dân ca Việt Nam nói chung, dân ca miền xuôi Liên khu 5 đã đề cập đến một trong những quyền lợi căn bản của con người: quyền tự do yêu đương của thanh niên nam nữ.

Nhưng người thanh niên ở đây không chỉ biết có yêu đương. Họ nhắc nhở nhau làm tròn bổn phận đối với cha mẹ. Ngay trong những lúc yêu thương thấm thiết, họ vẫn bảo ban nhau:

*Công cha ba năm sinh thành, tạo hóa,
Nghĩa mẹ chín tháng cực khổ cưu mang
Hai đứa mình lấy chi đền nghĩa khó khăn,
Lên non gánh đá xuống xây lăng phụng thờ.*

Khuyên răn nhau:

*Mẹ già đầu bạc tuổi cao,
Sao anh còn bung chén rượu đào say sưa?*

Và các bậc cha mẹ cũng không phải chỉ biết có ngăn cản con cái tự do yêu đương, mà các cụ còn chú ý khuyên

con trai chăm lo học tập, khuyên con gái chăm lo công việc gia đình (*Về khuyên học trò, Về dạy con gái*).

Cũng như các vùng khác, nhân dân miền xuôi Liên khu 5 đã dùng dân ca để truyền lại cho nhau những kinh nghiệm sinh hoạt và những điều thường thức. Hình thức về đã kể đến các thứ hoa trái, các loại chim chóc, những sản phẩm của địa phương và qua đó, nhân dân thường kín đáo gửi gắm đôi nét suy nghĩ, tâm tư, có khi là những nhận xét nhẹ nhàng, tế nhị:

... *Hay làm hay múa
Là hoa vòng xoay
Cho mượn cho vay
Là hoa cam thảo...*

*Khoanh tay lo nghèo
Là trái bầu ổi,
Sông sâu chẳng lội
Là trái măng cầu...*

... *Nghe lời tráo dờ,
Mang gói sang sông,
Bỏ mẹ theo chồng,
Là con bạc má.*

... *Chim chích bay khắp xóm làng
Báo tin có khách để nàng mang cơm.*

Những câu hát trên phản ánh được một số nét về sinh hoạt xã hội, có tác dụng nâng cao tinh thần yêu thương làng xóm, lòng tự hào về quê hương xứ sở của mình. Đúng như thế. Lòng yêu nước của nhân dân gắn chặt với lòng

yêu những hoa trái, chim chóc, những phong cảnh thiên nhiên đẹp đẽ. Những câu:

*Đề Gi có núi Lan Sơn
Có đầm Đạm Thủy nước dờn dờn xanh.*

Hay:

*Chiều chiều, mây phủ Sơn Trà
Sóng vang Non Nước, trời đà chuyển mưa.*

Không phải chỉ là những câu tả cảnh mà còn chan chứa tình người. Cảnh vật thường chứng kiến, chia sẻ với người những nỗi vui buồn, hờn giận, thương nhớ:

*Ngó lên Hòn Kẽm, Đá Dừng,
Thương cha, nhớ mẹ, quá chừng bạn ơi!*

Hoặc:

*Ai về đập đá Gò Găng
Để em kéo vãi sáng trăng một mình.*

Ở đây cảnh đối với người thật thân thiết gần gũi.

Cũng như dân ca các vùng khác nảy sinh từ lao động, nội dung dân ca miền xuôi Liên khu 5 luôn luôn nhắc tới công việc làm ăn của nhân dân, xen giữa những câu hát trao tình hò hẹn.

Khá nhiều công việc lao động được đưa vào làm bối cảnh cho những câu hò, câu lý bay bướm. Từ việc cấy cày:

*Em ôm bó mạ xuống đồng,
Miệng hò, tay cấy mà lòng nhớ ai!*

Trồng màu:

*Trèo lên trên rẫy khoai lang,
Chẻ tre đan sọt cho nàng phơi khoai.*

Đến việc dệt vải:

*Khen thay cô gái Bảo An
Ban ngày dệt vải, tối đan màn màn.*

Hoặc những việc vặt hàng ngày:

*Sáng mai kiếm củi trên ngàn,
Chiều về xuống biển mò hang cua còng.*

đều được đưa vào lời hát một cách tự nhiên nhuần nhị.

Tuy vậy, do điều kiện kinh tế, xã hội của Liên khu 5 có những điểm không giống các vùng khác trong nước, nên nội dung dân ca miền này đã mang những nét riêng biệt đáng chú ý.

Cùng là lời hát tỏ tình, chàng trai Bắc Ninh đã ước hỏi bạn tình buổi đầu gặp gỡ bằng câu:

*Thấy em tốt đẹp như hoa,
Có cho anh được vào ra chốn này?*

Lồng vào *giọng sống* nghe thanh thoát bay bướm như rót vào tai người nghe, còn *anh thanh niên Quảng Ngãi* lại nhìn cô bạn ở khía cạnh khác:

*Cảm thương cô gái đường bao,
Đêm khuya thức dậy lao xao đâm bàng.*

bằng giọng hát đối nhịp nhàng, chân thật, tỏ ý thông cảm sâu sắc với công việc nặng nhọc.

Cũng nói đến nỗi nhớ tình thương, nhưng nhớ thương đến như:

*Vách thành cao lắm khó dòm
Nhớ em, anh khóc đổ lòm con người!*

Thì không phải *anh thanh niên* nào cũng dám đem ra hát công khai trước bạn gái. Câu dân ca trên nói lên một nỗi nhớ

thương da diết, xuất phát từ một tình yêu sôi nổi mãnh liệt.

Đó là tình yêu của chàng trai:

*Dao phay kẻ cổ,
Máu đỏ không màng,
Chết thời chịu chết, buông nàng không buông.*

Và của người con gái:

*Cho dầu cha mẹ không ưng
Đèn chai nhỏ nhứa, em cùng lặn vô.*

Yêu nhau mãnh liệt như vậy, nên khi bị tình phụ thì:

*... Anh ở ra dạ điểm đàn,
Trời xanh có mắt, anh có trôn lên ngàn cũng chẳng yên.
... Phải chi lên được trên trời,
Mượn gươm ông sấm giết người bạc ân.*

Một điểm nữa cần chú ý là trong những câu hát trao tình miền xuôi Liên khu 5, giai điệu và tiết tấu luôn luôn gắn chặt với nhịp điệu và cường độ lao động.

Câu hát:

*Mài dứa dưới ánh trăng vàng
Ép dầu mà chải tóc nàng tóc anh.*

(Hò mài dứa)

của cô gái Tam Quan ăn nhịp sít sao với động tác mài dứa.

Hoặc câu:

*Ngó lên lửa cháy núi lan,
Bạn ơi! Khoan đã lửa tàn hãy hay!*

(Hò già vôi)

đã có những tiếng đệm "hò hò hố hụi!", "là hố ô khoan!", "là hụi hò khoan" luôn theo khớp nhịp chày giã vôi.

Tất nhiên dân ca các vùng khác cũng nảy sinh trong quá trình lao động và trở lại góp phần làm giảm nhẹ lao động. Có điều đa số làn điệu dân ca Liên khu 5 còn mang rõ nét nhịp điệu và cường độ lao động trong giai điệu, mà nếu đem hát tách khỏi công việc thì giá trị và hiệu quả của chúng sẽ giảm đi không ít.

Yêu tự do, yêu đất nước vốn là truyền thống lâu đời của nhân dân ta. Nhưng phản ánh điều đó vào văn nghệ thì không phải dân ca vùng nào cũng phản ánh giống nhau.

Dân ca miền xuôi Liên khu 5 đã biểu lộ được lòng căm thù của nhân dân đối với bè lũ thống trị. Nhất là từ khi thực dân Pháp sang xâm lược nước ta, nhân dân không lúc nào quên nhục mất nước. Ngay trong lúc hát trao tình, thanh niên nam nữ vẫn nhắc đến mối thù sinh tử đó:

*Tam Kỳ, Chợ Vạn bao lâu
Ngó lên đường cái thấy lầu của Tây...*

*... Ngó lên hòn núi Đồng Môn,
Thấy quân lính lạ đóng đồn, mặt mũi đỏ gay...*

Rõ ràng nhân dân không có chút cảm tình nào đối với những "lầu Tây, "lính lạ".

Nhân dân còn nhìn thấu bản chất bọn xâm lược. Tất cả "công trình" của chúng, nguy trang dưới những danh từ mỹ miều "mở mang", "khai hóa" đều nhằm mục đích hoàn toàn xấu xa:

*Kể từ ngày ông Tây lại đất Hàn,
Đào sông Cầu Nhí, bòn vàng Bông Miêu.*

Khoảng những năm đầu thế kỷ XX, nhân dân Nam Ngãi không chịu được cuộc sống lầm than đói khổ vì thiên tai hạn hán mất mùa liên tiếp, vì sưu thuế, phu dịch nặng

nề, đã vùng lên đấu tranh với giặc. Phong trào ấy cũng được phản ánh trong dân ca:

*Từ dân cho chí quan thầy,
Rủ nhau xin thuế nước này cho xong.*

Trong hoàn cảnh đó, người thanh niên đành hy sinh cả tình yêu:

*Bây giờ sưu nặng thuế cao
Thương anh thời hãy khoan trao ân tình.*

Nhân dân cũng thấy rõ bản chất của bọn vua quan. Vừa khi tên vua bù nhìn Bảo Đại về nước, trong lúc báo chí thực dân phong kiến làm rùm beng, cho việc đó như một "bước ngoặt lịch sử" của triều Nguyễn thì nhân dân đã không úp mồm nói thẳng vào mặt chúng:

*Chừng nào người ngốc ra đời¹
Chừng ấy thiên hạ càng toi bời, gian nan.*

Họ còn vạch mặt bọn quan lại:

*... Quan trên ơi hỡi quan trên!
Hiếp dân, ăn chặn chỉ biết tiền mà thôi.*

Cầm thù bọn thực dân và phong kiến, tất nhiên nhân dân phản đối việc đi lính làm bia đỡ đạn cho chúng. Cũng là giọng lý, giọng *hát đưa em, hát nhân ngãi* duyên dáng đong đưa, nhưng hễ nội dung nói đến đi lính là âm điệu trở nên ai oán, chua xót. Tình thần phản chiến được gài lẫn vào câu ca một cách mỉa mai kín đáo:

*Phải chi bạc để lộn vàng,
Thiếp đi lính thế cho chàng ít năm.*

¹ Chữ *báo* gồm một bên chữ *nhân* (là người) và một bên chữ *ngốc* (là ngây ngô).

Khi xót xa u uất:

*Ai kêu, ai hú bên sông?
Tôi đương sắm sửa cho chồng xuống ghe
Bước xuống ghe, quạt che tay ngoắt
Gác mái chèo, ruột thắt từng cơn...*

Trong Đại chiến thứ nhất, khi bọn thực dân và tay sai hô hào thanh niên đầu quân giúp "mẫu quốc" người phụ nữ ở đây đã khuyên chồng đừng đi lính bằng cách kêu gọi lòng hiếu nghĩa của chồng:

*Tây bang anh đi lính,
Sao anh không tính việc nhà,
Phần thì cha yếu mẹ già,
Con thơ, vợ dại biết mà cậy ai?*

Khi chị nhắc chồng điều liêm sỉ đối với làng nước:

*Sao anh không sợ họ cười
Cái đời lính mộ mấy đời sương thân.*

Khi lại tỏ thái độ quyết liệt với người bị giặc mua chuộc phỉnh phờ:

*Cái đồ bỏ mẹ, bỏ cha
Bỏ tình chồng vợ, bỏ bè con thơ.*

Khi lại êm ái khuyên răn bằng cách gọi lên cái điều đau đớn nhất, coi như mỗi đại bất hạnh là phải bỏ xác nơi đồng đất nước người:

*... Anh đòi đi lính Tây bang,
Em e bỏ mạng bãi hoang đất người!*

Rõ ràng cùng với nội dung trữ tình và nội dung lao động, dân ca Liên khu 5 đã phản ánh được phần nào lòng yêu nước, yêu chính nghĩa, yêu hòa bình của nhân dân và vạch

trần bản chất tàn bạo của bè lũ thống trị thực dân phong kiến. Nhưng dân ca Liên khu 5 không chỉ đáng chú ý về mặt nội dung, mà về phương diện nghệ thuật, nó cũng có những nét đặc sắc riêng biệt cần được chúng ta nghiên cứu.

Nói đến nghệ thuật của dân ca là phải đề cập đến hai yếu tố cơ bản không sao tách rời: văn chương và giai điệu.

Tiếng nói của ta dựa trên một số nguyên tắc về âm tiết, ngữ điệu, niêm luật... để sắp xếp lại thành những câu thơ bóng bảy, bay bướm, với những đặc trưng về hình tượng, màu sắc... đã giữ vai trò nòng cốt trong việc cấu tạo giai điệu và sự phát triển nét nhạc của các làn dân ca muôn hình nghìn vẻ. Ở mỗi bài, nhạc điệu và ngôn ngữ đã liên kết chặt chẽ bồi bổ cho nhau, để biểu hiện được tư tưởng chủ đề.

Thực tế đã chứng minh, dân ca, nếu chỉ được nghiên cứu đơn thuần về mặt âm nhạc, sẽ khó phân tích thỏa đáng được tính dân tộc cực kỳ tinh vi bộc lộ ra trong quá trình phát triển giai điệu (ở quãng cách, điệu chuyển, hình tượng...), càng khó tìm ra chủ đề tình cảm giấu kín trong nét nhạc lời thơ. Ngược lại, nếu chỉ chú tâm tìm hiểu riêng mặt văn chương, ta sẽ bỏ qua mất phần cốt yếu của nó là âm nhạc và như vậy, sẽ không sao thấu hiểu được sự kết hợp diệu kỳ giữa ngôn ngữ với âm thanh trong nghệ thuật ca nhạc dân tộc. Chúng ta không thể coi nhẹ một trong hai yếu tố đó.

Trước hết hãy nói đến lời hát. Lời hát giữ một vai trò quan trọng trong sự cấu thành dân ca. Các cụ xưa thường nói: tình cảm trong lòng mà dạt dào sôi nổi thì sinh ra thơ, thơ chưa đủ nói thì cần có nhạc. Dân ca cũng hình thành như vậy. Các giai điệu nói chung đều dựa vào những đặc trưng ngôn ngữ và sự sắp xếp âm tiết của thể thơ mà tiến hành; rất ít trường hợp lời hát bị ngang dấu.

Tuy nhiên, không phải ở làn điệu nào lời hát cũng có vai trò trọng yếu như nhau. Muốn phân biệt rõ điều ấy, ta phải xem trường hợp sử dụng lời ca, dựa vào mức độ nghệ thuật của từng làn điệu.

Một số ca khúc không chỉ có lời ca trau chuốt cô đọng, nhiều chất thơ, mà giai điệu cũng có những nét độc đáo, cấu tạo bằng nghệ thuật sử dụng âm thanh khá điêu luyện, làm nổi rõ được chủ đề tư tưởng của bài hát, thì cả lời ca và giai điệu đều là những yếu tố cấu thành chủ yếu. Đó là trường hợp thứ nhất. Những bài *Lý thương nhau*, *Lý thiên thai*, *Hồ khoan*, *Hồ giết chi* (mà chúng tôi sẽ sơ bộ phân tích) và vô số bài khác như *Lý bắt bướm*, *Lý ba con ngựa*, *Hồ chèo thuyền*... là những ví dụ cụ thể.

Ở một số ca khúc cũng sử dụng độc lập, lời hát tuy cấu ý chưa trọn vẹn, chất thơ chỉ ở mức nhất định, nhưng do mức độ tư tưởng toát ra từ giai điệu, làm rõ thêm ý tình gửi gắm, có khi làm nổi hẳn lên, nên ở đây giai điệu đóng vai trò chủ chốt. Khi phân tích những bài này, chúng ta cần tìm cho ra nét nhạc chủ đạo và phương pháp cấu tạo giai điệu, nhớ đừng quên dân ca bao giờ cũng tôn trọng thanh điệu ngôn ngữ. Đó là trường hợp thứ hai.

Nhưng ở một số bài mà giai điệu đã thành chung nhất có thể sử dụng trong mọi trường hợp, như các điệu *hát ví*, *hát sa mạc*, *hát trống quân*, *hát đúm*... ở ngoài Bắc và *hò đi cấy*, *hò xay lúa*, *hò giã gạo*, *hò giã vôi*, *hát đối*, *vè*... ở Liên khu 5, mà bất cứ câu thơ sáu tám mang ý tình na ná nào đều có thể lồng vào hát được (khi cần thường xê dịch đôi ba âm thanh cho khỏi trái thanh điệu), thì lời hát lại trở thành yếu tố thứ nhất, vì nó làm nổi hẳn tình cảm hay ý tứ gửi gắm trong làn điệu. Trong trường hợp này, việc cấu ý trong lời hát thường trọn vẹn, sự việc hay ý tình đều

phát triển hợp lý mà ta chỉ đọc lên cũng đủ thưởng thức được phần cốt yếu của làn điệu. Đọc câu:

*Bao giờ trâu lại gặp cau,
Để đôi ta ở với nhau một nhà.*

Ta đủ thấy nỗi lòng mong đợi của anh chàng đang từng giờ, từng phút trông đón người yêu. Tất nhiên, nếu được nghe câu thơ ấy lồng vào điệu hát nhấn thiết tha, mặn mà ta sẽ càng thấy chủ đề trên được âm nhạc nâng lên mức rõ ràng trong sáng hơn nữa.

Nhưng gặp trường hợp thứ hai, ta nhất thiết phải tìm hiểu giai điệu kỹ lưỡng để nắm cho được nét nhạc chủ đạo, cao trào của khúc hát và sự phát triển nói chung của làn điệu.

Nếu chỉ đọc lời thơ bài *Lý con quạ*:

*Ai mua con quạ, bán cho,
Đen lông, đen cánh, bộ giò cũng đen.*

ta thật khó biết được ý câu sáu tám đó định nói gì. Nhưng đem lồng nó vào điệu Lý, với nét nhạc nhanh nhanh, dí dỏm mà trong đó, những tiếng "bán cho" được nhắc đi nhắc lại tới bốn lần, "bộ giò" được nhắc hai lần, thêm tiếng đệm lót tình bạn vào trước "cũng đen" lấy lại hai lần để hết với ngân đuôi ứ ứ, kèm theo dáng điệu nghịch ngợm, đầu nghiêng ngả, mắt nhấp nháy của nghệ nhân, ta sẽ thấy nổi rõ tính chất đùa cợt, châm biếm nhẹ nhàng của bài hát.

Hoặc nếu chỉ đọc lời bài *Lý vọng phu*:

*Chừ cái dạ em trông chồng mà không thấy chồng đâu,
Ồi ông chồng, ông chồng mình ơi!
Chị mà tẻ, tẻ lắm chàng!
Chị mà bạc, bạc lắm chàng!
Chừ nín, nín đi con!*

*Con ơi! Con hỡi! Là hỡi con hỡi!
Chừ mà xin gọi đôi lời
Dù bao cách trở, chớ có quên, đừng quên
Nơi này em vẫn đợi
Nơi này em vẫn chờ.*

ta sẽ chỉ thấy một phần nổi lòng người chinh phụ đang khắc khoải mong chồng, đồng thời ta cũng thấy ý tứ và vần luật trong lời ca chưa được sử dụng nhuần nhị, chưa có sự liên kết chặt chẽ: đang trách móc chồng tệ bạc, lại xen vào tiếng hát ru con, rồi hết bằng những câu năn nỉ gọi lòng thương cảm.

Nhưng nếu hát nó với giai điệu chậm chậm, buồn rầu, từng đoạn lời nhắc đi láy lại với nét nhạc vừa cao lên tí chút, lại rơi xuống trầm trầm, người nghe tưởng như tiếng nức nở của người mẹ, ôm con chờ chồng từ bao ngày, đang trách móc người nơi xa sao ở tệ bạc.

Tiếng nện con nín khóc xen vào với nét nhạc chọt bốc lên như tiếng khóc thét, tiếp luôn từng đoạn thấp xuống, giống tiếng nấc dội lên rồi nhẹ dần của trẻ bé nằm mơ bị đánh đòn, càng làm tăng nỗi đau khổ rút da rút thịt của người mẹ.

Nét nhạc đoạn sau có sáng lên chút ít khi nói đến lòng tin tưởng vào người chồng sẽ không lúc nào quên vợ con với nhạc điệu nhấn nhủ năn nỉ, để lại trở về ngậm ngùi, da diết khi hứa với chồng:

Nơi này em vẫn đợi chờ.

Phải nghe như vậy mới thấy *Lý vọng phu* là tiếng nghẹn ngào ảm ức, nói lên nỗi lòng đau khổ không thể kể xiết của người chinh phụ thủy chung.

Tính chất tự sự kể lể trong một số bài tuy có làm cho

việc sử dụng ngôn ngữ thiếu tập trung cô đọng, do đó giảm đi một phần chất thơ duyên dáng súc tích, nhưng lại nhờ nhạc điệu bay bướm quyến luyến lấy từng chữ (kể thêm cả không khí hào hứng sôi nổi của buổi hát trao duyên) nên câu ca như được chấp thêm cánh, trở nên thanh thoát, dễ nghe. Ví dụ một bài *Hồ khoan*:

*Kể từ ông Bộ kể ra,
Cây Trâm, Trà Lý bước qua Bần Bầu
Tam Kỳ, Chợ Vạn bao lâu,
Ngó lên đường cái thấy lâu của Tây.
Chiên Đàn, Chợ Mới gần đây,
Kế Xuyên buôn bán, đông tây nhộn nhàng
Lạy trời cho thiếp bén duyên chàng
Ví như Mã Phụng gặp nàng Xuân Hương.*

Nếu chỉ ngồi đọc suông mà phân tích, ta thật khó thấy sự ăn ý giữa "Chợ Vạn", "Chợ Mới", "buôn bán nhộn nhàng" với "lạy trời cho thiếp bén duyên". Nhưng nhờ nhạc điệu quyến rũ, vang xa của giọng hát, người nghe vẫn thấy rõ công phu tìm kiếm người thương của nàng, hết Trà Lý, Tam Kỳ đến Chiên Đàn, Kế Xuyên. Bài ca lại kết thúc bằng hình thức so sánh cái việc "bén duyên chàng" với cuộc tình duyên đáng mơ ước của Mã Phụng - Xuân Hương trong câu chuyện cổ, nên vừa bộc lộ được lòng yêu mến thiết tha của nàng, vừa chừng tỏ tình thần lạc quan tin tưởng vào tương lai tươi đẹp.

Qua phân tích trên, chúng ta thấy rõ đặc điểm cấu tạo lời hát của dân ca luôn luôn quan hệ mật thiết với giai điệu, và tùy trường hợp mà vị trí và giá trị của nó khi là chủ yếu, khi là thứ yếu.

Mặt khác, vốn là những bài hát truyền miệng trong nhân dân từ đời này qua đời khác, từ vùng nọ tới vùng kia,

nên ngôn ngữ trong dân ca Liên khu 5 cũng như ngôn ngữ các loại dân ca các vùng khác, ngày càng được nhân dân trau chuốt và sử dụng một cách chính xác tinh tế. Nhiều từ ngữ địa phương được khéo léo đưa vào các câu hát như: *xiệp, linh (con bài), sui, mai, rồi, nút, su sơ, xiêu lảng, bẻ bàng...* làm người nghe khó nhầm lẫn với vùng khác, và đặc biệt là dù không hiểu hết nghĩa chữ, nhưng đọc cả bài ta cũng nắm được đại ý. Ví dụ như bài:

*Có thương thì thương cho chắc
Bằng trọc trặc thì trọc trặc cho luôn
Làm chi như con quạ đứng đầu truông,
Khi vui nó kêu kha kha, khi buồn hẩn kêu quau quau.*

Một số từ ngữ tầm thường được sắp xếp lại thành những câu có sức gợi cảm sâu sắc:

*... Tủi lòng sông lắm thuyền ơi!
Đừng chê thôn nhỏ, ham nơi phố phường.*

Nhiều chữ dùng rất đặc thể, tài tình như trong bài *Lý lạch*:

*Không đi thì thăm thì thương
Có đi khi mắc cái mương, cái cầu
Không đi thì thăm thì sâu
Có đi thì mắc cái cầu, cái mương*

Hay bài hò khoan:

*Nhớ ai nhớ mãi thế này,
Nhớ ai, ai nhớ, đêm ngày nhớ ai?
Nhớ ai, ai có nhớ ai
Nhớ da nhớ diết, biết có ai nhớ mình?*

Hoặc một câu hát kết:

*Thương em phát đại phát khờ
Đang ăn đũa rút bao giờ không hay*

*Cầm kéo quên cắt quên may,
Cầm ve (chai) quên rượu, cầm khay quên trầu
Cầm đèn quên bắc quên dầu
Cầm trang sách đọc, quên đầu quên đuôi
Cầm cân quên giá quên lui,
Cầm tiền mà xỉa¹ không biết mấy mươi một tiền².*

Những chữ "không đi, có đi", "muong, cầu, sâu, thăm" lách đi nhắc lại (chưa kể nét nhạc da diết chậm buồn) đủ nói nỗi ray rứt, xốn xang. Những chữ "nhớ ai, ai nhớ", "quên" hết thứ này đến thứ khác, xuất hiện liên tiếp trùng điệp, càng thể hiện nỗi lòng mong nhớ, trông đợi, dồn dập, thấm thiết, suốt ngày cứ như lơ lửng nửa hư, nửa thực của những kẻ đang tương tư khắc khoải.

Một số từ ngữ đầy màu sắc đem vào bài ca, làm người đọc hình dung được những phong cảnh tươi đẹp của địa phương:

*Dưới mặt nước chói lòa yếm đỏ,
Trên bầu trời rạng tỏ mây xanh...*

Hay:

*Một đoàn tím tía chói lòa
Yếm hồng khăn thắm coi đà xinh thay...*

Thật đúng là khung cảnh một ngày xuân có nắng ấm vàng rực, với từng tốp trai gái lũ lượt kéo nhau đi hội.

Đôi lúc, dân ca còn sử dụng những từ ngữ quen dùng của văn học bác học như:

*Bấy lâu nay em phong kín nhụy đào,
Mà nay khác thể hàng rào lâu năm.*

¹ Xỉa: đếm (từ địa phương).

² Tiền: đơn vị tiền tệ thời xưa, gồm 60 đồng tiền Kẽm.

Đem hình ảnh "phong kín nhụy đào" với "hàng rào lâu năm" để chỉ sự thay đổi trong ngoài của người con gái thì thật vừa ý nhị, vừa sâu sắc.

Nhiều thành ngữ quen thuộc, thường nghe trên của miệng mọi người như *chuột chê thóc lép, chó chê nhà dột, cá chết vì môi, đàn gảy tai trâu, liệu cơm gắp mắm, lời chào cao hơn mâm cỗ...* cũng được dân ca Liên khu 5 sử dụng nhuần nhị, với những ý tình gài lẩn kín đáo, càng làm câu hát tăng thêm tác dụng khơi gợi, khuấy động lòng người nghe. Như câu:

*Chàng ràng như cá quanh nơm,
Nhiều con ánh rạng, không biết đơm con nào.*

Hay câu:

*Nước có khi trong khi đục,
Người có kẻ tục, kẻ thanh
Hễ con cá khôn lựa vịnh, con chim xanh phải
lựa nhành.*

Nói lên tâm trạng anh chàng đang bồi hồi đến ngõ ngàng giữa đám thanh nữ, hoặc là lời nhắc nhở ai kia hay biết người, biết của khi lựa chọn bạn tình.

Bản thân tiếng nói của ta đã mang sẵn nhạc điệu phong phú. Những dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng, không dấu như những *phím đàn thiên nhiên* phổ vào từng tiếng. Cùng là thơ lục bát, có niêm luật nhất định, nhưng tùy theo tình cảm gửi gắm và ngôn ngữ sử dụng mà âm điệu mỗi câu mang một sắc thái riêng biệt:

*... Châu rã, cúc ngã, sen tàn,
Tiếc công lặn đặng với nàng bấy lâu.*

*... Cúc mọc sườn núi cheo leo,
Đố ai dám trèo, hái cúc mà chơi.*

*... Bữa cơm có cá với canh
Anh không mất dạ bằng anh thấy nàng.*

Từ nỗi chua xót bị tình phụ, nỗi vương vấn xa xôi vì chưa ngộ được tác lòng, đến tâm trạng khoan khoái, hả hê của anh chàng đang mong ngóng nay gặp người yêu, đều được mô tả một cách sáng tạo, thú vị.

Nhân dân ta vốn ưa so sánh, ví von. Điều đó thể hiện rất rõ trong ca hát, và chính nhờ đó câu hát càng trở nên hấp dẫn, cuốn hút người nghe.

Như để thăm hỏi xa xôi xem cô nàng phải chăng đã có nơi có chốn, chàng trai hát:

*Cát đòn gánh điệu lên vai,
Hỏi thăm đòn gánh điệu thương ai mà quên?*

Dem ví người thương với chiếc đòn gánh quắn trĩu trên vai, chàng trai đã nói được nỗi lòng gắn bó tha thiết của anh đôi với nàng.

Có khi để nhắc nhở, khuyên răn người thương ăn ở sao cho phải cho vừa, anh hát:

*Nồi tròn úp vung tròn, nồi méo úp vung méo
Ở làm sao cho khôn cho khéo, cho vung méo úp
nồi tròn.*

Đối với những kẻ bắc bực làm cao, chua ngoa đánh đá, dân ca đã mỉa mai châm biếm không tiếc lời:

*Nực cười thầy bói soi gương
Thầy tu chải chỉ, cá mương hoá rồng.*

Ở một bài khác, để trần tình với một anh chàng đang mơ tưởng hão huyền cho rằng:

*Em lấy chồng còn nhỏ,
Như ngọn cỏ còn non...*

Dân ca đã mượn lời từ chối khéo léo của người con gái có chồng nào đó:

*Nói ra sợ chúng bạn cười,
Cá đôi ba buổi chợ còn khoe tươi nổi gì.*

Phương pháp mô tả bằng hình tượng ví von trên thực sự đã làm nổi bật được ý tứ kín đáo gửi gắm trong câu ca, đồng thời tạo nên những hình ảnh rất dân tộc, có khả năng gây ấn tượng sâu sắc trong lòng người nghe.

Lời hát của dân ca còn chịu ảnh hưởng của các truyện Nôm phổ biến trong nhân dân (*Truyện Kiều*, *Lục Vân Tiên*) và trong nhiều trường hợp đã sử dụng khá tài tình cả lời lẫn ý của thơ văn những truyện ấy

Cũng như dân ca các vùng trong toàn quốc, dân ca Liên khu 5 đã sử dụng hầu hết các thể thơ dân tộc.

Từ những câu thơ 2 chữ, 3 chữ, 4 chữ, nhiều khi ý tứ và lời văn đối nhau chan chất:

*Chị ăn cá,
Em mút xương
Chị nằm giường
Em nằm đất...*

(Về vòng vòng)

*Chồng đi Đồng Nai
Ở nhà có ghen
Chồng đi bán kén,
Ở nhà có con.*

(Về cu cút)

Hay mang tính chất kể lể dây dưa như:

*Cày sông đặm đuột,
Là hoa cắt dẽ*

*Ở lính anh về
Là hoa bông trôn...*

(Về các thứ hoa)

đến những câu thơ 5 chữ giản dị:

*Hồi trời cao đất dày!
Thuế sao nặng thế này.
Làng xóm đành bóp bụng
Bán đĩa nộp thuế Tây.*

(Về thuế nặng)

những câu thơ 7 chữ phóng khoáng ít thấy hơi thơ Đường:

*Buổi chợ trưa em ngồi em ngóng
Sao nghĩa đôi mình lóng đong anh ơ?*

(Lý trách duyên)

những câu 8 chữ có vần lưng đứng đắn nghe như loại 4 chữ gấp lên:

*Thân tôi mồ quả, từ thuở lên ba
Mặt mẹ mày cha, tôi chưa từng thấy
Đường cày đường cấy, tôi chưa từng quen
Tối mắt tắt đèn, Nam mô đà Phật.*

Và rất nhiều câu sáu tám uyển chuyển, nhịp nhàng, sử dụng trong hầu hết các điệu lý, hò, đưa em, hát đối... như đã trích ở trên; cả những câu sáu tám biến cách.

*Lấy chồng trước chẳng kén đôi,
Từ ngày tôi lấy nó, chẳng nguôi trong lòng.*

Với những bài phối hợp các thể với nhau:

*Trời mưa vẫn vũ
Tình cũ xa rồi*

*Lấy đầu nương tựa lần hồi tám thân
Trách ai tham phú phụ bần!*

Hoặc:

*Thơ dưới gửi lên
Thơ trên gửi xuống
Em đang ăn uống
Em bỏ bát đĩa xuống xem thơ
Xem rồi, nước mắt ướt hết nửa tờ,
Ai phân chồng rẽ vợ, kiếm đường su sơ¹ để tìm.*

Dân ca Liên khu 5 cũng sử dụng thể "bảy bảy sáu tám" (song thất lục bát) và "sáu tám bảy bảy" (lục bát gián thất) với ngôn ngữ khá trau chuốt chọn lọc và vần chân vần lưng tề chỉnh:

*Trái lòn bon trong tròn ngoài méo,
Trái thâu dầu trong héo ngoài tươi
Thương anh, em ít nói ít cười,
Ôm duyên ngồi đợi, chín mười con trăng.*

Hay như:

*Bờ cao năng đắp nên cao
Gặp nhau năng hỏi, năng chào mới quen
Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng,
Một tiếng em chào cảm đáng bao nhiêu?*

Cùng những bài biến cách nhưng vẫn giữ vần luật nghiêm chỉnh:

*Cất mái chèo lan, nhìn chàng rơi lụy
Thốn thức gan vàng, thối dị tẩn nan²*

¹ Su sơ: tiếng cổ, chưa hiểu nghĩa.

² Thối dị, tẩn nan (chữ Hán): lui thì dễ, tiến thì khó.

*Chàng đành nhưng phụ mẫu không đành,
Lá cây che khuất ngọn ngành, trời ơi!*

Nói chung, lời hát của dân ca Liên khu 5 đã triệt để sử dụng những đặc trưng của ngôn ngữ dân tộc: những từ ngữ, thành ngữ sinh động quen dùng trong nhân dân, những thể thơ uyển chuyển với lời lẽ trau chuốt đầy hình ảnh.

Tuy vậy, muốn hiểu được đúng đắn nghệ thuật dân ca, chúng ta còn phải đi vào nghiên cứu phần âm nhạc của nó.

Âm nhạc, nói cách khác là nghệ thuật sử dụng âm thanh, giữ vai trò quan trọng trong nghệ thuật dân ca. Nghiên cứu tìm hiểu dân ca mà coi nhẹ phần âm nhạc thì không sao nắm được toàn diện vấn đề.

Nội dung phần âm nhạc trong nghệ thuật của dân ca bao gồm nhiều vấn đề: tính tư tưởng của giai điệu, nguyên tắc cấu tạo giai điệu, ước lệ phát triển của nét nhạc chủ đạo, gam và hòa âm...

Ở đây bước đầu chúng tôi chỉ giới thiệu vai trò âm nhạc trong dân ca, có phân tích sơ lược đôi ba làn điệu để chứng minh.

Nói đến âm nhạc là nói đến giai điệu. Giai điệu là linh hồn của âm nhạc. Thực chất của hình ảnh âm nhạc, tức phần căn bản của nó, nằm trong giai điệu.

Giai điệu của dân ca Liên khu 5 thật trăm hình nghìn vẻ. Những câu ca cấu tạo theo đủ các thể thơ có niêm luật rõ ràng, với một ngôn ngữ chọn lọc, nhiều màu sắc hình tượng được lồng vào những đường nét giai điệu phong phú thay đổi tùy theo chủ đề và tình cảm từng bài.

Tuy nhiên, do tình hình cụ thể từng vùng chỉ phối, không phải tất cả giai điệu dân ca ở đây đều có một trình độ nghệ thuật như nhau. Nhìn chung, những làn điệu của

các tỉnh từ bắc Phú Yên trở ra được thể hiện bằng một kỹ thuật âm thanh tương đối đều luyện với những thủ pháp khá tinh tế và đậm lót khá tài tình; còn những làn điệu ở các tỉnh từ nam Phú Yên trở vào lại tương đối mộc mạc đơn giản (kể cả lời hát), song vẫn khơi động sâu sắc được lòng người nghe.

Việc chúng tôi cố gắng phân tích sơ lược ba làn điệu được nhân dân hay hát trong mấy tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định chỉ có mục đích nêu lên phần nào vai trò của âm nhạc trong dân ca, mà đây chưa phải là những bài tiêu biểu cho từng vùng.

Đó là bài *Lý thương nhau* nói đến nỗi khổ đau chứa chất trong lòng kẻ đang yêu; bài *Hò khoan* tức lời nhắn nhủ trách móc của cô gái với người tình và bài *Hò giứt chì* gọi lên khung cảnh lao động nhộn nhịp của tập thể dân chài ven biển.

Ở mỗi bài, nhân dân đã sắp xếp tài tình những âm thanh huyền diệu để vừa tạo nên giai điệu mang tư tưởng tính đến mức độ nhất định, vừa làm nổi bật ý tứ ẩn giấu trong lời thơ.

Bài *Lý thương nhau* đã dựa vào một câu thơ sáu tám lời lẽ khá chọn lọc:

*Thương nhau trường đoạn, đoạn trường
Lụy lưu, lưu lụy dạ đường kim châm.*

Mấy tiếng "đoạn trường", "lưu lụy" nhắc lại, nhưng đảo thành "trường đoạn", "lụy lưu" cùng với hình ảnh "kim châm vào dạ" đã tả được nỗi lòng đòi đoạn vò tơ, mong nhớ khôn nguôi của những kẻ tương tư. Chỉ với 14 tiếng mà biểu hiện đủ ý tình súc tích như vậy, kể đã là câu thơ đẹp cả lời lẫn ý.

Lý thương nhau

Vừa phải — Tình cảm

HÀ NGUYỄN SÂM ghi âm

NGUYỄN NHƯ TÚY hát



Thương nhau trường đoạn ý a đoạn



trường. Thương nhau trường đoạn ý a đoạn



trường. Lạy ý lưu ý a lưu lạy a ý



a dạ đường ôi tình ôi kim



châm! Lạy ý lưu ý a lưu lạy a ý a!



dạ đường ôi tình ôi kim châm!

Nhưng vào bài hát, điệu lý còn dùng âm thanh tô đậm thêm chủ đề đó lên bước nữa. Câu thơ phát triển thành:

Thương nhau trường đoạn ý a đoạn trường

(hát hai lần)

Lụy ý lưu ý a lưu lụy a ý a, dạ đường ôi tình tôi!

Kim châm (hát hai lần để hết)

Bắt vào đầu, hai tiếng "thương nhau" rơi vào âm *mi*, lướt qua âm *re* để về âm chủ *đô* ở tiếng "trường". Đệm lót "ý a" xen kẽ, cùng với tiết tấu hiền hòa của câu nhạc đã xoa dịu đi phần nào ấn tượng bi thảm của nỗi lòng day dứt trông mong, do mấy điệp ngữ "đoạn trường, trường đoạn" gây nên. Nỗi lo lắng bồn khoăn đó, không phải lúc nào cũng xốn xang sôi nổi mà nhiều khi dường như bị nhận chìm xuống đáy tim do công việc trước mắt dồn dập đến, nay bất thần trỗi dậy lại vô xé, thôi thúc tâm tư. Giai điệu đi từ âm giữa về âm chủ, rồi lại sang âm giữa để trở về âm chủ, đã tả đúng được tâm trạng rối ren đó.

Câu hát nhắc lại lần thứ hai y nguyên càng nhấn sâu thêm ý tình gửi gắm. Lần này tiếng "trường" không ngân dài, mà bắt nhanh sang hai tiếng "lụy lưu" bằng một đảo phách:

Lụy ý lưu ý a lưu lụy ý a

Đệm lót "ý a" xen vào giữa "lụy lưu, lưu lụy" chuyển điệu dần sang hợp âm của nốt thứ 4 trong gam (*la đô* của hợp âm *Fa*) với một đảo phách nữa. Nét nhạc đang từ xa về gần, rồi lại từ xa về gần, nay lại xa nữa (lụy lưu ý a) và vụt xa thêm nữa ở tiếng "lưu lụy ý a" (*la*) rồi mới nghỉ tạm ở đệm lót "a" ("*đô*" có láy tiên). Tiết tấu xáo động ấy như nói lên nỗi đắng cay, chua xót đang nung nấu tâm can kẻ

trông chờ. Tiếng "a" ngân hai phách càng làm thấm thía thêm nỗi lòng canh cánh.

Sang tiếng "ạ" luyện với 4 âm móc đơn của hợp âm Fa (âm thứ 4) tiếp liền tiếng "duờng" vào ngay đảo phách với đệm lót "ôi tình ôi!" tha thiết du dương. Nét nhạc từ từ về âm chủ qua tiếng "kìm" (la có láy hậu) và "châm" (đô).

Mấy tiếng "lụy lưu, lưu lụy" đặt vào câu hát, phát âm lên đã khó khăn, lại kèm sát đảo phách liên tiếp với nét nhạc dần dần xa vắng, chợt sáng lên, rồi thông thả về âm chủ, làm đậm thêm cảnh nước mắt đầy vơi, trong lòng như dao cắt. Những tiếng đệm "ý a" nhất là "ôi tình ôi" và láy tiền khi ngân "a", thực sự đã làm cho câu hát thêm thanh thoát thấm thiết rất nhiều.

Sau đó, tiếng "châm" vừa trở về âm chủ đã vội lướt sang tiếng "lụy" rơi vào đảo phách để nhắc lại câu trên lần nữa, rồi mới chịu kết bằng tiếng "châm" ngân 3 phách ở âm chủ cuối bài.

Chỉ trong 23 nhịp (câu đầu 7, câu sau 16), bài lý đã nói lên được đầy đủ và tài tình một ý tứ phức tạp của quá trình yêu đương. Người nghe cảm thấy rõ nỗi đau đớn chứa chất trong lòng những kẻ đang từng giờ từng phút ngóng đợi người thương. Có điều nỗi đau khổ này không hề giống những đau khổ vật chất và vấp thường ngày. Giữa cái thương tủi đầy nước mắt, lòng dạ như kim châm, vẫn có cái gì như vuốt ve, mơn trớn. Thực tế, chẳng ai mơ ước mong muốn có những ray rứt tâm tư, nhưng trong địa hạt yêu đương, con người dường như vừa tấm tức khó chịu vì những ám ảnh vô hình không sao dứt ra được ấy, đồng thời lại thỏa mãn, thích thú vì có được những nỗi dày vò êm dịu. Điều mâu thuẫn phức tạp này được nhạc điệu thể

hiện một cách sắc sảo. Nếu những đảo phách, chuyển điệu có làm cho những "đoạn trường, lưu luyến" thêm xót xa u uất, thì *láy tiền, láy hậu* với tiếng đệm "ý a", "ôi tình ôi!" lại như những ngọn gió mát dịu làm giảm nhẹ cảm giác bị luyến đối với người nghe.

Lý thương nhau đúng là một ca khúc hoàn chỉnh đáng chú ý cả về lời ca lẫn nhạc điệu.

Những điệu lý khác như *Lý lạch, Lý vọng phu, Lý thiên thai*... đều mang những đặc điểm tương tự. Giai điệu của Lý quả thật phong phú. Nhiều người lầm tưởng cho rằng Lý chỉ là những điệu hát ngắn, đơn giản cả về lời lẫn nhạc điệu. Thực tế gần 50 điệu lý với giai điệu khác nhau mà mỗi điệu đều nói đến một tình tiết trọn vẹn, một câu chuyện có đối thoại lý thú (*Lý mụ he*), đã là chứng cứ hùng hồn bác bỏ thành kiến không đúng ấy.

Giai điệu của những giọng hò cũng có những nét đặc sắc làm tôn hân ý tình ẩn giấu trong lời thơ. Tùy theo điều kiện địa lý từng con sông, mỗi loại hò đều có hơi nhạc riêng. Ai mà quên được giọng hò đưa ấm cúng vang xa của sông Thu Bồn xanh thắm lững lờ; giọng ca duyên dáng đậm đà của dòng Trà Khúc trong vát êm trôi và giọng hò ân tình tha thiết của dòng Lại Giang hiền hòa vào những đêm thu trăng soi đầy nước, gió lay rặng dừa. Xen vào đó, những tiếng hò *kéo vải, hò giã đậu, hò giã gạo, hò đẩy che mía*... mà tiết tấu dù khoẻ mạnh dứt khoát, vẫn không át chất trữ tình chan chứa, cùng những tiếng *hát đưa em, hát đối*... êm ái du dương như chèo kéo kẻ qua đường đứng lại trao duyên gửi ý.

Ta thử so sánh điệu *Hò khoan* (Quảng Nam) với điệu *Hố giựt chì* (Quảng Ngãi).

Hồ khoan

(Chèo thuyền Quảng Nam)

Vừa phải, say đắm

TRƯƠNG DINH QUANG ghi âm
NGUYỄN KIỀM hát

$\text{♩} = 84-86$

kê

Khoan bớ hò khoan hò!

xò

là hò khoan... Sông tôi chẳng có thuyền

bóng thuyền Mong gì là gì hững gió những

miền khơi biển khơi.

Tủi lòng sông lắm ơi thuyền ơi... Đừng

chê là chê thôn nhỏ ham ở



Khác tiếng hò có tính chất ra lệnh ở *Hố giết chì*, lời kể vào đầu của *Hồ khoan* thật nhẹ nhàng duyên dáng:

Khoan hờ Hồ khoan hò!

Cùng với tiếng xô thân ái, đồng tình:

Là Hồ khoan!

Người đơn ca kể tiếp:

*Sông tôi chẳng có bóng thuyền,
Mong gì hứng gió những miền biển khơi
Tủi lòng sông lắm thuyền ơi!
Đừng chê thôn nhỏ ham nơi phố phường*

Tiếng xô tha thiết không dần đo:

Ô là Hồ khoan!

Đến đây lời kể lúc đầu được nhắc lại:

Khoan bờ Hồ khoan hò!

Và tiếng xô vẫn mặn nồng:

Là Hồ khoan!

Từ hai cặp sáu tám, giai điệu *Hò khoan* đã cấu tạo nên một bài hát tương đối hoàn chỉnh.

Những tiếng "là Hò khoan", "hố hui lên", "hò hời hò lơ", "rì hố rì"... trong các điệu hò, *hố* không chỉ là đệm lót đưa vào lấp chỗ trống cho giai điệu tiến hành được sinh động, mà còn để biểu hiện sự đồng tình có suy nghĩ và sự động viên lẫn nhau trong lao động.

Lời người kể phải thật sự thông cảm gắn bó với ý nghĩ và tâm tư của tập thể cùng hò. Họ chỉ hò theo một cách chân thành khi họ hiểu được ý tứ trách móc và lời nhắn nhủ kín đáo gài trong lời người kể. Nếu không, lời xô nhất định sẽ rời rạc, lạc lõng.

Sự chua chát dành phận của người con gái qua câu:

*Sông tôi chẳng có (thuyền) bóng thuyền
Mong gì (là gì) đón gió những miền (khơi) biển khơi.*

Càng tê tái đau đớn thêm với lời nhắn nhủ, thiết tha:

*Tủi lòng sông lắm (oi) thuyền ơi!
Đừng chê (là chê) thôn nhỏ ham nơi (phường) phố phường.*

Lời thơ da diết, chí tình được nhạc điệu nhịp nhàng, dứt khoát và tiếng xô khoẻ mạnh đồng tình phụ họa đã càng làm tăng tác dụng nhắc nhở, ngăn chặn anh chàng "có trăng" định phụ "lồng đèn".

Nét nhạc của "khoan bờ Hò khoan hò!" có tiết tấu mời gọi khoan thai. Lời xô "là Hò khoan" đáp lại chắc, gọn. Những tiếng "thuyền, gì, khơi, ơi, chê, phường" lấp lại đúng vào tiếng cuối của bốn câu và tiếng thứ hai các câu hai bốn, càng làm ý tình ẩn giấu thêm rõ nét mà kể vô tình đến đâu cũng không thể bỏ qua dù chỉ nghe một lần.

Sự nhắc lại cả vế thơ, đôi khi một vài tiếng, đã có tác dụng nhấn mạnh vào những tình cảm sâu sắc nhất của

bài. Trong nhiều điệu lý, phương pháp này luôn được dùng đến. Ở bài *Lý thiên thai*, câu sáu tám:

*Xem lên hòn núi Thiên thai
Thấy đôi chiến chiến ăn xoài chín cây*

Khi cấu thành giai điệu đã biến ra:

Xem lên hòn núi (hòn núi, ta ny nọ) *Thiên thai*,
Thấy (y) *đôi* (thấy ý đôi con) *chiến chiến* (hát hai lần)
(ta ny nọ ý) *ăn xoài* (a ý a ăn xoài) *chín cây*.

Những tiếng "ăn xoài, chiến chiến, thấy đôi, hòn núi" nhắc lại đã tô đậm thêm ý chính của bài hát. Câu "thấy đôi chiến chiến" hát hai lần càng nhấn sâu thêm dụng ý ấy.

Lý Thiên Thai

TRƯƠNG DINH QUANG ghi âm
DINH THÁI SƠN hát





con chiến chiến chiến. Thấy ý đôi, thấy ý đôi



con chiến chiến chiến ta nư nọ ý ăn



xoài a ý a ăn



xoài chín cây.

Trong *Hò khoan*, nét giai điệu ở các câu "mong gì là gì hững gió", "dừng chê là chê thôn nhỏ" được ngắt nhanh bằng các âm móc, với dấu lặng đơn lặng kép, càng làm nổi bật tính chất kể lể, trách móc của cô lái.

Nhờ giai điệu trong sáng dựng trên điệu thức sáu âm dân tộc với những chỗ trợn ý, kết cấu dừng lại ở âm ổn định, nên tuy chủ đề là nhấn nhủ trách móc, điệu *hò* vẫn mang tính nhạc lành mạnh, hồn hậu có khả năng thức tỉnh kẻ rắp tâm bội bạc.

Với lời thơ cô đọng, chọn lọc, ý thơ tha thiết, mặn mà, giai điệu ngắn gọn, gọt giũa, bài *Hò khoan* đáng được coi là một ca khúc hoàn chỉnh.

Sang bài *Hố giệt chi* (hò kéo lưới Quảng Ngãi) nét nhạc lại có những điểm khác. Giai điệu và tiết tấu của nó thực tế đã gọi lên khung cảnh lao động tập thể, nhộn nhịp.

Hồ Giệt chi

(Hò kéo lưới đánh cá tỉnh Quảng Ngãi)

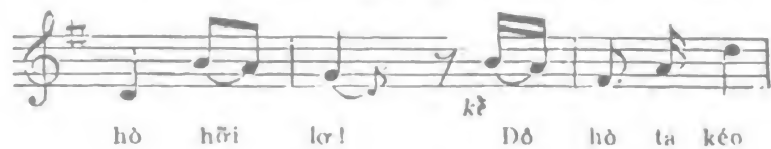
TRẦN HỒNG ghi âm

Tổ ca nam Đoàn ca kịch Liên khu 5
trình bày

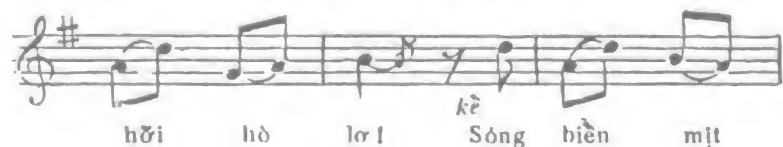
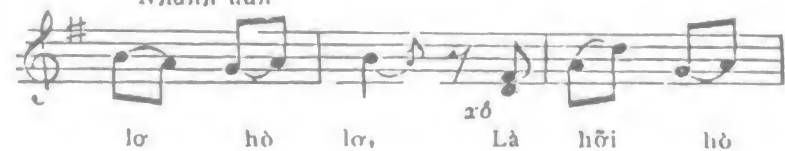
Tùy ý - Khỏe



(1) Đây là lời gọi mọi người trong tập thể mau đến bắt tay vào việc.



Nhanh dần



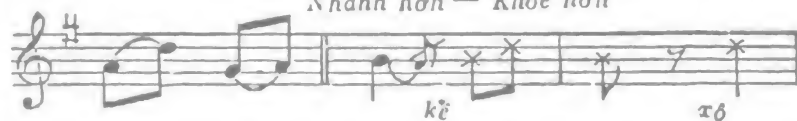


cho mà lưới nặng Là hỡi hò

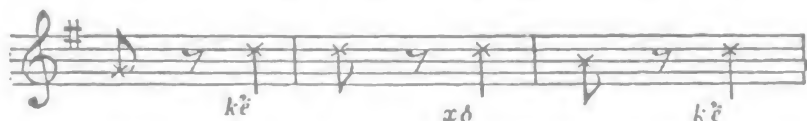


lơ Đồ hò ta kéo lên Là

Nhanh hơn — Khỏe hơn



hỡi hò lơ! Rị hỏ rị! (1) Hỏ



rị! Ra đi! Hỏ rị! Sóng

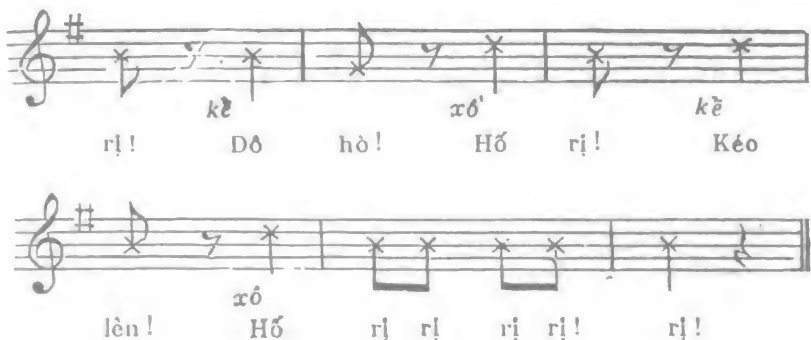


biên! Hỏ rị! Mịt mù! Hỏ rị! Trời



cho! Hỏ rị! Lưới nặng! Hỏ

(1) Lới, kéo.



Lời thơ chỉ là một câu sáu tám, bộc lộ sự khó nhọc và lòng mong mỏi của những người dân chài chất phác, anh dũng:

*Ra đi sóng biển mịt mù
Trời cho lưới nặng, dô hò kéo lên.*

Nhưng nếu chỉ với lời thơ đơn giản này, người đánh cá không thể diễn tả nổi cảnh kéo lưới khoẻ, hăng giữa trời biển bao la; đồng thời bài ca cũng khó mà hấp dẫn động viên được mọi người hăng say lao động. Cho nên họ đã sáng tạo nên một giai điệu khá độc đáo.

Để dắt dẫn vào *hố*, lệnh tập hợp sẵn sàng được phát triển ở nét nhạc chủ đề hát kéo dài, tự do:

Hồ hồ! Giàn nậu vô!

Giữa khung cảnh trời nước mênh mông, lời hô chắc nịch vang lên hòa lẫn với tiếng ào ạt của muôn ngàn đợt sóng đang dồn dập vỗ vào mạn thuyền, nửa như dọa dẫm thách thức, nửa lại như triu mến đón chào, hàng chục con thuyền khí thế dũng mãnh rầm rộ rẽ sóng ra khơi.

Bài *hố* bắt đầu bằng đoạn 1 với tốc độ vừa phải:

Xô: *Hồ hồ hồi lơ!*

Kẻ: *Hố hồ lơ!*

Xô: là hò hời lơ!
Kẻ: Ra đi (mà) sóng biển,
Xô: là hò hời lơ!
Kẻ: Sóng biển mịt mù,
Xô: là hò hời lơ!
Kẻ: Trời cho (mà) lưới nặng,
Xô: là hò hời lơ!
Kẻ: dô hò (ta) kéo lên!
Xô: là hò hời lơ!

Đoạn 2 hát nhắc lại nhưng nhanh dần

Kẻ: Hời lơ hò lơ!
Xô: là hời hò lơ!
Kẻ: Ra đi (mà) sóng biển,
Xô: là hời hò lơ!
Kẻ: sóng biển mịt mù,
Xô: là hời hò lơ!
Kẻ: Trời cho (mà) lưới nặng,
Xô: là hời hò lơ!
Kẻ: dô hò (ta) kéo lên!
Xô: là hời hò lơ!

Đoạn 3 hát nhanh và mạnh hơn nữa:

Kẻ: Rì hớ rì!
Xô: hớ rì!
Kẻ: Ra đi,
Xô: hớ rì!
Kẻ: sóng biển,
Xô: hớ rì!
Kẻ: mịt mù,
Xô: hớ rì!
Kẻ: Trời cho,

Xô: *hố rị*,
Kể: *lưới nặng*,
Xô: *hố rị!*
Kể: *dô hò*
Xô: *hố rị!*
Kể: *kéo lên*
Xô: *hố rị rị rị rị!*

Điệu thức của bài *hố* là điệu thức trưởng, mang tính chất rắn chắc, tươi vui. Với nội dung thể hiện sự lao động của một tập thể con người cùng kéo lưới, bài *hố* đòi hỏi loại nhịp hai phách gọn gàng, chững chạc.

Ở giai điệu hai đoạn trên, lời *kể*, lời *xô* cùng với tiết tấu khoẻ mạnh, dứt khoát đã phù hợp, gắn sát với động tác kéo lưới. Động tác này luôn đặt vào phách mạnh, càng làm bản nhạc thêm hùng dũng.

Đoạn hai nhanh dần, lời *hò* từ "là hò hồi lơ!" nay đổi thành "là hồi hò lơ!". Tiếng "hồi" luyến với nốt cao hơn so với tiếng "hò" đặt vào phách mạnh như gọi lên tính chất khẩn trương, gấp rút.

Đoạn ba hát nhanh hẳn lên, và sau câu kể "rị hố rị", tất cả lời *kể* và lời *xô* đều chỉ còn từng hai tiếng chắc nịch "hố rị" thay thế lời đệm "là hò hồi lơ!" "là hồi hò lơ!" ở hai đoạn trên, gây nên không khí dồn dập vội vã.

Lưới đã gần tới bờ, phải kéo nhanh tay lên: Hố rị! Hố rị! Nhanh tay hơn nữa! Hố rị! Nhanh khoẻ hơn nữa nào! Hố rị! Cuối cùng, lưới đã sát bờ, mạnh tay chút nữa thôi! Rị rị rị rị rị!

Toàn điệu gọi lên được không khí lao động tập thể, hào hùng của những người đánh cá vùng biển. Họ đã biến hai câu thơ đơn giản thành bài hát ý tứ trọn vẹn với lối kiến trúc đặc sắc hiếm có.

Qua những phân tích trên, chúng ta thấy vai trò quan

trọng đặc biệt của phần âm nhạc trong dân ca Việt Nam nói chung và dân ca Liên khu 5 nói riêng. Chúng ta cũng thấy rõ, hình tượng trong âm nhạc thể hiện bằng sự hòa hợp các yếu tố của ngôn ngữ âm nhạc: điệu thức, giai điệu, tiết tấu, sắc thái, tốc độ, cường độ, kể cả các cơ cấu bên trong, tức cách cấu tạo của dân ca và tính chất biểu diễn của nó. Những giai điệu phong phú, súc tích ấy đã nói lên tính sáng tạo của nhân dân lao động sống trên vùng đất này. Nhạc điệu đã không chỉ tô đậm, nâng cao những khía cạnh nội tâm, gửi gắm trong lời thơ mà còn khuấy động, phát triển những ý tình đó thêm sâu sắc dồi dào, tạo cho người nghe những ấn tượng khó quên và tạo thành nhiều giai điệu đặc sắc, với những nét nhạc độc đáo mang tính địa phương riêng biệt.

Do những đặc điểm trên, dân ca Liên khu 5 với hàng trăm làn điệu đã phản ánh trung thực và sinh động cuộc sống lao động cần cù nhẫn nại và đời sống nội tâm sôi nổi phong phú của nhân dân lao động vùng này.

Miền xuôi Liên khu 5 là vùng đất mới khai phá khoảng ba bốn trăm năm, dân cư phần lớn đều từ phía Bắc kéo vào sinh sống mà đã sáng tạo ra một kho tàng dân ca phong phú, vừa mang những đặc điểm chung của dân ca Việt Nam, vừa mang những nét riêng, cả về nội dung lẫn hình thức. Điều đó chứng tỏ tính sáng tạo diệu kỳ của nhân dân lao động Việt Nam. Tìm hiểu và giới thiệu các loại dân ca ấy để nâng cao sinh lực vĩ đại của dân tộc Việt Nam, để đánh giá đúng vị trí của dân ca Liên khu 5 trong kho tàng dân ca Việt Nam, là một điều cần thiết. Chính với mục đích ấy, chúng tôi mạnh dạn biên soạn công trình bước đầu này. Mong rằng sau này sẽ có những công trình nghiên cứu và giới thiệu hoàn chỉnh hơn.

Hồ già với

Bậc nam

Nhịp vừa phải (khoẻ, chắc, trong sáng)



Bỏ hồ bớ hụi này! (Xô Bớ hụi!) Xích



hụi ho khoan (Xô hụi là khoan) Lửa cháy núi



lan (Xô hụi là khoan) Ngó lên



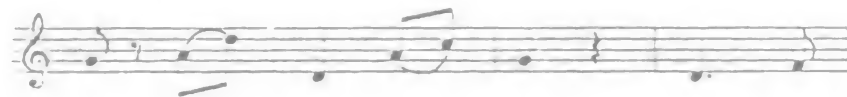
(Xô hụi là khoan) lửa cháy núi lan



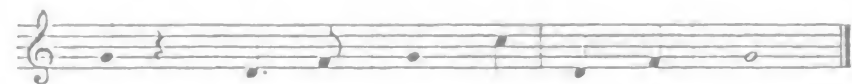
(Xô hụi là khoan) Đồi ta mà thủng thính (Xô la



hồ ô... khoan) lửa tàn (Xô hội là



khoan) Lửa tàn sẽ vô hội là



khoan hội là khoan xích hội hò khoan

Lý tang tít

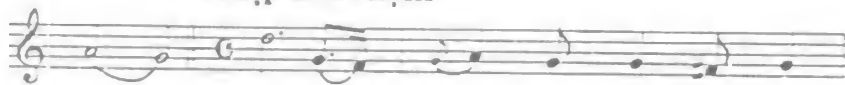
Bạc nữ

Nhịp tự do



Ru hời ru hời hời hời là ơ...

Nhịp hơi chậm



ru Nín mà nghe qua mà qua



hái dạo quanh vòng dạo quanh vòng



bòt gác mà xem chơi tang tít



tang non nang tít tàng tàng tàng tít



lang non nang lú làng lang lú ba lý lú



lang non nang lú làng làng Kia kia



hối đàn chim mà thành thót đưa nhau



cùng đưa nhau cùng bay tột từng mây làng lú

B. PHẦN TUYỂN CHỌN

I. HỒ

Hồ khiêng xe nước

(Bình Định)

*Hồ khiêng lên, khiêng lên hồ hố lên
Khiêng xe ta khiêng xe hố hụi lên!
Cho nước hố hụi lên, lên đồng, hồ hố
Lên là hố hụi lên, lên! Bà con ta đủ ấm
Là hố hụi lên! Thần Nông là hố hụi lên,
Vui mừng là hố lên, là hố hụi lên, lên!*

Hồ già với

(Quảng Nam)

*Hố hồ hố hụi! Hố ô hụi. Xít hụi hồ khoan! Hụi hồ khoan.
Lửa cháy núi lan! Hụi hồ khoan
A ngó lên. Hụi hồ khoan! Lửa cháy núi lan. Hụi hồ khoan
a bạn ơi mà khoan đã
Là hố ô khoan. A lửa tàn
Hụi hồ khoan. Lửa tàn hãy hay
Hụi hồ khoan.*

Hồ kéo vải

(Quảng Nam)

*Chữ rằng xuân bất tái lai
Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn*

Mặc ý ai nay lựa mai hàng
Xin anh đừng có phụ phòng vải bô (thô)
Thân em như rau muống thả dưới hồ
Nay chìm, mai nổi, biết ngày mô cho thành?
Con chim xanh xanh
Nó đổ nhánh cũng xanh xanh
Can chi nó đổ một nhành hai con
Gá duyên bạn lạ cho ngon (?)
Tình chàng với thiếp như con một nhà
Tỉ như chim nhạn ăn xa
Ngày thì nó đi ăn xiêu lãng⁽¹⁾ tối đến cội hoa tìm về.

Chim khôn kêu tiếng rảnh rang
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe
Bóng trăng ngả lộn bóng tre,
Chàng ơi đừng lại mà nghe em thề
Vườn đào, vườn lựu, vườn lê
Con ong kia bắt nhụy nên con bướm xê ra ngoài.
Chàng về nghĩ lại mà coi
Nỗi tâm tình em ở, gương soi nào bằng.

Hồ già gạo⁽²⁾

Ai trắng như bông, lòng tôi không chuộng
Người đỏ đen giòn, làm ruộng tôi thương
Biết rằng dạ có vấn vương
Để tôi cây môi tìm đường sang chơi

¹ Xiêu lãng: đây đó.

² Bài hò này thường thấy lưu hành ở các tỉnh Nam, Ngãi, Bình, Phú.

*Ngó lên rườn lưới phơi giàn¹
Hỏi ai bên nớ sánh cùng ta chẳng?
Tóc tơ kết nghĩa đá vàng!*

*Cầu Ô - Thuộc trăm năm giữ vẹn
Sông Ngân Hà giữ trọn đường phai
Sợ em ham chốn tiền tài
Dứt đường nhân ngãi lâu dài bỏ anh
Trồng chanh đắp nắm cho chanh*

*Xay lúa lấy gạo ăn mai
Bữa qua em đi cấy, bữa mai anh đi cày
Thợ cấy làm bạn với thợ cày
Để cho thợ mạ khóc ngày khóc đêm.*

Hồ Lơ (Bình Định)

*(Hồ lơ hồ lơ lắng tai nghe tiếng ai hò lơ)
Công cha như núi Thái Sơn (ai đi hò lơ)
Nghĩa mẹ như nước (ai đi hò lơ) trong nguồn chảy ra
(Hồ lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai hò lơ)
Một lòng thờ mẹ kính cha (ai đi hò lơ)
Cho tròn chữ hiếu (ai đi hò lơ) mới là đạo con
(Hồ lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai hò lơ)
(Hồ lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai hò lơ)*

¹ Dân chài thường chống cọc rồi mắc lưới lên để phơi sau khi đi biển về.

*Ai về Tam Quan (ai đi hò lơ)
Ai lên Chợ Cát (ai đi hò lơ)
Nghe con trẻ hát (ai đi hò lơ) hiu hắt chiều chiều
(Hò lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai hò lơ)
Bao phen quạ nói với diều (ai đi hò lơ)
Tam Quan, Chợ Cát (ai đi hò lơ) có nhiều xác Tây
(Hò lơ hó lơ lắng tai nghe tiếng ai hò lơ).*

Hồ khoan (Quảng Nam)

*Khoan bớ hò khoan hò! Là hò khoan...
Sông tôi chẳng có thuyền bóng thuyền
Mong gì là gì hứng gió những miền khơi biển khơi
Tủi lòng sông lắm thuyền ơi...
Đừng chê là chê thôn nhỏ hằm ở nơi phố phường
Khoan! Khoan hò hò khoan, hò là hò khoan*

*Anh đi buôn em cũng đi buôn
Em ngồi em nghỉ đầu tròng một mình
Anh đi ngang nghiêng nón làm thỉnh
Em kêu, em hỏi:
Tâm tình bất biến
Tương kiến nghiêm phong¹
Em đấy không phải lang dâm chạ chạ (?)
Anh đừng đem dạ nghi nan*

¹ Lòng dạ không đổi, gặp nhau nghiêm chỉnh, đứng đắn.

Bút sa xuống giấy ngang hàng
Em đây không phải trốn làng bỏ ai

Bớ nường¹ vội bước chân ra
Dò chừng dặm biển, bôn ba nường hoè²
Mùa xuân gió thổi the the³
Tiếng gà văng vẳng, bóng tre mờ màng
Thấy ai mặc áo trắng toàn
Khăn thao⁴ nón Huế giống nường như in
Tưởng là ong bướm đưa tin,
Thấy hai mắt ngọc trực nhìn hẩn hiên⁵
Ngó ra không phải bạn hiền
Cô đi bán bánh ở miền Hội An
Trở về lụy nhỏ dầm dề
Nhỏ nhằm bông cỏ nửa vàng nửa xanh.

Gần nhà, xa ngõ
Anh đi ngang, anh ngó không rõ
Anh đi lại, anh ngó cũng nỏ tường⁶
Tay ai bông ấu tử⁷, ai gọi nường bằng o?

Nhặt nguyệt tương dương⁸ anh mắc đường đục đẻo
Bóng xế trăng chiều, cửa néo cùm khoan

¹ Bớ nường: ở nường.

² Ruộng đồng trồng cây hoa hoè: ý nói bôn ba đây đó.

³ Nhè nhẹ.

⁴ Loại khăn hai đầu tết tua bằng thao.

⁵ Rõ ràng.

⁶ Nỏ tường: không rõ.

⁷ Ấu tử: con bé.

⁸ Nghĩa là mặt trời, mặt trăng phô bày sáng tỏ.

*Phải chi anh thanh thơi rời gót theo nàng
Trước trọn niềm phu phụ, sau gầy tằm ngải nhân.*

*Ngon lau lên khỏi bờ
Ngon lúa trở đồng đồng
Em đừng than, đừng thở, để anh phải tủi lòng khóc theo
Hai tay anh bụm bọt phá bèo
Xưa kia khắp chốn không ai nghèo như anh
Ban ngày anh đón củi rừng xanh
Tối về chỉ một tấm tranh che đầu
Mưa sa như giọt như dầu
Khổ thì anh chịu khổ, chớ lìa nhau anh không lìa.*

*Em ngủ dậy sớm mai
Em xúc hai chén cơm
So hai đôi đũa
Đôi đứng đôi nằm
Dầu thấy mẹ có đánh chín chục, một trăm
Đánh rồi, em đứng dậy, em cũng chỉ lăm lăm thương chàng.*

*Vai mang bầu kim cúc, anh dạo chốn hải hà
Ồi thôi rồi, tình nghĩa cách xa
Bạc kia thành thiếc, vàng đà thành thau
Vai mang bầu kim cúc, anh dạo chốn sơn lâm
Giả làm tiểu phu đón củi, để gặp bạn tri âm đó chừ!*

*Biết nhau làm chi cho thiệp thương, chàng nhớ
Hay như hồi kia, thiệp chớ, chàng đừng
Đặt mình xuống chiếu, chiếu chẳng dính lưng
Bưng bát cơm để xuống, cứ tưởng trông chừng ai theo.*

Đánh một tiếng chuông, các ngõ nguồn nghe thấu
Đánh một tiếng châu, nhập khẩu vô tang
Đó bạn buồn còn có chỗ thở than
Đây em buồn như nhang tàn đêm khuya.

Hạc đời là xế non trùng
Chim kêu biển bắc, trống thùng điểm ba
Biểu em về trộm lệnh mẹ cha
Đêm khuya chuốc lượng cho ta ít nhiều
Sống đời ni trai ước gái yêu
Sáng sớm mai như tỉnh, bóng xế chiều như say
Ngồi đầu hột lựu nhỏ chung mày
Chàng có đỡ chân, chân rớt, có đỡ tay, tay rời
Tội tâm tình thiếp lắm chàng ơi!
Hay vậy, thuở xuân xanh chàng chết trên tay mẹ đi
cho rồi,
Sống làm chi đây, trai anh thương đoạn, gái em lại
nhớ đành,
Cá lui về biển bắc, chim sâu nhàn biếng bay.

Thiếp xa chàng hái dâu quên giỏ,
Chàng xa thiếp cắt cỏ quên liềm,
Ra sông gánh nước, hủ chìm giống trôi
Về nhà than đứng thở ngời,
Đập tay xuống chiếu, thôi rồi còn chi!

Anh mong đưa đón em về,
Nhưng thuyền thuê, lưới mượn, sợ ông nhà nghề
không để cho yên.

Nói năng chi nữa thêm phiền,
Đầu rồng đã gổ tay tiên còn gì.

Anh nói với em như riu chém xuống đá,
Như rạ (rựa) chém xuống đất,
Như mật rót vào tai,
Bây chừ anh nỡ (đã?) nghe ai,
Bỏ em giữa chốn non đoài, khổ chưa¹

Ba với ba là sáu,
Sáu với bảy mười ba
Bạn nói với ta không thiệt không thà,
Như cây đủng đỉnh trên già dưới non
Bạn nói với ta chưa vợ, chưa con
Bây giờ ai đứng đầu non kia kia.

Biểu em đừng đưa đưa đón đón làm chi
Chén rượu tình anh uống một ly cũng được rồi
Uống qua chén thứ nhì thể tất xin thôi
Uống vô quá chén, đừng ngồi không yên
Để anh yên tâm rồi gót lên đường
Chén rượu tình anh xính xoáng (chénh choáng)
lắm em ơi!

Nghiên tai cho anh bỏ nhỏ một đôi lời
Cảnh đất Hàn em ở lại, để anh rời về cố hương
Trời làm xa cảnh nhứt phương

¹ Có người hát: Bỏ em linh đình giữa chốn thuyền chài khó chưa?
Những câu này cũng phổ biến ở Trại Thiên.

*Biểu em đừng trao lược, trao gương làm gì
Bước đường dài, em ở lại, anh đi
Mấy lời anh căn dặn, em nhớ gắn ghi vào lòng
Về nhà dựa ghế thơ phòng
Nhìn xem gương lược, nước mắt rờn rờn nhỏ sa
Cảnh sầu này đâu phải tại qua¹
Tại duyên, tại nợ nên xa hai đứa mình.*

*Có thương thì thương cho chắc
Bằng trọc trặc thì trọc trặc cho luôn
Làm chi như con thỏ đứng đầu truông²
Khi vui giỡn bóng, khi buồn giỡn trăng³*

*Họa hổ họa bì, nan họa cốt,
Tri nhân tri diện, bất tri tâm⁴
May mô chút nữa em lắm,
Củ khoai lang mà em ngỡ là Cao-ly sâm bên tàu*

*Hồi nào đôi ta tát nước, cùng kêu cùng hú,
Hồi nào đào hang củ, cùng rủ cùng ren
Bây giờ trống nợ xa kèn,
Đàn kêu khác tiếng, bạn quen đâu rồi?*

¹ Tôi, ta: tiếng xưng hô thân thiết.

² Vùng đất hoang, cây cỏ mọc như rừng.

³ Hai câu này có nói hát:

Làm chi như con quạ đứng đầu truông

Khi vui nó kêu "kha kha", khi buồn nó kêu "quau quau"

⁴ Nghĩa là: vẽ hổ thì vẽ được da hổ, khó vẽ được xương hổ; biết người biết mặt không biết được lòng.

Khôn than khôn thở, khôn nữ phân trần,
Tóc không xe tóc rối, ruột không dần ruột đau
Thiếp với chàng như vôi với gạch,
Chữ kim với chữ thạch, hai chữ đồng liêu.
Dầu có nơi mô xuân sắc mỹ miều
Dem lòng dổ thiếp, thiếp cũng không xiêu,
Tâm tâm niệm niệm, dầu đứng bóng xế chiều cũng
đợi anh.

Làm một bức thơ, gửi thăm ai không biết,
Lòng tôi chỉ quyết, thương nhớ bóng lông
Kể từ ngày đó Bắc, đây Đông,
Lòng không tưởng, không trông, không nhớ
Đây với đó không duyên không nợ,
Đó với đây không vợ không chồng.
Sống dương gian chẳng đặng nằm chung
Chết âm phủ mô ai nấy ở.

Miệng anh cười, mắt anh khóc,
Anh bước ra trường học nghĩ tới mẹ cha
Cha già, mẹ yếu, vợ lại có thai
Lỡ bông hoa hương nở nhụy biết cây ai bây giờ?

Quần ống cao, ống thấp
Dây lưng, mối ngắn mối dài
Quảng Nam, Bình Định còn khôi người tài hơn anh
Muốn cho lúa tốt hơn tranh¹
Kiếm chỗ mô nương tựa, chớ hạng anh chẳng thiếu gì.

¹ Cỏ tranh.

*Thơ dưới gửi lên, thơ trên gửi xuống
Em đang ăn uống, em bỏ đĩa xuống xem thơ
Xem rồi nước mắt ướt hết nửa tờ
Ai phân chồng, rẽ vợ, kiếm đường su sớt để tìm*

*Vì ông tơ ham đánh bài xep²
Vì bà nguyệt ham đánh bài linh³
Xe dây không rành mối, nên duyên nợ đôi lứa mình
lững lơ.*

*Xưa kia thiếp chưa bén duyên chàng
Núi rừng thì triệt hươu mang
Khe núi thì triệt măng giang
Đò dọc thì triệt đò ngang
Quán tỉnh triệt chị bán hàng
Nay chữ thiếp đã bén duyên chàng.*

*Núi rừng trả lại cho hươu mang
Khe suối trả lại cho măng giang,
Đò dọc trả lại cho đò ngang,
Quán tỉnh trả lại chị bán hàng
Mô mô trả lại nấy, để thiếp với chàng theo nhau⁴
Ở bên ni Hàn, ngó qua bên tê Hà Thân
Thấy nước xanh xanh như tàu lá
Ở bên tê Hà Thân, ngó qua bên ni Hàn,*

¹ Ngu ngơ, lếu láo.

² Một loại bài tứ sắc (4 màu).

³ Một hình thức giải trí ngày xưa phổ biến ở vùng Quảng Nam.

⁴ Những câu này cũng phổ biến ở Bình Trị Thiên.

Thấy phố xá nghênh ngang
Kể từ ngày "ông" Tây lại đất Hàn,
Đào sông Cầu Nhị, bòn vàng¹ Bông Miêu
Dặn tấm lòng ai đỡ đường xiêu,
Ở nuôi phụ mẫu, sớm chiều có em (nhau).

Hồ ba lý (Quảng Nam)

Ba lý tang tình mà nghe, ta hồ ba lý tình tang, ba lý
tình tang.
Treo lên trên rẫy khoai lang, ba lý tang tình mà nghe,
ta hồ ba lý tình tang.
Chẻ tre mà đan sịa là hố cho nàng phơi khoai khoan
hố khoan là hố hồ khoan
Ăn sao cho đặng mà mời,
Thương sao cho đặng vợ người mà thương
Bữa cơm có cá với canh,
Anh không mát dạ bằng anh thấy nàng
Trèo lên trên rẫy khoai lang,
Chẻ tre đan sịa cho nàng phơi khoai,
Ngồi buồn xe chỉ uốn cần,
Chỉ xe chưa đặng, cá lần ra khơi.
Ngọc còn ẩn đá chờ vàng,
Anh còn ẩn sĩ chờ nàng lớn khôn.

¹ Có người hát là mò vàng; có bản ghi là đắp đàng.

Hồ chèo thuyền (Quảng Nam)

Nói ra cô bác đừng cười
Để cho tôi bắt một người áo đen
Áo đen tra nút áo đen
Tôi hò với người lạ, chớ người quen không hò.

Chiều chiều lại nhớ chiều chiều
Nhớ nồi cơm nguội, nhớ niêu nước chè
Nhớ người quần lãnh, áo the
Phải duyên phải kiếp thì nghe anh về¹.

Sông tôi chẳng có bóng thuyền
Mong gì hững gió những miền biển khơi
Tủi lòng sông lãm thuyền ơi
Đừng chê thôn nhỏ, ham nơi phố phường.

Chim chuyền bụi sậy,
Cá quây bụi tùng
Anh thương em thắm thiết vô cùng
Đĩa nghiên mài mực, tạm cùng bức thư.

Chim lạc bầy thương cây nhớ cội
Người xa người khổ tội người ơi
Vĩ dẫu chẳng biết thời thôi
Biết ra mỗi đứa mỗi nơi thêm buồn².

¹ Những câu này cũng phổ biến ở một số vùng khác.

² Những câu này cũng phổ biến ở Trị Thiên.

Hồ chèo đò **(Quảng Ngãi)**

*Bên đây sông bắc cầu mười tám ván,
Bên kia sông lập cái quán mười hai từng
Bán buôn nuôi mẹ cầm chèo,
Sáng chiều dăm dăm trông chèo đợi anh*

*Đu đủ tía, dầu dàu cũng tía,
Khoai lang giâm, ngọn mía cũng giâm
Củ khô chen lẫn với củ trâm,
Giữ sao cho khéo khéo lắm bờ em.*

*Đổ lửa than nên vàng lộn trấu,
Anh mắng thương thâm, không thấu dạ em.*

*Cây da trước miếu ai biểu cây da tàn,
Bao nhiêu lá rụng thương chàng bấy nhiêu.*

*Bậu nói với anh bậu không lang chạ.
Bắt đặng bậu rồi, đành dạ bậu chưa?
Bậu đừng đàn đúm mà hư,
Anh về thưa lại mẫu từ anh hay.*

*Nước trong thấy đá, cá lội thấy hình,
Có đôi cũng vậy, một mình cũng xong.*

Hồ đồ (Phú Yên)

*Thủ phận hèn không dám xông xao,
Tay bùn chân lấm, không dám chào bạn xưa
Một hai ba bốn năm bảy lòng sầu
Đấy vui có biết đấy sâu cùng chẳng?
Muốn cho một tháng đôi tuần trắng
Để cho đấy ở sao bằng lòng đây.*

*Khen ai khéo đúc chuông chì,
Dáng thì tốt dáng, đánh thì không kêu.*

*Nhìn nàng, nước mắt thấm sâu
Nhạn cao bắn với, cá ở ao sâu câu ngằm
Bờ nghe ai dỗi trá mắc lằm
Vàng rơi khó kiếm, châu trầm khôn theo.*

*Bên lương, bên giáo, bên đạo cũng như bên ta
Vô đây ta kết nghĩa giao hòa
Phải duyên phải kiếp, áo Chùa Bà ta mặc chung.*

Hồ đồ (Bình Định)

*Có thương thì bốc lửa lư
Không thương cũng nhúm lại, đừng bươi¹ nó tàn*

¹ Bươi: bốc ra.

*Trồng tre tại núi Thạch Bàn
Tre bao nhiêu lá thương nàng bấy nhiêu*

*Gió đưa trăng là trăng đưa gió
Trăng lặn rồi, gió biết đưa ai
Gió đưa trăng thì trăng đưa gió
Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai?*

*Quả đào tiên ruột mất vỏ còn
Buông lời hỏi đầy lối mòn này ai đi?
Khúc sông rộng hẹp tất ai phải tùy
Bấy lâu anh còn đợi được, nay sá gì đôi năm.*

*Sông bên ni, anh lập cảnh chùa Hoài Thiện
Sông bên tê, anh dựng huyện Hoài Nhơn
Cái huyện Hoài Nhơn để ông Bao Công xử kiện
Cái chùa Hoài Thiện có bao kẻ tu hành?
Oi bạn mình ơi!
Chim kêu riu rít trên nhành
Qua không bỏ bậu, sao bậu đành bỏ qua
Đôi ta còn vướng tơ mảnh
Đó chẳng đành, đây anh cũng gắng
Sóng ba đào, mưa nắng anh chẳng nao.
Qua¹ phân cạm lời
Bậu² hãy còn hờn trách
Để qua nói sách, chữ có ghi rằng:
"Nam trọng tài năng, nữ hằng trinh tiết"*

¹ Qua: ta, mình (tiếng gọi thân mật).

² Bậu: em.

Bậu dứt qua rồi sau tiếc thương qua
Ra về nguyệt lặn sao thưa
Dứt tình tại bậu, qua chưa tiếng gì.

Một khuyên anh bớt thăm
Hai khuyên anh bớt sầu
Ba khuyên anh bớt buồn rầu
Hãy kiếm nơi cầm sắt để nối nhịp cầu về sau.

Hồ mái nhặt

(Nam - Ngãi)

Bôn ba nước chảy kịp gài (?)
Theo cho kịp bạn vãng lai đôi lời
Xa sông cách núi lỡ vời
Gửi thư sợ lậu¹, gửi lời sợ quên
Anh ra ngoài Huế, thắt rế dài bèo²
Gửi vô em bán đồ nghèo đôi năm
Gió đưa trăng thì trăng đưa gió.

Quạt nọ đưa đèn, đèn có đưa ai?³
Quả đào tiên ruột mất vỏ còn,
Buông lời hỏi đáy lồi mòn này ai đi?
Khúc sông rộng hẹp tất anh phải tùy,
Bấy lâu anh còn đợi được, nay sá gì đôi năm.

¹ Lậu: lộ.

² Một lối quán khăn giống như quán khăn lượt ở ngoài Bắc.

³ Những câu này cũng phổ biến ở nhiều nơi, miền Bắc cũng như miền Trung.

Sông bên nì, anh lập cảnh chùa Hoài Thiện
Sông bên tê, anh dựng huyện Hoài Nhơn
Cái huyện Hoài Nhơn để ông Bao Công xử kiện,
Cái chùa Hoài Thiện có bao kẻ tu hành?
Ớ bạn mình ơi!
Chim kêu ríurít trên nhành,
Qua không bỏ bấu, sao bấu đành bỏ qua.

Hồ đồ (Ninh Thuận)

Bậu để chế¹ cho ai, xe hai cho anh một nửa,
Bậu để chế cho chồng, anh nhúm lửa đốt đi.

Nàng ngồi đầu chợ bán cau
Anh muốn vào xin chút ngãi² lại sợ đau dạ nàng.

Em nghiêng tai trước gió
Anh kể nhỏ cho em rành,
Lác giâm thì lúa cũng giâm,
Anh nói với em nhiều tiếng thâm trầm,
Nằm đêm nghĩ lại nát bầm lá gan
Xưa kia anh ở đồng làng,
Tại anh chậm bước nên nàng đi xa.

¹ Để chế: để tang.

² Có người hát: muốn xin chút vú, sợ đau dạ nàng.

Hồ già với
(Quảng Nam)

*Ngó lên lửa cháy núi lan,
Bạn ơi! Khoan đã lửa tàn hãy hay.*

*Cầm thương con gái đường bao,
Đêm khuya thức dậy lao xao đêm bàng.*

*Ai đến đây thì rượu thịt, bánh bò,
Ai ca tôi ca với, ai hò tôi hò chơi.*

*Ra đi anh có dẫn dò,
Rộng sâu cây trước, ruộng gò cây sau¹*

*Thấy anh hay chữ, em thử hỏi đôi điều,
Thuở xưa ông vua Thuấn cày trâu hay cày bò?*

Hồ già với
(Quảng Ngãi)

*Rửa chân cho sạch,
Bước lên con ngựa bạch,
Nó chạy qua kiều (cầu)
Thấy em đau khổ chín chiều ruột đau.*

Gặp lúc trăng thanh gió mát

¹ Câu này cũng phổ biến ở ngoài Bắc.

*Thú vui nào bằng thú hát huê tình¹
Này bạn mình ơi!
Trời xuôi hội ngộ hai đứa mình gặp nhau.*

*Khoai lang ba tháng bảy vòng
Thương em quá bộ đặng đồng đến đây
Hãy ráng nghe anh ngỏ lời này
Cái duyên giải cứu² ai bày mà nên.*

*Sợ đó nghĩ ngợi chưa ưng
Chớ đã ưng thì anh mừng biết mấy
Hễ thấy thương em như vậy, tất cha mẹ cũng phải
thương cùng.*

*Ba với bảy, anh tính ra một chục
Tam tứ lục, anh tính lại cửu chương
Liệu bề đất được thì đơm (đan)
Đừng có gầy³ rồi bỏ, thế thường cười chê.*

Hồ kéo vải **(Bình Định)**

*Chữ rằng xuân bất tái lai⁴
Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn,
Mặc ý ai nay lựa mai hàng,*

¹ Hát giao duyên giữa nam và nữ.

² Duyên giải cứu: duyên vợ chồng.

³ Lúc bắt đầu xếp nan đan.

⁴ Xuân không trở lại.

*Xin anh đừng có phũ phàng vãi bỏ (thô).
Thân em như rau muống thả dưới hồ,
Nay chìm mai nổi, biết ngày mô cho thành?*

*Con chim xanh xanh,
Nó đổ nhánh cũng xanh xanh,
Can chi nó đổ một nhánh hai con.*

*Gá duyên bạn lạ cho ngon(?),
Tình chàng với thiếp như con một nhà.
Tỷ như chim nhận ăn xa,
Ngày thì nó đi ăn xiêu lãng¹, tối đến cội hoa tìm về.*

*Chim khôn kêu tiếng rảnh rang.
Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe.
Bóng trăng ngả lộn bóng tre,
Chàng ơi đừng lại mà nghe em thề.
Vườn đào, vườn lựu vườn lê,
Con ong kia bắt nguy, nên con bướm xê ra ngoài,
Chàng về nghĩ lại mà coi,
Nỗi tâm tình em ở, gương soi nào bằng?*

Hồ leo dốc **(Phú Yên)**

*Vì ai tam tứ núi anh cũng trèo,
Ngũ lục sông cũng lội, cửu thập đèo cũng qua²*

¹ Dây đó.

² Câu này phổ biến trong ca dao ngoài Bắc.

Núi sao cao vậy núi ơi!
Núi che mát cả mặt trời, chẳng thấy người yêu¹

Hồ già đậu (Phú Yên)

Kìa con chim chìa vôi, nó bay qua đám thuốc
Ấy con cá bã trầu, nó lội tuốt mương cau.
Sao con chim quên nó đại lắm, nó chẳng khôn
Sơn lâm không đậu, đi đậu còn cỏ may.
Bụi cỏ lau khô, sâu ai đã dợt
Thỏ núp lùm này, chờ đợi bóng trăng.

Hồ già gạo (Nam, Ngãi, Bình, Phú)

Ai trắng như bông lòng trời không chuộng
Người đỏ đen giòn, làm ruộng tôi thương
Biết rằng dạ có vẩn vương
Để tôi cấy mỗi tìm đường sang chơi
Ngó lên rượt lưới phơi đòn²
Hỏi ai bên nớ, sánh cùng được chăng?
Tóc tơ kết nghĩa đá vàng!

¹ Câu này cũng phổ biến trong ca dao miền Bắc.

² Dân chài thường chống cọc, rồi mắc lưới lên để phơi.

Cầu Ô Thước trăm năm giữ vẹn
Sông Ngân Hà giữ trọn đường phai
Sợ em ham chốn tiền tài,
Dứt đường nhân ngãi lâu dài bỏ anh.
Trồng chanh đắp nắm cho chanh!

Xay lúa giã gạo ăn mai,
Bữa qua em đi cấy, bữa mai anh đi cày.
Thợ cấy làm bạn với thợ cày,
Để cho thợ mạ khóc ngày khóc đêm¹

Hồ xay lúa, hò đi cấy

Rao hò:

- Hò chơi bên gái bên trai,
Xin cùng cô bác đừng ai nghi ngờ,
- Em đến đây xứ lạ quê người,
Rủ hò vui miệng, chớ cười lời thô.
- Gặp nhau một chút nên duyên,
Xin mời bên đó cất lên cùng hò.
- Nghe đồn tiếng gái thuyền duyên
Rủ hò cho thấy nhơn tiền thiệt (thật) hư.
- Xin rằng cô bác đừng ngờ,
Dăm câu hát góp, cùng hò cho vui.
- Tôi người lữ thứ tha hương,
Muốn gây nhan ngãi rủ nàng hò chơi.

¹ Câu này phổ biến ở nhiều nơi.

Vào hò:

- *Làm người có vợ có chồng
Mấy ai mà chịu phòng không một mình*
- *Hữu duyên chẳng quản đường xa
Vô duyên dẫu ở một nhà chẳng nên*
- *Trăm năm gửi tấm lòng bền
Trọn đời tôi quyết chẳng quên mặt nàng*
- *Thương nhau sắm lễ đem sang
Theo chi phường trăng gió thế gian chê cười*
- *Vàng ròng nào sợ lửa mười
Miễn là đừng tiếng, anh thời về lo*
- *Nguyệt bà xe lạc mối tơ
Đôi ta chẳng nợ, nào chờ ích chi*
- *Nghe lời em nói sầu bi,
Lòng anh sợ mộ, còn gì mà trông*
- *Chẳng chồng ở vậy cho xong
Phu thê thêm bận, lại e không đừng tròn*
- *Lời thề chẳng có nước non,
Vàng tan, ngọc nát vẫn còn thương nhau*
- *Biết aiặng gửi má đào
Biển sông dễ lượng, lòng sâu khó dò*
- *Em đừng có dạ nghi ngờ
Anh đây nào phải như đồ trắng hoa*
- *Làm trai một tiếng nói ra
Chớ nên sai hẹn đôi ta buổi này*
- *Chỉ mong loan phượng sum vầy
Để nào mà lại vội phai tác lòng*
- *Thấy anh kinh sử làm thông
Cho nên mới kết giải đồng cùng anh*

- Anh đây thật đáng trai lành
Chẳng thềm theo thói Sở Khanh phụ nàng
- Lời anh cầm quý hơn vàng,
Khiến em nhiều lúc mơ màng nhớ thương
- Có đôi, sao chưa nói tôi tường,
Kẻo lắm, vô phá cang thường không nên,
- Hỡi nào nhẩn xuống nhẩn lên,
Bây giờ tôi đứng một bên chẳng nhìn.
- Ngó lên trông thấy tượng hình,
Khen ai khéo tạc tui¹ mình đứng chung.
- Cây cao gió thổi lá rung
Nghĩ nhau hòa huyết uống chung mà thề
- Thăm em một chút anh về,
Đàng tràng diêu vợi, lo bề mẹ cha
- Về nhà phụ mẫu rầy la,
Mình mà đong đi đổ lại, ắt là xa nhau
- Từ khi mình ốm mình đau,
Em bắt con cá nhỏ, em nấu canh rau cho mình.
- Bông xứng bông, bình lại xứng bình,
Mực tàu xứng viết, đôi lứa mình xứng đôi
- Tôi yêu mình chắc lắm mình ơi!
Tôi không có để lời thôi mà sầu.
- Hỡi nào một gôi đôi đầu,
Bây giờ bỏ thăm bỏ sầu cho ai!
- Dầu cho trăm đắng ngàn cay,
Quyết sao nên việc, đó đây cang thường.
- Khoát màn bước thẳng lên giường
Bởi thương anh nên phải tìm đường gần anh.

¹ Tui: tôi (tiếng địa phương).

- Miễn cho giai ngẫu đặng thành,
Dẫu rằng vạn tử, nhất sanh chẳng rời.
 - Tôi than vãn đã hết lời,
Tôi đâu phải kẻ chơi bởi ong hoa
 - Ngày nay đã chắc đôi ta,
Minh về thưa lại, mẹ cha đặng mừng
 - Kiếm tiền mượn xóm ở chung
Ở cùng cha mẹ xin đừng xuống lên
 - Loan phòng khép cửa đợi duyên
Thế nào cũng nguyện cho nên vợ chồng.
-
- Nhiều người một mặt hai lòng
Nói thì như vậy chứ không giữ lời
 - Em đừng nghi ngại em ơi!
Lòng anh chứng có đất trời thấu tri
 - Chớ thề chớ thốt làm chi
Miễn là lời hứa nhớ ghi cho bền
 - Chứng cùng thiên địa đôi bên
Nỡ nào ở bạc mà quên cho đành.
 - Thương sao, thương mặt, thương đành
Hay là căn nợ để dành cho tôi
 - Phụ mẫu già để lại tôi nuôi
Bấy lâu cam chịu cui côi² một mình
 - Vô duyên thác trước trọn tình
Phụ mẫu rằng: "Bởi sâu mình thác oan!"
 - Minh sâu còn chổ thờ than
Tôi sâu chẳng khác nhan tàn đêm khuya

² Cui côi: côi cút, lẻ loi.

- Cá bả trâu ăn bọt thia thia
Đôi ta thương chắc, phân chia tại trời
- Đêm khuya thơ thần mình tôi
Ruột bầm gan tím vì lời mình than
- Đàn kêu cống, xự, hò, xang
Lòng tôi thương bạn, biết chẳng bạn vàng?...

- ... - Tay bưng quả nếp vô phòng
Đèn hương đôi ngọn, chữ bá tòng cầu hôn
- Chữ rằng học hỏi vô môn,
Sang giàu dễ kiếm, người khôn khó tìm.
 - Tàu ra khơi, phải đá tàu chìm,
Đôi lứa ta sợ nổi không trọn niềm phu thê
 - Hiu hiu gió thổi bờ đê,
Cửa nhà em bỏ phế, em mắng mê lời mình.
 - Đón ngang đường tắt, hỏi gặt chung tình,
Liều xa mai tại nhận, tôi xa mình tại ai?
 - Cây oăn vì bởi trái sai,
Xa nhau vì bởi ông mai ít lời.
 - Phải chi lên được trên trời,
Để xem căn số đổi đời về đâu?
 - Phải hôm đó chẳng kết bầu¹
Kết bầu một thuở chịu sầu ngàn năm...
- ... Nghe anh than, tôi cũng buồn theo,
Vợ chồng duyên vẫn có bao nhiêu ngày
- Người dẫu xa, nhân ngãi đừng phai,
Tử sanh chẳng đổi, duyên hài lứa đôi.

¹ Kết bầu: kết giao.

- *Liệu bề duyên nợ đã rời,
Đừng ra sông Cái thả trôi như bè...*

Kết hò:

*Giã anh ở lại, tôi bước ra đi
Mai ngày hội ngộ, ước gì lại được thỏ than
Mảng hò qua lại, nay đã trở canh gà,
Trời đã hừng sáng, em xin về nhà nghỉ ngơi*

*Đằng đông hừng sáng mất rồi
Xin chào cô bác, già người tôi thương.*

*Xin đừng ai nghĩ vấn vương
Hò chơi chồng vợ, chờ chờ mà oan.*

Hò đẩy che mía¹
(Quảng Ngãi)

*Đường xa tôi mới tới đây
Xem trăng chưa tỏ, nhìn mây chưa tường
Có câu "kiến nghĩa tắc nhường"²
Tới đây phải kính phải nhường các huynh
Rời chân ra chôn lê (huê) đình
Để xem người bạn cũ có nhớ mình hay không?*

*Nào những lúc cùng nhau chung chạ
Bởi vì nàng khú dạ lâm bi
Xưa nguyên hai chữ tri tri*

¹ Che mía: dụng cụ ép mía để làm đường.

² Nghĩa là gặp bạn thì nhường bạn.

Ai khiến vật li di trở
Mỗi vương vấn, trăm năm còn nhớ
Điều ân tình không thuở nào quên
Xa nhau lần tính thâu đêm
Tương tư hoài vọng mà rên hủi hoài
Liều buồn liễu khóc với mai
Mai buồn sâu nảo lạc loài chim bay
Chim bay còn sợ gió lay
Tư lương đồ vật mỗi ngày mỗi trông
Ước sao đặng vợ đặng chồng
Kìa lân gặp mặt, án rông kê mi
Để chi thương nhớ nhiều khi
Khó ăn, khó ngủ, khó đi, khó nằm
Vắng mặt nàng một bữa hình tựa¹ ba năm
Mất buồn tuôn lệ ruột tằm héo hon
Lá gan ai vọt² nên mòn
Đương ăn nửa bữa, khóc ngon khóc lành
Vì ai kiến nợ xa càn
Đương ăn nửa bữa, ngồi khoanh tay sầu
Ước sao cho thỏa tình đầu,
Đây buồn, đó buộc, chuỗi sầu đây mang.

Nhớ ai bằng nhớ bạn vàng
Nhấn nhe không thấy, dạ càng thương thay
Đêm nằm rời rã chân tay
Ngày thời than thở,
Dẫu sao cũng có duyên, có nợ,

¹ Hình tựa: như thế.

² Vọt: bóp.

Đôi đưa mình quên nghĩa cật giao
Nhớ khi thuốc đãi, trầu trao,
Dám đầu giỡn nguyệt, vờn đào, chơi hoa
Nhớ khi kê gôi giao hòa,
Trên bờ sông lạnh, mình qua với nàng
Nhớ khi nàng thở, nàng than,
Nàng nằm, qua bắc cảng gác ngang qua mình
Năm chiêm bao tưởng nhớ bạn vàng đến thăm
Cùng nhau hun (hôn) má hun cằm,
Mộng hồn tưởng tới nàng nằm bên qua
Trực nhìn mở mắt trông ra¹
Nàng đâu trông thấy, úi chu cha là buồn!
Sáng ngày than khóc luôn luôn
Láo lư mây mặt ra tuồng đại diện
Để chi đó thăm, đây phiền,
Bây giờ gặp lại bạn hiền tính sao?

Hồ giết chi (Quảng Ngãi)

Ra đi sóng biển mịt mù
Trời cho lưới nặng, dõ hò kéo lên
Sáng mưa, trưa nắng, chiều nồm
Trời còn ở vậy hướng chi mồm thế gian

Sông sâu nước đục lơ đờ
Bạn về bên ấy, bao giờ bạn sang?

¹ Có người hát: Giết mình mở mắt...

II. LÝ

Lý con tầm

*Đã mang lấy cái thân tầm
Không vương tơ nữa cũng nằm trong tơ
Đêm nằm tơ tưởng tưởng tơ
Chiêm bao thấy bậu, dậy sờ chiếu không.*

Lý con cá

*Ví dầu cá bóng hai mang
Cá trê hai ngạnh, tôm càng hai râu
Ví dầu dạ thăm lòng sâu
Thuyền đâu có nhớ bến, chớ bên rầu, bến thương.*

Lý con ngựa

*Sông sâu ngựa lội ngập kiều (cầu)
Dấu anh ở bạc, cũng còn nhiều nơi thương
Phụ đây, đây cũng chẳng lo
Cầu gãy còn đờ, giếng cạn còn sông.*

Lý con quạ

*Ai mua con quạ bán cho
Đen lông đen cánh, bộ giờ cũng đen¹.*

Lý con sáo

*Ai đem con sáo sang sông
Cho nên con sáo sổ lồng bay xa².*

Lý cây khế

*Trèo lên cây khế mà rung
Khế rụng đậm đùng³ khế ngọt khế chua
Em về, anh gửi một trái khế chua.*

Lý cây chanh

*- Chừng nào muối ngọt, chanh thanh
Em đây mới lãng bỏ anh đi lấy chồng
- Trên trăng dưới nước, anh giao ước một lời,
Dầu trăng lờ nước cạn, anh mới rời phụ em.*

^{1,2} Những câu này cũng phổ biến ở nhiều nơi.

³ Đậm đùng: từng đợt một.

Lý chiêu chiêu

*Chiêu chiêu ra đứng ngô trông
Ngô thì thấy ngô, người không thấy người¹.*

Lý lạch

*Không đi thì thăm thì thương
Có đi thì mắc cái mương, cái cầu
Không đi thì thăm thì sầu
Có đi thì mắc cái cầu cái mương.*

Lý thiên thai

*Ngó lên hòn núi Thiên Thai
Thấy đôi chiền chiện ăn xoài chín cây².*

Lý qua trướng

*Một mai mai một ngó chừng
Ngó trướng trướng rậm, ngó rừng rừng sâu.*

Lý ba cô

*Ngó lên hòn đá, có lá tía tô
Ngó xuống xóm Bụt, có ba cô chưa chồng.*

¹ Câu này cũng phổ biến ở dân ca miền Trung và miền Bắc.

² Câu này có nhiều nơi hát.

Lý thương nhau

I

*Thương nhau trường đoạn, đoạn trường
Lụy lưu, lưu lụy, dạ đường kim châm¹.*

II

*Thương em thương đã quá chừng
Trèo đèo quên mệt, ngâm gừng quên cay².*

III

*Nhớ ai ra ngẩn vào ngơ
Nhớ ai ai nhớ, bây giờ nhớ ai?
Nhớ ai lòng những bồi hồi,
Như đứng đống lửa, như ngồi đống than.*

Lý nhẩn nha

*Anh về bút đậu bút cà,
Để em đi chợ kéo mà lỡ phiên
Chợ lỡ phiên tốn công, hại của,
Miệng thế đời, người rửa sao nên
Lấy chồng phải gánh giang san
Chợ phiên còn lỡ, giang san còn gì.*

^{1, 2} Các câu này có nhiều nơi hát.

Lý bơ thờ¹

*Vườn có chủ, giữ gìn cây có chủ,
Hoa có rào, ngăn đón bướm ong vô
Hỏi ai chờ quá bơ thờ,
Đừng có quen đường cũ bước trở gầy chân²*

Lý tiếng đồn

*Xa xôi chi đó mà lắm,
Phải hương hương bén, phải trầm trầm thơm
Anh đừng suy nghĩ thiệt hơn,
Lắng nghe em gảy tiếng đàn tri âm.*

Lý trách bạn

*Trời xanh non nước cũng xanh,
Đố ai biết đặng nhân tình éo le
Đường trường khúc khuỷu đi về
Bởi say nét bậu, mệt mề tình qua
Đường gần, sao bậu lại nói đường xa
Xa thời xa, chờ rứa mà đi không mấy lát
Ngán cái nôi nhân tình tráo trác nên nôi mà xa³*

¹ Bơ thờ: lang thang.

² Bước trở: bước trật.

³ Tráo trác: tráo trở, lật lọng.

Lý trách phận

Trời mưa vẫn vũ
Tình cũ xa rồi
Lấy đâu nương tựa lần hồi tấm thân
Trách ai tham phú phụ bần.

Trắng da vì bởi phẫn dôi,
Đen da vì bởi em ngồi chợ trưa
Buổi chợ trưa, em ngồi em ngóng
Sao nghĩa đôi mình lóng đống anh ơi!¹

Lý chơi xuân

Rủ nhau các ả thuyền duyên,
Đánh quần đánh áo phút liền đi ra
Một đoàn tím tía chói lò
Yếm hồng, khăn thắm coi đà xinh thay
Này tau, này ả, này mi²
Này em, này chị, này dì, này o.
Cùng nhau hát hát hò hò,
Chơi trăng cột gió, ngõ cho thỏa lòng.

Lý hoài xuân

Tiếc công anh đào ao thả cá,
Ba bốn năm trời, người lạ tới câu
Tiếc công đóng giá, chờ gầu,

¹ Lóng đống: trắc trở.

² Tau: tao, tôi.

*Đó nghe ai sợ khó, tham giàu phụ anh
Tiếc công xe sợi chỉ mảnh,
Nói ba bốn lần chẳng đặng, bất thành thì thôi.*

Lý Đồng Nai

*Gạo dàng ngoài, một tiền bảy chén
Gạo dàng trong, một chén bảy tiền¹
Anh không tin anh về Đồng Nai ruộng liền ngó coi
Có quân tập trận, có chòi bắn bia
Con ngựa hồng mao, mao tiền mao hậu, hí hí hí hí
Cái quan võ thần đầu đội mũ mào, súng vác trên vai,
dùng rụp rụp
Tay cầm giáo, cầm vô, cầm dao phay, cầm mác lờ,
Cầm thành rựa, cầm rựa búp, dao bẫy đập, hết cầm.*

Lý đánh cờ

*Nằm nhà nghĩ nhớ cựu giao,
Nhớ khoan nhớ khoái, nhớ sao vô hồi
Tối rủ anh em bạn tới nơi,
Lấy bàn cờ tướng đánh chơi giải sầu.
Sắp rồi vô nước pháo đầu
Lên con mã đối, chấp lâu xe hoành
Tốt biên để đó thủ thành,*

¹ Có người nói dàng ngoài là Đồng Nai, dàng trong là Nam Bộ, ý nói gạo Đồng Nai vừa ngon vừa rẻ; có người nói đây là kiểu hài hước pha trò, kín đáo giới thiệu Đồng Nai gạo vừa nhiều vừa rẻ.

Tốt đầu giục tôi, lẩn giành qua sông
Rộng đồng lên ngựa thẳng xông
Bay bờ qua chặn, sĩ đồng ghềnh lên.
Xe đi liên tiếp hai bên
Pháo lòn vô giữa, vọt lên tướng liền
Lần lần tay giục tốt biên
Ngựa đi nhiều nước, chân tiền nhập cung
Bên kia tướng sĩ lũng bùng
Phần thì sợ nước pháo trùng song xa
Phần thì sợ tốt giục qua
Nhập cung, chiếu tướng vạy mà bó tay
Lẽ gì cờ thắng vui thay,
Cớ sao nước mắt chảy ngay bàn cờ
Cũng vì nhớ bạn hồi giờ
Nay đây gặp mặt làm ngơ sao đành.

Lý đàn lờ

Anh về tìm vợ con anh,
Lá rụng về cội bỏ nhành bơ vơ
Tiếc công dất nửa, đàn lờ,
Để cho con cá vượt bờ nó đi.¹

Lý dật vãi (hoặc dật chiếu)

Em đương dật chiếu hồi văn,
Nghe anh có vợ, em quăng con chuỗi²

¹ Câu này cũng phổ biến ở nhiều nơi.

² Dụng cụ để đàn chiếu, gần giống con thoi.

*Em đương vút¹ nếp thổi xôi
Nghe anh có vợ, thúng trôi, nếp chìm.*

Lý vãi chài

*Tay cầm cái dất nắm nan
Vừa đi vừa dất, vừa đan cái lờ
Trách ai ăn mít bỏ xơ,
Ăn cá bỏ lờ, ở dạ bạc đen
Ngồi buồn rọc lá gói nem,
Cô chị trốn mất, cô em tôi hò
Ngồi buồn rọc lá gói giò,
Cô chị trốn mất, tôi hò cô em.*

Lý hoa thơm

*Hoa thơm nở văng trên dèo
Kẻ chọc người khoèo, chẳng đặt một bông
Ở người đứng giữa thình không!
Tự nhiên mà gặp, một bông hoa lài
Bông hoa em yếm yếm (?) còn gài,
Em đây chưa bẻ cho ai một cành
Thương anh em bẻ cho anh,
Về nhà, mẹ hỏi rằng nhành hoa đâu?
Đại chi em nói hoa nào,
Hoa nở giữa đàng, con bẻ con chơi*

¹ Vo gạo, xúc gạo.

*Chơi hoa cho biết mùi hoa,
Cầm cân cho biết cân già cân non.*

Lý hái hoa

*Ong phát nhiều, bướm lảng quăng
Mai hơ hớ, trau dồi vóc ngọc,
Cúc hây hây, trang điểm nhụy vàng
Vô tình lòng xuân còn hờn hở
Hữu tình nhân, dạ nọ lưu lảng
Người với cảnh, tương câu ái mỹ¹
Cảnh với người, ngời chữ phong quang²
Vín hái nhành kia trái nọ,
Lại sờ trong nụ lẫn ngoài bông
Nghĩ sao quẩn quít ruột loan,
Đã phai màu nguyệt, lại xoàng màu hoa
Ngài nhân cũng muốn dần dà,
Song le còn ngại việc nhà chưa xong
Ngập ngừng từ già bướm ong
Ngắm trong tình tứ mặn nồng chẳng phai
Giữ sao cho vẹn hòa hai,
Thuyền câu lơ lửng, thuyền chài lơ lửng lơ
Thuyền câu lơ lửng đã xong,
Thuyền chài lơ lửng giữa dòng khá thương.*

¹ Yêu mến cảnh đẹp.

² Sáng sủa, rộng rãi.

Lý lên chùa

Tôi lên trên chùa,
Thấy bốn kiếng chùa chạm bốn con giao
Hai con giao lá, hai tòa giao sen
Bốn kiếng chùa chạm bốn lòng đèn,
Hai lòng đèn sáp, hai lòng đèn quay tơ
Bốn kiếng chùa chạm bốn bài thơ
Hai bài thơ thủ, hai bài thơ ngâm
Bốn kiếng chùa chạm bốn con rồng,
Hai con rồng lộn, hai rồng lên mây.
Chùa này sao vắng ông thầy¹(?)
Vắng hòn đá tảng, vắng cây ngô đồng
Chùa này quay trở về sông
Đá tảng cũng ngả, ngô đồng cũng xiêu
Nhớ thương ai trông ngóng những chiều.

Lý bắt bướm

Dang tay bắt bướm đậu hoa,
Bướm bay đâu mất, bỏ hoa một mình
Làm vậy há dễ tức mình,
Sáu chị em mình, chẳng biết làm răng.
Tư bề tường vách cấm ngăn,
Ông bay bướm lượn, đái đàng mùi hoa.
Để coi xem bướm giỡn hoa,
Giỡn hoa xong lại giỡn tà áo anh.

¹ Những câu này cũng phổ biến ở nhiều nơi.

Bướm vàng, bướm trắng, bướm xanh,
Bay qua lượn lại, quẩn quanh vườn đào.
Bướm lớn, bướm nhỏ lao xao
Tung tăng vườn đào, hút nhụy, đùa hoa
Nói cùng sáu chị em ta,
Dang tay bắt bướm, động hoa rung cành.

Lý vẽ rồng

Vẽ rồng khôn vẽ đặng vi (vây)
Biết người biết mặt, nào ai biết lòng
Thương không em, nói thiệt cho ròn¹
Chiêm bao anh cũng xui lòng nhớ thương
Chuỗi sầu ai khéo vấn vương
Gặp nhau một thuở, nhớ thương ngàn ngày
Lại đây anh bắt lấy tay,
Dặn dò sau trước, nghĩa này chớ quên
Vì đâu mà bạn chẳng nên,
Phá chuông đức tượng, ai đền công cho?

Lòng sông, lòng suối dễ dò,
Nào ai bẻ thước mà đo lòng chàng
Đó đây biển rộng khôn toan,
Lưng, vơi² thiếp cũng đưa chàng một phen

Không quen lên xuống cho quen,
Sợ e lòng đó tham đèn phụ trắng.

¹ Rõ ràng.

² Không có mấy, ít.

Một mai áo chẳng xứng khăn,
Anh có nơi khác, đón ngăn đặng nào.
Trên trời có một vì sao
Chỗ quang chẳng mọc, mọc vào đám mây
Thôi thôi thế vậy thì vậy,
Ngửa nghiêng mặc thế, lưng dày mặc ai.
Trên trời có một sao mai,
Đồng hồ khiến chuyển, thương ai dậy, ngời.

*Lý thuyết ai*¹

Thuyền ai chèo giữa bốn gành (ghềnh)
Bớ thuyền đừng lại cho anh đi nhờ.
Còn ai ăn nói phỉnh phờ,
Thuyền em chạt lăm đi nhờ chẳng đặng đâu
Miệng hỏi tay bắt lấy sào,
Rửa chân cho sạch bước vào mui sau
Chờ cho đèn tắt lửa vùi,
Lái bạn ngủ hết, còn tui với nàng
Nàng ơi! Thức ngủ chi nàng,
Ngồi dậy anh kể chung tình nàng nghe
Sự tình nàng chẳng kịp nghe
Trách gà trống tía, te te gáy hoai
Trách trời sao vội sáng mai,
Để duyên lơ lửng, chịu bài dở dang
Trống tâm vòng, ai vỗ bập bung,
Làm cho con sít lội sông đi tìm

¹ Trong bài này có một số câu gần giống dân ca miền Bắc.

Sớm mai con mắt lim dim
Chân đi thất thểu như chim tha mồi.

Lý nước đứng¹

Nước đứng mà đừng chậu thau,
Tiếc mâm sơn tử² đơm rau thài lài
Tiếc em da trắng tóc dài
Cha mẹ ép gả cho người phàm phu
Mình vàng xuống tắm ao tù,
Người khôn ở với đứa ngu bực mình
Qua đình nghiêng nón trông đình,
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu
Khi nào nước đục cơm thiu,
Chồng con chưa mấy, bỏ liều cho ta
Trông em chẳng thấy em ra,
Anh ngồi anh đợi sương sa lạnh lòng
Đêm nằm cời áo đắp chung,
Sao em không đắp lại vùng áo đi?
Thương cha thương mẹ có khi,
Thương em kíp thuở kịp thì xuân xanh
Bữa cơm có cá với canh
Sao không mát dạ, vương anh làm gì?

¹ Trong bài này có một số câu gần giống dân ca miền Bắc.

² Có người hát: "Tiếc mâm sơn phải đơm rau thài lài".

Lý chia tay

Xấu bát đĩa, đồ ăn cũng vậy,
Tốt bát đĩa, đồ ăn cũng vậy
Ở chòm xóm nay nhờ mai cậy,
Anh chớ đi đâu mà bỏ lại em.

Lý vọng phu

Trên trời có đám mây xanh,
Chính giữa mây trắng chung quanh mây vàng¹
Ơi là tình phụ tình phàng,
Chừ là duyên chi lắm bấy
Chừ cái dạ em trông chồng, mà không thấy chồng đâu
Ơi ông chồng, chồng mình ơi!
Chi mà tẻ, tẻ lắm chàng!
Chi mà bạc, bạc lắm chàng!
Chừ nín, nín đi con, con ơi con hỡi là hỡi con hỡi!
Thiếp nhắn một lời,
Xin chàng chớ có quên.

Lý năm canh²

Canh một thơ thần vào ra,
Chờ trăng trắng xế, chờ hoa hoa tàn
Canh hai thấp ngọn đèn loan,

¹ Hai câu này rất phổ biến ở ngoài Bắc.

² Trong bài này có những câu phổ biến ở nhiều nơi.

*Chờ người thực nữ thở than đôi lời.
Canh ba đang nói đang cười,
Còn hai canh nữa mỗi người một phương
Canh tư chấp bút thề nguyên,
Khử lai minh bạch¹ cho tuyền thủy chung
Canh năm cờ phát trống rung
Qua gá tiếng cùng, bậu chớ nghe ai.*

Lý quân canh²

I

*Anh toan thể thoát nàng hay,
Chim đậu không bắt, lại bắt chim bay giữa trời
Giữa trời có đám mây xanh
Hai bên cha mẹ không đành thì thôi
Áo anh, em bận (mặc) lấy hơi,
Nón anh, em đội che trời nắng mưa
Cải non ai khéo làm dưa
Chồng bậu để (bỏ) bậu, hay bậu chưa có chồng?
Xem lên hòn núi tang bồng,
Con gái chưa chồng, quan huyện đóng trấn³
Hỏi nàng có lấy tau (tao) chăng?
Tau thưa quan huyện mở trấn cho nàng.*

¹ Đi lại rõ ràng.

² Loại lý quân canh này thường có tính chất châm biếm, khôi hài, nhiều đoạn chúng tôi chưa hiểu nghĩa thế nào.

³ Nghĩa là trời chặt vào cọc. Có người hát là trăng.

II

Cheo leo nước đỉnh non bông
 Kìa am Võ Khách (?), nọ vùng Mao Tiên (?)
 Bỗng thấy thuyền quyên, khiến cho anh râu rĩ,
 A, thôi đi nà, bực lắm nà, da diết lắm nà
 Nuốt ức xong cái chung tình từ xưa cho đến nay
 Kìa kìa! Ngọn đèn ai thấp hướng tây,
 Một ngọn đèn chong
 Hai ngọn đèn chong
 Ba bốn ngọn đèn chong,
 Ngó vào trong lặng phất (ngắt) ngó ngoài này xơ rơ¹
 Tình bằng thì giữ trong cái ba ta (?)
 Lo bề quân lính kéo mà nát lưng.

III

Riêng than đất chín, trời mười
 Cây khô há dễ nảy chồi đơm bông
 Trên cây kiêu mộc đợi trông,
 Dưới cây kiêu mộc cũng đợi trông
 Gió đưa lắt la lắt lẻo, trật trà trật treo,
 Cành mai lúc lắc, ngọn cây tùng xơ rơ.
 Có câu:
 "Nam đáo nữ phòng, nam tắc loạn,
 "Nữ đáo nam phòng, nữ tắc dâm"²
 Dầu lòng sinh tử, bất sinh tâm³

¹ Xơ xác, tiêu điều.

² Nghĩa là trai vào buồng gái ở thì sinh loạn, gái đến buồng trai tất có ý dâm.

³ Nghĩa là sinh con mà không sinh tính.

*Sinh con há dễ sinh lòng chổn khôn
Ai tăng con cù (?) nó mọc sừng,
Đến khi nó hóa cái gạc, vầy vùng làm mưa.
Biết đờ có khỏi nhau chưa?
Đặt tay lên dạ lại lừa tay đi.*

Lý vui nên phải hát

*Khi đầu thiệp tính đi về,
Bây giờ thiệp phải liệu bề ra đi
Khi hồi thiệp tính đi ra
Bây giờ thiệp phải liệu bề đi lui
Kêu chi ai hồi là ai!
Thân này dạ chịu lạc loài thì thôi
Khen ai miệng mật khéo dôi,
Cắt lia ân ái như mài lưỡi gươm,
Trách ai đặng cá quên nơm,
Đặng chim quên ná, mai hôm khác lòng
Giận ai chưa thoát khỏi vòng,
Đem dây thối đứt¹ lại tròng vào lưng
Thương ai công khó nửa chừng
Trăm năm rơi lụy, tang thương một giờ.*

¹ Tức là dây mơ trơn.

MỘT SỐ ĐIỀU LÝ
SỬ DỤNG NHIỀU TRONG TUỒNG

Lý quốc ngữ (?)

Găm trong quốc ngữ đặt chơi,
Đối đi đáp lại những lời gió trắng
Dặn lòng vàng đá khăng khăng
Ba thu cùng đợi, chín trăng cùng chờ
Hỏi người liễu yếu đào thơ!
Kết cùng chúng bạn, để chờ nơi nao?
Ngọc lành ai dễ bán rao,
Giá thấp thì bán, giá cao lại cầm
Đừng nghe thế sự mà lầm,
Phải giá hãy bán, để cầm làm chi
Rời chân xuống chốn trường kỳ,
Rồng che ánh tiết (?), hạc quỳ đôi bên
Ngó qua hòn núi Đồng Môn,
Thấy quân lính lạ đóng đồn, mặt mũi đỏ gay
Sa chân xuống đám cỏ may
Hổ cùng chúng bạn, trời hay chăng trời!

Lý bán quán

*Thân tôi bán quán giữa đường,
Kẻ đi qua, người đi lại,
Nào đàn ông, nào đàn bà, nào bà già, nào con nít,
Kẻ đi buôn, người đi bán,
Kẻ đi lính, người đi tráng,
Ai qua cũng phải đều thường vô ra
Quán tôi bán hết đủ, là:
Thịt heo, thịt chó, thịt gà,
Cơm canh, trà rượu, bánh khô, bánh nổ,
Bánh phở, bánh mật, bánh đường,
Chè lam, khô khạo¹ trầu cau, thuốc giấy,
Khoai lang, đậu phụng (phụ) găm đà thiếu chi
Ăn rồi chú bỏ chú đi
Đòi tiền chú không trả
Tôi đòi nịu, tôi đòi kéo,
Chú lại nói láo, nói léo
Chú đòi đập đập, đá đá, đòi phá quán tôi đi,
Nghĩ chú đà ngang chưa!*

Lý mục hẹ

*Tôi ở ngoài Sài, ngoài Sông, chợ Nong, chợ Nia²
Ông Xă đi, ông Xă cười tôi mình tinh giai triệu³*

¹ Khô khạo cũng là tên một loại bánh.

² Thuộc Quảng Nam. Bài này thuộc loại châm biếm, đả kích.

³ Minh tinh, giai triệu: đồ dựa lỉnh.

Bài đăng công bố mà tôi chả có nghe,
Tôi nghe cụ tiếng to tiếng nhỏ,
Giọng kèn giọng quỳnh, tù ti tút tit, tù ti
Tôi về cùng cụ, tôi chưa làm hư làm hao,
Làm bé, làm đồ chi mà cụ đánh sập đánh ngửa,
cho thẹn thùng thân tôi...

Lý trách duyên

Tôi trách cái duyên, tôi than cái phận,
Chẳng biết vì căn hay vì số, căn số ấy về đâu?
Cho nên tôi giận, tôi dỗi (giỏi), tôi tủi hổ
Tôi cắt thân ra đi làm ri,
Bỏ hai con đại lại, chịu cơ hàn nắng mưa
Bạc chi rửa hủ?
Bạc ấy mần răng, chàng khéo bằng sương
Chưa nồng tình đã lợt, chưa ơn vội thù
Miên man góc biển ven trời,
Những người trong thiên hạ, thiếp dám hỏi chớ đâu
người tri âm?
Buồn riêng thối lại tủi thâm,
Một duyên, hai nợ nên lằm láy nhau!

Lý kêu đồ

Kêu đồ mần răng mà chẳng có thấy đồ thừa,
Càng chờ càng đợi, càng trưa hời đồ,

Là hời con đồ ơi!
Quán kia bên nọ, ấy sao đành,
Để khách bộ hành, vô vô ngôi trông
Một mình thơ thẩn bên sông,
Phải đạo vợ chồng, bậu khá nghe anh
Hỏi thăm thương khách thập thành,
Đường đi Man-rí¹ chôn vách thành bao cơ
Đò bậu, bậu khéo lòng lơ
Bậu đưa khách bậu, qua chờ bạn qua.

Lý thương dây trầu trụi

Thương dây trầu trụi, biết bụi cau còi,
Tin không tin, ngấm nghĩ mà coi,
Thương dây trầu trụi, bụi cau còi chon von.
Bòn hòn khen ngọt khen ngon,
Nhân lồng chê đắng, lòn bon² không dùng
Đói lòng ăn khế ăn sung,
Khế chua sung chát, ai dùng chi đâu
Sầu đâu mà chẳng sầu đây,
Sầu cá dưới nước, sầu cây trên rừng
Thương ai con mắt lảo lừng³
Con nghênh bên nọ, con trừng bên kia.

¹ Man-rí: thượng du.

² Lòn bon: một thứ quả ngọt ngon của Nam - Ngãi, còn gọi trái nam trên.

³ Tráo trừng.

Lý chỉ vị tha

*Chỉ vị tha, hồng nhan bạc phận,
Chỉ vị tha, thực nữ ô danh,
Chỉ vị tha, tiếc nét mây xanh,
Mây xanh với hồng nhan sao không có hiệp,
Ớ Tào! Ớ Tào! Con Tào mà kia ơi!
Trách con Tào xe dây lếu láo,
Hiềm bà Nguyệt sao khéo vắn vương
Bùn Chôn hương, ơi hỡi là hương!
Đá lấp ngọc, ngọc ơi là ngọc!*

Lý thân tôi mồ quả¹

*Thân tôi mồ quả từ thuở lên ba,
Mặt mẹ mây cha, tôi chưa từng thấy
Đường cày đường cấy, tôi chưa từng quen
Tôi mặt tắt đèn, Nam mô a di đà Phật!*

¹ Mồ côi.

III. VÈ

Về các loài chim

Lẳng lẳng mà nghe
Cái vè em kể
Từ nguồn chí bể
Bãi lách rừng sim
Chúa các loài chim
Vì tài vì đức
Ưa ăn trái trúc
Đậu cây ngô đồng
Xứng đẹp vợ chồng
Là con chim phượng
- Mỗi ngon chẳng hưởng
Ngàn mây thanh thời
Hưởng cao tuổi đời
Là con chim hạc
- Mẹ già tuổi tác
Lòng con thương lo
Nuôi mẹ ấm no
Là con chim quạ
- Đầu xuân sang hạ
Hồn nước năm canh
Mở bóng trăng thanh

Là con chim cuốc
- Thương người lỡ bước
Núi tuyết chặn dê
Mang bức thư về
Là con chim nhạn
- Bên sông Ngân Hà
Cảm vợ chồng Ngâu
Ra sức bắc cầu
Là chim ô thước
- Eo sèo mặt nước
Bóng ngả đồ đông
Gánh gạo đưa chồng
Là con cò trắng
- Trông mây cảnh vắng
Chiều chiều bay cao
Nhớ tiếng anh hào
Là con chim én
- Vì lời bạn hẹn
Đêm nhớ ngày thương
Ngàn mây kêu sương
Là con chim vạc
- Ăn no tắm mát
Đậu cành mấu đôn
Sợ lòng bạn hờn
Oanh vàng tỏ thể
- Mấy lời em kẻ
Chưa hết nguồn cơn
Bạn ơi chờ buồn
Núi rừng rộng quá.

Về đúc cây dừa¹

(Loại câu 3 và 4 chữ)

*Đúc cây dừa
Chừa cây nậm
Cây tầm phồng
Cây mía lau
Cây nào cao
Cây nào thấp
Cây nào giập
Cây nào rời
Chùm tơ chín đỏ
Quan văn quan võ
Ăn trộm trứng gà
Bù xa bù xít
Thì ra tay này.*

Về gọi nghề

*Hươ con nghề nhỏ!
Lạc đàn theo chó
Lạc ngõ theo trâu
Nghe mẹ rống dâu
Đâm đầu mà nhảy
Hươ con nghề nhỏ!
Ham cỏ bỏ bầy*

¹ Đây là bài về trẻ em thường hát. Các con cùng úp tay vào giữa, xong vừa hát vừa đếm, câu cuối cùng đến tay ai thì tay ấy được rút về.

*Hươ con ghé nhỏ!
Ham chơi xa đàn lạc mẹ.
Hươ hươ...*

Về cu cú

*Ve ve bắt về cu cú
Chồng đi một chút
Ở nhà lấy trai
Chồng đi Đồng Nai
Ở nhà có ghen
Chồng đi bán kén
Ở nhà có con
Chồng đi lên non
Ở nhà con chết.*

Về thằng nhác

*Lẳng lẳng mà nghe
Cái về thằng nhác
Trời đà phó thác
Tính khi anh ta
Buổi còn mẹ cha
Theo đòi thư sự¹
Cho đi học chữ
- "Nhiều chữ ai vay?"*

¹ Việc học hành.

Cho đi học cày
Rằng: "Nghề ở tớ"
Cho đi làm thợ
Nói "Nghề ấy buồn!"
Cho đi tập buôn
- "Ấy việc ngồi chợ!"
Việc làm tránh trở¹
Chỉ biết ăn chơi
Cha mẹ qua đời
Không ai cấp dưỡng
Dáng đi thất thường²
Như thể cò hương
Bụng đói giờ xương
Miệng thời tu hú
Tay chân cù rụ³
Như tướng cò ma
Cô bác xót xa
Kêu cho năm gạo
Bỏ môm trệu trạo,
Sợ nấu mất công
Chết rũ giữa đồng
Rồi đời thẳng nhác!

¹ Trốn tránh.

² Thất thểu.

³ U rũ.

Về trái cây

Về vẻ về ve
Nghe về trái cây
Dây ở trên mây
Là trái đậu rồng
Có vợ có chồng
Là trái đu đủ
Chặt ra nhiều mủ
Là trái mít ướt
Hình tựa gà xước
Vốn thiệt trái thơm¹
Cái đầu chơm bươm²
Là trái bắp nấu
Rủ nhau làm xấu
Trái cà dái dê
Ngứa ngứa quá ghê
Là trái mắt mèo
Khoanh tay lo nghèo
Là trái bần ổi
Sông sâu chẳng lội
Là trái măng cầu
Chẳng thấy nàng dâu
Thật là trái cách
Trong ruột óc ách
Là trái dưa xiêm

¹ Trái dưa.

² Xù, rối.

Chín đỏ thâm kim
Là trái chuối sứ
Tùng tam tụ tử
Là trái dưa gang
Vốn ở miền Nam
Là trái bí rợ¹
Mẹ sai đi chợ
Vốn thiệt trái dâu
Quan ở ao sâu
Là trái bông súng
Giống không nên cúng
Là trái chuối già
Bên Tàu đêm qua
Là hồng với nhãn
Cái hột chang háng²
Là trái sầu đâu
Con mắt bồ câu
Là trái trao tráo
Nhiều con nhiều cháu
Vốn là trái sung
Nhỏ mà cay hung
Là trái ớt hiểm
Đánh túc cầu liêm³
Đúng thật trái me
Nặng mà không che
Là trái rau mát

¹ Bí ngô.

² Xoạc ra.

³ Một lối chơi cờ bạc: chơi me.

Rủ nhau chà xát
Vốn là trái chanh
Nhỏ mà làm anh
Trái đào lộn hột
Chặt đầu mà lột
Là trái bưởi chua
Bán chẳng ai mua
Là trái cứt quạ
No lòng phỉ dạ
Là trái chuối cơm
Xắt để chiên tôm
Ấy là trái khế
Cá thịt nấu thế (?)
Là trái khổ qua
Ăn ỉa chẳng ra
Là trái chuối hột
Ăn mà chẳng lột
Vốn thiệt trái tiu (?)
Thối nghe ú liu
Là trái cóc kèn
Kêu nhau đi rên
Là trái đậu rựa
Đua nhau chọn lựa
Là trái dành dành
Cam ngọt, cam sành
Soài riêng, măng cụt
Những chị lịch thiệp
Bằng táo với hồng
Những gái chưa chồng
Muốn ăn mua lấy.

Về con kiến

*Ru ru riếng riếng
Con kiến giữ nhà
Con gà bươi bếp
Con rệp thấp hương
Chàng hương bôi tóc
Óc nóc cầm chèo
Con mèo tát nát (nước)
Con vạc đi ăn
Mụ vằn (chó) đi chợ
Mua mật mua mỡ
Về cho kiến ăn
Làm nhà năm căn (gian)
Cho con kiến ở
Ăn xong, hẩn bỏ hẩn đi.*

Về 36 loại quả

*Trèo lên cây Thị nửa ngày
Thị thơm muốn hái sợ thay cô Hồng
Cô cậy cô đã có chồng
Chơi cho một chút cho lòng Chanh chua
Cô Bòng, cô Bưởi, vào hùa
Cô Cam, cô Quýt chẳng chua tí nào
Cô Mơ, cô Mận, cô Đào
Trong ba cô ấy cô nào kém ai?
Cô Mít thì cậy lắm gai
Còn như cô Dứa kém ai cho đành*

Cô Doi vất vả trên cành
Làm cho cô Chuối bực mình đi tu
Tu sao cho vẹn thì tu
Đừng như cô Mướp giữa mùa lại tan
Cô Sung sung sướng trên ngàn
Làm cho cô Vả chịu oan một bề
Nào là cô Lựu, cô Lê
Cô Na lăm múi nhiều bề ngọt thay
Cô Ớt bé nhỏ mà cay
Hỏi thăm cô Nhãn ngày rày đi đâu
Sao cô ăn nói cơ cầu
Trong bụng những hột, những màu trơ trơ
Cô Dừa năm đợi tháng chờ
Trong bụng những nước biết cơ hội nào
Bồ quân đánh bạc làm cao
Duyên ân Phật thủ biết bao nhiêu tình!
Trèo lên chơi với quan quỳnh
Thấy cô Dưa chuột lạ mình Dưa gang
Dưa đá thì cay vẻ vang
Còn như Dưa chín thì nhan sắc gì
Dưa hồng đã cạy đến thì
Tháng năm, tháng sáu có khi lòng đào
Lòng anh luống những nao nao
Bâng khuâng chẳng biết lối nào tới đây
Cô Gấc má đỏ hây hây
Cô Sim mê mãi ngày ngày rừng xanh
Bao giờ ta bén duyên lành
Cùng nhau đi chợ sắm sanh đủ đàn...

*Thôi rồi, cô Bữa nói ngang
Hỏi thăm Ổi lại càng thêm ương
Bồ hòn cay đắng trăm đường
Hong bì làm hột chẳng chường gì đâu...*

HOÀNG TUYỀN *sưu tầm*

Về nói ngược

I

*Nghe về nghe về
Nghe về nói ngược
Nắng hạn đầy nước
Mưa dầm khô rang
Đám cưới đình làng
Kì yên ngoài chợ¹
Nhà giàu khát nợ
Nhà nghèo cho vay
Đàn bà đi cày
Đàn ông đi cấy
Ghe nổi thì đầy
Ghe cạn thì chèo
Nuôi chuột bắt mèo
Nuôi heo lấy trứng
Xu xoa thì cứng*

¹ Lễ cúng đình làng hàng năm ngày xưa cầu cho đất nước thái bình, dân chúng bình yên.

*Đất núi thì mềm
Trời nắng về đêm
Ban ngày sao mọc*

II

*Nghe về nghe về
Nghe về nói ngược
Ngựa đua dưới nước
Thuyền chạy trên bờ
Gà cồ hay ủi
Heo nái hay bơi
Sáng trăng ba mươi
Đêm rằm trời tối
Nấu cơm bằng cối
Giã gạo bằng nôi.*

III

*Năng lên cho mồi ăn gà
Một trăm bà già đánh giặc cho vua
Con tép nó kẹp con cua
Một bầy cá mại công rùa đi ăn
Chồn đèn cắn cổ chó săn
Chuột kêu chít chít đòi ăn con mèo
Chó chạy chồn rượt đuổi theo
Chuột gặm đầu mèo, muỗi đập cánh dơi
Cây cao bóng mát chơi vơi*

Gà con tha quạ lên ngôi cành tre
Con voi ấp trứng sau hè
Gà con đi kiện, vịt què vô nha
Nực cười rét nuốt chửi gà
Đàn ông có chữa, đàn bà có râu
Trai tơ sắm cối giã trâu
Bà già bạc đầu nằm ngựa trong nôi
Chẳng tin đốt đuốc mà soi
Thầy chùa đang ướp cá mời nấu chay!
Gói bánh bằng vôi
Ăn trâu bằng bột
Cắt tranh bằng cuốc
Xới đất bằng liềm
Bừa củi bằng kim
May áo bằng búa
Dao bầu gánh lúa
Đòn xóc bữa cau
Cọp tắm dưới bầu
Cá bơi trên núi.

Vè đánh bạc

Nghe vè nghe vè
Nghe vè đánh bạc
Đầu hôm xô xát
Bạc tốt như tiên
Đêm thua hết tiền
Bạc như chim cú
Cái đầu sù sụ

Con mắt trôm lơ
Dáng đi phát phơ
Như con chó đói
Chân đi cò cói
Lội xóm khắp làng
Quần áo rách toang
Lấy tay mà túm

Về ở mướn

Nghe về nghe về
Nghe về ở mướn
Ban đầu mới mướn
Dỗ ngọt dỗ ngon:
- Nhà cậu đông con
Ăn rồi lên ngủ
Chúng tôi ở thử
Với cậu với vợ một mùa
Cơm chát mắm chua
Nung nung nấy nấy
Quơ dùi quơ gậy
Đến năm bảy cái
Không nói thì đại
Nói lại cơ câu
Mướn thẳng chặn trâu
So hơn tính thiệt
Cơm thì ăn ít
Công việc thì nhiều
Bữa nấu nửa niêu

Có chén lường gạo
Đến chùng may áo
May vài ví ruồi (?)
Tôi không ở năm ở đời
Với cậu, với mẹ
Tôi hông có sợ¹
Tiếng đồn cậu mẹ
Để ở lăm thay
Cho con ở mướn cầm cày một năm
Một năm một chiếc nón nan
Đã chịu cơ hàn còn chịu đắng cay
Áo rách còn hai cái tay
Bay qua bay lại vô nhà này
Nhà này có tính ăn tham
Có bánh, có trái dứt chôm vô buồng
Ăn rồi chết nhầy chết nuơng
Có thằng ở mướn chẳng thương chút nào
Nửa đêm thức dậy lao cào
Chửi thầy, mắng tớ lạ lòng gớm ghê
Còn ba bữa nữa tôi về
Thưa cùng cậu mẹ mướn thuê đứa nào
Trăng lên đã đến ba sào
Bắt tôi vác ách chun vào chuồng trâu
Cút đáí nó dính cùng đầu
Tôi giận tôi chửi con trâu đầu đàn:
- Chúa mày làm phỉnh, làm gian
Con lớn tao thui vàng, con nhỏ tao lột da
Da mày tao đánh cội cây
Tao căng trống chiến, tao xây trống châu

¹ Hông (tiếng địa phương): không.

*Đầu mày tao nộp cho vua
Thịt mày tao muối cho chua
Tao ăn cho vừa miệng tao.*

Về nói khoác

*Tôi con ông Phủ, chú ông Nghè
Nói khoác danh đồn bốn biển nghe
Sức mạnh Hạng Vương tày nửa đầm
Cờ cao Đế Thích chấp đôi xe
Chạy ngay ra biển dừng tàu lại
Nhảy tót lên non bắt cọp về
Mai một tốt ngày vào tàu chúa¹
Xin binh đẹp Trịnh đăng phò Lê²*

Về cúp tóc³

*Cúp hề! Cúp hề!
Tay trái cầm lược
Tay phải cầm kéo
Thủng thỉnh cho khéo
Cúp hề! Cúp hề!
Trên đường canh tân*

¹ Đây là chúa Nguyễn ở Đàng Trong.

² Hai câu cuối này có nơi nói là:

*Nhớ bữa tốt trời vào cung chúa
Ba nghìn công chúa đâm say mê.*

³ Đây là bài về vận động nam giới cắt bỏ cái búi tóc ở trên đầu, cắt tóc ngắn theo đời sống văn minh. Cuộc vận động này diễn ra rất sôi nổi ở các tỉnh Nam - Ngãi - Bình - Phú trong phong trào canh tân, ái quốc của những năm đầu thế kỷ XX.

Đừng ai ăn mặn
Đừng ai nói lão
Ngày nay ta cúp
Ngày mai ta cạo
Cúp hê! Cúp hê!
Mọi người cùng cúp
Cho sạch đầu tóc
Cho đẹp con người
Ai nấy thành thời
Xóm làng trông cậy
Cúp hê! Cúp hê
Bỏ cái ngu này
Bỏ cái dại này
Ăn ngay nói thẳng
Học mới từ đây
Ai đi đồ đạc
Kẻ ngược, người xuôi
Ai ngồi tàu suốt
Từ Bắc vô Nam
Lên ngàn xuống bể
Cúp hê! Cúp hê!
Từ sĩ đến nông
Từ công đến thương
Đi chài, dệt sợi
Trăm người như một
Bảo nhau cúp tóc
Cúp hê, cúp hê!

Về thấy phù thủy

*Hà hô, hà hưởng!
Cà cưỡng bay cao
Chốc mào bay thấp
Cu bay về ấp
Én bay về trời
Nghe tiếng thầy mời
Xuống xơi thịt vịt
Người lớn thì ít
Con nít thì nhiều
Kính thầy bao nhiêu
Thầy về cho sớm
Thầy thấy đom đóm
Thầy tưởng ma trôi
Làm đổ sạch trơn
Rồi ù té chạy
Áp phà!...*

*Cốc cốc cheng cheng
Nấu chè đồ đen
Nấu xôi đồ quạ
Tưởng rằng thầy lạ
Ai dè thầy quen
Đóng cửa cài then
Tắt đèn bốt lũm.*

Về nói láo¹

Ngôi buồn nói chuyện láo thiên
Hồi tôi còn nhỏ có đi khiêng ông trời
Ra đồng thấy muối đắp dơi
Bọ hung đám giỗ đi mời ông voi
Nhà tôi có một củ khoai
Xắt ra năm thúng, hăn hời còn dư
Nhà tôi có bụi khoai từ
Bới lên một củ lăn hư nửa vườn
Tôi vừa câu được con lươn
Cái thịt quết chả, cái xương đẽo chày
Nhà tôi có một cái giăng xay
Đầu cong bịt bạc, đầu ngay bịt vàng
Nhà tôi có một cái ang
Gặt lúa bảy làng đổ hầy còn lưng
Nhà tôi có một bụi gừng
Đào lên nửa củ ước chừng đòn xeo
Nhà tôi có một con mèo
Khi mô hết thịt lên đèo bắt nai
Nhà tôi có một cái chai
Đựng năm thùng mắm với hai thùng dầu
Ông già có một bộ râu
Bứt ra một sợi đem câu cá kinh
Nói ra anh chị đừng kinh
Thiên hạ nói láo cả, chữ riêng mình chi tôi!

¹ Nói láo: nói dối, nói không thật.

Về các loại hoa

*Trời làm hạn hán
Nước biển mặn mòi
Vác móng mà xoi
Là hoa bông giếng
Hay bay hay liệng
Là hoa chim chim
Xuống nước mà chìm
Là hoa bông đá
Làm bạn với cá
Là hoa san hô
Ở Hán sang Hồ
Là hoa bông khách
Đi mà đụng vách
Là hoa mù u
Cạo đầu đi tu
Là hoa bông bụt
Khói bay nghi ngút
Là hoa hoắc hương
Máu chảy đầm đường
Là hoa mười tươi
Đi ăn đám cưới
Là cái hoa dâu
Muốn tắm ao sâu
Là hoa muống biển
Nói bậy đi kiện
Là hoa mít nài
Trèo cao có tài
Là hoa cắt chuột
Cây suôn đuôn đuột
Là hoa cắt dê*

Ở lĩnh-anh về
Là hoa bông trôn
Ra trái chộn rộn
Là hoa thầu dầu
Khéo uốn lưỡi câu
Là hoa lành nganh,
Ăn vụng bị đánh
Là hoa lọ nổi
Khốn khổ thân tôi
Là hoa bồ ngót
Giận ai chua xót
Là hoa chà rang
Quần áo lang thang
Là hoa giữ giẻ
Tuổi không còn trẻ
Là hoa bạc đầu
Thiên hạ đều yêu
Là hoa bông lúa
Hay làm hay múa
Là hoa vòng xoay
Cho mượn cho vay
Là hoa cam thảo
Cứu người làm đạo
Là hoa sao nhân
Đụng chút mà hờn
Là hoa chết giả (trinh nữ)
Vui chơi thông thả
Là cái hoa chè
Muốn đừng gần xe
Là hoa vụn lý
Niên cao đắc kỷ

Là hoa vạn thọ
Đêm nằm sáng tỏ
Là bông hoa trắng
Không nói không rằng
Là hoa ngủ điếc
Xanh xanh biêng biếc
Là cái hoa chàm
Ăn nói làm xàm¹
Là hoa chùm rượu
Ở ăn lộn lạo²
Là cái hoa dâm³
Đi tối về thâm
Là hoa bông lợ
Già mà không vợ
Là hoa tóc tiên
Xấu xí vô duyên
Là hoa thúi đít⁴
Làm mà chẳng kịp
Là hoa rau lủi
Rủ nhau bữa củi⁵
Là hoa đầu riu
Lo xé lo chiều
Là hoa bông cá
Rủ nhau làm vãi
Là cái hoa bông
Xuống quán ngồi không

¹ Nói huyền thiên, nói lung tung.

² Lộn xộn.

³ Hoa dâm but (con gọi là bông but).

⁴ Hoa mơ lông.

⁵ Bỏ củi.

Là hoa bông chén
Xuống rừng mà trên¹
Là hoa vôi vôi
Tính thích vui chơi
Là hoa bướm bướm
Đỗ mà khó lượm²
Là cái hoa mè

Về chuyên học trò

Các trò nhỏ dại
Chưa biết xét suy
Cha mẹ hàn vi
Cho ăn đi học
Ra công khó nhọc
Làm việc cả ngày
Không dám hờ tay.
Sợ con đói rách
Tìm mua sách vở
Lo sắm áo quần
Trò được ấm thân
Sao trò nữ phụ
Đêm thì trò ngủ
Ngày thì đi chơi
Mẹ mắng hết hơi
Cha la rát cổ
Cha mẹ cực khổ

¹ Thẹn, xấu hổ.

² Lượm: nhặt.

Hiếu thấu chẳng thông
Thầy dạy cố công
Trò không lo học
Vở thì đứt góc
Sách lại đứt gian¹
Quần áo lang thang
Mặt mày dơ dáy
Đầu thì bóng cáy
Mắt dính đầy ghèn
Cứ giữ thói quen
Chẳng hề tự hỏi
Học hành thì tồi
Cờ bạc thì lanh
Mình mấy hôi tanh
Bạ đâu ngồi đó
Ngày thì nhẩn nhó
Lại nói thầy nghiêm
Ngồi lớp chẳng yên
Kêu la rầm rĩ
Bôi xoa bàn kĩ
Chẳng chịu chăm nghe
Thầy giáo hăm he
Ra tuồng mặt giận
Kiếm chuyện hoang đường
Thêm lại to gan
Đánh không biết sợ
Trả bài ập ơ
Như tựa đùa câm

¹ Đứt gáy.

Sao chẳng hổ thâm
Ất là thiệt đại
Các trò nghĩ lại
Bỏ tính ấy đi
Học tập lo suy
Mời mong cập đệ¹

Về dạy con

Thường rằng làm điệu mẹ cha
Con trai, con gái cũng là một thương
Trai thời cha dạy văn chương
Gái thì mẹ dạy trăm đường nét na
Con còn lên năm lên ba
Thơ ngây chỉ biết những là sự chơi
Lớn lên con đã lên mười
Khá nên nghe hết những lời mẹ răn
Mẹ dạy chân tóc kẻ răng
Khuyên con khôn lớn cho bằng anh, chị, em
Lớn lên dè dặt người khen²
Làm gái, làm mụ con đừng chuốt trau
Chửi chớ mắng mèo hanh hao³
Con theo thói ấy mẹ râu lẩm thay

¹ Cập đệ: đỗ đạt.

² Dè dặt: có lẽ là giản dị (tiếng cổ).

³ Hanh hao: làm ra vẻ ta đây, chanh chua.

Cậu, cô con phải niềm tay
Mẹ mình chớ khá xưng thay mẹ người
Lớn khôn chẳng để người cười
Con gái đường ấy là lời chanh chua
Con đừng láu táu lua tua¹
Hàng tôm, hàng cá tua tủa không nên²
Vĩ dẫu ca hát một bên
Dờn đơn chớ ức mới bên thiệt con³
Trai thời tay đậm mày son
Nhảy quanh trong rạp bôn chôn nổi gì?
Thay quần đổi áo ra đi
Dựa xem cột rạp, dựa kê lưng trai
Gái hư mẹ thấy thương hoài
Con mà thói ấy mẹ râu lòng thay
Nhà mình ít anh em trai
Phận con là gái coi ngoài, coi trong
Ở sao cha mẹ vừa lòng
Mai sau già yếu còn hòng cậy nương
Ở sao biết kính biết nhường
Thong dong, yếu điệu, thói thường nét na
Trong nhà nghe mẹ nghe cha
Ngủ thời cho biết tiếng gà kéo quên
Mừng màn cha mẹ sửa sang
Khéo khi gián, rệp nó toan lộn vào
Đốt đèn soi xét chỗ nào
Hãy vào se sẻ lên vào nghỉ ngơi

¹ Lua tua: liến thoắng, nhanh nhẩu.

² Tua tủa: đánh đá, bừa bãi.

³ Dờn đơn: đứng đứng.

Ngủ thời quần áo chớ rời
Giữ cho kín đáo, kẻ lời thị phi
Đồng thời cho biết tiếng chi
Đừng mê giấc ngủ phòng khi gian tà
Mẹ dậy, trông cửa, trông nhà
Sớm mai đi chợ cùng là mua ăn
Đi đường thì phải xung xăng¹
Mắc rẻ có giá cho bằng người ta²
Giống như đẹp miệng mẹ cha
Giống chi như rửa mua ra hai đàng
Mua con cá phải xem mang
Bầu, bí xem cuống, kẻ toan lẫn nhảm
Cau già da mặt râm râm³
Nếu con mua lấy phải châm tay vào
Mua bầu phải mua tiêu hao⁴
Có hành nấu với bí đao mới mau
Đặt rõ phải coi đằng sau
Chỗ nào níu kéo thì đừng
Chợ nhiều kẻ cắp, nó mau bắt chùng
Nếu con ghé lại, nó bắt làm chứng cho
Chợ thì nhiều anh dễ mò⁵
Có khi hỗn ẩu nó mò xấu thay
Giả đồ tương vủ, vụn vai
Làm thỉnh thì đại, tày hay thì rầy⁶

¹ Ý nói nhanh nhẹn.

² Mắc rẻ: đắt rẻ.

³ Có lẽ là mẩu thắm vỏ cau già.

⁴ Ý nói kèm theo hành, râm, mùi...

⁵ Trơ trẽn, liều lĩnh.

⁶ Ý nói nói lại, phản đối.

Chợ về cho sớm chợ chầy
Nếu trưa buổi chợ ắt rày bị la
Đi chợ phòng khi về nhà
Em em, cháu cháu chạy ra nó mừng
Bánh trao ngoài ngõ thì đừng
Nếu nó quen chừng hư nết nó đi
Chợ về dọn dẹp một khi
Thay quần, đổi áo vậy thì nấu ăn
Nấu nếm cũng có vị thanh
Vị dầu không nếm hóa thành mất ngon
Nấu rồi, trả cá, trách canh¹
Chó treo, mèo đậy, để dành bữa sau
Rửa đĩa thì con phải lau
Ghè tương, tĩn mắm dọn rồi phải coi
Thông mắm cạn nước sanh dòi
Ghè tương không đậy để lần bậy vô...

Về bắt công

Sớm mai tôi lên núi
Tôi xách cái rựa còng queo
Bắt được con công
Đem về cho ông
Ông cho trái thị
Đem về cho chị
Chị cho cá rô
Đem về cho cô

¹ Trách: nôi, xoong.

Cô cho bánh ú
Đem về cho chú
Chú cho buồng cau
Chú thím rầy lộn nhau...
Thôi, tôi trả buồng cau cho chú
Trả bánh ú cho cô
Trả cá rô cho chị
Trả trái thị cho ông
Tôi xách con công về rừng

Về mất đồ¹

Tháng giêng, tháng hai
Tháng ba, tháng bốn
Tháng khốn, tháng nạn
Đi vay, đi tạm
Được tám quan hai
Chạy ra chợ mai
Tôi mua cái đồ
Trời mưa trời gió
Vác đồ đi đờm
Chạy vô ăn cơm
Chạy ra mất đồ
Nào ai lấy đồ, đồ ơi!
Đó không phân qua
Nói lại một lời cho đây hay
Đó ơi là đồ!

¹ Đồ đan bằng tre, hình ống dùng để bắt cá.

Về thuế nặng

*Hỡi trời cao đất dày
Thuế sao nặng thế này
Làng xóm đành bóp bụng
Bán đi nộp thuế Tây*

*Từ thượng mục, hạ hào
Tiếng mõ nện lao nhao
Tiền phải mau đem nộp
Ba đồng thêm sáu hào¹*

*Tuần đình² như thiên lôi
Lý trưởng mắt óc nhồi
Mồm đe nẹt quát chửi
Sao ra tiền ông xơi.*

*Mục hào thật chó má³
Quát mắng suốt đêm ngày
Làm dân mình bởi côi⁴
Chỉ sướng độc quan Tây*

Về các loại cá

*... Cá biển, cá đồng
Cá sông, cá ruộng..
Là cá tràu ô*

¹ Tiền một suất thuế thân, theo thời giá bây giờ là một tạ gạo (thuế thân đánh vào những nam giới thì 18 tuổi trở lên).

² Tuần đình: người làm việc canh phòng khi xưa.

³ Mục hào: những chức dịch trong làng thuở xưa.

⁴ Bởi côi (tiếng cô): nghèo đói.

Ăn nói hằm hồ
Là con cá sủ
Đưa đầy chồn xa
Là con cá đẫy
Hay gặp mặt nhau
Là con cá ngộ
Trong nhà nghèo khổ
Là con cá bầy
Chẳng dám múc đầy
Là con cá thiếu
Mỗi ngày mỗi chiếu
Là con cá phèn
Ăn nói vô duyên
Là con cá lạc
Trong nhà rầy rạc
Là con cá kinh
Trai gái rập rình
Là cá trích ve
Dỗ mãi không nghe
Là con cá ngạnh
Đi đường phải tránh
Là con cá mương
Mập béo, không xương
Là con cá mực
Được nhiều điểm phúc
Là con cá hanh
Phản lại cha anh
Là con cá giếc
Suốt ngày ăn miết
Là con cá cơm
Chẳng kịp dọn đơm

Là con cá hấp
Rủ nhau lên dóc
Là con cá leo
Hay thở phì phèo
Là con cá đuối
Vừa đi vừa cúi
Là con cá còm
Hay nói tầm xàm
Là con cá gáy
Vừa trốn vừa chạy
Là con cá chuồn
Cứ viết lách luôn
Là con cá chép.

Về xem hát bội (tuồng)

Tiếng đồn con gái xóm ta
Hữu thanh tân hê, hữu nguyệt hoa
Hữu nhan sắc hê; hữu ác đức¹
Trai chọc ghẹo mắng trai quét tước(?)
Coi mẹ cha như rắn mồng năm
Đêm nằm luống những tủi thăm
Những mong được đi coi hát bội
Nghe trống đánh trong lòng bồi rối
Bắc cơm lên chẳng kịp cơm sôi
Chống mông thổi lửa hết hơi
Giận, chắt nước phú cho ba ông táo

¹ Hai câu chữ Hán, ý nói: đáng mỹ miều, tính trai lơ, có nhan sắc, xấu tính nết.

*Chạy vô buông thay quần cùng áo
Ăn cắp tiền mua thuốc cùng trầu
Rủ nhau bày chị em cùng nhau
Đi cho sớm đặng mà giành chỗ
Thấy đào kia mắt dòm như dõ (?)
Trông kếp nọ con mắt lao (luân) liêng
Tắm quần xùi cũng phủ bàn chân
Mảnh áo nát cũng gài nút nịt...*

Về các lái

Bài này tương truyền do những người bạn ghe bầu (Những người phục vụ ở những ghe bầu - một loại thuyền buồn to -) đặt ra để học thuộc lòng cho dễ nhớ các cửa biển, các rặng, gành, những nơi hiểm trở trên đường đi để biết mà tránh, để biết nơi nào sẽ đến... và cũng để các bạn hát cho đỡ buồn ngủ; là loại truyền miệng cho nên có những chỗ khác nhau trong diễn đạt. Nhưng những địa danh, những nơi có nguy hiểm... đều thống nhất.

Bài về này có bài hát từ Bắc vào Nam (từ Quảng Nam vào Nam Bộ) và từ Nam Bộ trở ra, chỉ dừng lại ở giáp ranh hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi, còn từ Quảng Ngãi ra Quảng Nam, chúng tôi chưa sưu tầm được.

1. Về các lái (Hát vô)

*Ghe bầu các lái đi buôn
Đêm khuya ngồi buồn, kể chuyện ngâm nga.
Bắt từ Gia Định kể ra
Anh em thuận hoà ngoài Huế kể vô.
Trên thời ngồi lợp toà đồ
Dưới sông thủy cát ra vô đập diu.*

Trên thời vua Thuấn, vua Nghiêu
 Ngoài dân, trong triều toà chính sửa sang.
 Trên thời ngôi lợp toà vàng
 Dưới dân buôn bán nghênh ngang chật bờ.
 Nay đoạn các lái trở vô
 Thuận An là chốn thuyền đô ra vào
 Vát¹ ra một đôi khơi cao
 Ta sẽ lần vào thì tới Cửa Ông²
 Nay đà giáp phủ Thuận Phong
 Hòn Am, Cửa Kiểng nằm trong thay là.
 Núi lèo, ráng bánh trở ra
 Khỏi mũi Châu Mới³ thì ta lần vào.
 Ngó lên núi Ai⁴ rất cao
 Ta sẽ lần vào Hồ Chuối, Hang Dơi⁵
 Ghé vô củi nước nghỉ ngơi
 Hòn Hành nằm đó là nơi Cửa Hàn⁶
 Cửa Hàn còn ở trong xa
 Ngoài mũi Sơn Trà lại có Hòn Nghê⁷
 Vũng Nôm, Vũng Bắc dựa kề
 Mỹ Khê⁸ làng mới làng nghề lưới đăng.

¹ Vát: chạy thuyền ngược gió bằng cách kéo xiên xiên lá buồm, theo Huỳnh Tịnh Paulus Cửa. Đại nam quốc âm tự vị, tr.544.

² Cửa Ông: cửa Tư Hiền, nơi đầm Cầu Hai ăn thông ra biển.

³ Mũi Châu Mới: còn có tên là mũi Chân Mây, thuộc huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

⁴ Núi Ai: núi Hải Vân.

⁵ Hồ Chuối, Hang Dơi: hai địa danh nằm ở phía đông chân đèo Hải Vân

⁶ Hòn Hành: hòn núi án ngữ bên cửa Hàn, có dáng như một củ hành.
Cửa Hàn: tức cửa Đà Nẵng.

⁷ Hòn Nghê: quả núi nhỏ nằm bên chân dãy Sơn Trà có hình con nghê.

⁸ Mỹ Khê: nay thuộc thành phố Đà Nẵng.

Ngó về Non Nước¹ thẳng băng
 Có chùa thờ Phật, Phật hằng linh thiêng.
 Lao Chàm² nay đã gần miền
 Hòn Lá, Hòn Lui nằm liền Hòn Tai (a)
 Năm hòn nằm đó không sai
 Hòn Khô, Hòn Dài lố nhố thêm vui (b)
 Ngó về Cửa Đới thương ôi
 Hòn Nôm³ nằm đó mồ cô một mình.
 Tam Ấp, Xã Bứa⁴ có rạn trời sinh
 Bàn Thang, Cửa Lỡ liên kinh An Hoà⁵
 Sa Cản, Châu Ổ⁶ bao xa⁷
 Ngoài mũi cây quýt thiệt là Tổng Bình
 Lâm chiêm, cỏ ngựa⁸ trời sinh
 Làng Gành, Mỹ Giảng ăn quanh Vũng Tàu⁹
 Nơi lèo, rặng lái mau mau
 Châu Me, Lò Rượu¹⁰ sóng xao Hòn Nhàn¹¹
 Vát mặt xem thấy Bàn Thang
 Ngoài thời lao Ré nằm ngang Sa Kỳ¹²
 Quảng Ngãi, Trà Khúc núi chi?

¹ Non Nước: tức Ngũ Hành Sơn.

² (a) (b) Cù lao Chàm gồm có 5 hòn đảo nhỏ nằm cách Cửa Đới 10 hải lý.

³ Hòn Nôm: một đảo nhỏ nằm ngoài khơi Cửa Đới.

⁴ Tam Ấp, Xã Bứa: cửa sông nhỏ chảy ra vũng An Hoà.

⁵ Các địa danh thuộc huyện Tam Kỳ, ở phía nam Quảng Nam - Đà Nẵng.

⁶ Cửa Sa Cản: nơi con sông Châu Ổ chảy qua huyện Bình Sơn, đổ ra biển.

⁷ Bắt đầu từ câu "Sa Cản, Châu Ổ" trở đi là thuộc địa phận Quảng Ngãi.

⁸ Lâm chiêm, cỏ ngựa: hai loại cỏ mọc nhiều ở vùng này.

⁹ Vũng Tàu: cửa Sa Kỳ.

¹⁰ Châu Me, Lò Rượu: địa danh thuộc huyện Tư Nghĩa.

¹¹ Hòn Nhàn: hay Cù lao Nhàn, nơi cư trú của loài chim biển lông màu trắng.

¹² Cù lao Ré: nằm ở ngoài khơi cửa Sa Kỳ.

Có hòn Thiên Ân¹ dấu ghi để đời.
 Hòn Sup ta sẽ buông khơi
 Trong vịnh, ngoài vời, núi đất mênh mang.
 Buồm giăng ba cánh sẵn sàng.
 Anh em chúng bạn nhiều đàng tư lương.
 Mỹ Á, Cửa Cạn, Hàng Thương²
 Chạy Bãi Trường³ xích thố băng băng.
 Vát ra khỏi mũi Sa Hoàng⁴
 Kìa kìa ngó thấy Tam Quan nhiều dừ⁵
 Hèn chi lời thốt thuở xưa
 Nam thanh nữ tú đã vừa con người.
 Gặp nhau chưa nói đã cười.
 Kìa mũi Từ Phú là nơi nhiều ghê⁶
 Non xanh nước biếc chĩnh ghê
 Bãi Hường, Gành Trọc dựa kê Lộ Giao⁷
 Ngó ra thấy Lố Khô Cao
 Ta sẽ đi vào cửa cạn Hà Ra⁸
 Bàu Bàn, Gành Mác bao xa⁹
 Trống Kinh, Hòn Đụn thiệt là Lố Ông¹⁰.

¹ Hòn Thiên Ân: một trong cảnh đẹp của Quảng Ngãi, đứng soi bóng xuống dòng sông Trà Khúc.

² Tên cửa biển thuộc huyện Đức Phổ.

³ Bãi Trường cũng có tên là Bãi Dài.

⁴ Sa Hoàng: tức Sa Huỳnh, địa danh ở cực nam Quảng Ngãi.

⁵ Tam Quan: thị trấn thuộc huyện Hoài Nhơn, nằm ở phía bắc Bình Định (Bắt đầu từ câu này thuộc lĩnh Bình Định).

⁶ Mũi Từ Phú nằm bên cửa An Dũ, nơi sản xuất đồ gốm. Ghê là một loại chum, vại, lu (tiếng địa phương).

⁷ Các địa danh thuộc huyện Hoài Nhơn.

⁸ Lố Khô Cao: lố là núi đá nhô ra biển. Nơi đây còn gọi là Hòn Quy, án ngữ cửa Hà Ra cửa; Hà Ra dưới triều Minh Mạng là một cửa quan trọng, có đặt đồn biên phòng, nay cửa bị bồi lấp.

⁹ Các địa danh trên nằm trong thẳng cảnh Bạch Sa Đông, nơi trắng cát chạy dài dọc bờ biển, tạo thành một cảnh quan thơ mộng ven biển Bình Định.

¹⁰ Lố Ông: tức Lố Ông Già, thuộc huyện Phù Mỹ.

Ngó vô thấy mũi Vi Rông
 Hòn Lan, Nước Ngọt ăn vòng Hòn Khô.
 Trục nhìn Suối Bún, Vũng Tô
 Ông Âm nằm đó lớn to vô hồi
 Thương cha nhớ mẹ ngủi ngủi
 Hòn núi Kê Thử có người bông con¹.
 Nhớ lời thề nước hẹn non.
 Bông con tạc đá ghi son để đời.
 Vũng Nôm, Vũng Bắc buông khơi²
 Trong vịnh ngoài vời, Hòn Cỏ, Hòn Cẩn²
 Nam lò Eo Vượt rần rần³
 San Hô, Mũi Mác ăn lần Hòn Mai⁴.
 Cửa Giã có hòn án ngoài
 Các lái thường ngày hay gọi Lao Xanh.
 Vũng Mú⁵ trong vịnh, ngoài gành
 Cù Mông, Vũng Trích ăn quanh bãi liền
 Gành Bà⁶ ai khéo đặt tên
 Sơn Dương, Gành Móm nối liền Vũng La⁷.
 Bắt từ Vũng Lắm buông qua
 Xuân Đài, Mũi Yến chạy qua Sông Cầu
 Mái Nhà, Cát Xối liền nhau⁸
 Sơn thuỷ sắc màu tợ gấm kim quy.

¹ Kê Thử: trên núi Kê Thử là hòn Vọng Phú.

² (a) Vũng Nôm, Vũng Bắc: nằm dọc theo bán đảo Triều Châu, phía ngoài có Hòn Cỏ, Hòn Cẩn án ngữ.

³ Eo Vượt: eo biển hiểm trở, vào mùa nam, gió thổi rất mạnh, thuyền bè qua lại nơi đây dễ gặp tai nạn.

⁴ Hòn Mai: tức bán đảo Phương Mai. Địa danh San Hô, Mũi Mác nằm trên bán đảo này.

⁵ Từ câu "Vũng Mú" trở đi là địa phận tỉnh Phú Yên.

⁶ Cù Mông, Vũng Trích, Gành Bà: thuộc địa danh huyện Sông Cầu.

⁷ Sơn Dương, Gành Móm, Vũng La, Vũng Lắm: những địa danh thuộc huyện Đồng Xuân, Phú Yên.

⁸ Cù lao Mái Nhà và Cát Xối: thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.

Ngó vô mây nước cực kỳ.
 Trong thì có mả¹ ngoài thì có lao.
 Giữa kinh có một Hòn Trào
 Hòn Yến, Hòn Mác ăn vào Ma Liên²
 Hòn Chùa, Hòn Dứa³ nằm riêng.
 Chóp Chài nằm đó ăn liền Bãi Dinh⁴
 Ngó vô thấy tháp⁵ xinh xinh
 Nơi lèo, ráng lái Bãi Dinh dăm dãi
 Tuy Hoà cách chẳng bao aai
 Qua khỏi nơi này tới mũi Trà Nông.
 Hòn Khô⁶, đá chất chập chùng
 Thông trong có vịnh, giữa dòng có kinh.
 Mũi Nạy có Đá Bia xinh
 Tạc để lưu truyền nổi nghiệp Hùng Vương.
 Vũng Rô⁷ núi tấn bốn phương
 Mịt mờ sơn thủy như gương tựa đó
 Bịt bùng, chỉ một đường vô
 Dầu nôm, dầu bắc không xô phía nào
 Hòn Nưa⁸ không thấp không cao

¹ Mả: tục truyền, xưa Cao Biền chết chôn ở nơi đây. Điều này không đúng với lịch sử.

^{2,3} Các Hòn Mác, Hòn Yến. Hòn Chùa, Hòn Dứa nằm phía ngoài bãi biển Ma Liên. Ma Liên: theo truyền thuyết, đây là nơi họp chợ "âm dương", nên có câu ca dao: "Ma Liên là Ma Liên tiên. Đi chợ mang tiền có kẻ theo bưng. Bán rồi bỏ nước xem chừng. Tiền nổi thì chớ, tiền chìm thì vâng".

⁴ Núi Chóp Chài: nằm ở phía tây bắc thị xã Tuy Hoà.

Bãi Dinh: tên gọi xưa của bãi biển Tuy Hoà.

⁵ Tháp: ngôi Tháp Chàm mang tên Tháp Nhạn, bên sông Đà Rằng.

⁶ Hòn Khô: nằm bên cạnh núi Trà Nông.

⁷ Vũng Rô: một vùng lớn kín gió nằm bên chân Đèo Cả. Từ câu này trở đi là bước vào địa phận tỉnh Khánh Hòa.

⁸ Hòn Nưa: nằm trong Vũng Rô.

*Ta sẽ đi vào Bãi Vồ¹ sóng ngang.
 Hòn Gầm² sóng vỗ đá vang
 Chạy khỏi Cát Thắm lại sang Đồi Mồi³.
 Anh em thể thốt than ôi
 Chạy khỏi Đồi Mồi tới đầm Ba Gia^{3a}
 Ngó vô bãi cát Trường Sa
 Có mũi Đãng Lưới⁴, không nhà thôn dân⁵.
 Xa Cù⁶ nay đã hầu gần
 Lăn qua Bãi Giếng lánh thân Trâu Nầm⁷.
 Nam lò Hòn Khói⁸ tắm tắm
 Cứt Chim, Hòn Bạc, Cây Sung, Chà Là⁹
 Nha Trang, đất Chụt¹⁰ bao xa,
 Kẻ vô mua đệm, người ra mua chằng.*

¹ Bãi Vồ: tên gọi xưa kia của bãi biển Đại Lãnh, một thắng cảnh, một địa điểm du lịch hấp dẫn nằm bên chân Đèo Cả.

² Gòn Gầm: cù lao án ngữ ngoài Vũng Rô.

^{3, 3a} Cát Thắm, Đồi Mồi, đầm Ba Gia: những địa danh thuộc huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa.

⁴ Mũi Đãng Lưới: nơi đây ngư phủ làm nghề lưới đăng hay ghé ngang qua để phơi lưới.

⁵ Xa Cù: hòn núi đá có màu sắc óng ánh như xa cừ khi ánh mặt trời chiếu xuống.

⁶ Bán đảo Hòn Gốm chạy theo đèo Cổ Mã đâm ra biển dài 30 km, tạo thành một vũng kín là vịnh Vân Phong. Bãi Giếng và vũng Trâu Nầm thuộc vịnh Vân Phong, huyện Vạn Ninh.

⁷ Hòn Khói: bán đảo thuộc huyện Ninh Hoà, nơi trước đây thời Nguyễn có đặt đồn canh, khi có giặc cướp ngoài biển thì đốt khói lên, báo động cho dân chúng bên trong đất liền biết.

⁸ Đây là những hòn đảo nhỏ nằm phía Bắc vịnh Nha Phu.

⁹ Chụt: vụn chài nằm bên Cửa Bé (của Nha Trang), nơi từ lâu người ta bán những mặt hàng dành cho ghe thuyền đi biển: đệm, buồm, dây neo, dây chằng, phao, lưới... "Chụt" vốn có nghĩa là "vùng nhỏ ở dựa gành có thể cho ghe thuyền núp gió" (*Đại Nam quốc âm tự vị*).

Gặp nhau chào hỏi lãnh xãng.
 Xùng xình Bãi Miếu phăng phăng lướt vào.
 Nhìn ra Nội, Ngoại¹ sóng xao,
 Vát mũi chạy vào Bãi Dài, Con Nghê².
 Chục đèn ngó xuống chĩnh ghê
 Ngó về Hòn Tý dựa kè Cam Linh³.
 Mò O, Dỏ Tỏ rất xinh
 Lại thêm Đá Vách dựa kè Vũng Găng⁴.
 Vũng Găng, Đá Vách tựa thành
 Hai bên núi tấn vây quanh như buồng.
 Mặc dầu thuyền đậu bán buôn.
 Nào ai đình trú ở luôn mặc lòng.
 Túi thơ bầu rượu dong chơi
 Buồm Dương ba cánh nhểm vời chạy ra.
 Nam mù mù Hòn Chông, Bãi Lúa⁵
 Khỏi Ma Vãn mới tới Phan Rang⁶.
 Vũng Tròn lai láng nguồn cơn,
 Trông xa thăm thẳm là rừng Mũi Dinh
 Qua Mũi Dinh cho liền Chín Vại⁷
 Tắt mặt trời, bẻ lái đi ra.

¹ Hòn Nội, Hòn Ngoại: hai hòn đảo nằm ngoài khơi Nha Trang, có nhiều chim yến làm tổ.

² Bãi Dài, Con Nghê: những địa danh ở phía nam Cửa Bé.

³ Cam Linh: Cam Ranh.

⁴ Đá Vách, Vũng Găng: vùng núi đá thẳng đứng như bức thành.

⁵ Bãi Lúa: ở thôn Thái An. Nơi đây, xưa kia có đoàn ghe bầu chở lúa từ nam ra bắc, bị sóng đánh chìm. Người ta vớt những bao lúa lên phơi. Số lúa rơi rớt lại trên bãi, gặp mưa mọc thành mạ xanh. Từ đó có tên là Bãi Lúa.

⁶ Ma Vãn: một cửa biển của tỉnh Ninh Thuận. Bắt đầu từ câu này thuộc tỉnh Ninh Thuận.

⁷ Mũi Dinh, Chín Vại: những địa danh thuộc Ninh Thuận.

Nhắm chừng Bãi Lưới băng qua
 Hương Tây chỉ mũi, lái đò gác đong.
 An Hoà lẳng lẳng muôn phần
 Bãi Tiên đã khỏi, Khu Ông lại gần¹.
 Lao Cao, Cà Ná² là đây
 Lòng Sông, Mũi Chơ thẳng ngay La Gàn³.
 Ngó vô thuyền đậu nghênh ngang
 Gành Sơn, Trại Lưới tiếng vang làng nghề⁴
 Cửa Duồng nay đã gần kề
 Lạch kia Phan Rí ghe nghề xôn xao.
 Nhắm chừng Mũi Nhỏ băng qua
 Vung Môn, Đá Dựng đã xa Hòn Hường.
 Hòn Nghê, Quảng Thí dựa nường,
 Hòn Rơm, Mũi Né là đường vô ra.
 Ghe thuyền tụ tập gần xa
 Phú Hải, Phan Thiết ấy là trạm trung.
 Hời ai đón củi Gành Thông⁵
 Sơn lâm một gánh chất chồng hai vai
 Kê Gà⁶ nay đã đến nơi
 Anh em làm lễ một hồi cho qua
 Nơi lều, quay lái trở ra

¹ Khu Ông: nơi có đền thờ và nơi để nhiều cốt cá ông (cá voi).

² Lao Cao: cù lao Lao Cao. Cà Ná: vùng sản xuất muối nổi tiếng nằm tựa vào mũi Sừng Trâu.

³ Sông Lòng Sông: chảy qua thị trấn Tuy Phong đổ vào một vũng biển nhỏ cạnh mũi La Gàn. Từ câu sau trở đi thuộc địa phận Bình Thuận.

⁴ Gành Sơn, Trại Lưới: hai làng chài ven biển có nhiều đặc sản có giá trị, trong đó có loại sò, điệp.

⁵ Gành Thông: nằm cạnh Hòn Một, gần Phan Thiết.

⁶ Mũi Kê Gà: mũi đất nhô ra biển. Vốn là Khe Gà mà người phát âm trại ra.

Hòn Lang, Cửa Cạn ấy là Tam Tân¹.
 Sóng ào ào, buồm giương ba cánh,
 Chạy một hồi tỏ rạn La Gi²
 Hòn Bà, Rạn Gõ một khi³
 Ngoài khơi Rạn Đập, trong ni Rạn Hồ^{3a}.
 Buồm giương ba cánh chạy vô
 Hòn Bà, Hóc Kiếm quanh co Hồ Chàm^{3b}
 Kim ngân lễ vật cúng đường
 Lâm râm khẩn nguyện lòng thường chớ quên.
 Bãi Giồng chạy thẳng Xích Ram^{3c}
 Lưỡi Rê qua khỏi, Rạn Cam nằm ngoài.
 Ngòi Ba Luỹ sóng rền Cửa Cạn^{3d}
 Vát một hồi tỏ rạn Thuý Vân⁴
 Ngoài Kỳ Vân trong liền Giếng Bộng^{4a}
 Vát một hồi lồng lộng xa khơi,
 Ba non chót vót cao vời
 Muốn cho khỏi rạn phải lơi ra ngoài.
 Vũng Tàu kia đã đến rồi.
 Trình đồn, rồi lại thẳng nơi Sài Gòn.
 Nhà Bè nước chảy chia hai,
 Ai về Gia Định, Đồng Nai thì về.

Theo "Ca dao Nam Trung Bộ"
 và "Bài chòi và dân ca Bình Định".

¹ Cửa Cạn: địa danh thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận có Tam Tân - thị trấn ven biển thuộc huyện Hàm Tân, Bình Thuận.

² La Gi: địa danh thuộc tỉnh Bình Thuận.

^{3, 3a, 3b, 3c, 3d} Các địa danh thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

^{4, 4a} Thuý Vân (còn gọi là Kỳ Vân): Giếng Bộng: địa danh thuộc Vũng Tàu.

2. Về các lái (Hát ra)

Tiếng đồn các lái Đồng Nai
Tháng giêng cửa ván, tháng hai đóng thuyền,
Tháng ba củi lửa huyên thuyền,
Tháng tư dọn thuyền quay trở lộn ra.
Sài Gòn, Rạch Giá bao xa
Lần theo tấm cá xa nhà đã lâu.
Một trăm ông lái lâu lâu
Đi qua Giáp Nước¹ Vũng Tàu phải ghé.
Kỳ Vân có bãi lưới rê
Non cao biển thăm ử ê tác lòng.
Khúc nôi luy nhỏ đầm đầm,
Xích Ram đã khởi, Bãi Dầm² đã qua,
Hồ Chàm, Hồ Đắc de ra^{2a},
Thân Trong nằm trước, Mũi Bà nằm trong.
Cù Mi thượng hạ song song,
La Gi nằm khuất phía trong Hòn Bà³.
Cây Khô, Cửa Cạn đã qua⁴,
Trực nhìn Khe Cỏ nay đã kẻ bên.
Dập dìu ghe lưới bủa chen
Xa trông đã thấy Mũi Đèn ở kia.
Đồn rằng Phan Thiết lịch thay
Sớm chiều phiên chợ tối ngày bán buôn.

¹ Giáp Nước: nơi hai dòng hải lưu gặp nhau ở ngoài khơi Vũng Tàu.

^{2, 2a} Các địa danh đều thuộc huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận.

³ Hòn Bà: cù lao nằm trước cửa La Gi.

⁴ Cửa Cạn: còn có tên là Cửa Thiên Môn.

Trên đường xe chạy bon bon,
 Dưới sông thuyền đậu bán buôn rộn ràng.
 Phú Hải¹ chừ đã liền sang,
 Buồm dong ba cánh lòng càng thanh thoi.
 Mũi Né² ta sẽ buông khơi,
 Trong thời có xóm ăn chơi bĩ bàng.
 Anh em nước, củi đàng hoàng.
 Nước mắt hai hàng lụy nhỏ xót xa.
 Hòn Nôm, Quảng Th³ kia là,
 Ngó lên Mũi Nhỏ, trông qua Hòn Nghê^{3a}.
 Ngồi buồn cảm cảnh ê chề
 Hỏi con sóng bỏ tôi quê bao thì?
 Con Nghê⁴ sao khéo di kỳ
 Ra nằm nước mặn luận chi thương hàn.
 Mãi trông vừa thấy một đàng
 Đi ngoài Nội, Ngoại cầm làn gác giăng (?)
 Anh em bèn bảo nhau rằng
 Trâu cau, nước hết, gác giăng làm gì?
 Quạt cào sang kiếm một khi,
 Chut Đền⁵ đã khỏi, tới thì Lò Kho⁶
 Tai nghe lười đánh, mảnh hò,
 Buông lên một đỗi còn lo xùng xính.

¹ Phú Hải: làng cá nằm bên cửa sông Cà Ty (Phan Thiết).

² Mũi Né: nơi sản xuất nước mắm ngon nổi tiếng.

³ ^{3a} Hòn Nôm, Quảng Th³, Hòn Nghê: những cù lao ở ngoài khơi Mũi Né.

⁴ Con Nghê: hay Hòn Nghê, nằm ngoài khơi Cam Ranh.

⁵ Chut Đền: địa danh nằm bên Cửa Bé, Nha Trang, nơi trên đồi cao có ngọn hải đăng

⁶ Lò Kho: làng cá, nơi chuyên làm nghề hấp cá để có thể chuyên chở đi đường xa.

Ngó vô Bãi Miếu vắng tanh,
Tư bề quanh quẽ trong mình xót xa.
Có người cố quận kia là
Mai qua Bãi Chụt để mà gặp nhau.
Vừa chào, vừa chạy cho mau,
Kẻ lo mua bán, người sầu niềm tây.
Cầu Đá, Cửa Bé¹ là đây
Bãi Đông² đã khỏi ló rày Nha Trang.
Trên thời quán xá rộn ràng
Dưới sông thuyền đậu nghinh ngang quá chừng.
Gặp nhau mừng rỡ từng bừng
Rượu trà thết đãi vui chung chào mời.
Kẻ thời ăn uống vui chơi,
Người thời ve vãn những lời nguyệt hoa.
Kẻ thời mua song cùng lá³
Người thời mua đệm, mua cau, mua hèo⁴.
Kẻ thời mua dây buộc lèo
Người mua sống lá đem theo xỏ tiền⁵
Kẻ mua thuốc bánh, thuốc viên,
Người mua thuốc xấp để nguyên đem về.
Đôi ta kết nghĩa phu thê
Cùng qua mua bán mà mê tắm tình.
Đất Chụt là đất nhàn thanh,

¹ Cầu Đá, Cửa Bé: cầu cảng được xây dựng bằng đá, nên có tên là Cầu Đá.

² Bãi Đông: một bãi cát dài nằm ở phía nam Cửa Bé.

³ Song: mây song; Lá: lá buông dùng đan đệm buồm.

⁴ Hèo: loại mây song lấy từ Hòn Hèo rất tốt, người ta dùng làm gậy.

⁵ Sống lá: cọng của lá buông, rất dẻo, ngày xưa người ta dùng để xỏ tiền kẽm thành chuỗi.

Trai chuyên biển già, gái rành bán buôn.
 Thôi thôi chớ nói thêm buồn
 Kéo neo mà chạy đi luôn kịp thời.
 Ngó vô Hòn Đất thương ôi
 Ngoài thời Hòn Bạc lẻ loi một mình.
 Vũng Túc, Cầm Bắc¹ cảnh xinh,
 Muôn Xưởng, Hòn Ngọc, liên kinh Chà Là².
 Cây Sung, Mũi Cỏ³ đã qua
 Bến đò Cồn Cạn vang xa tiếng đồn.
 Hòn Lớn, Hòn Nhỏ chĩnh khôn^{3a}
 Cút Chim, Hòn Đỏ^{3b} đêm hôm nào lắm.
 Trông lên một đôi tam tãm
 Gần nơi Cửa Nhỏ rạng danh Bãi Trường⁴
 Trâu Năm⁵ ngoài nước chín phương
 Sóng xô, gió tạt mênh mông tứ bề.
 Xa Cù cách trở sơn khê
 Buông lên một đôi ngó về Ba Gia.
 Đồi Mồi⁶ chơn chở xê ra
 Thông trong Cát Thấm chạy ra Hòn Gầm^{6a}
 Hòn Gầm sóng bổ lao xao
 Vát mặt nghinh vào Bãi Vồ⁷ sóng ngang.

¹ Các địa danh nằm bên vịnh Nha Phu, huyện Ninh Hoà, Khánh Hoà.

² Chà Là: còn có tên là hòn Trà La, nơi có yến sào.

³ ^{3a, 3b} Các địa danh nằm ở phía đông bán đảo Phước Hoà, huyện Ninh Hoà, Khánh Hoà.

⁴ Bãi Trường: còn có tên nôm là Bãi Dài.

⁵ Hòn Trâu Năm: (khác Vũng Trâu Năm) ở ngoài Mũi Gành.

⁶ ^{6a} Những địa danh nằm phía cực bắc của tỉnh Khánh Hoà.

⁷ Bãi Vồ: bãi Đại Lãnh.

Thương con, nhớ vợ trăm đường.
Nước mắt, hai hàng lụy ứa thấm biên.
Sừng sững Đá Chông¹ mọc lên
Bia tạc để truyền nôi đức Hùng Vương.
Hướng lên một đôi dặm trường,
Vùng Rô núi tấn bốn phương như nhà.
Đầu gành Mũi Nạy² xé ra.
Bên trên có bãi hiệu là Bãi Môn.
Bãi Tiên, Bãi Xếp³ kề bên.
Hòn Khô⁴ nằm trước ấy miền Trà Nong⁵.
Biển bờ lai láng mênh mông
Ngó vô thấy tháp Dinh Ông, Đà Rằng⁶
Chóp Chài⁷, Ma Liên, Mây Nứt chừng ngần
Hòn Chùa, Hòn Dứa nằm giăng kia là
Hòn Yến, Hòn Mác, Cát Xối đã qua
Mỏ xây, mỏ đắp đồn xa ông Cao Biền
Vốn là người ở Đại Niên
Tìm long điểm huyết, dựng bia chốn này.

¹ Đá Chông: núi Đá Bia.

² Mũi Nạy: mũi đất nằm ở phía nam cửa biển Đà Nong.

³ Bãi Tiên, Bãi Xếp: những bãi cát trắng dài với phong cảnh đẹp chạy từ Mũi Nạy đến cửa Đà Nong.

⁴ Hòn Khô: hòn đảo nhỏ án ngữ trước cửa Đà Nong.

⁵ Trà Nong: còn có tên là Đà Nong, một cửa biển nhỏ, nơi con sông Bàn Thạch đổ ra biển.

⁶ Dinh Ông: tức Tháp Nhạn, nằm bên thị xã Tuy Hòa; Đà Rằng: con sông Ba phát nguyên từ vùng núi Tây Nguyên đổ ra biển, chảy trên đất Phú Yên, đoạn chảy qua Tuy Hòa mang tên Đà Rằng.

⁷ Chóp Chài: hòn núi nằm ở phía tây bắc thị xã Tuy Hòa.

Bàn Thang¹ lum lúp lá, cạy,
 Anh em cố nhớ, kẻ rày dễ quên.
 Hòn Lao nước chảy hai bên.
 Thông trong Rạn Lẽ, phía trên Vững Bàu.
 Ngó vô Cửa Mới thêm râu
 Nay bồi, mai lở cạn sâu vô chừng
 Gặp nhau nửa túi, nửa mừng
 Xa xa Cát Xối liền chươn Mái Nhà²
 Gành Đen chơn chở xô ra
 Gò Bàng cát sạn ăn qua Bãi Trầu³
 Sơn Đài⁴ xanh ngắt một màu
 Hòn Yến⁵ cui cút lại hầu ngoài khơi.
 Mưa sa, gió lạnh tợ đồng.
 Bãi Ngang, Gành Đỏ⁶ bạn cùng làng đôi
 Buồm dong, mắt ngó biển trời.
 Ngó ra Lao Xá⁷ lẻ loi một mình
 Trông về Vững Lắm rất xinh
 Vôi tô, ngói lợp, chen chân phố phường.
 Đây, kia nhà ở hai phương.
 Bắc cầu Sông Cạn⁸ làm đường vắng lại

¹ Bàn Thang: cụm núi ven biển thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.

² Mái Nhà, Cát Xối: hai cù lao nằm ngoài khơi huyện Tuy An, Phú Yên, phía ngoài đầm Ô Loan.

³ Gò Bàng, Bãi Trầu: những địa danh thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.

⁴ Sơn Đài: tức Xuân Đài, một vùng rộng, sâu, nước rất trong.

⁵ Hòn Yến: nằm ngoài khơi xã An Chấn, huyện Tuy An, nơi sản xuất nước mắm ngon nổi tiếng.

⁶ Bãi Ngang, Gành Đỏ: vùng đất đối diện với Cù lao Ông Xá.

⁷ Lao Xá: tức Cù lao Ông Xá nằm ngoài vịnh Xuân Đài. Câu ca dao xưa: "Ngó vô Vững Lắm, Sông Cầu. Cù lao Ông Xá đứng hầu một bên".

⁸ Sông Cạn: ở xã Xuân Thọ, huyện Sông Cầu, khi thủy triều xuống bày ra bãi cát, có thể đi ra đến Cù lao Nhất Tự Sơn không cần thuyền.

Sáng, chiều họp chợ xoay vần.
 Thuyền bè tấp nập, khách thương đủ miền.
 Trục tình nhớ tới sự riêng.
 Kéo neo mà chạy nhăm miền quê xưa
 Hết Thìn sang Tỵ vừa trưa;
 Song Giang nước lớn đò đưa Sông Cầu.
 Quán Chùa nay ở nơi đâu?
 Vũng Chèo, Vũng Sứa lại hầu Vũng La¹
 Gành Tướng, Mũi Móm^{1a} trông ra
 Mò O đã khỏi, sang qua Gành Bà²
 Ngó về bãi cát Trường Sa
 Phong cảnh nơi đó xinh đà quá xinh
 Cù Mông, Vũng Trích³ ăn quanh,
 Vũng Mú trực chỉ Cù Lao Xanh sáng đèn⁴
 Thuận buồm xuôi gió một phen
 Ghé vô Cửa Giã⁵ trong miền Hòn Mai⁶
 Gành Ráng mút tận Bãi Dài⁷
 Bể qua Bãi Nhạn⁸ vô chơi phố phường.
 Đi cho thấu chữ Quy Nhơn,
 Giáp đầm Thị Nại⁹ hãy còn sử xanh.

^{1, 1a} Các địa danh thuộc huyện Đồng Xuân, Phú Yên.

² Gành Bà: thuộc huyện Sông Cầu.

³ Cù Mông, Vũng Trích: ranh giới tự nhiên giữa Phú Yên và Bình Định.

⁴ Nơi đây có ngọn hải đăng.

⁵ Cửa Giã: cửa Thị Nại, Quy Nhơn.

⁶ Hòn Mai: tức bán đảo Phương Mai, nằm bên cửa Thị Nại.

⁷ Gành Ráng, Bãi Dài: nằm ở phía nam thành phố Quy Nhơn.

⁸ Bãi Nhạn: còn có tên gọi Bãi Nhạn Sa (thuộc Quy Nhơn).

⁹ Đầm Thị Nại: nơi hai con sông Cồn và sông Hà Thanh đổ nước ra biển, ngày xưa là một hải cảng quan trọng của vương quốc Chăm Pa.

Vô chợ, ăn bún song thân,
 Hỏi mua nón ngựa¹ để dành về quê
 Thiếu gì hải vị sơn khê
 Vào nam, ra bắc, ê hề ngựa xe
 Nói chơi sợ nấu cười chê
 Có say đất khách mới mê nét người.
 Nghĩ thôi dạ tợ dầu sôi,
 Day qua Mũi Mác, San Hô² dong buồm
 Eo Vượt³ ló thấy Cỏ, Cạn⁴
 Vùng Nồm, Vùng Bắc^{4a} kê gần làng đôi.
 Ngó vô Cách Thử⁵ thương ôi,
 Trông chồng hóa đá, tích đời còn ghi
 Vũng Tô, Suối Bún là đây⁶
 Hòn Khô, Nước Ngọt dựa kê Hòn Lan^{6a}
 Vũng Bầu ở chéch phía nam
 Vì Rong, Phường Mới^{6b} giảng ngang kia là
 Lỗ Ông, Mũi Đụn⁷ đã qua,
 Gành Méc đã khỏi, Hà Ra^{7a} hầu gần.
 Tiếp theo là xóm Hội Vân,
 Phong cảnh xoay vần đến mũi Lộ Giao⁸

¹ Nón ngựa: được sản xuất tại Gò Găng, nên cũng có tên là nón Gò Găng, ngày xưa những người đi ngựa hay đội loại nón này.

² Mũi Mác, San Hô: những địa danh nằm trên bán đảo Phương Mai.

³ Eo Vượt: eo biển hiểm trở, rất nguy hiểm cho thuyền ghe qua lại vào mùa gió nam thổi mạnh.

^{4, 4a} Cỏ, Cạn: tức Hòn Cỏ, Hòn Cạn, hai cù lao án ngữ phía ngoài Vũng Nồm, Vũng Bắc, dọc theo bán đảo Triều Châu.

⁵ Cách Thử: còn có tên là Kê Thử, ở gần núi Vọng Phu.

^{6, 6a, 6b} Những địa danh nằm trong thung cảnh Bạch Sa Động - một trong những cảnh đẹp của Bình Định.

^{7, 7a} Lỗ Ông, Mũi Đụn, Gành Méc: thuộc huyện Phù Mỹ, Bình Định.

⁸ Lộ Giao: thuộc huyện Hoài Nhơn, Bình Định.

Vùng Cù sóng bổ lao xao.
Nồm thổi ngọt ngào, ghe chạy thương thương.
An Dũ¹ sâu cạn không chừng.
Lời đồn có miếu thờ thần linh ghê
Tam Quan rày đã gần kề,
Đất này nổi tiếng Tân Khê nhiều dừa
Nhớ lời thề thốt thuở xưa
Tiếng hát mài dừa lạnh lỏi² thâu đêm.
Tai nghe dạ xót niềm riêng,
Nhớ neo mà chạy hướng lên Sa Hoàng³...

Theo "Ca dao Nam Trung Bộ"
và "Bài chòi dân ca Bình Định"

¹ Cửa An Dũ: thuộc xã Hoài Hương, huyện Hoài Nhơn, nơi có nghề truyền thống câu cá mập, làm vi cá.

² Lạnh lỏi: gần nghĩa với lạnh lết (*Đại Nam quốc âm tự vị*).

³ Sa Hoàng: tức Sa Huỳnh, vùng đất cực nam của tỉnh Quảng Ngãi.

Về "sai đạo"¹

Lẳng lẳng mà nghe
Cái về "Sai đạo"
Danh vì trấp bảo²
Vụ dĩ an dân³
Khâm sai đại thân
Kéo vô Đà Nẵng
Tướng quân đều sẵn:
Tán lý, tán dương⁴
Chù đề, chú lãnh^{4a}
Quân ròng tướng mãnh
Các đội, các cơ
Kéo vô tỉnh cũ
Phân quân vừa đủ
Phát vãng thượng du
Thác Cá, Rập Cu⁵
Đôi đường tán liễu.
Nhất thời phương liệu
Văn miếu đồn binh⁶
Ài thấy cũng kinh

¹ Còn có tên gọi là Về khâm sai.

² Bài này xuất hiện ở Quảng Nam năm 1886 ghi lại cuộc trận đàn áp nổi dậy của nghĩa quân do Nguyễn Duy Hiệu đứng đầu. Đội quân triều đình Đồng Khánh do khâm sai Nguyễn Thân chỉ huy.

³ Lấy cớ để yên dân, nhưng thực chất là đàn áp phong trào yêu nước.

⁴ ^{4a} Các chức quan văn, võ.

⁵ Thác Cá: một địa danh trên sông Thu Bồn; Rập Cu: tên một đèo thuộc huyện Quế Sơn.

⁶ Đạo quân của Nguyễn Thân đóng tại Văn Miếu ở làng La Qua.

Gọi khâm sai giỏi
 Kêu dân tới hỏi,
 Rằng: "Nghĩa đã tan
 Hạnh hoặc tương an
 Thị vì thanh sử"¹
 Sau lên Phong Thử²
 Quân nghĩa tứ vi,
 May chẳng hề chi,
 Nhờ ba thằng Pháp
 Thâu quân yếm giáp³
 Trở lại La Thành⁴
 Từ ấy thất kinh
 Vừa làm vừa sợ
 Vi luyện quân tinh
 Chỉ có Tây binh
 E không khỏi chết
 Chước chi cũng chết
 Năm ngoái năm ni
 Làm chẳng ra chi
 Lại thêm ăn bận
 Lũ quân đi lấy
 Các tướng về chia
 Thôi đã tràn đìa

¹ Nhắc lại một câu trong báo cáo của khâm sai gửi về triều đình Huế. Đại ý: nghĩa quân đã bị đánh tan, dân chúng đã sống yên.

² Tên một làng thuộc huyện Điện Bàn

³ Thu quân và cất giáp, không còn đánh nhau nữa.

⁴ Tỉnh thành Quảng Nam lúc bấy giờ đóng tại La Qua.

Cái chi cũng rách
Cái quần đã rách,
Cái áo đã xơ,
Cũng giành mà quơ
Huống chi cái khá
Kẻ thì đào mả
Người lại phá nhà
Những chó, những gà
Những heo, những vịt
Bắt mà ăn thịt.
Lại bán lấy tiền.
Dem về Thừa Thiên,
Ngãi, Bình, Quảng Trị,
Thậm vì khả bĩ¹
Quân lệnh khâm sai!
Thiên hạ ai ai,
Chớ tin mà mắc
Thác từ đánh giặc,
Hại ngà bình dân
Thiên địa quỷ thần,
Nguyện kỳ chiếu giám²
Nói càng thêm thảm,
Chẳng biết làm sao
Hiệu lệnh dường nào
Quân gia đến thế?

¹ Việc rất đáng khinh bỉ.

² Việc này nhờ quỷ thần soi xét.

Hà mưu hà kế?
Hà lự hà tư?
Viện những đồ hư
Để đi ăn giết
Bọn nào đắc lực,
Tấn trật thăng quan,
Lớn bé một đoàn
Vô sở bất chí¹
Nhân dân dị nghị
Hồ lạc chi từng²
Sự thế nhất cùng
Quảng Nam ở lỗ³
Trời làm chi khổ
Thất đảo bát điên
Nói lảm cũng phiền
Như tư như dĩ⁴.

¹ Không cái gì không làm.

² Cáo, cây cùng một bụi cây, ý nói cùng chung một phường kẻ cướp như nhau cả.

³ Ý nói mịa mai: bị bóc lột đến tận cùng, người dân Quảng Nam chỉ còn ở lỗ (ở truồng) mà thôi.

⁴ Đến như thế mà thôi.

Về chàng Lía

(Theo thể lục bát, hô Bài chòi)

Về Chàng Lía kể về cuộc đời của một tướng cướp đặc biệt, lừng danh một thời ở một vùng rừng núi phía tây tỉnh Bình Định và được nhân dân mến mộ bởi Lía đi cướp của người giàu chia cho người nghèo. Nhóm cướp do Lía chỉ huy từng gây nên nhiều nỗi kinh hoàng lo sợ đối với bọn Lía hương, hào mục và những nhà giàu có ở địa phương và cũng đã từng làm cho quan quân của triều đình phải đối phó vất vả trong nhiều năm.

Bài về cho ta thấy, Lía sớm mồ côi cha, sống với người mẹ luôn đau ốm, bệnh tật, nhà rất nghèo, thường bữa rau cháo. Nhưng cậu bé rất có hiếu với mẹ. Có lần mẹ bị bệnh nặng, nhà không có gì ăn, Lía phải đào khoai trộm, bắt trộm gà vịt của nhà phú hộ để về nuôi mẹ. Lía bị bắt tang và bị đánh đập rất tàn nhẫn. Nghèo khổ, đói rách nghi ngờ nên Lía bị bọn cường hào nhà giàu ức hiếp, khinh khi, chà đạp. Vì thế Lía nuôi mối hận thù ngày một sâu sắc đối với bọn cường hào nhà giàu.

Có một hương sư trong làng thông cảm hoàn cảnh, nhận Lía ở giữ trâu cho gia đình ông ta. Trong thời gian chăn trâu trên miền đất võ, Lía thấy nhiều người luyện tập võ nghệ, bèn bắt chước và rủ đám trẻ chăn trâu cùng nhau luyện tập... Trong một cuộc thi đấu, Lía lỡ tay còn đánh võ dẫu đối thủ. Lía hoảng sợ trốn biệt lên núi, không dám về làng và sau Lía trở thành một tên tướng cướp nổi tiếng. Điều đặc biệt là nhóm cướp của Lía không sách nhiễu nhân dân... mà chỉ đi cướp những nhà giàu, những kẻ quyền thế trong vùng. Những của cải lấy được, Lía mang về sơn trại một phần, còn thì đem chia cho các nhà nghèo trong vùng.

Nhiều nhà cầm quyền địa phương cũng như quân tướng của triều đình đã phải tốn nhiều công sức tiêu diệt lực lượng của Lía, nhưng không làm gì được. Về sau do sự chênh lệch về quân số, bị bao vây nghiêm ngặt dài ngày, lực lượng của Lía sau nhiều ngày chống đỡ đã suy yếu và

dần dần tan rã. Trong một trận huyết chiến, Lía đã thoát khỏi vòng vây và chạy vào rừng. Và từ đó Lía cũng biệt vô âm tín. Dân trong vùng vốn đã có cảm tình với Lía, đã tỏ lòng thương mến:

*Chiều chiều én liệng Truong Mây
Cảm thương chú Lía bị vây trong thành.*

Và không biết từ đâu, và lúc nào đã xuất hiện bài về chàng Lía dài đến trên 1400 câu và lưu truyền trong dân gian không chỉ ở tỉnh Bình Định mà ở nhiều tỉnh miền Nam Trung Bộ.

Bài về khá dài nhưng thể theo nguyện vọng của người đọc, nhất là bà con đồng hương Bình Định, cùng bạn đọc gần, xa, chúng tôi cho in lại toàn văn.

Vì là truyền miệng trong dân chúng một thời gian dài trước khi được chép lại nên chắc chắn có sự "tam sao thất bản". Vì vậy mong bà con lượng thứ cho những chỗ sai sót và góp ý cho kịp thời sửa chữa, bổ sung.

VỀ CHÀNG LÍA (Toàn văn)

- 1- *Có người ở phủ Qui Nhơn
Quán Phù Ly huyện gần miền Bích Khê¹
Cha xưa lính thú thái về
Ăn cận ngôi kê, sinh đặt một con.*
- 5- *Thời trời thế nước chon von
Cha thác, mẹ còn, Lía chịu mồ cô
Dậm chân ba tiếng kêu trời
Thân tôi có mẹ, dưới đời không cha
Mụ gia chi thăm xót xa*

¹ Có tài liệu viết là Bích Khê hoặc Bình Khê. Nhưng theo một số cụ cao niên thì đúng là Bích Khê: miền núi rừng vùng Đèo Nhong (huyện Phù Mỹ).

- 10- Xóm làng thấy vậy cũng đã thương thay
 Thấy đều giúp đỡ một hai
 Qua cơn túng khốn khi rày mà thôi
 Lúa ta tính lạ ai tày
 Tuy là hung dữ lâu nay tiếng đồn
- 15- Nhưng mà hiếu thảo ai hơn
 Nhiều người trông thấy vẫn còn nhớ ghi
 Hành hung đương lúc thị kỳ ⁽³⁾
 Chết sống Lúa chẳng kể gì đến ai
 Nhưng mà thấy mẹ sợ thay.
- 20- Dẫu đang hung dữ trở ngay thành hiền
 Trong lòng khiếp sợ rất nên
 Thấy mẹ ưu phiền, Lúa rất xót xa
 Một hôm ra tới làng ngoài
 Gặp con chú Xả cả hai vui vầy
- 25- Lúa ta tánh dữ hay gây
 Giành chơi chi đó, cả tay đánh người
 Chú Xả giận đã hết hơi
 Vội vàng trở bước ⁽⁴⁾ đến nơi la rầy
 Mẹ nghe chú nói sự này
- 30- Lòng càng thổn thức đắng cay thâm sâu
 Lúa ta ngoài nội bước vào ⁽⁵⁾
 Thấy mẹ buồn bã xiết bao lo lường
 Ân cần hỏi lại mẹ đường
 Chuyện chi mà mẹ thảm buồn xin phân.
- 35- Mẹ già sầu não trăm phần
 La rằng con thiệt chẳng tuân theo lời
 Ra ngoài gây họa theo đòi

- Thân ta vô phước mới thời sinh mi
Nói rồi hột lụy lâm ly
- 40- Lía ta thấy vậy xiết chi đau lòng
Lạy mẹ thưa lại đực trong
Xin mẹ thôi chớ nhọc lòng lo âu
Thà cho con chết xong đời
Còn để họ hiếp, nhóp ⁽⁶⁾ đời chịu đau
- 45- Nay con để mẹ phải râu
Từ đây con sẽ trước sau nhịn nhường
Mụ rằng con thiệt khá thương.
Phận mình đương lúc cùng đường thất cơ
Đừng nên ỷ sức đại khờ
- 50- Muôn điều phải nhịn, để lo sự mình
Chớ nên làm dữ đua tranh
Nghèo hèn há dễ chống kình đặng ai
Mẹ sanh có được mình may
Nếu con sinh sự chẳng hay còn gì?
- 55- Mấy lời mẹ dạy khá ghi
Không được gây gổ làm chi với người
Lía nghe hối hận đang khi
Cúi đầu lạy mẹ bước đi ra ngoài
Trong lòng chi xiết ai hoài
- 60- Lời mẹ dặn đó từ nay ghi lòng
Vừa đi vừa xét đực trong
Kiếm nơi làm lụng, ngõ phòng dưỡng thân ⁽⁷⁾
Lía ta suy xét xa gần
Vừa hay ngang ngõ Hương Thân trong làng.
- 65- Thịnh linh tiếng chó sủa ran
Làm cho chàng Lía kinh tâm hãi hùng

- Chó kia hung tợn muôn phần
 Nhảy ra ⁽⁸⁾ táp Lúa mười phần nguy nan.
 Lúa liền né tránh gọn gàng
 70- Cầm đá mà liệng ngỗ toan giữ mình
 Vừa hay đá trúng tâm linh ⁽⁹⁾
 Chó kia vỡ óc thành linh chết ngay
 Lúa ta thấy thế sợ thay
 Hương Thân tiếng dữ xưa nay vẫn đồn
 75- Trong lòng lo tính muôn phần
 Hương Thân mà biết khổ thân thế nào
 Còn đương toan liệu trước sau
 Bồi hồi chưa biết đi đâu lánh mình
 Thành linh bị thộp ⁽¹⁰⁾ thất kinh.
 80- Ngó ngoái lại nhìn địch chú Hương Thân
 Hương Thân mặt giận hầm hầm
 Nạt vang mây thiết một thẳng hung hoang
 Mây liệng chó tao chết rõ ràng
 Thằng này lớn mật to gan quá chừng
 85- Lúa ta thưa lại đực trong
 Hết lời năn nỉ ngỗ phòng xin dung
 Lỡ tay trong lúc rối lòng
 Liệng dọa nó sợ để hòng lánh đi
 Chẳng dè nó chết một khi
 90- Thiệt là quá rủi nên chi nỗi này
 Hương Thân ngấm nghĩ, chau mày
 Thằng này nghèo khó, đến ngay có gì
 Thôi đành tống khứ nó đi
 Lân này tao thử, cút đi cho đành

- 95- Lúa ta mừng rỡ khôn lanh
Thoát qua tai nạn, chân nhanh về nhà
Mụ gia thấy trẻ hỏi qua
Đi đâu con nói cho ta đừng nào
Lúa bèn kể lại trước sau.
- 100- Con đi kiếm việc ngô hầu làm ăn
Nhưng mà thiệt rủi vô ngần
Tìm không ra việc khó khăn thay là
Mụ gia mới tỏ gần xa
Con ơi nhìn lại trong nhà khổ sao.
- 105- Mẹ nay đầu bạc tuổi cao
Thiệt chẳng còn có sức nào nuôi con
Nay con tuổi đã lớn khôn
Lại lo nuôi mẹ đỡ cơn túng cùng
Mẹ nay đang lúc đói lòng
- 110- Chẳng còn một trụ⁽¹¹⁾, một đồng thăm thay
Mẹ chịu nhịn đói ngày nay
May sao có được củ khoai đỡ lòng
Lời mẹ nghe xói tâm trung
Khiến cho Lúa phải nã nùng thiết tha
- 115- Rưng rưng ứa lụy thừa qua
Xin mẹ an dạ ở nhà chờ con
Dứt lời trời bước dời chân
Mụ gia vội vã kêu con hỏi rằng
Đi đâu con khá bày tàng.
- 120- Cho mẹ biết chốn, ngõ an tắc lòng
Lúa ta thưa lại đực trong
Con nay chưa tính trong lòng đi đâu
Mụ gia căn dặn trước sau

- Phải nghe lời mẹ trước sau chỉ bày*
- 125- *Tuy ta nghèo túng nỗi này
Nhưng phải giữ dạ sạch ngay chu toàn
Chớ nên vì buổi nguy nan
Mà làm những việc tham gian của người
Lúa quỳ lay mẹ thừa lời.*
- 130- *Xin mẹ an dạ, con thời gắng ghi
Bồi hồi bước vội chân đi
Trong lòng buồn bã việc chi tìm mà
Bỗng nghe văng vẳng nẻo xa
Tiếng ai cười nói thiệt là rộn vang*
- 135- *Lúa ta bước đến vội vàng
Thấy nhà phú hộ chuyện ran vui mừng
Đám cưới đông đã quá chừng
Uống ăn rậm rộ vô cùng thỏa vui
Ngậm ngùi suy xét khúc nôi ⁽¹²⁾*
- 140- *Nhà này giàu có ắt người đức nhân
Ấu là vào đó nhờ thân
Cầu người thương xót thi ân đỡ mình
Phú ông giàu có gia đình
Nhưng mà chẳng đáng hiền lành đức nhân.*
- 145- *Con người ích kỷ muôn phần.
Bởi chưng giàu có xóm làng nể kiêng
Lúa ta nào rõ sự duyên
Tưởng là giàu có hẳn hiền hơn ai
Thấy họ ăn uống đông đầy*
- 150- *Lúa bèn vội vã bước ngay vào nhà
Bầy chó rộn rục tủa ta
Nhảy chồm bầu sủa thiệt là hung hăng*

- Lúa ta kinh sợ vô ngần
 Tới lui chẳng tiện trăm phần khó khăn
- 155- Phú ông trông thấy rõ ràng
 Bước ra la chó nạt vang hồi rằng
 Thằng nào lớn mặt to gan
 Đi đâu mau khá bày tàng¹³, thấp cao
 Chuyện chi bay tới nhà tao.
- 160- Ăn mặc rách rưới khác nao ăn mày
 Lúa bèn thừa lại một hai
 Thân tôi đói khổ khó thay chẳng cùng
 Nghe đồn lượng cả phú ông
 Đến xin cứu vớt mở lòng đoái thương
- 165- Nhà tôi phải lúc tai ương
 Mẹ già khôn khó trăm đường gian nan
 Cút côi thân phận cơ hàn
 Thật là túng bán nghèo nàn xót xa
 Tôi thay mẹ góa ở nhà.
- 170- Mấy ngày chịu đói thật là thảm thương
 Thân hèn đi khắp tứ phương
 Kém nơi ở đợi mong đường nuôi thân
 Đi đà khắp chốn thôn lân
 Chưa ai chịu mướn nên lần tới đây
- 175- Xin ông thương lấy thôn này
 Ra tay tế độ ơn tày tợ sông
 Phú ông cười nhạt mà rằng
 Mau mau mi khá tìm đường ra ngay
 Nhà tao đâu mướn thứ bay
- 180- Khá tầm nơi khác ngô may được nhờ
 Lúa nghe lụy nhỏ dầm dờ

- Cúi xin mở lượng tôi nhờ chút nao
 Cơm thừa cá cặn đường bao
 Cho mẹ được bữa thỏa thao⁽¹⁴⁾ lòng người
- 185- Phú ông tức giận thốt lời.
 Cơm thừa cá cặn đến nơi đâu mà
 Chó tao lớn nhỏ một bày
 Nó ăn chẳng đủ cho mày lấy đâu?
 Có khôn mày khá đi mau
- 190- Nhược bằng đừng đó, tao huyết chó sữa bầu bây giờ
 Lúa ta nghe rõ lai do
 Trong lòng tức tối ngẩn ngơ bất bình
 Lẽ nào tàn nhẫn cho đành
 Chẳng thương kẻ khó cho ăn lúc này.
- 195- Thiệt là lũ chó nhà đây
 Hơn người nghèo khổ ta nay quá chừng
 Bồi hồi Lúa tức tràn hông
 Ngấm thân đành phải dẫn lòng làm thỉnh
 Xung gan chi xiết bất bình.
- 200- Há nào dám hé sự tình nổi chi
 Phú hộ huyết chó tức thì
 Một bày hung dữ thừa khi hiếp người
 Nhảy vô làm dữ vô hồi
 Con chồm con sữa xem thôi kinh hoàng.
- 205- Lúa ta sửng sốt bàng hoàng
 Bỏ chạy ra ngô tìm đảng lánh thân
 Chó bày hung dữ muôn phần
 Rượt theo đuổi Lúa sữa rân khắp làng
 Lúa ta chi xiết hoang mang
- 210- Chun vào bụi rậm bên đảng lánh thân

- Phú hộ khi ấy cười rân
 Huýt bắt bầy chó vào sân tức thì.
 Lúa ta phách tán hồn phi
 Ngồi không cựa cựa xiết chi kinh hoàng
 215- Đang ngồi trong bụi thở than
 Dè dàu nhằm chỗ kiến vàng tuôn ra
 Chút chiu sa số hằng hà
 Cẩn chàng bán loạn nhẩy ra kêu trời
 P¹ ời lia đông chạy tách rời
 220- Phút thôi một đuôi kêu trời xót xa
 Trách người tàn nhẫn độc sâu
 Chẳng lòng thương tưởng chút nào kẻ nguy
 Cơm thừa để đó ích gì
 Cho ta đỡ tạm mẹ già ngóng trông
 225- Dặm đường mỗi cẳng bực lòng
 Oán tên phú hộ ở lòng bất nhơn
 Mồ hôi nhỏ giọt ròn ròn
 Tay chân mỗi rụng vô cùng thiết tha
 Chẳng dám bước trở lại nhà
 230- Về nhà thấy mẹ đói đà sao an?
 Ngày ngày đi khắp xóm làng
 Vô phương hết kế biết toan lẽ nào?
 Bây giờ con biết làm sao
 Cha ôi, mẹ hỡi, nói nào được cha?
 235- Lúa ta chi xiết sâu đà
 Ngập ngừng chân bước xót xa thăm sâu
 Hai hàng lụy ngọc thấm sâu
 Nhìn trời ngó đất đôn đau muôn phần
 Vừa đi vừa xét bản thân
 240- Ngang qua trước ngõ Hương Thân xem chừng

- Lúa ta đã đến nước cùng
 Ngắm xem Hương Quân có lòng hiền lương
 Đánh liều vào đó bầy tường
 Cầu xin giúp đỡ kẻ đương nguy nan*
- 245- *Nghĩ thôi chân bước vội vàng
 Vào thưa Hương Quân một đàng thủy chung
 Kể qua những nỗi lao lung
 Kể qua những nỗi khốn cùng chịu qua
 Chú Hương nghe rõ đủ là*
- 250- *Nhìn xem kỹ lại, quả là Lúa đây
 Chú Hương mới hỏi lời này
 Đi đâu khuya khoắt thế này hỡi mi?
 Ban ngày sao lại chẳng đi
 Hay mày gian xảo ý chi chẳng là?*
- 255- *Lúa liền lời mới thưa qua
 Cả ngày đi khắp gần xa xóm làng
 Thân này quả thiệt khốn nàn
 Chẳng ai cứu giúp cơ hàn khúc nôi
 Chú Hương thương kẻ hàn vi*
- 260- *Rằng mày nói vậy dễ gì mà tin
 Nói thôi chưa hết sự tình
 Thím Hương trong cửa ứng thỉnh như là
 Thằng này chẳng phải lạ xa
 Vốn này đồn đại rất là dữ hung.*
- 265- *Khá mau đuổi nó chớ chùng
 Đừng cho nó đứng tráo trưng nhà mình
 Chú Hương còn chút nhân tình
 Dữ đâu chẳng dữ với mình thì thôi
 Hôi chiều cơm nguội còn dư*

- 270- Cơm này giúp nó qua hồi làm ơn
Thím rằng cơm nguội tuy còn
Cho chẳng đến nó được nhưn ngài gì?
Nói rồi quày quạy đuổi đi ⁽¹⁵⁾
Lúa ta thấy vậy ngậm ngùi đắng cay.
- 275- Nước đời sâu độc thế này
Lòng người nham hiểm thân rày biết đâu
Biển sông dò dặng cạn sâu
Nhân tình hiểm hóc, lòng nào dò sông?
Nhớ hồi ta chữa lớn khôn
- 280- Họ ham giành giật tranh hơn hoang đảng
Ức thôi đánh lộn rộn ràng
Chẳng cho người hiếp, họ rằng dữ hung
Còn họ độc ác vô cùng
Nào ai trách họ, họ không xét lường?
- 285- Càng nghĩ càng giận phi thường
Trách ai tàn nhẫn vô lương bất nghi
Rê chân ⁽¹⁶⁾ về chốn mẹ già
Cả ngày mẹ đối lòng đã xót xa
Nghĩ thầm chắc mẹ trông ta
- 290- Nhưng ta chẳng có chút gì biết sao
Nếu ta cứ bước chân vào
Để mẹ mừng tường càng đau đớn lòng
Lí ta lụy nhỏ ròng ròng
Đứng sau chòi vách vô cùng thiết tha.
- 295- Nghe mẹ rên xiết trong nhà
Rằng sao thằng Lúa con ta chưa về?
Lòng già đang đợi trăm bề
Đêm nay đối nửa thân hề còn đâu?

- Nghe mẹ than thở âu sầu*
300- *Làm cho chàng Lía âu sầu héo hon*
Xiết chi những nỗi đau lòng
Chòi tranh chẳng dám dờ chân bước vào
Bồi hồi dạ ngọc xót đau
Đánh liều tính đến trước sau một điều
305- *Nhớ lời mẹ dặn đã nhiều*
Tham lam nhớ giữ, làm điều vẹn thân
Đến nay trong lúc nguy nan
Giữ làm saoặng chính ngay được nào
Mẹ già răn nhỏ trước sau
310- *Lòng con ghi nhớ lẽ nào dám quên*
Nhưng giờ đến lúc đảo điên
Cam đành trái mẹ mới yên thân mình
Dốc lòng cố giữ lòng thành
Mà trời chẳng giúp, phải đành gian tham
315- *Lía ta tính đến cùng đành*
Nhằm nhà phú hộ, vội vàng đến nơi
Chó bầy đã ngủ hết rồi
Tuốt vô chuồng vịt xách đôi về nhà
Chòi tranh qua cửa tức thì
320- *Mụ gia trông thấy hỏi chi chớ mà?*
Lía lời mới lựa thưa qua
Có cậu Hương ấp thương ta vô cùng
Thấy con khốn khổ lao lung
Hỏi con đã rõ đực trong sự tình.
325- *Nghe con bày tỏ nỗi mình*
Cậu mới thương tình bắt vịt cho con
Mụ gia nghe rõ thiệt hơn

- Tin theo lời trẻ: chẳng còn ngại ngại
Xúm quanh làm vệt một khi*
- 330- *Xong đêm ăn uống đỡ khi nguy nàn
No lòng mừng rỡ trăm phần
Mụ gia còn dặn đừng tham của người
Dù rằng chết đói thời thôi
Lúa nghe biết vậy đành rồi bỏ qua*
- 335- *Gian tham tuy xấu nhưng là
Bởi sao họ chẳng chịu mà giúp ta?
Ngày kia Lúa nọ đi xa
Cả ngày mẹ chữa ăn qua lót lòng
Ấu đành tính lại mới xong.*
- 340- *Miền sao cho trọn phận con đủ đàng
Lúa ta vào lén trong làng
Bắt gà trộm vịt, ngô phòng đỡ nguy
Chẳng dè Lúa rủi một khi
Bị người bắt đặng xiết chi kinh hoàng.*
- 345- *Lúa ta tuy thật lệ làng
Vừa toan tẩu thoát xóm làng tuôn ra
Chiếc thân nguy hiểm thay là
Chủ nhà bắt đặng kéo ra giữa đàng
Làng đem chú Lúa đóng gông*
- 350- *Hội tề nhóm lại, om sòm hỏi han
Hương Thân trở giọng nạt vang
Lúa mảy là đứa hung hoang làng này
Thiệt mảy gan dạ lắm thay
Nhè nhà Hương Quân để mảy gian tham*
- 355- *Lúa rằng thiệt chẳng đành cam
Nhưng về cảnh ngộ nguy nan buộc mình.*

- Làng rằng mày chó nói lanh ⁽¹⁷⁾
 Làm ăn chẳng muốn lại đành tà gian
 Thiệt mày tội đáng trăm ngàn
- 360- Phen này khó nổi, đừng an đâu mà
 Sao không ở mượn người ta
 Kiếm tiền nuôi dưỡng mẹ già chó chi?
 Lúa mới thừa lại một khi
 Máy ông không biết chuyện chi xa gần
- 365- Tôi đây bao quản cực thân
 Chẳng biết mấy lần đi hỏi làm ăn
 Nhưng mà khôn nạn vô ngần
 Chẳng ai chịu mượn khó khăn bán cùng
 Làng nghe nổi giận dùng dùng
- 370- Rằng thằng gian ác mựa ⁽¹⁸⁾ đừng dôi quanh
 Trùm đầu mau khá phạt hành
 Đánh sao cho nó thất kinh mà chừa
 Lúa ta chưa kịp tổ thừa
 Bị tên trùm đánh chẳng chừa chi đâu.
- 375- Cẩn rằng mà chịu trước sau
 Da tan thịt nát xót đau vô chừng
 Khóc la lụy nhỏ rờn rờn
 Lúa ta than thở nào nững xiết bao
 Xóm làng đang lúc bàn nhau
- 380- Hương sư đi trễ bước vào hỏi qua
 Chuyện chi đánh trẻ kêu la
 Khá tua phân lại gần xa mọi làng
 Hương sư quyền thế trong làng
 Nhiều tiền, lắm của cả làng nể nang
- 385- Lúa ta khóc lóc thừa làng

- Hương sư rõ chuyện xin làng mở gông
Một thằng con trẻ đói cơm
Làm xằng qua lẽ, đỡ lòng dưỡng thân.
Sao mà nhờ đánh nhần tâm.
- 390- Xin cùng hương chức xa gần thứ tha
Nó ở hiếu với mẹ già
Không gì nuôi mẹ sinh ra kể cùng
Xin làng suy xét đặng trong
Mấy ai biết nhục mà không giữ mình?
- 395- Bởi chưng cơn túng buộc tình
Lại thêm còn tuổi xuân xanh biết gì
Nghe lời biện bạch như khi
Cả làng đều thấy tức thì tha ngay
Lúa ta thoát nạn mừng thay
- 400- Lay người bốn lay tỏ bày biết ơn
Hương sư mới tỏ thiệt hơn
Từ nay bỏ tánh chớ còn gian tham
Lúa ta khép nép bày tàng
Hiềm vì làng chẳng mướn làm nuôi thân.
- 405- Thật là khôn nạn muôn phần
Mẹ tôi mà biết khổ thân thay là
Mấy lời thành thật thiết tha
Hương sư nghĩ ngợi phân ra rằng mà
Đến tao ở mướn từ này.
- 410- Nhưng mà phải ráng đổi thay tính tình
Lúa nghe thỏa dạ ưng đành
Thề nguyện thay đổi thay lành tính gian
Hương sư trối bước vội vàng
Lúa vội theo dõi gia đình đến nơi.

- 415- Tiền mượn đâu đó tính rồi
Bạc trong tay Lía, Lía vui vô cùng
Cầm bạc chi xiết là mừng
Về nhà cùng mẹ đọc trong giải bày
Thuật qua các việc ngắn dài
- 420- Mụ gia toại chí từ rày khỏi lo
Mừng con đặt chốn ấm no
Phận mình cũng khỏi nguy cơ túng cùng
Việc nhà thu xếp vừa xong
Hương sư biểu Lía ra đồng chăn trâu

*

* *

- 425- Lía quản chi mưa nắng dãi dầu
Hết lòng chăm chút đáp ơn sâu cứu mình
Mai chiều trọn tấm lòng thành
Chẳng hề sai sót phận mình chút chi
Hằng ngày chăn dắt đàn trâu.
- 430- Ngoài đồng thoáng đang trước sau toại lòng
Có hơn hai chục mục đồng
Từ ngày biết Lía có lòng nể kiêng
Lía ta tâm tánh chẳng hiền
Lại thêm cao lớn rất nên lạ lòng
- 435- Chưa đầy mười sáu thu đông
Sức chàng hồ dễ tưởng không ai bì
Tính tình chi thiệt lạ kỳ
Không chịu ai hiếp, nhiều khi sinh rầy
Thường ngày chăn dắt ở ngoài
- 440- Thả trâu ăn cỏ bãi bày ruộng kia
Chợt ngày nhìn tới dưới khe

- Gốc cây cá lóc nằm kề một bên
 Phút đầu vùng cái nhẩy lên
 Rớt xuống cá đã nằm trên ruộng rồi
 445- Lúa ta thấy vậy tức cười
 Khen con cá lóc vô hồn tài ba
 Chớ chi cá lóc dạy ta
 Học theo miếng đó thật là mang ơn
 Mục đồng xúm lại hỏi đồn.
 450- Lúa nhìn chi đó, đừng chân đứng hoài?
 Lúa rằng cá lóc rất hay
 Nó vùng một cái thiệt tài vô song
 Dưới khe sâu thăm vô cùng
 Một cái thắt vùng nhẩy lẹ lên trên
 455- Mục đồng nghe rõ sự duyên
 Có đứa bày giả hư nên tỏ tình
 Con cá nó cũng như mình
 Tập lâu ắt đặng, chẳng tin thử làm
 Lúa nghe bèn hỏi cho tâng
 460- Làm sao lại thể học đành nhẩy cao?
 Mục đồng bày tỏ trước sau
 Cứ đào cái lỗ ban đầu vừa thôi
 Mình tập nhẩy đặng khỏi rồi
 Thì đào sâu nữa, lần hồi sẽ nên.
 465- Lúa nghe tỏ rõ căn nguyên
 Tác lòng thơ thới rất nên thỏa đành
 Máy lời gẫm xét rành rành
 Lúa liền quyết chí tập tành nhẩy cao
 Mục đồng xúm xít cùng nhau
 470- Giúp chàng đào lỗ thật sâu luyện rèn

- Lúa ta xuống đó nhảy lên
 Cứ làm như vậy đến nên gọn gàng
 Kiên gan vững chí trăm đường
 Chuyên tâm rèn tập vẹn toàn một năm
 475- Lăn lăn nhảy giỏi trăm phần
 Lỗ nọ đào lần càng bữa càng sâu
 Chẳng những Lúa nhảy khỏi đầu
 Nhảy còn qua khỏi hàng rào thiệt cao
 Nghề chi năng luyện năng trao
 480- Thét rồi cũng giỏi lẽ nào đơn sai
 Nhảy cao như Lúa thiệt tài
 Nóc nhà nhảy khỏi ai ai cũng nhường
 Mục đồng xem thấy hấn hường ⁽¹⁹⁾
 Thấy đều kinh sợ, dễ thường dám qua
 485- Lúa ta toại dạ thay là
 Giỏi nghề cá lóc ai ai mà dám đương?
 Khắp cùng đồng nội ruộng nương
 Mục đồng đều thấy kính nhường Lúa ta
 Ngày kia Lúa tỏ gần xa
 490- Minh đây đủ mặt thấy là hai mươi
 Chia ra mỗi phía mười người
 Giả đồ đánh giặc chơi vui cho đành
 Thằng Mướp mười bảy xuân xanh
 Lớn hơn các đứa, vóc hình cũng to
 495- Nghe Lúa bày tỏ căn do
 Mướp liền ưng chịu, lựa người phân hai
 Xong rồi hai phía ra tay
 Cùng nhau đánh giặc vui thay chẳng là
 Giữa đồng bấy trận chia ra

- 500- Rượt qua, đánh lại vui mà nào hơn
Rót cùng bên Lúa thắng hơn
Mục đồng thỏa bấy lòng son những ngày
Lúa ta toại nguyện lắm thay
Một hôm kêu tất thầy thay mục đồng
- 505- Nói rằng hát bội ngoài đình
Vua bị vai nịnh vây rành không sai
Bọn ta phân cũng làm hai
Thử làm y vậy xem ai thắng nào?
Mục đồng nghe rõ trước sau
- 510- Vô tay ưng chịu chia nhau trận bày
Lúa bèn tỏ rõ một hai
Thằng Mướp làm nịnh tao nay chúa đầu
Nhưng ta giao ước như sau
Làm vua phải để lâu lâu mới là
- 515- Thằng Mướp, thằng Bí, thằng Cà
Đều theo phe nịnh gian tà bất trung
Thằng Ối, thằng Khế, thằng Hùng
Phò vua trọn dạ chính trung mới đành
Bao nhiêu còn lại sắp thành.
- 520- Làm quan, làm tướng theo rành mỗi bên
Lúa ta ra lệnh chỉ truyền
Mục đồng hết thầy theo liền vui chơi
Thằng Mướp bèn tỏ khúc nói
Trâu đều thấy cột xong xuôi mọi đùm
- 525- Cùng nhau sau trước một đoàn
Kéo vào miếu nọ ngô toan vui vầy
Đến nơi ngồi dưới cột cây
Xúm quanh bàn luận vấn dài, thấp cao

- Lúa bèn tỏ rõ âm bao
- 530- Làm vua phải ngự ngai cao mới là
Đúng như ngài ở trào ca
Tụi bây lo đẹp lòng ta bấy giờ
Thằng Mướp hăng hái đôi co
Châu mày phân lại đặng cho Lúa tàng
- 535- Làm gì mình có ngai vàng
Mày khéo bày chuyện khó toan vô cùng
Ngôi đại dưới đất cũng xong
Ngai vàng khó nổi, thiệt không thể làm
Lúa ta thấy cái lịnh ban
- 540- Nạt rằng vua đã chỉ truyền cái sao?
Làm ngai nào khó chi đâu
Vào rừng đẵn gỗ khó nào mà chi
Nghe Lúa ăn nói dị kỳ
Mướp ta cãi lộn năn nỉ hỏi ra.
- 545- Ngai đâu ở chốn rừng già
Mày khéo bày giải cho ta đặng tường
Trái tai chàng Lúa đâu nhường
Mắng rằng, mày thiệt ngu bường (bằng) con trâu
Ngai kia ở chốn rừng sâu
- 550- Ấy tao nói ý, có sao không tàng
Đốn cây làm cái ngai vàng
Cột lại như thế cái thang khó gì?
Thằng Mướp nghe nói đành y
Mục đồng chạy tuốt vô rừng thì sâu
- 555- Đốt cây cột lại theo nhau
Làm thành ngai giải trước sau như là
Lúa ta mặt nở như hoa

- Ngang nhiên lên thẳng ngai vua mà ngồi
 Nói cười trong dạ mừng vui.
- 560- Tỷ như mình đã trị ngôi thỏa lòng
 Mướp ta mới nói bông lông
 Như mây quả thiệt vô cùng cao sang
 Chàng Lía mới tỏ mọi đàng
 Từ đây y thừa ⁽²⁰⁾ lệnh truyền chớ sai
- 565- Mỗi ngày ngồi đại trên ngai
 Mục đồng ngồi dưới vui vầy trào ca
 Lía ta ngang dọc thay là
 Mục đồng nể sợ ai mà chẳng kiêng
 Bày chơi vui trước miếu thần.
- 570- Mục đồng cùng Lía trăm đường thỏa vui
 Ngày kia chàng Lía lên ngôi
 Nhìn xem xuống dưới đủ người trước sau
 Mướp ta chẳng biết đi đâu
 Sao rày vắng mặt ai nào biết không?
- 575- Mục đồng quì tấu song song
 Ất là tên Mướp tráo lòng chi đây
 Cùng ta chẳng chịu vui vầy
 Không chừng có chuyện bữa nay ở nhà?
 Lía ta bèn tỏ gần xa
- 580- Thằng Mướp nó chẳng phục ta không chừng
 Chờ khi lai đáo trào trung
 Đặng ta hỏi rõ đục trong cho tường
 Ví bằng nó chẳng chịu nhường
 Cùng ta thí sức đối đương thử tài.
- 585- Nếu nó thắng được Lía đây
 Ta thời quyết hẳn nhường ngôi Mướp liền

- Còn đang bàn tán sự duyên
 Bỗng thấy Mướp đứng phía bên kia là
 Lúa ta bèn hỏi cho ra
- 590- Sao mày lại đáo trào ca trẽ mày?
 Khá tua bày tỏ vẫn dài
 Đặng ta thấu rõ cho hay thiệt tình
 Mướp bèn trở giọng bất bình
 Chơi vậy thiệt chẳng công minh chút nào.
- 595- Tài chi mày ngự ngai cao
 Lẽ thì phải để cho tao ngai này
 Bởi tao lớn tuổi hơn mày
 Mày còn nhỏ tuổi mà tài cán chi?
 Lúa ta nghe rõ như y
- 600- Trong lòng nổi giận tức thì phân qua
 Nếu mày muốn chiếm ngai ta
 Hãy cùng thử sức mới là công minh
 Nếu mày thiếu sức chống kinh
 Thì là mày phải chịu đành nhường ngai
- 605- Thường ngày từng phục ta ngay
 Ta kêu phải dạ, ta sai vâng lời
 Cứ việc thi sức mà chơi
 Đặng cho biết rõ ai thời hơn ai?
 Mướp ta nghe Lúa nói gât hoài
- 610- Nếu đặng như vậy ta đây vui lòng
 Lúa nghe tức giận dùng dùng
 Kế mưu sắp sẵn quyết cùng phen nay
 Lúa bèn phân lại một hai
 Thì tài thử sức rất hay chẳng là
- 615- Nhưng ta còn muốn nói qua

- Thăng Mướp giả kẻ gian tà đoạt ngôi
 Sẵn dịp đó phải là vui
 Cùng ta tở thí đặng coi thế nào.
 Mướp đà nghe rõ trước sau.
- 620- Vui lòng thuận dạ xiết bao là mừng
 Chia đôi phe nịnh, phe trung
 Sắp đặt đâu đó đã xong mọi dàng
 Mướp ta có vẻ ngang tàng
 Cầm côn đứng giữa bệ vàng quân qua
- 525- Hôn quân vô đạo kia là
 Vô nhơn, thiếu đức khó mà trị ngại
 Sanh linh nam bắc đông tây
 Thấy đều đồ thán ⁽²¹⁾ chẳng ai phục lòng
 Chẳng đáng kể vị ngại rồng
- 630- Là vua bạo ngược dân không thuận tình
 Vua Lía phán hỏi phân minh
 Sao rằng vô đạo nói rành nghe qua
 Làm vua ngấm lại như ta
 Dư tài, dư đức thiệt là không sai.
- 635 - Thăng Mướp mới nói lời này
 Mê dâm đắm sắc hôm mai rõ ràng
 Chẳng lo công việc trào dâng
 Lại chẳng kể đến trăm quan trung thần
 Lía nghe kẻ xấu xa gần
- 640- Trong lòng lửa giận phùng phùng bốc lên
 Quả mày là đứa tà gian
 Vô đạo mau há bắt gian chém đầu
 Thốt vừa nói dứt mấy câu
 Thì phe vua Lía áp vào ra tay

- 645- *Mướp ta cầm một khúc cây*
Đánh nam, đỡ bắc múa may loạn trào
Lúa ta tức giận xiết bao
Trên ngai nhảy xuống xông vào đua tranh
Chàng Lúa hết sức lệ lạnh
- 650- *Lại thêm sức mạnh ai kinh cho qua*
Đường còn toàn vẹn trăm bề
Múa nghe giông tố tiếng nghe vù vù
Nỗ lực đánh đấm một hồi
Mướp đành tính chuyện để vời bên phi (22)
- 655- *Kiểm nơi nào đó lánh nguy*
Nhưng Lúa theo kịp tức thì bắt ngay
Mướp ta mỗi rúng hai tay
Chỉ đỡ chớ khó ra tài cự đương
Lúa ta đánh tới khôn lường
- 660- *Mướp đỡ chẳng kịp, trúng thương vào đầu*
Mướp liền choáng váng té nhào
Sợ bể một miếng máu đào chảy thấm
Lúa ta hồi hộp sợ thẳm
Lỡ tay nên đánh trúng nhâm nguy nan
- 665- *Cúi bồng thẳng Mướp vội vàng*
Thấy hồn nó đã xuôi vàng xa chơi
Hay tin thẳng Mướp chết rồi
Mục đồng ai nấy rúng rời tay chân
Thấy đều kinh sợ muôn phần
- 670- *Kéo nhau ù chạy rần rần kêu la*
Lúa ta kinh sợ thay là
Chuyện này chẳng để cho ta đâu mà
Nên chỉ làng xóm kéo ra
Ta đây ắt hẳn khó mà thoát nạn

- 675- Chi bằng ngay sớm lo toan
 Mau mau phải kiếm tìm đàng lánh thân
 Không sớm tính họa đến gần
 Bôn đào thôi khá dời chân lên đàng
 Lúa ta quả thiệt khôn ngoan
- 680- Chạy thẳng lên núi tìm phương lánh mình
 Thằng Mướp bỏ mạng thành linh
 Mục đồng tát thấy thất kinh la trời
 Có đứa chạy thẳng một hơi
 Về đến nhà hội ⁽²³⁾ bày lời thấp cao
- 685- Chúc hương nghe rõ âm hao
 Kéo nhau đến thẳng, ngõ hầu xem qua
 Thấy đà tường tận gần xa
 Kêu cha thằng Mướp đến mà nhìn con
 Chú Thơ nghe rõ sự duyên
- 690- Ngã ra chết giấc một cơn biết gì
 Ôm con mà khóc lâm li
 Hai hàng lụy nhỏ thương bi muôn phần
 Xóm làng hỏi lại tỏ phân
 Mục đồng khai rõ xa gần trước sau
- 695- Làng nghe thấu thiệt âm hao
 Biết rằng thằng Lúa bấy lâu ngang tàng
 Thằng Lúa hung dữ ai bằng
 Án mạng phải bắt, ngõ toan hành hình
 Nhưng nó đã trốn bắt tin.
- 700- Làng nghe càng giận bất bình thiết tha

*

* *

Đoạn này nói việc mụ gia
 Đang đau bệnh nặng ai qua mà tường

- Ôm nằm rên rỉ trên giường
 Lúa gầy án mạng mọi đường chưa hay
 705- Có người cùng ở xóm này
 Nghe tin thằng Lúa vội ngay đến nhà
 Lừa lời nói với mẹ già
 Thằng Lúa con bà quả thật là hung hăng
 Mẹ già chưa thấu hỏi rằng
 710- Chuyện chi đến nước bày tàng nghe qua?
 Miếng tuy hán hỏi gần xa
 Mà lòng sản sốt, mặt đỏ tái xanh
 Người này bèn tỏ hắc minh ⁽²⁴⁾
 Thằng Lúa làm việc chẳng lành ghê thay.
 715- Nó đánh thằng Mướp chết ngay
 Nay đã trốn biệt chẳng hay nơi nào
 Xóm làng đang lúc xô xao
 Tìm kiếm thằng Lúa bắt vào khảo tra
 Mẹ già nghe nói xót xa
 720- Kêu lên một tiếng ngã ra tức thì
 Thân già bệnh đã thù nguy ⁽²⁵⁾
 Nay nghe chuyện dữ hồn phi, phách dờ
 Sợ quá bất tỉnh ngất người
 Bởi chưng yếu sẵn tất hơi chết liền
 725- Thiệt là bao xiết thảm phiền
 Mẹ già nghĩ lại rất nên vô phần.
 Xóm làng khắp chốn xa gần
 Nghe tin mẹ chết động tâm thương tình
 Nghĩ xưa mẹ ở hiền lành
 730- Chung quanh chẳng có bất bình chuyện chi
 Ngày nay mẹ rui thác đi

- Bà con thương xót xiết chi thăm tình
 Xóm làng bàn luận phân minh
 Con mụ làm dữ bất bình nào sai
- 735- Nhưng mụ hiền đức lâu nay
 Chẳng lẽ ta để rã thây cho đành
 Ấu làng cũng khá làm lành
 Chung nhau góp đậu ⁽²⁶⁾ đưa linh lên dàng
 Xóm làng lớn nhỏ lo toan
- 740- Kẽ công, người của tổng an lão bà.

*

* *

- Đến đoạn chàng Lía nhắc qua
 Sau khi làm tội rừng già ẩn thân
 Nghĩ mà đau đớn lương tâm
 Vui đùa thái quá, mang phần nguy nan.
- 745- Ngùi ngùi suy xét mọi dàng
 Ăn năn hối hận xốn xang tác lòng
 Chẳng màng đòi khổ nguồn cơn
 Chỉ thương cho mẹ biết đường làm sao?
 Nếu mà thấu rõ âm hao
- 750- Chắc là mẹ phải xót đau vô cùng
 Đang cơn bệnh hoạn nào nùng
 Nghe tin làm dữ, đâu chừng tội con
 Bồi hồi trong dạ nao nôn
 Chín chiều ruột thắt khác đường kim châm
- 755 - Xiết bao bút rút lương tâm
 Lộp thương nỗi mẹ trăm phần chẳng an
 Lộp lo mình phải nguy nan
 Mạng người chỉ trọng nghĩ càng xót xa

- Mấy ngày ở nấu rừng già.
- 760- Hải trái đỡ dạ thiết là khôn nguy
 Dầm sương dãi nắng một khi
 Tắm thân vất vả xiết chi tính lẫn
 Bấm môi cạn xét mọi phần
 Khổ lòng chua xót âm thầm lụy rơi
- 765- Nhớ thương thân mẹ vô hồi
 Nghĩ mình xấu số bồi hồi xót xa
 Đói âu cam chịu biết mà
 Nếu lần xuống xóm ai mà thứ dung
 Thôi đành ở chốn núi rừng
- 770- Có đói mà thác cũng đừng có ra
 Lần hồi tháng lụn ngày qua
 Trái cây đỡ dạ nghĩ mà thảm thương
 Từ ngày ngộ cảnh tai ương
 Thảm chi chàng Lúa đoạn trường xót xa
- 775- Ngày đêm thương tưởng mẹ già
 Như kim châm dạ thiết tha vô cùng
 Nửa trắng chàng Lúa ở rừng
 Thiết là thảm khổ nào nùng xiết chi
 Nhiều khi nóng nảy tức thì.
- 780- Muốn liều về xóm thăm khi mẹ già
 Lúa ngồi ngẫm nghĩ xét suy
 Liều về viếng mẹ kể gì nguy nan
 Chờ khi canh vắng lên đàng
 Kẻo người ta thấy sẽ toan cáo mình
- 785- Trải qua rừng tía, non xanh
 Bước cao bước thấp gập ghềnh đời chân
 Đêm thanh vắng vẻ xa gần

- Tiếng gà, tiếng chó nghe lẫn xa xa
 Lẩn mò ra khỏi rừng già
- 790- Phăng phăng tách dậm bôn ba xuống làng
 Con chừ ⁽²⁷⁾ đêm vắng canh tràng
 Bóng người chẳng thấy trên đường lại qua
 Phần thì trời tối thay là
 Dò lẩn chân bước, nhằm nhà đến nơi
- 795- Bâng khuâng cỏ nội hoa đồi
 Đi về chốn cũ ngậm ngùi dạ riêng
 Lòng càng ảo não ưu phiền
 Nhà xưa đâu mất rất nên lạ lòng
 Chỉ còn có cái nền không
- 800- Làm cho chàng Lía vô cùng lo nao
 Bây giờ chẳng biết phương nào.
 Đặng mà tầm mẹ kẻ đau xót lòng
 Sự tình chẳng rõ đục trong
 Lẽ đâu biến đổi vô cùng lệ lạnh
- 805- Thiệt là thảm thiết chi tình
 Muốn hỏi hàng xóm sự mình cho hay
 Nhưng mà họ thấy ta rày
 Nhớ lại tội ấy, ắt vây ngay liền
 Nào nề tắc dạ xốn xang
- 810- Đoái nhìn cảnh cũ đoạn tràng lụy rơi
 Đứng nhìn giây lát ngậm ngùi
 Bồi hồi chân bước tếch về rừng sâu
 Bông đâu thấy dáng đi mau
 Nghĩ ai thấy rõ đi sau bắt mình
- 815- Trộm nhìn chẳng phải thăm mình
 Vốn người trong xóm gặp ghình đi đâu

- Kiệt hung chưa rõ thế nào
Trong lòng còn sợ bề nào đặng an?
Người kia theo kịp bên đang
- 820- Ngó sang cất tiếng hỏi han sự tình
Thấy anh tôi tưởng thằng Dinh
Lật đật theo dõi lộ trình cho vui
Thằng Dinh nó ở xóm tôi
Vác cần câu cá sớm nơi trong bầu
- 825- Nó đà về trước đã lâu
Lúa ta yên dạ kiếm câu hỏi lần
Xưa tôi cũng ở gần làng
Nhưng vì có việc phải sang xứ người
Tới nay tính đã lâu rồi.
- 830 - Nay về thăm hỏi kiếm người quen thân
Nào dè kiếm khắp xa gần
Biết tấm chẳng thấy trăm phần buông riêng
Người kia nghe nói hỏi liền
Kiếm ai khá rõ nói tên nghe nào.
- 835- Lúa rằng chẳng giấu chi đâu
Kiếm mẹ thằng Lúa ngõ hầu viếng thăm
Nghe qua tỏ vẻ thương tâm
Người kia chắc lười lắm râm phân qua
Tưởng ai chẳng rõ gần xa
- 840- Chớ mẹ thằng Lúa nay đà mạng vong
Đương đau nằm ở trên giường
Hay tin con tội, kinh mang chết liền
Thằng Lúa vốn đứa chẳng hiền
Xóm làng hết sức kiếm tìm chưa ra
- 845- Nghe vừa dứt sự gần xa

- Lúa ta thương xót mẹ già xiết bao
 Trong lòng như cắt muôn dao
 Cẩn rằng, bậm miệng, tâm bào héo hon
 Người kia nói tiếp nguồn cơn
- 850- Mẹ Lúa quả thật đức hơn vô cùng
 Sinh ra thẳng Lúa dữ hung
 Mụ thiết vô phúc quá chừng đến na?
 Làng xóm thương tưởng phận già
 Chung tiền chôn cất cũng là xong xuôi
- 855- Lúa ta lòng dạ bồi hồi
 Ôm lòng thâm chịu trách đời vô lương
 Cả hai đang lúc đi đường
 Bỗng đâu Hương Quân đêm đương đi tuần
 Hương Quân khi bước đến gần
- 860- Rọi đuốc thấy Lúa trăm phần mừng thay
 Trong tay cầm ngọn roi mây
 Đưa ngang cản Lúa, nạt rày thấp cao.
 Lâu nay mày trốn nơi nao
 Bây giờ xuống xóm, tính nào chuyện chi?
- 865- Nghe xong Lúa chẳng nói gì
 Trông lên ngó lại định đi cho rồi
 Hương Quân thấy vậy kêu trời
 Xóm giềng náo động nghe lời kéo ra
 Lúa ta tức giận chẳng là
- 870- Hươu roi bỏ xuống đầu mà Hương Thân
 Hương Thân kinh sợ vô ngần
 Đỡ Lúa chẳng khỏi roi văng ra ngoài
 Dân làng thấy vậy lo hoài
 Áp vào đánh Lúa, cứu bài chú Hương

- 875- Lúa ta hươ đánh tứ phương
 Một mình đứng giữa trung ương ra tài
 Đánh nhau từ lúc canh hai
 Kéo cho đến sáng thiệt tài vô song
 Chung quanh chặt ních bao vòng
- 880- Kẻ dao người mác, giận hung chẳng là
 Lúa ta suy xét gần xa
 Trời đà gần sáng mà ta đánh hoài
 Kia là dân xóm đông thay
 Dùng miếng cá lóc đánh bài thoát thân
- 885- Chung quanh vây kín những dân
 Lúa ta nhảy phóc muôn phần lệ lạnh
 Nhảy thoát khỏi được vây quanh
 Nhắm thẳng phía trước rừng xanh đông vào
 Trăm dân đuổi rượt theo sau.
- 890- Nhưng trời còn tối biết đâu mà tâm
 Lúa ta giờ đã thoát nần
 Ngồi rồi nhớ mẹ lệ đầm thấm thương.
 Bấy nay còn mẹ dựa nương
 Sớm chiều con mẹ thăm thường vào ra.
- 895- Ngày nay xa cách những là
 Tại con mẹ thác xót xa vô cùng
 Hai hàng lệ nhỏ đầm đường
 Trong lòng than thở nghĩ lung mọi đàng
 Ngày nào mẹ sống dương gian
- 900- Phận con còn phải lo toan mẹ già
 Con chỉ lo mẹ ở nhà
 Cho nên nhẩn nhện như là cho yên
 Ngày nay mẹ xuống huỳnh tuyền ⁽²⁹⁾

- Con được rảnh trí dễ nên vầy vùng
- 905- Quyết làm cho thỏa tấm lòng
Dẫu bao tai họa cũng không sợ gì
Có chết, chết một con đây
Chẳng còn sợ nỗi tội lây mẹ già
Lâu nay nuốt hận nhưng là
- 910- Thù bọn hương chức dạ loài vô lương
Chúng thấy người khốn chẳng thương
Phen này chúng biết tỏ tường chí ta
Đêm thâm vừa lúc canh ba
Lúa từ xuống núi bôn ba vào làng.
- 915- Tầm nhà phú hộ vội vàng
Đến sân bầy chó sủa vang lấy lừng
Phú ông vốn chẳng thấu tàng
Ở hờ mở cửa đảng hoàng bước ra
Lúa ta nhanh nhẹn thay là
- 920- Đá nhằm phú hộ ngã ra chết liền
Xong rồi Lúa vượt nhà trên
Lục sâu chìa khóa vào liễn mở rương
Có bao nhiêu bạc vét luôn
Vai mang một gói trong lòng hủ hê
- 925- Người nhà thức dậy ra lễ ⁽³⁾
Cửa sau, cửa trước tứ bề kín vây
Trông thấy phú hộ thảm thay
Nhìn vào thấy Lúa vang rày tri hô ⁽³¹⁾
Lúa rằng nếu đó tri hô
- 930- Chúng mày chết trước nói cho bây tường
Tao nay há sợ xóm làng.
Đừng la vô ích mà mang họa giờ

- Tao làm tội, tao chịu cho
 Bay không chộp rộp sợ lo nổi gì.
- 935- Nói xong nhảy tót ra đi
 Rừng xanh vào thẳng ai triặng chàng
 Tớ tôi giờ mới la làng
 Thằng Lúa cướp bạc chạy mang vô rừng
 Xóm làng kéo đến phùng phùng
- 940- Đốt đèn thấp đuốc vang lừng đông tây
 Dân làng kéo đến đông rày
 Nghe danh chàng Lúa còn ai chẳng nhường
 Làm đơn phúc bẩm quan tường
 Nhưng quan cũng phải tìm đường im đi
- 945- Lúa ta đã có bạc chi ⁽³²⁾
 Dem về hang núi kiếm nơi giấu tiền
 Sáng ngày về chốn thị thiềng
 Đến nơi chợ lạ xa miền quê hương
 Sấm sanh đủ vật đủ đường
- 950- Về đem lên núi, mực thường thiếu chi
 Ngày qua, tháng lại, tên đi
 Lúa đành an phận non đồi gửi thân
 Nay kia trực nhớ Hương Thân
 Thù xưa còn đó tính lần cho xong.
- 955- Vợ Hương Quân chẳng có lòng
 Tôi nay báo hận, đục trong rõ ràng
 Nửa đêm đường vắng người làng
 Lúa đi xuống núi tâm đang nhà Hương
 Ở nhà chỉ có vợ chồng.
- 960- Chú Hương cùng thím trong phòng nghỉ an
 Tớ tôi còn ở trong làng

- Mãng xem hát bội đang ham chưa về
 Vừa chừng nghe chó sủa ghê
 Hương Quản mở cửa hỏi "Về đó bay?"
- 965- Lúa vào quật ngã thẳng ngay
 Đưa dao ngang họng trình bày gần xa
 Cớ chi ⁽³³⁾ mây cất tiếng la
 Thời khó thoát khỏi dao ta đâm liền
 Hương Quản chẳng dám la lên
- 970- Hai tay bị trói rất nên kinh hoàng.
 Thím Hương nghe tiếng rì rầm
 Bước chân xuống sàng thím mới đi ra
 Lúa bèn nắm cổ ngay là
 Thím vừa thấy Lúa hôn đà lên mây
- 975- Chưa kịp mở miệng nói bày
 Lúa đã đã trói buộc ngay nóc nhà
 Nhớ xưa mây mắng chửi ta
 Cơm nguội cất giấu khó mà quên đâu
 Trán kia chữ khắc nét sâu
- 980- Để cho tiên hạ đâu đâu biết chừng
 Xong rồi bước tới phòng trung
 Phá rương thâu bạc đồn mang về rừng
 Sáng ngày khắp chốn khắp làng
 Mới hay chuyện nợ kinh hoàng vô song
- 985- Người người thăm hỏi rất đông
 Xúm quan hỏi chuyện vợ chồng chú Hương
 Hương Quản kinh sợ phi thường
 May mà khỏi thác cũng bường (bằng) tái sinh
 Lúa ta quả thật đáng kinh.

- 990- To gan lớn mật một mình dám đương
 Danh đà nổi dậy bốn phương
 Mối thù khi trước vừa lòng trả yên
 Còn ra chẳng oán ai riêng
 Chỉ chừng ác cảm bọn trên phú hào
- 995 - Lúa ta tâm tánh lạ sao
 Ghét phường phú hộ đất đào ném ra
 Những người nghèo khó đâu ta
 Thì Lúa xót phận rất là yêu thương
 Kẻ nghèo rủi gặp tai ương.
- 1000- Hễ Lúa nghe biết dễ thường bỏ đâu
 Giúp cho tiền bạc tiếc nào
 Cho nên nhiều kẻ xiết bao cảm tình
 Người thì bảo Lúa chẳng lành
 Người thường hết mực nổi danh xa gần
- 1005 - Thiệt là tài giỏi dọc ngang
 Dẫu cho có bắm lên quan làm gì?
 Mỗi khi quân lính động chi
 Cứ ở trên núi nằm lỳ an thân
 Hỏi ai biết rõ mà tâm
- 1010- Càng ngày thế lực vững vàng chẳng lay
 Ngày kia Lúa định tính bài
 Tầm qua núi khác mong rày dựa nương
 Nẻo rừng khôn khó trăm đường
 Quân bao mưa nắng gió sương đâu là
- 1015- Định bài ẩn nhẫn núi xa
 Chẳng dè có bọn lâu la đón đàng
 Chàng Lúa ra sức dọc ngang

- Đánh bọn tiêu tốt nguy nan vô cùng
 Chúng thua chạy núp khắp rừng
- 1020- Có thằng trốn thoát, trại trung mò về
 Chủ trại chúng cũng rất ghê
 Cha Hồ, chú Nhấn mọi bề oai phong
 Nghe qua tỏ rõ đục trong
 Cha Hồ, chú Nhấn trong lòng giận thay
- 1025- Cả hai xuống núi như bay
 Chặn Lía, chẳng nói vẫn dài thấp cao
 Lía ta không sợ chút nào
 Hươu còn xáp chiến anh hào lắm thay
 Cự đương một đánh với hai.
- 1030- Tả xung hữu đột bụi bay mù trời
 Đánh nhau từ buổi sớm mai
 Đến chiều xế bóng, vô hồi liệt oanh
 Lía càng sung sức hoành hành
 Cha Hồ, chú Nhấn thất kinh đuổi rồi
- 1035 - Bốn tay múa đã mỗi rời
 Nhưng hai chủ trại là người biết suy
 Tên này hào kiệt ai bì
 Chi bằng tính chuyện kết vì ⁽³⁴⁾ với mình
 Lía ta đang sức bình sinh.
- 1040- Cha Hồ, chú Nhấn tự mình nhẩy ra
 Lạ lùng Lía hỏi gần xa
 Đang khi tranh đấu sao mà ngừng tay?
 Cha Hồ lời khéo tỏ bày
 Chúng ta nay đã thử tài một thôi
- 1045- Thấp cao mười đã tỏ mười
 Cùng người hào kiệt nào người lạ xa

- Xin anh danh tánh phân qua
Để hai tôi rõ kẻ mà ngại ngại
Lúa nghe cười nói tức thì
- 1050- Hào kiệt để gì lại giấu tên sao
Lúa đây vốn thiệt là tao
Vua quan chẳng sợ, bình trào chẳng kinh
Nghe qua Hồ, Nhân thất kinh
Vội vàng đến trước cúi mình thưa qua
- 1055- Nghe danh anh đã lâu mà
Lòng riêng kính nể yêu vì lắm thay
Nay đây trời khiến sum vầy
Thật là phỉ nguyện em đây vô cùng
Xin mời lên chốn trại trung
- 1060- Ba ta hội hiệp thỏa lòng bấy nay
Lúa ta đang lúc khốn thay
Nên nghe nói vậy cũng rày rời chân
Cười cười nói nói thỏa tâm
Đến nơi sơn trại muôn phật mừng vui
- 1065- Cơ này chính bởi trời xui
Cha Hồ, chú Nhân vui cười làm sao
Chú Nhân khi ấy nói vào
Bà ta kết nghĩa khác nào tích xưa
Quan, Trương, Lưu Bị cùng là
- 1070- Vườn đào kết nghĩa ruột rà khác chi
Cha Hồ cũng nói một khi
Ba ta kết nghĩa gắng ghi tác lòng
Tử sinh ta nguyện chung cùng
Nhất tâm giữ một chữ đồng chẳng thôi
- 1075- Lúa ta nghe rõ khúc nôi

- Gật đầu ưng thuận y lời trước sau
 Ba người bàn luận muốn nhau
 Vườn đào kết nghĩa mổ trâu giết bò
 Trại này không có trâu bò
 1080- Heo cũng không có tính lo thế nào?
 Chú Nhân bèn tỏ âm hao
 Gần đây có một nhà giàu lắm heo
 Nén chi chỉ khó một điều
 Mụ Mân giỏi võ đã nhiều kẻ thua
 1085- Hai ta phải quyết tranh đua
 Bắt heo bằng được đánh thua chủ nhà
 Anh Lía trông giữ trại ta
 Đợi chờ chừng lối canh ba em về
 Lía ta nghe hẳn mọi bề
 1090- Gật đầu ưng thuận không hề can ngăn
 Cha Hồ, chú Nhân lo toan
 Sấm sanh gây gộc xuống làng tức thôi
 Lâu la bốn chục theo rày
 Thăng đường xuống xóm chật đầy đường quan
 1095- Cùng nhau kéo đến mụ Mân
 Vượt rào phá cổng vào trong tính bài
 Mụ Mân khoảng độ bốn hai
 Lầu thông võ nghệ ít ai sánh bì
 Thành linh chưa biết việc chi
 1100- Tiện tay mụ với tức thì đoản côn ⁽³⁵⁾
 Bước ra thấy rõ thiệt hơn
 Mụ không thềm hỏi huơ côn đánh liền
 Cha Hồ, chú Nhân nạt lên
 Ta nay Hồ, Nhân đến quyên mụ mà

- 1105- Heo chuồng mụ góp dăm ba
 Đem về sơn trại lữ ta tế cờ
 Mụ Mân đâu có đại khờ
 Chẳng rằng chẳng nói làm ngơ đánh trèn
 Cả ba vung vẩy đua tranh
- 1110- Mụ Mân quả thiệt liệt oanh ai tày
 Phút thôi Hồ, Nhấn cả hai
 Đuối tay kéo chạy như bay khác nào
 Lâu la kinh sợ làm sao
 Tớ thấy thẳng tuốt non cao lánh mình.
- 1115- Lúa ta mới hỏi sự tình
 Chuyện chi xem bộ hã kinh thế này?
 Cha Hồ, chú Nhấn đáp ngay
 Mụ mân quả thiệt là tay anh hùng
 Chúng tôi ráng sức tranh hùng.
- 1120- Nhưng không được mụ chạy cùng về đây
 Lúa nghe tức giận lắm thay
 Quân đâu khá dẫn ta ngay xuống làng
 Đánh cho mụ chạy tan hoang
 Bắt heo về trại mới đang lòng này.
- 1125- Nói rồi tức tốc đi ngay
 Tay cầm roi sắt oai thay chẳng là
 Bấy giờ độ cuối canh ba
 Mụ Mân đang tỉnh vào nhà nghỉ ngơi
 Chợt nghe chó sủa từng hồi
- 1130- Ngoài rào huyền náo tiếng người rân rân
 Xăm xăm mụ bước ra sân
 Bốn heo đã thấy đóng trắng³⁶ đó rồi
 Trong lòng tức giận vô hồi

- Hươu đao lên đánh không lời nói năng
- 1135- Lúa ta nhảy tránh lệ làng
 Truyền quân bay khá tìm đường bôn phi
 Heo hia đem vác ngay đi
 Để ta cho mụ biết thì Lúa đây
 Lâu la vâng lệnh vang rày
- 1140- Vác heo mà chạy tính bài về non
 Mụ Mân tức giận trong lòng
 Múa đao vào đánh chẳng còn kẻ chi
 Xóm làng náo động một khi
 Dân thôn kéo đến tứ vi đông ngàn
- 1145- Lúa ta bình tĩnh đối đang
 Mụ Mân tuy giỏi khó toan vẫy vùng
 Lúa thiệt sức mạnh vô cùng
 Mụ Mân đuối sức tay chân rụng rời
 Cầm chừng mụ đánh một hồi.
- 1150- Lúa gạt đao gãy, đá bồi một chân
 Xong bèn thừa kế thoát thân
 Dùng miếng cá lóc nhảy ngang khỏi rào
 Rào này tuy đã là cao
 Mà Lúa nhảy khỏi xiết bao chi tài
- 1155- Rừng sâu chạy tuốt vô ngay
 Phía nhằm sơn trại phút giây tới rồi
 Cha Hồ, chú Nhẫn tỏ lời
 Hết lòng khâm phục tài người đàn anh
 Anh em cũng hạ lệnh truyền.
- 1160- Mổ heo dâng tế Ngọc Hoàng chứng tri
 Ba người thề nguyện một khi
 Cùng nhau sống thác kết thì anh em

- Hồ, Nhân xin chịu làm em
 Nhường Lía đầu đẳng tài xem ai bằng
- 1165 - Tháng ngày mặc sức dọc ngang
 Muốn đâu đánh đó quan quân mặc lòng
 Trải qua xuân hạ thu đông
 Tiếng tăm chàng Lía non sông vang lừng
 Dẫu cho khanh tế trào đường.
- 1170- Giã tài cũng khó nổi đường lại là
 Quanh mình đông đảo lâu la
 Tiền dư bạc sẵn ai mà dám đương?
 Khác chi chúa tể tòa chương
 Đắp thành, cát trại một phương nhưng là
- 1175 - Ngày kia Lía nhớ thiết tha
 Đến mẹ hồi mà lòng héo dạ hon
 Tuy nay thân mẫu chẳng còn
 Nhưng lòng hiếu thảo của con quên nào
 Truyền cho bộ hạ kịp mau
- 1180- Xuống làng tìm mả ngõ hầu đắp xây
 Lâu la vâng lệnh đi ngay
 Xong về trước Lía trình bày trước sau
 Mộ cố⁽³⁷⁾ xây đắp đã cao
 Như mả mạng phụ đại trào nào sai.
- 1185- Lía ta đẹp dạ chi⁽³⁸⁾ tày
 Truyền cho làm tiệc vui vầy với nhau
 Tính ưa hát bội xiết bao
 Giao cho bộ hạ lo sao việc này
 Lâu la mừng rỡ vâng ngay
- 1190- Xuống làng rước gánh một ngày tới nơi
 Đòi vào Lía mời mở lời

- Nghe tiếng gánh chủ nên mời tới đây
 Hát sao cho thích dạ này
 Giá một ta thưởng bằng nay gấp mười.
- 1195- Nhược bằng chú hát qua thôi
 Ta chém cả lũ đầu rơi tức thì
 Bầu Huật nghe nói một khi
 Cúi đầu thưa Lía xin ghi nhớ lời
 Đến giờ khai rập trống hồi
- 1200 - Diễn tích Lưu Bị đi mời Khổng Minh
 Kép hát rủ bệnh một anh
 Vai sắm Lưu Bị tính đành phải thay
 Nhưng gánh chẳng còn có ai
 Có anh dạo căng hát hay vô cùng
- 1205- Ra sân lui tới ngập ngừng
 Chân cao, chân thấp lạ lòng xiết bao
 Lía ngự xem hát trên cao
 Trông thấy bộ tịch xiết bao bất bình
 Đòi bầu lại hỏi sự tình.
- 1210- Lưu Bị đẹp đẽ, dạng hình hùng oai
 Cớ sao dạo căng thế này
 Còn ai coi đặng, hỏi mà nói sao?
 Mà không coi trọng phép tao
 Truyền quân đem chém, chẳng nào thủ dung
- 1215- Dứt lời truyền lệnh tùy tùng
 Chặt đầu bầu Huật cho xong một đời
 Gánh hát thấy vậy rụng rời
 Nhưng Lía tha hết, sai người đuổi đi
 Từ ấy có lệnh định kỳ
- 1220- Mỗi năm lại hát ở đây một châu

- Thảm thay năm sáu ông bầu
 Đầu bị mất đầu bởi hát chẳng nên
 Tường chàng ở chốn lâm san
 Không tường xem hát làm càn cho xong
- 1225- Chẳng dè Lía rất thạo thông
 Hát chẳng vừa lòng truyền lệnh chém ngay
 Lân lửa đến lệ hát kỳ
 Lía sai bộ hạ mau đi rước bầu
 Có gánh bầu Lễ tuổi cao
- 1230- Xưa nay nổi tiếng, bấy lâu danh đồn
 Nghe tin đòi đến Lam Sơn
 Hát cho bọn Lía thì hồn đã bay
 Lâu la đem lệnh truyền bày
 Bầu phải nội ngày, rước gánh hát lên
- 1235- Bầu Lễ trong dạ nào yên
 Phen này chắc chết rất nên thảm sâu
 Lía chém biết mấy ông bầu
 Nay mình lên đó lễ nào toàn thân
 Nghĩ thôi lụy nhỏ dâm dàng
- 1240- Đi khắp xóm làng từ già bà con
 Vợ con khóc lóc thở than
 Quả đơm tể sống đã an mọi bề
 Vợ chồng con cái thảm thê
 Cảnh tình trông thấy trăm bề xót xa
- 1245- Lía lại truyền lệnh lâu la
 Xuống giục bầu Lễ chân chà nổi chi?
 Ôm lòng từ biệt ra đi
 Ngùi ngùi trong dạ ai bi vô cùng
 Gánh hát vừa tới sơn trung

- 1250- Vào ra mắt Lúa ngập ngừng sợ thay
 Thưa rằng trên gọi lên đây
 Chẳng dám trái mạng nội ngày đến nơi
 Mong trên cứu xét thương tôi
 Lỗi lầm tha thứ trọn đời ghi ân
- 1255- Tôi nay già cả trăm phần
 Lại thêm nhà cửa túng bần nguy nan
 Con năm sáu đứa chàng ràng
 Nên tôi thọ tử thương đàn con thơ
 Ôn trên rộng lượng tôi nhờ
- 1260- Tôi xin ráng sức làm cho hay mà
 Cười vui chàng Lúa phân qua
 Ta đây mình chính cày là vốn không
 Ta nói danh nghĩa lễ công
 Hát hay ta thường thỏa lòng không sai
- 1265- Nhược bằng làm dối khi nay
 Thì ta chém quách đầu ai chẳng vì
 Miễn tuồng hát thiết hay đi.
 Sấm tuồng cho đúng việc chi lo nào?
 Bầu cùng đào kép lao xao
- 1270- Ra sân mà dạ xiết bao kinh hoàng
 Rạp treo gấm nhiều lụa hàng
 Chưng dọn rực rỡ trào dâng nào sai
 Bảo nhau sấm hát thiết hay
 Cho vui lòng Lúa thì thầy mới toàn.
- 1275 - Đến giờ khai diễn rõ ràng
 Diễn tích "Triệu Tử thương san đi tuần"
 Hát thôi hay vẹn mười phần
 Lúa xem châu bội thỏa tâm vô hồi

- Ba châu vừa hát đã rồi
1280- Lúa ta đẹp dạ vui cười truyền ra
Khi đầu hân nhớ lời ta
Hát hay ta thưởng lễ mà đơn sai
Cho bầu lễ cái rạ này
Lúa là gấm nhiều có vài nghìn cây
1285 - Những gì chưng để nơi đây
Ta cũng cho hết thưởng tài cầm ca
Hai trăm lượng bạc đưa ra
Cho làm sớ phí đó là thưởng riêng
Bầu Lễ được thưởng của tiền
1290- Cúi đầu bái tạ rất nên thỏa lòng
Mười xe lìa chốn sơn trung
Đem về làng xóm vô cùng hân hoan
Nhứt mừng tánh mạngặng đặng toàn
Lại mừng được gấm nhiều hàng quý sao

*

* *

- 1295- Lúa ta nổi tiếng anh hào
Sơn hà một góc thiếu nào người hay
Bạc tiền thừa đủ một hai
Chiêu binh mãi mã càng ngày càng đông
Làm cho bốn biển anh hùng
1300- Mến danh đều tới phục tùng chân tay
Chàng Lúa phỉ dạ chì tà
Góc trời hùng cứ nào ai dám kinh?
Lâu la tứ phía dò tin
Kiếm nhà trọc phú mới đành ra tay
1305- Kẻ nào tàn ác lâu nay

- Lúa sai cướp của, đoạt tài chẳng dung
 Nhà giàu mấy tỉnh trong vùng
 Thấy đều kinh sợ vô cùng lo toan
 Nhất nhì những bậc nhà quan*
- 1310- *Nghe chàng Lúa dọa kinh hoàng như điên
 Nhà nào nhiều bạc dư tiền
 Mà vô ân đức, Lúa bèn đoạt thâu
 Tuy chàng ở chốn non đầu
 Nhưng mà lương thực vật nào lại không*
- 1315 - *Lâu la mấy vạn tụ đông
 Vỡ rừng làm rẫy vun trồng bắp khoai
 Sơn trung hàng vạn con người
 Thấy đều no đủ sớm nơi an nhàn
 Tiếng tăm về đến trào dâng*
- 1320- *Làm cho văn võ bàng hoàng chẳng an
 Nam triều chúa ngự ngai vàng
 Bá quan châu chực hai hàng tung hô
 Có quan ngự sử bày phô
 Tàu lên quan võ lai do sự tình*
- 1325- *Đem việc thăng Lúa chiêu binh
 Trình lên cận kề phân minh mọi đảng
 Nào khi Lúa phá xóm làng
 Đến khi lên núi dọc ngang thế nào
 Kể tên những bậc phú hào.*
- 1330- *Những bị quân Lúa đoạt thâu gia tài
 Vua ngồi nghe rõ một hai
 Đập bàn, vỗ án giận rày thét la
 Dè dàu có đứa gian tà
 Giết người đoạt của thật là khó dung*

- 1335- Truyền cho mười vạn binh hùng
 Dưới quyền đại tướng binh nhung lên đàn
 Đại quân vâng lệnh Nam hoàng
 Dem quân tức khắc thẳng đàn ruổi dong
 Rập rình bao quản núi non
- 1340- Dậy trời sát khí quân bon lên rừng
 Lúa này ở chốn sơn trung
 Ngày đêm luyện tập ung dung chén nồng
 Vui say thỏa dạ phỉ lòng
 Thành linh quân báo bước xông ngay vào
- 1245- Thưa rằng xóm dưới binh trào
 Rân rân kéo đến định vào sơn trung
 Lúa nghe cát tiếng mà rằng
 Ta đây muốn gặp trào đàn đã lâu
 Bấy rày chưa đánh trận nào.
- 1350- Ngày nay có dịp đôi đầu cũng hay
 Để cho vua chúa biết tài
 Rằng đây có Lúa một tay anh hùng
 Vào buồng nài nịt binh nhung
 Lên yên thẳng xuống, trùng trùng rình rang
- 1355 - Lâu la kén đủ năm ngàn
 Thành linh cướp trại đánh ngang quân trào
 Quan binh đang lúc vây bao
 Chợt đâu bị đánh xiết bao hải hùng
 Kéo nhau mà chạy rùng rùng
- 1360- Bốn bề hỗn loạn vô chừng rối ren
 Tướng trào thoát vội lên yên
 Cản đường chàng Lúa quyết nguyên đua tranh
 Phút thôi náo động non xanh

- Đá bay cây ngã, lệ lạnh khác tày
- 1365- Lúa ta võ nghệ đại tài
 Đánh cho đại tướng hai tay rụng rời
 Hai người đánh trọn ngày trời
 Tướng trào liệu sức tếch vời cho mau
 Kéo binh đông chạy trước sau
- 1370- Quân lính hăng hái ào ào đuổi theo
 Đại quan kinh sợ xiết bao
 Kéo binh mà chạy mảo bào tả tơi
 Hướng nhằm quan ải tới nơi
 Cả kêu quan trấn cứu thời cho ngay
- 1375- Trấn quan vội vã truyền bài
 Xông ra tiếp đánh, cứu rày dặng an
 Đại tướng thoát được cơn nản
 Truyền quân đóng ải lo toan canh phòng
 Lúa ta đâu chịu về không
- 1380- Hô quân vào đánh sập đồn mới thôi
 Lâu la hò hét rầm trời
 Xông vô quan ải phá thời tan hoang
 Lúa ta công phá dọc ngang
 Kéo lên đoạt ải gọi hàng quan binh.
- 1385 - Đại tướng thất sá hồn kinh
 Mật cùng quan trấn chạy rình về trào
 Lừng danh chàng Lúa tài cao
 Thâu được thành nọ tiếng hào đồn rân
 Võ về chiêu dụ trăm dân,
- 1390- Trước sau an ổn mười phần làm ăn
 Đại tướng thất trận thoát nạn
 Về trào chịu tội: mất thành binh tan

- Vua nghe tức giận đập bàn
Chỉ sai đô đốc lên đường cho ngay
- 1395- Với mười vạn lính giỏi thay
Ài quan tiến phát cướp ngay lại thành
Đô đốc võ nghệ vẹn toàn
Quán binh hùng dũng chiến trờng đua tranh
Lúa bèn giục ngựa ra thành.
- 1400- Quyết cùng đô đốc giao tranh so tài
Đôi bên xáp chiến cả ngày
Bất phân thắng bại khen thay anh hào
Tính toan thành khó giữ nào
Bởi chừng quân ít không sao chống kình
- 1405- Lúa ngẫm muốn tính bỏ thành
Ngặt vì binh tướng trào đình phủ vây
Cuối cùng Lúa chịu bó tay
Một mình giữa trận quân bay đường nào?
Lính trào tứ phía đánh vào
- 1410- Lúa đà suy nghĩ kế nào thoát thân?
Cơn nguy chuyển hết sức thần
Dùng miếng cá lóc dậm chân nhả liền
Quân trào vây kín khắp miền
Lúa vọt ra khỏi rất nên kỳ tài.
- 1415- Bây giờ đã thoát vòng vây
Thẳng về sơn trại một ngày đã an
Tháng ngày ở tại lâm san
Lâu la lương thực ngày càng đủ đông
Đô đốc tức giận trong lòng
- 1420- Xua quân vây núi đập non phen này
Tưởng rằng bắt Lúa chóng ngay

- Để cho dân sự chốn này được an
 Chẳng dè hiểm địa lâm san
 Đường đi hiểm trở, ngách hang những là
 1425- Thắng ngày vây chặt tứ vi
 Hao binh tổn của hiểm nguy trăm đàng
 Sớ tâu về đến trào trung
 Dẫu thêm binh lính ngõ ngang uống công
 Một năm vây Lía trong vòng
 1430- Non cao thủ hiểm, khó lòng sợ chi
 Lương tiền hao tổn trào nghi
 Vua đành truyền lệnh tạm thì bãi binh
 Từ nay chàng Lía một mình
 Oai danh lừng lẫy thần linh nể vì
 1435- Chuyện Lía nay kể như y
 Giúp vui cô bác một khi việc rồi
 Đầu đuôi có thể mà thôi
 Xin chào chư vị, quê tôi, trở về.

Chú thích:

- (1) Chon von: cheo leo, ý nói thời buổi khó khăn.
- (2) Mụ già: tiếng gọi chỉ người đàn bà đã có tuổi.
- (3) Thị kỳ: cạy ta đây.
- (4) Trối bước: bước vội.
- (5) Ngoài nội: ngoài đồng.
- (6) Hiếp: hiếp đáp bắt nạt.
- (7) Dưỡng thân: nuôi thân, còn có nghĩa là nuôi mẹ.
- (8) Nhảy ra: nhảy sấn vào.
- (9) Tâm linh: ý nói trùng chỗ hiểm ở đầu.
- (10) Thộp: nắm lấy ngực áo.
- (11) Trự: một đồng.
- (12) Khúc nôi: nỗi niềm, tình cảm.
- (13) Tàng: tường tận, rõ ràng.

- (14) Thỏa thao: thỏa thích.
- (15) Quày quạy: lắc đầu một mực từ chối.
- (16) Rê chân: đi từng bước chậm rãi.
- (17) Nói lanh: quanh co, láu lỉnh.
- (18) Mưa: lợ, chớ.
- (19) Hần trường: rõ ràng như thế.
- (20) Y thừa; cứ thế.
- (21) Đồ thán: lắm than, khổ cực.
- (22) Bôn phi: chạy thoát cho nhanh.
- (23) Nhà hội: nhà hội của làng.
- (24) Hắc minh: đen, sáng, trắng đen rõ ràng.
- (25) Thùy nguy: rất nặng, nguy kịch.
- (26) Góp đậu: góp mỗi người một ít.
- (27) Cơn chừ: lúc bấy giờ.
- (28) Lầm rầm: lắm bầm trong miệng.
- (29) Huỳnh tuyền: suốt vàng, cõi chết
- (30) Lễ: hiền nhà.
- (31) Tri hô: la lớn lên.
- (32) Chi: chỉ tiêu.
- (33) Cơ chi: nếu như.
- (34): Kết vi: kết làm vây cánh.
- (35) Đoản côn: gậy ngắn, một thứ vũ khí.
- (36) Đóng trắng: đóng cọc buộc vào để khiêng.
- (37) Cố: chỉ mẹ Lía.
- (38) Chi tày: chỉ bằng.

IV. HÁT

Hát đối, hát đối - Hát huê tình¹

- Xướng: *Bánh dẫu nhiều cũng kêu bánh ít,
Chuối còn non, sao gọi chuối già?
Nếu anh đôi đừng mới là đáng khen.*
- Đáp: *Canh chua lét (loét), cũng kêu canh ngọt,
Cau cuo nghêu (nghêu), sao gọi cau lùn?
Thuyền quên mà có hỏi nữa, anh hùng
cũng chẳng chịu thua.*
- Xướng: *Đố ai biết núi mấy hòn,
Sao Rua mấy cái, trăng tròn mấy đêm,*
- Đáp: *Sông bao nhiêu nhánh, núi bấy nhiêu hòn,
Sao Rua bảy cái, trăng tròn chỉ một bữa rằm
mà thôi.*
- Xướng: *Khăn xéo vắt vai, quần hai ống ướm,
Chàng học những gì mà lẩn lút vô thi.
Tiền năm quan ngủ quán mất đi²
Trai anh đôi đừng, gái em thì theo không.*

¹ Bao gồm *Hát nhân ngãi, Hát ống, Hát kết, Hát nhẩn, Hát trách, Hát chơ...*

² Ở miền Nam Trung Bộ vì không phân biệt dấu hỏi dấu ngã, nên ở đây *ngủ quán* đọc thành *ngủ quán* (Ngủ quán = ngủ ở quán; ngủ quán = năm quán).

- Đáp: *Khăn xéo vắt vai, quần hai ống khô¹,
Thừa văn, thừa võ, nên anh mới vô trường này,
Tiền năm quan ngũ quán anh còn đây,
Trai anh đã đôi đặng, giá em rày tính sao?²*
- Xướng: *Nghe anh thường ăn học, thường đọc quyển Hồn
(Hán) đường,
Tam phụ, bát mẫu, anh phân tường em nghe?*
- Đáp: *Ở đời anh chưa thấy ai có ba cha, tám mẹ,
Xem trong sách Thục thì hữu chế, vô tang.
Đầu trang thấy nói rõ ràng,
Khen em có trí thủ đàn cao xa:
Một là cha đẻ mình ra,
Nuôi ta ăn học, dạy dỗ ta trưởng thành.
Hai là cha ghẻ cũng đành,
Ba là dưỡng phụ, dục sanh cũng đồng.
- Tam phụ anh kể đã thông,
Còn đường bát mẫu các dòng liên can?
- Một là chánh mẫu tại đàn (đường),
Hai là kế mẫu, sinh chàng bằng nay.
Ba là từ mẫu sống dạy mũi thuyền (?),
Bốn là thứ mẫu anh kể đã liên,
Năm là đích mẫu theo liền em có hay?
Sáu là nhũ mẫu ơn tày non cao,
Bảy là xuất mẫu vườn đào lìa cha (?)
Tám là goá mẫu nhà ta,
Tam phụ, bát mẫu, anh phân qua cả rồi.*

¹ Hai tiếng ống khô là để đối với ống ướt ở câu trên.

² Ở Trĩ Thiên cũng có câu tương tự.

- Khen em có trí tài bồi,
Lại đây anh hỏi khúc nhôi sự tình.*
- Xướng: *Tiếng anh ăn học cật trào,
Chị dâu té giếng, anh biết chỗ nào anh kéo lên?*
- Đáp: *Nắm đầu chị, sợ tội trời,
Nắm ngang khúc giữa lại sợ lời thế gian.
Giếng sâu anh phải thông thang,
Kéo chị dâu lên được kẻo chết oan linh hồn.*
- Xướng: *Tiếng đồn anh hay chữ
Tài ngang ông tú, ông cử
Lại đây em hỏi thử đôi câu:
Nước ngọt chảy ngay dưới chân cầu
Mà gọi "Cầu nước mặn" bởi tại đâu hỡi chàng?*
- Đáp: *Thật thà là thói hồng nhan
Ăn xuôi, nói ngược thế gian thiếu gì
Mặn chẳng nước vũng Đề Gi¹
Gọi "Đầm nước ngọt" lẽ gì hỡi em!*
- Xướng: *Tiếng đồn rằng bậu hò hay
Ta xin đố bậu cối xay mấy niềng?*
- Đáp: *Cối xay mười sáu cái niềng.
Xin hỏi lại bậu thuyền quỳên mấy chèo?*
- Xướng: *Thuyền quỳên mười tám mái chèo
Ta xin đố bậu con mèo mấy lông?*
- Đáp: *Đố chi đố ngật, đố nghèo
Đố chi lại đố con mèo mấy lông
Bậu về tát cạn bể Đông
Thì ta sẽ đếm hết lông con mèo*

¹ Đề Gi: Thuộc tỉnh Bình Định.

Xướng: *Tiếng đồn anh hay chữ
Lại đây em hỏi thử
Đôi câu lịch sử Khánh Hoà
Từ ngày Tây cướp nước ta
Những ông nào dựng cờ khởi nghĩa
Anh hãy nói ra cho em tường*

Đáp: *Nghe lời em hỏi mà thương
Thương người nghĩa kiệt, tở vương vãn lòng
Vì thù non sông.
Thề không đội trời chung với giặc
Từ Nam chí Bắc.
Thiếu chí trang dạ sắt gan đồng
Khánh Hoà đã có ba ông:
Trần Đường giữ đèo Đốc Thị
Ông Trịnh Phong trấn nơi Biển Cù
Ông Nguyễn Khanh lo việc quân nhu
Ba ông một bụng nghìn thu danh truyền*

Xướng: *Ba ông là bậc anh hiền
Gọi "Khánh Hoà tam kiệt"
Người người đều biết
Đều thương, đều tiếc
Chưa thoả nguyện núi sông
Tấm thân xem nhẹ như lông hồng
Hỏi anh còn nhớ
Quảng Phước Tam Hùng là ai?*

Đáp: *Dám đâu quên kẻ anh tài
Rèn gan sắt đá khôn nài bể dâu
Gương phản dưng lâu lâu Phạm Chánh
Cùng Phạm Long chung gánh nước non
Cha con trung nghĩa vẹn toàn*

Cùng Nguyễn Sung nguyên mất còn có nhau
 Bao phen cay đắng hận thù
 Tam Hùng, Tam Kiệt nghìn thu trắng rằm.
 Xướng: Hữu duyên thiên lí năng tương ngộ
 Vô duyên đối diện bất tương phùng
 Đến đây vốn thiệt lạ lòng
 Gặp em khiến hỏi thủy chung cho tường
 Em còn mua phấn bán hương
 Hay là đã có gia nương nơi nào
 Mẹ cha sống thác làm sao
 Anh em thế nào, em đến đất đây
 Trải qua núi nọ non này
 Tứ phương hồ thủy dạn dày lắm trai
 Từ đàn bà con gái mảnh mai
 Có sao nên nổi lạc loài đất ta
 Nhỏ thời ở với mẹ cha
 Lớn lên xuất giá vậy mà tông phụ
 Lo toan nội trợ, xếp việc bào trừ¹
 Có đâu đến nổi ngao du xa đường
 Anh hỏi em xin nói cho tường
 Rồi đây anh hãy can thường trao duyên
 Đáp: Cha em chết sớm chưa già
 Mẹ em chẳng nghĩ bước ra có chồng
 Một mình em trở trời phòng không
 Cho nên em phải ngao du xa đường
 Gặp anh đây cảm động lòng thương
 Vái cùng nguyệt lão xe duyên cho mình

¹ Bào trừ: (chữ Hán) có nghĩa như là áo quần, phòng the.

- Xướng: Con mèo con chó có lông
 Ai mà đổi đặng thì ông cho tiền
 Nếu đổi không đặng ông cho liền năm roi.
- Đáp: Con lươn con lịch trơn lu
 Bởi ông có phước ông làm quan lên võng, xuống dù.
 Có quân xách dép, có phu xách giày
 Ông ra cho con câu đổi thật hay
 Nay con đổi đặng ngựa tay xin tiền
- Xướng: Sớm mai, em ngồi cây¹ em bán thịt chó,
 em xỏ tiền muôn²
 Anh mà đổi đặng em theo luôn về nhà
- Đáp: Chiều qua em đi chợ Gò Miêu³ bán miếu⁴ mua mèo
 Em ơi, ở vậy đừng theo, để anh đi cười nạp
 tiền cheo⁵ cho làng
- Xướng: Ai mà chiết mộc di đời?
 Ai sanh đôi bướm đôi dơi đời đây?
 Ai mà lập kiếng trồng cây?
 Ai mà sanh giá thú giao gầy gia hôn?
 Ai mà đốt sách đem chôn học trò?
 Ai mà cưa ván đóng đồ
 Ngồi lên lưng cá mà dò lạch sông?
 Ai mà dệt vải trồng bông?
 Ai sanh ra núi, ra đá, ra sắt, ra đồng, chàng ơi?
- Đáp: Ông thân Nông chiết mộc di đời

¹ Cây: cây cây; cây cũng có nghĩa là chó.

² Muôn: chó săn.

³ Miêu: mèo.

⁴ Miếu: mèo.

⁵ Con cheo: giống như con mèo.

Bà Hậu Phi sanh ra đôi bướm đôi dơi đời đây
Quan Âm lập kiểng trồng cây
Ông Tơ sanh giá thú, bà Nguyệt gây gia hôn
Ông Tần Thuỷ Hoàng đốt sách đem chôn học trò.
Ông Nghịch Thiên cửa ván đóng đồ
Ngồi lên lưng cá mà dò lạch sông
Bà Quý Phi làm vãi, làm bông
Trời sanh ra núi, ra sắt, ra đồng, em ơi!

Xướng: Tiếng đồn anh học đã lâu
Vây chứ Nam Kì lục tỉnh có mấy cái cầu anh hãy
kể ra?

Đáp: Em hỏi anh thật đã quá điều
Nam Kì lục tỉnh biết bao nhiêu là cầu
Kể thì cầu lợi, cầu danh
Cầu phú, cầu quý lại sanh cầu hiền
Cầu hai bên cha mẹ song tuyến
Cầu chàng với thiếp nợ duyên cho gần
Đứng xa kêu bớ giao lân
Lại đây anh kể lần lần cho nghe
Cầu gỗ cho chí cầu tre
Chỗ nào mương rãnh thì chặt tre làm cầu
Trên đồng thì cầu mùa, cầu màng, cầu cây, cầu trái
Dưới biển các chú lái cầu nước cầu non
Anh bắt em về, trước cầu của sau lại cầu con
Cầu hai bên phụ mẫu vuông tròn cả hai.

Xướng: Tiếng đồn anh thường ăn học
Thường đọc Lục Vân Tiên
Ai trung, ai nịnh kể liền em nghe

- Đáp: Thái sư chúa nịnh đứng đầu
 Kể đến Hâm, Kiệm nịnh sau chẳng lành
 Vân Tiên, Ông Quán trung thành
 Nguyệt Nga, đồng tử hiền lành ít ai.
- Xướng: Hôm giờ mắc khách nhện nhàng
 Bây giờ vắng khách em hỏi chàng vài câu
 Nhà ai ở nước Kim Châu
 Ai cày ruộng thượng, ai câu Thạch Bàn
 Ai mà giết vợ, làm quan
 Chôn con, nuôi mẹ được vàng trời cho
 Ai mà đọc sách liền pho
 Chàng mà đáp đặng, dứt câu hò, gá duyên
- Đáp: Kinh sử xưa qua đây cũng có học, có nghe
 Em bầu hỏi, qua xin đáp mọi bề trước sau
 Ông vua Tề ở nước Kim Châu
 Ông vua Ngu Thuấn lên cày ruộng thượng
 Ông Lã Vọng ngồi câu Thạch Bàn
 Tướng Ngô Khởi nhà Tần giết vợ, cầu quan
 Ông Quách Cự vì hiếu với mẹ, chôn con mà được
 vàng trời cho
 Ông Gia Cát Lượng đọc sách liền pho
 Hai mươi bốn tuổi đã ra phò Hán Vương
 Qua đây đã đáp tỏ tường
 Em bầu còn do dự chi nữa mà chẳng tính đường
 lương duyên.
- Xướng: Gặp anh đây em hỏi một lời cho đã ước
 Đường lên trời mấy bậc, cỡi âm phủ mấy vua?
 Dương gian mấy miếu, mấy chùa
 Chợ bán bao nhiêu món, bạn hàng mua mấy người?

Đáp: *Đáp không dặng đây anh mới ức
 Đường lên trời một bậc, cỏi âm phủ một vua
 Dương gian nghìn miếu, nghìn chùa
 Chợ bán buôn trăm món, bạn hàng mua vạn người*

Xướng: *Một trăm thứ cây, cây gì không trái?
 Một trăm thứ gái, gái gì không chồng?
 Một trăm đàn ông, ông gì không vợ?
 Một trăm thứ chợ, chợ gì không đình?*

Đáp: *Một trăm thứ cây, cây viết không trái
 Một trăm thứ gái, gái tố nữ không chồng
 Một trăm đàn ông, ông bình vôi không vợ
 Một trăm thứ chợ, chợ chòm hỏm không đình
 Trai nam nhơn đối dặng, gái thiệt tình nghi sao?*

Xướng: *Quạ kêu nam đáo nữ phòng
 Em ôm lòng em chịu
 Nữ đáo nam phòng anh liệu làm sao?
 Bởi anh chơi nguyệt giỡn đào
 Bông hoa đã nở nhụy, anh liệu sao cho thiếp nhờ*

Đáp: *Quạ kêu nam đáo nữ phòng
 Căn duyên ông trời định
 Nữ đáo nam phòng trộm lệnh mẹ cha
 Bao giờ em khai nhụy nở hoa
 Lâm câu bất hiếu, mẹ cho lỗi nghi
 Vái cùng trời đất chứng tri
 Khai hoa nở nhụy, tứ vi vuông tròn
 Đừng xa kêu thực nữ là nàng
 Bụng làm, dạ chịu, không bỏ nghĩa nàng đâu
 nàng lo.*

- Xướng: *Em hỏi anh xưa kia:
 Ai xa chín mặt trời?
 Ai dạo chơi âm phủ?
 Ai nằm ngủ quên ăn?
 Ai khóc cho măng mọc?
 Ai dạy học trò thi?
 Trai nam nhi đôi đặng, gái nữ nhi xin kết nguyên*
- Đáp: *Ơi em ơi! Bữa xưa xia
 Ông Hậu Nghị bắn chín mặt trời
 Ông Phạm Công dạo chơi âm phủ
 Dịch Nhi nằm ngủ quên ăn
 Nàng Mạnh Tông khóc cho măng mọc
 Đức Khổng Tử dạy học trò thi
 Trai nam nhơn anh đôi đặng
 Gái nữ nhi em nghĩ sao?*
- Xướng: *Thấy anh hay chữ, hỏi thử đôi lời
 Chữ Trung, chữ Hiếu, chữ nào trọng hơn?*
- Đáp: *Làm trai trung hiếu đôi đường
 Chữ nào cũng trọng (trọng) phải chu toàn cả hai*
- Xướng: *Thấy anh hay chữ, hỏi thử đôi lời
 Cây cỏ chi không lá, con cá nào không xương?*
- Đáp: *Thấy em nói tức, anh nói phứa cho rồi
 Cây cỏ năng không lá, con cá họa thời không xương¹*
- Xướng: *Tiếng anh ăn học lâu thông
 Hỏi anh có biết khăn bông mấy đường?*
- Đáp: *Em về đếm cỏ hết vườn
 Lại đây anh nói mấy đường khăn bông*

¹ Cá họa: cá vẽ.

- Xướng: *Thấy anh ăn học cũng thông
Lại đây em hỏi bánh bò bông bột gì?*
- Đáp: *Bánh bò bông làm bằng bột tàu mì
Trứng gà quấy lộn, nó quỳ bốn tai*
- Xướng: *Tiếng anh hay chữ hỏi thử đôi lời
Tây giăng dây thép giữa trời làm chi?*
- Đáp: *Tây giăng dây thép giữa trời
Chờ khi anh có việc, trao lời cùng em*
- Xướng: *Tiếng anh hay chữ hỏi thử đôi câu
Thuở xưa ông Thuấn cày trâu hay bò?*
- Đáp: *Mảng coi vua Thuấn canh điền
Chim trời nhỏ cỏ, tượng liền cày sâu*
- Xướng: *Tiếng anh ăn học ở Sài Gòn
Lại đây em hỏi chớ trăng tròn mấy đêm?*
- Đáp: *Đừng giữa trời, anh chẳng nói thêm
Mười lăm, mười sáu, hai đêm trăng tròn*
- Xướng: *Tặng anh một thúng bắp rang
Trĩa sao cho mọc duyên chàng em trao*
- Đáp: *Nơi nào mà nắng không khô
Mà mưa không ướt, trĩa vô mọc liền*
- Xướng: *Gặp chàng đây thiếp xin hỏi một đôi câu*
An Thái hai mươi bốn xóm, mấy cái cầu chàng ơi?
- Đáp: *An Thái hai mươi bốn xóm, bảy cái cầu:*
Cầu phú, cầu quý, cầu lộc, cầu vinh, cầu hiền
Cầu cho cha mẹ bình yên
Cầu cho ta kết nguyên phu thê.
- Xướng: *Một nhánh tra, năm ba nhánh trảy
Một nhánh trảy, năm bảy nhánh nho*
Em tới đây, có đủ quan văn, quan võ, trẻ nhỏ học trò

Ai mà đôi đặng tôi gả chị tôi cho
Ai mà không đôi đặng, tôi bắt chẵn bò ba năm.

Đáp: Một nhánh trảy, năm bảy nhành mai
Một nhánh mai, trăm hai nhánh thị
Chữ văn, chữ sĩ, anh đôi đặng trăm câu
Đôi rồi, anh hỏi chị em đâu?
Nếu chị em không có, anh bắt em hầu mười năm

Xướng: Nước không chân sao rằng nước đứng?
Cá không giò sao gọi cá leo?
Anh đôi đặng, em thả chèo anh đợi

Đáp: Ghe không tay sao kêu ghe vạch?
Bánh không căng sao gọi bánh bò?
Anh đã đôi đặng hãy chèo đò theo anh

Xướng: Con cá đôi nằm trong cối đá
Mèo đuôi cụt, nằm mút đuôi mèo.
Anh mà đôi đặng dẫu nghèo em cũng ưng.

Đáp: Con chim mỏ kiếng đậu trên miếng cỏ
Con chim vàng lông đậu tại vòng lang,
Anh đã đôi đặng chỉ e nàng vong ngôn.

Xướng: Tôi đây trước tôi chào anh em mình cái đã
Sau tôi chào hai ngả Kinh tân (?)
Chào luôn tiếng nữa, ngoài sân trong nhà
Con chim đứng đó, chim nhà hay chim ai?
Chim nhà thì tôi xuống ná, hạ tên
Hễ chim hàng xóm tôi giương cung bắn liền.

Đáp: Chim quan nó ở lồng vàng thanh vắng
Đố anh người phàm sao dám bắn chim quan.

Xướng: Quốc dĩ dân vi bản
Dân dĩ thực vi tiên
Dân giàu nước mạnh, trăm duyên muôn phần

Biết đâu lỗi đạo vong ân
Chim quan anh cũng bắn, há nhường chim ai
Chim quan ở chốn lâu đài
Bay làm chi sa bấy lạc loài tới đây
Muốn cho chim nhận gặp cây
Muốn cho chim nhận gặp bầy mới ngoan
Bay làm chi xuống xóm, xuống làng
Bị tên nước Sở chết oan ời nàng.

Đáp: Chim bay về núi tối rồi
Không cây nó đậu, không môi nó ăn.

Xướng: Em ơi, đừng nói không không
Nó bay về non bộ, sáng nó xuống đồng nó ăn.
Kẻ cày, người cấy lẫn xăn
Kẻ gieo, người vãi, vật ăn thiếu gì
Đừng xa kêu gái nữ nhi

Thiếp lo phận thiếp, lo gì con chim
Đáp: Chim buồn chim bay về núi
Cá buồn cá chúi xuống ao
Chàng buồn, cởi áo xem bầu
Thiếp buồn thiếp ngó đâu đâu cũng buồn
Chầu này chắc lẽ xa luôn
Én nam, nhận bắc, biển nguồn hai nơi.

*

* *

- Vô đây, ở bạn, vô đây
Trầu têm cánh phượng, bỏ khay ngô đồng
Thuốc ngon vẫn điệu xây giồng
Một hàng rượu cúc, hai hàng chén chai
Tối trời chẳng biết mặt ai

Chào chung một tiếng, sáng mai sẽ nhìn.

- *Hồi hôm anh mắc việc nhà
Bây giờ anh tới, đêm đã sang canh
Trầu cau không có trong mình
Bạn mời tình thật hay là mời lời?
Anh bước vô tạm gót anh ngồi
Ăn trầu hút thuốc nói chuyện đời mới xong
Qua nghĩ phần qua cách núi xa sông
Mặt trời biết mặt mà không biết nhà
Em bầu có muốn nhìn qua
Khêu đèn cho tỏ, coi bạn lạ hay là người quen
Nhìn rồi kết nghĩa gá duyên
Kẻo hừng đông¹ qua đi mất biết đâu mà tìm?*

- *Con bướm nhà ai thật đã quá quắt
Bay vô vườn hoa phá sạch vườn hoa
Tức mình em bủa lưới ra
Tối tăm mù mịt không biết ra lối nào.*

- *Bướm này ở tận núi xa
Chiều hôm nó bay tới muôn chơi hoa xuân thì
Vội vàng chi em lại đuổi nó đi
Đông, tây, nam, bắc thiếu gì ngả nó bay
Nghe tai anh hỏi nhỏ lời này
Con bướm kia nó mê nguy cũng như anh đây
mê nàng*

¹ Hừng đông: rạng đông.

- Dùi đánh đục thì đục đánh săng
Con gà ăn lúa thì quăng con gà
Nước trong bàn thạch chảy ra
Anh muốn chơi bông hoa lí thì về xử vợ nhà
cho xong

Vợ anh anh xử không xong
Cơi trầu, mâm rượu đặt giáp vòng em xử cho.

- Dùi đục đánh săng cây có mũi chàng¹
Nước trong giếng đá thạch bàn cổ kim
Trai khôn gái khó kiếm tìm
Một vò hai gáo như chim phá lồng
Hậu hôn, diên thổ anh xử còn thông
Huống chi chuyện vợ chồng em lại hồ nghi
Ham vui chàng mới ra đi
Muốn chơi bông hoa lí phải tùy cội cây
Ham vui anh mới tới đây
Không phải gà ăn lúa đâu bạn vác cây quăng gà
Cơi trầu, chén rượu của ta
Dù ta không xử vợ nhà cũng xong
Không nó đưa con Đắc Kỉ vô vòng
Đây không phải như Tru Vương lúc trước,
em đừng hồng đoạt ngôi.

- Thân em như chiếc giường lèo.
Ông, manh chiếu rách dăm trèo giường son

¹ Chàng: đồ dùng bằng sắt dùng để vạt gỗ.

- Cầu trời cho gió thổi lên
Cho manh chiếu rách nằm trên giường lều
- Thân em như trái mướp cầu
Phất phơ trước gió biết vào tay ai?
- Thân anh như thể con dơi
Bay lên đáp xuống mà xơi mướp cầu
- Thân em như chiếc thuyền be
Chỉ e gió ngược, lại thêm dề sóng xao
- Qua đây vượt bể đã từng
Thuyền be anh kiểm chặt, em đừng sợ chi
- Thân em như cá lội tranh mồi
Em tìm nơi sông lớn, vịnh bồi ẩn thân
- Anh đây như thể lão chài
Vực sâu anh thả lưới, bãi lầy anh buông câu
- Thân em như thể hộp vàng,
Thân anh như manh chiếu rách bán hàng bỏ quên.
- Trăm lạy ông trời cho gió nổi lên,
Cho manh chiếu rách phất trên hộp vàng.
- Thân em như cái chuông vàng
Để trong thành nội có ngàn quân canh.

- Thân anh như thể cái chày
Bỏ lẫn, bỏ lóc chờ ngày động chuông.
- Thuyền em bán mấy anh mua cho,
Đem về làm đồ chở khách vãng lai.
- Thuyền em đáng giá ba ngàn
Không tin, anh đội về làng anh coi.
- Thân em như thể hoa hường
Anh xem cho kĩ kéo mắc đường chông gai.
- Thân anh như thể giọt sương
Đêm hè tươi mát cho hoa hường tốt tươi.
- Thân em như trái mít trên cây
Một trăm quân tử tới đây hưởng mùi.
- Thân anh như con quạ trời sinh
Đâu trên trái mít thoả tình em chưa?
- Thân em như chiếc giường ngà
Thân anh như manh chiếu rách người mà ngồi trên
- Trăm lay ông trời cho gió nổi lên
Cho manh chiếu rách nằm trên giường ngà.
- Áo anh rách miếng bên vai,
Cây nàng vá giúp, để mai anh đi làm.

- Anh về sắm bạc cùng vàng
Sắm cho đủ lễ, đến đây nàng vá cho.
- Buồn tình cha chả buồn tình,
Không ai ra Huế cho mình gởi thơ!
- Gởi thơ thì phải gởi lời
Phòng khi thơ rớt, thơ rơi dọc đường.
- Chờ anh đã mãn tháng tư,
Anh không bước tới, em ừ nơi xa.
Mời anh mười sáu qua nhà.
Ăn trầu, uống rượu, nơi xa em kết duyên.
- Phải chi em nói tận từ.
Thì anh bước tới tháng tư đã rồi.
Vì em ăn nói lời thôi
Nơi xa họ bước tới đã rồi còn đâu!
- Mời anh mười sáu qua nhà,
Mất lòng anh chịu, qua nhà thì không.
Anh nguyện cùng em nước mắt chảy bằng sông.
Buổi tiên duyên không đặng vợ chồng thì thôi.
- Chứa trung, chữ hiếu, chữ hoà,
Đó em ba chữ, thờ cha chữ nào?
- Chữ trung thì để thờ cha,
Chữ hiếu thờ mẹ, chữ hoà thờ anh.

- Có chồng rồi, sao bậu nói rằng không.
Con đâu bậu ẵm, bậu bồng trên tay?
- Có chồng năm ngoái năm xưa,
Năm nay chồng để, như chưa có chồng.
Đố anh đếm hết sao trời,
Em đây kết tóc ở đời với anh.
- Em về đếm hết cá dưới ao
Rồi anh đếm đủ mấy sao trên trời.
- Gặp anh em hỏi vài lời:
Tháng năm khô hạn, chim trời ăn chi?
- Chim trời thì hưởng lộc trời.
Cớ sao em bậu hỏi lời đón ngăn?
- Lời nguyên để lại tối mai,
Đó phân, đây giải thử ai bạc tình.
- Bạc chi mà bạn kêu ta rằng bạc,
Chim kêu suốt ngọt, ngọn đèn tỏ lưu ly.
Thiếp chờ chàng đã bốn con trăng ni,
Chàng không lai vãng nên thiếp đi lấy chồng.
- Mở lời chào gió, chào trăng
Chào quanh núi chúa, chào băng sông hà.
Mở lời chào chị em ta
Bên hữu đàn bà, bên tả đàn ông.

Mở lời chào gái nữ công
Chào trai tiết hạnh giữa đám đông hội này

- Khoan khoan bớt bạn khoan chào,
Lại đây ta hỏi: người nào biết ta?
Từ khi cha mẹ sinh ra,
Tự lớn chí nhỏ, bạn gặp ta mấy lần?
Xưng rằng bạn cừ, bạn tân,
Lại đây ta hỏi, mới giao lân kết nguyên.
- Anh về sao vắng mà về,
Non nước lời thề bỏ lại cho ai?
Anh về há dễ về luôn
Để khăn xéo lại, lệ tuôn em chùi.
- Anh về sao vắng mà về
Nghĩa nhân vấn vít tư bề ruột đau.
- Anh ra về ngược gió xuôi mưa,
Khuyên em ở lại, đừng đón đưa phiến lòng.
- Ăn cơm sao vắng mà mời,
Nước mắt lênh láng rã rời hạt cơm.
Mình ơi đừng vắng cá quên nơm
Đôi ta gá nghĩa danh thơm để đời.
Cóc nghiêng rằng còn động đến lòng trời,
Sao mình chẳng tưởng mấy lời em than!
- Ba với ba là sáu,
Sáu với bảy mười ba,

Bạn nói với ta không thiệt, không thà
Như cây đứng đỉnh trên già, dưới non.
Khi xưa bạn nói với ta chưa vợ chưa con.
Bây giờ ai đứng ở đầu non bạn kìa.
Bạn nói với ta chưa có hiền thê,
Bây giờ hiền thê đứng đó, bạn trả lại lời thề cho ta.

- Bạc tình chi lắm hồi chim
Bỏ nhành lê khô héo đi tìm rừng xanh.
Bạn ham nơi kẻ dỗ, người dành
Cho nên bạn lại bỏ đành duyên ta.
Cầm dao cắt cửa ruột ra,
Ruột đau cho mấy không bằng xa nghĩa chàng.

- Cây mít ứt trồng bờ ao cũng ứt,
Cây ớt cay trồng nơi ang nước cũng cay.
Chị em mình hò hố cho hay,
Anh hùng xa xứ cần móng tay đừng nhìn.

- Dao vàng rọc lá trầu vàng
Mắt thiếp, thiếp liếc, mắt chàng chàng luân.
Trai xuân gặp gái cũng xuân
Như bông lúa trở nửa chừng gặp mưa.
Anh thương em cha mẹ hay chưa
Hay là thương đón thương đưa ngoài đường?

- Đường nào đây, giống đường năm ngoái,
Ngõ nào đây, giống ngõ kỳ xưa.
Người nào đây, giống người bạn cũ đón đưa
buổi đầu.

Rượu đổ xuống cầu, rượu hoà theo nước;
Trầu đổ xuống cầu, trầu ngược trôi xuôi.
Xưa nay nhớ bạn ngủi ngủi,
Bữa nay gặp bạn dạ vui khôn cùng.

- Em chưa có chồng chân rời, tay rảnh,
Em có chồng rồi, một cảnh hai quê.
Nói ra cam khổ nhiều bề bạn ơi!
Phải rằng chịu rứa cho rồi
Gạo trút vô nồi không lẽ trút ra.
Xưa kia quyền mẹ với cha
Bây giờ có lẽ người ta nắm quyền.
Vợ với chồng là nghĩa bá niên
Bạn biểu ta phân chiếc đũa, đồng tiền sao nên.

- Em có chồng về chỗ thậm eo,
Bước chân xuống ruộng đĩa đeo tới ngày.
Công việc làm không kịp trở tay
Ban đêm xách nước, ban ngày dầm lang.
Chàng ơi nghe tiếng thiếp than
Hay vậy buổi trước em khoan có chồng.

- Em đang so đũa dọn cơm.
Tai nghe hát hố đầu hôm trên này.
Ra đi, cha đánh, mẹ rầy.
Không đi, bạn ở trên này bạn trông.
Ra đi lội suối băng sông.
Đến đây mền bạn, lòng không muốn về.
Lưu trông đào, đào lại trông lê,
Trầm kia xa quá, quá về rừng xanh.

- Gặp nhau đây con bóng đang trưa,
Rừng rừng nước mắt, thiếp đưa chàng về.
Chàng về trong nớ, thiếp ở ngoài nì,
Dặn chàng ba chữ gắn ghi vào lòng.
Hồi thương nước đục cũng trong,
Không thương nước chảy giữa dòng cũng dơ.
Thiệt như lời nói em chờ
Ba bốn nơi tới ngõ trao thơ, em không cầm.

- Giã gạo rồi, cối cất chày treo,
Anh về, em ở cheo veo một mình.

- Hai bên hàng cá, chính giữa hàng tôm,
Vợ nào chồng nấy ôm nhau mà hò.
Ai nhiều nhân nghĩa thì lo.
Tôi đây ít nhân, ít nghĩa, tôi hò lơ lơ.
Ai dài cần, dài nhợ thì thả ngoài khơi,
Tôi đây ngắn cần, ngắn nhợ, tôi thả chơi trong gành.

- Hoạ may gió mát trăng thanh,
Cá kia ẩn vực bờ gành ăn câu.

- Hai tay bưng bát cơm đầy
Bưng lên đừng trắc, để xuống đây đừng triền.
Hai ta như trái đậu quýt (?)
Nhất sinh nhì tử cũng liền bên nhau.

- Hát lên một tiếng cho thanh,
Trai bỏ học hành, gái bỏ bán buôn.

*Gái bỏ bán buôn, gái còn lịch sự,
Trai bỏ học hành, một chữ năm roi.*

*- Ngồi buồn khuyên vậ mà chơi,
Ai có tâm nấy biết, ai có tình nấy hay.
Mùa đông nhiều ngọn gió day,
Thuyền quỳn thả lỏng chờ ngày khổ thân.*

*- Ra về nắm áo kéo day,
Bao nhiêu nhân ngãi trả đây rồi về.*

*- Ta nghe tiếng hố vọng đồng,
Ai có con cũng bỏ, ai có chồng cũng vong.*

*- Tay bưng đĩa muối, chén tương,
Tương chua, muối chát, nhớ thương nghĩa chàng.
Bạn có gặp nơi nhà ngói, nhà sàn
Nhớ hồi áo rách xưa tề không chàng
Ăn tiêu nhớ tới mùi hành
Bạn có ăn nem gà, chả vịt cũng nhớ rau canh
thuở nào.*

*- Thò tay bắt bướm trên cây
Miệng kêu hơi bướm, thiếp đây bỏ chàng!
Đừng nghi cho bướm mà oan
Bướm y như cứt, bướm hoàn như xưa.
Thiếp nói với chàng há dễ dãi đưa,
Dầu sớm cũng đợi, dầu trưa cũng chờ...*

- *Vì ai nên dạ đơn đau,
Lệ sầu tuôn chảy, khăn lau không ngừng.
Tội tình ta lắm người dung,
Dang tay đón gió, gió đừng rung cây.
Hỡi người thương cũ có hay
Làm sao giảiặng sầu này cho ta?*

- *Vô đây ở bạn vô đây
Ve sành, chén ẩm, rượu Tây, trà Tàu.
Nhà em có một hộp thau,
Trầu têm, cau bửa, thuốc, trà dọn ra
Nệm bông, chiếu kê¹ trải ra,
Xin mời quân tử vào nhà mà chơi.
Ăn trầu, hút thuốc, nghỉ ngơi,
Loan ca, phụng xướng, thiệp mời hò khoan.
Tội chi đứng ngõ, dòm đường,
Lãng xao quân tử, ngõ ngang thuyền duyên.*

- *Vô đây hò hố bông lông,
Không ai cướp vợ, giành chồng của ai.
Địa bàn chỉ hướng còn sai,
Vợ chồng không chắc, gái với trai chắc gì.*

- *Ai làm cho ngược lái chiếc thuyền tình,
Sao em chẳng biết giữ gìn tiết trinh?*

- *Thôi anh đừng có đem dạ dối đời,
Anh nghe chi thế sự, rã rời gia cang (cương).*

¹ Chiếu kê: một loại chiếu bông (chiếu hoa).

- Chẳng phải anh kiếm điều đặng dứt nghĩa là tình,
Bởi anh thấy em lắm sự bất bình¹ nên phải xa.

Ai về nhắn nhủ ông câu,
Cá ăn không giết, để lâu mất môi².

- Mất môi này ta câu môi khác,
Cá biển nhiều xao xác thiếu chi.

Anh tới đây đất nước lạ lòng,
Con chim kêu cũng sợ, con cá vùng cũng kiêng
(kính).

- Tới đây đâu lạ sau quen,
Bóng trăng là nghĩa, ngọn đèn là duyên³.

Bởi thương em nên anh mới tới lui,
Sợ cha mẹ hay đặng, khổ tui với mình.

- Thấy anh nhọc công, khiến đau lòng thực nữ,
Thế nào em cũng giữ trọn chữ cương thường,
Chẳng cần anh nâng lên xuống, thung đường
rầy la⁴.

Con chim quyen xa bạn nó kêu là,
Đôi ta ráng giữ đừng chia tác lòng.

- Lòng em đây không yếm cực, cầu tân⁵
Chỉ e anh tham phú phụ bần mà thôi.

¹ Ý nói những chuyện trăng gió.

² Câu này cũng thấy trong ca dao.

³ Câu này cũng phổ biến ở nhiều nơi.

⁴ Thung đường: cha mẹ.

⁵ Nghĩa là ruộng cũ, chờ mới. Có người hát là nghinh tân.

Cha mẹ tóc bạc da mồi,
 Ôn thâm, em đèn bời không phi,
 Nên em phải thân hèn, kim chi nuôi thân.
 - Ôn cha rộng thính thính như biển,
 Nghĩa mẹ sâu thăm thăm tựa (tựa) sông.
 Thương cho thân em là gái chưa chồng,
 Mà lắm điều cực nhọc, nã lòng thế nì.
 - Công sanh dục, bằng công tạo hoá,
 Có cha mẹ sau, mới có chồng.
 Em nhớ khi diu đất ấm bông,
 Cho nên ngày nay, dẫu thiên lao vạn khổ,
 em cũng vui lòng chẳng than.

Chờ anh nên tuổi em cao,
 Nên duyên em lọt, má đào em phai,
 - Má đào em ra nắng nó phai
 Ra mưa nó lọt, chớ nào ai bảo chờ.

Để kêu sầu thảm bờ nương,
 Cam đành én khóc bạn, nhận kêu sương từ rày!
 - Nói làm chi cho đau đớn lòng này,
 Thương nhau xin hẹn chốn tuyền đài gặp nhau.

Đầu đường có một cây dúi (ruổi).
 Cuối đường có một cây đa,
 Làm chi tội nghiệp bỏ qua sao đành!
 - Cục đá lặn nghiêng, lặn ngửa,
 Em cũng sửa cho cục đá lặn tròn,
 Giận anh nói vậy, chớ dạ em còn thương anh¹.

¹ Câu này cũng phổ biến ở Bình Trị Thiên.

Bướm đeo dưới dạ cây bần,
Anh muốn vào kết nghĩa châu trần nên chăng?
- Em còn bán tín bán nghi,
Chưa đem vào dạ, chưa ghi vào lòng.

Em có chồng còn nhỏ, như ngọn cỏ còn non,
Loan phòng kia chưa nhập, dạ còn như xưa.¹
- Đường đi không lở cũng mòn,
Lẽ đâu có lẽ hoa còn duyên tươi.
Em nói ra sợ chúng bạn cười,
Cá đôi ba buổi chợ, còn khoe tươi nổi gì!

Gặp anh sao em chẳng hỏi chẳng chào,
Hay em đã có chốn sang giàu hơn anh?
- Tối tăm em biết nút là gai (?)
Biết quen hay lạ, biết ai mà chào.

Gió thổi hiu hiu, chín chiều ruột thắt,
Nhìn sao phương bắc, nước mắt chảy bên đông.
Ai bày chi chuyện vợ vợ chồng chồng,
Khiến em phải chịu nặng lòng tư lương.
- Mây tanh, sao thưa, anh xem trời chưa sáng,
Nghe lời em than oán, anh không đăng lại gần,
Khiến cho gan dạ không giần mà đau.

Hoa tàn bướm chẳng vãng lai,
Tình nghĩa anh đã phụ, trúc mai sá gì!

¹ Câu này có người hát: *Em có con mược (mặc) có, chữ duyên còn như xưa?*

- Vây chớ bạn mình há chẳng xét suy,
Anh vì cha mẹ phải chia ly bạn vàng.

- Kìa sao Vua, giăng giăng một khóm,
Nọ ba đốm tỏ rạng, đó là sao Cày,
Sao tuy sáng, nhưng không soi thấu tấm lòng này,
Lòng qua thương bậu tràn đầy chẳng lừng (vời).
- Về Ngân Hà dọi khơi mặt nước,
Biết em đăng hũu phước hay phải chịu vô phần.
Gặp mặt nhau đây nguyện ước châu trần,
Nhưng mà em e tuổi Hợi, tuổi Dần khắc xung.
 - Dâu cho tuổi khắc xung, hay là mang xung khắc,
Đôi ta chớ kể, miễn là nắm chặt giải đồng tâm.
 - Giáp, Ất, Bính là tam bất hợp (hợp),
Dần, Thân, Ty, Hợi là tứ hành xung.
Xin anh hãy xét cho cùng,
Đính hôn mai một, em sợ trùng không nên.
 - Cọp mà vật mảy anh thầy địa,
Yêu mà nhai mảy chú chọn ngày.
Trở trâu họ khéo đặt lời,
Mình cứ thương cho hết dạ, dẫu trời cũng phải nghe.

- Khôi tình anh mang nặng oằn vai,
Thế nào anh cũng cậy mai¹,
Sấm sanh sáu lẽ, lựa ngày cưới em.
- Làm dâu cực nhọc thế nào,
Em đây cũng chẳng quản bao,
Miễn cho khuya sớm đăng hầu bên nhau.

¹ Mai: mối.

Liễn tàu vụng chằm nên lem,
Bơi anh chậm bước nên em hư rồi.
- Bây giờ em nguyện chứng có ông trời,
Phen này em quyết ở trọn đời với anh.

Mặc tình ai dễ ép ai,
Muốn ăn trứng nhận, hang nai phải lòn (luồn)
- Hang nai anh cũng muốn lòn,
Sợ e trứng nhận chỉ còn vỏ không.

Nước lên khoả bực tràn bờ,
Anh về viếng mẹ bao giờ lại sang?
- Chẻ tre lựa lóng đan sàng,
Đôi ba năm nữa chờ nàng lớn khôn.

Nghe em than thân trách phận,
Qua càng oán hận cho cái phận của qua.
Linh đình không cửa không nhà,
Những thương nhau dỉ lỡ¹ qua cũng phải rắng
tính cho nhứt gia trùng phùng.

- E cho anh nói ngoài môi,
Ừ rồi thả bay trôi theo gió,
Thế sự thường hay được đó, bỏ đặng.

Phàm là thân nhi nữ,
Phải trọng chữ tiết trinh.

¹ Dỉ lỡ: đã lỡ rồi, đã trót rồi.

Ngày nay gặp gỡ thình lình,
Lẽ nào em trao hết tâm tình cho anh.
- Anh chẳng phải như phường trăng gió,
chặn ngõ đón trông.

Bao giờ anh cũng giữ cang trường,
Miễn em ừ một tiếng, anh sẽ lay song đường cưới em¹
- Lời anh đã hứa, ngàn bữa em không quên,
Thương nhau cho chặt cho bền,
Từ đây em đốt nén hương nguyện chờ anh.

Phụ mẫu sơ sanh, hãy để người định,
Trong việc vợ chồng chờ lệnh mẹ cha.
- Đợi lệnh mẹ cha, anh đây cũng biết vậy
Nhưng em phải hứa chắc một lời, anh sẽ cây mai dong²

Phụ mẫu sơ sinh để phụ mẫu định
Trong việc vợ chồng chờ lệnh mẹ cha
- Em sợ mẹ cha cũng là sự phải,
Anh không buộc điều phải trái, mà em ngại tấm lòng.
Anh thể chứng có non sông,
Miễn em ừ một tiếng, anh quyết không thay lời.

Phụ tùy, phu xướng, ấy là lẽ thường,
Anh bảo sao em nghe vậy, cho vẹn đường ái ân.
- Nắm tay bạn, xót thương vô hạn,

¹ Song đường: cha mẹ.

² Mai dong: người mối lái.

Nhớ đến việc chia phôi (phôi) én nhận,
Lòng anh đây đứt đoạn can tràng.

Phụng hoàng bay bổng xoè đuôi,
Choàng tay qua cổ với tôi bỏ mình.

- Phụng hoàng lẻ bạn sầu tư,
Tôi đây lẻ bạn cũng như phụng hoàng.

Anh ra về, em cũng muốn về theo.
Sợ sương cát nóng, sợ đèn đã dăm.
- Đèn dăm anh đã lượm rồi,
Trông kia cát nóng, anh đã bồi đất thêm.

Sáng trăng sáng cả vườn đào,
Chè thơm, thuốc gói, em trao cho người.
Bạc bầy đâu xứng với vàng mười,
Mồ côi đâu xứng với người giàu sang.
Em nói với anh một chút qua đàng,
Nhà em em ở, nhà chàng chàng lui.
- Sáng trăng trải chiếu hai hàng,
Bên anh đọc sách, bên nàng quay tơ.
Quay tơ em giữ mối tơ,
Dầu năm bảy mối, anh vẫn chờ mối em¹.

Sống gửi nạc, thác gửi xương,
Tình em, qua chớ lạ thường,
Ởn em nuôi qua thoát khỏi chốn ngục đường
thuở xưa.

¹ Một câu này cũng phổ biến ở miền Bắc.

- Thấy anh vận bĩ lại bị tai nạn,
Nuôi nhau là vị nghĩa, nào màng trả ơn.

Tai nghe bậu đã có chồng,
Trách ai điểm chỉ, mai dong cho nàng¹.
Xiêu lòng lấy bạc, bỏ vàng,
Để coi em đặt chỗ thanh nhân hay không?

- Sự rày cũng tại mai dong,
Cho nên cha mẹ thiệp ép lòng phải theo.
Chê rằng phụ mẫu anh nghèo,
Nghèo như ai chứ nghèo như anh, mượn ngựa mà
theo không cho rồi.

Tiếc bấy công anh lao lung, lo vun bón cây tùng,
Mảng sấm soi² trên ngọn, dưới góc sùng³ chẳng có hay.

Anh nguyên đưa đó một dao phay,
Răn lòng những gái mặn đào lang tâm.
- Anh chớ nghe lời miệng thế bày mutu,
Mà anh gây oán, gây cừu giận em.

Tới đây anh muốn kết ngãi giao lân,
Đó ai xô ngã được ông thần thì xô.
- Thần thời ở núi, ở đình,
Thần đâu bạn những bùng binh với vò.

¹ Ý câu này định nói: trách ai chỉ chỗ, mai mối...

² Trông ngó, tìm tòi.

³ Góc bị sâu đục khoét.

Tới đây tan chợ lũ chừng,
Kêu ai ai vắng, ta đừng hỏi thăm.
Hỏi thăm dọn (cây) quế mấy nhành,
Thung huyên mấy cụm¹ phụ mẫu sinh thành mấy
(bao) nhiêu?

- Phụ mẫu sinh ra thiết đã mười người,
Năm trai, năm gái tốt tươi như rồng.
Ba người có vợ Hà Đông
Ba người có chồng, ở tại Bồng Miêu.
Ba người buôn bán chợ chiều,
Mình ta với bạn dắt dìu với nhau.

- Thân em như chiếc thuyền be (bé)
Chở e gió ngược, lại thêm dè sóng xao.
- Qua đây vượt bể đã từng.
Thuyền be anh kiểm chặt, em đừng sợ chi.

- Thân em như cá lội tranh mồi
Em tìm nơi sông lớn, vịnh mồi ăn thân.
- Đây anh như thể lão chài.
Vực sâu anh thả lưới, bãi lầy anh buông câu.

- Thân em như thể nước sông
Tuy là thấy mặt, biết lòng cạn sau?
- Thân anh đây như sợi dây dài.
Lòng sâu sâu cạn, anh đo hoài cũng thông.

¹ Thung (cha) huyên (mẹ): cha mẹ.

Thân em như hòn đá trên non,
Mưa sa cũng lọt, gió lòn cũng trơ trơ.
Anh đừng có bộ giả vờ
Kiếm nơi mô nương tựa, đừng chờ mãi em.
- Qua cũng biết em như hòn đá trên non
Mưa sa khó lọt, gió lòn cũng trơ trơ.
Nhưng giận thay mấy chữ Tơ - lơ¹
Nạp thuốc nó bắn, một giờ khắc tan.
Hòn đá lớn đắp cổng, hòn đá nhỏ đắp hàng
Kẻ đi qua, người đi lại, uống duyên nàng, nàng ơi!
Dấu mà em không hiểu qua cũng thôi
Con người em bạc như vôi mới hăm²

Thân em ngay thẳng như cột buồm,
Bốn bên chằng néo, em sợ luồng gió đông.
- Thân anh như sợi dây lèo,
Cột buồm vững chắt, anh chắc chèo em khỏi lo.

Thấy thuyền duyên đào điền trong dạ,
Thương sao thương lạ, thương hết tâm tình.
Ngày nào anh kêu em đừng bằng mình³
Thì dẫu phải chịu muôn lao nghìn khổ, anh cũng giữ
một tâm tình sắt son.

¹ Tơ - lơ: từ tiếng Pháp tirailleur (lính tập).

² Vôi mới tôi.

³ Minh: vợ.

- Anh có dạ thương em, thì em mang ơn đến thác,
Nhưng lòng người trao trác, thế cuộc đổi dời,
Nay anh nói vậy, mai anh nói khác,
Đổ thừa tại cô bác, hay tại mẹ cha
Kiếm điều anh nói cho qua
Thì tám thân nhi nữ, trọn đời sẽ phải tư lương

Thương nhau cởi áo cho nhau,
Về cha mẹ hỏi, qua cầu gió bay¹
- Con ơi! Sao nói trở trênh,
Áo mặc trên mình, sao nổi gió bay?
Gió bay cầu thấp, cầu cao,
Gió bay cầu nào, con chỉ mẹ coi.

Thương nhau vì nét, chẳng hết (thiếu) chi người,
Anh không tin dạ, anh sợ đổi dời,
Em xin cắt tóc thề có đất trời chứng minh
- Nghe em phân cặn, vô hạn thương tâm,
Vợ chồng nghĩa nặng tình thâm
Em thề không thuyền khác ôm cầm,
Anh nhìn mái tóc phải tuôn dầm lệ châu

Thiếp như cá ở biển Đông,
Chờ khi nước cạn, hóa rồng lên mây
- Phải chi anh có phép thần thông
Ngăn mây đón gió, bắt rồng cười chơi.

¹ Câu này cũng phổ biến trong quan họ.

Trên có trăng dưới có nước, anh giao ước một lời,
Dầu trăng lờ nước cạn, trọn đời anh chẳng quên em
- Nước có khi trong, khi đục,
Người có kẻ tục, kẻ thanh
Hễ con cá khôn lựa vinh, con chim khôn lựa nhàn.
Mặc ai nay đổ mai dành.
Bền lòng chờ ngóng chẳng đành bỏ anh.

Trứng vịt đỏ lộn trứng gà,
Thấy em má đỏ, anh đã muốn hôn
- Muốn hôn về nói với mẹ cha,
Tiền cheo, heo cười, tới nhà em hôn
- Muốn hôn má bầu mà chơi,
Tiền cheo heo cười đã thành đôi vợ chồng
- Má đâu có má hôn chơi,
Anh ra ngoài đồi, bắt chó mà hôn
- Muốn hôn má bầu mà chơi,
Hôn chi má chó, lạ hơi nó ngầu¹

"Văn kỳ thịnh bất kiến kỳ hình"²
Mắt chưa thấy mặt, mà tình đã thương.
- Già chàng cho thiệp hồi hương,
Kẻ cha mẹ thiệp trăm đường chờ trông
- Mắm ngon chấm cá liệt,
Em có chồng rồi, bảo thiệt anh hay.

¹ Cẩn, gằm gừ.

² Nghĩa là chỉ nghe tiếng mà chưa thấy mặt, chưa thấy hình.

- Ngó lên trên núi thấy đám bắp trở cò,
Chuôi kia đừng vóc, anh quyết chờ duyên em.
- Ngó lên trời thấy nhiều sao
Ngó xuống ao thấy nhiều cá,
Ngó vô trong nhà, mẹ góa con cô,
Chỗ ăn không có, chỗ ngồi cũng không
Liệu bẻ anh trông được thì trông
Đừng trao gánh nặng, đau lòng cho em¹

- Nghèo như nhà anh, đầu mâm đĩa muối, cuối mâm
đĩa rau,
Đây anh vẫn giữ nghĩa trước sau cho trọn đạo
Nghèo như nhà bậu mai rau, chiều cháo,
Đây anh cũng ngồi mà nghĩ bỏ báo đền ơn
Giàu mà ăn ở bất nhơn (nhân), sau rồi con cháu
cũng bốc tro mò trấu,
Nghèo ở hiền hậu, sau vợ chồng cũng đủ nấu ngày ba
Bậu đừng than thở chi mà, bậu hãy nghe anh.

- Mèo thấy mỡ, mèo thèm chết giã,
Mỡ thấy mèo, mỡ nhảy tê tê (?)
Thịt kia ươn muối, mèo chê không thèm.

- Phận em còn nhỏ,
Em đi chiếc thuyền nhỏ
Cái cần khôn bỏ
Cái nợ khôn rời

¹ Có người hát: ... giữa đường tội em.

- Phải chăng số hệ tự trời,
 Cho nên khiến đây với đó thương đời với nhau.
- Thuyền anh bơi nhẹ,
 Chèo lẹ em chẳng kịp theo
 Em nhìn bọt nước cánh bèo,
 Đây em đang chịu cảnh nghèo
 Anh nói anh thương, nên em tủi phận,
 Bởi chưng anh giàu, em thấp phận khó trèo cao.

 - Văn hay không bằng mũi mít,
 Võ biết không bằng miếng mề sành.
 Thấy vua treo bằng xòng xành (?) vô thi
 Thơ, bài không biết chữ chì,
 Mài nghiên bút viết có khi tôi ngày

 - Em thương anh như nước đầy ăm ắp.
 Vắng anh một bữa, lòng em đã ruột nát gan bầm
 Vì ai thương trộm nhớ thầm,
 Cũng vì anh nên em mới tuôn dầm hột châu.

 - Bậu nói với qua, bậu không bẻ mạn hái đào,
 Mạn đâu bậu bọc, đào nào cầm tay?

 - Nực cười con kiến riện mọc mòng
 Bọn xích ra cho khỏi, kéo chồng ta ghen
 - Cọp nằm kẻ đá mài răng
 Máy thẳng ghen vật, ông hãy ăn cho rồi

6- Hát ru - hát đưa em

- Ru con con ngủ cho muồi
Để mẹ đi chợ mua vôi ăn trầu
Mẹ đi chợ Quán, chợ Cầu
Mua rau chợ Dã, mua trầu chợ Dinh
- Một mai anh chớ bỏ ai
Chỉ thêu nên gấm, sắt mài nên kim
- Cá không ăn muối cá ươn
Con cưỡng cha mẹ trăm đường con hư
- Con quạ nó đứng chuồng heo
Nó kêu ở mẹ bánh xèo đúc chưa?
- Ru con con ngủ cho rồi
Để mẹ đi chợ mua nôi, mua niu
Mua nôi thì phải mua vung
Mẹ thương con mẹ, thương cùng nàng dâu
- Em ơi, em ngủ cho say
Cha mẹ đi cà, chị phải nấu cơm
- Em tôi khát sữa bú tay .
Ai cho bú mà một miếng cảm ơn¹

¹ Bú này: xin bú người khác (vì mẹ vắng nhà hoặc không có mẹ).

- *Em tôi buồn ngủ buồn nghề
Con tầm chín đồ, con dê đã muối
Nong tầm đã chín để nuôi
Con dê đã muối làm thịt mà ăn*
- *Em tôi buồn ngủ buồn nghề
Con tầm chín đồ, con dê mọc sừng
Mọc sừng thì mọc giữa lưng
Đừng mọc trên con mắt, nó sừng lu bù.*
- *Con mèo con chuột lom khom
Em tao đang ngủ mày dòm làm chi
Mày mà mày chẳng bỏ đi
Em tao thức dậy có khi mày ăn đòn.*
- *Con mèo trèo lên cây cau
Hỏi thăm chú chuột đi đâu vắng nhà
Chú chuột đi chợ đặng xa
Mua mắm mua muối giỗ cha chú mèo.*
- *Con chim én Cù Lao Chàm nó bay từ Nam chí Bắc
Nó vượt bãi ghềnh rồi liệng cả đông tây
Nước miếng trong nó làm tổ từng ngày
Nuôi con khôn lớn tháng ngày đâu có kẻ công*
- *Ai về nhắn với bạn nguồn,
Mít non¹ gửi xuống, cá chuồn gửi lên
Đôi đàn ngan ngỗng có nên?*

¹ Có người hát: măng non, măng le.

- *Cu kêu ba tiếng cu kêu,
Cho mau tới Tết dựng nêu ăn chè
Dựng nêu thì dựng đầu hè,
Để sân gieo cải, vãi mè ăn chung.*

- *Chiều chiều vịt lội bầu Gia (?)
Vịt ai lội lại, lội qua lội về
Chiều chiều vịt lại lội về,
Vịt ai lội qua lội lại, lội về bầu Gia (?)
Chiều chiều vịt lại lội ra...*

- *Chim vịt ít thịt, nhiều lông,
Các cụ chia răng (sao) đủ, răng đồng mà chia.*

- *Ru em em ngủ cho rồi
Chị đi rửa chén rồi ngồi vá may
Ru em em ngủ cho say
Để cha đi cày để mẹ trồng khoai.*

- *Xây thành đắp lũy trên non
Hái hoa, nuốt nhị nuôi con tháng ngày
(Con ong)*

- *Con chi nhỏ nhỏ mà khôn
Xây nhà dưới đất rào đồn dân gian
(Con kiến)*

- *Sông không đến, bến không vào
Lơ lửng giữa trời làm sao có nước?
(Trái dừa)*

- Da cóc mà bọc trứng gà
Mỏ ra thơm phức cả nhà thềm ăn
(Trái mít)

- Dù hư tiếng vẫn thơm hoài
Có trăm con mắt đổ ai trái gì?
(Trái thơm)

- Ngày nào em còn bé cón con
Bây giờ em đã lớn khôn thế này
Cơm cha, áo mẹ, công thầy
Nghĩ sao cho bỏ những ngày ước ao.

- Công cha nghĩa mẹ công thầy
Khuyên con chăm chỉ kíp chầy nên thôn
Học thời trước phải học vắn
Vắn xuôi, vắn ngược, đánh lần cho quen
Muốn sáng thì phải cần đèn
Muốn cho hay chữ phải men đến trường.

- À ơi à! Ru em chị hát ngân nga
Ru em chị nhớ ca dao quê nhà
"Đói lòng ăn hột chà là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng"

- À à ơi... Trời xanh mây trắng chơi vơi
Ru em chị hát đôi lời em vui
Thương nhau chia miếng ngọt bùi
Trao nhau lời nói tiếng cười thương yêu.

- Chiều chiều ra đứng ngõ sau
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều.
- Đói lòng ăn trái ổi non
Nhịn cơm nuôi mẹ cho tròn nghĩa nhân.
- Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ phải yêu mến thầy.
- Chim trời ai dễ đếm lông
Nuôi con ai dễ kể công tháng ngày.
- Cha mẹ nuôi con biển hồ lai láng
Con nuôi cha mẹ con kể từng ngày.
- Cha già con muộn chơ vơi
Gần đất xa trời con hơi có hay!
- Bồng con mẹ gởi cho bà
Để mẹ đi chợ kéo mà chợ trưa.
- Đêm nằm thấp ngọn đèn trời
Cầu cho cha mẹ sống đời với con.
- Gió đưa gió đẩy bóng lau
Em đi bắt ốc, hái rau mẹ nhờ.
- ↳ Lên non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẫu từ.

- Má ơi đừng đánh con đau
Để con hát bội làm đào má coi.
- Mẹ ơi, đừng đánh con đau
Để con bắt ốc, hái rau mẹ nhờ.
- Ru con nhớ mấy lời quê
Thấy ai đói rách chớ chê, chớ cười
Thứ nhất, kẻ sự làm người
Dấu no, dấu đói cho tươi mặt mày
Miếng ăn phải giữ tháng ngày
Thức khuya dậy sớm cho tày người ta.
- Chim khôn tránh bẫy, tránh dò¹
Cá khôn tránh lưới, tránh nò, tránh dăng
Chim khôn tránh bẫy, tránh dò
Người khôn tránh kẻ hồ đồ mới khôn.
- Có con phải khổ vì con
Có chồng phải gánh giang san nhà chồng.
- Làm trai cho đáng nên trai
Phú Xuân cũng trải, Đồng Nai cũng từng.
- Một mẹ nuôi chín mười con
Mười con không nuôi được một mẹ.

¹ Dò: thứ bẫy chim làm bằng dây.

- Nhiều điều phủ lấy giá gương
Người trong một nước thì thương nhau cùng.
- Khôn ngoan đá đáp người ngoài
Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.
- Tốt gỗ hơn tốt nước sơn
Xấu người đẹp nết còn hơn đẹp người.
- Trâu ta ăn cỏ đồng ta
Đừng ham cỏ tốt ăn qua đồng người.
- Uốn cây từ thuở còn non
Dạy con từ thuở đang còn ngây thơ.
- Trai ngay vì chúa
Gái ngay vì chồng
Nhờ ngọn lửa hồng
Tỏ lòng son sắt
Dù ai không mắt
Dù ai vô tâm
Dù không thể trúc, tượng đồng
Tiếng thơm còn với non sông để đời.
- Thương thay con hến, con sò
Nắng mưa chịu vậy, biết bò đi đâu.
- Thương nhau đấm cò cùng ngồi
Đấm tranh cùng lợi, rình chồi cũng băng.

- *Thằng cuội ngồi gốc cây đa
Ăn cơm với cá ăn cà với dưa.*
- *Một cây làm chẳng nên non
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.*
- *Một lần cho tổn tới già¹
Đừng đi nước mặn mà hà ăn chân.*
- *Miếng ăn là miếng tội tàn
Mất ăn một miếng lộn gan lên đầu.*
- *Mấy ai ởặng hảo tâm
Nặng hun giúp nón, mưa dầm giúp tới².*
- *Mẹ nuôi con biển hồ lai láng
Con nuôi mẹ kẻ tháng, kẻ ngày.*
- *Chim trên ngàn, chim trên ngàn vẫn hát ru con ơi
Con hỡi, con ơi.
Con đừng khóc nữa, cha con còn,
cha con còn đi biển, biển chưa về.*
- *Mấy lời mẹ dặn mà con thơ
Chữ tình, chữ nghĩa, con lo, con lo cho tròn
Mẹ già cầu chúc cho con
Khoa trường đắc cử, thành công, ở thành công
con về.*

¹ Tổn (tiếng cổ): nghĩa là chừa, không dọn, làm nữa.

² Tới: áo mưa chầm bằng lá.

*Con đi cách trở mà sơn Khê
Mong con hãy giữ, hãy giữ, tình quê cho mà cho
mặn nồng.*

- *Cầu trời mưa xuống, à ơi
Lấy nước mà lấy nước tôi uống
Lấy ruộng à ơi lấy ruộng tôi cày
Lấy đầy mà đầy đầy bát cơm
Lấy rơm à ơi, lấy rơm mà đun bếp*
- *Ta về ta tắm ao ta
Dù trong dù đục ao nhà đã quen¹*
- *Trâu ta ăn cỏ đồng ta
Tuy rằng có cứt như mà cỏ thơm*
- *Trong đầm gì đẹp bằng sen
Lá xanh bông trắng lại chen nhị vàng
Nhị vàng bông trắng lá xanh
Gần bùn mà chẳng hôi tanh mùi bùn²*
- *À à ơi... Chiều hôm gió cuốn mưa rung
Giọt dài, giọt ngắn coi chừng ướt em
Uớt cây, uớt lá, uớt rừng
Uớt chi thì uớt xin đừng uớt em*
- *A à ơi... Ngủ đi em nhỏ em thơ
Chị ru, chị dỗ, chị chờ em ngoan*

^{1, 2} Các câu này có ở nhiều nơi ở miền Bắc.

*Chiều hôm mưa núi, gió ngàn
Thương cha thương mẹ dạ càng bàng khuâng*

- À à ơi... *Tội mình tội lắm em ơi
Trông cha, đợi mẹ, sớm mai tới chiều
Mưa rung, gió thổi đều hiu
Bông em đưa vông, chắt chiu đợi chờ.*

- À à ơi... *Dòng sông khi đục khi trong
Khi bồi, khi lở, long đong theo nguồn
Núi trên, sông dưới khó lường
Phải chi có được một đường êm xuôi.*

- À à ơi... *Ru em em ngủ, chị thương
Cây rau, ngọn cỏ biết nhường nhìn nhau
Một mai em giỏi, em giàu
Chị già, chị yếu, đôi nghèo ai thương.*

- À à ơi... *Chị cũng cứng, chị cũng mềm
Nhớ ngày em nhỏ xiu chị từng ấp ôm
Đút ăn bữa cháo, bữa cơm
Thịt ngon chị mớm, canh thơm chị nhường.*

- À à ơi... *Ru em nghĩa nặng tình thâm
Chị em như thể tay chân một người
Em vui một chị vui mười.
Mẹ cha sung sướng vui cười nhìn nhau*

- À à ơi... Đồng sâu nước đục tối om
Ham ăn, diéc lội, diéc dòm thấy chi¹
Thấy chi thì lọt rọ rồi
Ai can cho được, trầu ngời thở than

- A à ơi... Ước chi biển núi vui ca
Trời thơm hương Phật, tâm ta dạt dào
Gió vàng dâng khúc ly tao
Vườn xanh trở lá nao nao trúc đào.

- Ước chi gió cuốn mây cao
Sông vui gọi sóng lao xao mái chèo
Cầu tre lơ lửng cheo leo
Cò bay thẳng cánh quê nghèo ngó thương.

- Âu ơi... Ví dầu con ngủ bà ru
Hàng cau nắng gọi vườn thu ấm nồng
Cháu tui má đỏ hồng hồng
Tui cưng, tui ẵm bế bồng thiết tha.

- Âu ơi..., Công cha nghĩa mẹ, tình bà
Lớn khôn ăn học rồi ra với đời
Hiếu trung giữ đạo làm người
Nghĩa nhân giữ trọn bù thời mừng vui.

- Âu ơi... Đố ai có cháu không mừng
Không cưng, không nựng, chẳng ngừng chăm lo

¹ Diéc: cá diếc, trầu, cá trầu (cá chép).

*Ngắm nhìn cho sướng, cho no
Hột xoàn vàng bạc chẳng so được nào*

*- Thương con, thương cháu dạt dào
Nụ cười tiếng khóc nao nao lòng bà
Tình bà với cháu sâu xa
Đủ cung đủ bậc ngân nga như đờn.*

*- Mong con giỏi lật, giỏi bò
Nghe lời mẹ dạy bú no chơi nhiều
Cứng hơn trứng mòng nâng niu
Ru êm, dỗ khéo chắt chiu ử nông.*

*- Cháu tui, tui ẵm, tui bông
Oa oa nhõng nhẽo nghe lòng thêm thương
Ngủ đi, con nín, bà cưng
Hai tay ử cháu vui mừng ầu ơ...*

*- Ấu ơ... Ví dầu con ngủ bà ru
Con mèo nín thít con cu gặng mừng
Nín đi đừng khóc bà cưng
Ngủ ngon, chặp nữa mình cùng đi chơi*

*- Ví dầu bà được thành thơ
Rảnh rang bà lại nhớ thời trẻ thơ
Chuồn bay bướm lượn phát phơ
Ve kêu, dế gọi, ngán ngơ kiếm tìm.*

*- Ấu ơi... Quê mình sông biển mênh mông
Suối khe róc rách, liễu thông dập dừ*

*Trăng vàng gió mát hiu hiu
Mẹ ru, con hát, chuông chiều vọng ngân*

*- Ấu ơ... Tiếng cười trẻ nít bên sân
Câu hò già gạo bâng khuâng nghĩa tình
Vĩ dầu sông nước an bình
Vườn xưa về lại chim huỳnh còn chẳng?*

V. SẮC BÙA

Sắc bùa là loại hình dân ca nghi lễ. Người ta ca hát để chúc tụng các gia đình làm ăn phát đạt, ca ngợi các ngành nghề, đề cao lao động...

Thành viên của đội hát sắc bùa gồm có:

- Cái kè: Người cầm chịch, người cầm đầu, người xướng.
- Con xô: Một nhóm người, ít nhiều cũng được, hát đồng thanh tiếp theo sau cái kè.

Trong dịp các ngày lễ, tết, giỗ tổ (ông tổ nghề nghiệp), đội hát Sắc bùa đến từng gia đình hát chúc tụng. Tùy theo gia đình đó làm nghề gì (làm ruộng, làm biển, thợ mộc...) mà hát những bài có nội dung thích hợp, làm cho không khí từng gia đình, xóm làng sôi động, nhộn nhịp hẳn lên.

Sau đây xin giới thiệu một vài bài sắc bùa.

1. Chúc gia đình làm nghề nông

Cái kè:

*Nhớ xưa Nghiêu, Thuần
Người ở non Lịch Sơn
Tượng (?) thấy có nhơn
Xuống cày giúp ruộng.*

Chim kia liền bay xuống, cần cỏ mà tha
Thiên hạ đồn xa, như vua Nghiêu thấy lạ.
Rước về gả hai nàng: Bạch Thị, Nga Hoàng nhỏ mà có chí.
Trong ý sinh ra, thuộc việc nông trang dạy dân bắt chước
Lập vườn tược, từ ấy đến nay có bụi cóc để làm giống má
Mấy đám gò khai phá, dòng lưu thủy lấp bồi
Có đôi trâu ở núi Đông Lôi
Trời sau xuống, giúp dân làm ruộng
Thần Nông rộng lượng
Dạy dân đóng cày bừa
Phút bầy chữ điều gió thuận mưa
Vua khuyên bảo dạy dân làm ruộng.

Con xô:

Làm ruộng, làm ruộng
Cày lên trở xuống
Cuốc góc đắp bờ
Chỗ sâu ta chừa
Chỗ gò ta dựng
Mấy chỗ khô cứng
Trăn trở cho mềm
Kêu các chị em
Nhỏ mọn cùng cấy
Không cấy lúa bén
Cùng là nhe đen
Ai ai cũng khen
Ruộng này đã tốt
Bông dài đuôn đuột
Dé thẳng mà dài

Có gái có trai
Trâu xe, trâu chở
Trong nhà rục rồ.
Nhà dầy nghênh ngang
Đổ hết kho tàng
Đủ ăn, đủ để.

2. Chúc gia đình làm biển

Cái kể:

Nhớ xưa vương mẫu
Nằm (mê) thấy nhện giăng
Dạy dân làm ăn
Lưới sần lưới cá
Sắm thuyền cùng dã¹
Nò, rỏ, đáy, dặng
Mặc sức biển sông
Giàu lòng bủa kéo
Hôm mai gió dịu
Cá chở hai thuyền
Ông bà cho ăn
Tiên sư giúp vận.

Nghề ngư thông thả biển Đông
Mành phơi lưới bủa, dập dừ chiều mai
Buổi mai cho chí xé chiều,

¹ Dã: một loại thuyền.

Thợ này bạn nấy, bủa nhiều lắm thay
Chở vô ta bán bến nay
Tiền trăm bạc chục, thợ bạn rày chia nhau
Mặc sức chủ, thợ bạn làm giàu
Thờ cha kính mẹ, mai sau đừng nhờ
Chung tình chủ nợ, bạn đồng ủng
Các nghề sấm đủ đã vừa lòng sông.

Con xô:

Đẩy lưới, đẩy lưới
Lưới quét lưới quanh
Lưới mảnh lưới lội
Cá bè, cá đôi
Cá trích, cá móm,
Cá nục, cá cơm
Cá thu, cá giống
Ông mới đổ đống
Đổ đống đầy nhà
Ông mới chia ra
Mỗi phần chục gánh
Rồi ông sẽ tính
Có đưa mấy phần
Đưa nào ở gần
Thì hay đi sáng.
Mất phân cũng đáng
Mất phân cũng ưng,
Kẻ cất người dùng,
Làm cho nó sợ
Nhiều thằng cũng đỡ,
Không một mình ta.

3. Chúc gia đình thợ mộc

Cái kê:

Nhớ xưa có ông Lỗ Ban
Tài trí khôn ngoan
Chạm con diều gỗ
Đã bay lại đố
Cho cha cười chơi,
Cười qua nước người
Nước Ngô bèn giết.
Làm người thương tiếc
Làm kẻ mến ta
Ngài mới hóa ra
Một con nộm¹ gỗ
Ngón tay lồ lộ
Chỉ qua nước Ngô
Hạn hán ba năm
Lúa mạ cháy khô
Dâng lễ dâng vật
Đem qua thú tạ.
Gẫm người cũng lạ
Bèn dứt ngón tay
Nước Ngô mưa rày
Phong điều, vũ thủy
Nhỏ mà có chí
Lớn lại có công
Truyền xuống cho dân
Học nghề thợ mộc.

¹ Bù nhìn.

Con xô:

*Thợ mộc! Thợ mộc!
Đeo bào kы cú¹
Chạm trở tới ngày
Khéo léo chân tay
Đường vân chỉ đậm
Lèo giường lèo ghế
Chỉ lẫn ngoài trong,
Ông thợ khôn ngoan
Ai ai cũng muốn
Lệnh trên phán xuống
Thường thợ bằng vàng
Phú quý giàu sang.*

4. Chúc gia đình dệt vải

Cái kẻ:

*Nhớ xưa Lữ Vọng ở chốn Thạch Bàn
Việc dệt, cùng truyền lại cho ta
Bông Đồng Nai người mới cho ra
Gió² Trà Kiệu, Quảng Nam ham đưa lại
Mặc sức chị em ta làm vải
Rủ nhau đi mua bông, mặt lượng, mặt đồng,
mặt cân đều biết.
Bông nhiều tiền ít, giá nổi hăm hăm³*

¹ Cẩn cù.

² Gió: cây vô gió.

³ Giá nổi hăm hăm: giá lên nhanh.

*Dem bông về cán, về bán lãng xãng¹
Giá bán giỏi giang, trắng rằm tỏ rõ
Xe con cúi nhỏ, sạch rác dễ làm
Quây cho sẵn sàng, chị em làm vải.*

Con xô:

*Làm vải, làm vải
Nào ai truyền lại
Chị em ta
Sắm quay cùng xa
Cầm cung ống giựt
Sắm ống, sắm trực²
Sắm gổ, sắm ghô
Nào ai truyền cho
Là cái xa cán
Bày ra giàn giạn³
Là cái vầy tay
Ngó lên trên đầu
Là con mỏ ác,
Ngó xuống bàn đập,
Có cây đòn giông
Bông làm ra vải
Lời lãì vô song
Lúa đổ đầy nong
Tiền chôn đầy chĩnh
Sớm mai thùng thỉnh*

¹ Rối rít.

² Tên những dụng cụ của nghề dệt.

³ Nhiều thứ nhưng bày đâu ra đấy, ngẩn nấp.

Đi chợ bán chơi,
Lờ lãi vô hồi
Vải này rộng khổ
Tiền chôn đầy lỗ
Lúa đổ đầy nhà
Bảo hộ toàn gia.

5. Chúc gia đình chẵn tằm

Cái kể:

Tây Lãng buổi trước
Người ở chốn Bồng Lai
Có đôi tằm ở non đoài
Giữ một lá buồm tang¹ ăn hết
Ăn rồi lộn kiếp làm ổ trên cây
Đức Nữ Bà lấy giống về rày.
Ươm làm chỉ thêu hoa, dệt gấm
Tây Lãng ngồi ngẫm, hỏi giống đó là chi?
Á Ngu¹ nói: "Tằm kia sanh vật".
Tây Lãng nghe được, cho xuống hạ trần,
Rao dân phàm đâu đó xa gần
Đều bắt giống để tằm thay thảy...

Con xô:

Để tằm, để tằm
Để lứa đầu năm
Để tằm thành tốt

¹ Tang: dâu.

Đến chùng ăn một
Cho chí ngủ lên
Vận khá làm nên
Trần mong trần đuổi
Ống tầm đặm đuổi
Cái kén vàng hươm
Mở bán mở ương
Tơ tơ lụa lụa
Cậu giàu thóc lúa
Lại có tơ tầm
Các vật đủ ăn.

VI. CHÈO ĐƯA LINH

Chèo đưa linh có nơi gọi là *hát bá trạo*, là một loại dân ca nghi lễ của cư dân ven biển các tỉnh miền Nam Trung Bộ. Đây là loại hát múa (vừa hát vừa múa) dân gian nhân dịp lễ tế cá ông (cá voi) hoặc nhân dịp đưa tang cá ông. Một số nhà giàu có, khi đưa tang người ta cũng dùng nghi lễ này, (nội dung có sửa đổi cho thích hợp).

Thành viên của đội *chèo đưa linh* gồm có: Tổng mũi, Tổng khoang và Tổng lái¹ cùng 10 đến 16 bạn chèo (còn gọi là Con trạo).

Về trang phục, các Tổng mũi, Tổng khoang, Tổng lái thường ăn mặc theo lễ phục cổ truyền (áo dài đen, quần trắng, cũng có nơi trang phục rực rỡ như diễn viên tuồng). Còn bạn chèo thì thường mặc áo trắng, quần trắng (có quần xà cạp) đầu chít khăn, lưng thắt vải đỏ, chân đi đất, tay cầm mái chèo dài 1m2, sơn đen trắng.

Về nhạc cụ có trống, kèn, sênh, đàn cò.

Nghệ thuật trình diễn *chèo đưa linh* là sự phối hợp nhịp nhàng giữa âm nhạc, lời ca và động tác trình diễn của Tổng mũi, Tổng khoang, Tổng lái cùng đám bạn chèo dưới sự điều khiển thống nhất của Tổng mũi.

Trước Cách mạng tháng 8-1945, *chèo đưa linh* thường được bà con ngư dân ven biển các tỉnh miền Nam Trung Bộ ưa thích và tổ chức khi có dịp. Trong kháng chiến

¹ Tổng mũi còn gọi là Tổng tiên; Tổng khoang còn gọi là Tổng thương; Tổng lái còn gọi là Tổng hậu.

chống Pháp, chống Mỹ, cứu nước, vì hoàn cảnh chiến tranh ác liệt, *chèo đưa linh* không được tổ chức. Gần đây, khi hòa bình lập lại, ở một số nơi, khi có điều kiện, loại hình ca múa này được khôi phục (như trong hội diễn Văn nghệ miền biển tổ chức tại một số địa phương của tỉnh Bình Định vào cuối năm 1983).

Sau đây, xin giới thiệu nội dung bài *Chèo đưa linh* đã được sách "Ca dao Nam Trung Bộ" ghi lại theo lời đọc của các cụ Nguyễn Tam Chiến, Nguyễn Thanh Cao, ở làng Xuân Thạnh, xã Mĩ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định (nội dung bài hát ở mỗi nơi có sửa đổi, thêm bớt khác nhau).

Tổng hậu (xướng):

*Án hội lễ nghi chỉnh túc
Đăng chúc huy hoàng
Truyền cho bả trạo lương ban
Xếp chèo vào bái yết.*

Trạo (đồng thanh):

Dạ!

Tổng hậu:

*Xuân thu lộ tiết
Thốn niệm thanh hương
Tửu cúc, trà lan
Hạ các đăng cung kiên
Ớ bả trạo! Cái¹ khai thuyền hầu trạo.*

Trạo (đồng thanh):

Dạ!

(Lúc này tất cả đứng dậy, xốc chèo lên nách, theo tiếng phách của tổng tiên, tiến về nơi trình diễn (hoặc nơi đặt quan tài cá ông).

¹ Cái: tất cả, thầy đều.

Đồng thanh:

*Hạ thiên quan thủy sắc
Hốt nhật chiếu huy hoàng
Khai thuyền hầu linh vị
Đẳng bá trạo quý vương!
Đẳng bá trạo vương!*

(Các con trạo làm động tác chèo)

Tổng hậu (tay lúc nào cũng làm động tác giữ chèo lái)
xướng:

*Chói rạng hai vàng nhật nguyệt
Thẳm sâu một dải giang hà
Ngàn năm vang tiếng âu ca
Muôn thuở đền ơn báo bổ
Dâng tế lễ cầu ngư lạc lợi
Đội ơn nhuần lụy nhỏ chứa chan.*

(Điệu nam ai)

*Chứa chan cất mái chèo
Cơm lại đòi cơm.
Anh em bả trạo ơi!
Phong phát phát, thủy phau phau
Buồm dong biển ải, lèo sang mặt sâu.
Trải qua mây dậm biển dâu
Ngàn năm tế độ sông sâu khôn lường.*

Tổng mũi:

*Truyền cho bả trạo lường ban
Đồng thanh ca nhất loạt.*

Con trạo (đứng tại chỗ) đồng thanh:

Dạ!

Lan tương lưu phiếm phiếm

Quế chấp trạo khinh khinh

Độc tạ quyền linh ứng

Âu ca khứng khai hành

Âu ca khứng khai hành!

(động tác chèo)

Tổng hậu (điệu nam ai):

Khải hành ngàn trùng vời vợi

Nghĩ như Ông¹ ta là

Giữa sóng dồi vùng vẫy lượn xoay

Đến khi phụ mẫu rằng nghe

Thấy tin lên dọi² quay lui trở về.

Tổng khoang (vào, nói lối, xưng tên):

Trước kính thờ tôn vị

Sau vâng lệnh toàn ban

Ngô biểu hiện trung khoang.

Như tôi là đạo tôi con giữ trọn một niềm

Ngó xuống thuyền nước đã đầy khoang

Gầu gáo nọ tay sang

Khi gầu gáo nọ nước kia ta tát.

(Điệu nam ai)

Tát nước kia cho ráo

Anh em bả trạo ơi!

¹ Ông ở đây là cá ông.

² Dấu hiệu nước dấy sóng ngoài khơi mà người ta tin là có cá ông xuất hiện.

*Hễ làm người phải biết công ơn (Nói lối)
Anh em bả trạo ơi! Ráng mà chèo*

(Điệu nam ai)

*Chèo cho bỏ mái qua lui
Nhờ ơn buồm thuận gió xuôi hội này*

(nói lối)

*Ớ bả trạo ơi! Anh em ráng mà đưa thuyền cho
tới nơi Giang đảo xứ túc hộ trì.*

(Điệu nam ai)

Dầu cho sóng ngả gió day chi sòn

Tổng tiên:

*Truyền cho bả trạo nghe tổng tiên hò cho tử tế
chứ chẳng phải chơi nghe!*

Con trạo (đồng thanh):

Dạ! (tay chèo)

Tổng tiên (Bắt ban hát đồng thanh):

*Trời cao đất dày rộng vui vui
Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!*

Con trạo (hoạ lại):

*Ngàn thu ân đức muôn đời oai linh!
Hò hầu linh.*

Tổng tiên:

*Vấy vùng giữa biển thỉnh thỉnh.
Thần long dậy sóng, hải kinh lạng tằm.*

Con trạo:

Thần long...

Hồ hầu linh.

Tổng tiên:

Mối sầu biết thuở mấy năm

Non xây bực nghĩa, nước đầm mặt nhờn.

Con trạo (hoạ theo hai câu của tổng tiên)

Tổng tiên:

Đôi khi động tĩnh khuấy thân

Có phần võ đức, có phần văn công

Lại thêm trí dũng lạ thường.

Đi ngoài phong vũ, đứng trong ba đào.

Lầu lầu tiết cả càng cao

Tin ra vàng đá, lễ vào khắp khuôn

Năm thường, ba đức rõ ràng

Tới lui bốn biển dọc ngang một mình.

Ngàn thu chữ tạc, trung trính

Sắc phong trợ tính anh linh trên đời

Công đồng thiên cổ anh minh

Soi trong tam giới rạng danh đức người.

Đâu đâu cũng đội ơn oai

Nam bang, bắc quốc hùng tài xưa nay

Vén mấy đón gió hây hây

Ba đào phảng lảng phép tày thần tiên

Nhớ khi tế độ ngư thuyền

Ra khơi, vô lộng bình yên tháng ngày.

Tổng khoang:

*Truyền cho bà trạo lương ban
Đồng thanh ca nhất loạt.*

Con trạo (dừng chèo):

*Dạ!
Bình trái trạo hoành khai
Phiêu phiêu phát nam lai
Thân mình nan phục xứ
Thiên cổ hê thâm hoài.*

(Tiếp tục chèo)

Tổng khoang (hát nam):

*Anh em bà trạo ơi!
Hãy đồng lòng báo bổ cho xong.*

(nói lời):

*Trợ sức chèo mặc đó.
Giữ việc nước có đây
Lúc phong ba dù chẳng ra tay
Gánh trung nghĩa sao cho biết mặt.*

(hát nam):

*Biết mặt, lúc này mới biết
Đừng (đáng) làm người có việc phải lo.
Anh em giữ lấy tiếng hò
Mặc ta tát nước, miễn cho thanh bình.
Nhử nhau giữ dạ bình sanh
Dầu tên mũi đạn, sóng ghềnh quân bao.*

Tổng tiền:

*Truyền cho bả trạo hò cho tử tế nghe!
Trời xanh thiệt đáng anh linh.
Vân yên lên dọi lỏi đình đập đuôi.*

Con trạo (đồng thanh):

*Đỡ thuyền phong nạn giữa trời.
Đưa người bể khổ lên ngôi đài xuân.
Nào ai thả lưới lộng khơi.
Bắc Nam kẻ hết mấy lời cứu sanh.
Lại khi giúp khách hải trình
Rõ ràng lên dọi là mình thấy tin
Ra tay bốn biển giữ gìn
Ngõ hầu đem lại thanh bình nơi nơi
Tánh tình bằng bạc giữa vời.
Sống thời hiển hiện, thác thời oai linh.
Nơi nơi phụng sự tâm thành
Đài lan chăm chút hương đăng một mầu.*

Tổng hậu (nói lối):

*Thôi! Nghĩ sức ấy sâu dày bốn biển
Đội ơn nhuần khắp cả bốn phương
Xuyên tường hãm bức trực lương phong.
Tửu tràn hương bình long hạ huyết.*

(Hát nam):

*Hạ huyết kinh phong thê thiếp
Ồi bả trạo, cảnh tử hô một chiếc tùng châu
Ngậm ngùi biển thẳm sông sâu
Tay đưa một mái, lòng đau chín chiều.*

*Tếch miền biển thăm lần theo,
Trăng soi đáy nước, gió hiu đầu ghềnh.*

Tổng tiên:

*Truyền bả trạo lương ban
Đồng thanh ca nhất loạt.*

Con trạo (đồng thanh):

*Dạ! (dùng chèo)
Khuôn giang nhất châu khinh
Trung lưu tự tại hành
Anh linh tùy xứ hiện
Vạn hải lý ba bình.*

Tổng khoang (hát nam)

*Ba bình ơn linh phù hộ
Xóc mái chèo lái xỏ, buồm dong
Xa trông gành đá trập trùng
Đài lan chăm sóc thuyền gần đến nơi.*

(nói lối):

*Ớ bả trạo! Đây đã gần bãi hạc
Trợ sức thuyền, ai dặng có công
Thời mọi người đều biết.
Ớ bả trạo! Sách có chữ:
Thường vô thượng hưởng, hưởng du hữu thành.
Danh vọng thường hoài, hoài du chí nhân
Đã hàm ơn thì lo báo đức.*

(hát nam):

Báo đức miễn cho trọn nghĩa

*Anh em bả trạo ơi!
Công lao nào nài muôn phần
Luận gì một chút đáp ân hải hà.*

Tổng tiền:

*Truyền cho bả trạo hò cho tử tế chớ chẳng chơi nghe!
Cõi trời nay đã thôi linh
Dọc ngang sông biển một mình dậm khơi.*

Con trạo (đồng thanh):

*Thanh bình tếch dậm tới nơi
Phút linh hiển hiện cho người phùng nghinh
Thấy thôi ai cũng động tình
Cờ loan rục rở lộ trình đón đưa
Ngùi ngùi lệ thảm tuôn rơi
Xót xa tắc dạ, ngán ngơ lòng sầu.*

Tổng hậu (nói lối):

*Phối hành thuyền tu kiểm điểm
Bả trạo khá nghiêm trang
Hội tề tề án tiền
Tốc hành nghi lễ bãi
Trạo nhất nhơn nhất trạo
Lệnh đăng chúc huy hoàng
Truyền phân bố lương ban
Lễ chào hầu an vị.*

Tổng khoang (xướng):

*Vật hoán tinh di
Hoàn cơ kỷ tinh anh chi cự
Truyền cho bả trạo an vị.*

Con trạo:

Dạ! (ngồi nghỉ)

Tổng khoang (xướng):

*Lộng lác hoàn cơ kỷ
Gian nhàn du hải thệ kinh luân
Mãn nguyệt đài sơn
Như tôi chốn Hải Đông quê ngụ
Ngô biếu tự Trung khoang
Như tôi ngày ngày thường dựa cột buồm lan
Đêm đêm lại sửa sang chèo quế.*

(nói lối):

*Như tôi nghĩ lại
Sách có chữ: Làm nghề gì quen nghề đó
Âu là, vào thuyền nội giữ gìn sau trước
Rồi hai bên thuyền bả trạo đã nghỉ an
Một mình tôi chính giữa
Buồn cha chả là buồn!
Hay là ta ghé lại bên khuôn¹
Đặng ngâm câu thất tự a...*

(ngâm):

*Hảo a, vui chơi bãi hạ tình non nước
Thong thả gành ghê bạn núi sông.*

(nói lối):

*Như tôi nghĩ lại
Sách có chữ:*

¹ Chỗ nấu ăn trên thuyền.

*Cũng có kẻ chí du sơn lâm
Cũng có người túc du thành thị
Nhơn nhơn các hữu kỳ chí
Như tôi mẩn ri đây.*

(ngâm):

*Phong nguyệt một bầu trong tạo hóa
Lục thao thời dật ngoại càn khôn.*

(nói lối)

*Tôi nghĩ lại:
Cũng có kẻ thừa thú kinh châu phạm du ngũ hồ
Hay là tôi bắt chước người xưa chăng?
Rõng rảnh buồn lan noi Phạm Xưởng
Lãng xãng chèo quế hỏi Vương Thông.*

(nói xong vờ ngủ)

Tổng hậu (báo):

Giông! Bớ chú tổng, giông, giông!

Tổng khoang (giật mình):

Giông hồi nào?

Tổng hậu:

Giông hồi này chớ hồi nào.

Tổng khoang:

*Thôi cấp dã, chơn cấp dã!
Nguy tai, thậm nguy tai!
Xem đầu hôm sao tỏ, trăng thanh
Sao khuya lại mây giăng mù mịt!*

Âu là ta lánh chốn ba đào hưng vãng.

Tổng hậu:

Ở trung khoang!

Phó cho trung khoang gìn giữ nội thuyền

Đặng canh lấy nước non mà tát.

Tổng khoang:

Dạ! Dạ! Ngô thọ giáo, ngô thọ giáo

Nguyện đương nguy, nguyện đương nguy

Âu là ta giở vạt ngô hầu

Nhảy xuống khoang tát nước...

(hát nam):

Tát nước đề phòng giông gió

Anh em bả trạo ơi!

Giông gió căng thẳng thần kinh

Nhưng anh em mình chớ có bần khoãn.

Tổng khoang (nói lối):

Đoài thấy tây sơn nguyệt lặn,

Trực nhìn đông hải thanh thanh

Ở bả trạo, bả trạo!

Đình thuyền tạm nghỉ sông Thương.

Lặng gió ta sẽ chèo sang biển ái.

Ở trung khoang! Nghe ta dặn

Rồi truyền đạt lại cho nghiêm.

(hát tâu):

Duy chấp ngự phong ba.

Tu quân phong bất trắc.

*Cửu sinh tư thủy hoá,
Yếu quan mưu dĩ cách lâm ly.*

(nói lối):

*Như vậy thì truyền bảo đã xong rồi
Ngồi, ta nói lối chơi vài hiệp.
Tính lão hay uống rượu, chỉ uống một đôi chung.
Lao碌 thâm canh hoàn kỷ độ
Bên hồ dạ tịnh canh thâm.
Hai thuyền bả trạo đã nghỉ ngơi
Khoang chính giữa, buồn cha chả là buồn!
Biết hà mưu chi phân xử
Giải ngã thành sầu
Ấu là ta xách cần nọ tới câu
Sẽ ngâm bài tứ tuyệt.*

(ngâm):

*Đêm thu vằng vặc bóng trăng thanh
Ngọn gió hiu hiu lặng sóng gành.
Sợ chỉ kinh luân giảng đáy biển
Ngọn cần thao lược thả dòng xanh.*

(nói lối):

*Úy hạ!
Câu chưa thẳng nghĩ, nước đã đầy khoang.
Ấu là ta xách cần nọ bên ba
Nhảy xuống khoang tát nước.
(bỏ cần câu, xách gàu)*

(hát nam):

*Tát nước coi chừng giông tố
Anh em bả trạo ơi!*

*Cơ hội này có khó mới khôn
Nhớ ơn phước cả cao dày,
Xét soi lòng chúng tỏ bày sự cơ.
Ơn Ông, lớn nhỏ thầy nhờ
Khắp trong bốn biển phụng thờ nghiêm trang.*

(uý hạ):

*Trời đã mịt mù, mây kéo lu bù
Từ Hà Ra cho tới mũi Gò¹
Từ phường Mới kếp ra gành Mít²
Gió càng ngày càng thét.
Giông chẳng bớt chút nào.
Ấu là mau mau bả trạo cầm chèo
Đặng lui thuyền trở lại.
(Các con trạo cầm chèo)*

Tổng khoang (báo):

Ớ chú tổng, giông, giông a!

Tổng hậu:

*Nói vậy sự dĩ chi thử bất khả đình trì.
Ớ trung khoang, trung khoang!*

(hát tấu):

*Phó nhữ cần giải đáo lý
Tuyệt thi diệu vọng.*

Tổng khoang (hát tấu):

*Dạ dạ! Thân thừa hữu mãn.
Tuyệt sương miếu vô cảm từ nan.*

^{1 2} Các địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

Tổng hậu (hát tấu):

*Dạ dạ! Mau mau ở tổng khoang!
Trực thư phong lôi tu cấp mạn
Kính luân chi thử.*

Tổng khoang (hát tấu):

*Dạ dạ!
Để đó mặc tôi
Nhơn nghĩa chi sồn.*

(kéo neo):

*Sầu vạn lâu hề nan tiết thủ.
Vô cô hề sầu luy lâm ly.*

Tổng khoang:

Nước căng neo thẳng như đòn.

Con trạo (hò):

*Hò khoan, hò khoan, hồi hò khoan.
Ra tay cùng quyết vượt cơn ba đào
Hò khoan, hò khoan, hồi hò khoan.
Nào ai khinh kẻ kéo neo
Đến khi gặp nạn biết nhờ cậy ai.*

Tổng khoang:

Neo đã lỏng rồi.

(uý hạ):

*Sau lái đà luân bánh, trước hãy vội lỏng neo.
Ớ bả trạo, bả trạo!
Khá cầm chèo đặng chèo ngang bãi hạc
(Các con trạo cầm chèo lên ngang nách)*

Tổng khoang (bắt ban):

Sơn xuyên đục tú

(Thời hò khoan hò):

Hà hải phiêu linh

Chí tử chí linh

Phất vân phất kiến

Dương dương tại thượng

Trạc trạc quyết linh

Minh đức di linh

Siêu thăng tịnh độ

Anh linh phù hộ

Linh hậu anh linh

(Thời hò hậu linh):

Anh linh phù hộ

Khử tặc lưu bình

Hải tịnh ba bình

Thủy thanh tài tặc

Dân khương vật phụ

Cổ xúy nhi ca

Miếu vô thái hoà

Thanh bình thiên hạ

Nhà nhà chung thoả

Chốn chốn kỳ cầu

Bủa lưới giăng câu

Sinh nhai no ấm

Chí thành một tấm

Nguyện nhớ tâm linh

Minh đức di linh

*Siêu tăng tịnh độ
Anh linh vạn cổ
Hiển hách thiên thu
Truyền giữ trao phụ
Lui thuyền an nghỉ!*

Tổng hậu:

Ớ bả trao!

Án tiền hành lễ kỷ.

(Đồng thanh):

Phụ tạ anh linh chí tí.

Ngưỡng mong đâm nội siêu thăng.

Trạo tử đồng thành tâm

Tạ ân án vị!

(Ghi theo lời đọc của các ông Nguyễn Tam Chiến, Nguyễn Thanh Cao ở làng Xuân Thạnh, xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định).

VII. MỘT SỐ CÂU CÓ THỂ DÙNG TRONG NHIỀU LÀN ĐIỀU¹

1. *Cảnh vật và cuộc sống lao động*

(Sản vật, chợ búa, nghề nghiệp)

- *Bình Định có núi Vọng Phu².*

Có đầm Thị Nại³, có Cù Lao Xanh⁴

Có Cân, có Cỏ⁵, có Gành⁶

Có non, có nước, có mình, có ta.

- *Đề Gi⁷ có núi Lan Sơn⁸*

Có đầm Đạm Thuỷ⁹ nước rờn rờn xanh.

¹ Tùy từng hoàn cảnh cụ thể và tùy tài nghệ của nghệ nhân, có thể sử dụng trong nhiều câu điệu khác nhau (hò, vè, hát, bài chòi...).

² Núi Vọng Phu: hòn đá nằm trên núi Kê Thử, (thuộc núi Bà) ở Phù Cát. Đó là một hòn đá ở xa trông như hình người đàn bà bỗng con ngó ra bể xa ngóng đợi chồng.

³ Đầm Thị Nại: thuộc huyện Tuy Phước.

⁴ Cù Lao Xanh: Tên hòn đảo trước mặt cửa biển Quy Nhơn.

⁵ Cân, Cỏ: tức là hòn Cân, hòn Cỏ, tên hai hòn đảo nhỏ ở ngoài biển thuộc hải phận huyện Tuy Phước.

⁶ Gành: tức là Gành Ráng (thuộc Quy Nhơn).

⁷ Đề Gi: tên cửa biển thuộc huyện Phú Cát, nguyên là Đề Di (nghĩa là bờ bằng). Người Pháp phiên âm là Đề Gi, nên ta cũng thường quen viết là Đề Gi.

⁸ Núi Lan Sơn: còn gọi là núi Cửa, thuộc huyện Phù Cát.

⁹ Đầm Đạm Thuỷ: quen gọi là đầm nước ngọt (chính là nước lạt), thuộc huyện Phù Cát.

*Có cây, có đá, có tình,
Trời mây bốn mặt, có mình ở trong.*

*- Tam Quan tốt đất trồng dưa,
Nam thanh nữ tú đã vừa ý anh.*

*- Muốn về Hoà Đại, Hiệp Luông,
Sợ khe Nước Nóng, sợ ruộng Ba Gò¹.*

*- Thành Cựu² có tháp Cánh Tiên³
Có chùa Thập Tháp⁴ có phiên Cầu Châm⁵
Ai về Tuy Phước ăn nem
Ghé qua Hưng Thạnh mà xem tháp Châm.*

*- Qua sông thì phải lụy đờ,
Qua ruộng Ba Gò nên phải lụy anh.*

*- Dòng sông La Vĩ⁶ dài đằng đẵng,
Bầu nước Nam An rộng thênh thênh,*

¹ Hoà Đại, Hiệp Luông: tên hai làng thuộc huyện Phù Cát. Muốn đến đó phải qua khe nước nóng tự nhiên (nước nóng có thể luộc rau được) và ruộng Ba Gò, một bãi cát hoang rất rộng (rộng hàng trăm mẫu) ít cây cỏ, rất vắng vẻ, hoang vu.

² Thành Cựu: tức thành Đồ Bàn, kinh đô của Chăm Thành. Gọi là thành cũ để phân biệt với thành mới (xây dưới triều Nguyễn).

³ Tháp Cánh Tiên: tên một tháp Chăm nằm trong thành Đồ Bàn.

⁴ Chùa Thập Tháp: tên một ngôi chùa cổ ở huyện An Nhơn.

⁵ Phiên Cầu Châm: tên chợ phiên lớn nhất trong tỉnh, ở huyện An Nhơn cũng có người có nơi gọi là phiên Gò Châm). Ở chợ phiên này, người ta buôn bán rất tập nập, thu hút cả những người ở tỉnh khác đến và tập trung đủ mọi thứ hàng hoá.

⁶ Sông La Vĩ: tức sông Gò Găng, một nhánh sông Côn (thuộc huyện An Nhơn).

Thành xưa Bình Định hữu tình,
Hỏi thăm ông Hậu¹ quên mình vì ai?
Hai voi đứng đó hầu hoài,
Đền không, ngôi trống nào ai chủ quyền
Bên kia hòn tháp Cảnh Tiên
Trong ruột trống lồng trống thiên xa vời.

- An Nhơn thắng cảnh nhiều nơi,
Có chùa Ông Đá nơi này Phương Danh².

- Nhận về cân cỏ nhận ơi
Nhận nhớ lấy lời chim yên Phương Mai³.

- Xin Bà thổi ngọn gió đông,
Cho ghe tôi chạy, cho chồng Bà lên⁴.

- Nước sông Côn chảy về Đông Lạc,
Chảy sang Thiên Hạt, chảy xuống Thạch Đê⁵
Ai về nhắn với Bình Khê,
Sao không giữ nước cho nó về Văn Phong⁶.

¹ Ông Hậu: tức hậu quân Võ Tánh, một tướng tài của Nguyễn Ánh, Võ Tánh đã cố thủ giữ thành Bình Định ròng rã trong ba năm trời chống lại Tây Sơn, nhưng bị Tây Sơn đánh bại và đã phải tự tử.

² Phương Danh: tên một làng ở gần Đập Đá (huyện An Nhơn).

³ Phương Mai: tên bán đảo nhỏ ở phía đông Quy Nhơn, ở đây có nhiều chim yến đến làm tổ.

⁴ Bà: tức Bà Vọng Phu. Đây là câu hát của những người đi ghe bầu câu vái Bà Vọng Phu thổi gió đông (gió nồm) để cho ghe chạy.

⁵ Đông Lạc, Thiên Hạt, Thạch Đê: tên các địa phương có con sông Côn chảy qua.

⁶ Văn Phong: tức đập Văn Phong, đập này ngăn sông Côn, lấy nước về tưới một phần huyện An Nhơn và phần lớn huyện Bình Khê.

- *Mặn mà muối biển Sa Huỳnh
Ngọt đường Quảng Ngãi thăm tình quê ta
Đường phở, chim mía, mạch nha
Ai về Quảng Ngãi thử qua một lần.*
- *Muốn về Luật Lễ ăn dưa
Sợ e nước lớn đồ đưa không đều¹.*
- *Rủ lên Đá Trắng² ăn xoài
Muốn ăn tương ngọt Thiên Thai thiếu gì
Thuốc nào ngon bằng thuốc lá Lô Quy³
Nhơn cùng tắc biến phải đi lượm tàn.*
- *Tiếng đồn Đại Năm nhiều xoài
Xung Phong nhiều cốm, Phú Trì mạch nha⁴*
- *Yến Sao Hòn Nội
Vịt lội Ninh Hoà
Tôm hùm Bình Ba
Nai khô Diên Khánh
Cá tràu Võ Canh
Sò huyết Thuỷ Triều⁵
Đời anh cay đắng đã nhiều
Về đây ngon sớm, ngọt chiều với em.*

¹ Luật Lễ: nơi trồng dưa hấu ngon nổi tiếng ở Tuy Phước (Bình Định).

² Đá Trắng: thuộc huyện Sông Cầu, xoài không to nhưng ngon và thơm. Xoài Đá Trắng còn được gọi "xoài tiến" vì ngày xưa dùng để tiến vua.

³ Lô Quy: thuộc huyện Sơn Hoà, Phú Yên.

⁴ Các địa danh thuộc tỉnh Bình Thuận.

⁵ Các địa danh thuộc tỉnh Khánh Hoà.

- *Tu hú kêu chà là chín*
*Tu hú chín chà là già*¹.

- *Chim mía Ba La*
Cá bống sông Trà
Kẹo gương Thù Xà
*Mạch nha Thi Phô*².

- *Chợ Dinh bán nón quan hai*
*Bộ tua quan một, bộ quai năm tiền*³.

- *Cô gái lòng son*
*Không bằng tô don Vạn Tượng*⁴.

- *Đá than thì ở Nông Sơn*
Bồng Miêu vàng bạc, Quế Sơn có chè
Thanh Châu buôn bán nghề ghe
Thanh Hà vôi ngói, mía che Đa Hòa
Phú Bông dệt lụa, dệt sa
Kim Bồng thợ mộc, Ô Gia thợ rừng
Ngà voi, tê giác, gổ rừng
*Trần châu, hải vị chẳng từng thiếu chi*⁵.

¹ Vùng Bình Khê (Bình Định) có tiếng nhiều chà là, đến mùa tú hú kêu báo hiệu chà là chín (chim tu hú thích ăn chà là).

² Các địa danh ở Quảng Ngãi.

³ Nón đây là nón thượng quai tờ.

Năm tiền, quan hai, quan một: là những đơn vị tiền (tiền kêm, tiền điều) thuở xưa.

⁴ Tô don: một bát don. Don: một thứ hải sản.

⁵ Các địa danh ở Quảng Nam.

- Đất Cù Du là nơi chiếu tốt
Lãnh nào đẹp bằng lãnh Ngân Sơn¹
Em đừng so sánh thiệt hơn
Tình anh đây ví thử keo sơn nào bằng.

- Mắm Mỹ Á cá Vực Tre
Mứt gừng Đức Phổ
Bánh nổ Nghĩa Hành
Đậu xanh Sơn Tịnh².

- Trăng già mười tám trăng treo,
Anh sắm giường lèo³ cưới vợ Quy Nhơn.

- Ra đi anh đã dặn dò,
Ruộng rộc⁴ thì cấy, ruộng gò thì gieo.

- Rủ nhau đi cấy lấy công,
Ruộng soi⁵ cấy trước, ruộng đồng cấy sau.
Cấy mau về cuốc vườn rau,
Cho con trẻ bú, tưới rau, tưới trâu.
Cha chài, mẹ lưới, con câu,
Chàng rể đi xúc, cô dâu đi mò.
Quanh năm ăn những ốc sò,
Cũng hoàn rách rưới chẳng no ấm gì.

¹ Các địa danh thuộc huyện Tuy An, Phú Yên.

Lãnh, thứ hàng dệt bằng tơ tằm rất đẹp, rất quý.

² Các địa danh thuộc Quảng Ngãi.

³ Giường lèo: loại giường sang trọng.

⁴ Ruộng rộc: ruộng trũng.

⁵ Ruộng soi: ruộng bãi, gần bờ sông hoặc bờ suối.

- *Thân em về ở xóm dầy¹
Con thì bồng khế² chồng quây³ suốt ngày.*
- *Hai vai gánh nặng đều hai
Xương rồng cũng gánh, dầu lai⁴ cũng đeo.*
- *Ai về nhắn với nậu nguồn⁵,
Thơm chua gửi xuống, cá chuồn gửi lên.*
- *Anh về dưới Dã⁶ bao lâu,
Ngó lên cây Cóc⁷ thấy lâu ông tây.
Chợ Đình An Thái gần đây⁸
Chị em buôn bán đông tây nhộn nhàng.*
- *Ngồi buồn nhớ cảnh bờ xe⁹
Nhớ nước dừa nạo¹⁰ nhớ chè đường non¹¹
Nhớ nôi cá trích y con
Thịt heo cắt khúc lòng còn ước mơ.*

¹ Xóm dầy: xóm làm (đánh) dầy dừa.

² Khế: đồ dùng để đánh dây dừa (giống như quả khế).

³ Quây: (quay) động tác cuộn tròn xơ dừa để đánh thành dây.

⁴ Dầu lai: một thứ cây có quả dùng để ép dầu. Dầu lai dùng để thắp đèn.

⁵ Nậu nguồn: (tiếng địa phương) người ở trên nguồn; cũng có nơi gọi là mít non hoặc măng le.

⁶ Dã: tên gọi của biển Quy Nhơn ngày xưa.

⁷ Cây Cóc: ở Phú Phong - nơi này ngày xưa thực dân Pháp đã mở xưởng dệt (Công ty Đề Li Nhông).

⁸ Chợ Đình và chợ An Thái: thuộc huyện An Nhơn.

⁹ Bờ xe: bờ xe nước (xe nước có nơi gọi là guồng nước để đưa nước vào ruộng)

¹⁰ Dừa nạo: thứ dừa non, nước rất ngọt, cùi mềm, có thể nạo thành từng miếng nhỏ.

¹¹ Chè đường non: nước mía khi nấu lên sắp thành đường, ăn rất ngon.

- Ai về Cổ Lũy xóm Cầu¹
Nhớ mua đôi chiếu đón dâu về làng

- Ai về ăn ổi Định Quang
Ăn ớt Vĩnh Thạnh
Ăn măng Truong Dài²

Ai về Hòn Khói quê tôi³
Non xanh, nước biếc, muồi ngời trắng trong.

- Ai về nhẩn bạn La Kham⁴
Mua dâu lựa lá, mua tầm lấy tơ.

- Ai về Phong Lệ thì về⁵
Phong Lệ có nghề bán hến, chơi trâu.

- Anh đi anh nhớ quê nhà
Nhớ món cá bóng sông Trà kho tiêu.

- Ai về làm rế dưới Đăng⁶
Ăn cơm bát bịt, tôm rằn kho tiêu.

¹ Cổ Lũy, Xóm Cầu: thuộc Quảng Ngãi.

² Các địa danh thuộc huyện Bình Khê, Bình Định.

³ Hòn Khói: nằm trên một bán đảo nhỏ thuộc huyện Ninh Hoà, tỉnh Khánh Hoà. Sở dĩ gọi là Hòn Khói, tương truyền thời phong kiến nơi đây có một đồn canh, khi có giặc ngoài biển xuất hiện thì đốt khói lên để báo động. Có thuyết nói rằng ở đây có lần động đất, khói bốc lên từ khe núi bị nứt.

⁴ La Kham: một làng thuộc vùng Gò Nổi trên sông Thu Bồn (Quảng Nam) có nghề tơ tầm nổi tiếng.

⁵ Phong Lệ: thuộc Hoà Vang (Quảng Nam).

⁶ Đăng: tên làng vạ chà thuộc huyện Tuy Hoà, Phú Yên.

- *Áng mây che ngọn núi Sầm
Rủ nhau ta đến tìm trầm Phú Yên
Núi cao còn có kiên kiên
Giáng hương, gõ, trắc, khắp miền tiếng vang.*
- *Cá ngon là cá Cù Mông
Gạo ngon là gạo ở đồng Phú Dương¹.*
- *Ô Loan nước lặng như tờ
Thương người chiến sĩ dựng cờ Cần Vương².*
- *Quảng Nam có núi Ngũ Hành³
Có sông Chợ Củi, có thành Đông Dương⁴.*
- *Quảng Nam sản phẩm muôn ngàn
Trà Mi rừng quế, kho vàng Bồng Miêu.*
- *Quê em có núi Xương Rồng
Có cửa Mỹ Á, có sông Thuỷ Triều⁵.*
- *Quê ta có dải sông Hàn
Có hòn Non Nước, có hang Sơn Trà.*

¹ Phú Dương: thuộc tỉnh Phú Yên.

² Ô Loan: thuộc huyện Tuy Hoà (Phú Yên). Nơi đây ông Nguyễn Tri Phương dựng cờ khởi nghĩa chống giặc Pháp xâm lược trong phong trào Cần vương.

³ Núi Ngũ Hành: có 5 hòn là Kim, Mộc, Thuỷ, Hoả, Thổ.

⁴ Sông Chợ Củi: một nhánh của sông Thu Bồn.

Thành Đông Dương: kinh đô xưa của vương quốc Chăm pa.

⁵ Những địa danh thuộc huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi

- *Huyện Tuy Hoà có hòn Tháp Nhạn
Chốn sông Cầu dừa mát bóng râm.
Phú Yên lắm cảnh danh lam
Sơn Hoà có suối, Đồng Xuân có rừng.
Tuy An nước lặn mây dừng.
Đất vườn màu mỡ nên xuân xứ này
Thương chàng tỏ thiệt nơi đây
Phú Yên trù phú tháng ngày thông dong.*

- *Rù Rì đường uốn chữ chi¹
Anh lên đèo cho khéo
Kẻo nữa có đi mà không về.*

- *Sông Nha Trang cát vàng nước lọc.
Thành thời con cá đục lội dọc, lội ngang.*

- *Một mai nước lớn đồ trôi
Cây khô lá rụng, bầu¹ ngồi chờ ai?
Bầu ngồi chờ củ chờ khoai
Chờ thơm, mít chín, chờ xoài cà lăm²*

- *Muốn ăn bánh đúc chợ Ân
Lấy chồng An Thái cho gần đường đi³*

¹ Đèo Rù Rì: thuộc Nha Trang, đường đi có nhiều gấp khúc, rất nguy hiểm. Sở dĩ gọi là Rù Rì tương truyền do tên Rury, một kỹ sư người Pháp làm đèo này.

¹ Bầu: (tiếng địa phương) có nghĩa là bạn, em.

² Xoài cà lăm: thứ xoài loại trung bình (xoài tượng, xoài to, xoài cơm, xoài nhỏ).

³ Những địa danh thuộc xã Tam Quan, huyện Hoài Nhơn.

- *Em về Đập Đá, Gò Găng¹
Không về Phù Mỹ sợ ăn củ mì.*
 - *Đường đi cát nhỏ tăm tăm,
Em về Bình Định nuôi tằm kéo tơ.*
 - *Muốn ăn bánh ít lá gai,
Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi.*
 - *Thuốc An Lương² hương thơm, khói nhẹ
Chè Hoà Hội³ nước đậm mùi thơm.*
 - *Em về mua vải chợ Gồm⁴
Gò Găng mua nón⁵, phiên Chàm⁶ anh vô.*
- Tiếng đồn Bình Định tốt nhà.
Phú Yên tốt lúa, Khánh Hoà tốt trâu.*
- *Anh về Bình Định chi lâu
Bỏ em ở lại hái dâu một mình.*
 - *Cầu đôi mà tháp cũng đôi.
Để chi nhân nghĩa mà rời được sao⁷?*

¹ Đập Đá, Gò Găng: tên hai địa phương thuộc huyện An Nhơn. Ở đây đất rất tốt, lúa nhiều.

² An Lương: thị trấn thuộc huyện Phù Mỹ, thuốc An Lương ngon có tiếng.

³ Hoà Hội: tên địa phương thuộc huyện Phù Cát.

⁴ Chợ Gồm: thuộc huyện Phù Cát.

⁵ Nón Gò Găng: rất nổi tiếng.

⁶ Phiên Chàm: chợ phiên Cầu Chàm (Tỉnh Bình Định).

⁷ Cầu đôi, tháp đôi: thuộc Quy Nhơn. Tháp đôi còn gọi là tháp Hưng Thạnh.

- Công đâu công uống công thừa,
Công đâu gánh nước tưới dừa Tam Quan.
Công đâu công uống công hoang,
Công đâu gánh nước Tam Quan tưới dừa.

- Làm xe¹ đưa nước lên đồng
Bà con no ấm thân nông vui cười.
Ruộng rộc thì cấy lúa tri²
Đất gò, đất rẫy, trông mì, trông lang.

- Giặc giã, mưa gió bất kì
Khoai lang không có củ mì cũng không.

- Sang như cô gái Bô Đề³
Sáng ra đi vông, tối về lại xe⁴

- Dầu rái thì anh bán trưa,
Phận em dây dừa phải bán về đêm⁵

- Mảng vui Hương Thủy, Ngự Bình
Ai vô Bình Định với mình thì vô

¹ Làm xe: làm guồng nước.

² Lúa tri: là lúa dài ngày.

³ Bô Đề: thuộc huyện Hoài Nhơn. Ở đây có nghề làm vông bằng xơ dừa.

⁴ Câu này chơi chữ: ý nói sáng đi bán vông, tối về xe dây dừa để bện vông nhưng cũng có thể hiểu là sáng đi vông, tối về đi xe.

⁵ Dầu rái: thứ dầu dùng để sơn thuyền, quang nón, thúng mủng (dồ đan bằng tre) cho bền đẹp. Dầu rái bán về trưa thì có lợi (vì nắng làm cho chảy ra thêm nhiều). Dây dừa bán về đêm thì có lợi (vì bán về đêm làm dây dừa co lại, trông bền hơn).

Chẳng lịch bằng kinh đô
Bình Định không đồng khô cỏ cháy
Năm dòng sông chảy
Sáu dãy núi cao
Biển đông sóng vỗ dạt dào
Tháp kia làm bút ghi tiếng anh hào vào mây xanh.

- Đi chợ các chị em đi chợ
Chợ nào thú vị bằng chợ Cầu Chàm¹
Cầu Chàm phiên chợ hên hò
Tôm khô, cá trung, thịt bò, thịt heo.
Ê hê bánh ướt, bánh xèo
Bánh khô, bánh nổ, bánh bèo liên u²
Còn như cá chép, cá thu
Cá ngừ, cá gỏi, cá chù thiệt ngon
Lá gai bánh ít, bánh đòn
Nem chua, chả lụa, trà đường ủ ê
Kể ra cho hết chợ nê
Thiên hồ, vạn hải, quý thầy nghe chơi³
Ngó ra ngoài chợ bán những trạnh cày
Roi mây, gáo, vá, dép, giày nghênh ngang
Kể thêm mấy thứ xoàng xoàng
Bắp rang, củ, đồ, đục, chày, kéo, dao
Xem qua chẳng thiếu thứ nào
Quảng Nam, Quảng Ngãi, cũng ào mà vô

¹ Chợ Cầu Chàm: còn gọi là chợ Gò Chàm. Đây là phiên chợ lớn (thuộc An Nhơn, Bình Định) thu hút được nhiều sản vật, nhiều khách hàng.

² Liên u: ý nói nhiều vô kể.

³ Thiên hồ, vạn hải: (chữ Hán nghĩa là ngàn hồ, vạn biển): ý nói khắp nơi.

Rất nhiều những món hàng khô
Tính ra thật lắm những đồ đẹp thay
Bên kia còn món hay hay
Nón rua, nón chóp bán bày huyền thiên
Long lanh mấy thứ nhiều tiền
Hột xoàn, cà rá, hột đá, gương cài
Dầu thơm, dầu tho, búa to, búa nhỏ
Bát mỏng tai bèo, da lươn, da ếch.
Kẻ hết đồ dùng, đồ tam, đồ ngũ¹
Kẻ đủ hàng hoá: ớt, hành, tỏi, tiêu
Rau răm, rau húng, hàng thùng cà tây
Mua bán bạc cây² là cô hàng xén...

- Chồng đẻ³, về nuôi vịt, nuôi công,
Ưng chi anh cạo gáo trên gông, dưới cùm⁴.

- Ngó ra ngoài biển tắm tắm,
Thấy ghe anh chạy có năm mái chèo.
Khi nào không gió anh neo,
Chờ cho gió lại, mở lèo⁵ anh đi

¹ Đồ tam, đồ ngũ: (tam sự, ngũ sự) đồ dùng để trên bàn thờ thuở xưa (trên đó ta đặt lư hương, coi trầu, chén nước, đèn).

² Bạc cây: ngày trước khi chưa có giấy bạc (hoặc song song với tờ giấy bạc) người ta dùng đồng hào, đồng bạc (bằng hợp kim bạc) để mua bán. Đồng bạc được xếp thành chồng (hoặc phong lại bằng giấy) Mỗi chồng hoặc mỗi phong gồm có 50 đồng gọi là một cây bạc. Và khi đếm thì đếm từng cây.

³ Chồng đẻ: chồng bỏ, chồng li dị.

⁴ Trên gông, dưới cùm: người cạo gáo dừa thường gác cái thang phía trên đầu (trên gông) trên thang để cái nong hoặc cái chiếu cho khỏi nắng, hai chân kẹp sọ dừa để nạo (dưới cùm).

⁵ Lèo: sợi dây dùng để điều khiển thuyền buồm. Khi có gió người lái mới nới dây lèo ra (mở lèo) cho thuyền chạy.

*Anh đi nước Ngọt, Đề Gi
Xông pha sóng gió kể chi Nam, Nôm¹.*

*Gái Tú Sơn đầu trơn như mỡ
Gạo tri tri nứt nở như uơi².*

*- Hòn Trù, Hòn Kẽm, Hòn Vung³
Ba hòn xúm lại đỡ hòn Quảng Nam
Non sông ai dựng ai làm
Dòng Sài Giang lượn khúc⁴
Cù Lao Chàm xanh um⁵.*

*- Khánh Hoà là xứ Trầm Hương
Non cao biển rộng, người thương đi về
Yến sào mang đượm tình quê⁶
Sông sâu đá tảng lời thề nước non.*

*- Không đi thì mắc cái lo
Ra đi thì sợ cái đèo Quán Cau⁷.*

¹ Nam, Nôm: gió Nam, gió Nôm.

² Tú Sơn: thuộc huyện Mộ Đức (Quảng Ngãi), ngày xưa các cô gái ở đây dùng dầu dừa xức cho tóc mượt.

³ Tên ba hòn núi làm thành thế chân vạc vững chãi của Quảng Nam.

⁴ Sài Giang: tên khúc sông Thu Bồn nằm ở hạ lưu, gần giá biển.

⁵ Cù Lao Chàm: thuộc tỉnh Quảng Nam

⁶ Yến sào: một đặc sản của Khánh Hoà.

⁷ Quán Cau: nằm ở ranh giới hai huyện Tuy An, Tuy Hoà. Xưa kia, ở chân đèo thường gánh cau tươi đến bán. Đèo dốc, đá lởm chởm, phụ nữ gánh cau nặng, vượt đèo vất vả, nên sợ đèo này.

- *La Hà thạch trận là đây¹*
Bốn phương tứ hướng đá xây trận đồ.
- *Lấy chồng Phú Cốc sợ beo²*
Lấy chồng Mỹ Á hồn treo cột buồm³.
- *Nhớ ai như nhớ Nghĩa Hành*
Nhớ phiên Tam Bảo, không đành không đi⁴.
- *Chiều chiều mây phủ Đá Bia⁵*
Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng
Mất chồng như nậu mất trâu
Chạy lên chạy xuống cái đầu chơm bơm.
- *Chiều chiều mây phủ Đá Bia*
Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng
Mất chồng, ta chẳng có lo
Sợ anh mất vợ, nằm co một mình.
- *Đất Quảng Nam chưa mưa đã thấm*
Rượu hồng đào chưa nhấm đã say
Anh hùng thước lụa trao tay⁶
Nước non một gánh vơi đầy ai hay.

¹ La Hà thạch trận: một thắng cảnh của Quảng Ngãi. Nơi đây giữa cánh đồng nổi lên vô số hòn đá to mang hình thù voi, ngựa, trông như một thế trận bằng đá.

² Phú Cốc: đèo cao có nhiều cộp, beo, thuộc tỉnh Phú Yên.

³ Mỹ Á: một làng biển đẹp, thuộc huyện Tuy Hoà, Phú Yên.

⁴ Chợ Tam Bảo: thuộc huyện Nghĩa Hành, Quảng Ngãi.

⁵ Đá Bia: hòn núi ăn ra biển xa nhất của nước ta thuộc dãy Đèo Cả.

⁶ Câu hát trên đây phản ánh sự kiện Hoàng Diệu, người Quảng Nam, nguyên Tổng đốc trấn thủ Hà Nội, đã tuần tiết với dải lụa đào trước khi thành rơi vào tay Pháp.

- Đèo nào cao bằng đèo Phú Cốc
Đốc nào ngược bằng đốc Xuân Đài¹
Đèo cao đốc ngược, đường dài
Anh còn qua được, huống chi vài lạch sông.
- Đi bộ thì khiếp Hải Vân²
Đi thuyền thì sợ sóng thần Hang Dơi³
- Đường đi chín xã Sông Con
Hỏi thăm ông Hương Hiệu có còn hay không⁴
- Sông Cầu đất thấp, nền cao
Ai đi qua đó lao đao cửa nhà⁵
- Sông Kỳ Lô vừa sâu vừa đẹp⁶
Nước Kỳ Lô vừa mát vừa trong
Thuyền anh bơi ngược dòng sông
Gặp em cho thỏa tấm lòng nhớ thương.

¹ Phú Cốc, Xuân Đài: hai địa danh thuộc huyện Sông Cầu và Tuy An (Phú Yên).

² Hải Vân (hay Ải Vân): dãy núi đâm ra biển của dãy Trường Sơn, núi cao (1.172m), đèo dài (20km), khúc khuỷu, quanh co, rất hiểm trở, ranh giới giữa 2 tỉnh Thừa Thiên và Quảng Nam, được mệnh danh là "Thiên hạ đệ nhất hùng quan".

³ Hang Dơi: nằm ở sườn phía đông, sát biển, tương truyền nơi đây thường có sóng thần rất nguy hiểm cho tàu thuyền đi lại.

⁴ Hương Hiệu tức là Nguyễn Duy Hiệu, người Điện Bàn, Quảng Nam, bỏ quan, về lập chiến khu chống giặc Pháp bị giặc Pháp bắt và xử chém tại Huế.

⁵ Đây là nơi phong cảnh rất thơ mộng, con gái rất đẹp, ăn nói có duyên, có sức quyến rũ nên khách nơi xa đến dễ "lao đao cửa nhà".

⁶ Sông Kỳ Lô: một đoạn của sông Cái chảy qua vùng Kỳ Lô - La Hai, huyện Đồng Xuân, Phú Yên.

- *Tỉnh Khánh Hòa đậm đà mưa nắng
Non chồng nghĩa nặng, nước chứa tình thâm
Ngọn gió bay phảng phất phời trâm
Mây xây Tháp Bút, trắng dầm bến ngân*

- *Trông lên hòn tháp Cánh Tiên¹
Có bà Mẫu Thiện, Tây khiêng mất rồi.*

- *Tư Nghĩa, Cửa Đại là đây
Hòn Gàu, núi Quế đã xây nên chùa
Dưới thời bông súng nở đua
Ngó lên trên chùa đá dựng, kiểng giăng
Ngó qua bốn xóm Trường An
Ngó xuống Hòn Sụp, cát vàng soi dương²*

- *Vọng Phu thuộc dãy Núi Bà
Tượng Sơn chất ngất gọi là Hòn Ông
Phải chi đây vợ, đó chồng
Gánh tương tư đỡ nặng lòng nước non.*

- *Ruộng An Nhơn mỗi sào ba tạ
Lúa Tuy Phước trăm gạ³ một sào
Anh về đắp đập, đào ao,*

¹ Tháp Cánh Tiên: thuộc huyện An Nhơn, Bình Định, trong có thờ nữ thần Pô Naga- còn gọi là bà Mẫu Thiện - có chứa vàng bên trong. Do vậy, bọn Pháp đã đem về đập ra lấy vàng.

² Địa danh thuộc Quảng Ngãi. Cây dương còn gọi là cây phi lao.

³ Gạ: đơn vị đo lường (độ 4 kilô) dùng để đo thóc, gạo, bắp.

*Ruộng song trung¹ anh cấy rẽ, ruộng cụ Đào²
anh lĩnh canh*

- Cầu cho mưa thuận, gió lành
Lúa vàng nặng hạt, ruộng anh được mùa

- Trăng rằm đã tỏ lại tròn
Củ lang Phù Mỹ đã ngon lại bùi

- Anh về dưới dĩa hồi hôm
Gánh phân đổ ruộng gió nồm bay lên.

- Ơi bà con, cô bác
Hãy nghe đây của lạ vật ngon...
Này mỹ vị yến sào Tuy Phước
Bún song thần Nhơn Phước cao lương
Dày cơm, nước ngọt tựa đường
Dừa xiêm khắp tỉnh phải nhường Tam Quan

- Trái ngọt thanh Đại Ân xoài ngự
Cá thịt thơm Kẻ Thử, Vũng Nôm³
Đề Gi món gỏi cá cơm
Vừa ăn vừa thưởng gió Nam hân Nghiền
Lẩu sanh cầm bàn sen nhân hậu

¹ Ruộng song trung: ruộng của nhà Nguyễn cấp cho Võ Tánh và Ngô Tùng Châu là hai người mà nhà Nguyễn liệt vào loại trung thần.

² Ruộng cụ Đào: ruộng nhà Nguyễn cấp cho Đào Duy Từ (đệ nhất khai quốc công thần của Triều Nguyễn).

³ Địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

*Lươn ngả tư (?) um với mắng vôi
Thú rừng ngon thịt hai nơi
Núi Bà thứ nhất, nhì thời Đầm Voi
Nước mắm nhĩ Gò Bồi tuyệt hảo
Mật ong rừng An Lão sơn trân¹
Của ngon vật lạ tuyệt trần
Chẳng sao kể hết đâu chỉ có ngân áy thôi.*

*- Đồi dàng² ở Dã lên Thành³
Cầu Chàm, An Thái, An Hành, Phù Ly
Lần về Làng Cả, Cây Đa
Gò Găng, Đập Đá, ngó qua Quán Chùa
Bình Dương, kẻ bán người mua
Mua rồi tính toán hơn thua Chợ Gò
Đôi ta đừng lại hẹn hò
Bước qua Cầu Vội, bến đò Lại Giang
Chợ Giang, chợ Đỗ, chợ Bông, chợ Hàng
Bồ Đề, Bến Đá đồi dàng còn lâu
Tam Quan có một cái cầu
Lần xê xuống vạ thấy lầu ông Tây⁴
Tiếng đồn chợ Cát, chợ Mới gần đây
Chợ Ân, Cầu Lữ, hàng dây⁵ thiếu gì
Buồn tình cất gánh ra đi*

¹ Sơn trân: thức ăn ngon, quý ở núi rừng

² Đồi dàng: chặng đường, đoạn đường.

³ Đây là bài về kể tên các chợ trong tỉnh Bình Định.

⁴ Vạ: làng của những người thuyền chài hoặc làng của những người chuyên muối cá, bán mắm, đối diện với vạ mắm Tam Quan có nhà của tên thực dân Pháp Angticun.

⁵ Hàng dây: hàng bán dây dừa.

- Bâng khuâng nhớ bạn, bạn thì nhớ ai!*
- *Anh nguyện cùng em chợ Dã cho chí Cầu Đôi
 Nguyễn lên Cây Cốc xuống vạn Gò Bồi giao lân
 Anh nguyện cùng em Thành Cựu cho chí Thành Tân.
 Cầu Chàm, Đập Đá ái ân kết nguyện
 Anh nguyện cùng em chợ Làng Cẩ bán mua
 Cầm dao cắt tóc thẻ chùa Minh Hương¹
 Anh thẻ cùng em Trung Định cho chí Hưng Lương
 Trung Nghĩa, Trung Lý cùng nguyện cao xa
 Anh nguyện cùng em trăm tuổi đến già
 Dù cho sông cách, biển xa cũng gần.*
 - *Lụa Phú Phong nên duyên nên nợ
 Nón Gò Găng khắp chợ mền thương
 Áo hồng, quần tía vấn vương
 Nghiêng nghiêng chiếc nón, gió sương quẩn gì²*
 - *Biển Thị Nại ùn ùn sóng giận³
 Đá Phương Mai khăng khăng lòng trung⁴
 Nước non là nước non chung
 Rửa thù non nước ta cùng phải lo
 Thuyền nhỏ, gió to
 Anh đừng e ngại
 Em chèo, anh lái*

¹ Chùa Minh Hương: chùa của những người Hoa Kiều xây dựng để thờ cúng.

² Các địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

³ Thị Nại: trước đây là cửa biển, ngày nay bị phù sa bồi lấp thành đầm Thị Nại, thuộc Quy Nhơn, Bình Định.

⁴ Phương Mai: một núi nhỏ nằm ở bán đảo Phước Hải, phía đông của Thị Nại.

*Cuối bãi đầu ghềnh
Quản gì sóng gió lênh đênh
Ngọn rau tác đất, miễn đền ơn nhau.*

- *Bước chân Đèo Cả¹
Thấy mã Cao Biền²
Có đôi chim hạc đang chuyễn nhành mai.*

- *Bước chân lên Đèo Cả
Trông sang Vạn Giã³
Ngó xuống Tu Bồng⁴
Biết rằng cha mẹ đành không
Anh chờ, em đợi, uống công hai đàng*

- *Châu rày xa phố Hội An⁵
Xa chùa ông Bồn, xa làng Minh Hương⁶*

- *Đầm Châu Trúc⁷ nước xanh biêng biếc
Gạch cua tôm chi xiết mặn nồng
Chình mun⁸ nằm sát đáy sông*

¹ Đèo Cả: cao 500m, dài 10km, đường đi quanh co, uốn khúc làm ranh giới tự nhiên giữa 2 tỉnh Phú Yên - Khánh Hòa.

² Mã Cao Biền: theo truyền thuyết dân gian, Cao Biền đánh với thần Đá Bia và chết tại đây, nhưng thực ra Cao Biền chết ở Trung Hoa chứ không phải ở nước ta.

³ Vạn Giã, Tu Bồng: hai địa danh ở nam Đèo Cả thuộc tỉnh Khánh Hòa.

⁴ Hội An: một đô thị cổ, thuộc tỉnh Quảng Nam.

⁵ Chùa ông Bồn, làng Minh Hương: thuộc Hội An, Quảng Nam.

⁶ Châu Trúc: tên đầm ở giữa 2 làng Châu Giang, Trúc Vồng của Hà Ra thuộc huyện Phù Mỹ.

⁷ Chình mun: như coh lươn nhưng to hơn, màu đen nhánh, ăn rất bổ, ít có nên rất quý.

- Sài Gòn, Hà Nội, Hồng Kông cũng thềm.*
- *Sông Đĩnh dòng nước trong ngần
Rừng xanh An Lão mấy tầng dây tiêu
Hạt tiêu nho nhỏ đáng yêu
Cay cay đón khách, khách đều mến ưa
Thân em duyên dáng từ xưa
Càng cay, càng thấm, càng vừa ý anh.*
 - *Mong về xứ sở Vinh Quang¹
Ăn canh cua báy, tôm rang thỏa tình²
Hai xóm Quang Hiến, Quang Minh³
Ăn cá lá nướng, cá kinh nấu chua.*
 - *Ăn chả tôm bạc⁴ thịt nạc đố bằng
Cá Hanh nấu ám⁵, cá Rằn nướng kho⁶
Tôm Cỏ lột, tôm Rằn báy
Trông thấy đã ngon,
Kho tiêu cá Thệ thì còn nói chi
Ăn vào một miếng mê ly
Người già thích hợp, sách chi cho bằng.*
 - *Vềnh⁷ Bình Thới⁸
Ruốc Cồn Chim*

¹ Vinh Quang: tên một thôn gần đầm Thị Nại.

² Cua báy: cua lột.

³ Quang Hiến, Quang Minh: tên hai xóm thuộc thôn Vinh Quang.

⁴ Tôm bạc: loại tôm to, thịt rất ngon.

⁵ Nấu ám (tiếng địa phương) nấu như nấu cách thủy.

⁶ Các địa danh trên thuộc tỉnh Bình Định.

⁷ Vềnh, một loại hến to.

⁸ Bình Thới, Cồn Chim: thuộc huyện Tuy Phước (gần đầm Thị Nại).

Ở xa ngàn dặm cũng tìm tới mua.
- Bình Định có đầm Qui Nhơn¹
Ngư dân sinh sống có hơn trăm nghề
Đi thì nhớ, ở thì mê
Dễ làm, dễ sống nghề nghề no vui
Từ Lạc Điền² xuống tận Hóc Hôi
Sáo đời, sáo đất³ ngược xuôi dăng hàng
Từ Hưng Thạnh đến Vinh Quang
Ruộng muôi, bờ cá hàng ngàn dặm xa
Từ Bình Thới qua Khe Nhà,
Nghề nò, nghề đón, nghề chà biết bao...
Vinh Quang: lưới, xiết, tử, ngao.
Chồ, thuyền, tử xúc nghề nào cũng vui

- Kể sao hết đẹp quê tôi
Mắm ngon thượng hạng Gò Bồi nổi danh
Từ Qui Nhơn ra tận Lao Xanh
Ngày ngày thấp thoáng thuyền mảnh ra khơi
Phương Mai có hang yến, hang dơi,
Ì ầm sóng vỗ, rợp trời chim bay...
Vạn Ninh, Vạn Thái⁴ có tài,
Nấu một lon gạo nổi hai⁵ cũng đầy
- Hội Sơn⁶ đi dễ khó về

¹ Đầm Qui Nhơn: tức đầm Thị Nại.

² Lạc Điền, Hóc Hôi: tên các địa phương ở quanh đầm Thị Nại (tên các địa phương trong bài này đều ở quanh đầm Thị Nại).

³ Sáo đời, sáo đất: tên các nghề làm cá ở đầm Thị Nại. Tên các nghề trong bài đều là tên các nghề làm cá ở đầm Thị Nại.

⁴ Vạn Ninh, Vạn Thái: tên 2 thôn nghèo thuộc xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ.

⁵ Nồi hai: nồi nấu cơm độ 4 người ăn.

⁶ Hội Sơn: thuộc huyện Phù Cát xưa kia, vùng này nổi tiếng nước độc.

- Trai đi ế vợ, gái về không con.
 - Rủ nhau mua tép Trà Ô
 Săn bờ cát trắng phơi khô đem về*
- An Nhơn có núi Mồ O
 Có chùa Thập Tháp, có đò Trường Thi¹*
- Vũng vàng tháp cổ ai xây
 Bên kia Thủ Thiện bên này Dương Long²
 Nước sông trong dò lòng dẫu bể
 Tiếng anh hùng tạc để nghìn thu
 Gió cầu Tấn trưa chiều thổi mát³
 Đường Qui Nhơn mịn cát dễ đi
 Phương Mai, Gành Ráng tương tri
 Ngâm câu thủy tú, sơn kì thanh thời.*
- Tháp Bánh Ít đứng sát cầu Bà Gi⁴
 Sông xanh núi cũng xanh rì
 Vô Nam ra Bắc ai cũng đi đường này
 Nghìn thu gương cũ còn đây
 Ai ơi phải lo nung son sắt kẻo nữa đây bể dâu.*
- Chính phiên họp chợ Suối Bèo⁵*

¹ Các địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

² Thủ Thiện, Dương Long: tên hai ngọn tháp ở huyện Bình Khê (còn gọi là tháp tre xanh).

³ Cầu Tấn: thuộc Qui Nhơn.

⁴ Cầu Bà Gi: cầu trên đường đi từ Qui Nhơn lên Tây Sơn.

⁵ Suối Bèo: thuộc huyện Tây Sơn.

- Người giàu lo bán, người nghèo lo mua
 - Suối Bèo vui buổi chợ phiên
 Đường xa cũng gắng, không tiền cũng đi.
- Suối Bèo phiên phụ còn đông
 Đừng mong phiên chính gánh gồng chen vô¹
 An Hành năm bữa một phiên
 Gặp cô bán bún nên duyên vợ chồng²
- Ngó lên Đất Đỏ nhiều khoai
 Ngó xuống Đồng Xoài nhiều mía nhiều tranh
 Ngó về Đồng Cọ lúa xanh
 Phú Điền, Phú Cốc, Mỹ Phong cau nhiều³
- Đố ai con rít mấy chân
 Cầu Ô mấy nhịp, chợ Dinh mấy người⁴
- Muốn ăn bánh ít nhân mè
 Lấy chồng Hòa Đại đập chè đen chân
- Muốn ăn bánh ít nhân tôm
 Lấy chồng Hòa Đại ăn cơm củ mì.
- Anh về Hòa Đại hái chè
 Bỏ cây cam mật sau hè ai trồng

¹ Các địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

² An Hành: thuộc huyện Phù Cát.

³ Các địa danh thuộc huyện Phù Mỹ.

⁴ Chợ Dinh: ven Qui Nhơn.

- Anh về Bình Định thăm nhà
Tháng hai trở lại, tháng ba cưới nàng
Cưới nàng đôi nón Gò Găng
Xấp lảnh An Thái, một khăn trầu nguồn¹.

- Ai về Cổ Lũy cô thôn²
Nước sông Trà Khúc sóng dồn tung tăng³

- Ai về quê ấy Nghĩa An
Ghé thăm phong cảnh chùa Hang, Bàn Cờ⁴

- Ai về xóm Bóng, Hà Ra⁵
Đi ngang Hòn Chữ cho ta nhớ lời⁶

- Ai về xóm Bóng quê nhà
Hỏi thăm điệu múa dân Bả còn không⁷

- An Dân, Xuân Thọ chia hai
Chỉ vì cái đảnh Xuân Đài làm ranh⁸

¹ Các địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

² Cổ Lũy: cửa biển nằm ở đông bắc huyện Tư Nghĩa. Cổ Lũy cô thôn: thôn Cổ Lũy cô quanh, một trong 10 cảnh đẹp của tỉnh Quảng Ngãi.

³ Sông Trà Khúc: sông lớn dài độ 120km thuộc tỉnh Quảng Ngãi.

⁴ Chùa Hang, Bàn Cờ: thuộc huyện Tư Nghĩa, Quảng Ngãi.

⁵ Xóm Bóng: nằm cạnh Tháp Bà (Nha Trang). Hà Ra: nằm bên kia sông Nha Trang đối diện với xóm Bóng.

⁶ Hòn Chữ (còn gọi là hòn Đá Chữ): nằm gần Tháp Bà - Nha Trang. Trên hòn đá có chữ Phạn cổ khắc, qua thời gian, mưa gió, phần lớn chữ đã bị mòn, mất nét.

⁷ Điệu múa dân Bả: tại Tháp Bà (Nha Trang) hàng năm có tổ chức lễ hội Vía Bà. Trong lễ hội có điệu múa nghi lễ gọi là điệu "múa Bà".

⁸ Đèo Xuân Đài: nằm sát biển, làm ranh giới thiên nhiên giữa 2 xã An Dân và Xuân Thọ (huyện Sông Cầu).

- Anh từ trong Quảng ra thì
Leo lên đèo Ai chữ chi mập mờ¹

- Quảng Nam nổi tiếng lòn bon
Chà viên² Bình Định vừa ngon vừa lành
Chín muôi, da vẫn tươi xanh
Mùi thơm cơm nếp, vị thanh đường phèn.

- Anh về dưới vạt Gò Bồi³
Bán mắm, bán cá lần hồi cười em.

- Gò Bồi có nước mắm thơm
Ai đi cũng nhớ cá tôm Gò Bồi

- Nước mắm Gò Bồi
Trà nổi An Thái
Cá nục Thị Nại ăn mãi không nhàm.

- Dừa Tam Quan
Mì Phù Mỹ
Mủ nỉ Bình Định⁴

- Muốn ăn đi xuống
Muốn uống đi lên
Đạo khắp bốn bên
Chợ Thành, chợ Dã

¹ Đèo Ai: tức đèo Ai Vân, đường đèo gấp khúc như chữ Chi (Z); đồng thời có nghĩa chê anh học trò dốt không đọc nổi chữ ghi trên cửa ải.

² Chà viên: một thứ trái cây thường có ở vùng Bình Khê, An Khê.

³ Gò Bồi: thuộc huyện Tuy Phước.

⁴ Bình Định: ở đây là một thị trấn thuộc huyện An Nhơn.

*Chợ Dinh bán chả
Chợ Huyện bán nem¹*

- *Chợ Gồm đồ gốm
Phú Hới đồ đan
Tiện đường ghé lại Cánh An
Mua thêm chiếc võng cho nàng ru con²*
- *Lấy chồng Phù Mỹ ăn dưa
Lấy chồng Dương Liễu đập xơ dừa mỗi tay³*
- *Anh về dưới vạn ăn dưa
Về chi Bến Chệt ăn dưa mỗi răng*
- *Anh về Bình Định ban trưa
Dừng chân uống bát nước dừa Tam Quan*
- *Tam Quan ngọt nước dừa xiêm
Cha từ, mẹ bỏ vẫn tìm theo anh.*
- *Tam Quan ít mít nhiều dừa
Nhiều cô gái đẹp mà chưa có chồng⁴*
- *Gò Găng có nón chung tình
Ở đây có thiếp một dạ với mình, mình ơi!*

¹ Chợ Thành: còn gọi là chợ Bình Định, thuộc huyện An Nhơn. Chợ Dã: chợ Qui Nhơn. Chợ Dinh, Chợ Huyện: thuộc huyện Tuy Phước.

² Các chợ Gồm, Phú Hới, Cánh An thuộc huyện Phù cát.

³ Dương Liễu: thuộc huyện Phù Mỹ, ở đó có nghề đập vỏ dừa để xe dây dừa.

⁴ Các địa danh thuộc tỉnh Bình Định.

- *Nón ngựa Gò Găng¹
Bún song thần An Thái²*
- *Lúa đậu ba An Ngãi
Xoài tượng chín Hưng Long³*
- *Anh về Bồ Dịch, Giếng Vuông
Chiếu che bốn vách còn buồn nỗi chi⁴*
- *Anh về Bồ Dịch, Giếng Vuông
No cơm, ấm chiếu luông tuồng bỏ em*
- *Anh về qua cửa Đề Gi
Nghe mùi chả cá, chân đi không đành.*
- *Bao giờ Trường Úc hết vôi
Biển Đông hết cá thì tôi yêu nàng⁵*
- *Bao giờ Trường Úc hết vôi
Đôi ta hết đứng, hết ngồi với nhau.*
- *Em về dưới chợ Kỳ Sơn⁶
Mua tôm, mua cá để ơn mẹ già*
- *Tam Quan tốt đất trồng dưa
Nam thanh nữ tú đã vừa ý anh.*

¹ Gò Găng (thuộc huyện Phù Cát), có nghề làm nón nổi tiếng.

² Ở An Thái có nghề làm bún nổi tiếng gọi là bún song thần.

³ Các địa danh thuộc huyện An Nhơn.

⁴ Những nơi sản xuất nhiều chiếu ở huyện Hoài Nhơn.

⁵ Trường Úc: thuộc huyện Tuy Phước.

⁶ Kỳ Sơn: thuộc huyện Tuy Phước.

- *Mài dừa, đập cám cho nhanh
Lấy dầu mà chải tóc anh tóc nàng
Mài dừa dưới ánh trăng vàng
Lấy dầu mà chải tóc nàng tóc anh¹*
- *Làm trai cho đáng nên trai
Thanh gươm, yên ngựa, dăm dài lướt xông
Vẫy vùng nam, bắc, tây, đông
Lấy thân che chở non sông nước nhà*
- *Ô Loan nước lặng như tờ
Thương người chiến sĩ dựng cờ Cần Vương.*
- *Thơm Vạn Giã, ngọt đà quá ngọt
Mía Phú Ân cái đọt cũng ngon
Hỡi người chưa vợ, chưa con
Vào đây chung gánh nước non với mình.
Quản bao lên thác xuống ghềnh
Mía ngon, thơm ngọt đượm tình quê hương*
- *Vững vàng tháp cổ ai xây
Bên kia Thủ Thiện, bên này Dương Long
Nước sông trong
Dò lòng dâu bể
Tiếng anh hùng
Tạc để nghìn thu
Xa xa con én lượn mịt mù
Tiềm long hỏi chốn vân du đợi ngày.*

¹ Ngày xưa, chị em phụ nữ vùng Tam Quan, Bình Định thường dùng dầu dừa chải tóc.

2. Đấu tranh xã hội

(Chống thực dân, phong kiến, áp bức,
bất công, chống các thói hư tật xấu)

- Non Tây áo vải cờ đào
Giúp dân dựng nước biết bao công trình¹
- Ngó vô Linh Đồng mây mờ
Nhớ Mai Nguyên soái dựng cờ đánh tây
Hầm Hô cũ nước còn đây
Còn gương phấn dũng, còn ngày vinh quang²
- Họ Mai là đáng anh hùng
Chữ hiếu cũng vẹn, chữ trung cũng toàn.
- An Khê nổi tiếng Hòn Bình
Ngày xưa Nguyễn Huệ ẩn binh chốn này
Cây Me cũ, Bến Trầu xưa³
Dẫu không tình nghĩa cũng đón đưa trọn niềm
Ơn vua Thái Đức chí tình⁴
Cù Mông vắng vẻ nhưng mình vẫn vui.

¹ Công trình: câu này ca ngợi công đức của vua Quang Trung

² Linh Đồng, Hầm Hô: căn cứ địa chống Pháp của Mai Xuân Thưởng thuộc huyện Bình Khê.

³ Cây Me, Bến Trầu: các địa danh liên quan đến cuộc khởi nghĩa Tây Sơn (ranh giới giữa Bình Khê và An Nhơn).

⁴ Vua Thái Đức: niên hiệu của Nguyễn Nhạc.

- Rộng trời mặc sức chim bay
Biển Hồ lai láng mặc tài con cá đua
Cá đua sông trước thì đua
Sông sau có miếu thờ Vua xin đừng¹
- Ai về Bình Định mà coi
Đàn bà Bình Định cười voi diệt thù²
- Chiều chiều én liệng Trông Mây³
Cảm thương chú Lía⁴ bị vây trong thành.
- Thương cho thân phận quả dưa
Non thì khoét mắt, già cưa mất đầu⁵
Thương thay cho kiếp dã tràng
Sông sâu biển rộng muôn ngàn sóng xao.
- Khôn ngoan giữa đám ba bề
Không cho ai lận, chớ hề lận ai.

¹ Thờ vua: thờ vua Quang Trung.

² Câu này ca ngợi bà Bùi Thị Xuân, nữ tướng có tài dưới thời Tây Sơn.

³ Trông Mây: thuộc tỉnh Bình Định.

⁴ Chú Lía: là một nông dân nghèo quê ở Bình Định. Lía phải đi ăn xin, đi ở cho địa chủ. Bị bọn địa chủ cường hào áp bức, bóc lột, đánh đập. Lía bỏ trốn vào rừng, rồi một hôm quay về giết hết bọn cường hào, ác bá trong làng, tập hợp nghĩa quân lập căn cứ ở Trông Mây chống lại quân của Triều Nguyễn. Nhiều câu ca, bài vè đặc biệt "Vè Chàng Lía" đã ca ngợi cuộc chiến đấu anh dũng của Lía chống thế lực phong kiến áp bức (xem toàn văn bài vè ở mục Vè).

⁵ Câu này nói về cách uống nước dưa: dưa non thì người ta khoét mắt quả dưa để uống nước. Dưa già thì người ta cưa đôi quả dưa để lấy sọ làm gáo múc nước. Nhưng cũng có nghĩa lên án sự tàn ác của bọn thống trị.

- Anh đi lính mộ sang Tây¹,
 Bỏ em hiu quanh tháng ngày héo hon
 Thương nhau mong kiếm chút con
 Sao anh dứt nghĩa đi luôn hồi giờ
 Bao năm chẳng có lá thư
 Ở nhà luống những ước mơ trông hoài,
 Hồng nhan bạc phận hồi ai,
 Gấm trong bến nước mười hai khó lường
 Ra đi anh bỏ thôn hương
 Sao không nghĩ nghĩa tao khang lúc đầu?
 Đêm nằm em nghĩ em sầu
 Rầu rỗi lại nhớ, nhớ rồi lại trông
 Hồi nào đủ mặt vợ chồng,
 Giờ đây thiếp đã phòng không một mình.
 Bạc chi bạc dử hồi tình
 Đầu non liễu đứng một mình bơ vơ.
- Dưới gốc cây có ông Tây đề chữ
 Trên ngọn cây có ông Sứ treo bồ
 Ai làm cho lúa héo mạ khô
 Nhân dân cực khổ cũng vì bồ² ông Sứ³ treo.
- Từ khi ông Sứ hiểu ra⁴
 Hiểu cho hàng xóm mộ mà culi⁵

¹ Ông Tây: chỉ bọn thực dân Pháp trước đây.

² Bồ: tiếng địa phương, chỉ một thứ đồ dùng mà bọn thực dân Pháp ngày xưa thường treo ở những nơi cao (núi, ngọn cây) để thông báo một điều gì (hoặc là thời tiết, phương hướng, hoặc có điều gì cần lưu ý, nhưng người dân địa phương cho là dễ trừ úm).

³ Ông Sứ: tiếng chỉ tên thực dân Pháp đứng đầu tỉnh.

⁴ Hiểu (tức là hiểu dụ): quan lại ngày xưa thông báo giải thích một điều gì cho dân biết.

⁵ Cu-li (tiếng Pháp): chỉ người lao động chân tay.

Mộ rồi anh phải ra đi
Lãnh chục đồng bạc để thì nuôi con
Anh đi cho đặng vuông tròn
Bữa rau, bữa cháo mẹ con qua ngày.

- Một anh cũng ở lại nhà
Hai anh cũng ở lại nhà
Muốn cưới vợ bé em mà cưới cho
Ở nhà ăn uống lại no
Giấy quuyến, thuốc xắt em sắm cho bẽ bàng¹

- Anh đi lính mộ Tây bang²
Dù đen, mũ trắng, sương mình chàng thôi
Để em ở nhà trông đứng, trông ngồi
Thư đi thì có, thư hồi thì không
Anh ham chi bạc tám mươi đồng
Đành lòng đoạn nghĩa vợ chồng xa nhau
Chi bằng bữa cháo bữa rau
Vợ chồng hú hí nuôi nhau hoàn toàn
Anh đi lính mộ Tây bang
Bỏ em luống chịu phòng loan một mình!

- Năm Thân đang giữa tháng ba
Tờ truyền, trát tổng chạy qua các làng³
Nội trong thiên hạ thế gian
Đàn bà con gái bắt sang cho Tây trào.

¹ Bẽ bàng (tiếng cổ): dầy dụa, dư dật.

² Lính mộ: một sắc lính thời thuộc Pháp. Tây bang: nước Tây, nước Pháp.

³ Trát: lệnh truyền của các quan trên xuống cho dân phải thi hành.

*Nghèo giàu bất luận người nào
Không chồng thì bắt nộp vào cho Tây
Đời ông Nghiêu, Thuấn tới nay¹
Ai mà bắt gái cho Tây bao giờ...*

*- Tình chồng vợ sao anh không nghĩ tới,
Nghĩa sinh thành sao anh chẳng kể chi
Sao anh bất thức bất tri
Anh đi lính mộ được gì đâu na?²
Anh nghe em hỏi đây mà
Ai sinh, ai đẻ anh ra thành người?
Sao anh không sợ người cười,
Cài nôi lính mộ mấy đời sương thân?
Hỏi anh anh phải phân trần
Cha già, mẹ yếu đỡ đàn cây ai?*

*- Văn minh gặp buổi Lang sa³
Tri âm thì ít, trăng hoa thì nhiều.*

*- Mười giờ ông Chánh về Tây,
Cô Ba ở lại lấy thầy thông ngôn⁴*

*- Đèn nhà lâu hết dầu đèn tắt
Lửa nhà máy hết cháy thành than
Em Hai ơi! Lấy chồng lựa chỗ cho sang
Lấy chi thằng điếm dọn bàn Tây ăn.*

¹ Ông Nghiêu, Thuấn: tên 2 đời vua rất xa xưa ở Trung Quốc, ý nói từ rất xưa.

² Na: nào.

³ Lang sa: (tiếng phiên âm của tiếng Pháp - nước Pháp).

⁴ Thầy thông ngôn: người phiên dịch dưới thời Pháp thuộc.

- Gáo vàng đem múc giếng Tây
Khôn ngoan cho lắm, tớ, thầy¹ người ta

- Thùng thùng trống đánh ngũ liên
Bước chân xuống thuyền nước mắt như mưa
Vì tiền nên bị mắc lừa
Lưng dài, đầu mũ, chẳng vừa lòng ai.
Cây xương rồng, trái, lá xương rồng,
Người mình sao lại lấy chồng người Tây
Sinh con để cháu cả bày
Rau nào sâu nấy, biến thầy vô loài.

- Anh đi bưng bọ¹ quan Tây
Để em vui vợi tháng ngày chờ trông
Trông chồng mà chẳng thấy chồng
Đêm đêm vắng lạnh phòng không một mình
Buồn tình cha chả buồn tình
Không ai lẻ bạn cho mình kết đôi.

- Hay chi những thứ cao bồi
Cúi luôn dị tộc³ làm tôi vô loài⁴
Pháp sang đây, chúng mày béo mập
Giở trò khôn khéo bóp méo cái tròn
Phi tông phụ tổ⁵ chúng mày còn khua môi.

¹ Tớ thầy người ta: ý nói hầu hạ, làm nô lệ người ta.

¹ Bưng bọ: nịnh hót, bợ đỡ.

³ Dị tộc: khác giống nòi.

⁴ Làm tôi vô loài: làm tôi đòi, nô lệ cho bọn vô loại tức là bọn thực dân Pháp.

⁵ Phi tông, phụ tổ: quên giống nòi, phụ bạc tổ tiên.

- Về làng gan dạ héo hon
Xuống Dã còn toàn thấy những con đồ đầu¹
Mắt đục, mũi nhọn, gót cao
Chúng yêu chúng quý chó ngao hơn người²
- Tai nghe súng nổ cửa Hàn
Giận Tây không giận, giận chàng Lưu Cơ.
- Tham chi đồng bạc của Tây
Mà đi lính mộ bỏ bầy con thơ.
- Từ ngày "bảo hộ" đảo lai³
Thuế thân đồng mốt, sưu sai bốn ngày⁴
- Yén sào thêm ít hạt sen
Chung với đường phèn, bỏ lăm anh ơi!
Em khuyên anh lời đã cạn lời
Giảm bông, bớt tếch là mối thực dân
Mùi quê hương thơm ngọt vô ngần
Anh ham chi của thừa, của thái
Mà anh đành bỏ nhân, bỏ ngãi
Để đi làm thân tôi đòi?
Cực lòng em lăm anh ơi!
Nhìn trong tủ thẹn, trông ngoài xấu xa
Để vào thì cũng để ra
Anh hãy về chung gánh nước nhà cùng em.

¹ Đồ đầu: ám chỉ bọn thực dân Pháp (tóc đỏ hoe).

² Chó ngao: loại chó tây.

³ Bảo hộ: chỉ bọn thực dân Pháp

⁴ Đồng mốt: một đồng, một hào: (là tiền đóng thuế thân nộp cho Tây (tiền Đông Dương do Tây làm ra).

- *Biển đông có lúc với đầy
Môi thù đế quốc biết ngày nào quên.*
- *Cha đời mấy đứa theo Tây
Mô ông, mả bố, Tây dầy biết chưa?*
- *Chiều tà bóng ngả nương dâu
Vìn cànhr bề lã, em sâu tơ duyên
Tiếc công thảng đợi năm chờ
Tưởng chàng có nghĩa, ai ngờ theo Tây
Vui thân trong đám bùn lầy
Nước nào rửa sạch nhục này chàng ơi!*
- *Càng ngày xâu nặng, thế cao
Mất mùa nên phải lao đao nhọc nhằn
Xóm làng cam chịu, cắn răng
Bán đia nộp thuế cho bằng lòng quan
Quan trên, ơi hời quan trên
Hiếp dân, ăn chặn, chỉ biết tiền mà thôi.*
- *Hời trời cao, đất dày
Thuế sao nặng thế này
Làng xóm đành bóp bụng
Bán đia nộp thuế Tây*
- *Hòn Sương không thấp không cao¹*

¹ Hòn Sương: tục danh của núi Trung Sơn, thôn Phú Lạc, huyện Bình Khê (Bình Định) là nơi Mai Xuân Thuồng đã lập căn cứ chống Pháp.

*Đã từng là chốn anh hào lập thân
Kìa ai kéo vải, cứu dân
Kìa ai ba thước gươm trần chống Tây?
Chuyện đời, thành bại, rủi may
Hòn Sương, cây trái, đá xây bao sòn.*

*- Sông Trà Khúc ai mà tát cạn
Rừng Trà Bồng ai đốn cho hết cây
Anh mà đi với thằng Tây
Em đành phải dứt hết dây nghĩa tình.*

*- Từ ngày Tự Đức lên ngôi
Cơm chẳng đầy nồi, trẻ khóc như ri
Bao giờ Tự Đức chết đi
Thiên hạ bình thì mới để làm ăn¹*

*- Tây bang, đi lính mộ khó về
Ngày xưa em có nói, anh chẳng hề chịu nghe*

*- Bao giờ cỏ mọc trên chì
Voi đi trên giấy còn gì thầy tăng²*

*- Anh đi đánh giặc cho Tây
Súng kia phải vác, đạn này phải mang
Chúc anh đừng chữ bình an*

¹ Bình thì: thời bình; thì là tên húy của Tự Đức (Nguyễn Phúc Thì). Bình thì còn có thể hiểu là diệt "Thì" tức là diệt Tự Đức.

² Tây tăng: nói lái thành thằng tây. Câu này ám chỉ việc Tây đức hào chỉ trên đó có đức nổi mấy nhánh hoa cỏ, và việc in giấy bạc có vẽ con voi.

- Tiến anh nước mắt hai hàng nhỏ sa
 - Ngồi buồn nghĩ giận quân Tây
 Bước ra đi lính xe dây buộc mình.
- Phương trời góc bể lệnh dèn,
 Biết người thương cũ thấu tình cho chăng?
- Quảng Nam, Quảng Ngãi vô bày,
 Rủ nhau cắt tóc từ rày xin râu¹
 Trù, trát² cho chạy đã lâu
 Kỳ cho ba bữa đầu đầu³ cúp liền
 Gái thì lột bông, cắt kiềng,
 Trai thì cắt áo, dẹp liền dây lưng
 Quần thì bặn giữa ống chân
 Quạt mo, nón rách từng bưng vô thành
 Ba quan⁴ chưa rõ ngọn ngành
 Truyền quân đóng cửa lên thành ngó ra
 Ngó thấy lớn, bé, trẻ, già...
 Kể ngôi người đứng trông đà quá đông...
- Gió đưa bụi chuôi tùm lum⁵
 Chồng tôi đi khỏi⁶ ông Trùm⁷ tới chi?
 Tôi đây ông hãy ngồi đây
 Ông mà lếu láo⁸ gây mây lên đầu.

¹ Xin râu: đây là phong trào nhân dân đòi gỡ bỏ râu thuế.

² Trù, trát: công văn, thông báo.

³ Đây nói về cách ăn mặc dối, rách của dân chúng.

⁴ Ba quan: Ba quan cai trị cấp tỉnh: tổng đốc, ám sát, bố chính.

⁵ Bụi chuôi tùm lum: bụi chuổi sum sê, rậm rạp.

⁶ Đi khỏi: đi vắng.

⁷ Ông Trùm: tên chức việc trong làng, giàu có, có địa vị, có thế lực.

⁸ Lếu láo: giở trò xằng bậy.

- Bà kia bận áo xanh xanh
Ngồi trong đám họ, nói hành con dâu
- Bà ơi, không sợ bà đâu,
Tôi xe sợi chỉ tôi khâu miệng bà
Chừng nào bà chết ra ma.
Trong chay, ngoài bội¹ hết ba mươi đồng²
Không khóc thì mất lòng chồng
Có khóc cũng chẳng mặn nồng gì đâu.
- Ôi bà xay lúa rào rào
Cho xin nắm trấu giỗ cha mẹ chồng
Giỗ rồi đánh hát xuống sông
Bồi cha mẹ chồng mắng mỏ nàng dâu
Cười tôi có rượu, có trâu
Có dưa, có rước con dâu mới về
Tôi về mẹ nhún, mẹ trề
Mẹ đánh, mẹ chửi tôi về xứ tôi
Xứ tôi là xứ ăn chơi,
Gánh nước bằng giỏ không rơi hột nào.
- Đêm nằm tôi nghĩ tôi rầu,
Làm dâu thật khổ từ đầu đến đuôi
Sớm hôm tối mặt tắt đầu
Con mẹ sung sướng riêng dâu mẹ hành
Chê tôi khờ dại không lanh
Mẹ bôi, mẹ chửi, mẹ hành xót xa!
- Công lao cha mẹ để ra
Gả con cho mẹ còn bù của thêm

¹ Trong chay, ngoài bội: trong nhà thì làm chay (lễ cúng Phật cầu cho linh hồn người chết được siêu độ), ngoài sân thì hát bội (hát bộ).

² Ba mươi đồng: ở đây là ba mươi đồng tiền kẽm (một số tiền rất ít).

Phải thời chồng vợ trọn niềm
Sui gia đi lại ấm êm mãi đời
Không thời mỗi đứa mỗi nơi,
Tôi đi để mẹ kiếm nơi sang giàu
Ở đây chỉ mẹ mắng trước chửi sau
Ngày nào cũng cứ nghèo giàu mẹ day

- Em đi buôn bán đường xa
Bước căng về nhà chân ướt chân ráo¹ chẳng biết
là chuyện chi
- Rượu thời một bi
Cau thời một quả
Cha mẹ quyết gả
Ba, bốn con không²
Nhào đầu xuống sông,
Bứt dây thắt cổ
Bà con theo dõi
Cô bác theo la
Cúi đầu lạy mẹ cùng cha,
Không phải duyên nợ ép mà tội con!
- Hơn thua ba vạc công điền³
Đền kỳ quân cấp tam niên hôn đồng⁴

¹ Chân ướt, chân ráo (thành ngữ địa phương): ý nói vừa mới về, chưa kịp làm gì, chưa biết việc gì.

² Ba, bốn con không: ý nói con nhất định không chịu.

³ Công điền: ruộng công cấp cho dân ông từ 18 đến 60 tuổi. Để xoa dịu phong trào đấu tranh của nông dân, các vua triều Nguyễn ra lệnh lấy ruộng tư của những người nhiều ruộng bỏ vào ruộng công. Số ruộng công này phần lớn ưu tiên dành cho các công thần triều Nguyễn (như Đào Duy Từ, Võ Tánh...). Một số cấp cho lính tại ngũ, còn bao nhiêu đem chia binh quân cho dân ông từ 18 đến 60 tuổi (tráng đinh). Nhưng bọn lý hương, bọn có vai vế trong làng thường tranh ruộng tốt, ruộng gần và thường âm mưu cướp đoạt, xén bớt phần của dân.

⁴ Quân cấp: việc chia ruộng công điền cho dân.

Sầu, phì¹ chiếu thử cho công
 Đừng thấy trâu trắng, đừng ông trâu vàng
 Ghềnh nhau² mà kiện thâu quan
 Bằng thôn³ họ nói: cái làng vô nhân
 Của một sào cũng của toàn dân
 Trên quan viên, chức sắc⁴ dưới tráng dân⁵
 thừa hành
 Khuyên cùng chức dịch đàn anh
 Bắt chỗ nào một chỗ, đừng giành, đừng bao
 Chỗ kia năm thước, chỗ nọ bảy tấc gộp lại một sào.

- Dừng ăn xén bột, bắt bao cho nhiều
 Để cho cấp cử liu điu
 Chí kỳ thời vụ mất mùa đều cả thôn
- Ba năm quân cấp⁶ một lần.
 Ruộng xa mình bắt, ruộng gần về ai?
 Ruộng gần thị để thầy cai
 Ruộng nhất ông lý, ruộng hai ông trùm.
 Công điền sao vội đồ phân
 Làng chưa quân cấp biết phân về ai!

¹ Sầu, phì: sầu: nói về chất đất xấu. Phì: ruộng tốt, nhiều chất màu.

² Ghềnh, nhau: tranh giành nhau, mâu thuẫn nhau.

³ Bằng thôn: thôn khác, thôn ngoài

⁴ Quan viên, chức sắc: chỉ những người làm quan, những người có chức tước, có địa vị trong làng xã.

⁵ Tráng dân: những người dân là đàn ông từ 18 đến 60 tuổi, chịu sưu thuế và được hưởng công điền.

⁶ Quân cấp: chia đều.

Bây giờ sưu¹ nặng thuế cao
Thương anh thì hãy khoan trao ân tình

- Đời ông cho chí đời cha
Đời nào cực khổ cho qua đời mình

- Thuế điền² rồi lại thuế đình³
Thuế thuốc, thuế rượu, thuế sát sinh, thuế đồ.
Năm ngày công ích anh cũng phải lo
Chạy vay không được anh phải bán đồ đi thôi
Bán đi mà chạy cho rồi
Miễn sao thoát khỏi chốn tanh hôi, nhục hình.

- Chừng nào thăng Ngốc ra đời⁴
Ngày ấy thiên hạ tươi bởi gian nan

- Tiếc công bỏ yến, nuôi cu⁵
Cu ăn, cu lớn, cu gù, cu bay.
Cu say đắm nơi mũ cao áo dài
Cu chê nhà anh đột để anh mong ngày nhớ đêm

- Trời mưa nước chảy sân đình
Quan đi cho khéo kẻo trượt ình vênh râu

¹ Sưu: công việc nặng nhọc, lật vật mà bọn thực dân phong kiến bắt dân phải làm cho chúng.

² Thuế điền: thuế ruộng đất.

³ Thuế đình (hay thuế thân): thứ thuế mà bọn thực dân, phong kiến đánh vào bản thân người tráng dân.

⁴ Thăng Ngốc: ám chỉ tên vua Bảo Đại, ông vua cuối cùng của chế độ phong kiến ở nước ta (do chữ Hán một bên bộ chữ nhân, một bên bộ chữ ngốc).

⁵ Yến: chim yến. Cu: chim cu, chim gáy.

- Gió đưa ông Đội về Tàu
Bà Đội ở lại xuống bàu bắt cua
Bắt cua làm mắm cho chua
Gởi về ông Đội khỏi mua tốn tiền.

- Rủ nhau đi hái trái đèn¹
Thợ đúc, thợ rèn, thợ bạc cùng đi
Thợ mộc trở lại phân bì,
Đến mai tôi nghĩ tôi đi một ngày
Đến anh thợ đóng cối xay,
Cũng nghĩ một ngày theo với đám đông
Linh Chiếu² có bá hộ Nông
Cầm rựa dài cán, mượn công năm tiền.

- Có tiền dân cũng xưng ông
Không tiền danh vọng vẫn không ra gì.

- Tháng ngày cực nhọc biết bao
Một mình thui thủi lấp sao cho bằng
Cảm thương bao kẻ mồ côi
Như bèo ở cạn biết trôi nơi nào.

- Cây khô lột vỏ khó trèo
Mẹ ơi, thường lấy dầu nghèo mồ côi
Mồ côi tội lắm hồi trời
Đói cơm ai đỡ lỡ lời ai bênh

¹ Trái đèn: trái dầu rái ở núi cao, ăn dở dòi. Dưới thời Pháp thuộc nhân dân ta thường bị đói. Có lúc chẳng những các tầng lớp nhân dân lao động đói mà kẻ giàu (như bá hộ Nông) cũng bị đói.

² Linh Chiếu: thuộc xã Ân Phong, huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định.

- Nghĩa nhân sanh hóa nợ nần
Kém bạn một tí xa gần đều hay
Nghĩa nhân thành hoá nợ vay
Ăn miếng trả miếng không thì dèm pha
Nghĩa nhân thành nợ oan gia
Tần tiện con, vợ, phung pha bạn bè
Đói lòng mà vẫn chơi se¹
Miễn sao được bụng bạn bè thì thôi
Ghe bầu trong lộng ngoài khơi
Vợ anh cán vá² biết đời nào ngay.

Ngọc bất trác bất thành khí
Nhân bất học bất tri lý³

- Bờl nghèo chịu chữ ngu si
Phải chi có của thua gì thế gia⁴

- Rừng nho bể thánh⁵ khôn dò
Nhỏ mà không học, lớn mò sao ra.

- Gái có chồng như gông đeo cổ
Gái không chồng như khúc gỗ trôi sông
Gỗ trôi sông ta còn khi vớt
Ớt chín cây ta còn khi hái

¹ Chơi se: chơi trội.

² Cán vá (tiếng địa phương): xương tay bị cong cong không ngay ra được.

³ Hai câu chữ Hán có nghĩa là: ngọc không mài thì không thành đồ dùng được, người không học thì không biết lẽ phải.

⁴ Thế gia: nhà có quyền thế.

⁵ Rừng nho, bể thánh: ý nói đạo nho, việc học hỏi rất sâu rộng.

Gái không chồng như vãi đi tu
Vãi đi tu ta còn khi cúng
Gái có chồng như thúng ra mê
Thúng ra mê ta còn hốt rác,
Gái không chồng như bát bẻ hai...

- Biệt liêu Cù Mông¹

Đầu đội thúng bông
Tay cầm xe cán²
Vừa đi vừa cán
Được một thúng bông.

- Cơm cha cơm mẹ đã từng
Con đi làm mướn kiếm lương cơm người
Cơm người cực lắm mẹ ơi
Chẳng như cơm mẹ vừa ngồi vừa ăn

- Ngó vô vườn cải đãi đưa
Vườn tiêu khô cạn, vườn dừa nước non
Ngó vô đám bắp khô bao
Muốn vô mà bẻ nấu rào tứ tung
Muốn ăn vạch trổ mà chun
Mồ cha cái cẳng nó run nổi gù.

- Cô kia đen thui đen thui
Ngồi trên đống củi lắm người vào ra
Cô kia trắng nõn trắng nà
Chạy ăn từng bữa chẳng ma nào thêm
- Trèo đèo bẻ lá quét đèo

¹ Cù Mông: đèo Cù Mông, địa giới giữa tỉnh Bình Định và Phú Yên.

² Xe cán: đồ dùng để cán bông, tách hạt bông ra khỏi bông.

Người giàu thì trọng, người nghèo thì khinh.

- *Một mình vừa chống vừa chèo
Không ai tát khổ đỡ nghèo một khi*

- *Hết mùa áo rách quần hư
Tính đi tính lại chẳng dư đồng nào.*

- *Anh đi dao bẫy¹ giết lưng
Nón chiêng² anh đội trông chừng Đồng Nai
Đồng Nai xa lắm anh ơi
Gửi thư thư mất, gửi lời lời quên.*

- *Còng nằm gộp đá³ còng queo
Gặp cơn nước lớn còng trèo còng lên.*

- *Không chùi đế vậy lu li
Chùi ra tỏ rạn thua gì tấm gương
Ngó lên núi Bé⁴ chim kêu
Hố Giang⁵ nước chảy nhiều điều đắng cay*

Bạn ghe bầu⁶ ngồi đâu nói phách⁷

¹ Dao bẫy: mã tấu

² Nón chiêng: thứ nón bằng tre (ngoài sơn bằng nước sơn) ngày xưa người lính thú thường đội.

³ Gộp đá: hang đá nhỏ nhỏ

⁴ Núi Bé: thuộc xã Hoài Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định.

⁵ Hố Giang: thuộc xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn.

⁶ Bạn ghe bầu: những người chèo chống trên ghe bầu. Ghe bầu là một thứ thuyền buôn to, chở nặng

⁷ Nói phách, nói khoác, khoe khoang.

Mãn chèo sào giẻ rách đầy rương¹

- *Một mai trống lũng còn vành
Da trâu bị lại cũng lành như xưa*
- *Một mai chớp lạch mưa đông
Trong đĩa tôm búng, ngoài sông cá vùng.*
- *Một mai trống lũng khó hàn
Dây dùn² khó dứt, người khôn khó tìm.*
- *Lời nói còn có kẻ nghe
Không phải thuyền bè mạnh chống thì hơn.*
- *Thuở nhỏ tôi ở với cô
Cô đánh, cô chửi, cô xô tôi về
Tôi về tới chợ Bồ Đề³
Dượng gả, p dượng hỏi tôi về làm chi?
Tôi về bắt ốc hái rau
Mua bông kéo chỉ làm giàu hơn cô
Tôi mua một cặp gà ô
Nửa đêm nó gáy cho cô giật mình*
- *Có tiền nhiều kẻ tôn vì
Không tiền miệt thị, khinh khi nghèo hèn.*

¹ Mãn chèo sào: hết mùa chèo ghe. Rương: hòm.

² Dây dùn: dây chùng, dây không căng.

³ Bồ Đề: thuộc xã Hoài Thanh, huyện Hoài Nhơn.

- *Gánh nghèo mà đổ trên non
Quay lưng đi xuống nghèo còn đi sau.*
- *Đói nghèo vì bọn "mày râu"¹
Buôn dân bán nước, thí trâu² bắt bò.*
- *Em đi bắt cá mò cua
Nhịn ăn, nhịn mặc mà mua thân chàng³
Không thì phép nước lệ làng
Xâu cao, thuế nặng, khổ càng khổ hơn.*
- *Than cùng đất rộng trời cao
Cuộc đời vì nổi kỳ hào khắc eo
Buộc chân tôi phải trèo đèo
Buộc vai tôi phải gánh nghèo lên non
Phận nghèo trèo núi lội non
Chạy cho khỏi cực, cực còn theo sau.*
- *Bao giờ đá biển hết rêu
Cường quyền bá tước⁴ hết kêu móc tiền*
- *Nghĩa nhân chi thứ cường quyền
Chúng chỉ vì tiền sinh chuyện hại dân*

¹ Bọn "mày râu": ở đây ý nói bọn đàn ông có quyền thế.

² Thí trâu (tiếng địa phương): bỏ trâu.

³ Mua thân chàng: ý nói đóng thuế cho chồng.

⁴ Cường quyền, bá tước: bọn quan lại, bọn có tiền, có chức, có quyền dưới chế độ phong kiến.

- Con của làm vua dưới nước
Bá tước, cường quyền trái người lòng dân
Hở mồm rất giọng¹ nghĩa nhân
Tăng cao lễ vật là ân với tình
- Vườn xinh tốt lẫn loài cỏ dại,
Mảnh trăng trong vương dãi mây mờ
Họ rằng khôn nhưng quả dại khờ
Có ngày tức nước vỡ bờ ấy thôi.
- Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định đi roi, đi quyền²
- Lòng thương con để ở hang
Nắng mưa cũng chịu sôi sùng tiêng kêu.
- Học trò học trở học trò
Đi chưa tới chợ đã lo ăn hàng
- Học trò ăn vụng càng của
Bà thầy bắt được, để tôi mua tôi đền.

¹ Rất giọng (tiếng địa phương): đầy giọng, toàn giọng, toàn giọng lưỡi.

² Câu này có nơi đọc là:

Ai về Bình Định mà coi
Con gái Bình Định bỏ roi, đi quyền (bỏ roi có nghĩa là đi roi).

Hoặc:

Ai về Bình Định mà coi
Đàn bà con gái cũng đi roi đi quyền.

Hoặc:

Ai về Bình Định mà coi
Đàn bà, con gái cười vui diệt thù.

- Học trò đi học vừa về
Cơm canh chưa chín đã trề môi ra.
- Trách ai trồng chuối giữa ruộng
Chặt tàu, lột bẹ bỏ ruộng lại đây.
- Quét nhà lông một lông hai¹
Cha mẹ đi vắng dẫn trai về nhà.
- Em may cho anh cái quần vải quyn²
Bởi anh làm biếng em mới nhuộm đà³
Em về thưa với mẹ cha
Bởi anh làm biếng nên em nhuộm đà cho xấu chơi
- Chày vông⁴ mà đâm lúa lép
Rựa lụt⁵ mà cắt dếp da
Trai tơ lấy phải vợ già
Nhai cơm mà sù⁶ thưa bà nuốt đi
- Lỗi lầm vì mắm trích ve⁷
Vì rau muống luộc, vì mè trộn măng.

¹ Quét nhà lông một lông hai: ý nói quá nhà đối, không sạch.

² Vải quyn: vải trắng, mỏng, đẹp.

³ Nhuộm đà: nhuộm màu nâu (bằng vỏ cây đà).

⁴ Chày vông: chày bằng gỗ vông, rất nhẹ.

⁵ Rựa lụt: rựa cùn, không sắc, không bén.

⁶ Sù cơm: nhấm cơm.

⁷ Mắm trích ve: mắm làm bằng cá trích ve rất thơm, ngon. Cá trích ve: loại cá trích nhỏ, ở biển.

- Cây cùng ba chị hái dâu
Hái dùng ngắt đọt, để chồi nó lên!
Lỡ tay em ngắt đọt rồi!
Cây anh tát nước cho chồi nó lên.
- Làm người biết bạc, biết chì
Bạc trắng, chì trắng có khi mắc lầm.
- Người khôn ăn nói nửa chừng
Để cho kẻ dại nửa mừng nửa lo
Chim khôn tránh bẫy, tránh dò¹
Người khôn tránh chỗ hồ đồ mới khôn
- Con ơi, mẹ dặn câu này
Sông sâu chớ lội, đò đầy chớ qua
Gặp người đáng đạo mẹ cha
Trình thưa vâng dạ mới là người khôn.
- Việc đời phải nghĩ phải suy
Lòng sông sâu cạn phải tùy mà sang.
- Một mai quế gãy còn nhành
Bình hương² vỡ nát miếng sành còn thơm.
- Khó mà khôn: vàng chôn vào lỗ
Giàu mà dại: của đổ xuống sông.
- Lên non tay vịn chân trèo
Vịn theo nhành quế³ có nghèo cũng thơm

¹ Dò: thứ bầy làm bằng giấy.

² Bình hương: lư hương; miếng sành: mảnh sành.

³ Vịn nhành quế: ý nói dựa vào người học hành đỗ đạt, có danh vọng.

- Đói cơm lạt mắt mồm tèm hem
No cơm mặn mồm lại thêm nọ kia.
- Khó mà hay chữ còn hơn
Giàu mà hay chữ như sơn thếp vàng
- Làm giỏi, ăn dở có dư
Làm giỏi, ăn giỏi cũng như không làm.
- Mèo hoang thì chó cũng hoang
Anh đi ăn trộm gặp nàng nhỏ môn
- Mèo lành ai nữ cắt tai
Gái hư chồng để khoe tài nổi chi?
Cây suôn trăm nhánh cùng suôn
Gái khôn trai dở lâu buồn cũng xiêu.
- Thương nhau mười đực cũng trong
Ghét nhau nước chảy giữa dòng cũng dơ.
- Thợ rèn hện một hện mai
Hện trong thảng chạp, hện ngoài thảng giêng.
- Mèo nằm bỏ lúa khoanh đuôi
Vợ anh tốt lắm đuổi ruồi không bay
- Củ lang chấm muối bùi bùi
Lấy con ông thầy thuốc bay mùi phục linh¹

¹ Phục linh: tên một vị thuốc bắc.

- Chiều chiều ông Lữ đi câu
Cá ăn đứt nhợ vênh râu mà ngồi
- Chiều chiều ông Lữ đi cày
Trâu tha gậy ách, khoanh tay ngồi bờ
- Sá gì một nải chuối xanh
Kẻ bẻ người giành cho mủ dính tay
- Trông trâu thả lộn dây tiêu
Con theo đàn điếm, mẹ liều con hư.
- Ăn măng phải giữ lấy tre
Để cho tre lớn kết bè đưa dâu
Đưa dâu bằng sồng, bằng ghe⁴
Đưa dâu bằng bè ướt áo họ đi!
- Nhất là vợ đại trong nhà
Thứ hai nhà dột, thứ ba nợ đòi
Suy đi nghĩ lại mà coi
Nhà dột không sợ, nợ đòi không chê
Chỉ ghê một chút hiền thê
Dậy trưa, ngủ sớm, vụng về vô song
Vá may lộn cuốn lộn còng
Nghề canh, nghề cửi không xong nghề nào
- Ăn rồi nói chuyện tầm phào²
Nồi cơm trên bếp sôi trào xuống tro

⁴ Sồng: thuyền nhỏ, đan bằng tre, đáy tròn.

² Nói chuyện tầm phào: nói chuyện phiếm, nói chuyện bông lông, không mục đích.

Sáng mai dậy nấu xôi vò
Nếp thời lộn tẻ, xôi thời nhão khô.

- Chim quyên ăn trái ổi tàu,
Xứng đôi mẹ gả ham giàu làm chi
Nhà giàu tiếng bác tiếng chi
Bắt mình làm lụng đau đui, mỏi lưng.

- Nhà bà có bụi tre còi
Có cô gái út bà đòi bao nhiêu?
Đòi thì ta chẳng đòi nhiều
Đòi trăm trứng cút¹ khăn điều tử² lên²
Đòi thì đòi ruộng đòi trâu
Đòi trăm trứng cút biết đâu mà tìm.

- Mẹ bậu thách cưới một trăm
Qua³ đi trăm chín, lẻ năm quan ngoài
Mẹ bậu thách cưới một đôi hoa tai.
Qua ra thợ bạc đánh hai đôi liền
Trăm quan thử hỏi mấy tiền?
Nghĩa xưa ai có mua duyên bao giờ.

- Cầm chài mà vãi bụi tre
Con gái mười bảy, mười tám, mười chín mà lại
ve⁴ cái ông già

¹ Trứng cút: Trứng của con chim cút, rất khó tìm.

² Tử lên: phủ lên, đây lên.

³ Qua, anh, mình, tôi (ngôi thứ nhất)

⁴ Ve: tán tỉnh, chòe ghẹo lá lơi.

- Một vợ mà xử chưa xong
Còn đòi hai vợ nó đánh cho cong cái xương sườn
- Con công tố hộ trên rừng
Đã lấy con chị thì đừng con em
- Con công tố hộ trên cao
Gả cả hai đứa làm sao được mà làm!
- Hùm chụp con cú,
Chụp huyệt cái đuôi
Hùm kêu: cú hồi cú ời!
Lại đây thầy trả cái đuôi cho mày!
- Thôi thôi xin cảm ơn thầy!
Còn da lông mọc, còn cây lên chồi.
- Tre lên chín lóng¹ tre hồi
Em làm quần quật, anh ngồi vắt chân
- Anh đi dù lụa năm bông,
Bỏ em cấy mướn một công năm tiền
- Công em buôn bán tảo tần
Say sưa anh thấy² một lần hết trơn³
Có phước gặp lại chồng hiền
Vô duyên gặp chồng ác
Chồng tôi rượu chè, cờ bạc
Có động đến thì ào ạt Trương Phi⁴

¹ Lóng: giống, đoạn thân cây giữa hai đốt.

² Thấy: ném, quăng ý nói tiêu xài hoang phí, vô ích.

³ Hết trơn: hết cả không còn gì.

⁴ Áo ạt Trương Phi: ý nói nổi nóng, la hét, dấm dáy như Trương Phi.

- *Chồng tôi khó mắc đủ điều
Hành hạ, mắng vợ bỏ theo cô tỳ¹
Nghĩ càng thêm đắng, thêm cay
Mẹ chồng ác nghiệt, gắt gay trăm phần
Rằng tôi kém sức, kém nhân
Nên chồng không thích, không gần, bỏ đi
Làm thân con gái thì phải theo chồng
Nên hư phải chịu, mận nong phải theo.*

- *Dâu tôi hư hỏng lắm điều
Cơm thì nấu sống, cá thiu sỏ đầu²
Có phúc tìm được nàng dâu
Gạo giã chẳng trắng, dây bầu bỏ khô
Đặt lưng đã gáy khò khò
Rau heo, cháo chó chẳng lo tý nào
Con tôi nó yêu làm sao
Vợ hư thế ấy chẳng bao giờ ngầy*

- *Làm sao đến nỗi chồng chê?
Làm gạo quên sấy quên giê, quên sàng
Đi chợ thì mong ăn hàng
Thấy trai bảnh lạnh³ trong lòng đắm sa
Về nhà dối mẹ, dối cha
Trăm lời chẳng có thật thà lời nao.*

- *Làm thân con gái sao chẳng biết lo
Ngủ cho đầy giấc, dậy đo mặt trời*

¹ Cô tỳ (tỳ thiếp): cô hầu, vợ lẽ.

² Cá thiu sỏ đầu: cá ôi bấy ra, đầu cá nát ra.

³ Bảnh lạnh (tiếng địa phương): đẹp dễ.

Đi buôn thì chẳng mong lời
Giã đôi chày gạo tung rơi trắng nhà
Có tài phác lão ba hoa
Đi cấy hàng bốn, hang ba lộn phèo.

- Vợ tôi giỏi đã vô song
Đi chưa tới chợ đã mong ăn hàng
Bánh, bún, đường, kẹo, khoai lang
Đầu chợ, cuối chợ chần quan điều tiền¹
Về nhà câu gắt huyền thiên²
Rằng chồng làm dở thiếu tiền tôi tiêu.

- Làm sao đến nỗi chồng chê
Rửa chén một nước, gạo giề một lần³

- Anh đi, em ở lại nhà
Lúa thơm đầy ví⁴ bắp ngà ba trung⁵
Lang khô, đồ phụng đầy thùng
Dẫn em cố giữ tiệm tưng mà ăn.
Anh về, bồ, ví ngà lẫn
Lúa thời bán hết, ví quăng ra ngoài
Anh nằm phản ngựa than dài
Của tiền trọi lỗi⁶ một mai cơ đồ⁷

¹ Chần quan điều tiền: một quan tiền điều chần.

² Huyền thiên: lung tung.

³ Rửa chén một nước: ý nói làm dối, làm không sạch.

⁴ Ví: bồ, cốt đựng thóc.

⁵ Trung: vại to bằng sành.

⁶ Trọi lỗi: hết tất cả, không còn gì.

⁷ Một mai: mai một, mất đi.

- *Tiệc tiền mua lông mía sâu,
Tiệc bạc đi cưới con dâu ăn hàng*

- *Làm thơ mà dán cây chanh;
Trai bỏ học hành, gái bỏ bán buôn
Gái bỏ bán buôn gái còn lịch sự
Trai bỏ học hành mỗi chữ năm roi*

- *Củ lang nấu lộn củ mì
Cháu lấy chồng dì, kêu dượng bằng anh
Xưa kia kêu dượng ngọt thanh
Bây giờ trở lại kêu anh ngọt ngào.*

- *Con gái đời nay hút thuốc, ăn trầu
Ngồi lê dუმ miệng, tìm câu nói hành¹*

- *Làm thân con gái chẳng lo
Ngủ trưa đứng buổi² dậy đo mặt trời
Áo quần rách rưới tả tơi
Lấy rơm mà túm mỗi nơi mỗi đùm.*

- *Nực cười cóc nọ leo thang
Chìa vôi³ hút thuốc, hổ mang ăn trầu*

- *Nực cười con khỉ đeo hoa⁴
Con heo đội mũ, con gà nhuộm răng*

¹ Nói hành: nói xấu.

² Ngủ trưa đứng buổi: ngủ đến trưa mới dậy.

³ Chìa vôi: chim chìa vôi.

⁴ Đeo hoa: đeo hoa tai, đeo khuyên.

- *Nực cười cơm nguội lên hơi
Cá kho trong trã con bơi, con trườn*
- *Nực cười củ chuối nấu hầm
Hành tiêu gia vị, nấu làm khen ngon*
- *Gã cười cóc mọc hai đuôi
Rắn le hai nọc, gái nuôi hai chồng.*
- *Vợ đôi chồng một ra gì
Mỗi người mỗi bụng ở thì sao nên.*
- *Một trăm ông lớn Thừa Thiên¹
Ông chi không lớn, ông tiền lớn hơn.*
- *U mê ám chướng² làm giàu
Thông minh ngay thẳng xuống bầu bắt cua*
- *Khen ai khéo đúc chuông chì
Dạng thì tốt dạng, đánh thì không kêu.*
- *Nặng lời nói đùa vô nghì
Một trăm gánh chì đúc chẳng nên chuông*
- *Đời bây giờ võ nghệ huyền thiên
Không ai giống được ngọn quyền cho thông*

¹ Ông lớn Thừa Thiên: chỉ các quan trong triều.

² U mê ám chướng (thành ngữ địa phương): ý nói rất ngu dốt.

- Rộng đồng thì gió thổi luôn
 Khi vui con chị, khi buồn con em

- Chồng thấp mà lấy vợ cao
 Qua sông nước lớn: cồng tao với mây

- Tiếc tiền mua lông mía sâu
 Dành tiền đi cưới con dâu đãi dầm
 Đãi dầm trôi cửa trôi nhà
 Còn chút mẹ già nó cũng trôi luôn.

- Học trò cao cẳng, dài dò
 Chân đi ngoài ngõ, miệng thò trong treo¹
 Học trò ăn vụng cháo heo
 Bà thầy bắt được bà treo lên giàn.

- Xứ em có núi Xách Quần²
 Lấy ai thì lấy xin đừng lanh chanh
 Yêu anh thì giữ lấy anh
 Em đừng ăn tỏi, chê hành là hôi
 Xách quần chạy ngược chạy xuôi
 Chạy mỗi cẳng rồi lại đứng bơ vơ.

- Vợ tôi nó giỏi vô cùng
 Bếp núc bánh trái vô cùng thạo thông
 Ngày kia có kị (giỗ) mẹ chồng
 Gói ba đòn bánh tét, nếp trong như³ ngoài

¹ Treo: nơi để thức ăn bằng cách treo lên.

² Núi Xách Quần: thuộc huyện Vĩnh Thạnh.

³ Nhưn (tiếng địa phương): nhân, nhân bánh.

Bánh bò trượt lột không tai
Bánh in to bột nện hoài nhả ra
Bánh tro lại bỏ dầu dà
Bánh hồng lỏng bột khuấy ra thành hồ
Hoa lan bột chảy tràn ô
Cũng vì ngủ gục cháy khô hai phần
Bánh ít bột nhão khó phân
Dính lá mười phần, dầu nọ quên thoa
Bẻ nửa nó gãy làm ba
Còn thêm tai yến nở ra bánh bò
Còn nôi xôi vò vừa nhão, vừa khê
Rim chanh ai thấy cũng mê
Ăn vô một miếng liệu bề nhả ra
Rim gừng khéo đã quá chừng
Ăn vô một miếng đồ bùng nổ tai
Rim bí đã dở lại dai
Còn thêm có bột tương nhai củ mi
Khéo sao khéo đã dị kỳ
Một trăm ba mươi sáu chuyện chuyện gì cũng nên

- Có trăng chớ phụ ngọn đèn
Ánh trăng một thuở, ngọn đèn nghìn năm.

- Gàu lành ai nữ trát chai¹
Áo lành ai nữ xé hai vá quàng²

¹ Trát chai: chai là thứ nhựa cây (gắn giống như cây dầu rái) dùng để trát các thứ đồ dùng đan bằng tre, làm bằng gỗ như: gàu, thùng, ghe, thuyền để cho nước khó thấm qua.

² Vá quàng: vá bằng một mảnh vải to từ trước ngực đến sau lưng (chỗ bấu áo).

- *Dò sông dò biển dễ dò
Mấy ai lấy thước mà đo lòng người*
- *Con gái chơi với con trai
Coi chừng cặp vú như hai sọ dừa*
- *Có chồng thì mặc có chồng
Tôi đi ngủ dạo kiếm ít đồng mua rau.*
- *Thói thường gần mực thì đen
Anh em bạn hữu phải nên chọn người
Những người lêu lổng chơi bời
Rượu chè, cờ bạc ta thời tránh xa*
- *Vô duyên mặc áo cà sa¹
Áo đi đàng áo, người ra đàng người.
Có duyên dầu bận áo tơ
Đầu đội nón cời duyên vẫn còn duyên²*
- *Trách ai tham phú, phụ bần
Tham xa mà bỏ nghĩa gần sao nên.*
- *Mẹ gà con vịt chít chiu
Mấy đời dì ghẻ nâng niu con chồng.
Mấy đời bánh đúc có xương
Mấy đời dì ghẻ mà thương con chồng.*

¹ Áo cà sa: áo nhà sư mặc khi làm lễ, may bằng nhiều mảnh vải ghép lại, ý nói áo đẹp.

² Nón cời: nón rách.

- *Cứu vật vật trả ơn liền.
Cứu nhơn, mang oán nhơn tiền bấy lâu!*

- *Ngó lên hòn núi Chóp Chài¹
Thấy ba con quạ ăn xoài chín cây!*

- *Ngó lên hòn núi Chóp Vung²
Thấy ba con chuột nằm chung với mèo!*

- *Chiều chiều quạ nói với diều,
Vườn cau kia rậm lại nhiều gà con.
Gà con bơi rác, bơi rơm
Con anh chèo chèo đòi cơm suốt ngày.*

- *Trăm rằm mười sáu trăng thanh.
Thiếu chi thá sự³ chị giành chồng em.*

- *Mẹ ơi, mẹ bạc quá gà,
Con chưa lẽ mẹ, mẹ đà lẽ con.*

- *Con cò mắc dò mà chết,
Con quạ mua nếp làm chay,
Con cu đánh trống ba ngày,
Chào mào đội mũ làm thầy đọc văn,
Xóm làng chạy đến lãng xăng.
Mua ba thước vải bịt khăn cho cò⁴*

¹ Núi Chóp Chài: thuộc huyện Phù Mỹ (vùng đèo Phú cũ), Bình Định.

² Núi Chóp Vung: thuộc huyện Phù Mỹ (vùng đèo Nhông), Bình Định.

³ Thá sự: thế sự, việc đời.

⁴ Bịt khăn cho cò: quần vải để tang cho cò.

- *Nam mô hai chữ từ bi!*
Phật còn ve gái hướng chi thầy chùa.

- *Ngó ra ngoài biển mù mù.*
Thấy ba ông Phật che dù nấu cơm.
Một ông xách chén đòi đơm
Hai ông "mô Phật! Nồi cơm chưa vằn!"¹

- *Tu đâu mà chẳng tu chùa.*
Hay là tu hú bốn mùa đến tu.

- *Hay gì những sãi ở chùa.*
Một gian cửa đóng, bốn mùa lạnh tanh.

- *Nực cười thầy bói soi gương,*
Thầy tu chải lược, cá mương hóa rồng

- *Con ai đem bỏ chùa này*
Nam mô ai đi đà Phật con thầy chứ ai

- *Đức cha cầu phúc cho con*
Thấy con đẹp giòn cha muốn cầu chung,

- *Gió đưa cái mướp toòng teng,*
Lấy chồng phù thủy, "chập cheng" suốt ngày.
Thầy cao tay ấn²

¹ Câu này có nơi hát: "Mô Phật! Nồi cơm hết rồi!"

² Thấy cao tay ấn: thầy phù thủy giỏi.

*Thầy quán mít non.
Quán cả chó con.
Nó kêu ăng ăng
Thầy cao tay ấn
Thầy quán mít già
Quán phải đàn bà
Nó la làng xóm.*

- *Con mèo đập bể trà rang¹
Con chó chạy lại để mang lấy đòn.*
- *Con quạ ăn dưa mà bắt con cò phơi nắng,
Em nằm em nghĩ lại cái sự đời: con cò trắng mà
con quạ đen.*
- *Rồng xanh lấy vợ rồng vàng,
Kiện tới Ngọc Hoàng còn phải giam tra.
Rồng đỏ mắc phải tiêm la.
Rồng trắng khai chứng dưới nha chưa về.
Dây dưa hết cả mùa hè.
Xong kiện cho về cũng đến thu đông.*
- *Ông rồng mun² trai gái với ông rồng vàng.
Hai bên kiện lộn mùa màng hư hao.*

¹ Trà rang: dụng cụ bằng đất nung dùng để rang bắp, đỗ phộng (lạc), mè (vừng)...

² Rồng mun: rồng đen.

3. Quan hệ tình cảm

(Khát vọng hạnh phúc,
tình yêu nam nữ, gia đình)

- Bình Định có đá Vọng Phu,
Có núi Thiết Đỉnh¹ có cầu Tân An².
Trai anh hùng đạo hết giang san,
Kiếm người thực nữ dịu dàng sánh đôi.
- Chiều chiều mượn ngựa ông Đồ³.
Mượn kiêu⁴ chú xā, đưa cô về “nguồn”⁵
Về “nguồn” lấy cải làm dưa,
Lấy bột làm bánh, lấy dừa làm nhân.
- Suốt bốn mùa, xuân, hạ, thu, đông.
Thiếp ngồi dệt vải chỉ mong bóng chàng
- Dừa xanh trên bến Tam Quan,
Dừa bao nhiêu trái thương chàng bấy nhiêu.
- Ngó lên Dốc Giếng đã mòn,
Bến Đình⁶ đã cạn, dạ còn thương em.

¹ Núi Thiết Đỉnh: thuộc huyện Hoài Nhơn, Bình Định.

² Cầu Tân An: thuộc huyện An Nhơn, Bình Định.

³ Ông Đồ: tức Đido, tên thực dân Pháp làm đại lý cho tên chủ đồn điền, Ăngticon ở Tam Quan. Lúc bấy giờ, ở vùng Tam Quan, tên Đido nuôi nhiều ngựa (Tam Quan thuộc Bình Định).

⁴ Kiêu: bộ yên ngựa.

⁵ Nguồn: ở đây chỉ vùng thượng lưu sông Lại Giang (thuộc huyện Hoài Ân, Bình Định).

⁶ Dốc Giếng, Bến Đình. thuộc xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn, Bình Định.

- *Chiều chiều ra ngó núi Bà¹
Núi Bà còn đó còn nhà em đâu?
Em về Phù Mỹ chi lâu.
Để anh ra đứng bờ dâu ngó chừng.
Hai dòng nước mắt rừng rừng,
Cũng vì thương nhớ quá chừng em ơi!*
- *Anh về không biết chi đưa,
Còn mấy quả dừa đang ở trên cây,
Khuyên anh ở lại bên này,
Để em về bên², mẹ rầy³ em chịu cho.*
- *Ngó lên dừa ngã ba cây,
Thấy em khôn khéo muốn gây nghĩa nơnon.
Nghĩa nơnon ba gánh tràn trề,
Gánh từ Phù Mỹ gánh về Bồng Sơn.*
- *Em ngồi nghĩ đến công ơn.
Bạc vàng nặng ít, nghĩa nơnon nặng nhiều.*
- *Gió đưa gió đẩy bông trang,
Ai đưa ai đẩy duyên nàng về đây.*
- *Anh về Đập Đá, Gò Găng,
Bỏ em kéo chỉ sáng trăng một mình.*

¹ Núi Bà: thuộc huyện Phù Cát - Bình Định.

² Bên (tiếng địa phương): bên ấy, bên đó.

³ Rầy: la, mắng.

- Ai về nhẩn với ông câu,
Cá ăn không giật để lâu mất mối

- Anh ngồi vệt lở anh câu,
Khen ai khéo mách, cá sấu chẳng ăn.

- Gió đưa gió đẩy mây đưa,
Gặp đâu hay đó kén lừa làm chi.

- Gió đưa mười tám lá xoài,
Mười hai lá mít, lạc loài đến đây.

- Gió đưa cúc ngã, lan quỳ
Bậu lo thân bậu, lo gì thân qua.

- Chiều chiều mây kéo về kinh
Ếch kêu giếng lạng¹ thăm tình đôi ta.
Đôi ta như lửa mới nhen,
Như chuông mới đúc, như đèn mới khêu.

- Thương chi cho uống công tình
Nấu về xứ nấu, bỏ mình bơ vơ.

- Cam đường bóc vỏ còn the,
Dấu em còn nhỏ anh ve để dành²

¹ Giếng lạng (tiếng cổ địa phương): giếng bỏ hoang, không dùng.

² Ve: chọc, ghẹo, tán tỉnh.

- Vắng mặt anh ăn vàng cũng đắng,
Gặp mặt chàng ăn muối trắng cũng ngon.
- Mực sa xuống giấy khó chùi,
Phải duyên chồng vợ sứt sùi làm chi?
- Cửa Tam Quan nước cạn bày cừ
Sa Huỳnh khô tắt, em mới từ nghia anh
- Củ lang Đồng Phó, đồ phụng Hà Nhung¹.
Chàng bòn, thiếp mót đồ chung một gùi,
- Chẳng qua duyên nợ sứt sùi,
Nổi xung anh ném cái gùi anh đi.
Chim kêu dưới suối Từ Bi,
Ngãi nhân còn bỏ huống chi cái gùi.
- Thương em anh để đó đã.
Anh vô trong Dã anh mua hộ chén chung chè²
Anh về, cái lớn anh bịt bạc,
Cái nhỏ anh bịt vàng,
Rượu Phù Ly³ rót để hai hàng,
Phụ mẫu anh uống trước, phụ mẫu nàng uống sau.

¹ Đồng Phó, Hà Nhung: tên hai địa phương thuộc huyện Bình Khê.

² Bộ chén chung chè: bộ chén nhỏ bằng sứ dùng để uống trà, nhưng cũng có nơi dùng để uống rượu.

³ Phù Ly: ở đây là huyện cũ (bao gồm hai huyện Phù Mỹ và Phù Cát ngày nay). Rượu Phù Ly là rượu ngon có tiếng.

- *Rượu Phù Ly chân anh quỳ, tay anh rót,
Phụ mẫu uống rồi, em dõng gót theo anh.*
- *Chim quyên ăn trái bo bo,
Thương người dệt lụa trao go một mình.*
- *Thần lằn chấp lưới¹ mái tranh,
Đôi ta còn nhỏ để dành mai sau.*
- *Nước lên khoả bực² tràn bờ,
Anh về viếng mẹ bao giờ lại sang?
Chẻ tre lựa lông đan sàng,
Đợi ba năm nữa chờ nàng lớn khôn.*
- *Kiến bộ miệng chén xoay vắn,
Đôi ta còn nhỏ thương lẫn nhau đi.*
- *Bông thơm nở cạnh bìa rừng,
Ong, ve không đậu, bướm đừng lao xao.
Bông thơm nở tận núi cao,
Gió xuân đưa xuống, bông nào cũng thơm.*
- *Ngó lên hòn tháp, chợ Dinh³,
Biết ai có tướng nghĩa mình hay không.*
- *Ngó lên đám bắp trở cờ,
Đám dưa ra nụ, bao giờ nấu canh?*

¹ Thần lằn: con thạch sùng. Chấp lưới: tặc lưới.

² Khoả bực: che, lấp bực.

³ Chợ Dinh: thuộc huyện Tuy Phước.

- Chiều chiều ra đứng ngõ sau,
Thấy em kho mẫm, luộc rau anh thềm
- Nước giếng Truông¹ trong leo lẻo như gương,
Sao anh không múc để nhường cho ai?
- Chị kia kiềng bạc, tai đình²,
Nói vợ³ cho mình, mình nói chồng cho.
- Làm thơ mà dán nhành hoa,
Thiên hạ không biết nói ta với nàng.
Làm thơ mà dán nhành bàng,
Thiên hạ không biết nói nàng với ta.
- Con chim diều nó biểu con chim huỳnh,
Biểu to, biểu nhỏ, biểu mình ưng ta.
- Cây trên rừng trái chua, trái đắng,
Năm ngón tay ngón ngắn ngón dài,
- Thương người mình hạc, xương mai,
Bạn ơi, kết nghĩa lâu dài với ta.
- Thương tầm phải hái lá dâu,

¹ Giếng Truông: giếng nước ngọt độc nhất ở thị trấn Tam Quan, Bình Định.
(Truông ở đây là Truông Quê).

² Kiềng bạc: vòng đeo cổ bằng bạc. Tai đình: hoa tai, khuyên đeo ở tai bằng đồng.

³ Nói vợ, nói chồng: hỏi vợ, hỏi chồng, gả vợ, gả chồng.

- Thương ai anh bạn đi đâu chốn này?*
- Vì bầy heo phải đèo khúc chuối,
Vì phải lòng nàng nên lội suối băng sông.
- Thân em như thể bông hường,*
Anh xem cho kỹ kẻ dưng chông gai.
Thân anh như thể giọt sương,
Đêm xuân tươi mát bông hường tốt tươi.
- Chim chuyền bụi ốt lú lo,*
Lú lo bụi ốt không cho con chim chuyền.
- Thương em cũng muốn kết duyên,*
Sợ em đã có chữ thiên trời đầu¹
- Lênh đênh sóng vỗ bè dừ,*
Quần thao áo vải thêm vừa lòng anh.
- Khó nông thôn là khó bình vôi,*
Giàu ghe bầu là giàu nồi rang²
Gặp cơn sóng gió giữa đàng,
Nồi rang vỡ đất tan hoang cửa nhà.
- Ra về không lấy gì đưa,*
Thử cau, cau bọng³ thử dừ, dừ non

¹ Chữ thiên trời đầu: tức chữ phu là chồng. Ý nói đã có chồng (một lối chơi chữ ngày xưa).

² Bình vôi: bình đựng vôi ăn trầu. Bình vôi nhỏ nhưng dày, khó vỡ. Nồi rang to nhưng mỏng, rất dễ vỡ.

³ Cau bọng: cau hổng, hạt chảy nước không dùng được.

- *Trời sinh cái cửa ra vào,
Sao em lại lấp, lại rào càn gai?
Em đừng khoe sắc khoe tài.
Độc bình¹ để trống, nhành mai cắm vào.*

- *Sáng trăng tôi được chồng ai
Tôi cột gốc xoài, ai chuộc tôi cho
Ba quan tiền điều bó mo²
Con heo đóng cũi, tôi cho chuộc chồng*

- *Những nay thích chỉ ngao du
Dạo chơi cho biết xuân thu thế nào
Nhất: lê, nhì: lựu, ba: đào
Nhìn xem thấy kiểng³ muốn vào bể bông
Sợ e có kẻ vun trồng
Lòng anh bỏ ngõ, ngại ngừng không vô.*

- *Ai bảo thương mà anh không nói
Để bây giờ trách lỗi cho nhau
Hai nhà có cách xa đâu
An Vinh, An Thái còn câu hẹn hò
Dòng sông chung một con đò
Sao anh tiếc của chẳng đưa đồ hỏi xin?*

¹ Độc bình: lọ to để cắm hoa.

² Tiền điều bó mo: tiền điều là tiền đúc bằng đồng điều (đồng pha thau). Một quan là mười tiền, một tiền là sáu mươi đồng. Ba quan tiền điều bó mo: ngày xưa người ta thường bó những quan tiền vào mo cau để dễ mang, dễ vác.

³ Kiểng: tiếng *cánh* đọc trạnh ra là *kiểng*. Kiểng nói chung là một lối trang trí gồm một số chậu trồng hoa, bể nuôi cá vàng, hòn non bộ... Kiểng còn có nghĩa là cây cảnh.

- *Chừng nào cho lúa trở bông
Cho chị có chồng em gặm giò heo
Giò heo chị để trên treo
Em lấy giò mè em gặm em chơi.*

- *Anh gặp em đây, người đã nên người
Miệng nói, môi cười duyên thắm, tình thâm
Muốn vô gá nghĩa sắt cầm¹
Sợ rằng tởn² một lại lâm gáo đôi.*

- *Anh về cuốc đất trồng rau
Cho em trồng kẻ³ dây trầu một bên
Mai sau trầu nọ lớn lên
Cau kia ra trái, làm nên cửa nhà.*

- *Ước gì biển hẹp như ao
Bắc cầu chiếc đũa mà trao ân tình*

- *Chiều chiều mây phủ Đá Bia
Đá Bia mây phủ chị kia mất chồng
Mất chồng như nậu mất trâu
Chạy lên chạy xuống cái đầu chôm bôm*

- *Ngó ra ngoài biển ba lần
Thấy anh ở trần trong dạ xót xa*

¹ Gá nghĩa sắt cầm: kết duyên chồng vợ.

² Tởn (có nơi gọi là chĩnh): lọ sành dùng để đựng nước mắm.

³ Trồng kẻ: trồng nhờ.

*Em về mua lụa đậu ba
Cắt áo cổ giữa mà tra nút viên¹
Tai nghe anh có vợ riêng
Chận đường em lột áo cổ kiềng xé tư²*

*- Anh yêu, cha mẹ không yêu
Anh với em nhóm lửa bắc niêu ngoài đàng
Ví dầu cha mẹ không màng
Thì mình trải chiếu bắt ngoài đàng lay vô
Lay cùng ông chú, bà cô
Ông bác, bà thím nói vô cho em nhờ.
Lay cùng bà nguyệt ông tơ
Xe dây tiếp nhợ một giờ cho thành đôi.*

*- Sông sâu vệt lội vườn chùa
Ba bốn năm còn đợi được, hướng chi một mùa
bao lâu*

*- Lời thề chẳng có nước non
Vàng tan ngọc nát vẫn còn thương nhau.*

*- Biết ai đặt gùi má đào
Biển sâu dễ lượng, lòng sâu khó dò.*

*- Lêu lêu, mắc cỡ, lêu lêu!³
Hỏi nói không gả, nay kêu chẳng thêm⁴*

¹ Nút: cúc áo.

² Áo cổ kiềng: áo cổ tròn như chiếc kiềng (vòng đeo ở cổ để trang sức).

³ Lêu lêu: từ dùng để chế giễu trẻ em làm điều gì xấu, mắc cỡ, thẹn thùng, xấu hổ.

⁴ Hỏi nói không gả: lúc đi hỏi thì không gả, nay gọi gả thì không thêm.

- Anh về cửa ván đóng đờ
Trước đưa quan khách, sau dò ý em
Ý em, em ở khó đờ.
Bắc cầu khó bắc, đưa đờ khó đưa.
- Tôi nghèo không có quần thay
Kẻ kêu gả cháu, người bày gả con.
- Thương em bất luận xấu xinh
Lá giang¹ nấu với cua kinh cũng ngon
- Anh thấy em có ngãi nên anh mới đợi mới chờ
Thiếu chi nơi quyền quý anh chẳng mơ nơi nào
- Thương em bất luận nghèo giàu
Vải thưa khéo nhuộm, đống màu cũng xinh
- Con ngựa tía ăn quanh đèo Cả
Nhật nguyệt đổi dời cây ngả về đông
Nhờn nhờ cá lội về sông
Chim kêu vườn hú, vườn hồng nhện giăng.
- Gắng công thương lấy bạn nghèo,
Chùng nào trăng khuyết hãy treo đèn lồng.
- Hồ hẹp cá lội, sen rung,
Thương em anh phải cày cùng ông mai²

¹ Lá giang: tên một thứ lá ở rừng núi có vị chua, thường dùng để nấu canh chua (thân cây dùng để đan rế, giỏ).

² Ông mai: ông mai dong, người mối lái trong việc cưới gả vợ chồng.

- *Đôi ta như thể đôi chim,
Ngày ăn tứ tán, tối tìm cội cây*

- *Làm thơ mà dán cây cau
Anh về bữa trước, bữa sau lên liền
Chưa lên thì gửi lời lên,
Kẻo em dựa vách, dựa phen khóc thầm.*

- *Vách thành cao lắm khó dòm
Nhớ anh, em khóc đỏ lòm con người.*

- *Trả ơn ai có cây dừa
Cho tôi nghỉ mát, đợi chờ người thương.*

- *Chỉ điều sao khéo vấn vương
Gặp nhau một thuở mà thương nhau hoài.*

- *Thò tay mà ngắt ngọn ngò,
Thương em đứt ruột giả đồ¹ làm nơ*

- *Chàng buồn thì thiếp cười mơn,
Hai tay vuốt nụng "giận hờn làm chi!"*

- *Hòn đá lặn nghiêng lặn ngửa,
Em cũng sửa cho hòn đá lặn tròn
Giận anh em nói vậy chớ dạ em còn thương anh.*

¹ Giả đồ: giả bộ, giả vờ.

- Anh về để áo lại đây
Đêm khuya em đắp, gió tây lạnh lùng.
- Cầm dao cắt ruột máu rơi
Ruột chưa đau mấy bằng lời anh phân¹
- Ăn cơm mỗi bữa một lưng
Uống nước cầm chừng để dạ thương em.
- Thương cha, nhớ mẹ có hồi
Thương anh lúc đứng, lúc ngồi không nguôi.
- Buồn tình, cha chả² buồn tình
Lư hương một ngả, độc bình một nơi.
- Đêm nằm ở dưới bóng trăng
Thương cha, nhớ mẹ không bằng nhớ em
- Ngó lên đá dựng tứ bề
Thương anh lụy nhỏ dầm dề chéo khăn
- Ai giàu xe ngựa mặc ai
Đôi ta đi bộ đường dài thích hơn.
- Quảng Nam thành, mình anh vắng vẻ
Bình Định thành, mình thiếp chơi vơi

¹ Phân: phân trần, giải bày.

² Cha chả (từ có): có nghĩa là "chao ơi", "trời ơi".

*Cha mẹ già gần đất xa trời
Sao anh không kiếm nơi lượm đôi lời dại khôn
Chữ rằng "họa phúc vô môn"¹
Tìm giàu thì dễ, tìm khôn khó tìm.*

*- Ai biểu thương mà anh không nói
Đến bây giờ trách lỗi cho nhau
Hai nhà có cách xa đâu
An Vinh, An Thái còn câu hẹn hò²
Dòng sông chung một con đò
Sao anh tiếc của chẳng đưa đồ hỏi xin*

*- Ngó lên hòn núi Chóp Vung
Ngó xuống cánh đồng lúa trĩu những bông
Ước gì em chưa có chồng
Anh về thưa cha mẹ mang rượu nồng đón em.*

*- Chiều chiều mượn ngựa ông Đô
Mượn dù chú xã đưa cô về nguồn
Cô về cô đứng đầu truông
Ngựa ô đi trước, ngựa hường theo sau
Mâm trầu, thuốc giấy, buồng cau
Lại thêm thằng nhỏ đi sau xách gùi.*

*- Cây cao bóng cả nó ngã qua bờ
Ai nghi cho bạn, bạn ngờ cho ta*

¹ Họa phúc vô môn (họa phúc không có cửa): ý nói ở đời họa, phúc không biết đâu mà lường.

² An Vinh, An Thái: thuộc huyện An Nhơn, Bình Định.

*Ta còn ở với mẹ cha
Trời kia chưa định gần xa nơi nào*

*Gió đưa bông cúc bông cà
Gió đưa chị Sáu về nhà anh Ba
Anh Ba đi cưới chị Ba
Mâm trầu hũ rượu hết ba mươi đồng¹
Còn đồng nào mua chả, mua nem
Mua một cây đèn cho họ ngồi mâm
Ông Cai, ông Kí ngồi trên
Ông mai ngồi giữa, bốn bên họ ngồi
Họ ngồi, họ nghỉ, họ chơi
Để tôi đi chợ mua vôi ăn trầu
Mua vôi chợ Quán, chợ Cầu
Mua cau Bến Đá, mua trầu Bàu Giếng²*

- *Vái trời tạnh gió, ngừng mưa
Để trăng sáng tỏ anh đưa em về*
- *Thương nhau bất luận xa gần
Cầu không tay vịn cũng lần mà qua.*
- *Đêm nằm lưng chẳng bén giường
Mong cho mau sáng ra đường gặp em*

¹ Ba mươi đồng: đây là ba mươi đồng tiền điều (tiền xưa, đúc bằng hợp kim kẽm và thiếc).

² Các địa danh trên đều thuộc về các xã phía Bắc huyện Hoài Nhơn, Bình Định.

- Thương anh, chẳng dám nói ra
Mỗi chiều mỗi dạo vườn hoa khóc thầm
Đêm nằm khô héo lá gan
Trông cho mau sáng ra đằng gặp anh
- Ngồi buồn bưng rổ vá may
Anh đi Phú Quốc năm nay¹ chưa về
Làm sao hóa đặng chim xanh
Bay ra Phú Quốc thăm anh kẻ buồn.
- Anh về em muốn về theo
Sợ truông cát nóng, sợ đèo đá dăm.
- Đá dăm anh đã lượm rồi
Truông kia cát nóng anh bồi bùn non
- Anh nghe phát bệnh, em buồn
Ba chân bốn cẳng lên nguồn thuốc thang
Một chén sắc còn bầy phân
Tay đỡ anh dậy, tay nâng ngang cầm
Vai em anh hãy tựa đầu
Năm canh em thức quạt hâu bên anh.
- Dao phay kẻ có, máu đổ không màng
Chết thời chịu chết chớ buồng nàng không buồng
- Ngó lên trăng chúc sao nghiêng
Vui chung với bạn sầu riêng một mình

¹ Năm nay (tiếng địa phương) từ bây giờ nay rồi.

- *Ngồi buồn nghĩ càng thắm
Hột cơm tấm cắn làm hai
Rau lang dỡ bữa, liều với mai đừng lia
Anh với em như khóa với chìa
Đừng cho ống liệ¹ khoá chìa rời nhau*

- *Trăng kia khi khuyết khi tròn
Lời thề biển cạn non mòn không quên*

- *Trồng tre dưới đá Thạch Bàn²
Tre lên mấy mắt³ thương nàng mấy năm
Tre già mắt nhỏ tấm tấm
Phải duyên phải lửa mấy năm cùng chờ.*

- *Thương nhau son sắt một lời
Chén vàng hoà huyết vãi trời uống chung.*

- *Ngãi ngon ngọt tựa dừa xiêm⁴
Cách sông, cách núi cũng tìm cho ra*

- *Nhớ lời nguyện ước đôi ta
Giàu nghèo, sướng khổ một nhà có nhau*

- *Chừng nào cho sông bỏ gành
Củ lao bỏ biển thu anh bỏ nàng.*

¹ Ống liệ, ống (ống khóa, ố khóa) hong, không mở ra được.

² Thạch Bàn: tên địa phương thuộc huyện Phù Cát, Bình Định.

Mắt: dốt (mắt tre, dốt tre).

⁴ Dừa xiêm, dừa qua nhỏ, nước rất ngọt.

- *Thiếp thương chàng đừng cho ai biết
Chàng thương thiếp chớ nói thiệt ai hay
Thế gian lắm kẻ thày lay¹
Khó chàng tám lạng, thiếp rày nửa cân.*
- *Xin đừng có cá phụ canh
Thấy tòa nhà ngói, phụ tranh rừng già.*
- *Thương ai phải nhớ lời ai
Non cao san phẳng, sông dài lấp sông.*
- *Gió đưa mười tám lá xoài
Lấy chồng Bình Định sợ dài đường đi.*
- *Buồn sao buồn mãi thế này
Nhớ ai nhớ mãi hết ngày sang đêm
Giọt mưa thánh thót bên thềm
Đương hè mà lạnh như đêm tháng mười.
Chẳng thà lặn xuống giếng cái chum,
Chết ngủm cho rồi!
Sống chi chịu chữ mồ cô!*
- *Làm trai giữ mutu, giữ kẹ,
Làm gái giữ thế, giữ thân,
Miệng đời bén tựa gươm trần,
Thương anh không dám lại gần một bên.*

¹ Kẻ thày lay: kẻ chọc gậy bánh xe; kẻ làm những việc không phải là việc của mình và cũng không ai nhờ đến.

- *Kiểm xa bồn¹ bồn khô, kiểm héo,
Lựu xa đào, lựu ngã, đào nghiêng,
Vàng mười rớt mất không phiên,
Phiên vì một nỗi tơ duyên không thành²*

- *Tiến công xe nhợ uốn cần,
Xe chưa kịp nhợ, cá lần ra khơi.*

- *Đờn Lưu thủy, khảy chơi vài dạo³
Rượu Phù Ly mới nhậu ba chung,
Càng cay, càng đắng gan trung,
Cây đờn liền bỏ, chén chung quên cầm.*

- *Trèo đèo bẻ lá quét đèo,
Hai bên cha mẹ cùng nghèo cả hai.*

- *Anh về dưới Dã thăm nhà,
Ghé vô em gửi lạng trà Ô Long⁴*

- *Tiếng đồn chị sáu có duyên, Đồng Nai đi hỏi⁵
một thiên⁶ cá mèi.*
*Chẳng tin mở quả⁷ ra coi,
Mít non ở dưới, cá mèi ở trên⁸*

¹ Bồn: chậu bằng sành hoặc bằng sứ, dùng để trồng cây cảnh.

² Câu này có nơi hát: *phiên vì một nỗi sợ duyên không thành*.

³ Đánh vài bài đờn Lưu thủy

⁴ Trà Ô Long: thứ trà ngon có tiếng.

⁵ Đồng Nai: tên địa phương ở Nam Bộ.

⁶ Một thiên cá mèi: một nghìn con cá mèi.

⁷ Quả: một thứ trái sơn tròn, có nắp, dùng để đựng lễ vật khi cúng viếng, cưới hỏi.

⁸ Câu này có nơi nói: *rau răm ở dưới, cá mèi ở trên*.

- Thức khuya dậy sớm cho quen,
Làm rẻ Bình Định xách đèn lồng cạo râu.
- Em về Đập Đá quê cha,
Gò Găng quê mẹ, Phú Đa quê chồng¹
- Anh than với em: cha khó, mẹ nghèo,
Dũa tre yếu ớt không dám quèo con mấm nhum¹
- Ngọn gió phát phơ, ngọn cờ phơ phát,
Nồi đồng sôi, nồi đất cũng sôi,
Phận anh mẹ goá con cô,
Chỗ ăn không có chỗ ngồi cũng không.
Nhà thì đi đụng đòn giông³
Đêm nằm dưới đất trơ không chiếu giường.
Liệu bề thương đặng thì thương,
Đừng trao gánh nặng giữa đường tội anh.
- Nước trong con cá lội thấy vì,
Anh câu chẳng đặng cũng vì sóng xao.
- Tiếc công lên đỉnh xuống đèo,
Cầm sào thọc chuột cho mèo nấu ăn.
- Nghĩ mình sao khéo rui ro,
Đã đi đến bến mà đò không đưa.

¹ Phú Đa: thuộc huyện Phù Cát, Bình Định.

¹ Mấm nhum: có nơi gọi là mấm ngư, loại mấm muối bằng một con cá nhum (một loài sò) ở biển rất ngon, rất quý, ngày xưa thường dâng cho vua chúa.

³ Đòn giông: xà nhà dùng để đỡ nóc nhà. Toàn câu ý nói nhà thấp đi trong nhà dẫu dựng đòn giông.

- Một mình năm liệu bảy lo,
Đã đi đến giếng lại quấy vò về không.

- Mẹ ơi, son phấn điểm đôi,
Trám hương không gặp, gặp chồi cỏ may.

- Chiều chiều con quạ lợp nhà,
Con cu bẻ lạt, con gà quăng tranh.
Ai làm cho bén duyên anh
Cho mây lẩy¹ núi, cho trăng thanh lẩy gió ngàn.

- Một, anh để em ra
Hai, anh để em ra
Về em buôn, em bán,
Trá nợ bánh trắng, trả nợ bánh xèo.
Anh đừng làm em nữa, kéo mang nghèo vì em.

- Em nghe anh tỏ lời này,
Em đòi để bỏ như vậy sao nên.
Tao khang nghĩa ở cho bền,
Liều, mai hoà hợp, đôi bên thuận hoà.

- Tay bưng đĩa muối, lát gừng²
Gừng cay, muối mặn xin đừng xa nhau.

- Tay bưng đĩa muối, sàng rau
Thúy chung như nhứt, ai sang giàu mược ai³

¹ Lẩy (tiếng cổ địa phương). kết duyên vợ chồng.

- Đĩa (tiếng địa phương): đĩa.

³ Mược ai (tiếng cổ địa phương): mặc ai.

- Bóng trắng ngã lộn bóng tre
 Chàng ơi đứng lại mà nghe thiếp thề.
 Vườn đào, vườn lựu, vườn lê,
 Bời người bắt nhụy, bướm xê ra ngoài.
 Chàng về nghĩ lại mà coi,
 Tấm tình em ở gương soi bằng nào.

- Đau ba năm không ốm¹
 Đói sáu tháng không mòn,
 Từ khi ta thương bạn, xương còn bọc da.
 Một ngày vắng bạn xót xa,
 Hai ngày vắng bạn châu cha² là buồn.
 Ba ngày vắng bạn lệ tuôn,
 Bốn ngày vắng bạn bằng muôn ngày sầu.
 Chẳng thà khuất lấp đi đâu,
 Ra vô thấy bạn thăm sâu khôn nguôi.

- Trồng tre, trồng trúc, trồng dừa,
 Đốn trúc, trảy dừa, người cũ thấy đâu,

- Chim buồn, chim bay về núi,
 Cá buồn, cá chui xuống sông
 Em buồn ra ngô ngóng trông
 Ngô thì thấy ngô, người không thấy người.

- Anh có thương em thì thương cho chắc, cho chặt,
 cho bền!

¹ Ốm: gầy.

² Châu cha (tiếng địa phương): có nghĩa như "chao ôi" hoặc "ôi chao".

Máy lời em nói
Anh hong khói¹ để bền
Dẫu trăm năm nữa, anh không quên lời nào.

- Chiều chiều vác cuốc kiếm lươn
Lươn trơn, lươn tuột, người thương mất rồi.

- Nước chảy xuôi, con cá buôi lội ngược
Nước chảy ngược, con cá vượt chạy ngang
Thuyền em đậu bến Lại Giang²,
Sao thuyền anh lại ngược đàng Kim Sơn³
Hay anh đem dạ giận hờn,
Để em phải chịu cô đơn một mình!

- Trên trời có đám mây xanh
Dưới biển có mấy thuyền mảnh đung đưa
Gặp em con bóng đang trưa
Rừng rưng nước mắt tay đưa miếng trầu
Ai làm thiếp thảm, chàng sầu,
Lao lư trong dạ như dầu ép non.

- Nghĩ mình lại giận cho mình
Áo chưa đậu sống⁴ rập rình tra khuy
Tiếc thay dây bí tàn bông
Tiếng người quân tử nói không thiệt lời.

¹ Hong khói: đặt vào chỗ có khói (như giàn bếp) để khói ăn vào cho bền cho khỏi mối, mọt ăn.

² Lại Giang: sông lớn thuộc huyện Hoài Nhơn, Bình Định.

³ Kim Sơn: thuộc huyện An Nhơn, Bình Định.

⁴ Áo chưa đậu sống: áo chưa may đường sống lưng.

- *Rồng nằm nước cạn rồng than
Trách con cá đoi nằm ngang mình rồng*

- *Nực cười cơm cháy quạ tha
Cầm duyên em lại cho già rụng răng.*

- *Em ngồi chậu kiếng em chờ
Trách anh ném sách, quăng thơ sao đành
Chim kêu trên cội dưới cành
Ta không bỏ bạn, bạn đành bỏ ta!*

- *Hồi nào kết nghĩa phu thê,
Cầm dao cắt tóc, hẹn thề cùng ta
Bây giờ anh đăng vinh hoa
Đá mèo, quèo rế, vô ra rồi bùng¹
Đi thời xát cẳng chà chun²
Nằm thời đấm ngực, vỗ lưng vấy vùng
Hồi nào miếu thánh thờ chung
Bây giờ đứt nghĩa vợ chồng sao nên.*

- *Nước nguồn chảy xuống Phù Ly
Bồng Sơn, Tuy Viễn³ thiếu gì vợ anh
Vợ anh tay bạc tay vàng
Anh còn búng rầy⁴ hướng nàng tay không!*

¹ Rối bùng: ý nói quá rối ren.

² Cẳng, chun (tiếng địa phương): chân.

³ Phù Ly, Bồng Sơn, Tuy Viễn: tên ba huyện của phủ Quy Nhơn ngày xưa (tỉnh Bình Định ngày nay).

⁴ Búng, rầy: ý nói coi thường, coi khinh, không coi ra gì.

- Bên kia sông, quê anh An Thái
Bên này sông, em gái An Vinh
Thương nhau chung dạ, chung tình
Cầu cha mẹ ưng thuận hai đứa mình kết đôi.
- Chùng nào đèo Phũ Cũ hết cây
Lại Giang hết nước, dạ này mới hết thương.
- Cơm hai bát, bát ăn, bát để
Nước hai bình, bình uống, bình mang
Anh đưa em về chốn Lại Giang
Lui chân trở lại, nước mắt tràn như mưa.
- Cửa Tam Quan nước cạn bày cừ
Sa Huỳnh khô tắt, em mới từ nghĩa anh.
- Đường lên An Lão cheo leo
Thương em anh mới băng đèo tới đây.
- Hỡi người gánh nước Trông Mây
Cho xin một gáo tưới dây tơ hồng.
- Lang thang đón bạn Trông Mây
Ai đem tiếng ngọc tới đây bạn tìm.
- Lầu nào cao cho bằng lầu Thương Chánh¹
Bánh bò nào trắng bằng bánh bò bông

¹ Thương Chánh: nơi làm việc, kiểm soát, thu thuế xuất, nhập khẩu của bể (Tam Quan) của thực dân Pháp trước kia.

Bố cô Ba ơi, khoan hãy lấy chồng
Ở đây buôn thị, bán hồng
Lấy tiền nuôi cha mẹ, để tấm lòng thương anh.

- Ngó lên trên đỉnh Tháp Chàm
Nhớ ai như nhớ bóng nàng năm xưa.

- Núi Bà một dải xanh xanh
Vọng Phu còn đó sao anh chẳng về?

- Nước Lại Giang mệnh mang mùa nắng
Dòng sông Côn lai láng mùa mưa
Đã cam thág đợi năm chờ
Duyên em đục chịu, trong nhờ quán bao.

Tiếng đồn Thiết Đính, gạo cao
Bồng Sơn gạo sứt, bán sao có lời
Đường đi góc biển chân trời
Biết đâu mà nói thực lời với anh.

- Vọng Phu tục gọi "Hòn Bà"
Tượng Sơn chát ngất gọi là "Hòn Ông"
Phải đây chi vợ, đó chồng
Gánh tương tư khỏi nặng lòng nước non.

- Con gái Phú Yên một tiền ba đứa
Con trai Bình Định một đứa ba tiền.

- Bên lương bên giáo
Bên đạo cũng như bên ta

*Vô đây kết nghĩa giao hòa
Phải duyên, phải kiếp áo chùa bà ta mặc chung.*

*- Anh đi vông giá¹ dù viên²
Gheo em, em gheo lại quan quyền mặc anh.*

*- Giếng sâu dây ngắn lỡ chừng
Bởi anh bạc trước, sau đừng trách em.*

*- Ai về ai ở mặc ai
Bậu thì ở lại sáng mai hãy về.*

*- Trên trăng dưới cát mờ mờ
Em đi gánh nước tình cờ gặp anh
Trong mình còn trái cau xanh
Bữa³ ra sáu miếng mời anh ăn trầu
Xưa rày anh cách đã lâu
Bữa nay gặp mặt, trao câu ân tình*

*- Ngược mặt lên trăng vừa khuất núi
Lặng tai nghe gà đã gáy vang
Thôi chàng ở lại bình an
Để cho em bậu lên đàn, chàng ơi!*

*- Một mai ai chở bỏ ai
Bỏ ai thì bỏ chị Hai xin đừng!*

¹ Vông giá: vông có giá gác để gác vông khi nghỉ (ý nói người giàu có, danh giá).

² Dù viên: ô có viên, có thêu xung quanh.

³ Bữa: bữa, xế.

- Chim xanh ăn trái xoài xanh
 Ăn no tắm mát lên nhành hái hoa
 Hỡi người tình cũ của ta
 Có quay mặt lại thì ta kết duyên.
- Chuông vàng nho nhỏ kêu thanh
 Trai khôn thì ít, gái lanh thì nhiều
 Chợ Tam Quan hãy còn lều
 Bỏ em đi nữa, còn nhiều người thương.
- Đèn hết dầu đèn tắt
 Nhang hết vị hết thơm
 Anh đừng lên xuống đêm hôm
 Thế gian đàm tiếu, tiếng đồn tội em
 Thế gian sao khéo lạ kỳ
 Ta thương, ta tới mắc gì đón ngăn?
- Chim xanh ăn trái xoài xanh
 Ăn no tắm mát lên nhành hái hoa
 Nghỉ từ hồi tôi hôm qua
 Chờ trăng trăng lặn, chờ hoa hoa tàn.
- Dạ anh dạ bươi, dạ bông
 Ngoài da xanh lét¹ trong lòng chua le²
- Tai nghe anh có vợ nguồn
 Roi mây đứt đoạn³ chặn luồng đánh chơi

¹ Xanh lét (tiếng địa phương): rất xanh.

² Chua le: rất chua.

³ Đứt đoạn: chặt từng đoạn.

- *Têm trâu mà giắt mái rui¹
Cúi đầu lạy mẹ, làm sui² cho gần.*
- *Phải chi lên được trên trời
Mượn gương ông sấm giết người bạc ân.*
- *Áo dài chi nệ quần thưa
Trai khôn chi nệ vợ thừa thế gian.*
- *Dây tơ hồng không trông mà mọc
Thấy gái không chồng muốn chọc³ mà chơi .*
- *Ngọn đèn đèn tía, ngọn tía tô cũng tía
Ngọn lang giâm, ngọn mía cũng giâm
Mai dong tốt nói em lắm
Đêm nằm nghĩ lại giận bầm lá gan.*
- *Giàu như nẫu đi xe cùng kiệu
Khó như mình mình liêu mình đi
Anh đi một lễ thỉnh kỳ⁴
Heo thì một cặp, gà rì một lồng
Phía anh đừng mời chi đông
Nội⁵ cha với mẹ, vợ chồng ông mai*

¹ Mái rui: mái nhà.

² Sui (sui gia): thông gia.

³ Muốn chọc: muốn trêu, muốn ghẹo.

⁴ Lễ thỉnh kỳ: một trong sáu lễ hỏi vợ ngày xưa. Lễ thỉnh kỳ là lễ xin ngày cưới.

⁵ Nội (tiếng địa phương): chỉ có.

*Phía em đừng mời chi ai,
Nội cha với mẹ, và hai đứa mình
Thấp nhang khấn vái chung tình
Cho cha mẹ biết phận mình là con.*

- *Sớm mai anh vừa ngủ dậy
Anh súc cái miệng, anh rửa cái mặt
Anh ăn miếng trầu, anh hút điếu thuốc
Anh vác cái cuốc đi tuột lên gò
Anh gặp bầy cò ăn lộn bầy cuốc
Vai anh mang bị thuốc
Tay anh xách ống đồng¹
Tai anh nghe em bầu có chồng
Bị thuốc anh cũng ném
Ống đồng anh cũng lia²*
- *Ôm đàn gảy khúc cầu hoàng³
Thiếp xin gõ nhịp để chàng lựa dây
Bao giờ rừng An Lão⁴ hết cây
Sông Lại Giang hết nước em đây mới hết tình.*
- *Cha mẹ nàng đòi ăn cá thu
Bắt anh bủa lưới mù mù tằm tằm*

¹ Ống đồng: đồ dùng để thổi, bắn chim. Người ta dùng thứ cây trống ruột, thẳng tắp (hoặc dùng gỗ xoi cho ruột trống như ống thổi lửa) dài độ 2m, dùng đạn bằng đất sét phơi khô để thổi chim (có nơi dùng mũi tên để thổi cá).

² Lia: ném, quăng.

³ Khúc cầu hoàng: khúc nhạc của Tư Mã Tương Như, Trác Văn Quân nghe khúc nhạc này liền bỏ nhà theo Tư Mã Tương Như.

⁴ An Lão: tên một huyện miền núi của tỉnh Bình Định.

*Cha mẹ nàng đòi đi một trăm
Anh đi chín chục lẻ năm quan ngoài.*

- *Anh bước xuống ghe
Quạt anh che, tay anh ngoắt
Cất mái chèo rồi, nước mắt rừng rừng.*
- *Thuốc ngon Bình Định
Giấy quynh Sa Huỳnh
Ai xa thì mượn nấu, hai đứa mình đừng xa.*
- *Năm chục quan tiền
Xây vòng trái bưởi,
Con heo bỏ củi khiêng đi
Tám lạng An Thái¹ em bạn cho mát,
Lạng Kiểng Hàng² em bạn lột mỡ hôi.*
- *Nón Phú Trung³ anh chạy đôi mồi
Gấm Nước Mặn⁴ chạy hoa bông cúc
Tiền thời cho chẵn một trăm
Bạc thời năm nén, vàng ròng mười đôi
Lạng năm, bảy gọn⁵ anh ơi!
Nhiều thêm gọn nửa thì tôi mới về.*
- *Ngó lên chợ Lũng cây Đa⁶*

¹ An Thái: thuộc huyện An Nhơn, nơi dệt lụa đẹp có tiếng.

² Kiểng Hàng: thuộc huyện An Nhơn, lụa Kiểng Hàng kém hơn lụa An Thái.

³ Phú Trung: thuộc huyện Tuy Phước.

⁴ Nước mặn: thị trấn ở gần Quy Nhơn xưa kia chuyên dệt vải giả gấm rất đẹp.

⁵ Gọn: tấm.

⁶ Chợ Lũng: thuộc huyện Tuy Phước; cây Đa: cây đa.

Thấy em bán gạo áo đà khăn xanh¹
Khăn xanh có mỗi hai đầu
Nửa thương trò Bốn, nửa sầu trò Ba!
Trò Ba cỡi ngựa đi đâu?
Kìm cương ngựa lại ăn trâu với em
Trâu anh đừng đẩy, đừng khăn,
Trâu em chéó áo, anh ăn sao đành?
Nhớ ai em phải buồn rầu,
Ăn cơm quên đũa, ăn trâu quên vôi?
Nhớ người sớm chịu mồ côi,
Nhớ người hiếu nghĩa nổi trôi phương nào!

- Đi từ cửa khẩu Gò Bồi
Vòng quanh Cây Cốc, Cây Trôi² trở về
Gặp ai cũng nhún cũng trề,
Rằng thân ở tớ, ở thuê, ai thêm!
- Sang giàu sống bám lấy đời³
Khổ nghèo thanh bạch, đất trời chứng cho
Anh nghèo anh đừng có lo
Xấu mặt đừng ngại, miễn cho tốt lòng.
- Phải duyên phải nợ thì ưng
Không duyên không nợ xin đừng bỏ anh!⁴
Sá gì một nải chuối xanh
Kẻ thò, người thọc, giắt giành trên tay.

¹ Áo đà: áo nhuộm màu nâu (nhuộm bằng vỏ cây đà).

² Cây Cốc. Cây Trôi: tên hai địa phương thuộc miền tây Bình Khê.

³ Sống bám lấy đời: sống ăn bám vào đời.

⁴ Bỏ anh (tiếng cổ địa phương): hỡi anh.

- Nồi tròn thì úp vung tròn
 Nồi méo thì úp vung méo
 Em đừng làm khôn làm khéo,
 Nồi méo mà úp vung tròn
 Gập ghềnh vung vỡ, nồi còn bơ vơ.

- Đôi ta như cá lờn bơn
 Ở trên mặt nước chờ cơn mưa rào.

- Ngó lên trên đỉnh Tháp Chàm
 Nhớ ai như nhớ bóng nàng năm xưa
 Ngó lên dốc Giếng lài lài
 Tình thâm nghĩa trọng nhớ hoài không quên

- Chim ăn bãi cát Đồng Chu¹
 Bảo em chờ đợi, đông, thu, mãn rồi

- Chim phượng hoàng đỗ nhánh cỏ may
 Để cho châu chấu đỗ rày nhành mai.

- Thương trò đi học trường xa
 Cơm canh ai nấu, cửa nhà ai trông?
- Chữ rằng xuân bất tái lai
 Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn
 Ngồi buồn trách phận hồng nhan
 Nệm nghiêng, gối chiếc, tủi thân nàng lắm nàng ơi.

¹ Bãi cát Đồng Chu thuộc xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn.

- *Bứt dây mà nôi cho dài
Nôi từ ngoài ngõ nôi lại vô đây
Hời người núp bóng cội cây
Muốn tìm nhân ngãi vô đây mà tìm.*

- *Chiều chiều én liệng sau gò
Không ai nấu nướng cho trò Ba ăn
Nấu nướng thì có con Ba
Trầu cau con Bốn, cửa nhà con Năm
Một trăm chìa khóa con Sáu nắm cầm
Giang sơn con Bảy giữ, tảo tần con Tám lo.*

- *Đêm nằm đắp chiếu bịt bùng
Tai nghe tiếng hổ dậy vùng ra đi¹
Rồng nằm bãi cát bày vi
Vi chùng thương bạn mới ra đi làm vầy
Ra đi thì sợ cha đánh, mẹ ngầy
Không đi bạn ở chốn này bạn trông
Bữa nay nam với nữ hội đồng
Trai, anh chưa có vợ, gái, em chưa có chồng,
ta hãy trao duyên.*

- *Cách em có một hàng rào
Đi qua khôngặng mà trao miếng trầu.*

- *Hòn đá đóng rong
Vì dòng nước chảy*

¹ Tiếng hổ: tiếng hát hổ, một điệu dân ca

Hòn đá bạc đầu
Vi bởi sương sa
Em thương anh không dám nói ra
Sợ mẹ bằng đất, sợ cha bằng trời
Sợ dạ anh có biết đôi đời
Sợ vùng mây bạc trên trời mau tan.

- Thương nhau cho thỏa tấm tình
Nấu về xứ nấu, nấu dần mình đi theo.

- Chim quyen ăn trái khố qua
Nuốt vô thì đắng, nhả ra bạn cười.

- Anh về em gửi trăm trâu,
Cho cha mẹ biết con dâu ở rừng.

- Tay cầm cọng lạt bẻ cò¹
Lòng thương da diết, giả đồ làm lơ
Thương sao phát đại, phát khờ
Trong nhà không dám khóc, ra bụi bờ khóc than
Một ngày làm té đôi quan²
Cũng bỏ đi tìm bạn để thờ than đôi lời.

- Bao giờ đá chảy thành tro
Biển cạn thành gò, ta mới hết yêu nhau.

- Một trăm bông cúc, chín chục bông hường
Một mình em sao năm, bảy người thương
Liệu sao em liệu kẻ vắn vơng lời thề.

¹ Bẻ cò. bẻ quạp xuống. Ngày xưa. người ta dùng lạt bẻ cò để đánh dấu tính số lượng.

² Làm té đôi quan: làm ra được vật quan (quan tiền), một số tiền khá lớn đối với người lao động ngày xưa.

- Áo anh khô không phải mưa sao ướt?
Bởi anh chậm bước nên thấy mẹ gả em đi
Bão anh đi chợ Phù Ly
Sao anh lỡ hẹn lại đi Chợ Gôm.

- Đôi đàn ông Bến Đá, Tam Quan
Bỏ Đê, Chợ Bộng, Lại Giang vui vầy
Trung yên cao ngất lầu Tây,
Ngó xuống tiệm rượu đá xây như thành
Phù Ly, Hòa Hội, An Hành,
Cầu Chàm, Đập Đá, chạy quanh Gò Bồi¹
Anh với em đi lỡ ra rồi
Rưng rưng nước mắt ai bồi thường lại cho ai?

- Có thương thì bóc lửa lư²
Không thương cũng nhúm lửa³ đừng bươi nó tàn.

- Trồng tre tại núi Thạch Bàn
Tre bao nhiêu lá thương nàng bấy nhiêu.
- Lọc lọc kêu rang rang
Bánh trắng bẻ giòn giòn
Bỏ người chưa vợ chưa con
Hình dung yếu điệu như son mới mài
Bỏ người mình hạc xương mai
Mất xanh mảy liễu tìm ai chốn này.

¹ Những tên riêng ở đây là tên chợ trong tỉnh Bình Định

² Lửa lư, lửa trong lư hương (ngày xưa lửa trong lư hương là thiêng liêng, không bao giờ tắt).

³ Nhúm, nhóm, làm cho lửa cháy.

*Dang tay đón bạn Trùng Mây
Ai nói với bạn ngọc ẩn ở đây mà tìm*

*- Đâm tiêu, nhớ tởi bụi ngùi,
Ngồi trong đám họ tường mùi rau răm
Ở người bạn cũ trăm năm
Quay tơ có nhớ nghĩa tầm hay không?
Đường trường không đi sao biết
Chuông không đánh sao kêu
Nghe lời anh phân giải bấy nhiêu
Khiến lòng em thắc thẻo¹ trăm chiều xót xa.*

*- Chiều chiều ra đứng đám ngò
Miệng kêu tay ngoắt, ới trò áo đen!
Áo đen bốn chéo cong vòng,
Từ nay em hỏi thiệt lòng anh thương ai?*

*- Trồng cây cũng muốn cây xanh
Kết duyên với bậu muốn thành phu thê.*

*- Trời mưa ba bốn bữa, mưa dầm
Thương em ruột héo gan bầm từng cơn.*

*- Một mình một liễu, một mai
Một duyên với nợ không ai dễ dành
Trăm cây quyết bẻ một nhành
Trăm nơi cũng muốn cho thành một nơi.*

¹ Thắc thẻo. thắc thớm, xoắn xang. bốn chôn. không yên lòng.

- Hai tay cầm ba trái dừa
Trái ăn, trái để, trái đưa cho chàng.
- Đi đâu không hướng không phương
Đợi ai mà đứng đón đường ngã ba?
- Qua kêu: Nam đáo nữ phòng
Người đừng khác họ đem lòng nhớ thương.
- Chàng ơi thiếp nói chàng nghe
Củ dừa cháy đượm, củ tre mau tàn.
- Đêm nằm gối xếp tay co
Lòng thương quân tử, ốm o, gầy còm.
- Ví dầu tình bậu muốn thôi
Bậu gieo tiếng dữ để rồi bậu ra
Bậu ra cho khỏi tay qua
Cái lưng bậu nát, cái da bậu mòn.
- Trời xanh xanh nước cũng xanh xanh
Trên non gió thổi, dưới gành sóng xao
Bấy lâu cách trở liễu đào
Chim trong lồng cũng thắm, cá dưới ao cũng sâu.
- Anh về Bình Định lâu ra
Bỏ cây rau sộp, lá già ai ăn?

- *Bình Định tỉnh, em còn ương yếu¹
 Quảng Ngãi thành, anh mắc² bán buôn
 Đường đi xuống biển lên nguồn
 Nhớ lời em dặn, chớ luông tuông³ bỏ em*

- *Bình Định có đá Vọng Phu
 Có đầm Thị Nại, có cù Lao Xanh
 Em về Bình Định cùng anh
 Được ăn bí đỏ nấu canh nước dừa.*

- *Anh đi đâu bỏ quạt loan châu
 Bỏ thương bỏ nhớ, bỏ sầu cho em.*

- *Hòn Ông đứng trước Hòn Bà
 Chồng cao vợ thấp đôi dà xứng đôi⁴.*

- *Vọng Phu thuộc dãy núi Bà
 Phước Sơn cao ngất gọi là Hòn Ông
 Phải chi đây vợ, đó chồng
 Gánh tương tư khỏi nặng lòng nước non.*

- *Bữa ăn có cá cùng canh
 Mà không mát dạ bằng anh với nàng.
 Ngó lên tượng Phật chùa vàng
 Tu thời đặng đó, bỏ nàng ai nuôi*

¹ Ương yếu (tiếng cổ địa phương): ốm yếu, đau yếu.

² Mắc (tiếng địa phương): bận việc.

³ Luông tuông: chơi bời quá trớn, không bị ai ràng buộc câu thúc gì.

⁴ Hòn Ông, Hòn Bà: thuộc huyện Vân Canh.

Thương cha, thương mẹ khôn nguôi
Bạn sao như nước chảy xuôi một bề
Không nên gia thất thì về
Ở đây chi nữa cho chúng chê, bạn cười
Bạc bầy đâu sánh với vàng mười
Mồ côi đâu sánh với người có cha
Than rằng người cũng như ta
Nước kia chảy biển, chảy đà cạn chưa?
Xăm xăm bước đến trường đua
Người khôn nói tiếng nghe vừa lỗ tai
Than rằng nhà xạc, cửa xài
Lấy chi đắp đổi lâu dài về sau.

- Thân em như chiếc thuyền tình
Mười hai bến nước biết lánh mình vào đâu
Thân em như chiếc thuyền câu
Mười hai bến nước biết đâu mà dò.
- Em chê anh nghèo đốn củi đốt than
Lòng anh quyết chắc không màng chuyện nói chơi
Anh trách em nói chẳng thiệt lời
Tỉ như giọt nước giữa trời mau tan.
- Con ông vua còn lấy đũa đốt than
Huống chi em bậu chê chàng bần nhơn¹
Nghèo như anh đây, có nghĩa cũng hơn
Giàu mà bạc nghĩa, phi nhơn cũng không thềm.

¹ Bần nhơn. người nghèo.

- Anh về Đập Đá đưa đồ
Trước đưa quan khách sau dò ý em.

- Hà Thanh¹ nước mãi trong xanh
Đèo Sơn² thăm mãi mỗi tình đôi ta
Sông sâu cầu đã bắc qua
Nén hương bên tháp gọi là đền ơn.

- Bên kia sông quê anh An Thái
Bên này sông quê gái An Vinh³
Thương nhau chung dạ chung tình
Cầu cha mẹ ứng thuận cho hai đứa mình lấy nhau.

- Đường lên An Lão cheo leo
Thương em anh mới băng đèo tới đây.

- Chử rằng xuân bất tái lai
Ngày nay hoa nở, ngày mai hoa tàn.
Mặc ai nay lựa mai hàng⁴
Xin anh đừng có phụ phàng vãi sô?
Thân em như rau muống dưới hồ
Nay chìm mai nổi biết ngày mô cho thành?

¹ Hà Thanh: tên con sông chảy qua huyện Tuy Phước.

² Đèo Sơn: phía tây thị xã Qui Nhơn.

³ An Vinh, An Thái thuộc huyện An Nhơn.

⁴ Hàng: tên gọi chung các thứ dệt bằng tơ tằm (còn vãi là những thứ dệt bằng sợi bông).

- Chim chuyền bụi ớt lú lo
Lòng thương em bầu¹ óm o gây mòn.

- Chó đâu chó sủa lỗ không
Chẳng thằng ăn trộm cũng ông đi đàng
Em mà thùy mị chững chàng
Nét na đứng đắn thế gian nào đồn.

- Cầm chài mà vãi lỗ tre
Cá không thấy cá lại nghe rách chài.
Cầm chài mà vãi xuống sông
Cá đâu không thấy, ngòi trông hết ngày.

- Một mình mình một bơ phờ,
Dựa cây, cây ngã, dựa bờ, bờ xiêu

- Gió đưa mười tám lá me
Mặt rõ hoa mè, xấu lắm em ơi!

- Trai không vợ như ghe không lái
Gái không chồng như ngựa không cương
Đôi ta mới ngộ tình thương
Dầu ai đem nhiều² đổi lương cũng đừng.

- Trăng tròn mười chín trăng lu
Trông anh như thể Vọng Phu trông chồng

¹ Có nơi hát: lòng thương quân tử...

² Nhiều. hàng dệt bằng tơ, quý giá, đắt tiền.

Lương: hàng dệt thưa bằng sợi tơ.

*Ngó ra Nam, Bắc, Tây, Đông
Thấy người thiên hạ mà không thấy chàng.*

- *Trời mưa cho lấp Suối Vàng¹
Suối Vàng không lấp, lấp đànghĩa nhân
Trồng trâu cấy choái trâu leo
Vợ cười chưa chắc, vợ theo chắc gì.*
- *Trăng rằm mười sáu trăng tròn
Củ lang đất rẫy đã ngon lại bùi
Lòng ta thương bậu không nguôi
Bậu sao như nước chảy xuôi một bề.*
- *Áo em rách lắm chàng ơi,
Chàng thương, chàng vá lành rồi mới theo.*
- *Gió đưa bụi chuổi nghiêng tàu
Tấm lành che tấm rách, đừng ham giàu bỏ em.*
- *Sơn cách, thủy cách
Tấm lòng em không cách,
Đường xa, truông xa, nhân nghĩa bậu không xa
Anh đi đâu cũng ghé vào nhà
Trước thăm phụ mẫu, sau là thăm em.*
- *Tối trời em dễ đếm sao
Mặt anh nhiều mụn chuốt bào sao trơn.*

¹ Suối Vàng (cũng gọi Suối Giàng): thuộc xã Hoài Sơn, Hoài Nhơn.

Lỡ duyên em phải ứng anh
Tiếc con tôm bạc nấu canh rau giền.

- Đừng mong củi mục bén riu
Lỡ duyên em chịu chẳng chiều anh đâu.
- Con cu bay bổng qua sông
Hỏi thăm chị đó có chồng hay chưa?
Có chồng năm ngoái ngày xưa
Năm nay chồng để cũng như chưa có chồng.
- Gái chưa chồng má hồng phơi phơi
Trai chưa vợ mặt tọ trái chanh
Ngó lên mây ám trời xanh
Ứng ai cũng vậy, ứng anh cho rồi.
- Anh về trồng chuối, nuôi chim
Tai nghe sáo trúc, đàn kìm, bỏ em!
- Trăng lên khỏi núi trăng mờ
Em có tang từ mẫu, biết anh chờ được không?
- Ai về nhắn với ông câu
Cá ăn không giết để lâu mất mồi
- Phải duyên nhất định em theo
Nào ai có quản khổ nghèo chi đâu.

- *"Nhơn tham tài tắc tử
Điểu tham thực tắc vong"¹
Làm người lánh đục tìm trong
Anh không hề có đa bừa bồng gạt em.*
- *Anh em cốt nhục đồng bào
Vợ chồng như áo mặc vào cởi ra*
- *Chồng giận thì vợ làm thỉnh
Vợ giận chồng hỏi rằng mình giận ai
Vợ rằng giận trúc, giận mai
Vợ chồng ai có giận ai bao giờ.*
- *Vợ chồng nghĩa nặng tình sâu
Thương nhau đến buổi bạc đầu càng thương.*
- *Ơn cha nghĩa mẹ cao dày
Tình chồng nghĩa vợ thảo ngay trọn đời.*
- *Ghe buồm trở lái về đông
Con gái có chồng bỏ mẹ ai nuôi?
Mẹ tôi đã có người nuôi
Tôi theo chú lái tôi xuôi một bề
Dù là chú lái có chê.
Tôi theo chú bạn² tôi về Đồng Nai
Đồng Nai sông nước giao kẻ
Kẻ đi có vợ người về có con.*

¹ Nhơn tham tài... hai câu chữ Hán có nghĩa là: người tham của thì chết, chim tham ăn thì chết.

² Bạn - người giúp việc trên ghe, thuyền.

- Đói lòng ăn trái khổ qua
Nuốt vô thì đắng nhả ra bạn cười
Bạn cười thì mặc bạn cười
Tháng năm đi cưới, tháng mười có con
Có con nên phải thua người
Mắc cho con bú, mắc cười với con.
- Có con hơn của anh ơi
Của như buổi chợ hợp rồi lại tan
Có vàng vàng chẳng hay phô
Có con con nói trầm trồ mẹ nghe.
- Con khôn cha mẹ nào răn
Gẫm như trái bưởi ai lăn nó tròn.
- Đường dài mới biết ngựa hay
Nuôi con mới biết ơn rày mẹ cha.
- Trèo non mới biết non cao
Nuôi con mới biết công lao mẹ thầy.
- Anh muốn tìm nguồn nước trong
Nên đi ngược dòng Sông Cái
Hay vì bị bùa ngải
Nên anh phải bỏ bãi lên nguồn
Thuyền anh dù thuận gió đi luôn
Đến đầu Thác Ngựa cũng phải cuốn buồm trở lui.
- Anh nói với em như riu chém xuống đá
Như rựa chém xuống đất

Như mật rót vào tai
Bây chừ anh đã nghe ai
Bỏ em giữ chốn non đồi khổ chưa?

- Cá nục gai bằng hai cá mực vụng
Vợ chồng nghĩa trọng
Nhân nghĩa tình thâm
Gặp nhau hôn hờ tay cầm, lời trao
Ơn cha nghĩa mẹ cao dày
Tình chồng nghĩa vợ thảo ngay trọn đời.
- Đáy dứt tình thương, đoạn trường thân thiết
Ôm sâu, chất thảm ngày đêm
Năm canh lẫn lộn, gối nghiêng một mình.
- Khóc hồ người, cười ra nước mắt
Vuốt mặt kêu trời, trời đã có hay
Chẳng qua duyên số tại ông trời dày
Đêm đêm tránh gió, ngày ngày hờn mưa.
- Kể từ khi em xách nón theo chồng
Con cá dưới sông nó khóc
Con chim trong rừng nó than
Kể tai thiệp dẫu nhỏ chàng
Buổi tiền duyên khôngặng đông sàng thì thôi
Chầu rày, em đã có đôi¹
Biết sao duyên mãi tình hồi nghĩa anh.

¹ Chầu rày: bây giờ.

- Em trải chiếc chiếu ra
Em ngồi một góc, anh ngồi một góc
Thiếp khóc, chàng than
Anh xa em vì bởi thế gian
Cho nên nước mắt nhỏ tràn năm canh
Giậm chân kêu thấu ông trời vàng
Kêu anh trở lại nhìn nàng thuở xưa
Mai mưa, trưa nắng, chiều râm
Em là thực nữ, có tâm đợi chờ
Khi vui chén rượu, con cò
Khi buồn hoa nở, còn chờ trăng thanh
Châu rày, em đã xa anh
Trăm hoa cũng héo, mười hành cũng khô
Biết ai tâm sự bây giờ
Cơm ăn không đắng, chỉ hồ dướng thân
Dang tay anh dứt châu trần
Ai xa có biết, ai gần có hay.

- Trông hường quên đây quên che
Tưởng là hường héo ai dè hường tươi
Trăm năm không bỏ nghĩa người
Chim kêu trên giậu, cá cười dưới ao
Thương người chẳng biết tính sao
Hoá con chim nhạn bên cầu kêu sương.

- Chữ tình càng tưởng càng thâm
Muốn pha khó lọt, muốn dầm khôn phai
Nhấn ai đừng có nghe ai

- *Giả đồ mua hẹ, bán hành
Đi ngang qua ngõ thăm anh kẻ buồn
Giả đồ buôn khế, bán chanh
Giả đi đòi nợ thăm anh đỡ buồn.*

- *Chiều chiều chim vịt kêu chiều
Cảm thương từ mẫu chín chiều ruột đau.*

- *Mẹ già như chuối chín cây
Gió đưa mẹ rụng, con rày mồ côi
Mồ côi tội lăm ai ơi
Đói cơm không ai đỡ, lỡ lời không ai thương!*

- *Lên chùa thấy Phật muốn tu
Về nhà thấy mẹ công phu chưa đến.*

- Trông cái thì để làm dưa
Con ai bây lớn¹ mà chưa có chồng?
Cải lên ba lá trở ngồng,
Ở vậy² nuôi mẹ, có chồng làm chi?*

- *Một mai con cá hóa rồng
Đền ơn cha mẹ bố³ công sinh thành
Những lo cha yếu mẹ già
Đặt lưng xuống chiếu trời đà trở canh.*

¹ Con ai bây lớn: con ai đã lớn như thế này.

² Ở vậy: ở như vậy, ý nói là không có chồng.

³ Bố: bù với.

- Có chồng ông nọ bà kia
Không chồng như thúng, như nia¹ bung vành
- Không chồng thiên hạ đồn hư
Có chồng biết bỏ mầu từ cho ai.
- Ngồi buồn nhớ mẹ, nhớ cha
Gối loan ai đỡ, khay trà ai bưng?
- Đói lòng ăn trái chà là
Để cơm nuôi mẹ, mẹ già yếu răng.
- Năm tiền con cá liệt xuôi²
Cũng mua choặng về nuôi mẹ già.
- Tay cầm rửa quéo cán xuôi³
Kiếm người có nghĩa về nuôi mẹ già.
- Mẹ già hai đứa nuôi chung
Đứa lo cơm áo, đứa lòng thuốc thang.
- Đôi ta đậu vón buồn chung
Đòn gánh anh vác, đôi thùng em mang
Ra đi có thiệp có chàng
Tảo tần nuôi mẹ, thanh nhàn mặc ai.

¹ Nia: đồ đan bằng tre như cái nong nhưng nhỏ hơn.

² Cá liệt xuôi: tên một thứ cá bé, thịt thơm, ít xương (còn cá liệt ngang thì nhiều xương).

³ Rửa quéo cán xuôi: một loại dao rửa cong đều, cán dài. Suôi là một loại cây như cây hèo, đốt nhật, cứng, thường dùng để làm cán rửa quéo.

- Lọng rách giờ xương, còn sườn cũng lọng
 Cha mẹ bên nào cũng trọng vừa hai
 Lên rừng tìm chút sữa nai
 Đền ơn nhạc mẫu sinh ai đầu lòng.
- Ôn cha núi ngất trời Tây
 Nghĩa mẹ lai láng nước đầy biển đông.
- Còn cha gót đỏ như son
 Đến khi cha chết, gót con đen sì.
- Đèo nào cao bằng đèo Cây Cốc¹
 Dốc nào ngược bằng dốc Mỹ Trang?
 Một tiếng anh than, hai hàng lụy² nhỏ
 Còn cha mẹ già biết bỏ cho ai!
- Thề xưa lời đã nặng lời
 Anh cố xa em đi nữa
 Nếu chẳng phải ý trời thì cũng khó xe
 Anh đi em ở lại nhà
 Biển sâu em lặn lội nuôi mẹ già đợi anh.
- Cầm cần câu cá ngược xuôi
 Nấu canh rau bọ mà nuôi mẹ già.
- Cha mẹ bên chồng như trời như biển
 Chị em bên chồng: nhóm kiến, đàn ong

¹ Đèo Cây Cốc: nằm giữa 2 làng Ân Hậu và Điều Tương thuộc huyện Hoài Ân.

² Lụy: lệ, nước mắt.

*Bao giờ dập dặng tổ ong
Phá tan nhóm kiến trong lòng mới vui.*

- *Cha mẹ giàu thì con thông thả
Cha mẹ nghèo con cả gian nan
Sáng mai lên núi đốt than
Chiều về xuống biển đào hang bắt còng.*
- *Con chim én Cù lao Chàm
Nó vượt bãi, ghềnh rồi liệng cái đông, tây
Nước miếng trong, nó làm tổ từng ngày
Nuôi con khôn lớn, tháng ngày đâu có kể công.*
- *Còn duyên mua thị, bán hồng
Hết duyên bán mít cho chồng gặm xơ
Gặm xơ rồi lại gặm cùi
Còn ba cái hạt dành lùi cho con.*
- *Gió đưa bụi chuối sau hè
Anh mê vợ nhỏ, bỏ bè con thơ
Con thơ tay ẩm, tay bông
Tay dắt mẹ chồng, đầu đội, vai mang.*
- *Mẹ cha là biển là trời
Phận con đâu dám cãi lời mẹ cha.*
- *Tai nghe mõ đánh Tân Kiều (?)
Mất em, anh kiếm suốt chiều hôm qua
Mất con, anh kiếm còn ra
Mất chút mẹ già, kiếm chẳng dặng đâu.*

- *Trái bồ hòn trong tròn ngoài méo
Trái sâu đầu (sâu đông) trong héo ngoài tươi
Anh ngồi trường học
Nghĩ tới chuyện nhà,
Mẹ anh thì già
Con anh thì đại
Vợ lại thai nghén
Mai kia nở nhụy, khai hoa
Miếng cơm, bát nước biết ai cậy nhờ.*
- *Trời mưa bong bóng phập phồng
Mẹ đi lấy chồng con ở với ai?*
- *Vô duyên lấy phải vợ già
Ăn cơm phải đứt: xin bà nuốt đi
Vô phúc lấy phải trẻ ranh
Vừa chơi vừa phá tung hoành tứ tung.*
- *Vợ chồng là nghĩa phu thê
Tay ấp, má kề, sinh tử có nhau.*
- *Vợ chồng nghĩa nặng tình sâu
Thương cho đến thuở bạc đầu vẫn thương.*
- *Mẹ ơi! Mẹ ở với con
Mẹ lấy chồng khác, bỏ con sao đành.*
- *Một mai con cá hóa rồng
Đền ơn cha mẹ, bỏ công sinh thành.*

PHỤ LỤC

I. NHỮNG CÂU HÁT KHÁNG CHIẾN CHỐNG GIẶC PHÁP, GIẶC MỸ

1. Chống giặc Pháp

- *Tiếng đồn con gái Định Quang¹
Tay bông tay bế ra đường đánh Tây.*
- *Cát Hanh Đất hẹp, công dày²
Có đồi núi Một chôn thây quân thù.*
- *Củ lang đất cát bụi bùi
Đánh đồn Tú Thủy bay mùi canh nông³*
- *Trách lòng con gái Trung Lương⁴
Ham mê súng lục, bỏ súng trường bơ vơ.*

¹ Thuộc huyện Vĩnh Thạch

² Thuộc huyện Phù Cát.

³ Thuộc huyện Bình Khê (nay là Tây Sơn).

⁴ Thuộc huyện Hoài Nhơn.

- Trời mưa ướt lá trâu vàng
Uớt em, em chịu, ướt vệ quốc đoàn em thương.
- Trời mưa chi khổ rửa trời
Uớt người vệ quốc không tôi, không nhà¹
- Trời mưa ướt ngọn mía mừng
Uớt em em chịu, ướt dân quân em buồn
- Nuôi quân ta nộ lúa vàng
Quân no đánh thắng, giết ngàn giặc Tây
- Qui Nhơn có biển, có cầu
Có phố Chú Chệt, có lầu ông Tây²
Thông ngôn, kí lục lắm thầy
Chân thì đi giày, tay thì ba toong
Vợ thì đánh phấn thoa son
Nước non còn mất, mất còn không hay.
- Tháp kia còn đứng đủ đôi³
Cầu kia đủ cặp hướng chi đôi đưa mình
Tháp trải nắng sương, cầu nường sắt đá
Dẫu người thiên hạ tiếng ngả lời nghiêng
Cao thâm đã chứng lòng nguyên
Còn cầu, còn tháp, còn người đánh Tây.

¹ Vệ quốc quân tên gọi người bộ đội chống Pháp, bảo vệ đất nước.

² Chú chệt: người Hoa kiều.

³ Chỉ Cầu Đôi, Tháp Đôi ở Tuy Phước.

- *Yến sào thêm ít hạt sen¹
 Chung với đường phèn bổ lắm anh ơi!
 Em khuyên anh đã cạn lời
 Giảm bông, bớt tét là mỗi thực dân
 Mùi quê hương thơm ngọt vô ngần
 Anh ham chi của thừa, của thái
 Mà anh đành bỏ nhân, bỏ ngãi
 Để đi làm thân tôi đòi?
 Cục lòng em lắm anh ơi!
 Nhìn trong tủi thẹn, trông ngoài xấu xa
 Để vào thì cũng để ra
 Anh về chung gánh nước nhà cùng em.*

- *Chém cha những đứa sang giàu
 Cây thân, cây thế, cúi đầu nịnh Tây.*

- *Trời cao thăm thẳm đất dày
 Bao giờ lính mộ sang Tây được về
 Vợ con thương nhớ ử ê
 Hỏi rằng sang đấy có về được không?*

- *Ai ơi đi lính cho Tây
 Con dại cả bầu bỏ lại ai nuôi?*

- *Chuyện đâu có chuyện lạ đời
 Quân đi theo giặc bắt người lành, ngay
 Nghìn năm nhớ mãi nhục này
 Theo Tây được bổng, đánh Tây bị tù.*

¹ Yến sào: sản vật nổi tiếng ở Qui Nhơn, Bình Định, Khánh Hòa.

- Ai về Tam Quan, ai lên Chợ Cát
 Nghe con trẻ hát hiu hắt chiều chiều
 Bao phen quạ nói với diều
 Tam Quan, Chợ Cát có nhiều xác Tây.

- Đồi cao báo hiệu bờ, đền
 Tàu vô kễng đánh leng keng liên hồi
 Tàu đi, ghe lại ra khơi
 Tàu vào ghe đã giấu, dờn từ lâu.

- Bom Tây đánh phá cầu đường
 Phá rồi ta lại sửa sang tức thì
 Hỏa xa đường chạy đúng kì¹
 Ngày thì im lặng, đêm thì âm vang.

- Vũng vàng tháp cổ ai xây?
 Bên kia Thủ Thiện, bên này Dương Long²
 Nước sông trong
 Dò lòng dâu bể
 Tiếng anh hùng đánh Pháp
 Tạc để nghìn thu
 Xa xa con én liệng mù
 Tiềm long hởi chốn vân du đợi ngày.

- Nuôi quân ta nộp lúa vàng
 Quân no đánh thắng giết ngàn giặc Tây.

¹ Trong thời kỳ kháng chiến chống giặc Pháp, Bình Định là vùng tự do, tàu hỏa vẫn còn chạy. Để tránh bom giặc Pháp, ban ngày tàu được cất giấu, chỉ chạy ban đêm.

² Hai tháp ở huyện Bình Khê (Tây Sơn).

- Một lòng theo ngọn cờ đào
Thề cùng bạch quý có tao không mảy¹.
- Ngày xưa đi lính cho Tây
Ngày nay vào vệ quốc đoàn phanh thây quân thù.
- Đòn Tây dù chắc, dù dày
Thuế nộp đủ đầy, đòn ắt phải tan

Về chống giặc Pháp đi càn²

Kể từ hăm một tháng chạp ta
 Thực dân khiêu chiến xảy ra bất thành linh
 Lúc sáu giờ nó khiến tướng tề binh
 Dàn hai mặt trận chống kinh quân ta.
 Mặt bên Eo gió ngó qua
 Mặt từ đèo Dốc Dáng cấp mà tấn công
 Lúc mười giờ nó mới xung phong
 Ca-nông bắn xuống Trường Công, Cây Dừa
 Bắn sớm mai cho chí tới trưa
 Đạn bay lúu rú như mưa trên đầu
 Đồng bào ta cứ tưởng như bấy lâu
 Đạn mỗi ngày nó bắn xong rồi lại tan

¹ Bạch quý: bọn Pháp xâm lược da trắng.

² Bài về này kể lại cuộc chống giặc Pháp đi càn của quân dân xã Định Quang, huyện Vĩnh Thạnh cuối năm 1953 đầu năm 1954.

Nào hay nó tràn xuống Định Quang
Liên thanh nó quật tan hoang cửa nhà
Vờ hô khẩu hiệu quân ta
Đồng bào tưởng bộ đội chạy ra thiệt nhiều
Cho nên bị lửa giặc giết thiêu
Kẻ lạc chồng, người lạc vợ than kêu thấu trời
Lúa gạo không biết bao nhiêu
Bấp bấp cấp sự cháy thiêu đen mò
Nhiều tên nó lại lừa bò
Vừa ra khỏi chợ lần dò lên non(?)
Bà già, con trẻ không thềm
Hễ thấy phụ nữ thì bắt đem vô rừng
Xóm trên, xóm dưới rừng rừng
Bà con cầm tức phùng phùng lá gan
Bộ đội ta đóng dưới Định Quang
Rút lên đánh địch, dàn hàng ngang đầu đèo
Đạn thù bắn tóe như reo
Ngờ đâu bộ đội nép đèo giật bom
Ầm ầm mấy quả tiêu tan
Pháp thua, Pháp chạy, Pháp hàng thiệt hung
Tám mươi thằng Pháp nằm chung
Từ nay mới biết anh hùng chiến chinh
Quân ta vốn thiệt hy sinh¹
Phá cầu, ngăn suối, Pháp giật mình rút lui
Kể cho rõ hết đầu đuôi
Quê ta đánh, Pháp rút lui chạy dài.

¹ Ý nói bộ đội ta dũng cảm, quên mình không sợ chết.

- *Hòn sương không thấp không cao²
Đã từng là chốn anh hào lập thân
Kìa ai áo vải cứu dân
Kìa ai ba thước gươm trần chống Tây
Chuyện đời thành bại, rủi may
Hòn sương cây trái, đã xây bao sơn.*
- *Anh đi em cũng xin đi
Anh đi vệ quốc, em thì cứu thương
Đôi ta ra giữa chiến trường
Chung phần chiến đấu, giữ gìn tự do.*
- *Cha đời mấy đứa theo Tây
Mồ ông, mả bố, Tây dày biết chưa?*
- *Chiều tà bóng ngả nường dâu
Vịn cành, bẻ lá em sầu duyên tơ
Tiếc công năm đời tháng chờ
Tưởng chàng có nghĩa ai ngờ theo Tây
Vùi thân trong đám bùn lầy
Nước nào rửa sạch nhục này chàng ơi*
- *Con ơi, giữ trọn lời thề
Tự do, độc lập, không nể hy sinh.*
- *Em về thưa mẹ cùng cha
Anh vào bộ đội, mai ra chiến trường*

² Tục danh của núi Trung Sơn, thôn Phú Lạc, huyện Bình Khê (Tây Sơn), nơi Mai Xuân Thưởng đã lập chiến khu chống Pháp.

*Anh đi bảo vệ biên cương
Mai này đất nước huy hoàng có nhau.*

*- Từ ngày anh đi lính Tây
Tiền Tây em không chuộng, bạc Tây em không màng.
Ở nhà cơm hầm, muối rang
Bữa ăn có thiếp, có chàng vẫn vui
Anh đi, bỏ mẹ ai nuôi
Con thơ nó khóc ngùi ngùi thảm chưa!
Anh ra đi, làng xóm chẳng ai đưa
Con thơ, vợ dại nói chưa hết lời
Anh đi mặt biển chân trời
Biết rồi có đặng sống đời cùng nhau.*

*- Muốn xây độc lập, tự do
Phải góp đảm phụ, phải lo quốc phòng
Giàu góp của, khó góp công
Máu xương không tiếc, năm đồng tiếc chi!¹*

*- Sông Lại Giang ai mà tát cạn
Rừng An Lão, ai đẵn hết cây
Anh mà đi với thằng Tây
Em đành phải dứt hết dây nghĩa tình.*

*- Tham chi đồng bạc của Tây
Mà đi lính nguy bỏ bầy em thơ.*

¹ Trong kháng chiến chống Pháp (1946 - 1954) mỗi suất tiền "(Đảm phụ quốc phòng)" là 5 đồng, tiền tín phiếu lúc bấy giờ (ở Liên khu 5).

- Thấy em cuốc cuốc, cào cào
Dừng chân anh hỏi: được bao nhiêu hầm
Mồ hôi vai áo ướt đầm
Thương em sức yếu mà cũng đào hầm cắm chông.

- Tiếng anh người có học
Sao anh chẳng nghĩ, chẳng suy
Tây sang, anh đi lính làm chi
Xa cha, lìa mẹ, còn gì chữ ân!
Anh ơi, nghe lấy lời em phân
Đừng đi lính nguy bỏ thân xứ người.

Bài về hiệu triệu toàn dân chuẩn bị toàn quốc chống thực dân Pháp xâm lược năm 1946¹

Máy lời tâm huyết
Cùng với đồng bào
Từ thấp đến cao
Từ già đến trẻ
Từ các đoàn thể
Cho đến cá nhân
Từ bạn thường dân
Cho đến bộ đội.

¹ Bài về này đã đăng trên báo *Cựu chiến binh* số 111 - 1996. Bài về này không biết có được phổ biến ở nhiều nơi hay không chúng tôi chưa rõ. Nhưng thấy đây là tư liệu hiếm có, đặc biệt, nên chúng tôi chọn đưa vào đây để tham khảo, lưu giữ.

Từ kẻ phản bội
Đến người trung thành
Từ bậc đàn anh
Đến người em út
Cùng nhau chung sức
Giúp đỡ lẫn nhau
Đừng kẻ kẻ giàu
Đừng phân tôn giáo
Đừng kẻ mạnh yếu
Đừng luận gái trai
Phải quyết một bài
Toàn dân kháng chiến
Nước ta Nam Việt
Ở đất Á Đông
Con Tiên, cháu Rồng
Da vàng một giống
Vốn có truyền thống
Từ trước đến nay
Bốn ngàn năm rày
Một nước văn hóa
So với thiên hạ
Ta kém ai đâu
Cũng khối óc đầu
Cũng bầu máu nóng
Bấy lâu phải sống
Dưới ách thực dân
Chính sách ngu dân
Chia ra để trị
Làm cho ghen tị
Bên giáo bên lương

Dắt đi lạc đường
Phái tân phái cựu
Lại lập chính phủ
Tự trị Nam Kỳ
Dụ dân thiếu số
Nó phỉnh nó dối
Nhưng kẻ nhẹ lòng
Nó luôn ở trong
Để mà chia rẽ
Dọa trước dỗ sau
Nó sắp đủ màu
Thương thuyết đình chiến
Rồi đem binh viện
Sang đánh Nam Kỳ
Thấy chẳng xong chi
Nó ký hiệp định
Đem quân vào dân
Thay thế Hoa quân¹
Giữ gìn trật tự
Được chỗ căn cứ
Nó lại tung hoành
Nó đánh xung quanh
Nam phần Trung Bộ
Tìm cách khủng bố
Phan Thiết, Nha Trang.
Nó lại la làng
Rằng ta khiêu khích.
Khi không thể địch

¹ Hoa quân: quân Trung Hoa của Tưởng Giới Thạch.

Đại chúng toàn dân
Nó lại mưu lần
Tạm ước sơ bộ
Chúng ta nhượng bộ
Lấy nghĩa bang giao
Chúng ta hô hào
Pháp Nam hiệp tác
Thế mà lũ mặt
Chưa hết lòng tham
Cứ thẳng tay làm
Đòi chiếm quan thuế.
Thề không cam chịu
Anh chị em ơi
Toàn dân một khối
Bộ đội, lao công
Phụ nữ, nhi đồng
Nông dân, phụ lão
Công giáo, Phật giáo
Dân vệ, công an
Chuẩn bị sẵn sàng
Đợi lệnh chính phủ
Dù cho nó đủ
Lực lượng chi chi
Kháng chiến trường kỳ
Nó cũng phải khiếp
Nổi lên một hiệp
Đánh mãi, đánh hoài
Đánh cho chết toi
Cả quân giả dối
Tìm năm cơ hội

*Đề tiến bước lên
Giữ mãi vững bền
Việt Nam độc lập
Xây nên giàu mạnh
Sánh kịp năm châu.*

2. Chống giặc Mỹ

- *Chúng ta chỉ có lời này
Thề cùng giặc Mỹ có mày không tao
Một lời chém tựa nhát dao
Thề cùng giặc Mỹ có tao không mày.*
- *Vì ai nên vợ xa chồng?
Dân cây xa ruộng, đồn đông xa kèo¹?
Vì ai làng xóm quanh hiu?
Khăn tang trắng xóm chợ chiều buồn tênh²*
- *Vì phường Mỹ - Diêm hôi tanh
Giết người, cướp của dân mình xác xơ.*
- *Con kiến mà leo cành đa
Leo phải cành cụt, leo ra leo vào
Thằng Mỹ mà đến làng tao
Gặp chông du kích có vào, không ra.*

¹ Đồn đông: xà nhà.

² Chợ chiều: chợ Tam Quan nhóm vào buổi chiều nên thường gọi là chợ chiều.

- *Bình Định có tiếng đánh Tây
Có gan đánh Mỹ, phá vây mấy lần
Đèo Nhong, Mỹ Ngụ tan tành.
Thịt xương bón gốc cây xanh núi đồi.*

- *Làng ta chỉ một giếng nước trong¹
Giặc vào lấn chiếm những mong khuấy bừa
Giếng nước trong quyết không thể đục
Giặc Mỹ vào đánh gục chẳng tha
Quyết tâm bám đất giữ nhà
Giặc vô tan xác, giặc ra bỏ đời.*

- *Địch rào, dân rộng, khó rào²
Dân rào, địch hẹp, lối nào chúng ra
Địch vào càn quét thôn ta
Khi vô giày bó, khi ra "võng điều"³.*

- *Hột gạo em cần làm đôi
Nửa nuôi bộ đội, nửa nuôi mẹ già
Địch càn địch phá quê ta
Lát khoai, củ sắn đậm đà có nhau
Tình cá nước, nghĩa đồng bào
Chung lòng diệt Mỹ, trước sau vẹn toàn
Dù cho nước chảy, đá mòn
Hết còn giặc Mỹ, em còn nuôi quân.*

¹ Giếng nước trong: giếng Truong, thuộc xã Tam Quan bắc ngày nay. Cả xã chỉ có một giếng nước ngọt.

² Rào: địch rào làng, gom dân.

³ Võng điều: ý nói khi địch vào thôn xã càn quét thì chân đi giày bó. Nhưng vào làng bị sập hầm chông, không đi được, phải dùng võng để khiêng ra.

- Tháng giêng dọn dầy cuốc rà
 Tỉa bắp, tỉa đậu, trồng cà, trồng rau
 Tháng hai khoai sắn xanh màu
 Dừa non sai quả, bí bầu trở hoa
 Tháng ba phát rẫy rừng già
 Khoai bùi, bắp ngọt, canh cà, đậu tương
 Tháng tư đốt rẫy dọn nương
 Bắp chen lúa sớm trên sườn non cao
 Tháng năm trỉa lúa mùa sau
 Thệt rừng, mật núi, canh rau ngọt ngào
 Chín, mười chim gọi xôn xao
 Bắp dâng quả nặng, lúa trao hạt vàng
 Vui mùa cơm mới cơ quan
 Heo bầy chắt ngô, gà đàn đầy sân
 Ăn mừng thành tích cuối năm
 Vui thay sản xuất tăng năng suất nhiều
 Năm sau quyết vượt chỉ tiêu
 Ăn no thắng Mỹ hơn nhiều năm nay.

- Giận nhau hôm nào hôm nao
 Gặp nhau câu hỏi tiếng chào cũng không
 Hôm nay Mỹ đến bờ sông
 Cho em mượn súng tự đứng em cười.

- Gió đẩy đưa giọt mưa uồn éo
 Tiễn anh lên đường lòng em héo lại tươi
 Anh đi chim hót, hoa cười
 Đánh tan Mỹ Ngụy ta mới trọn đời bên nhau.

- Em về quê mẹ khu đồng
Xưa là cát trắng, nay đồng lúa xanh
Đồng xuân gôi vù, xen canh
Sắn, khoai em xắt để dành nuôi quân.
- Gạo ta già đã chín chày
Còn một chày nữa buông tay được nào
Đánh cho Mỹ cút Ngụy nhào
Bình Định ta một dải cờ đào tung bay
- Đã là cây bách, cây tùng
Nắng mưa đâu quản bão dông đâu sờn
Đã rằng vì nước vì dân
Còn quân giặc Mỹ ta còn ra đi.
- Rẫy phía bắc giăng giây
Rẫy phía nam treo mō
Liên hồi mō đánh, giây rung
Giữ cho giặc Mỹ đi lòng khó vô,
- Ông vui thối bẻ rền dao
Bà mừng ra chặt tre vào vót chông
Phen này giết Mỹ lập công
Thì ra bà cũng một lòng như ông.
- O chú, o bác!
Ná này gặp Mĩ không tha
Dao này ta chặt quốc gia mấy thằng
Bu lông (?) do thám cắt rừng
Ta phải coi chừng cài bẫy, cấm chông.

- *Cây xanh thì lá cũng xanh
Muốn cho quân mình lớn mạnh thắng to
Ai ơi đóng góp chung lo
Đảm phụ giải phóng giữ cho vẹn tròn.*
- *Mừng xuân con én liệng vòng
Hậu phương em gửi khăn hồng tặng ai?
Khăn hồng gửi tặng chàng trai
Dũng sĩ diệt Mỹ ngực cài hoa xuân.*
- *Em tôi vừa chẵn đôi mươi
Tôi đùa: "Cô út có người yêu chưa?"
Nó rằng: "Anh thiệt là xưa
Nếu còn giặc Mỹ, em chưa kia mà!"*
- *Chồng đem mìn đặt đầu làng
Dây mìn vợ nới dưới hàng tre xanh
Thằng con hốt đất phủ quanh
Chỉ đường xe giặc, mẹ thành chỉ huy
Cả nhà giăng lưới bủa vùi
Cả làng là một thành trì thép gang.*
- *Đẹp hơn cả cánh "polang"¹
Tươi hơn sắc "konốt" trên ngàn ngậm sương
Mùa hoa diệt Mỹ quê hương
Thì nhau nở rộ chiến trường An Khê.*
- *Con sáo là sáo đen tuyền
Nó nhún cánh thấp, nó nhảy cánh cao*

¹ Hoa "polang" và hoa "konốt" là 2 loại hoa đẹp ở vùng núi rừng Tây Nguyên.

Gặp anh du kích nó chào:
Tiết trời nay đã chuyển vào mùa khô
Phen này anh lập công to
Sáo em sẽ hát líu lo tặng mừng.

- Hào giao thông từ Đông sang Bắc
Quân du kích đi tắt về ngang
Tới lui ẩn hiện như thần
Xuyên hông tập kích chặn đường tấn công
Quân ta đi gió về đông
Hào sâu lũy sắt thành đồng của ta.

- Cây xanh thì lá mới xanh
Mỹ vào cướp nước nhà anh còn gì.
Nước nhà gặp lúc biến nguy
Tòng quân giết giặc còn chi vinh bằng.

- Hôm qua giải phóng về làng
Đang đi giữa đàng gặp trận mưa to
Cơm chiều má chẳng ăn no
Nhìn con lòng má tơ vò xốn xang.

- Con đường diệt Mỹ đêm nay
Trăm sông ngàn suối chở đầy ánh sao
Lòng vui sóng vỗ dập dào
Dân công bộ đội theo nhau nối hàng
Súng to, súng nhỏ rộn ràng
Con trai, con gái từng đoàn tiến lên.

- Con bà bà gả cho ai?
Con tôi tôi gả cho trai Chương Hòa¹
Gan lì, mưu trí, tài ba
Biến đường quốc lộ thành mồ ma, Huê Kỳ.
- Đêm trắng tải đạn chiến trường
Gặp anh giải phóng trên đường hành quân
Cùng anh đi giữ mùa xuân
Nghe giòn súng trận bước chân điệp trùng
Anh ơi đánh giặc khắp vùng
Có em tải đạn đứng chung chiến hào.
- Trai Hoài Nhơn vừa gan, vừa khỏe
Gái Hoài Nhơn mạnh dẻo đảm đang
Qua sông vượt suối băng ngàn
Cánh thương cùng giỏi, tải hàng cũng hăng.
- Róc ra rách rách
Nước ngập đường trơn
Đường trơn thì mặc đường trơn
Gió mưa chẳng quản, pháo bom em chẳng sờn
- Tay nào lại nỡ cắt tay
Ai đành đi lính, chia hai nước mình
Bóng thường đeo sát với hình
Ai đành đi lính, cắt tình Bắc Nam.
- Xóm nào cũng giống quê anh
Hàng cau bụi chuối, dừa xanh quanh nhà

¹ Thuộc xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn.

Mồ hôi nước mắt đổ ra
Công lao xây dựng, ông cha đã từng.

- *Đừng nghe bọn Mỹ bắt nạt
Đạn lên nòng đừng nổ, lửa cuồn cuộn đừng bùng
Suối nào chẳng chảy về sông
Quê hương yêu dấu đang mong anh về.*
- *Trông trâu thả lộn dây tiêu
Con đi lính nguy, mẹ liễu không con
Mẹ đây năm tháng mỗi mòn
Xa trời, gần đất cây còn có con
Làm trai có nước, có non
Như chim có tổ sao con không về?*
- *Chông tre còn biết giữ làng
Con người sao lại đi mang súng thù
Gây chi oán hận nghìn thu
Súng thù hãy bắn lại thù lập công.*
- *Mấy đời bánh đúc có xương
Mấy đời giặc Mỹ mà thương dân mình
Anh chị em ơi, hãy cùng nhau đoàn kết đấu tranh
Quyết giương cao ngọn cờ cứu nước
Dù gian khổ hy sinh nào sòn.*
- *Xếp chiếc áo trắng tình đậm tình chồng vợ
Sửa lại chiếc gối chung tình lòng nặng nợ bách niên
Anh ơi, chớ đem thân đi lính cho giặc Mỹ,
em Nhớ, em phiên.*

*Cầm súng thù bắn vào đồng loại rẽ môi tơ duyên
sao đành.*

- *Anh đi đốt phá nhà người.
Nhà anh giặc đốt, anh cười sao đang?*
- *Chớ ham lương lớn, quyền cao
Bỏ nhà vào lính, vợ sâu con thương
Đem thân ra bỏ chiến trường
Làm bia đỡ đạn cho phường xâm lăng.*
- *Mỹ khoe "đẹp" nhất trần gian
Đẹp như mặt quỷ sa tăng giết người
Mỹ khoe "mạnh" nhất trần đời
Mạnh hơn kẻ cướp bị xơi như đòn.*
- *Cú sợ mặt trời, dơi sợ ánh sáng
Còn Ngô tổng thống thì sợ hiệp thương
Quanh co dối trá đủ đường
Điều ngoa, lường gạt như phường sở Khanh.*
- *Con qua nó đâu càn cao
Nó kêu qua qua, Mỹ nhào hố chông
Hoảng hồn, lính Mỹ chạy rông
Bỏ quan thầy Mỹ chống mông mà gào.*
- *"Bình Định cấp tốc" là chi?
Nhưng điều trông thấy mà suy cho cùng
Là nghề đi quét, đi lũng*

Hăm he em nhỏ, hành hung bà già
Thừa cơ bẻ bẻ, bắt gà
Bị du kích đánh, thành ma thúì rình.

- Mỹ khoe Mỹ lắm máy bay
Tao giăng lưới lửa nát thây cả đàn
Ngụy khoe đạn triệu, súng ngàn
Thì tao lựu đạn, chông bàn, đập lòi
Mỹ khoe đồn bốn mươi mốt
Võ trang binh vận tao moi ruột mảy
Ngụy khoe tàu chiến thép dày
Tao nã đại bác chôn thây "đầu bằng"
Mỹ khoe thiết giáp, xe tăng
Tao cho mìn nổ thổi băng "nồi đồng"
Ngụy khoe tướng hổ binh hùng
Thì tao có trái tim hồng Việt Nam.

- Xơ em đem bán chợ Cầu¹
Em nhịn ăn trâu may áo cho ai
Nước dừa nhuộm áo không phai
Đẹp anh giải phóng, đẹp ai, đẹp mình.

- Tam Quan tốt đất lắm dừa
Mỹ vào Mỹ chặt chẳng chừa một cây
Ai ơi nhớ lấy thù này
Đánh cho giặc Mỹ phơi thây xóm làng.

- Đẹp gì súng Mỹ anh mang
Mà đi đốt phá xóm làng hỡi anh?

¹ Chợ Cầu ở Cầu Lợi, Tam Quan, Hoài Nhơn, nơi bán xơ dừa, dây dừa.

- Dân Bình Định như hòn đá trên non
Trời lay không chuyển, gió lòn không xuê
Nó xúc bên này, nó đổ bên tê¹
Phá rào, vượt lối ta về làng ta.
- Mỹ thua, Mỹ rút về Mỹ
Lính cộng hòa thua
Lính cộng hòa rút về đâu?
- Sông Kôn nước chảy xuôi dòng
Anh theo giặc Mỹ mà lòng em đau
- Đola Mỹ, máu đồng bào
Bên tiền, bên nghĩa, bên nào nặng cân
Đola Mỹ, máu nhân dân
Bên tiền, bên nghĩa anh phân đảng nào?
- Khu Đông gạo trắng nước trong²
Giặc Mỹ vào đó đừng mong đường về
- Bụi tre, gốc khế, ngọn dừa³
Cùng dân bám trụ, sớm trưa diệt thù.

¹ Câu này phản ánh việc nhân dân phá ấp chiến lược của Mỹ Ngụy.

² Khu Đông: căn cứ chống Mỹ gồm các xã vùng Đông An Nhơn, Tuy Phước.

³ Thời chống Mỹ, để tránh giặc, du kích một số nơi leo lên ngọn dừa, chuyển từ ngọn dừa này sang ngọn dừa khác bằng cách bám vào các tàu lá dừa.

II. DÂN CA Ở TÂY NGUYÊN¹

1. Dân tộc Jrai

Đất nước ta

*Kìa mênh mông bãi sông Ba
Kìa bằng phẳng bãi sông Ayun²
Kìa xem làng ta bát ngát
Các cô gái trong Pơlơ³
Muốn mời đi xúc
Muốn giục đi tát
Muốn gọi đi câu
Muốn rủ nhau đánh lười
Muốn rủ người chặt cây pôm⁴
Muốn gọi đi đập cây cỏ kơnh⁵*

¹ Những bài này đều được trích chọn trong cuốn "Văn học dân gian Gia Lai" do đồng chí Vũ Ngọc Bình (chủ biên) cùng các tác giả Nguyễn Chí Bôn, Đào Huy Quyền, Nguyễn Minh San, Roman Del tham gia - Sở Văn hóa Thông tin Gia Lai ấn hành năm 1996. Vì không biết cụ thể địa chỉ của tác giả nên chưa xin phép tác giả được. Rất mong được thông cảm, lượng thứ.

² Ayun: một nhánh của sông Ba, chảy qua huyện Ajunpa, tỉnh Gia Lai.

³ Pơlơ: làng của người Jrai.

^{4,5} Pôm, Kơnh: cây dùng để thuốc cá dưới suối, sông.

*Muốn gọi đi đắp bờ
Muốn gọi đi mò cá.
Ôi, đẹp quá, đất nước của ta.*

*(Dân ca Tây Nguyên, Nguyễn Quang Nhơn biên soạn
và giới thiệu - Nhà xuất bản Văn hoá, 1986).*

Mùa hè

*Ánh nắng mùa hè đẹp
Ánh nắng toả khắp nơi nơi
Lá rơi xào xạc
Lá dạt, ngọn tre
Kìa con chim Còlôôc hát
Kìa con chim Taovao ca!*

*(Rơ Chăm Jờn ghi, Võ Quang Nhơn dịch,
Dân ca Tây Nguyên, Nhà xuất bản Văn hoá, 1986).*

Nhớ rau muống

*Ta nhớ rau muống, em Đai!
Ta đã mệt vì cái lá sắn
Hãy mạnh tay cuốc, em Đai!
Hãy đi bẻ gậy chọc?
Ta đi vòng ruộng chị Hơ Róc, em Đai!
Ta hãy đi men theo suối
Kìa rầy bác Minh Sơn, em Đai!*

*Ta đi mò con cua!
Ta đi đánh con cá quả
Ta đi dụ con cá trê
Nhanh nhanh ta lấy cái rô
Ta đi xúc con tép.*

*Ta đi lòng tìm khoai mài, em Đai!
Ta giúp nhau trồng trọt "tự túc"
Ta đi phấn khởi gùi gạo, em Đai!
Ta cố gắng gỡ thóc!*

(Rơ Chăm Jôn hát, Võ Quang Nhơn dịch, *Dân ca
Tây Nguyên*, Nhà xuất bản Văn hoá, 1986).

Đuổi chim Nghe

*Tờ mờ sáng thấy trời mịt mù
Nhìn hai bên đường, thấy rữ nước sương
Ta đi giữ rẫy từ sáng sớm
- Hỡi chim! Đừng ăn hạt lúa
Đừng phá mùa màng ta đang chín vàng!
Mùa đông sắp qua
Mùa hè sắp đến
Nhìn xa thấy núi HDung
Nhìn gần thấy sông Mơ Lã
Thấy sông Gíp đang chảy qua thác nước từ ngàn xưa.
Làng Chũ Ti Ta, ta quyết giữ
Tỉnh Plei Ku - ta, ta quyết bám
Người người ta quyết giữ, ta quyết tâm*

*Gìn giữ dòng họ ta
Anh em Jrai, Ê Đê, Bahnar
Đất nước ta là một khối
Cho đến tận cùng Tây Nguyên
Nghìn năm không trôi
Nghìn năm không quên
Bao ngày không đếm
Bao đêm không tính
Đất đai rừng núi ta vẫn thống nhất
- Hỡi chim! Đừng ăn hột lúa
Đừng phá mùa màng ta đang chín vàng...*

(Rơ Chăm Jờn hát, Võ Quang Nhơn dịch, *Dân ca Tây Nguyên*, Nhà xuất bản Văn hoá, 1986).

Ruộng cô em

*Ruộng cô em
Cỏ mọc bên nước
Nứt nẻ khô kiệt
Chẳng thiết đào nương
Chẳng buồn tháo nước
Chẳng được đắp bờ
Cỏ xanh lại mọc.
Lại mọc lúa Bia
Lại mọc lúa Ti ố
Đâm chồi lúa Hoang
Giống lúa lá cong
Giống lúa mây hạt
Giống lúa cao mình*

*Đám bông nảy hoa.
Gió đưa xào xạc
Gió cuốn bụi bay
Ngỡ ai đập gậy
Ngỡ ai tung vĩ
Cho đàn trâu ăn
Chiều chiều trâu tắm...*

(Võ Quang Nhơn sưu tầm và dịch,
Dân ca Tây Nguyên, Nhà xuất bản Văn hoá, 1986).

Bài ca đi rừng

*Con gà rừng quay
Con gà làng chạy
Dậy chặt cho cô em cái thang đứng¹
Đi đèo cho em cái thang goòng
Gần đường ngôi mộ cũ
Bên đường ngôi mộ mới
Đường cây đa gãy
Đường con cá quay ngược
Con cá đặng bơi xuôi.*

*Gặp năm ở rồi
Đưa cô em đi hái lá²
Dẫn cô em đi chặt trúc³*

¹ Thang đứng: thang bắc ở đầu sàn nhà, để đi từ dưới đất lên nhà.

² Lá: lá tươi bỏ vào ché rượu cần, trước khi đổ nước vào uống.

³ Trúc: làm cần, cho vào ché rượu để hút uống trong dịp lễ lộc hội hè.

*Lên đỉnh non cao lấy ống trúc to
Xuống lưng đất thấp lấy ống trúc bé
Kề chỗ cây pang
Ngang chỗ con nước Khăm
Nhằm chỗ dòng nước Múc
Giữ cô em đã nên lời
Mời cô em đã ưng bụng!*

(Võ Quang Nhơn, *Dân ca Tây Nguyên*,
Nhà xuất bản Văn hoá, in lần 2, 1986)

Khóc Kam Thương¹

*Tôi khóc rả rích thương Kam Thương
Mày húc cây kích bằng được
Mày húc cây tơng đến nghiêng
Mày húc cây cho đến bật
Mày quờ bắt dây
Ở đâu, các anh để Kam Thương?
Ở Tong Drong, chúng tôi để ở Tong Drong.
Ở đâu, các anh cất Kam Thương?
Ở nguồn kak, chúng tôi cất ở nguồn Kak.
Ở đâu, các anh cất chơ nác² Kam Thương?
Tại nguồn Drang, chúng tôi để tại nguồn Drang
Ở đâu, các anh cất vuông³ Kam Thương?
Tại thác Hlinh, chúng tôi cất tại thác Hlinh.*

¹ Kam Thương: tên một con voi.

² Chơ nác: cái dòng điều khiển voi.

³ Vuông: bành voi.

*Ở đâu, các anh cất kơ ninh¹ Kam Thơng?
Tại nguồn Tul, chúng tôi cất tại nguồn Tul
Ở đâu các anh để Kul² Kam Thơng?
Tại nguồn Hliêo, chúng tôi cất tại nguồn Hliêo.*

Nguyễn Đỗ, Siu Pơi sưu tầm
(Dân ca Jrai, Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, 1993)

Bài ca Diỡ Diung

Bộc Rơ:

*Hỡi chàng Diỡ Diung!
Bạn tên, bạn ná của chàng Dung HMeng
Đứng lên hỡi chàng Diỡ Diung, Dung HMeng!
Đứng lên ta đi đánh giặc!
Ta đánh thần Bão, thần Sấm Sét
Đánh cho khiên gằm
Đánh cho kiếm réo
Đứng lên đi!
Đi chạm mây nhỏ
Đi độ mây to
Ta đánh gió, đánh mưa.
Ta đánh cho tan tàn, làng mạc, xứ xang!*

Ơi Diê:

*Hỡi Diỡ Diung, Dung HMeng!
Các con hãy về cho yên*

¹ Kơ ninh: cái xích chân voi.

² Kul: cái móc làm bằng đồng ở mũi dòn (?)

*Các con hãy về cho tốt lành!
Chớ đánh nhau nữa!
Về trong làng, trong buôn
Các con hãy nghe ngóng, nghe chừng
Hãy dân làng giết heo, mổ trâu
Làm lễ cúng, lễ cầu
Thì các con chớ ăn cơm
Chỉ ăn thịt lợn, với thịt trâu!...
(Đam Drang đang nằm ngủ
Trên chiếc võng đu đưa
Ở nơi cuối tầng trời)*

Diờ Diung:

*Hỡi Đam Drang
Ta là Diờ, Diung HMeng
Kéo đến đánh mi đây!
Ta đang đánh nhau với thần Bão, thần Sấm
Trời cũng phải ngán, bắt ta dừng lại
Giờ bạn hãy đợi ta một chút.
Gây chuyện đánh nhau là điều thích thú của ta
Nhưng lúc này ta chẳng muốn!
Giờ đây ta có ý muốn
Đi thăm viếng các làng buôn
Đi khắp các miền đất nước
Ta cùng cất bước, hãy chia nhau đi
Bạn đi về phía người Trung
Ta đi về phía người Jrai, Bahnar...
Hỡi Đam Drang!
Hãy nghe lấy lời ta hời, ta gọi!*

(Võ Quang Nhơn sưu tầm và dịch).

Anh đừng bỏ em

Lời 1:

*Mẹ tỏ vẻ không ưa
Ba có ý không ưng
Em của em tỏ vẻ không bằng lòng
Họ hàng nhà em không thích.*

Lời 2:

*Cứ như thế này, anh nghĩ sao?
Nếu đôi ta thương nhau thì thương cho tròn
Nếu ta làm nương thì làm cho thành
Nếu đã thành vợ chồng thì phải trọn tình duyên.*

Lời 3:

*Tình ta sẽ không ai ngăn nổi
Em yêu anh tha thiết hết lòng
Em muốn ôm anh như gà ấp trứng
Mối tình ta quẩn quýt bên em.*

Lời 4:

*Nếu anh mời em đi hướng Tây
Nếu anh rủ em đi hướng Đông
Em cứ lấy anh làm chồng
VẬY mới thoả lòng mong nhớ.*

Sưu tầm và ghi âm: Lều Kim Thanh
Phòng dịch: Rơmal Deh.

Hát gọi người tình

Lời 1:

*Ơi em thân yêu
Hỡi em thân yêu
Làm sao có thể
Làm sao như thế này
Nếu có lòng với anh
Suối đục sẽ trong xanh
Dù khi em xấu đi
Anh vẫn còn yêu mãi.*

Lời 2:

*Tình ta chung một lối
Đời ta chung một đường
Mặt trời chang chang nắng
Em như làm dịu đi
Bóng đôi mình quán quýt
Sợi dọc đan sợi ngang
Như sợi nan trong chiếu
Em trải cho anh ngồi.*

Lời 3:

*Em là chiếc nhẫn cỏ
Anh ấp ủ trong tay
Nhớ thương như nước chảy
Mơ ước thường không nguôi.
Lòng anh em có thấu
Nếu mẹ chẳng thuận tình
Nếu cha không đồng ý
Anh biết làm sao đây!*

Lời 4:

*Trăng đêm anh thao thức
Mơ màng hình bóng em
Nỗi buồn ai thấu hiểu
Tơ lòng làm sao ngăn
Nếu có liều thuốc tiên thần diệu
Làm lòng em phai nhớ anh
Làm tình em đổi thay như màu nắng
Thì muôn đời anh vẫn thủy chung.*

Sưu tầm và ghi âm: Lê Kim Thanh
Phỏng dịch: Rơmal Deh

Lời khấn lễ Pơ Thi¹

*Xin đừng gọi
Đừng lại gần
Đừng thương yêu con cháu nữa
Từ nay chúng tôi sẽ không còn mang cơm nước
Chúng tôi bỏ mả mà không chăm sóc mả nữa
Nếu muốn ăn cơm thì hỏi các vị sao
Nếu muốn ăn thịt gà thì hỏi thần mặt trăng
Nếu muốn ăn thịt cá thì xin hỏi các thần
cai quản trên trời
Một vị thần khác sẽ đến săn sóc
Một vị thần khác sẽ đến trông nom.*

Nguyễn Đỗ, Bùi Quang Vinh sưu tầm.
(Dân ca Jrai, Nhà xuất bản văn hóa
dân tộc, H, 1993)

¹ Lễ Pơ Thi: lễ bỏ mả, qua kì hạn nhất định (hai hoặc ba năm) ngôi mộ người thân nếu như trước đây được chăm sóc, cho ăn uống thì bây giờ là kết thúc, không còn được chăm sóc nữa.

2. Dân tộc Bahnar

Lời khẩn

*"Zàng to lớn nghe ngó con người
Dừng lửa, đừng nổi trong nhà này
Tôi khẩn xin con người
Sinh ra sống đều đầu bạc.*

*... Cho khoẻ, tránh đậu mùa, dịch tả
Làm của nhiều, để người tốt
Đói có ăn
Nuôi lợn nhiều như muỗi, nuôi gà đông như kiến".*

(Lời khẩn trong lễ)

Con trai ngày xưa

*Con trai ngày xưa
Bụng dạ vui vẻ
Con trai ngày xưa
Bụng chứa chuyện vui...*

*Này hỡi bạn ơi!
Ngồi nghe ta kể
Ta là con khỉ
Thì ta được rầy;
Ta là con beo*

Thì ta được cây;
Ta là con rắn
Thì được ăn mối;
Ta là cây gỗ
Ta sẽ dựng nhà;
Ta là con hổ
Sẽ ở bên sông;
Ta là ông thần
Sẽ nằm nhà rông;
Ta là con kiến
Sẽ leo lên cây;
Ta là chim sáo
Sẽ chao đôi cánh
Bay nhanh hái trái
Dù trái không ngon
Ta còn ăn được;
Là con heo cỏ
Thì ta ở bụi;
Là con chim phượng
Ta lượn chồi thóc;
Là chim trắc tra
Ta để khắp nơi...;
Ta là con dao
Bao kẻ thích mài;
Ta là chiếc bẫy
Ai cũng thích đặt;
Ta là con rựa
Kẻ kẻ ưa mang;
Ta vàng quả ổi

*Người người muốn hái;
Ta là trái ớt
Kẻ kẻ đòi ăn;
Ta là con cá
Người người ham bắt;
Là gổ đặt ngang sông
Kẻ kẻ mong đi;
Là đây chiếc chiếu
Người người yêu nằm
Là rau, nên búp măng vàng
Là chim, nên con én trống*

*Lòng dạ vui vẻ
Con trẻ ngày xưa
Bụng thừa chuyện kể...*

(Võ Quang Nhơn sưu tầm và dịch.
Dân ca Tây Nguyên - Nhà xuất bản Văn hoá, 1986)

Gọi chim

- 1. Hát lên! Hỡi chim bơ lãng!
Ta đây đi võ rừng hoang
Mong sao vững vàng, mạnh khỏe!
Chim hót bên trái
Chim kêu bên phải
Cho ta biết trước
Tránh được ốm đau
Chim hãy hót đằng sau
Chim hãy kêu trước mặt.*

2. "Hỡi Zang mẹ, bố, bà, ông;
Chúng tôi muốn khẩn Cham đây
Các người cũng đi ăn gan lợn, gan dê
Chúng tôi muốn dựng làng nơi đây, đất mới.
Tránh mọi tai họa, muôn vật và người được tốt
Các người ăn gan, tiết lợn đây rồi
Chúng tôi muốn khẩn như thế.
3. "A! Tôi muốn thúp (cúng) lợn, dê
Bay về nếm dê, lợn, gà
Đừng gieo chết, ốm
Đừng gieo sốt, nóng, rét
Hãy bảo cho khỏi, lành, lên mát
Tôi muốn thúp lợn gà cửi nợ cho cả làng
Zang Sơđơ lấy lợn gà rồi đây nhá!
Xin bằng lòng cho".

Bơ đơk kơ đi

Ông bà Xơgor ngày xưa
Một đốt, một cành
Cành cây một gốc
Tàu lá một cọng
Ăn cơm một mâm
Uống nước một bầu.

Ngủ trưa mơ mơ
Ngủ chiều nhớ nhớ
Thỏ thẻ còn truyền
Nối tiếp câu chuyện...

Đạp trúc chưa xong
Đạp lồ ó chưa quen¹
Đạp môn chưa héo
Đạp cong chưa vừa²
Xếp chưa được chuyện
Lũ tôi còn trẻ
Con chuột, con dế
Rốn còn chưa đứt
Thóp còn chưa cứng
Cuộc mơng chưa nên
Hái chuyện chưa đến.

Tim bác, con cọp chúa
Tim chú, ba ba tổ
Ngực rộng bằng khiên³
Mình liền ba sải
Đầu dài ba đạp⁴
Giọng nói sấm vang
Sức mạnh sét đánh
Núi cũng rung rinh
Lá xanh cũng rụng
Lá vàng cũng rơi
Trái đất cũng rã!

¹ Lồ ô: một loại nứa trên rừng Tây Nguyên.

² Cong: chiếc vòng bằng đồng hoặc bằng thau, vật trang sức và trao duyên của các chàng trai, cô gái Tây Nguyên.

³ Khiên: vũ khí che mình bằng gỗ, bằng mây đan của các chàng trai Tây Nguyên khi ra trận.

⁴ Đạp: cây có nhiều gai, đồng bào Tây Nguyên thường dùng để suốt cá dưới suối, sông.

*Đừng cắt trái đu đủ mè làm rửa
Đừng chặt cây pơm cửa người ta đau¹
Tôi đây, người trong sạch
Xanh trong, trong suốt
Thẳng tuột đẹp xinh
Minh tôi ghét không thắm²
Mỡ trơn không bám
Sương ướt không đeo
Ruồi nhặng không lượn!*

(Tro Phúc hát, Võ Quang Nhơn sưu tầm
và dịch, *Dân ca Tây Nguyên*, Nhà xuất bản
Văn hóa, H. 1986, in lần 2)

Lời Somăh trong Et Tơ Prôi:

*"Sinh ra sông đến bạc đầu
Dừng lửa, dừng nôi nhà này đây
Cho khoẻ, tránh đau mùa, dịch tả
Làm của được nhiều, để người được tốt
Dựng cả lúa gạo, đôi có ăn
Được ăn lúa Phu, lúa Phong, hạt sây như mối
Nuôi lợn đông như mối, nuôi gà đông như kiến".*

Lời khấn trong lễ

*"Muốn cho đôi trẻ chúng nó
Tốt đẹp, thẳng mọi việc*

¹ Pơm: cây có nhiều gai, bà con Tây Nguyên thường dùng để suốt cá dưới suối, sông.

² Ghét: cáu bẩn.

Bền chặt với nhau, sự gắn bó được giữ gìn
Cho đến già, tóc bạc, lụ khụ, lom khom
Mai một chúng nó đẻ con như trái đu đủ
Chỉ chút như trái sung
Làm của cải ra nhiều, để người, người tốt
Nuôi lợn nhiều như mối
Nuôi gà đông như kiến
Trồng chuối, mía, đậu rán(?)
Càng ngày càng cao"

Lời Somăh trong Grong Kơ Pô

"Hãy dậy đi hồi thần Đăm Đoa
Từ nơi Hàm Rồng nóng bỏng
Xông cho trái tim sôi lên đầy dũng khí
Hun lên cho con người đầy dũng cảm
Như tiếng hổ gầm trong bãi tranh
Tiếng con beo gầm trong bụi rậm
Như sấm chớp
Như sét đánh".

III. MỘT SỐ DÂN CA CHĂM

Văn học dân gian Chăm nói chung và dân ca Chăm nói riêng rất đa dạng, phong phú, nhiều làn điệu: Hò, Hát, Đồng dao, Câu đố, Nói thơ, Hát vãi chài và một số bài hát phục vụ các lễ hội tôn giáo. Ở đây chúng tôi chỉ có thể giới thiệu một vài làn điệu¹.

1. Hò đối đáp

Vào những đêm trăng sáng trên cánh đồng rộng hoặc ở ven bờ sông, ven bãi cát bên sông mùa nước cạn, một giọng hò cất lên:

- *Anh ngồi bờ ruộng xót xa*
Tới đây, em trái vạt áo ra anh ngồi.

Tiếp đó, có giọng đáp ngay lại:

- *Vạt áo em bốn thước năm phân*
Em trái xuống phụ mẫu thân anh ngồi.

¹ Tài liệu này trích từ "Bắc Bình - Truyền thống văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể" và cuốn "Văn học dân gian Chăm" ở đây chúng tôi chỉ ghi lại phần dịch ra tiếng Việt tác giả Inrasara (Nhà xuất bản Văn hóa dân tộc, 1995). Chúng tôi chưa biết cụ thể địa chỉ của tác giả, nên chưa xin phép được. Rất mong được thông cảm và lượng thứ.

Hoặc:

- *Anh về bán ruộng cây da*
Bán cặp trâu già mới cưới được em.

Đáp lại:

- *Anh về bán cái trâu rang*
Bán đôi đũa bếp cưới nàng còn dư.

Hoặc giữa cuộc sống miền quê yên ả, đôi trai gái không buồn mơ về sự giàu sang ngoài những mái nhà tranh do bàn tay mình xây dựng với tình cảm vợ chồng thủy chung sâu sắc:

- *Nhà anh lợp những mo nan*
Nói dối với nàng nhà ngói năm căn.

Đáp rằng:

- *Nhà ngói năm căn để cho anh ở*
Em trở lộn về ở đỡ nhà tranh.

2. Hò Hộ - Điệu hò sông Lũy

Trước đây sông Lũy hiền hòa, thơ mộng là con đường giao thông huyết mạch của Phủ Hòa Đa, nối liền vùng nông thôn - lâm nghiệp với cửa biển Phan Rí. Sông lượn lờ qua phần lớn các xóm thôn, làng nghề, các vườn dâu, bãi mía... Những lúc triều cường, dòng sông mênh mang dưới ánh trăng vàng vạc. Trên những chiếc ghe gọ (?) văng vẳng vang lên những giọng hò chào mời những nam thanh, nữ tú đối đáp, giao duyên.

Một giọng hò cất lên:

- *Hột vịt lộn với hột gà (trứng vịt, trứng gà)*
Thấy em má phấn anh đà muốn hun (hôn)

Tức thì có tiếng nữ đáp lại liền:

- Muốn hun về nói với mẹ cha
Mâm trầu hũ rượu (đưa) đến nhà em cho hun

Nhưng cũng có lúc đàng gái thách thức cao kỳ:

- Hò hố Ô.... Ô....
Con quạ đậu trên cây đu đủ
Hò ơ... Con gà trống tía gáy đám bí đao
... Ối anh ơi ... (anh) làm sao (cho) biển hẹp thành ao...
bắc cầu chiếc đũa em sẽ trao ân tình.

Hay có pha gay cấn hơn lắc léo để thách thức tài ứng đáp của đàn trai, phía nữ ra điều kiện:

- Hò ơ... Anh về tìm vảy cá trê vàng...
Tìm gan (con) kiến diện... tới đây em sẽ theo
chàng về không...

Trời! Làm sao có thể tìm được thứ này? Nhưng phía nam không chịu thua, đã đáp lại:

- Hò ơ... Em ơi, em về đánh con kiến diện (cho nó) la làng... cầm gan con kiến diện (đến đây), anh chỉ vảy cá trê vàng em coi!

Có lúc, để trả lời các bạn ghe, các cô đã đáp lại bằng lối hát "Toong loong lơi" - dân ca Châm:

- Anh đi... em muốn (nhu lại mà) đi theo...
Sợ sông... lớn sóng (nhu lại) sợ chèo ngã nghiêng.

3. Hát về thế sự và thế thái nhân tình

- Thế nhân luôn cúi người giàu
Bạc tiền làm mờ mắt mày
Thuở cơ hàn chẳng thấy ai
Lắm tiền người đến viếng hoài không ngại.

- *Rừng nhiều thú bởi rừng dày
Nước sông lắm cá bởi đầy rong rêu.*
- *Bỏ đi, cây cây vào cành
Như bỏ họ hàng đón kẻ lạ xa
Bỏ họ hàng, dựa người ta
Bước ra khỏi nhà, kẻ trách người chê.*
- *Nhịn điều dữ, cầu điều lành
Nhịn hái nơi giàn (chao) dây bí bò lâu.*
- *Nước lớn thì xe đi thuyền
Đến khi nước rút, thì thuyền đi xe.*
- *Khốn nghèo bởi miệng thế gian
Lừa mình bố thí rằng cầu phúc dành đời sau.*
- *Đàn bà xấu tựa ma lem
Có chồng ngồi bên sáng hơn vàng mười.*
- *Đàn bà đẹp đáng như tiên
Không chồng ngồi bên cũng như con cú.*
- *Trồng cây thì ngắt khuôn rào
Nhà nhiều con gái, cơm nào ra cơm
Dựng rào hãy ngó xóm thôn
Xét xem dòng giống nếu mong có vợ hiền.*

- Mong ăn thì hái rau rừng
Rau bờ rào hãy để dành ăn sau.
- Có ai gây tội cho mình
Tâm mình sinh sự, thân mình phải mang.
- Căn nhà sáng bởi có đèn
Tránh điều dữ bởi có tim chân thành.
- Sân sạch bởi có chổi quét
Mưa rơi như trút, sân không nhuộm lầy.
- Trắng xinh mà ngủ dưới chân
Ngâm đem lại được xê chung gói chồng.
- Trâu hoang ta cắt bỏ vòng
Trâu đi đến tận Thăng Long trâu về
Trâu hoang ta cắt bỏ dây
Trâu ra Thanh Hóa, trâu quay về chuồng
Trâu hoang ta chẳng dẫn đàn
Trâu băng hải đảo, trâu an toàn về.
- Đừng mê kẻ chợ quá nhiều
Mê người kẻ chợ lắm điều tình ma
Đừng ham kẻ chợ nửa nha
Ham người kẻ chợ tiêu ma một đời.
- Bắc thang lên hỏi ông trời
Trời nào đã đẻ ra đời thân con

*Người ta như hạt thóc tròn
Con như lúa lép còn mong nổi gì.*

- *Cây nhờ chú bác quen thân
Bà con láng giềng (xem) như thể anh em.*
- *Nắm tay cô xay đẩy tới kéo lui
Nhớ nhé bà sui, bao ngày cơ cực
Ai mà khổ hơn em
Ăn trái rừng đỡ đói, liếm sương đêm qua ngày.*
- *Đói ta đi kiếm củ năn
Rừng núi mịt mù cho đói con ta.*

4. Hát về tình yêu lứa đôi

- *Chó sủa đêm tìm đuôi
Dáng anh lăm lũi theo bóng hàng rào
Về đi cho em dẫn vào
Theo bóng hàng rào, khăn quàng rộng em che.*
- *Về đi, em cho đui gối
Hai tay em ấp, em xúc dầu thơm
Tóc anh bù rối như rơm
Tay em chải chuốt mượt hơn lượt là.*
- *Thương cha, thương mẹ vừa thôi
Thương anh như muốn đứt đôi lá lòng.*
- *Núi cao hơi thú rợn người
Rừng sâu chẳng ngại tối trời nào e*

*Thân em giờ đã ê chề
Đòn roi oan nghiệt đã chia tình này
Đi cho cọp xé voi dầy
Suối vàng mong được cả hai cùng về.*

*- Như hoa hàm tiếu còn xanh
Bày ra cho chim, chim không thềm mỗ
Và khi hoa đã nở rộ
Lòng chim muốn mỗ giấu cũng không xong.*

*- Khi yêu đương mẩn mê hồn
Đánh không đau đòn, chửi không biết hèn.*

*- Người cho rằng anh đen sì
Thì có hề chi, nhìn cũng vừa mắt
Người cho là anh đen hắc
Em rằng vàng bạc của cải cha ông
Đen này đích thị đen giòn
Khác đâu gấm vóc, kẻ mong, người cầu.*

*- Quá yêu chẳng biết đi đâu
Anh ra đồng ruộng, dạ sầu không nguôi
Quá yêu chẳng nói nên lời
Hết đứng lại ngồi, than thở cùng ai.*

*- Xin mẹ cho đi bắt yêu¹
Đi đuổi bồ câu ăn lúa ngoài đồng*

¹ Yêu: bắt cá với cái rổ.

*Xin mẹ, mẹ cho đi xay
Giê lúa ngoài đồng, mong bóng anh qua.*

- *Mưa đen, em xoè váy bọc
E cho người tình phải giọt mưa rơi
Mưa, em gạt với nón cời
Kẻo mưa giọt lạnh bay rơi trúng chàng.*

- *Ai về từ phía kia xa
Dáng đi như dáng người mà tôi thương
Thương từ bé tới lớn khôn
Rồi em lại đến với vòng tay ai
Thương từ em còn nằm ngửa tới tóc xoã vai
Em vào tay ai rồi, ời hời, cả một trời oan khiên.*

- *Thân anh như trái mướp rừng
Bay tung trong gió biết dừng nơi nao.*

- *Chăm - Bani đâu xa
Cùng màu da, cùng dòng máu
Chăm - Bani đâu khó
Chung nước lợ, chung hạt cát lồi
Chăm lầy Bani được thôi
Ai rằng không được, tội người ấy mang.*

- *Yêu nhau chẳng kể về bày
Lòng ta chớm nở tình này mà thôi
Yêu, em mong được chung đôi
Tình sao xa cách mãi cho đời thêm đau*

*Yêu thương ai hiểu cho nhau
Khổ tâm ta với mối sầu tương tri
Yêu anh biết mấy cho vừa
Lênh đênh biển sóng em như cánh bướm
Ăn rau đắng, nón nổi lòng
Gió xô sum họp, chỉ còn mang ơn trời.*

*Bấm con chim trên cành
Chim đi chiến đấu bỏ cành lạnh hoang
Bụng ta đói, ai thấu chăng
Bèo dưới sóng mới hiểu tâm tình này
Núi cao rừng lá phủ dày
Ngoảnh nhìn đêm thấy cảnh cây hôm nào.*

*- Điềm lành ta nhận cứu mang
Bao nhiêu vun xới mới đâm cành trở bông
Không nở hái, sợ úa tàn
Không đành ngắt, ngại điêu tan giống loài
Bỏ công chăm bón tháng ngày
Cho ta chiêm ngưỡng một đời cho người.*

5. Hát về ngày cưới

*** Khuyên chàng rể:**

*- Trồng cây thì ngó khuôn rào
Sống với nhạc gia, hãy nhìn vào hàng xóm.*

*- Còn trẻ mà không biết lo
Đến già ôm cầm mà khoẻ.*

- *Thà chết nơi biển rộng, sông sâu
Ai đâu lại chết nơi vũng trâu đầu làng.*

*** Khuyên người vợ:**

- *Chồng nói, vợ phải nghe,
Nếu không đồng ý thì bàn lại sau.*
- *Chồng lớn tiếng, vợ đừng cãi lại
Vợ lớn mồm, lòng sẽ lạt đi.*
- *Chồng ăn cơm, vợ đuổi ruồi
Vợ nhìn môi chồng ăn ngon.*
- *Chồng đang ngủ, chân đi nhè nhẹ
Nếu động mạnh sàn, bồ lúa cũng bay.*
- *Rối tơ em còn gỡ được
Rối bụng chàng em biết gỡ sao đây.*
- *Cây cau lá mỏng mỏng mong
Anh ở hai lòng, em đừng đừng đừng*
- *Vợ khôn làm nở mặt chồng
Vợ càng khéo ở chồng càng thương yêu.*
- *Trông lên đỉnh núi ngậm ngùi
Nhớ nhung những muốn ra người cuồng điên
Thương anh trong dạ muôn phần
Thân đã gãy rạc như hình xác ve*

Người yêu nhau mới được an bề
Mình như cua bột đã què càng đôi
Người yêu nhau mới được nên đôi
Mình sao như kẻ lạ phải cậy người gọi tên
Tình đâu mãi lợi nước triều miên
Biết bao giờ đến bến cho được vịn vào bờ
Vịn vào trời thì trời ở quá xa
Vịn vào hàng xóm thì hàng xóm lại chia xa tình này.

6. Đồng dao

* Pok juang¹

Cong - thắng
Bắn bông
Cơm ăn
Nước uống
Tum xe tròn²
Hết quang trăng
Cá dưới sông
Cọp trong rừng
Thỏ trong hang
Yang trên tháp
Ta cùng hát
Rời đi ngời.

¹ Pok jaung: một trò chơi dân gian Chăm, có trẻ em và người lớn cùng tham dự. Người lớn đặt trẻ con ngồi lên hai mu bàn chân trong tư thế nằm ngửa, cử động đầu gối nâng lên hạ xuống và cùng hát.

² Tum xe: dùm xe như dùm xe đạp, honda; xe, đây là xe trâu, bò.

*** Japlwai lội nước¹**

*Con chồn lội bầy
Năm lầy cẳng
Quảng vào cột
Ông Đơm Sơn²
Đứng trước mặt mẹ Japlwai.*

*** Bluk bluk blu blu**

*Gà chú một đôi
Bò câu một chuông
Phát rừng làm rẫy
Rẫy chú trồng đậu
Đậu chú xanh xanh
Cà chú lớp lớp
Chú ăn no bụng.*

*** Kwik - Kwak**

*Kwik leo cồng
Tao chui rào
Kwik có cồng
Tao có nhẫn
Kwik có gạo
Tao có tiền
Kwik có chồn
Tao có thỏ
Kwik mở quán
Tao làm dưa*

¹ Japlwai: tên riêng. Ja đặt trước tên con trai cũng như Mu đặt trước tên con gái.

² Đơm Sơn: tên nhân vật truyền thuyết Chăm như Dam San của đồng bào Tây Nguyên

*Kwik dư thừa
Tao cũng đủ
Nhà kwik, kwik ngủ
Nhà tao, tao ngồi.*

*** Jalaw Jalai**

*Cha mây về
Đắp đập khai nương
Con chim hiak¹
Con chim nhông
Với trái mần tâng²
Đường đi kinh thành
Leo núi Kraung Dung
Bọc trái nhãn
Bọc trái cây rừng
Xứ Nha Trang
Trồng mía đường.
Có ai thương
Cho anh một đút
Ăn đỡ khát
Ném trái tam khaik
Rớt trái tambor
Thằng Jabok
Trâu ăn cỏ
Bảo rằng ăn lúa
Đi theo mẹ
Đòi lách kinh đô.*

¹ Chim chiak: tên một loại chim

² Trái mần tâng: loại trái ăn được.

<i>Cò ơi, sao mày ốm nhom?</i>	- <i>Do tôm không nổi</i>
<i>Tôm ơi, sao mày không nổi?</i>	- <i>Bởi cỏ quá nhiều</i>
<i>Cỏ ơi, sao lại mọc nhiều?</i>	- <i>Trâu chẳng chịu ăn</i>
<i>Trâu ơi, sao chẳng chịu ăn?</i>	- <i>Thằng Cọc không mở</i>
<i>Cọc ơi, sao mày không mở?</i>	- <i>Thằng Sắt không chặn</i>
<i>Sắt ơi, sao mày không chặn?</i>	- <i>Bởi đau bụng</i>
<i>Bụng ơi, sao lại kêu đau?</i>	- <i>Do cơm sống</i>
<i>Cơm ơi, sao mi lại sống?</i>	- <i>Bởi củi mục</i>
<i>Củi ơi, sao mi ươn mục?</i>	- <i>Mưa phùn dầm dề</i>
<i>Mưa nhé, sao mãi dầm dề?</i>	- <i>Lũ nhái kêu la</i>
<i>Nhái ơi, sao bay kêu la?</i>	- <i>Bởi trời sinh ta ra vậy.</i>

Chim bói cá
 Ăn cá lòng tong
 Chim đi sông
 Chim đuổi cá
 Vô nhà táng¹
 Lìa tổ lìa cành
 Nhớ chờ anh
 E lủ ó
 Thộp cổ mang đi
 Trên cánh đồng
 Chim qua lại
 Méo mỏ chim
 Đường nước chảy
 Vào ruộng cấy
 Lúa trở bông.

¹ Nhà táng: nhà đốt thi hài trong ngày đám tang của người Chăm Balamôn.

Ông chủ
Bắt Kathong chẵn trâu¹
Bắt Charao mang cơm²
Bắt Tê gánh nước
Bắt ba ba mang lửa
Tìm ống hút thuốc.

Nếu có giận thì:
Chẳng hết thở trong rừng
Chẳng hết ong trong ổ
Chẳng hết người Kinh ngoài chợ
Chẳng hết quạ trên tổ
Chẳng hết chuột trong hang
Chẳng hết yang trên tháp
Chẳng hết bọ dưới đất.

7. Câu đố

- Em đố này... có giải được không?
- Không ai kêu mà sáng?
(Mặt trăng hoặc Mặt trời)
- Phía dưới chẳng ai chống, bên trên chẳng ai treo?
(Mặt trăng hoặc Mặt trời)
- Đặt trên đùi thì khóc, để xuống đất lại nín?
(Cái trống)
- Một cái cột, một tấm tranh làm thành nhà?
(Cây nấm)

¹ Kathong: một loài thú rừng.

² Charao: chim chơ rao.

- Không bào mà nhấ

(Cây chuối)

- Mưa dầm không đầy, nắng hạn không khô

(Biển)

- Ăn xong xuống tắm

(Cái chén ăn cơm)

- Láy của người giàu chia cho người nghèo

(Nhỏ và cái mạ)

- Con đi, mẹ đừng nhìn

(Viên sỏi và cái ná)

- Mình nằm nó lại đứng, mình đứng nó lại nằm?

(Bàn chân)

- Một ngọn núi, bảy ngã đường

(Đầu con người)

- Con gì sông dưới sông... mà xoi tái con trâu?

(Con dĩa)

- Lơ lửng trên cao... mà bên trong đầy nước?

(Trái dừa)

- Chị xuân đi chợ mùa hè

Mua cá thu về, chợ hã còn đông

(Bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông)

- Ai đem chú ỉ sang sông

Để cho chú ỉ, ỉ giống khoai lang

(Con heo)

- Chè gì không ngán, chỉ ngán chè ghim

(Chìm ghe - nói lái)

- *Bằng ngón tay nắm ngay bàn Phật*

Tụng kinh rồi búng cánh bay xa

(Bánh cúng - nói lái)

- *Chợ trong không bán, bán tránh chợ ngoài*

(Bánh trắng - nói lái)

- *Đầu giống cây duối*

Cuối giống cây đa

Da ta chà, chà chà duối?

(Chà duối - chuối già nói lái)

Bằng hữu kim kì phú

"Bằng hữu kim kì phú" do Nguyễn Đôn Phúc (quê làng Phương Danh, phủ An Nhơn, tỉnh Bình Định, đỗ cử nhân khoa Quý Dậu, năm Tự Đức thứ 26 - năm 1873) sáng tác.

Đây là dạng tác phẩm có tên tác giả, nhưng chúng tôi chọn đưa vào sách này vì mấy lẽ sau:

Tác giả là một trí thức nhà nho được thấm đượm tinh thần tư tưởng Nho giáo. Tuy vậy tác giả đã tài tình sử dụng một kho ngôn ngữ dân gian (tục ngữ, thành ngữ, phương ngôn) đem sắp xếp lại, hệ thống lại một cách công phu, có vần điệu, có đối trong bố cục của một bài phú để diễn đạt nội dung hết sức phong phú, đề cập đến hầu hết các khía cạnh nhân sinh từ tình yêu, tình cảm gia đình, tình bè bạn đến tình yêu quê hương đất nước, từ cách đối nhân xử thế đến những quan niệm về vũ trụ, về cái thiện, cái ác, về cái cao thượng, và cái thấp hèn của người đời. Đây đó vẫn nghe một số người hát.

Vì tác phẩm này đã ra đời hơn một trăm năm nay nên qua thời gian, qua việc lưu truyền (cả bằng miệng và văn bản - chữ nôm nữa), chắc chắn không tránh

khỏi tình trạng "tam sao thất bản". Vậy có gì sai sót, xin quý độc giả lượng thứ và xin được chỉ bảo để có một bản văn hoàn chỉnh, chính xác!

*Người trong trời đất,
Học đôi thánh hiền
Sang hèn đã có mấy thiên,
Thương ghét mặc dầu tình thế...*

- *Cha nói ngang, quan nói hiếp, hiếp - ngang
phận phải chịu mòn; Cú rằng có, vạ rằng không,
không - có đôi mỗ đôi chổi.*

- *Đất đã đắp, đắp cho nên núi, chín chày phải gắng
công lao;*

*Đường dầu đi, đi dốc tới nơi, ngàn dặm chỉ nài lao
khổ.*

- *Tuy gần mực thì đen, gần đèn thì tỏ; song có
thân phải dốc, có vóc phải toan.*

- *Đừng quen người gây mưa vườn hoang, mà học kẻ
trống qua nhà sấm.*

- *Tài trí xem còn thấy chậm, hát xay lúa, múa lại tắt
đèn; phận duyên gậm hời biết hèn, khóc hổ người cười
ra nước mắt.*

- *Song mà khi này còn khi khác, mía sâu có đốt,
nhà dệt có nơi; muốn cho dòng dỏ tỏ lòng đây, chuông
đánh mới kêu, đèn khêu mới sáng.*

- *Mưa chớ đem lòng đen bạc, khá tua giữ dạ sắt đĩnh.*

- *Một con sâu khuấy rầu nổi canh, lắm lỗ đò đà
thấy vậy.*

- *Ba mươi cái răng đóng trắng cái lưỡi, hèn gì này
phải lo âu*

- Miễn là mất lòng trước mà được lòng sau; khi một miệng kín mà chín miệng hở

- Cũng mong hiệp một nhà Tần Sở, thần cây đa, đa cây thần; Để muốn phân hai ngã Sâm Thương, Phật giả ni, ni giả Phật.

- Khôn thì sống, mống thì chết, lời kia tục những thường rằng: Đầu trở xuống, cuống trở lên, lẽ ấy ai mà chẳng thấu.

- Thương nên tốt, ghét nên xấu, lành đồn gần, dữ lại đồn xa.

- Gấm cũng phùng con ông cháu cha; phải chi nhà thuyền mượn lái mượn.

- Người hiền xem tướng, rậm mày thì ắt cả lông; đầy tớ kẻ công, cao ngày lại thêm dày kén.

- Khó nhìn lời, coi nhìn lễ, chẳng nói - nói thì thương; giàu đối bạn, sang đối hầu, không phô - phô hoá ghét.

- Đời còn biết so hơn tính thiệt, đây bao nài kể việc xưa sau.

- Đừng lo mụ vãi trọc đầu, chó sợ con mèo khát nước.

- Trách là trách cừu giành ô thước, hiềm vì hiềm gọi bạ nhành dâu¹.

- Lươn đã cả kiếp lấm đầu, gà lại một nhà bôi mặt.

- Vì con heo phải đeo khúc chuối, công phu đã chẳng so đo; liễu nắm cải vãi vườn dâu, ngày khắc hoạ nên cây trái.

- Nghĩ nào sợ chết thiêu cháy dái, hơi đâu lo làm dĩ thủng đồ.

¹ Cừu là một loại chim cu - gửi là cây chùm gửi.

- Thà khi đẩy tớ người khôn, hơn lúc quân sư dũa đại.

- Bụng làm dạ chịu, có gian thì có ngoan; mũi đại lái mang, làm lớn ai cho làm lão.

- Bến trong thì nhờ, bến nhờ thì chịu, nói xuôi cũng được, nói ngược cũng xong.

- Ăn cơm mới nói chuyện cũ, kẻ thiếu việc người lại dư công.

- Vì muốn cho bán thịt mua lòng, để tránh lúc đau chân há miệng.

- Kiến ăn cá, cá rồi ăn kiến, mưa đừng ỷ thế ỷ thân, rồng lộn rắn, rắn lại lộn rồng, khuyên chớ rằng khôn rằng giỏi.

- Cháo nấu dầu lòng suy nghĩ, đồ cua thua thú đồ mè, cơm no lo việc đèo bông, giờ mẹo trôi qua giờ tỵ.

- Kìa cao lớn đã từng mấy nổi, khiến người thù để ba năm; nọ rộng dài ước có bao lăm, xui kẻ lời phò tám sải.

- Mười hai bến dạ dầu dốc trái, bao nài lái mũi một đôi; ba sáu nghề lòng nó muốn vui, phải gắng ngày ba, đêm bảy.

Song còn nghĩ:

- Rừng cao công gáy, em chị có ngàn; Đồng rộng gió luồn, vui buồn nhiều nổi.

- Một mặt hơn mười gói, nói là nói cho kêu; người sống bằng đồng vàng, vì chẳng có vì chỗ.

- Ai cho nói vãi thì lại nói vợ, hề muốn ăn phải lẫn vô bếp.

- Nơi sao ăn chẳng hết, nơi sao thết chẳng khắp.

- Nói với khôn không lại, nói với dại không cùng.
- Đừng hung hăng như trâu húc nhà thần; mà lật đật như ma trật đám quai.
- Suy đi nghĩ lại, cơm mắm thấm về lâu; nhắm trước nhắm sau, bến hiền thuyền đậu.
- Dạ giữ dạ mưa đừng sợ lậu, nhà có vách, ngạch có tai; lòng dạn lòng đâu dám đơn sai, ăn coi nổi, ngồi coi hượng.
- Chớ thấy của đời mơ tưởng, con trê cũng tiếc, con diếc cũng ham; đừng cho miệng thế thị phi, bánh sáp trao đi, bánh chì trao lại.
- Trách mấy kẻ nhiều lời phải trái, nước lã khuấy nên hồ; ghét thay người học thói hàm hồ, bát ngô xô chẳng chết.
- Bới lông tìm vết, thế gian lắm chuyện sâu cay; thiên hạ mấy người xơi lời?
- Đừng quen trục lợi, tham ván bán thuyền; phải nghĩ thân duyên, liệu cơm gắp mắm.
- Lịch sự đủ điều lịch sự, l... để lỗ đeo hoa; đàn bà ba thứ đàn bà, mặt đường nào ngao đường ấy.
- Tai nghe mắt thấy chớ như ốc nọ mượn hồn; ăn ham chắc, mặc ham bền, mưa học mưa trâu vẽ bóng.
- Vì nhiều sai và cửa chùa không ai đóng; thà ít thấy mà dầy lại dầy thêm.
- Dầu khoe cả vú lấp miệng em, cả hèm lấp miệng hũ; song cũng làm thầy đất ta, làm ma đất người.
- Trải qua, nhiều sự nực cười; găm lại nhiều đường thấm thiết.
- Cảm là cảm gà nuôi con vịt, chít chiu nào kẻ nâng niu;

*thương những thương cá bỏ giỏ cua, hiệp đáp nhiều bề
tủi hổ.*

*- Dễ chẳng muốn lời kia cặn kẽ, nóng sùng - sùng
phải nổ, đau gỗ - gỗ phải kêu; song chỉ bằng lẽ nọ êm
đêm, cơm mình ăn ngon, con mình dễ khiến.*

*- Hâu mong cả tiếng, làm dâu nhà cả thế; làm rẻ
nhà nhiều con; lại sự vô duyên, bằng lông quăng
chẳng đi, bằng chì quăng xa lắc.*

*- Rượu chẳng say, chè say quá mức, môn không ngựa,
ráy ngựa nổi gì?*

- Nói ra là sự vân vi: ấu sao tròn mà bồ hồn sao méo?

*- Thiệt vậy chớ phòng khi dễ, lành làm thúng mà
lũng cũng làm mé.*

- Bảy mươi chưa què, chớ khoe rằng trọn.

- Cầm dầu sao khỏi dính tay, trách cho những lẽ.

- Ba mươi đời dĩ bọm thì mắc điểm thấy.

- Rót nước phải toan chứa cặn, miễn dặng xiu tình.

*- Sao cho lèo lái phân minh, giỏ có quai, chài có
chóp, chớ để tôm cá, lộn xộn, quận vô tương hổ vô dầu.*

- Dám đâu cử cá hành câu, mà lại tham mùi chè gắp.

*- Nhiều ít cũng là ơn nghĩa, miếng khi đói bằng gói
khi no; thiệt hơn chớ khá so đo, một đời ta ba mươi
đời nó.*

*- Chớ ăn đằng sóng mà nói đằng gió, hễ một câu
nhịn là chín câu lành.*

*- Chẳng qua vì nghĩa vì tình, nào phải rằng vinh
rằng nhục.*

*- Đắng mà ruột thịt, chẳng chọc - chọc đau lòng; ngọt
cũng người dưng, dầu thương - thương giúp miếng.*

- Lẽ đời đổi nay sông mai biển, khiến quên nơi bến đò xưa; chốn nương nhờ cội cả bóng cao, xin đừng phụ nơi đây dạ cũ.

- Ăn chưa no, lo chưa tới, để đèo bông cúc nọ leo thang; học còn ít, chí còn hèn, dám mong môi voi kia dễ trúng.

- Miễn có đức không sức mà ăn; bằng chẳng biết lo, của kho cũng hết.

- Phận mình biết, ăn bằng hôm, lo bằng mai, duyên ai nấy nhờ, tấm khi nào vượt mặt khi ấy.

- Tuy mừng đặng cá sau gặp buổi chợ; phòng khi trâu trắng mất mùa.

- Biết đâu cao nắm mỏ, trao duyên gởi phận; ta cũng bắt bướm coi gió, cầm lái dôi sông.

- Dễ khoe khoang vợ cây thế chồng; cũng may mắn con nhờ đức mẹ.

- Liệu lời liệu lẽ, sao cho phải phải phân phân; dầu đặng dầu chẳng cũng mặc, không không có có.

- Bởi vì cơm chưa nên mùa tối ngày; chớ thấy ăn khoai vác mai chạy quấy.

- Sao cho có chí, sắt mài rồi cũng nên kim; chớ có lưu tâm, sành rán muốn cho ra mỡ.

- Dầu mà không mợ, thì chợ cũng đông; e khi có chồng như gông vào cổ.

- Đừng khinh đại ngộ, cha nó lú còn chú nó khôn, phải nghĩ nguồn cơn, mẹ tốt sữa nên con mới mập.

- Chớ dón dác cái cù cái đập, mà dựa hơi lũ cá lòng tong.

- Nhảy đồng vì bởi nước sông, có gió mới rung được mõ.

- Trách **đòn gánh**, nọ công trau rồi lại **dè vai**; sợ **lũ gà** kia vì **văng chủ** đã **toan bươi bếp**.

- Nói sao cho **hết tình đời** ai **dại ai khôn**, **kẻ thứ** mà **nghe lời thế tục**, **tục thanh thanh tục**.

- Ai **chưa nhắm mắt** về **cùng mười đất chín trời**, thì **phải cắn răng** với **năm cha ba mẹ...**

MỤC LỤC

- Lời đầu sách
- Lời cảm tạ

Phần I

Bài chòi - Một nghệ thuật dân gian đặc sắc

- I. Đánh bài chòi
 - 1. Bài chòi chiếu
 - 2. Từ chiếu lên sân và từ Nam ra Bắc
- II. Nội dung bài chòi
 - 1. Tính chất và nội dung
 - 2. Làn điệu Bài chòi và cách dùng
- III. Bài chòi từ sau cách mạng tháng Tám đến hòa bình
- IV. Bài chòi hôm nay

Phần II

Dân ca

A. Lý luận

Các loại hình nhận xét

Các loại dân ca

I. Vài nét về các loại hình dân ca miền xuôi, đồng bào Kinh

II. Một nhận xét về giá trị dân ca Liên khu 5

B. Tuyển chọn

I. Hò

II. Lý

- III. Về
- IV. Hát
- V. Sắc bùa
- VI. Chèo đưa linh
- VII. Một số câu có thể dùng trong nhiều lần điệu

Phụ lục

- I. Những câu hát kháng chiến chống giặc Pháp, giặc Mỹ
- II. Dân ca ở Tây Nguyên
- III. Một số dân ca Chăm

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Dân ca miền Nam Trung Bộ (Trần Việt Ngữ, Trương Đình Quang, Hoàng Chương, NXB Văn hóa, Viện Văn học, 1963).
2. Ca dao Nam Trung Bộ (Thạch Phương, Ngô Quang Hiến, NXB Khoa học xã hội, 1994)
3. Tục ngữ và dân ca Việt Nam (Vũ Ngọc Phan, NXB Văn Sử Địa, 1956)
4. Văn học dân gian (Chu Diên, Đinh Gia Khánh, NXB Đại học – Trung học chuyên nghiệp Hà Nội)
5. Dân ca Liên khu 5 (Trương Đình Quang, Trần Hữu Pháp, Trần Hồng).
6. Ca kịch Bài Chòi - Những vấn đề nghệ thuật (Hoàng Chương chủ nhiệm, Viện Sân khấu, 1993)
7. Sân khấu và Âm nhạc (Mịch Quang, NXB Sân khấu, 1995).
8. Văn học dân gian Nghĩa Bình (Đào Văn A, Cao Văn Chư, Sở Văn hóa Thông tin Nghĩa Bình, 1986)
9. Nguyễn Tường Nhẫn với công cuộc tạo dựng ngành kịch hát Bài Chòi, NXB Văn hóa dân tộc, 2003)
10. Văn học Chăm – Khái luận – Văn tuyển, Inrasara, NXB Văn hóa dân tộc, Hà Nội 1994)
11. Bắc Bình - Truyền thống văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể, Cơ quan Văn hóa Thông tin - Thể thao
12. Văn học dân gian Gia Lai, Sở Văn hóa Thông tin - Thể thao Gia Lai – Pleiku, 1996

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
*43 Lò Đức - Hà Nội * ĐT: (04) 8214754*

BÀI CHÒI VÀ DÂN CA

Liên khu 5

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI VIỆT BẮC

Chịu trách nhiệm bản thảo:

PHẠM NGỌC LUẬT

Biên tập: **PHAN THANH NHÀN**

Trình bày: **NGỌC HUYỀN**

Sửa bản in: **THANH NHÀN**

Bìa: **HUYỀN PHI HẢI**

In 1.000 cuốn khổ 14,5 x 20,5cm, tại Cty CP in Bến Tre
Giấy phép xuất bản số: 601-2006/CXB/31-92/VHTT
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2007



GS. HOÀNG CHUƠNG

Sinh năm 1936

Tổng Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu
bảo tồn và Phát huy Văn hóa dân tộc



Nhà giáo hưu trí NGUYỄN CÒ

Sinh năm 1926

Nhà nghiên cứu, sưu tầm Văn học
dân gian miền Nam Trung bộ



DN SÁCH THÀNH NGHĨA TP HỒ CHÍ MINH
NHÀ SÁCH NGUYỄN VĂN CỪ

288B An Dương Vương, Q.5, TP.HCM - ĐT: 8392516
Website: thanhnghia.vn



8 935077 021295

Giá: 79.000đ